

LƯU MINH PHÚC

**GIẤC MỘNG TRUNG HOA: TƯ DUY
NƯỚC LỚN VÀ TƯ THẾ CHIẾN LƯỢC
CỦA TRUNG QUỐC TRONG KỶ
NGUYÊN HẬU HOA KỲ**



**THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM
HÀ NỘI, 2010**

TÀI LIỆU THAM KHẢO ĐẶC BIỆT

GIẤC MỘNG TRUNG HOA

THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM

TÀI LIỆU THAM KHẢO ĐẶC BIỆT

GIẤC MỘNG TRUNG HOA

THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM

GIẤC MỘNG TRUNG HOA

**TƯ DUY NƯỚC LỚN VÀ TƯ THẾ CHIẾN LƯỢC
CỦA TRUNG QUỐC TRONG KỶ NGUYÊN HẬU HOA KỲ**

**Công ty xuất bản Hữu Nghị Trung Quốc
Bắc Kinh, 2010**

Chủ biên: Nguyễn Văn Lập

LỜI GIỚI THIỆU

“Giấc mộng Trung Hoa: Tư duy nước lớn và tư thế chiến lược của Trung Quốc trong kỷ nguyên hậu Hoa kỳ” là cuốn sách hiện đang thu hút sự chú ý mạnh mẽ của phương tiện truyền thông ở cả Trung Quốc lẫn phương Tây. Tác giả cuốn sách, Đại tá Lưu Minh Phúc, hiện là giảng viên Đại học Quốc phòng Bắc Kinh trực thuộc Quân Giải phóng Nhân dân - ông này nguyên là giám đốc Viện Nghiên cứu Xây dựng Quân đội, cơ quan chuyên nghiên cứu và giảng dạy về các vấn đề hiện đại hóa và phát triển lực lượng, cũng thuộc trường đại học nói trên.

Đây là cuốn mới nhất trong một loạt cuốn sách được xuất bản ở Trung Quốc trong thời gian gần đây tiên đoán việc Trung Quốc sẽ xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Mỹ sau cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu như thế nào. Do tác giả là sĩ quan quân đội nên có thể dễ dàng nhận thấy những quan điểm của ông này phản ánh khá rõ những tham vọng của quân đội hay thậm chí của chính các nhà lãnh đạo Trung Quốc. Tuy nhiên, cuốn ***Giấc mộng Trung Hoa*** được rộng rãi đánh giá có sức hấp dẫn không phải ở những khuyến nghị mà nó đưa ra đối với các chính sách đối ngoại và quốc phòng của nước này, mà là ở chỗ cuốn sách đã nêu lên những luận điểm theo đường lối dân tộc chủ nghĩa trong các cuộc tranh luận đang diễn ra xung quanh nền chính trị nội bộ của đất nước Trung Hoa. Cuốn sách chứa đựng nhiều nội dung rất đáng quan tâm cho việc nghiên cứu trạng thái tâm lý cực đoan đang thịnh hành ở nước này liên quan đến cái gọi là tính ưu việt về chủng tộc của Trung Quốc, chủ nghĩa quân phiệt, và trường phái lý luận coi ý chí chính trị đóng vai trò quyết định tối hậu ở nước này.

Cuốn sách ra mắt đã gây ra rất nhiều phản ứng trái chiều trên phương tiện truyền thông và giữa các nhà quan sát về Trung Quốc, từ ủng hộ, thuần túy mô tả quan điểm, nhận định, đánh giá riêng, tới không nhất trí hoặc thậm chí hoàn toàn bác bỏ. Riêng báo chí phương Tây đã mô tả cuốn sách này là một lời thách thức thẳng thừng đối với Mỹ, được thể hiện rõ nét qua việc tác giả thúc giục Trung Quốc “chạy hết sức” để trở thành “quốc gia số một” hay “cường quốc chi phối” thế giới.

Cuốn sách ra đời vào thời điểm khi các học giả và chuyên gia của nước CHND Trung Hoa đang tranh luận quyết liệt với nhau về việc liệu đã diễn ra chưa những thay đổi căn bản trong cán cân quyền lực toàn cầu là điều giúp củng cố vị trí và tư thế tương đối của Trung Quốc so với Mỹ, và liệu có nên xem xét những cách thức theo đó Trung Quốc điều chỉnh những chính sách của mình trước những thay đổi về quyền lực tương đối này. Nhận định cho rằng Trung Quốc đã chống chọi với các cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu thành công hơn nhiều so với Mỹ và các cường quốc khác đang góp phần củng cố tâm lý chung cho rằng Trung Quốc giờ đây không cần phải quan tâm đến dư luận nước ngoài hay đến những lợi ích của Mỹ nữa, đặc biệt là về những vấn đề đụng chạm đến “những lợi ích cốt lõi” của Trung Quốc - đáng chú ý nhất là vấn đề liên quan đến chủ quyền quốc gia của nước này.

Cuốn sách được viết ra cho đông đảo độc giả và do một cơ quan báo chí thương mại của Trung Quốc, chứ không phải là một đơn vị trực thuộc quân đội, phát hành và do vậy nó không đại diện cho những quan điểm chính thức của chính phủ Trung Quốc hay Quân Giải phóng. Tuy nhiên, cuốn sách có thể được coi là một tiếng nói và một quan điểm tương đối cực đoan trong cuộc tranh luận đang

diễn ra ở đất nước Trung Hoa xung quanh tư thế chiến lược và quân sự của nước này.

Thông tấn xã Việt Nam xin trân trọng giới thiệu bạn đọc tập tài liệu tham khảo ***“Giấc mộng Trung Hoa: Tư duy nước lớn và tư thế chiến lược của Trung Quốc trong kỷ nguyên hậu Hoa kỳ”*** với hy vọng giúp bạn đọc có được cái nhìn sâu hơn về một chủ đề được nhiều người quan tâm này.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1. ĐỨNG ĐẦU THẾ GIỚI: GIẤC MƠ TRĂM NĂM CỦA TRUNG QUỐC

1. Tôn Trung Sơn: Trung Quốc phải là quốc gia đứng đầu thế giới
2. Mao Trạch Đông: “Đại nhảy vọt”- vượt Anh, đuổi kịp Mỹ
3. Đặng Tiểu Bình: Trí tuệ lớn “giấu mình chờ thời”
4. Thế giới dự đoán về Trung Quốc
5. Cường quốc số một: Người Trung Quốc chuẩn bị tốt chưa

CHƯƠNG 2. ĐỐI ĐẦU THẾ KỶ: CUỘC CHIẾN TRANH GIÀNH ĐỊA VỊ “QUỐC GIA ĐỨNG ĐẦU” GIỮA TRUNG QUỐC VÀ MỸ

1. Thay đổi vị trí đứng đầu: 100 năm một lần
2. Định vị lại quan hệ Trung-Mỹ
3. Mô hình mới cạnh tranh Trung-Mỹ
4. Thế giới không có bá quyền: Sứ mệnh và kết cục của cuộc đo sức thế kỷ giữa Trung Quốc và Mỹ

CHƯƠNG 3. THỜI ĐẠI TRUNG QUỐC: THỜI ĐẠI HẠNH PHÚC CỦA THẾ GIỚI

1. Thời đại Trung Quốc: Thời đại địa vị lãnh tụ của Trung Quốc được xác lập trên thế giới
2. Thời đại Trung Quốc: Thời đại mô hình phát

- triển của Trung Quốc hơn hẳn thế giới
3. Thời đại Trung Quốc: Thời đại “quan niệm giá trị Trung Quốc” định hướng thế giới

CHƯƠNG 4. LẤY TÍNH CÁCH TRUNG QUỐC ĐỂ XÂY DỰNG “VƯƠNG ĐẠO TRUNG QUỐC”

1. Sức hấp dẫn của tính cách Trung Hoa
2. Tính cách Trung Hoa tạo nên “hiện tượng Trung Hoa”
3. Binh pháp Trung Quốc: Hòa bình là thượng sách
4. Đế quốc Trung Hoa hùng mạnh mà không xưng bá
5. Trung Quốc và Mỹ khác biệt về “bất khả chiến bại”
6. Đi tìm nguồn gốc: thiên tính của Hoa Hạ
7. Mãi mãi không phai màu “Trung Quốc vương đạo”

CHƯƠNG 5. CHIẾN LƯỢC LỚN ĐÒI HỎI TƯ DUY CHIẾN LƯỢC

1. Nước lớn, lớn ở chiến lược
2. Bốn giai đoạn của đại chiến lược Trung Quốc
3. Ba bước của đại chiến lược Trung Quốc
4. Chiến lược lớn của Trung Quốc: Trung Quốc cần học tập gì ở Mỹ

CHƯƠNG 6. KHÔNG NÊN CÓ ẢO TƯỢNG ĐỐI VỚI MỸ

1. Ảo tưởng về chiến lược không khác gì tự sát
2. Quốc gia tiềm tại đứng đầu: đối thủ tự nhiên của

3. quốc gia đứng đầu
Nước Mỹ kiểm chế sự đột phá của Nhật Bản như thế nào?
4. Mỹ làm thế nào để kiểm chế sự cạnh tranh của Liên Xô
5. Mỹ sẽ kiểm chế Trung Quốc như thế nào?
6. Không có kẻ địch vĩ đại, không có nước Mỹ vĩ đại
7. Mỹ: Nhà nước nửa dân chủ

CHƯƠNG 7. NƯỚC LỚN TRỖI DẬY PHẢI CÓ QUÂN ĐỘI HÙNG MẠNH

1. “Phục hưng vĩ đại” kêu gọi “tinh thần thượng võ”
2. Nếu muốn “trỗi dậy hòa bình” cần “trỗi dậy quân sự”
3. Trung-Mỹ không có chiến tranh lớn: Trung Quốc cần có đại quân
4. Nước giàu cần quân mạnh

CHƯƠNG 8. HÔ VANG “THUYẾT TRUNG QUỐC SỤP ĐỔ”

1. Nước lớn trỗi dậy và nước lớn sụp đổ: Ranh giới mong manh
2. Trung Quốc “vang khúc khải hoàn” nhưng cũng phải “rung chuông cảnh giác”
3. Khủng hoảng nhân tài: Nguy cơ chí mạng nhất
4. Ba sáng tạo mới: Đảm bảo Trung Quốc yên ổn lâu dài

CHƯƠNG 1

ĐỨNG ĐẦU THẾ GIỚI: GIẤC MƠ TRĂM NĂM CỦA TRUNG QUỐC

Đứng đầu thế giới là giấc mơ trăm năm của Trung Quốc. Giấc mơ này tập trung biểu hiện qua lý tưởng phấn đấu của ba nhân vật vĩ đại là Tôn Trung Sơn, Mao Trạch Đông và Đặng Tiểu Bình. Tôn Trung Sơn là người tiên phong của cuộc cách mạng dân chủ của Trung Quốc, Mao Trạch Đông là người sáng tạo ra Trung Quốc mới, Đặng Tiểu Bình là nhà thiết kế cải cách mở cửa. Đặc trưng chiến lược chung của ba nhân vật vĩ đại này là ở chỗ: Trong mục tiêu quốc gia lớn của Trung Quốc, họ đều là những người theo đuổi chủ nghĩa “đứng đầu thế giới”.

Hàm nghĩa của việc Trung Quốc trỗi dậy “đứng đầu thế giới” là gì? Trước hết đó là tổng lượng kinh tế của Trung Quốc phải đứng đầu thế giới. Trên cơ sở này thực hiện việc Trung Quốc đứng đầu thế giới về sức mạnh tổng hợp quốc gia. Sự trỗi dậy của Trung Quốc trong thế kỷ 21 đi theo hướng nào? Chính là sự trỗi dậy theo mục tiêu và phương hướng “đứng đầu thế giới”.

1. Tôn Trung Sơn: Trung Quốc phải là cường quốc hàng đầu thế giới

Trong thời đại Trung Quốc là “nước nghèo yếu nhất thế giới”, Tôn Trung Sơn đã yêu cầu “mọi người phải lập chí”, xây dựng Trung Quốc trở thành “nước giàu mạnh nhất thế giới” và kêu gọi 400 triệu người đều phải có nguyện vọng và ý chí này. Ý chí và tinh thần của người tiên phong vĩ đại này

đã khiến người Trung Quốc hiện nay cảm thấy kinh ngạc và tự hào.

Xây dựng Trung Quốc trở thành “nước giàu mạnh nhất thế giới”

Trung Quốc không chỉ đuổi kịp Anh, Mỹ mà còn phải vượt lên trên họ. Đây là chí hướng vĩ đại của Tôn Trung Sơn. Năm 1894, trong thư gửi lên Lý Hồng Chương (quan đại thần triều Thanh), Tôn Trung Sơn đã đề xuất cương lĩnh cải cách của mình: “Nhân năng tận kỳ tài, địa năng tận kỳ lợi, vật năng tận kỳ dụng, hóa năng sướng kỳ lưu” (có thể phát huy hết tài năng của mọi người, có thể khai thác hết tác dụng của đất đai, có thể lợi dụng hết công năng của vạn vật, có thể để cho hàng hóa được lưu thông). Thực hiện được bốn điều này, Trung Quốc “có thể vượt lên châu Âu”. Sau này Tôn Trung Sơn còn nhiều lần nói đến chủ nghĩa tam dân, muốn xây dựng đất nước giàu mạnh đứng đầu thế giới.

Xây dựng Trung Quốc trở thành quốc gia “bốn nhất” và “sáu nhất” là mục tiêu phấn đấu của cả cuộc đời Tôn Trung Sơn. Điều gọi là quốc gia “bốn nhất” đó là : mạnh nhất thế giới, giàu nhất thế giới, nền chính trị tốt nhất thế giới, dân chúng hạnh phúc nhất thế giới. Điều gọi là quốc gia “sáu nhất”, đó là lớn nhất, ưu việt nhất, tiến bộ nhất, trang nghiêm nhất, giàu có nhất, bình yên sung sướng nhất.

“Người Trung Quốc phải làm nên những kỳ tích vĩ đại nhất nhân loại” - đây là ý nguyện cao cả của Tôn Trung Sơn. Tôn Trung Sơn còn đưa ra chủ trương thế giới hòa bình, thế giới đại đồng, mong muốn người Trung Quốc sẽ thực hiện sứ mệnh đảm bảo hạnh phúc lớn nhất cho nhân loại, làm nên kỳ tích lớn nhất cho nhân loại, không chỉ mang lại lợi ích cho một dân tộc một quốc gia, mà còn mang lại lợi ích cho toàn thể nhân loại.

Sau cuộc khởi nghĩa Quảng Châu đầu tiên năm 1895 bị

thất bại chạy ra nước ngoài, Tôn Trung Sơn đã đi chu du khắp thế giới, đến thăm các cường quốc, một mặt khảo sát tình hình chính trị của các nước, tìm hiểu nguyên nhân khiến có nước giàu nước nghèo, mặt khác tiến hành phong trào cách mạng. Đến trước khi diễn ra khởi nghĩa Vũ Xương, ông đã 7 lần đi chu du thế giới, cứ hai năm lại đi vòng quanh thế giới một lần. Trong cuộc đời kéo dài 58 năm 8 tháng của ông, có tới 10 năm 1 tháng ông sống ở Mỹ và châu Âu, ông đã 8 lần đi Mỹ và châu Âu. Mục tiêu lớn của Tôn Trung Sơn “Trung Quốc cần trở thành nước giàu mạnh nhất thế giới” là được xây dựng trên cơ sở những năm tháng đi du ngoạn thế giới của ông.

Dân tộc Trung Hoa là “dân tộc ưu tú nhất thế giới”

Tôn Trung Sơn cho rằng dân tộc Trung Hoa là dân tộc “4 nhất”. Trong chủ nghĩa tam dân, ông đã nêu rõ: “Dân tộc Trung Hoa là dân tộc lâu đời nhất thế giới, là dân tộc lớn nhất thế giới, là dân tộc văn minh nhất thế giới, là dân tộc có khả năng đại đồng hóa nhất thế giới... Nghiên cứu về dân tộc chúng ta, từ trước cho đến nay, chỉ ít đã có khoảng 5000 đến 6000 năm. So với các dân tộc khác trên thế giới, dân tộc chúng ta vẫn đông nhất và lớn nhất. Từ thế hệ này truyền sang thế hệ khác, cho đến nay vẫn là dân tộc ưu tú nhất thế giới.”

Tôn Trung Sơn cũng nói đến ưu thế trí tuệ của sinh viên Trung Quốc du học ở Mỹ trong khi so sánh thành tích học tập của sinh viên Trung Quốc với sinh viên Mỹ. Ngày 21/12/1923 trong khi phát biểu tại buổi liên hoan của sinh viên trường Lĩnh Nam, Quảng Châu, Tôn Trung Sơn đã nói: “Trên toàn nước Mỹ, tài trí thông minh vốn có của người Trung Quốc đều được người Mỹ thừa nhận, cho dù là học ở trường nào hay lớp nào ở Mỹ, điểm thi mỗi học kỳ của sinh viên Trung Quốc đều cao hơn sinh viên Mỹ”. Tôn Trung Sơn đã dùng lịch sử để

chứng minh Trung Quốc là đất nước có thời gian giàu có dài và thời gian nghèo nàn ngắn, ông cũng dùng tính cách dân tộc để chứng minh tố chất của người Trung Quốc ưu thế hơn tố chất của người nước ngoài.

Tôn Trung Sơn cho rằng người Trung Quốc với tư cách là một dân tộc ưu tú nhất thế giới, nhất định phải có ý chí lớn vượt lên trên Mỹ, châu Âu và Nhật Bản. Ông nói: “Chúng ta có đất đai rộng lớn, dân số đông, tài trí thông minh bẩm sinh, ưu thế hơn nhiều so với Mỹ, châu Âu và Nhật Bản. Đất nước chúng ta cải tạo tốt, Trung Quốc cường thịnh, còn phải vượt lên Mỹ, châu Âu và Nhật Bản. Hạnh phúc mà người Trung Quốc được hưởng phải cao hơn Mỹ, châu Âu và Nhật Bản. Mọi người phấn đấu vì đất nước, xây dựng một đất nước tốt đẹp nhất thế giới, thế mới là có ý chí lớn. Hy vọng mọi người từ nay phải có ý chí lớn.”

Vận dụng chủ nghĩa mở cửa

Quá trình Trung Quốc trỗi dậy trở thành nước “đứng đầu thế giới” là một quá trình mở cửa hướng ra thế giới, học tập thế giới. Nhất định phải đi theo con đường “mở cửa chấn hưng đất nước”, “mở cửa để đuổi kịp và vượt các nước”. Ngày 23/10/1912, trong diễn thuyết tại buổi chiêu đãi ở Phủ Đô Đốc An Huy, Tôn Trung Sơn đã nói: “Muốn các ngành nghề phát triển thì phải đi theo chủ nghĩa mở cửa”. Chính sách của Tôn Trung Sơn được nêu trong hiệp định ký tại Bắc Kinh với Tổng thống Viên Đại và Tổng trưởng các bộ chính là chính sách mở cửa. Thế nào là chính sách mở cửa? Đó chính là để cho người nước ngoài đến Trung Quốc mở mang các công ty nhà máy. Mà chủ nghĩa mở cửa Trung Quốc đã thực hiện từ thời cổ. Thời kỳ thịnh vượng nhất của đời Đường, nước ngoài đã cử hàng vạn học sinh sang Trung Quốc du học, như Italia, Thổ Nhĩ Kỳ, Nhật Bản ... Khi đó người nước ngoài đến Trung

Quốc, người Trung Quốc không phản đối, đó là vì trong thời kỳ thịnh vượng nhất của nền văn minh Trung Quốc, từ trên xuống dưới đều hiểu rõ chủ nghĩa mở cửa chỉ có lợi mà không hề có hại gì.

Tôn Trung Sơn còn chỉ rõ Nhật Bản đất đai chỉ lớn bằng hai tỉnh của Trung Quốc, dân số cũng chỉ bằng hai tỉnh của Trung Quốc. 40 năm trước cũng là đất nước bé nhất, nghèo nhất, yếu nhất. Từ sau Minh Trị Duy Tân, trong vòng 40 năm đã trở thành cường quốc. Trên thế giới chỉ có 6, 7 nước được gọi là cường quốc, Nhật Bản là một nước trong số 6,7 cường quốc đó. Chính sách mà Nhật Bản vận dụng chính là chính sách mở cửa. Đất đai của Trung Quốc lớn gấp 20 lần Nhật Bản, dân số cũng lớn gấp hơn 20 lần Nhật Bản, muốn dựa theo cách làm của Nhật Bản thì cũng phải thực hiện chính sách mở cửa, không đến 3 hay 5 năm sau sẽ mạnh gấp 10 lần Nhật Bản. Tôn Trung Sơn nói: “Trung Quốc cần phải xây dựng cơ nghiệp. Chúng ta không có vốn thì mượn vốn nước ngoài. Chúng ta không có nhân tài thì sử dụng nhân tài của nước ngoài. Phương pháp của chúng ta không tốt thì vận dụng phương pháp của nước ngoài. Lẽ nào kết quả lại không văn minh hơn nhiều lần so với các nước ở phương Tây và phương Đông?”

“Đúng đầu thế giới” không thể mô phỏng, mà phải có “tinh thần sáng tạo”

Từ hàm nghĩa của “Trung Hoa Dân Quốc”, Tôn Trung Sơn đã nhấn mạnh đến ý nghĩa sáng tạo. Ngày 15/7/1916, trong khi diễn thuyết lại cuộc tọa đàm tại Thượng Hiền Đường, Thượng Hải, Tôn Trung Sơn đã giải thích vì sao không thể nói “nước Cộng hòa Trung Hoa”, mà phải nói “Trung Hoa Dân Quốc”. Về ý nghĩa của chữ “Dân”, Tôn Trung Sơn phải mất hơn 10 năm nghiên cứu mới có kết quả. Tôn Trung Sơn

cho rằng nước cộng hòa như kiểu Mỹ, châu Âu được xây dựng trước Trung Quốc. “Dân Quốc” của thế kỷ 20 còn mang theo tinh thần sáng tạo, không nên mô phỏng theo mô hình của thế kỷ 18, 19. Chỉ vài năm sau sẽ xuất hiện một Trung Hoa Dân Quốc trang nghiêm huy hoàng ở lục địa phía Đông, vượt lên các nước cộng hòa trên thế giới.

Tôn Trung Sơn còn từ thể chế chính trị “ngũ quyền phân lập” của Trung Hoa Dân Quốc để phân biệt với “tam quyền phân lập” của các nước phương Tây, điều này chứng minh nét đặc sắc và ưu thế của thể chế chính trị Trung Quốc. Ngày 18/8/1916, trong diễn thuyết của mình, Tôn Trung Sơn nói: “Các nước văn minh trên thế giới hiện nay phần lớn đều thực hiện tam quyền phân lập, tuy có nhiều lợi ích, nhưng cũng có nhiều cái hại, vì thế 15 năm trước tôi mới đưa ra “ngũ quyền phân lập”. Thế nào là “ngũ quyền phân lập”, đó là ngoài lập pháp, tư pháp và hành chính ra, còn thêm chế độ chất vấn và thi cử. Hai chế độ này không có gì là mới đối với nước ta, từ thời cổ đã có, là cách làm hay, có thể trở thành mô hình của các nước trên thế giới trong thời kỳ cận đại”.

Từ chủ nghĩa tam dân mang đặc sắc Tôn Trung Sơn đến Trung Quốc hóa chủ nghĩa Mác của Mao Trạch Đông và chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc của Đặng Tiểu Bình đều toát lên một đạo lý, đó là: sáng tạo chấn hưng đất nước, đặc sắc chấn hưng đất nước. Từ góc độ sáng tạo và đặc sắc, “đứng đầu thế giới” cũng là “duy nhất thế giới”. Đế quốc Anh khi đó là độc đáo, vì thế giới chỉ có một nước Anh. Mỹ sau này cũng độc đáo, vì thế giới chỉ có một nước Mỹ. Trung Quốc cũng độc đáo vì thế giới chỉ có một nước Trung Quốc. Những nước “đứng đầu thế giới” xuất hiện trong thời kỳ cận đại đều là những nước có nét đặc sắc riêng, đều là đất nước có tính sáng tạo. Nó vừa không phải là tác phẩm phục chế của mô hình “đứng đầu thế giới” trước đó, cũng không thể bị các

quốc gia sau này mô phỏng. Tuy các nước đều học tập những nước đi trước, kinh nghiệm của các nước đi trước cũng được vận dụng, nhưng các nước “đứng đầu thế giới” đều là những nước lớn sáng tạo, là nước lớn mang nét đặc sắc riêng, vì thế không thể phục chế mô phỏng.

Quân đội không mạnh không thể xây dựng đất nước

Phát biểu tại buổi chiêu đãi giới quân đội tại Sơn Tây ngày 20/9/1912, Tôn Trung Sơn đã nêu rõ do xây dựng đất nước vào thế kỷ 20, các cường quốc cạnh tranh nhau, chưa thể thực hiện được thế giới đại đồng, nên quân đội không mạnh không thể xây dựng đất nước.

Phát biểu trước các đại biểu giới lao động tại Philipppin ngày 23/6/1924, Tôn Trung Sơn nói cách đây 2000 năm, Trung Quốc hùng mạnh, không chỉ nổi lên ở phương Đông, mà uy phong còn chấn động châu Âu. Trung Quốc tuy mạnh, nhưng lấy chủ nghĩa hòa bình để giáo huấn thế giới, khuyên các nước hiếu chiến nên xây dựng cuộc sống hòa bình. Nhưng khi Trung Quốc khuyên bảo thì các nước khác lại đang chuẩn bị xây dựng lực lượng lục quân hải quân hùng mạnh, đưa tới kết quả như ngày nay. Các nước thấy Trung Quốc đất rộng của cải nhiều, thị trường rộng lớn, quân sự yếu kém, văn hóa không phát triển, nên tìm cách chia cắt mảnh đất này, xây dựng phạm vi thế lực của mình. Từ mối quan hệ quốc tế “các cường quốc cạnh tranh nhau” và bài học lịch sử của Trung Quốc, Tôn Trung Sơn đã nêu bật mối quan hệ giữa quân đội hùng mạnh với việc xây dựng đất nước bang giao.

Để xây dựng Trung Quốc trở thành “nước hùng mạnh nhất thế giới” Tôn Trung Sơn đã xây dựng một cương lĩnh quân sự với khí phách hào hùng. Nay xem lại vẫn cảm thấy phần chấn mãnh liệt. Trong cương lĩnh, Tôn Trung Sơn nhấn mạnh đến kế hoạch xây dựng lực lượng quân đội với 30 triệu quân và kế

hoạch xây dựng lực lượng kỹ thuật công trình quốc phòng với 10 triệu quân. Ngày 26/10/1912, phát biểu tại buổi chiều đăi các học viên trường quân chính Nam Xương, Tôn Trung Sơn nêu rõ từ nay về sau hy vọng sâu sắc các học viên phát huy khí thế hào hùng, chăm chỉ nghiên cứu học tập, để cho 400 triệu đồng bào đều có tinh thần thượng võ. Trung Quốc khi đó có 400 triệu dân, kế hoạch của Tôn Trung Sơn xây dựng lực lượng quân đội và kỹ thuật với 40 triệu quân, chiếm 1/10 dân số, đây quả là khí phách quân sự hào hùng của một nhà chính trị.

Học tập và vượt Mỹ

Tôn Trung Sơn cho rằng học tập Mỹ, trước hết phải học tập tinh thần xây dựng đất nước của Mỹ. Muốn đuổi kịp và vượt Mỹ cần phải xây dựng chí hướng lớn cho đất nước và dân tộc.

Tôn Trung Sơn ca ngợi “Mỹ là nước văn minh tiến tiến”, “Mỹ là nước cộng hòa đầu tiên của thế giới”, có nhiều chỗ Trung Quốc đáng học tập. Đồng thời với việc đề xướng học tập Mỹ, ông còn tin tưởng sâu sắc rằng Trung Quốc còn có thể đuổi kịp và vượt Mỹ. Ngay cả khi cuối tháng 12/1923, khi xảy ra sự kiện 6 pháo hạm Mỹ đến uy hiếp ở Bạch Nga Đàm, Quảng châu, Tôn Trung Sơn vẫn khuyến khích sinh viên Quảng Châu phải lấy kinh nghiệm xây dựng đất nước của Mỹ làm mô hình phấn đấu của cách mạng Trung Quốc, xác lập ý chí đuổi kịp và vượt Mỹ. Ngày 21/12/1923, phát biểu tại buổi gặp gỡ sinh viên trường Lĩnh Nam, Quảng Châu, Tôn Trung Sơn nói: “Các cháu sinh viên hiện nay học kiến thức của nước Mỹ, thi lịch sử nước Mỹ, nước Mỹ trở nên hưng thịnh là do tiến hành cách mạng. Khi Mỹ tách khỏi Anh, dân số chỉ có 4 triệu người, cả nước chỉ có 13 tỉnh thành phố, toàn là những vùng đất hoang sơ. Về dân số chỉ bằng 1/100 Trung

Quốc hiện nay. Trung Quốc hiện có 400 triệu dân với 22 tỉnh thành phố, tài nguyên phong phú. Nước Mỹ bé nhỏ như vậy lại có thể làm nên nghiệp lớn như hiện nay, nếu có thể đi theo con đường cách mạng của Mỹ, Trung Quốc người đông tài nguyên phong phú thì kết quả trong tương lai đương nhiên sẽ tốt đẹp hơn Mỹ.”

Tôn Trung Sơn cho rằng Trung Quốc có nhiều điều kiện có lợi có thể vượt Mỹ. Trong cuốn “Phương lược kiến quốc” ông nói: “Đất đai của Trung Quốc rộng lớn hơn Mỹ. Tài nguyên khoáng sản phong phú, đứng vào hàng đầu thế giới. Dân số có tới 400 triệu người, cũng đứng đầu thế giới. Tài trí thông minh của người Trung Quốc cũng nổi tiếng từ thời xa xưa. Việc kế thừa nền văn hóa 5000 năm cũng là điều thế giới chưa từng có. Hàng nghìn năm trước cũng đã từng là quốc gia hùng mạnh trên thế giới.”

Ngày 10/10/1919, trong cuốn “Các ngành của Trung Quốc nên phát triển như thế nào”, Tôn Trung Sơn viết: “Trung Quốc đất rộng, của cải nhiều, nông sản và khoáng sản phong phú, không những đuổi kịp mà còn có thể vượt Mỹ. Sức lao động của Trung Quốc nhiều gấp 4 lần sơ với Mỹ, nước ta chỉ thiếu vốn và tài năng. Nếu nước ta có 2 nhân tố này thì các ngành của nước ta sẽ phát triển, không chỉ ngang bằng Mỹ, mà còn có thể gấp 4 lần Mỹ”.

2. Mao Trạch Đông: “Đại nhảy vọt”- vượt Anh, đuổi kịp Mỹ

Mao Trạch Đông cũng là một người theo đuổi ý tưởng “đứng đầu thế giới,” thực tiễn và tư tưởng chiến lược “đứng đầu thế giới” của ông có tính thăm dò và sáng tạo, đương nhiên cũng có tính hạn chế của lịch sử. Những huy hoàng và

khó khăn của ông, những thành công và sai lầm của ông đều mang màu sắc thần kỳ.

“Khai trừ khỏi thế giới!”

Mao Trạch Đông cho rằng đuổi kịp và vượt Mỹ là trách nhiệm của Trung Quốc.

Ngày 29/10/1955, trong bài phát biểu tại cuộc hội đàm về cải tạo công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, Mao Trạch Đông từng nói: “Mục tiêu của chúng ta là phải đuổi kịp và vượt Mỹ. Nước Mỹ chỉ có hơn 100 triệu dân, còn chúng ta có hơn 600 triệu dân, do đó chúng ta phải đuổi kịp Mỹ. Cuối cùng phải mất mấy chục năm, phải nhìn vào cố gắng của mọi người, ít nhất phải mất 50 năm, cũng có thể là 75 năm, 75 năm là 15 lần kế hoạch 5 năm. Ngày nào đuổi kịp Mỹ, vượt qua Mỹ chúng ta mới mở mày mở mặt. Hiện tại chúng ta vẫn chưa là gì, bị các nước khác chèn ép. Quốc gia của chúng ta lớn thế này, có khả năng huy động lớn, lịch sử có hàng nghìn năm, đất đai rộng lớn, tài nguyên nhiều, dân cư đông đúc, song một năm chỉ sản xuất được hơn 2 triệu tấn thép, tới nay mới bắt đầu chế tạo ô tô với sản lượng còn rất thấp và thực tế vẫn chưa ra làm sao. Vì vậy, các giới trong cả nước, trong đó kể cả giới công thương, các đảng phái dân chủ trong và ngoài nước đều cần phải nỗ lực, xây dựng nước ta trở thành một quốc gia giàu mạnh. Chúng ta cần phải lãnh trách nhiệm này. Trên thế giới, cứ bốn người thì chúng ta có một người, do đó không phấn đấu vươn lên là điều không thể chấp nhận được, chúng ta nhất định cần phải phấn đấu vươn lên không chịu thua kém”.

Mao Trạch Đông cho rằng chỉ khi Trung Quốc vượt qua được Mỹ, mới có thể đóng góp to lớn cho nhân loại. Năm 1956, trong bài phát biểu tại “Lễ tưởng niệm Tôn Trung Sơn”, Mao Trạch Đông nói: “Là quốc gia rộng 9,6 triệu km² và có

hơn 600 triệu dân, Trung Quốc cần phải có đóng góp tương đối lớn đối với nhân loại. Song trong thời gian dài quá khứ, đóng góp này lại quá nhỏ. Điều này khiến chúng ta cảm thấy hổ thẹn”. Mao Trạch Đông nhấn mạnh: “Vượt qua Mỹ, không chỉ có thể mà còn hoàn toàn cần thiết, hoàn toàn đáng làm. Nếu không như vậy, thì dân tộc Trung Hoa chúng ta có lỗi với các dân tộc trên thế giới, cống hiến của chúng ta cho nhân loại quá nhỏ bé”.

Theo Mao Trạch Đông, nếu không thể vượt qua Mỹ, Trung Quốc sẽ bị “khai trừ khỏi thế giới”! Năm 1956, khi bàn về vấn đề vượt qua Mỹ tại hội nghị tru bị Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 8, Mao Trạch Đông nói: “Chúng ta đoàn kết sức mạnh trong và ngoài Đảng, trong và ngoài nước, mục đích là gì? Là để xây dựng một quốc gia xã hội chủ nghĩa vĩ đại. Đất nước chúng ta như thế này không chỉ có thể mà còn cần dùng từ “vĩ đại”. Đảng của chúng ta là đảng vĩ đại, nhân dân của chúng ta là nhân dân vĩ đại, cách mạng của chúng ta là cách mạng vĩ đại, sự nghiệp kiến thiết của chúng ta là sự nghiệp kiến thiết vĩ đại. Chỉ có duy nhất một nước trên thế giới có hơn 600 triệu dân chính là chúng ta. Trong quá khứ, người ta xem thường chúng ta là có lý do. Bởi vì chưa có cống hiến gì, một năm chỉ sản xuất được vài trăm nghìn tấn thép, vẫn chỉ nằm trong tầm tay của Nhật Bản. Thời Quốc dân đảng của Tưởng Giới Thạch nắm quyền 22 năm, mỗi năm chỉ sản xuất được vài trăm nghìn tấn thép. Hiện chúng ta vẫn chưa làm được nhiều, song sản xuất được nhiều hơn một chút, năm nay đạt được hơn 4 triệu tấn và năm tới sẽ nỗ lực đạt 5 triệu tấn, kế hoạch 5 năm lần thứ 2 cần phải vượt qua 10 triệu tấn, kế hoạch 5 năm lần thứ 3 có khả năng vượt qua 20 triệu tấn. Chúng ta cần nỗ lực thực hiện mục tiêu này. Tuy trên thế giới có gần 100 quốc gia, song số quốc gia vượt qua mức sản lượng 20 triệu tấn thép chỉ có vài nước. Do đó, việc xây dựng quốc

gia này của chúng ta - một quốc gia chủ nghĩa xã hội vĩ đại - sẽ không chỉ hoàn toàn cải thiện tình trạng lạc hậu hơn 100 năm qua và bị các nước khác xem thường, mà còn có thể đuổi kịp quốc gia chủ nghĩa tư bản lớn mạnh nhất thế giới, chính là Mỹ. Nước Mỹ chỉ có 170 triệu dân, dân số của chúng ta nhiều hơn họ vài lần, tài nguyên phong phú hơn và điều kiện khí hậu tương đương, việc đuổi kịp họ là hoàn toàn có thể. Liệu có nên đuổi theo Mỹ hay không? Hoàn toàn nên. 600 triệu dân số của chúng ta làm gì đây? Ngủ ư? Nên ngủ hay nên làm việc? Nếu nói cần làm việc, người ta 170 triệu dân sản xuất 100 triệu tấn thép, thế chúng ta với 600 triệu dân không thể sản xuất 200-300 triệu tấn ư? Nếu không thể đuổi kịp được thì chúng ta chẳng còn lý do gì để biện minh, chẳng còn vinh quang cũng như chẳng còn vĩ đại gì nữa.

Nước Mỹ mới chỉ thành lập được 180 năm, sản lượng thép 60 năm trước cũng chỉ đạt được 4 triệu tấn, vậy chúng ta lạc hậu so với Mỹ 60 năm. Giả như có thêm 50-60 năm, chúng ta hoàn toàn nên vượt qua Mỹ. Đây là một trách nhiệm. Có dân cư đông, đất đai rộng lớn, tài nguyên phong phú, lại đang xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhưng sau 50-60 năm xây dựng đất nước mà vẫn không đuổi kịp Mỹ thì chúng ta sẽ ra sao đây? Chúng ta sẽ bị khai trừ khỏi thế giới!

“Thời gian biểu” vượt Anh đuổi kịp Mỹ

Đã vài lần, Mao Trạch Đông điều chỉnh “thời gian biểu” vượt Anh, đuổi kịp Mỹ. Theo đó, có thể thấy rõ lộ trình tâm huyết vượt Anh, đuổi kịp Mỹ của ông.

Ngày 18/11/1957, phát biểu tại Hội nghị đại biểu Đảng Cộng sản và Đảng công nhân ở Mátxcơva, Mao Trạch Đông từng nói: “Đồng chí Khrushchev từng nói với chúng ta rằng 15 năm sau, Liên Xô có thể vượt qua Mỹ. Tôi cũng có thể nói rằng 15 năm sau, chúng tôi có thể đuổi kịp hoặc vượt qua

Anh”. Không lâu sau khi về nước, Mao Trạch Đông đã triệu tập hội nghị lãnh đạo đảng phái dân chủ và các nhân sỹ dân chủ không đảng phái thông báo ý tưởng chiến lược vượt Anh, đuổi kịp Mỹ. Xã luận Tết Dương lịch năm 1958 trên “Nhân dân Nhật báo” có đoạn: Chuẩn bị thêm 20-30 năm để đuổi kịp và vượt qua Mỹ về kinh tế.

Ngày 15/4/1958, một lần nữa Mao Trạch Đông nhận định rằng: 10 năm có thể đuổi kịp Anh, và thêm 10 năm nữa có thể đuổi kịp Mỹ. Việc từng tuyên bố 25 năm hoặc nhiều hơn một chút để đuổi kịp Anh Mỹ là đã tính dư ra 5-7 năm. Khẩu hiệu 15 năm đuổi kịp Anh vẫn không thay đổi.

Tháng 5/1958, tại Hội nghị lần thứ hai khóa 8 của Đảng, Phó Thủ tướng Lý Phú Xuân nêu rõ: 7 năm đuổi kịp Anh, 15 năm đuổi kịp Mỹ. Trong lời phê, Mao Trạch Đông sửa lại thành: 7 năm đuổi kịp Anh, thêm 8-10 năm đuổi kịp Mỹ. Ngày 22/6/1958, Mao Trạch Đông tiếp tục nhận xét một báo cáo của Phó Thủ tướng Bạc Nhất Ba: vượt Anh, đuổi kịp Mỹ không phải là 15 năm, cũng không phải là 7 năm, mà chỉ cần 2-3 năm, 2 năm là có thể. Thậm chí Mao Trạch Đông còn chủ trương ngoài việc thực hiện một số hạng mục như đóng tàu, chế tạo ô tô, điện lực, năm tới cần phải vượt qua Anh.

Ngày 2/9/1958, Mao Trạch Đông tuyên truyền khẩu hiệu: Hãy phấn đấu vì mục tiêu 5 năm đuổi kịp Anh, 7 năm vượt qua Mỹ!

Để thực thi chiến lược vượt Anh, đuổi kịp Mỹ này. Mao Trạch Đông đã phát động cuộc vận động “Đại nhảy vọt”. Tại hội nghị ở Nam Ninh đầu năm 1958, Mao Trạch Đông tuyên bố: “Tôi không tin xây dựng đất nước khó hơn đánh trận”.

“Đại nhảy vọt” không thực hiện được mục tiêu vượt Anh, đuổi kịp Mỹ, mà ngược lại còn khiến kinh tế Trung Quốc đình đốn và tụt hậu. Giấc mơ “Đại nhảy vọt” thất bại, GDP của Trung Quốc đang tụt giảm 5,46% tỷ trọng toàn cầu năm 1957

đã giảm xuống còn 4,01% vào năm 1962, thấp hơn mức tỷ trọng năm 1950 (4,59%). Sau đó, trong thực tiễn, Mao Trạch Đông đã tỏ ra lý trí và bình tĩnh. Ngày 13/1/1961, tại Hội nghị công tác trung ương, Mao Trạch Đông cho rằng: Xem xét tình hình hiện nay, xây dựng chủ nghĩa xã hội không cần phải hoàn toàn gấp. Hấp tấp vội vàng sẽ không thành công, càng vội vàng thì càng không làm được việc, không bằng chậm lại một chút và hướng tới phát triển theo mô hình sóng. Việc này giống với việc người đi bộ, đi một đoạn cần phải nghỉ. Quân đội hành quân cũng cần nghỉ. Giữa hai trận đánh cũng cần nghỉ ngơi chỉnh đốn.

Sau đó, ngày 30/1/1962, tại Hội nghị công tác trung ương toàn quốc, Mao Trạch Đông đã phát biểu rộng rãi tổng kết về “Đại nhảy vọt” rằng: “Tại Trung Quốc, việc xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa lớn mạnh trong 50 năm không đủ, sẽ phải mất 100 năm hoặc nhiều hơn. Từ thế kỷ 17 tới nay, sự phát triển của chủ nghĩa tư bản đã trải qua hơn 360 năm. Ở nước ta, muốn xây dựng một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa vững mạnh, tôi dự tính phải mất hơn 100 năm. Trung Quốc dân số đông, nền tảng cơ sở còn mỏng, kinh tế lạc hậu, muốn đưa sức sản xuất lớn phát triển lớn mạnh cũng như đuổi kịp và vượt qua quốc gia tư bản chủ nghĩa tiên tiến nhất thế giới, phải mất hơn 100 năm. Cũng có thể chỉ mất vài chục năm như một số người cho rằng 50 năm là có thể làm được. Nếu được như vậy, cảm ơn trời đất, còn gì tốt hơn. Tuy nhiên, tôi khuyên các đồng chí thà xem xét khó khăn nhiều hơn một chút, như thế sẽ giành thời gian nghỉ nhiều hơn. Hơn 300 năm xây dựng được một nền kinh tế chủ nghĩa tư bản lớn mạnh, đối với nước ta, xây dựng một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa lớn mạnh trong vòng 50-100 năm có gì là không tốt? Từ nay trở đi, trong vòng 50-100 năm, trên toàn thế giới sẽ là thời đại vĩ đại chuyển biến triệt để chế độ xã hội, là một thời đại long trời lở đất và

không có thời đại nào trong lịch sử có thể so sánh được. Do tính mù quáng mà vấp phải nhiều thất bại và khó khăn, nên cần chuẩn bị trước và từ đó rút ra kinh nghiệm để giành thắng lợi cuối cùng. Từ quan điểm này xuất phát, suy xét lâu hơn một chút là rất có lợi, ít suy nghĩ là có hại”.

Lộ trình vượt Anh, đuổi kịp Mỹ: “Đại nhảy vọt”

Trung Quốc vượt Anh, đuổi kịp Mỹ chắc chắn phải cần “Đại nhảy vọt”. Đây là một quan niệm kiên định của Mao Trạch Đông. Năm 1949, bình quân thu nhập quốc dân của người Trung Quốc là 27 USD, lúc đó, thu nhập bình quân của toàn Châu Á là 44 USD. Tới năm 1952, bình quân thu nhập quốc dân chỉ bằng 2,3% bình quân thu nhập quốc dân của Mỹ. Có thể thấy rõ để vượt Anh, đuổi kịp Mỹ chắc chắn phải cần “Đại nhảy vọt”.

“Đại nhảy vọt” của Trung Quốc trong những năm cuối thập niên 50 thế kỷ 20 của Trung Quốc đã trải qua bài học đau đớn. Tuy nhiên, thất bại trong thời kỳ lịch sử đặc thù của một mô hình “Đại nhảy vọt” không có nghĩa là bất kỳ hình thức “Đại nhảy vọt” nào đều không thể thực hiện được. Ngày 13/12/1964, trong khi đánh giá dự thảo báo cáo công tác chính của Chu Ân Lai tại phiên họp thứ nhất Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc khóa III, Mao Trạch Đông có viết: Chúng ta không thể đi theo con đường phát triển khoa học kỹ thuật cũ của các nước trên thế giới, từng bước đi theo sau người khác. Chúng ta cần phải phá vỡ quy luật, tận dụng hết mức kỹ thuật tiên tiến, trong một thời kỳ lịch sử không quá dài, cần phải xây dựng nước ta trở thành một cường quốc xã hội chủ nghĩa hiện đại hóa. Bước “Đại nhảy vọt” mà chúng ta từng đề cập đến chính là mang ý tưởng này. Lẽ nào đây là điều không thể thực hiện được? Là sự khoắc lác? Không, là điều có thể làm được. Đó không phải là nói chơi và cũng không phải là khoắc

lác. Chỉ cần nhìn vào lịch sử của chúng ta là có thể hiểu được. Ngay ở trong nước, không phải chúng ta về căn bản đã đánh đổ chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa phong kiến, chủ nghĩa tư bản hùng mạnh? Không phải chúng ta từ một nền tảng tay trắng qua 15 năm nỗ lực – trên mọi mặt của cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội – cũng đã đạt được trình độ khả quan? Không phải chúng ta cũng đã từng thử nghiệm bom nguyên tử ư? Trong quá khứ, người phương Tây từng gọi chúng ta là “người bệnh phương Đông”, nay không phải đã xóa bỏ cái biệt danh này rồi sao? Tại sao giai cấp tư sản phương Tây có thể thực hiện được, giai cấp vô sản phương Đông không thể làm được? Nhà đại cách mạng Trung Quốc, tiền bối Tôn Trung Sơn của chúng ta đầu thế kỷ này từng nhận định rằng Trung Quốc sẽ cần phải có “Đại nhảy vọt”. Trong vòng vài chục năm, tiên liệu của ông chắc chắn sẽ thành hiện thực. Đây là một xu thế tất yếu mà không có thể lực phản động nào có thể ngăn cản được.

“Quan điểm Đại nhảy vọt” của Mao Trạch Đông chính là muốn phá vỡ quy luật thông thường, đi theo con đường mới. Năm 1958, “Đại nhảy vọt” 3 năm mở màn đã thất bại, song tới năm 1978, bắt đầu cuộc “Đại nhảy vọt” 30 năm không phải đã thành công sao? Nước Trung Quốc lạc hậu kinh tế muốn tăng tốc đuổi kịp và vượt qua các nước phương Tây phát triển kinh tế, không thể không có “Đại nhảy vọt”. Những gì Tôn Trung Sơn tiên sinh từng viết trong cuốn “Kiến quốc phương lược”, mà ông đích thân phác thảo kế hoạch dựng nước, chính là kế hoạch và phương lược của “Đại nhảy vọt”. “Đại nhảy vọt” của Mao Trạch Đông không chỉ là lần “nhảy vọt” thất bại năm 1958, mà còn là gần 30 năm cầm quyền đặt nền móng và phấn đấu đạt thành tựu. “Đại nhảy vọt” của Mao Trạch Đông và Tôn Trung Sơn tuy do hạn chế về điều kiện khách quan cũng như điều kiện chủ quan vấp phải khó

khăn và thất bại, song người đi trước đã đúc rút ra kinh nghiệm truyền lại cho chúng ta di sản quý báu. “Đại nhảy vọt” năm 1958 đã gây khó khăn cho Trung Quốc, song 20 năm sau, bắt đầu từ năm 1978, Trung Quốc lại bắt đầu thực hiện “Đại nhảy vọt”. Sau khi kế thừa và tổng kết nền tảng kinh nghiệm của người đi trước, Đặng Tiểu Bình đã thực hiện “Đại nhảy vọt” thành công, do ông đã tìm được quy luật “Đại nhảy vọt” xây dựng kinh tế Trung Quốc, tạo ra kỳ tích 30 năm cải cách mở cửa. 30 năm cải cách mở cửa chính là khoảng thời gian “Đại nhảy vọt” thành công 30 năm. Trung Quốc ngày nay - do “Đại nhảy vọt” cải cách mở cửa tạo nên - vẫn cần tiếp tục “nhảy vọt” trên con đường phát triển khoa học kỹ thuật, cần đáp ứng yêu cầu quan điểm phát triển khoa học, tiến hành “Đại nhảy vọt” về khoa học. Thêm 30 năm “Đại nhảy vọt” khoa học nữa, Trung Quốc sẽ lãnh đạo thế giới.

3. Đặng Tiểu Bình: Trí tuệ lớn “giấu mình chờ thời”

Trong thời kỳ mới cải cách mở cửa, Đặng Tiểu Bình đã đưa nhân dân Trung Quốc hướng tới vị trí đứng đầu thế giới, tức là hòa nhập vào thế giới để lãnh đạo thế giới, khi “giấu mình chờ thời” vẫn làm nên những kỳ tích. Đặng Tiểu Bình đề ra việc xây dựng trật tự mới chính trị quốc tế và trật tự mới kinh tế quốc tế, chính là thể hiện toàn bộ việc ông theo đuổi chiến lược mang tính thế giới, có triển vọng lớn.

“Tiểu Bình, chí lớn”: Thiết kế tổng thể đầu tiên đưa Trung Quốc tiến tới vị trí đứng đầu thế giới

Tuy trong những phát biểu và sách báo công khai không đề cập tới những từ ngữ như “Trung Quốc đứng đầu”, “đuổi kịp, vượt qua Mỹ”, nhưng nguyện vọng lãnh đạo nhân dân Trung Quốc tiến tới vị trí đứng đầu thế giới của Đặng Tiểu Bình lại mạnh mẽ vô cùng. Trong thời kỳ cải cách mở cửa,

ông đã đưa Trung Quốc hướng tới vị trí đứng đầu với động lực lớn nhất, tốc độ nhanh nhất, khiến khoảng cách tới vị trí đứng đầu thế giới của Trung Quốc ngày càng gần.

Với tư cách là tổng công trình sư của cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc, thiết kế tổng thể của Đặng Tiểu Bình chính là xoay quanh việc xây dựng một cường quốc hiện đại hóa chủ nghĩa xã hội, tiến hành thiết kế để Trung Quốc trở thành nước đứng đầu thế giới. Thiết kế tổng thể của Đặng Tiểu Bình là một hệ thống với nội dung phong phú, trong đó bao gồm: một mục tiêu phấn đấu — xây dựng một cường quốc hiện đại hóa chủ nghĩa xã hội, biến Trung Quốc trở thành quốc gia đứng đầu thế giới; một đường lối cơ bản — lấy xây dựng kinh tế làm trung tâm, kiên trì bốn nguyên tắc cơ bản, duy trì cải cách mở cửa; ba giai đoạn phấn đấu — ba bước, từ cơm no áo ấm, xã hội khá giả, tới 50 năm đầu thế kỷ 21 thực hiện giấc mơ cường quốc giàu mạnh; một chiến lược lớn phát triển hòa bình — giấu mình chờ thời, làm nên kỳ tích.

“Cần phải thực hiện cải cách mở cửa Trung Quốc tốt hơn Minh Trị Duy Tân của Nhật Bản”

Minh Trị Duy Tân của Nhật Bản là một tấm gương cải cách chấn hưng đất nước. Ngày 24/5/1977, Đặng Tiểu Bình từng nói: “Minh Trị Duy Tân là công cuộc hiện đại hóa do giai cấp tư sản thực hiện, chúng ta là giai cấp vô sản có khả năng thực hiện tốt hơn họ. Ngày 15/4/1985, Đặng Tiểu Bình nhấn mạnh: “Nay chúng ta thực hiện việc mà Trung Quốc vài nghìn năm qua chưa từng làm. Cuộc cải cách này không chỉ ảnh hưởng tới Trung Quốc, mà còn tác động tới thế giới”. Mục tiêu của Đặng Tiểu Bình là thực hiện sự nghiệp vĩ đại “ảnh hưởng cả thế giới”. Đặng Tiểu Bình cho rằng: “Cuộc cải cách của chúng ta không chỉ ảnh hưởng ngay tại Trung Quốc, mà còn là một cuộc thử nghiệm trên phạm vi quốc tế, chúng

ta tin tưởng sẽ thành công. Nếu thành công, thì có thể đem lại một loạt kinh nghiệm cho sự nghiệp chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới và các nước kém phát triển. Đương nhiên, không phải đem kinh nghiệm này gán cho nước khác.

Ngày 7/4/1990, tại cuộc tọa đàm “Chấn hưng dân tộc Trung Hoa” lần thứ nhất, Đặng Tiểu Bình đã có phát biểu quan trọng: “Sau Hội nghị trung ương 3 khóa 11, chúng ta tập trung lực lượng thực hiện bốn hiện đại hóa, tập trung chấn hưng dân tộc Trung Hoa. Trong một thời gian không dài, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa sẽ trở thành một nước lớn kinh tế, hiện nay Trung Quốc đã trở thành một nước lớn chính trị. Cộng hòa nhân dân Trung Hoa đã có chiếc ghế tại Liên Hợp Quốc. Người Trung Quốc cần phấn khởi lên. Đại lục nay đã có nền tảng tương đối. Chúng ta vẫn còn vài chục triệu đồng bào yêu nước ở nước ngoài, họ hy vọng Trung Quốc cường thịnh phát triển, đây là điều có một không hai. Chúng ta cần tận dụng cơ hội đưa Trung Quốc phát triển. Thế kỷ tới, Trung Quốc rất có triển vọng”.

Tôn Trung Sơn khi thành lập “Hưng Trung Hội”, đã đề xuất phải “chấn hưng Trung Hoa”, chính là muốn “sánh cùng Âu Mỹ”, muốn giành lại vị trí đứng đầu thế giới. Đặng Tiểu Bình nhấn mạnh việc chấn hưng dân tộc Trung Hoa cũng là muốn thực hiện việc giành địa vị đứng đầu thế giới của Trung Quốc. Ý nghĩa của việc chấn hưng Trung Hoa chính là giành vị trí đứng đầu thế giới; và việc thực hiện phục hưng vĩ đại chính là Trung Quốc cần phải một lần nữa trở thành nước đứng đầu thế giới.

Chiến lược “ba bước”: Tiếp cận vị trí đứng đầu thế giới

Việc Trung Quốc hướng tới vị trí đứng đầu thế giới sẽ phải có quá trình như thế nào? Trong thập niên 80 của thế kỷ 20, Đặng Tiểu Bình từng đề xuất thực hiện “chiến lược ba

bước” với thời gian 70 năm, đến khi kỷ niệm 100 năm dựng nước, thực hiện mục tiêu chiến lược của Trung Quốc. Bước thứ nhất cần 10 năm để đạt được mức sống ăn no mặc ấm, bước thứ hai cần 10 năm để đạt được mức khấm khá, bước thứ ba cần 50 năm trong thế kỷ 21 để thực hiện mục tiêu vĩ đại chấn hưng dân tộc. Đặng Tiểu Bình là một người theo chủ nghĩa hiện thực và cũng là một người theo chủ nghĩa lý tưởng, lời dặn dò cuối cùng của ông cũng khích lệ nhân dân: “Từ nay đến giữa thế kỷ sau, sẽ là thời kỳ rất gấp gáp, chúng ta cần chăm chỉ làm việc. Trên vai chúng ta mang gánh nặng, trách nhiệm lớn!”. Đặng Tiểu Bình ám chỉ thế kỷ 21 chính là thời kỳ này, vậy tại sao lại là thời kỳ cực kỳ gấp rút? Bởi đây chính là thời kỳ Trung Quốc hướng tới vị trí đứng đầu thế giới.

4. Thế giới dự đoán về Trung Quốc

Sự phát triển của Trung Quốc ảnh hưởng đến tương lai của thế giới. Các chính trị gia, chuyên gia, thậm chí người dân của một số nước lớn trên thế giới đều thích dự đoán về tương lai của Trung Quốc và đã hình thành nên một số nhận thức chung cơ bản.

Người Nhật Bản: "Nhật Bản nhỏ hơn Trung Quốc"

"Làm thế nào chúng sống được với nước láng giềng khổng lồ Trung Quốc?" Đây là vấn đề được thảo luận và tranh luận rộng rãi trong các giới của Nhật Bản trong những năm gần đây. Nhật Bản nên xây dựng cách nhìn nhận Trung Quốc như thế nào? Quan điểm của học giả Ohmae Kenichi - vốn được gọi là "cha đẻ của chiến lược Nhật Bản" được coi là mang tính tiêu biểu.

Năm 2009, trong các diễn văn và bài viết của mình, Ohmae Kenichi đã nhiều lần nói: "Trước năm 2055, quy mô kinh tế Trung Quốc sẽ gấp 10 lần Nhật Bản", Nhật Bản phải

thích ứng lại với tình trạng sức mạnh của Nhật Bản chỉ bằng 10% của Trung Quốc, Nhật Bản phải có nhận thức đúng đắn về quy mô của nước láng giềng Trung Quốc. Nhìn vào lịch sử 2000 năm trước đây, quy mô sức mạnh của Nhật Bản luôn chỉ bằng 10% của Trung Quốc, từ sau Minh Trị Duy Tân mới có sự thay đổi, hiện nay chỉ là quay trở lại mối quan hệ tỉ lệ trước đây. Nhật Bản cần phải chấp nhận hiện thực "Nhật Bản nhỏ hơn Trung Quốc", phải là một quốc gia "nhỏ mà mạnh". Thị trường khổng lồ Trung Quốc là cơ hội kinh doanh lớn của Nhật Bản. Điều then chốt để các xí nghiệp Nhật Bản thành công là liệu có ôm được Trung Quốc vào lòng hay không? Ví dụ trong việc xây dựng đường cao tốc, đường cao tốc của Nhật Bản tổng cộng dài 9000km, trong khi đó chỉ riêng một năm Trung Quốc đã xây dựng 8000km đường. Trong mười mấy năm gần đây, Ohmae Kenichi đã thường xuyên đi lại giữa Nhật Bản và Trung Quốc, hiện nay định kỳ mỗi năm đến Trung Quốc 8 lần. Ông nói hiện nay nghiên cứu thế giới không thể không nghiên cứu Trung Quốc. Ông cho rằng sau cuộc khủng hoảng tài chính hiện nay, Mỹ đã trở thành nước không còn phong độ và tư cách lãnh đạo. Trong cuốn sách "Nước Mỹ: tạm biệt!", ông đưa ra 3 "liều thuốc" cho nước Mỹ: thứ nhất, phải xin lỗi toàn thế giới, thừa nhận những sai lầm lớn đã phạm phải trong 8 năm qua gồm tiến công Ápganixtan, chiếm lĩnh Irắc, làm xảy ra cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu; thứ hai, trở thành một phần tử của thế giới, hiệp thương để làm việc, không được thực hiện bá quyền; thứ ba, từ bỏ chiến tranh.

Nhật Bản luôn hiểu rõ bản thân mình, khả năng thích ứng của Nhật Bản đối với sự thay đổi của cục diện thế giới được biểu hiện ở chỗ Nhật Bản với hơn 100 năm "thoát Á nhập Âu", hiện nay lại cao giọng phải "thân Mỹ nhập Á", "thoát Âu nhập Á". Các chính trị gia thế hệ mới của Nhật Bản cho rằng thế giới hiện nay đang phát triển theo hướng hai cực hóa giữa Mỹ

và Trung Quốc. Nhật Bản phải trở thành cầu nối ở khu vực Thái Bình Dương, phát huy tác dụng là cầu nối giữa Mỹ và Trung Quốc. Nhật Bản phải thay đổi chính sách ngoại giao "theo đuôi Mỹ". Trong nửa đầu năm 2009, tỷ trọng mậu dịch của Nhật Bản đối với Trung Quốc là 20,4%, còn tỷ trọng mậu dịch đối với Mỹ là 13,7%. Trong khi đó trong năm 1990, tỷ trọng mậu dịch đối với Mỹ là 27,4%, còn tỷ trọng mậu dịch đối với Trung Quốc là 3,5%. Đây cũng là lần đầu tiên kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, tỷ trọng mậu dịch của Nhật Bản đối với Trung Quốc vượt trên 20%, còn tỷ trọng mậu dịch đối với châu Á của Nhật Bản cũng vượt trên 50%. Nhật Bản đã hình thành chỗ dựa mậu dịch ở châu Á lấy Trung Quốc làm trung tâm.

Người Mỹ: "Phương án Bắc Kinh" có thể thay thế sự "Đồng thuận Oasinhton"

Người Mỹ rất nhạy cảm với việc Trung Quốc vươn tới trở thành nước "đứng đầu thế giới", và đã dự đoán điều này cách đây 20 năm. Năm 1987, học giả Mỹ Paul Kennedy đã đưa ra 3 dự đoán lớn đối với cục diện chính trị thế giới: Thứ nhất, trong tương lai gần đây sẽ không có bất kỳ nước nào có thể tham gia vào nhóm "5 nước chính trị hàng đầu" gồm Mỹ, Liên Xô, Trung Quốc, Nhật Bản và Liên minh châu Âu. (Henry Kissinger thì cho rằng có thể cộng thêm Ấn Độ, trở thành nhóm "6 nước chính trị hàng đầu"), những nước này sẽ là những nước lớn cuối cùng. Thứ hai, sự cân bằng của lực lượng sản xuất thế giới trên một số mặt nào đó đã từ Liên Xô, Mỹ và EU ngả sang một cách có lợi cho Nhật Bản và Trung Quốc. Tuy Trung Quốc còn lạc hậu, nhưng sẽ phát triển rất nhanh. Thứ ba, Trung Quốc trải qua một sự phấn đấu lâu dài gian khổ, các nhà lãnh đạo hiện nay của họ xem ra đang thực hiện một chiến lược to lớn với tư tưởng nhất quán và tầm nhìn xa trông

rộng, về mặt này họ sẽ vượt lên Mátxcơva, Oasinhtơn và Tôkyô, Tây Âu thì không cần nói đến.

Cách đây mười mấy năm, Brzezinski đã từng dự đoán: "Hơn 20 năm sau, Trung Quốc sẽ trở thành một nước lớn mang tính toàn cầu, thực lực của nước này đại thể ngang bằng với Mỹ và châu Âu". Trong "Kế hoạch năm 2020" mà Ủy ban tình báo quốc gia Mỹ trình Nhà Trắng đã viết: "Sự trỗi dậy của Trung Quốc là điều không thể tránh khỏi giống như sự xuất hiện của nước Đức trong thế kỷ 19 và nước Mỹ trong thế kỷ 20".

Goldman Sachs dự đoán đến năm 2027 quy mô kinh tế của Trung Quốc sẽ vượt Mỹ, đến năm 2050 sẽ gấp đôi Mỹ.

Trong bài "Sự trỗi dậy của Trung Quốc" đăng trên quý san số 3 của tạp chí "Chính sách thế giới" của Mỹ đã viết: "Đến năm 2033, trong trật tự kinh tế thế giới, không còn nghi ngờ gì nữa, Trung Quốc có thể đứng đầu, Mỹ tụt xuống hàng thứ hai...Chúng tôi hy vọng Chính phủ và nhân dân Mỹ có thể bắt đầu suy nghĩ về bước ngoặt của sự phân chia này mang ý nghĩa gì và suy nghĩ đến phương thức đối phó...Cùng với sự chuyển dịch của thời gian và sự xuất hiện vấn đề kinh tế tăng trưởng và phát triển, chúng ta sẽ nghe thấy nhiều hơn câu nói phương án Bắc Kinh, chứ không phải là sự Đồng thuận Oasinhtơn".

Người Anh: "Trung tâm thế giới chuyển sang phía Đông"

Cuốn sách "Khi Trung Quốc thống trị thiên hạ: sự trỗi dậy của vương quốc trung nguyên và sự cáo chung của thế giới phương Tây" đã làm chấn động phương Tây. Tác giả cuốn sách, học giả người Anh Marin Jacques đã nói: "Đối với Mỹ mà nói, nước này sẽ dần dần trở thành một nước lớn không còn giữ được địa vị độc tôn, sẽ là một quá trình đau khổ. Mỹ cần phải học cách nhìn thẳng và thích ứng với sự suy thoái của mình... Sự lựa chọn xấu nhất của Mỹ là tìm cách kiềm chế

Trung Quốc, nó sẽ khiến cho thế giới lại sa lầy vào vũng bùn của chiến tranh lạnh, cuộc chiến tranh lạnh mới chỉ càng làm cho địa vị của Mỹ suy giảm nhanh. Đối với toàn bộ thế giới phương Tây, sự trỗi dậy của Trung Quốc sẽ làm tăng thêm tình cảm mất mát của thế giới phương Tây. Phương Tây đang bước vào giai đoạn tự thích ứng một cách lâu dài và đau khổ.... Tôi muốn vỗ tay để Trung Quốc trỗi dậy trở thành lực lượng lãnh đạo thế giới. Sự trỗi dậy của Trung Quốc không chỉ làm thay đổi cục diện kinh tế thế giới, mà còn làm thay đổi phương thức sống và tư duy của chúng ta. Sự trỗi dậy của Trung Quốc dự báo một thời đại mới sẽ đến... Đến nửa sau thế kỷ 21, Trung Quốc rất có thể trở thành quốc gia hùng mạnh nhất thế giới, cộng đồng quốc tế sẽ nảy sinh thay đổi to lớn. Bắc Kinh sẽ trở thành đô hội của thế giới. Thượng Hải cũng thay thế New York trở thành trung tâm kinh tế tài chính quốc tế."

Các phóng viên từ "The Guardian" của Anh trong chuyên mục của mình đã dự đoán: "Sự thay đổi của Trung Quốc đã khiến trung tâm thế giới chuyển sang phía Đông, thế kỷ 21 sẽ hoàn toàn khác với hai thế kỷ trước, quyền lực không còn nằm trong tay Mỹ và châu Âu."

Trong cuốn "Biểu hiện lâu dài của kinh tế Trung Quốc", nhà kinh tế học Anh Augus Maddison đã dự đoán, đến năm 2015, Trung Quốc có thể trở thành nền kinh tế lớn nhất thế giới.

Tháng 5/2008, Trung tâm cải cách châu Âu của Anh đã công bố báo cáo chỉ rõ: Trung tâm quyền lực thế giới đang di chuyển sang phía Đông. Đến năm 2020, quy mô kinh tế của Mỹ, châu Âu và Trung Quốc sẽ ngang nhau, GDP của mỗi nước sẽ chiếm khoảng 20% tổng GDP toàn cầu.

Bản báo cáo "Triển vọng thế giới năm 2008" của tạp chí "The Economist" của Anh đã nêu rõ, năm 2008 sẽ là năm đầu

tiền nền chính trị kinh tế toàn cầu sẽ "thoát Mỹ nhập Trung", tức là năm "trật tự thế giới do Mỹ làm chủ đạo chuyển sang trật tự thế giới do Trung Quốc làm chủ đạo".

Các nhà kinh tế toàn cầu: Việc vượt lên không có gì phải hoài nghi, chỉ là vấn đề thời gian.

Bắt đầu từ tháng 6 năm 2009, tờ "Thời báo hoàn cầu" (của Nhân dân nhật báo Trung Quốc) đã tiến hành cuộc thăm dò dư luận trong hai tháng, phỏng vấn 85 nhà kinh tế trên toàn cầu, trong đó có 80 nhà kinh tế đã tham gia trả lời. Nội dung chủ yếu của cuộc điều tra liên quan đến ba vấn đề:

Thứ nhất, cần mấy năm để khôi phục lại nền kinh tế thế giới ở mức trước khi xảy ra khủng hoảng tài chính? Thứ hai, thể kinh tế hay quốc gia nào sẽ phục hồi đầu tiên trong cuộc khủng hoảng này? Thứ ba, cần bao nhiêu năm để tổng lượng kinh tế Trung Quốc vượt Mỹ?

Kết quả điều tra cho thấy: có 51 người, tức chiếm đa số, cho rằng phải mất từ 3-5 năm thì nền kinh tế thế giới mới đạt mức trước khi xảy ra khủng hoảng, có 19 người cho rằng phải mất từ 1-2 năm, có 9 người cho rằng phải mất 5 năm. Có 66 học giả cho rằng Trung Quốc sẽ đi đầu trong việc khôi phục lại từ trong cuộc khủng hoảng, có 10 người cho là Mỹ sẽ đi đầu, có 3 người cho là một thể kinh tế khác và 1 người cho là một quốc gia khác. Về vấn đề cuối cùng, có 18 người cho rằng phải mất 10 năm thì tổng lượng kinh tế của Trung Quốc sẽ vượt Mỹ, chiếm 23%; có 37 người cho rằng phải mất 20 năm, chiếm 46%; có 14 người cho rằng phải mất 30 năm, chiếm 17%; có 6 người cho rằng phải mất thời gian dài hơn và có 2 người cho rằng không bao giờ vượt được. Tham gia điều tra có 17 học giả Mỹ, chiếm tỷ lệ đông nhất về số người tham gia của một quốc gia. Các học giả Mỹ phản ứng gay gắt nhất về việc dự báo tổng lượng kinh tế Trung Quốc vượt Mỹ, đa số các học giả Mỹ cho rằng phải mất trên 30 năm thì tổng lượng kinh tế của

Trung Quốc mới vượt được Mỹ.

Kết quả điều tra đã cho thấy ba vấn đề mang tính khuynh hướng: thứ nhất, việc tổng lượng kinh tế Trung Quốc vượt Mỹ đã trở thành nhận thức chung của các chuyên gia, 78 trong số 80 chuyên gia đã cho là như vậy; thứ hai, có 37 người cho rằng phải mất 20 năm tổng lượng kinh tế Trung Quốc mới vượt Mỹ, đây là cách nhìn nhận chính; thứ ba, cho rằng tổng lượng kinh tế Trung Quốc vượt Mỹ sẽ dẫn tới việc bố trí lại trật tự thế giới.

5. Cường quốc số một: Người Trung Quốc chuẩn bị tốt chưa?

Tốc độ trỗi dậy của Trung Quốc rất nhanh, quy mô trỗi dậy rất lớn, môi trường trỗi dậy rất phức tạp, mô hình trỗi dậy rất độc đáo, ảnh hưởng trỗi dậy rất sâu sắc, không chỉ thế giới bên ngoài cảm thấy đột nhiên và bất ngờ, chính bản thân người Trung Quốc cũng chưa chuẩn bị tốt. Khi tổng lượng kinh tế Trung Quốc vượt Nhật Bản thì việc chuẩn bị tốt cho việc vươn tới vị trí "đứng đầu thế giới" càng trở nên bức thiết.

Năm tiêu chí, ý nghĩa thế giới của "Trung Quốc số một": Sự chuẩn bị về nhận thức

Giá trị của việc "đứng đầu thế giới" là gì? Ý nghĩa của việc Trung Quốc trở thành nước "đứng đầu thế giới" là gì? Người Trung Quốc đương đại có đáng phấn đấu về việc "đứng đầu thế giới" này không? Nhận thức của mọi người về vấn đề chưa nhất trí. Nhận thức chung hình thành về vấn đề này là trước hết cần làm tốt "việc chuẩn bị về nhận thức". Có người cho rằng Trung Quốc hiện nay còn bao nhiêu vấn đề hiện thực còn chưa giải quyết, thế thì đi tranh cái danh hiệu "đứng đầu thế giới" làm gì?. Có người cho rằng việc đi tranh danh hiệu "đứng đầu thế giới" là việc vui rất lớn, nhưng còn quá xa vời đối với dân

chúng. Có người cho rằng giải quyết tốt những vấn đề Trung Quốc còn thấp kém là việc làm hiện thực hơn. Xem ra, mọi người đều nói có lý, điều then chốt của việc thống nhất nhận thức là ở chỗ việc Trung Quốc trở thành nước "đứng đầu thế giới" sẽ tạo ra môi trường và điều kiện chiến lược tốt hơn để giải quyết những vấn đề cụ thể của Trung Quốc ở khởi điểm và tầm cao hơn.

"Trung Quốc số một" với tư cách là kết cục của cuộc cạnh tranh chiến lược giữa Trung Quốc và Mỹ sẽ có năm ý nghĩa mang tính tiêu chí sau:

- Trung Quốc trở thành nước đứng đầu thế giới là kết quả của sự cạnh tranh lâu dài giữa nước đang phát triển lớn nhất thế giới và nước phát triển nhất thế giới, nó chứng minh nước đang phát triển có thể trở thành nước phát triển, thậm chí vượt lên các nước phát triển.

- Trung Quốc trở thành nước đứng đầu thế giới là kết quả cạnh tranh giữa một nước Xã hội chủ nghĩa lớn nhất thế giới và một nước tư bản chủ nghĩa lớn nhất thế giới, nó chứng minh tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc. Đây là lần đầu tiên tổng lượng sức sản xuất của một nước Xã hội chủ nghĩa vượt qua một nước tư bản chủ nghĩa, lần đầu tiên ưu thế chính trị của chủ nghĩa xã hội được xây dựng trên cơ sở ưu thế kinh tế xã hội chủ nghĩa. Mô hình chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc do tạo nên kỳ tích "đứng đầu thế giới", nên cũng sẽ trở thành mô hình đứng đầu trên thế giới và tỏa sáng khắp nơi. Trong thế giới cận đại, các nước phương Tây luôn là những nước sáng tạo và chiếm hữu nhiều của cải nhất. Sự trỗi dậy của Liên Xô sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã tạo nên xu thế mạnh mẽ vượt Mỹ. Nhưng ngay cả khi Liên Xô ở vào thời kỳ đỉnh cao thì sức mạnh kinh tế của Liên Xô cũng chỉ bằng 60% GDP của Mỹ. Trong 100 năm trước khi Mỹ xưng bá, các cường quốc châu Âu cũng thay nhau đứng đầu thế

giới. Sau hai thế kỷ các nước phương Tây luôn đi đầu về tổng lượng của cả thế giới thì đã xuất hiện bước ngoặt mang tính lịch sử: về quy mô kinh tế các nước phương Tây đang dần dần bị các nước đang phát triển vượt qua. Đến khoảng năm 2030, tổng lượng kinh tế của Trung Quốc sẽ vượt Mỹ. Đến năm 2050 thứ tự của 3 thế kinh tế lớn nhất thế giới lần lượt sẽ là Trung Quốc, Mỹ, Ấn Độ. Các nước lớn phương Tây già nua cam chịu lùi về phía sau.

- Trung Quốc trở thành nước đứng đầu thế giới sẽ mang lại ý nghĩa mới cho việc "so sánh văn minh" giữa nền văn minh phương Đông với nền văn minh phương Tây. Nó chứng minh không chỉ nền văn minh phương Tây mới mang lại hạnh phúc cho thế giới, văn hóa phương Đông cũng có thể dẫn dắt thế giới và văn hóa phương Đông có sức hấp dẫn lớn hơn, sức sống và sức sáng tạo mạnh hơn. Trong lịch sử cận đại thế giới, dân tộc nói tiếng Anh đi đầu thế giới, còn khi Trung Quốc trở thành nước đứng đầu thế giới thì sẽ khởi động giai đoạn mới dân tộc nói tiếng Hán đi đầu thế giới.

- Trung Quốc trở thành nước đứng đầu thế giới sẽ phá vỡ "sự kỳ thị về nhân chủng" của phương Tây. Năm 1924, trong "Chủ nghĩa tam dân" của Tôn Trung Sơn có viết: "Dùng người châu Á để so sánh với người châu Âu thì trước kia luôn cho rằng trên thế giới này chỉ có người da trắng mới có thông minh tài trí, làm việc gì cũng bị người da trắng lũng đoạn. Gần đây bất ngờ Nhật Bản nổi lên, do vậy có thể thấy những việc mà người da trắng làm được, người Nhật Bản cũng có thể làm được. Giống người trên thế giới tuy màu da có khác nhau, nhưng nói đến thông minh tài trí thì không thể nói có gì khác biệt". Nhật Bản tuy là nước phát triển nhưng, chưa bao giờ trở thành nước "đứng đầu thế giới". Cho đến nay, các nước "đứng đầu thế giới" thời kỳ cận đại đều do người da trắng xây dựng nên. Trung Quốc trở thành nước đứng đầu thế giới đã chứng

minh người da vàng cũng là chủng tộc ưu tú của thế giới, không phải là ưu thế riêng của người da trắng. Những việc mà người da trắng làm được, người da vàng cũng có thể làm được, và có thể sẽ làm tốt hơn.

- Trung Quốc trở thành nước đứng đầu thế giới sẽ làm thay đổi cảm giác ưu việt về địa lý hình thành lâu nay ở phương Tây. Các nước "đứng đầu thế giới" thời kỳ cận đại đều nảy sinh từ khu vực Âu-Mỹ. Châu Á là châu lục lớn nhất thế giới, châu Á đương nhiên sẽ phải xuất hiện một quốc gia "đứng đầu thế giới". Việc Trung Quốc trở thành nước đứng đầu thế giới là sự vinh quang của châu Á.

Có thể thấy việc Trung Quốc trở thành nước đứng đầu thế giới chính là đang tiến hành một sự nghiệp vĩ đại, nó không chỉ có ý nghĩa kinh tế mà còn có ý nghĩa chính trị, ý nghĩa văn hóa. Nó sẽ mang lại cho Trung Quốc tài nguyên chính trị và tài nguyên đạo nghĩa to lớn. Ý nghĩa thế giới của nó cũng sẽ chuyển hóa thành lợi ích thiết thân của mỗi người dân Trung Quốc. Có thể nói "Thiên hạ hưng vong, mọi người đều có trách nhiệm. Trung Quốc đứng đầu, mọi người đều có lợi."

Sự trỗi dậy của nước lớn cần có "đại chí": Sự chuẩn bị về "chí hướng"

Một sự chuẩn bị quan trọng khác không thể thiếu khi Trung Quốc vươn tới trở thành nước đứng đầu thế giới là sự chuẩn bị về "chí hướng".

Nước lớn trỗi dậy cần có "đại chí", đây là đặc điểm và quy luật quan trọng. Có "đại chí" mới có thể trở thành "nước lớn". Phàm là "nước lớn trỗi dậy" đều là những nước có lý tưởng và chí hướng "đứng đầu thế giới", đều là những nước đã từng tham gia cạnh tranh vươn tới vị trí "đứng đầu thế giới". Vươn tới "đứng đầu thế giới" là đặc trưng chung và tính cách chung của các nước lớn trên thế giới. Đó chính là chí hướng, sự theo

đuổi, sự hưng phấn, tín ngưỡng và niềm tin "xây dựng đất nước mình trở thành nước đứng đầu thế giới". Có như vậy mới trở thành nguồn động lực chấn hưng dân tộc, đưa đất nước trở dậy. Một dân tộc và quốc gia thiếu ý chí hoài bão trở thành nước đứng đầu thế giới thì rất khó trở thành dân tộc ưu tú, quốc gia ưu tú của thế giới. Các dân tộc ưu tú trên thế giới đều là những dân tộc dám và giỏi cạnh tranh địa vị đứng đầu thế giới, đều là những dân tộc có những thành tựu tuyệt vời và biểu hiện phi phàm trong cuộc chạy đua giành địa vị đứng đầu thế giới.

Bồ Đào Nha khi trở dậy trở thành nước lớn, dân số chỉ có 1 triệu người, dân số huyện lớn của Trung Quốc hiện nay còn nhiều hơn. Bồ Đào Nha hiện nay vẫn là nước nhỏ ở châu Âu, diện tích đất đai chỉ có hơn 92 nghìn km² với hơn 10 triệu dân. Nhưng nhìn vào thế giới hiện nay, trừ châu Đại Dương ra, trên các châu lục khác đều có nước và khu vực lấy tiếng Bồ Đào Nha làm ngôn ngữ thứ nhất hoặc ngôn ngữ thứ hai. Đế quốc Bồ Đào Nha giống như người khổng lồ đã từng đứng trên quả địa cầu xuyên qua 140 kinh độ và 70 vĩ độ; Ấn Độ Dương, biển Ả-rập, biển Đông hầu như đều từng trở thành "lãnh hải" của Bồ Đào Nha. Một nhà thơ Bồ Đào Nha khi đó đã từng kiêu hãnh nói: "Tôi chính là Bồ Đào Nha, tôi to lớn hơn cả thế giới này!". Chính khí phách "tôi to lớn hơn cả thế giới này" đã khiến Bồ Đào Nha trở thành nước đầu tiên "đứng đầu thế giới" trên vũ đài quốc tế trong thời kỳ cận đại.

Người Hà Lan "nước nhỏ làm nên nghiệp lớn" có bức tranh "Nữ thần Amsterdam", trong bức tranh này, cánh tay của Nữ thần Amsterdam đặt lên trên quả địa cầu. Nó như dự báo nước Hà Lan nhỏ bé đặt thế giới vào trái tim mình, đặt trái đất vào trong lòng bàn tay mình. Khi Hà Lan với tư cách là nước lớn trở dậy, dân số chỉ có 1,7 triệu người, nhưng đã từng làm mưa làm gió trên vũ đài thế giới trong thế kỷ 17, tạo nên một thời

kỳ hoàng kim.

Nhà văn Nga nổi tiếng Mikhailovich Dostoevsky đã từng nói: "Một dân tộc thực sự vĩ đại mãi mãi không được cho rằng sẽ đóng vai trò thứ yếu trong nhân loại, thậm chí cũng không được cho rằng sẽ đóng vai trò hàng đầu, mà nhất định phải đóng vai trò độc nhất vô nhị:".

De Gaulle đã nói một câu nổi tiếng: "Nước Pháp nếu không vĩ đại thì không phải là nước Pháp". Ông cho rằng, đặc điểm của nước Pháp chính là sự vĩ đại, tính cách của nước Pháp chính là sự vĩ đại, mục tiêu của nước Pháp cũng chính là sự vĩ đại. Vĩ đại chính là "tín ngưỡng quốc gia" và chí hướng quốc gia" của nước Pháp.

Nước Mỹ trong hơn 200 năm xây dựng đất nước luôn tiến lên trong lời kêu gọi trở thành "tấm gương thế giới", "đất nước lãnh đạo", "thế kỷ của Mỹ".

Cạnh tranh là sự bấp bênh của nhân loại, cạnh tranh giữa các nước cũng là sự bấp bênh của các nước. Điều quan trọng nhất của sự cạnh tranh là tự tin, tự tin mới có thể tự cường. Một quốc gia muốn có thực lực mạnh nhất phải có sự tự tin, mà các quốc gia chưa có đủ thực lực càng phải có sự tự tin. Trên thực tế những nước lớn trong khi trỗi dậy không có nước nào lớn bằng Trung Quốc; từ diện tích, dân số cho đến của cải đều không thể so sánh được với Trung Quốc. Trong số các quốc gia trỗi dậy trên thế giới trong thời kỳ cận đại, đa số là các nước nhỏ trỗi dậy. Có những nước rất nhỏ, diện tích chưa đến 100 nghìn km² và dân số chỉ có 1 triệu người, nhưng đã trỗi dậy trở thành nước lớn hàng đầu thế giới.

Lịch sử trỗi dậy của một bộ phận nước lớn đã chứng minh: cái lớn của nước lớn không phải ở cái lớn của diện tích, không phải ở chỗ dân số đông, mà là ở chí hướng cao xa, mục tiêu hùng vĩ. Nước lớn không có chí lớn tất sẽ suy thoái. Nước nhỏ có chí lớn cũng có thể trỗi dậy.

Nếu như nói thế kỷ 20 là thế kỷ của chiến tranh và đối kháng, thế thì thế kỷ 21 sẽ là thế kỷ của cạnh tranh và đào thải. Trên vũ đài quốc tế thế kỷ mới sẽ là cuộc cạnh tranh gay gắt giữa các cường quốc. Người Mỹ nói thế kỷ 21 vẫn là thế kỷ của Mỹ. Còn cựu Thủ tướng Ấn Độ Vajpayee tuyên bố: "Thế kỷ 21 sẽ là thế kỷ của Ấn Độ". Trong cuộc chạy đua thế giới thế kỷ 21 không chỉ có một hay hai quốc gia có ý chí vươn lên đứng đầu thế giới. Trung Quốc thế kỷ 21 nếu không trở thành nước đứng đầu thế giới, không thể trở thành cường quốc số một, tất sẽ là quốc gia tụt hậu, sẽ là quốc gia bị đào thải.

Cơ hội chiến lược dựa vào "thu hoạch" chiến lược: Sự chuẩn bị về chiến lược

Cơ hội thường đòi hỏi có đầu óc chuẩn bị. Cơ hội chiến lược sẽ hậu đãi các quốc gia có sự chuẩn bị chiến lược. Trong quá trình phát triển và trỗi dậy, một quốc gia một dân tộc may mắn có được thời kỳ cơ hội chiến lược hiếm hoi. Những thu hoạch giành được trong thời kỳ này được quyết định bởi trình độ và chất lượng chuẩn bị chiến lược của một quốc gia.

Sau khi nước CHND Trung Hoa thành lập, đáng tiếc đã từng để mất đi hai lần cơ hội chiến lược phát triển quốc gia. Lần đáng tiếc thứ nhất là vào thời kỳ đầu thập kỷ 50 của thế kỷ 20, Trung Quốc tiến hành thắng lợi cuộc kháng Mỹ viện Triều, Trung Quốc được thế giới công nhận là nước lớn quân sự, môi trường an ninh quốc gia được cải thiện lớn, việc xây dựng kinh tế có cơ hội chiến lược phát triển tốt đẹp. Nhưng thời cơ chiến lược quý báu này lại chỉ được lợi dụng có hiệu quả trong vòng 4 năm thì bị chấm dứt và cắt đứt bởi phong trào Chính phong phản hữu, tiếp sau đó là phong trào Đại nhảy vọt, Công xã nhân dân, Gió cộng sản. Trong khi đó, lúc này Nhật Bản lại lợi dụng được môi trường quốc tế có lợi, lợi dụng có hiệu quả thời kỳ cơ hội chiến lược, phát triển liên tục, nhanh

chống thực hiện sự trỗi dậy về kinh tế. Lần đáng tiếc thứ hai là trong cuộc đọ sức tay ba giữa Trung-Mỹ-Xô vào đầu thập kỷ 70 của thế kỷ 20, mối đe dọa chiến lược của Liên Xô đã thúc đẩy quan hệ Trung-Mỹ phát triển theo hướng bình thường hóa, khiến môi trường chiến lược của Trung Quốc được cải thiện lớn. Trong sáu năm, từ 1971 đến 1976, có tới 51 quốc gia thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc, trong khi đó trong 22 năm từ 1949 đến 1970, chỉ có 54 nước thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc. Thời kỳ chiến lược tốt đẹp như vậy lại không được lợi dụng có hiệu quả, do thực hiện cuộc Đại cách mạng văn hóa. Sau khi thực hiện cải cách mở cửa, do sự chỉ đạo chiến lược đúng đắn, sự chuẩn bị chiến lược đầy đủ, mới có thể nắm bắt được cơ hội phát triển đất nước, nhanh chóng tiến vào địa vị các nước lớn kinh tế thế giới trong tình hình Liên Xô tan rã, kinh tế Nhật Bản trì trệ, Đông Nam Á rơi vào khủng hoảng tài chính, Mỹ sa lầy trong cuộc chiến tranh Irắc và xảy ra cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 2008.

Thực tiễn Trung Quốc đã chứng minh giá trị của cơ hội chiến lược được quyết định bởi chất lượng chuẩn bị chiến lược. Thời kỳ hiện nay của Trung Quốc không chỉ là "thời kỳ cơ hội chiến lược", mà là "thời kỳ nước rút chiến lược" để giành lấy địa vị đứng đầu thế giới, cần phải đưa ra sự chuẩn bị chiến lược đầy đủ hơn, có sự sáng tạo chiến lược, thiết kế chiến lược và chỉ đạo chiến lược với chất lượng cao hơn.

Trung Quốc "bay lên," cần chuẩn bị đầu óc tỉnh táo: "Sự chuẩn bị về tâm lý"

Việc trở thành cường quốc số một, đứng đầu thế giới là mục tiêu lớn của Trung Quốc trong thế kỷ 21. Phấn đấu vì mục tiêu lớn này đòi hỏi tràn đầy nhiệt huyết. Đứng đầu thế giới vốn là truyền thống của Trung Quốc. Cường quốc số một vốn là lịch sử của Trung Quốc. Nhưng truyền thống của quốc gia

và dân tộc này đã từng bị mất đi. Nguyên nhân mất đi là do người Trung Quốc "chìm trong giấc ngủ". Đúng như Tôn Trung Sơn năm 1924 đã từng nói, địa vị quốc gia của Trung Quốc trong thế giới cận đại đã "rơi xuống nghìn trượng", "nguyên nhân lớn nhất đưa tới điều này" chính là "trước đó mất đi tinh thần dân tộc, giống như chìm trong giấc ngủ, hiện nay phải khôi phục lại tinh thần dân tộc, phải kêu gọi tỉnh lại." Muốn làm cho con rồng Trung Quốc bừng tỉnh thì phải xây dựng lại chí hướng "Trung Quốc số một", lại tiếp tục cống hiến cho sự nghiệp "Trung Quốc số một", lại tận tâm với sự nghiệp "Trung Quốc số một", lại làm tròn giấc mơ "Trung Quốc số một."

Dân tộc Trung Hoa vĩ đại một khi "bừng tỉnh", thì cùng với việc cả dân tộc tràn đầy nhiệt huyết, còn cần phải giữ bình tĩnh và tỉnh táo. Trung Quốc trong quá trình tiến hành cách mạng hay tiến hành xây dựng kinh tế đều đã từng mắc phải căn bệnh cấp tính "quá hưng phấn", đã từng bị thất bại và hứng chịu rủi ro. Vì thế hiện nay trong tình hình cả nước đang sôi động, toàn dân đang hưng phấn, thì việc giữ bình tĩnh và tỉnh táo là điều đặc biệt cấp bách và quan trọng. Năm 2007, tổng GDP của Trung Quốc đã vượt Đức, đứng thứ 3 thế giới. Nhưng dân số Trung Quốc có 1,3 tỷ dân, Đức có 80 triệu dân. Năm 2007 GDP bình quân đầu người của Trung Quốc là 2.604 USD, còn của Đức là 40.162 USD, gấp 15,4 lần Trung Quốc, chênh lệch rất lớn. Trung Quốc cần có động lực để vượt lên, đồng thời cũng cần có lý tính và bình tĩnh cao độ.

CHƯƠNG 2

ĐỐI ĐẦU THẾ KỶ: CUỘC CHIẾN TRANH GIÀNH ĐỊA VỊ “QUỐC GIA ĐỨNG ĐẦU” GIỮA TRUNG QUỐC VÀ MỸ

Quốc gia đứng đầu là quốc gia giàu có và mạnh nhất xuất hiện trong quá trình cạnh tranh giữa các quốc gia trên phạm vi toàn cầu sau khi hình thành hệ thống thế giới cận đại; là quốc gia đi đầu thế giới trong một giai đoạn; là quốc gia đóng dấu ấn thời đại sâu sắc vào toàn bộ thế giới; là quốc gia có ảnh hưởng lớn nhất thế giới. Thế kỷ 21 sẽ diễn ra cuộc đối đầu Trung-Mỹ để tranh giành địa vị “quốc gia đứng đầu”.

1. Thay đổi địa vị đứng đầu: 100 năm một lần

Việc xuất hiện và thay đổi quốc gia đứng đầu có đặc điểm và quy luật của nó. Quốc gia đứng đầu có loại hình khác nhau thì sẽ có bộ mặt khác nhau. Địa vị và vai trò của quốc gia đứng đầu được thể hiện ở giá trị của nó đối với thế giới. Các quốc gia đứng đầu xuất hiện trong 500 năm nay trong thế giới cận đại điển hình là Bồ Đào Nha thế kỷ 16, Hà Lan thế kỷ 17, Anh thế kỷ 18 và 19, Mỹ thế kỷ 20. Trung Quốc sẽ trở thành quốc gia đứng đầu trong thế kỷ 21.

Động lực trỗi dậy của nước lớn

Động lực chủ yếu để thế giới tiến bộ và phát triển là sự cạnh tranh giữa các quốc gia. Nếu như nói trong nội bộ một quốc gia, sự cạnh tranh giữa các giai cấp, các tập đoàn, các tầng lớp là động lực phát triển quốc gia, thế thì sau khi hình

thành hệ thống quốc tế, cuộc cạnh tranh giữa các quốc gia chính là động lực phát triển thế giới, chính là động lực trỗi dậy của nước lớn.

Giáo sư Viện chính trị học Kennedy thuộc trường Đại học Harvard Joseph Nye nói: “Một số nhà sử học cho rằng tại châu Âu có sự cạnh tranh giữa các quốc gia, điều này quả thực khiến họ không ngừng tự phát triển. Tại châu Á, địa vị của Trung Quốc mang tính chủ đạo, không có bất kỳ quốc gia nào có thể cạnh tranh được với Trung Quốc, và Trung Quốc cũng chỉ giải quyết nội bộ vấn đề quốc gia phương Bắc xâm nhập, vì vậy không có động lực bành trướng lãnh thổ ra bên ngoài”, “Trung Quốc 1500 năm trước rõ ràng là siêu cường của Đông Á. Khi đó người châu Âu bắt đầu vượt biển thám hiểm, còn người Trung Quốc có ít hoạt động này. Cho nên bạn sẽ phát hiện thấy những nước lớn của thế giới có thực lực bành trướng sang các châu lục khác đều bắt nguồn từ châu Âu.”

Theo sự nhìn nhận của Joseph Nye, thế giới phương Tây sở dĩ phát triển nhanh là do cạnh tranh giữa các nước phương Tây rất gay gắt, cuộc cạnh tranh gay gắt giữa các nước phương Tây đã mang lại động lực và sức sống cho thế giới phương Tây. Còn thế giới phương Đông trong thời kỳ cận đại sở dĩ phát triển chậm, thậm chí trì trệ, là do không hình thành cục diện cạnh tranh giữa các quốc gia.

Trong thế giới hiện nay số lượng các nước tham gia cạnh tranh đã tăng lên so với trước kia. Trong thế kỷ 20, số lượng các nước giành được độc lập về chính trị và hưởng chủ quyền hợp pháp đã tăng lên: Trong thập kỷ 30 của thế kỷ 20 chỉ có 60 nước, nhưng đến cuối thế kỷ 20 đã có 190 nước. Cho đến tháng 9/2002, số các nước thành viên của Liên Hợp Quốc đã lên đến 191. Theo tư liệu có liên quan, tính đến năm 2008, trên thế giới tổng cộng có 225 nước và khu vực, trong đó có

194 nước và 31 khu vực. Thế giới tiến bộ và phát triển trong sự cạnh tranh giữa các quốc gia. Sức sống, động lực, sức sáng tạo được bắt nguồn từ sự thúc đẩy cạnh tranh giữa các quốc gia. Cạnh tranh giữa các quốc gia, đặc biệt là cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn là động lực lớn nhất của sự tiến bộ thế giới.

Mục tiêu cạnh tranh giữa các quốc gia có thể chia thành mục tiêu thấp nhất và mục tiêu cao nhất. Nhà lý luận quan hệ quốc tế nổi tiếng của Mỹ Kenne N. Walz cho rằng quốc gia là “thể hành vi tương đồng lấy tự bảo tồn làm mục tiêu thấp nhất, lấy tranh giành quyền chủ đạo thế giới làm mục tiêu cao nhất.” Mục tiêu thấp nhất trong cạnh tranh giữa các quốc gia là sự sinh tồn của bản thân quốc gia.. Mục tiêu cao nhất trong cạnh tranh giữa các quốc gia là trở thành nước đứng đầu thế giới, là giành được quyền chủ đạo thế giới. Trở thành nước số một thế giới, nước đứng đầu thế giới là mục tiêu cao nhất của cạnh tranh quốc gia và là ranh giới cao nhất của sự phấn đấu quốc gia.

Cuộc đọ sức, cạnh tranh, phấn đấu trên vũ đài quốc tế của các quốc gia có 4 tầng thứ:

- An ninh: An ninh là mục tiêu chiến lược cơ bản nhất và cũng là mục tiêu quan trọng nhất. Sự phát triển của lịch sử và sự tiến bộ của thế giới đạt được đến ngày nay đã khiến lợi ích an ninh của tuyệt đại đa số các quốc gia dân tộc được đảm bảo. Hiện nay trên thế giới có 194 quốc gia, về cơ bản không tồn tại nguy cơ bị chinh phục hoặc bị diệt vong. Chủ quyền quốc gia của các nước về cơ bản được đảm bảo an ninh. Chỉ có mười mấy nước bị đe dọa bởi chiến tranh.

- Phát triển: Thế giới tuy bước vào thời đại hòa bình và phát triển đã được nhiều năm, nhưng số nước thực sự thực hiện được phát triển tương đối nhanh tương đối mạnh không chiếm đa số, số các nước phát triển và nước công nghiệp hóa

mới nổi lên cộng lại cũng chỉ khoảng từ 40-50 nước, chiếm 1/4 tổng số các nước trên thế giới.

- Trỗi dậy: Trong quần thể các nước đang phát triển, những quốc gia trỗi dậy có thể ảnh hưởng đến cục diện thế giới cũng chỉ tồn tại và xuất hiện có vài nước. Số các quốc gia có thể trỗi dậy trong 500 năm qua của thế giới cận đại cũng chỉ có mười mấy nước. Số các quốc gia hiện nay có cơ hội và điều kiện để trỗi dậy trở thành cường quốc thế giới cũng chỉ có vài nước.

- Quốc gia đứng đầu: Đây cũng tầng nấc cao nhất. Quốc gia đứng đầu thường cứ 100 năm xuất hiện một lần. Tuy nhiên trong 500 năm qua của thế giới cận đại, số các quốc gia tranh giành ngôi báu “quốc gia đứng đầu” chỉ có 7, 8 nước; nhưng số quốc gia thực sự tiến tới địa vị “quốc gia đứng đầu” cũng chỉ có vài nước. Một quốc gia muốn trở thành quốc gia đứng đầu thế giới phải là quốc gia trỗi dậy, nhưng quốc gia trỗi dậy không nhất thiết trở thành quốc gia đứng đầu thế giới. Từ quốc gia đang sinh tồn, quốc gia đang phát triển, quốc gia đang trỗi dậy đến quốc gia đứng đầu thế giới là cả một quá trình phấn đấu truyền kỳ.

Việc thay đổi các quốc gia đứng đầu: Thể hiện tập trung của sức sống thế giới

Giữa các quốc gia có cạnh tranh sẽ có chiến thắng hoặc đào thải. Sự suy thoái của quốc gia đứng đầu cũ và sự trỗi dậy của quốc gia đứng đầu mới—sự thay thế này thể hiện sức sống tiến bộ và phát triển của thế giới. Sự xuất hiện một quốc gia đứng đầu mới cũng đánh dấu sự tiến bộ mang tính lịch sử và bước nhảy vọt lớn của thế giới.

Trong phần mở đầu của cuốn “Ngoại giao lớn”, Kissinger đã viết: “Hầu như tồn tại một quy luật tự nhiên, cứ một thế kỷ lại có một nước lớn trỗi dậy; nó có sự khích lệ của

sức mạnh, của ý chí, của trí tuệ và của đạo đức; dựa vào hệ thống giá trị của bản thân mình, nó sẽ xây dựng lại toàn bộ hệ thống quốc tế.”

Kỳ thực ngay từ cách đây hơn 2000 năm, nhà sử học vĩ đại cổ Hy Lạp Herodotus dựa vào quá trình hưng suy của thành cổ Hy Lạp đã đưa ra luận đoán nổi tiếng : “Sự suy vong của một đô thị phồn hoa và sự trỗi dậy của một thành phố bé nhỏ đã minh chứng cho một kết luận, đó là viễn cảnh tốt đẹp không bao giờ tồn tại lâu dài.” Điều này trên thực tế đã thể hiện một quy luật không cân bằng về sự phát triển cạnh tranh giữa các quốc gia, cũng là quy luật mang tính chu kỳ của bá quyền: không thể có việc “phong cảnh ở đó mãi mãi đẹp”. Quốc gia đứng đầu cũng phải thay thế, thế giới không thể bị một quốc gia lũng đoạn lâu dài.

Trong thập kỷ 80 của thế kỷ 20, nhà chính trị học quốc tế nổi tiếng của Mỹ George Modelski đã từng đưa ra lý luận về “chu kỳ trăm năm” của sự thay đổi quốc gia bá quyền, cũng có thể gọi là lý luận chu kỳ trăm năm của “quyền lãnh đạo thế giới”. Ông đã chia nền chính trị quốc tế trong 500 năm qua thành 5 chu kỳ mang tính thế kỷ (1495-2030), đại thể cứ cách nhau 100 năm thì xuất hiện một nước lớn trỗi dậy, xuất hiện một quốc gia bá quyền chủ đạo hệ thống thế giới. Trong thời gian 500 năm này, những nước bá quyền lần lượt xuất hiện là: Bồ Đào Nha thế kỷ 16, Hà Lan thế kỷ 17, Anh thế kỷ 18 và 19, Mỹ thế kỷ 20.

Cho dù là chu kỳ 100 năm của “quốc gia đứng đầu”, hay chu kỳ 100 năm của “quyền lãnh đạo thế giới” thì nó cũng chứng minh một điều đó là trong quá trình cạnh tranh giữa các quốc gia, không có sự đứng đầu mãi mãi. Nhiệm kỳ của quốc gia đứng đầu là “nhiệm kỳ thế kỷ”, “nhiệm kỳ 100 năm”. Người ta thường nói “thế kỷ Hà Lan”, “thế kỷ Anh”, “thế kỷ Mỹ”. Nhiệm kỳ đứng đầu của các quốc gia đứng đầu này

cũng là một thế kỷ. Chế độ nhiệm kỳ tự nhiên hình thành nên của “quốc gia đứng đầu” có lợi cho thế giới. Cho dù là muốn duy trì địa vị đứng đầu hay là muốn vươn tới đứng đầu thì đều mang lại sức sống và động lực cho sự phát triển của thế giới.

Việc thay đổi quốc gia đứng đầu thể hiện sự nâng cao trình độ vận hành tổng thể của thế giới. Ví dụ, việc xuất hiện nước Anh đã mang lại cho thế giới nền công nghiệp hóa. Việc nước Mỹ tiến lên vị trí quốc gia đứng đầu đã mang lại sự thay đổi mới mẻ cho thế giới. Quốc gia đứng đầu xuất hiện sau nước Mỹ tất sẽ mang lại cục diện mới cho thế giới.

Ba bộ mặt của quốc gia đứng đầu

Quốc gia đứng đầu thế giới đại thể có thể chia thành 3 loại hình sau:

- **Mô hình thực dân:** Quốc gia đứng đầu theo mô hình thực dân chính là quốc gia thực hiện “chủ nghĩa đế quốc thực dân”. Những nước này thông qua chiếm lĩnh quân sự, tiến hành thống trị trực tiếp, biến nước yếu thành đất thuộc địa của mình, xây dựng nên Đại đế quốc thực dân. Mấy nước lớn trỗi dậy trong thời kỳ đầu đều là quốc gia đứng đầu thuộc mô hình thực dân, bao gồm Bồ Đào Nha, Hà lan, Anh. Những nước này dựa vào logic ăn cướp “phát hiện thì chiếm lĩnh”, tiến hành xâm chiếm bằng vũ lực, xây dựng nên đế quốc thực dân hùng mạnh.

Năm 1549, đất thuộc địa của Tây Ban Nha ở châu Mỹ từ Bắc xuống Nam dài hơn 10 nghìn km, xuyên suốt 67 vĩ độ, với tổng diện tích lên đến 25 triệu km².

Hà Lan thế kỷ 17 không chỉ là nước lớn thương mại, mà còn là cường quốc thực dân. Hoạt động thực dân của Hà Lan chủ yếu thông qua Công ty Ấn Độ Đông và Công ty Ấn Độ Tây để tiến hành. Phạm vi thực dân của Công ty Ấn Độ Đông chủ yếu ở châu Á. Phạm vi thực dân của Công ty Ấn Độ Tây

chủ yếu ở châu Phi và châu Mỹ. Diện tích đất thực dân mà hai công ty này xây dựng ở hải ngoại lớn gấp 60 lần diện tích nước Hà Lan.

Anh là “đế quốc thực dân” trong thời kỳ khuyếch trương tư bản đã lấy chiếm lĩnh thế giới làm mục tiêu. Đất thực dân mà đế quốc Anh xâm chiếm lên tới hơn 30 triệu km², gấp hơn 100 lần so với diện tích nước Anh, tức khoảng 1/4 diện tích toàn cầu với gần 400 triệu dân, gấp 9 lần dân số nước Anh khi đó. Trong 50 năm từ 1815-1865, nước Anh bình quân mỗi năm khuyếch trương và mở rộng diện tích thực dân với tốc độ 100 nghìn km²/năm, xây dựng nên “Đế quốc mặt trời không bao giờ lặn”, cũng xây dựng nên hệ thống mậu dịch quốc tế phục vụ cho lợi ích của “Đế quốc mặt trời không bao giờ lặn”. Đất thuộc địa một mặt cung cấp cho nước Anh nhiều nguyên liệu quý giá, mặt khác cũng cung cấp thị trường tiêu thụ hải ngoại của sản phẩm nước Anh. Tại nước Anh dần dần hình thành nên “tam giác hỗ trợ cho nhau” hợp thành bởi đất thực dân hải ngoại, mậu dịch quốc tế và lực lượng hải quân hùng mạnh. Nước Anh trở thành thế giới thực dân, thế giới mậu dịch. Anh dùng các tàu chiến để bảo vệ tuyến đường vận chuyển và kiểm soát thế giới. Nhà kinh tế Anh William Stanley Jevons năm 1865 đã từng nói: “Bình nguyên Bắc Mỹ và Nga là đất trồng ngô của chúng ta, Canada và vùng Bantích là khu rừng của chúng ta, Ôxtrâyliia là nơi nuôi cừu của chúng ta. Peru cung cấp bạc, còn vàng của Nam Phi và Ôxtrâyliia chảy về Luân Đôn, người Ấn Độ và người Trung Quốc trồng chè cho chúng ta, vườn trồng café, mía và hương liệu của chúng ta trải rộng ra khắp quần đảo Ấn Độ Dương. Bông của chúng ta lâu nay trồng ở miền Nam nước Mỹ, hiện nay trải rộng ra các khu vực ẩm áp trên trái đất.”

- **Mô hình bá quyền:** Quốc gia đứng đầu theo “mô hình bá quyền” là quốc gia không lấy chiếm lĩnh và tôn tính đất

đai làm mục tiêu, mà là thông qua việc chủ đạo và kiểm soát thế giới để thực hiện lợi ích bá quyền. Nếu như nói quốc gia đứng đầu theo “mô hình thực dân” là “cường đạo dã man”, thế thì quốc gia đứng đầu theo “mô hình bá quyền” thuộc loại “cường đạo văn minh”. Giữa hai mô hình này tuy có sự khác biệt, nhưng đều thuộc lại “cường đạo”. Quốc gia đứng đầu theo “mô hình bá quyền” có Mỹ là điển hình.

Chuyên gia sử ngoại giao của Mỹ Warrant Cohen trong cuốn “Cambridge History of American foreign Relations” có viết: “Từ năm 1776 đến nay người Mỹ luôn cố gắng xây dựng một chế độ cho riêng mình để thích ứng với nhu cầu không ngừng thay đổi của bản thân. Quả thực họ tranh giành quyền lực thế giới với người châu Âu. Giống như người châu Âu, người Mỹ bị khuất phục trước dục vọng thậm chí là sự hủ bại của quyền lực thế giới. Đây là sự thực. Người Philíppin, người Cuba, người Trung Quốc, và người Trung Mỹ có đầy đủ lý do để cho rằng Mỹ và các nước đế quốc khác không có gì khác biệt. Đây cũng là sự thực. Nhưng có điều khác với các nước đế quốc khác là nước Mỹ có vùng đất rộng lớn để khai thác và phát triển. Mỹ không vì dân số quá nhiều mà khát vọng đất thực dân, cũng không vì nguyên vật liệu mà khát vọng lãnh địa bảo hộ rộng lớn, đồng thời (giống như Nga) cũng không vì muốn xây dựng hệ thống vận chuyển quan trọng mà xâm chiếm những khu vực rộng lớn để có thể xây dựng những hải cảng mới”, “Mỹ không muốn đứng vào hàng của người Anh hoặc người Nhật Bản tìm kiếm đất đai và trở thành đế quốc thực dân. Các quan chức Mỹ chỉ muốn các vùng đất rời rạc với diện tích tương đối nhỏ để làm căn cứ khuếch trương mậu dịch khi cần thiết. Khi sáng tạo và đánh giá thành tựu công nghiệp, người Mỹ cũng không muốn mô phỏng người châu Âu, cũng không muốn dùng tiêu chuẩn của người châu Âu hay người Nhật Bản..... Các nhà lãnh đạo xí nghiệp thế

liên hợp kiểu Mỹ trên mặt sáng tạo và chế độ hóa xây dựng đã vượt xa các đối thủ cạnh tranh ở bên ngoài. Mối quan hệ của các nhà lãnh đạo xí nghiệp với chính phủ và những yêu cầu về chính sách ngoại giao mà họ đề xuất với chính phủ cũng có sự khác biệt rõ rệt so với các đối thủ.” Nghe nói Mỹ là quốc gia dân tộc đầu tiên trong thế kỷ 20. Sự sáng tạo khoa học, dây truyền công nghiệp hợp lý hóa và toàn cầu hóa, các công ty xuyên quốc gia, quyền uy chính trị tập quyền hóa lấy thông tin hiện đại làm cơ sở, chủ nghĩa can thiệp quân sự, chủ nghĩa dân tộc cuồng tín, chủ nghĩa sắc tộc cực đoan và cuộc cách mạng mang ý nghĩa sâu xa - tất cả đã cùng nhau tạo nên tiến trình phát triển trong thế kỷ 20.” Đánh giá này đã miêu tả đặc điểm người Mỹ không dùng thủ đoạn thực dân để xây dựng bá quyền.

Nước Mỹ cho dù trong thời đại chiến tranh và cách mạng, hay trong thời đại hòa bình và phát triển đều là “đế quốc bá quyền” lấy kiểm soát toàn cầu làm mục tiêu. Bá quyền của Mỹ thể hiện trên các mặt chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa ...

Sau chiến tranh thế giới thứ Hai, Mỹ xuất hiện với tư cách lãnh tụ chống chiến tranh phát xít của thế giới, có vốn chính trị to lớn, đã chủ đạo việc cấu trúc và xây dựng cơ chế quốc tế: xây dựng cơ chế an ninh tập thể Liên Hợp Quốc, xác lập địa vị chủ đạo trong chính trị quốc tế; xây dựng Ngân hàng thế giới và Quỹ tiền tệ quốc tế, xác lập hệ thống tài chính thế giới lấy đồng đôla Mỹ làm hạt nhân và địa vị chủ đạo của đồng đôla Mỹ trong nền kinh tế và tài chính quốc tế; xây dựng hệ thống mậu dịch tự do quốc tế lấy Hiệp định chung về mậu dịch và thuế quan làm cơ sở; thực hiện kiểm chế chiến lược đã đề xuất chủ nghĩa Truman, kế hoạch Marshall, xây dựng Tổ chức hiệp ước Bắc Đại Tây Dương. Mỹ là nước đề xướng, sáng lập, đóng góp lớn nhất cho Liên Hợp Quốc, cũng

là nước được lợi nhiều nhất từ tổ chức này. Mỹ luôn thông qua việc thúc đẩy bá quyền chế độ và bá quyền quyền lực để thực hiện lợi ích quốc gia. Mỹ đã từng gọi Liên Hợp Quốc là “bạo chính đa số”, thông qua nguyên tắc nhất trí giữa các nước lớn, đã thiết kế, xây dựng, lãnh đạo, kiểm soát và chi phối Liên Hợp Quốc – tổ chức quốc tế quan trọng nhất thế giới. Trong hoạt động của giai đoạn đầu của Liên Hợp Quốc, Mỹ kiểm soát và chi phối đa số ổn định trong Liên Hợp Quốc, thông qua cơ chế biểu quyết, để ý chí và nguyện vọng của mình chuyển sang hành động. Từ 1946-1953, Liên Hợp Quốc thông qua hơn 800 nghị quyết, tỷ lệ thành công của Mỹ là 97%, bất kỳ vấn đề an ninh lớn liên quan đến Mỹ đều chưa từng bị thất bại. Mỹ còn là nước ủng hộ và tổ chức nhiều tổ chức mang tính khu vực. Nguyên tắc nhất trí giữa các nước lớn, thực chất là nguyên tắc duy trì sự nhất trí với Mỹ. Sau chiến tranh thế giới thứ Hai, giá trị sản lượng công nghiệp của Mỹ chiếm trên một nửa giá trị sản lượng công nghiệp của thế giới, phái quân đội đi đóng ở 50 nước và khu vực trên thế giới. Mỹ dựa vào phương thức của mình chủ đạo trật tự quốc tế. Mỹ cùng Liên Xô tiến hành cuộc chiến tranh Lạnh trong gần nửa thế kỷ lấy tranh giành bá quyền thế giới làm nội dung. Sau khi chiến tranh Lạnh kết thúc, Mỹ cuối cùng đã xác lập được địa vị bá quyền của mình và thực hiện chủ nghĩa đơn phương, nhiều lần phát động chiến tranh, điều võ dương oai trên toàn thế giới.

Một biểu hiện quan trọng khác của bá quyền Mỹ là dùng mô hình Mỹ để cải tạo thế giới, muốn phổ biến nền dân chủ theo kiểu Mỹ ra toàn thế giới, muốn tiến hành Mỹ hóa toàn thế giới. Đây là điều không dân chủ lớn nhất trong quan hệ quốc tế của bá quyền Mỹ, là sự chuyên quyền và độc đoán của bá quyền Mỹ.

- **Mô hình dẫn dắt:** Quốc gia đứng đầu theo mô hình dẫn dắt là quốc gia đứng đầu không lấy chinh phục làm thủ đoạn

để xây dựng văn minh, không thông qua phương thức bá quyền và chinh phục thế giới để thực hiện lợi ích quốc gia của mình. Trung Quốc hiện nay vẫn còn chưa là quốc gia đứng đầu, nhưng Trung Quốc—quốc gia đứng đầu trong tương lai này nhất định sẽ là quốc gia đứng đầu theo mô hình “dẫn dắt”.

Nhà sử học nổi tiếng của Mỹ Brooks Adams cho rằng nền văn minh vĩ đại đều dùng phương pháp chinh phục để xây dựng nên, trung tâm truyền bá văn minh thế giới không nước nào khác chính là Mỹ, Mỹ nên nắm lấy cơ hội và bành trướng ra bên ngoài, đặc biệt là bành trướng sang châu Á và khu vực Thái Bình Dương, thực hiện ưu thế kinh tế Mỹ trên phạm vi toàn thế giới. Trên thực tế đây là một sự “bành trướng có lý luận”, “chinh phục có lý luận”, “bá quyền có lý luận”. Trước hết văn minh của Chủ nghĩa tư bản phương Tây là thông qua phương pháp chinh phục để xây dựng nên, điều này không đủ để chứng minh mọi nền văn minh vĩ đại đều là dùng phương pháp chinh phục để xây dựng nên. Nền văn minh Trung Hoa xây dựng nên mà không thông qua thủ đoạn chinh phục. Thứ hai, nếu như nói nền văn minh vĩ đại được xây dựng nên đều dùng phương pháp chinh phục, thế thì phương pháp chinh phục cũng là phương pháp cùng tồn vong với nền văn minh đó, không có chinh phục thì không có văn minh, không muốn chinh phục tức là không muốn văn minh, chinh phục cũng trở thành một bộ phận của văn minh. Điều này hiển nhiên là lôgích của cường đạo. Thứ ba, một số nền văn minh vĩ đại trước đây được xây dựng nên thông qua phương pháp chinh phục, điều này không có nghĩa là nền văn minh vĩ đại sau này cũng đều phải thông qua phương pháp chinh phục để xây dựng nên.

Nền văn minh trong tương lai là nền văn minh được xây dựng nên không dùng phương pháp chinh phục. Trung Quốc

phải tạo ra nền văn minh được xây dựng nên không dùng phương pháp chinh phục, tức là phải xây dựng nền văn minh mang tính phi chinh phục. Chỉ cần nền văn minh nhân loại hãy còn cần thông qua phương pháp chinh phục để xây dựng nên, thì nền văn minh đó chính là nền văn minh dã man, không phải là nền văn minh thực sự cao cấp. Dùng phương pháp mang tính phi chinh phục để sáng tạo ra nền văn minh mang tính phi chinh phục, đây là trách nhiệm của Trung Quốc, là quá trình phát triển của nền văn minh thế giới và là yêu cầu của những người yêu chuộng hòa bình, phát triển, tự do và văn minh trên thế giới đối với Trung Quốc, là một cống hiến mà Trung Quốc cần làm đối với thế giới văn minh. Cũng chỉ có truyền thống văn minh và nội dung văn minh của Trung Quốc thì mới có thể đảm nhận được trách nhiệm lịch sử nâng cấp và thay thế nền văn minh thế giới.

Những quốc gia đứng đầu trước Mỹ (bao gồm cả Mỹ) đều có 2 đặc tính: một mặt quốc gia đứng đầu là quốc gia đi đầu trong trào lưu phát triển của thế giới và đứng đầu về sức mạnh tổng hợp quốc gia; mặt khác lại là quốc gia bá quyền lấy thủ đoạn chiếm lĩnh và chinh phục để thống trị, hoặc kiểm soát nước khác, xưng bá thế giới, trấn áp người bất đồng chính kiến. Còn quốc gia số một thế giới mà Trung Quốc muốn theo đuổi, quốc gia đứng đầu mà Trung Quốc muốn cạnh tranh là quốc gia theo mô hình hoàn toàn mới mà trong lịch sử thế giới chưa từng có.

Brzezinski đã chỉ ra rằng: “Nhìn về lâu dài, nền chính trị thế giới nhất định sẽ trở nên ngày càng không hài hòa với việc một nước độc chiếm sức mạnh bá quyền. Vì vậy Mỹ không phải là siêu cường thực sự mang tính toàn cầu số một và duy nhất, mà rất có thể cũng là cuối cùng.” Nhìn vào xu thế phát triển của xã hội loài người và thế giới loài người cho thấy Mỹ sẽ là quốc gia bá quyền cuối cùng của thế giới này,

thế giới từ nay về sau sẽ không còn có thể lại xuất hiện một quốc gia bá quyền mới. Nhưng Mỹ không phải là quốc gia đứng đầu cuối cùng. Trong các vòng cạnh tranh vì sự tiến bộ và phát triển của các quốc gia, luôn sẽ xuất hiện một quốc gia mới đứng đầu thế giới. Đã không thể không có quốc gia đứng đầu, thì cũng không thể do một quốc gia mãi mãi lũng đoạn đứng đầu. Cho nên sự cáo chung của một quốc gia bá quyền không có nghĩa là sự cáo chung của quốc gia đứng đầu. Trung Quốc không làm quốc gia bá quyền không có nghĩa là không làm quốc gia đứng đầu. Nhìn từ góc độ thế giới cho thấy, các quốc gia đứng đầu theo mô hình thực dân đã cáo chung, quốc gia đứng đầu theo mô hình bá quyền cũng nhất định sẽ cáo chung. Còn quốc gia đứng đầu theo mô hình thứ ba chính là quốc gia đứng đầu theo mô hình dẫn dắt kiểu Trung Quốc, là quốc gia đứng đầu theo mô hình mới, tính chất cơ bản của nó không phải là tranh bá với thế giới, không phải là xưng bá với thế giới, mà là cạnh tranh với thế giới và đi đầu thế giới.

Giá trị của “quốc gia đứng đầu”

Cho dù trong thời đại nào, cho dù là quốc gia đứng đầu theo mô hình nào, thì cống hiến của nó đối với lịch sử cũng trên nhiều mặt. Quốc gia đứng đầu có 7 giá trị:

- Thúc đẩy những tiến bộ mới cho nền văn minh: Trong lịch sử thế giới cận đại, mỗi khi xuất hiện một quốc gia đứng đầu mới, đều luôn mang lại cho thế giới một luồng gió mới, thúc đẩy xã hội loài người bước vào giai đoạn lịch sử mới, mang lại sự tiến hóa cho nền văn minh nhân loại, mang lại hạnh phúc cho nhân loại. Nhưng các quốc gia đứng đầu theo mô hình thực dân và bá quyền cũng mang lại cho cộng đồng quốc tế tai họa và bất hạnh. Nhưng không thể vì điều này mà phủ định những công lao mà những quốc gia đứng đầu xây dựng cho cộng đồng quốc tế.

Khi cống hiến của một quốc gia đối với thế giới không còn tiếp tục đứng đầu thế giới nữa thì quốc gia này cũng không còn có thể tiếp tục giữ địa vị quốc gia đứng đầu thế giới, phải nhường vòng nguyệt quế quốc gia đứng đầu. Nhưng việc chuyển giao giữa quốc gia đứng đầu cũ và mới có khi phải thông qua chiến tranh để hoàn thành.

- Mở ra thời đại mới cho lịch sử: Thế giới cận đại trải qua mấy thời kỳ phấn chấn lòng người, như thời đại “đại hàng hải”, thời đại “công nghiệp hóa”, thời đại “tin học hóa” ... Việc mở ra những thời đại này luôn gắn liền với tên của những quốc gia đứng đầu. Mỗi một quốc gia đứng đầu đều đã từng mở ra và cống hiến cho thế giới “một thời đại”.

Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha đã sáng tạo và cống hiến cho nhân loại thời đại “đại hàng hải”, thời đại “phát hiện lớn về địa lý”. Nó khiến lịch sử nhân loại thực sự trở thành lịch sử thế giới, khiến vũ đài hoạt động của nhân loại mở rộng ra toàn bộ thế giới, tiến hành cuộc cạnh tranh giữa các nước trên phạm vi toàn thế giới, thúc đẩy mạnh mẽ tiến trình lịch sử nhân loại.

Thời đại công nghiệp hóa thế giới do Anh sáng tạo nên. Ngày 1/5/1851, triển lãm đầu tiên thế giới được mở tại Anh, cuộc triển lãm này đã thể hiện với thế giới về sự phồn vinh và giàu có của Anh. Trước Anh, trên thế giới cũng đã xuất hiện những nước mạnh, nước lớn, nước giàu có, nhưng chưa có quốc gia nào như nước Anh, do đã mở ra nền văn minh công nghiệp mới đã khiến nước Anh trở nên giàu có đến mức thực lực của Anh bằng thực lực của các nước khác cộng lại. Nước Anh thời đại công nghiệp hóa đã đưa tới trào lưu thế giới, khiến toàn bộ thế giới đều phải đi lên con đường cách mạng công nghiệp. Trong lịch sử nhân loại nước Anh là nước đầu tiên chuyển từ kinh tế nông nghiệp sang kinh tế công nghiệp, Anh là nước công nghiệp đầu tiên trên thế giới. Sức

mạnh công nghiệp của Anh bằng sức mạnh công nghiệp của phần còn lại thế giới cộng lại. Năm 1860, dân số nước Anh chỉ chiếm 2% dân số thế giới, chiếm 10% dân số châu Âu, nhưng sản phẩm công nghiệp của Anh chiếm từ 40%-60% tổng lượng sản phẩm công nghiệp thế giới, chiếm từ 55%-60% tổng lượng sản phẩm công nghiệp châu Âu. Nước Anh thời đại công nghiệp hóa là công xưởng của thế giới. Đây là cơ sở vật chất để nước Anh đi đầu thế giới, xưng bá thế giới và cống hiến cho thế giới.

Nước Mỹ có thể trở thành nước đứng đầu thế giới cũng là do có những cống hiến mang tính sáng tạo đối với kỷ nguyên mới của thế giới. Mác đã đánh giá cao Mỹ là “nơi đầu tiên sản sinh ra tư tưởng của nước cộng hòa dân chủ vĩ đại”, ca ngợi “Tuyên ngôn độc lập” mà mảnh đất thuộc địa Bắc Mỹ tuyên bố năm 1776 là “Tuyên ngôn nhân quyền đầu tiên” của nhân loại. Mác còn đánh giá cao “Tuyên ngôn giải phóng” của Mỹ năm 1863, ông đã từng thay mặt Quốc tế đệ nhất phát đi lời chúc mừng đầy nhiệt huyết”

Công nhân châu Âu tin tưởng vững chắc rằng giống như cuộc chiến tranh độc lập của Mỹ đã mở ra kỷ nguyên mới với thắng lợi của giai cấp tư bản, thế thì cuộc chiến tranh phản đối chế độ nô lệ của Mỹ sẽ mở ra kỷ nguyên mới với thắng lợi của giai cấp công nhân. Công nhân châu Âu cho rằng cuộc chiến đấu chưa từng có trong lịch sử do đứa con trung thành của giai cấp công nhân Abraham Lincoln tiến hành giải phóng nô lệ và cải tạo chế độ xã hội sẽ dự báo thời đại mới sắp đến.”

Mở ra thời đại tin học hóa cho nhân loại, Mỹ cũng đi đầu thế giới và có những cống hiến hàng đầu thế giới. Năm 1992, Clinton sau khi được bầu làm tổng thống đã thực hiện chiến lược phát triển mà sau này được gọi là “kinh tế học Clinton” mà một trong những biện pháp chiến lược quan trọng nhất là

đưa ra chính sách thúc đẩy các ngành kỹ thuật, lợi dụng mạnh mẽ ưu thế khoa học kỹ thuật và đội ngũ nhân tài hùng hậu của Mỹ, dẫn dắt trào lưu mới về phát triển kỹ thuật điện tử và kỹ thuật tin học thế giới. Điều này không chỉ tăng cạnh tranh toàn cầu của sản phẩm Mỹ, mà còn khiến Mỹ phát huy tác dụng đi đầu trên lĩnh vực điện tử tin học trong khi lãnh đạo kinh tế thế giới tăng trưởng và lôi kéo cả thế giới vào thời đại tin học hóa.

- Xây dựng trật tự thế giới mới: Quốc gia đứng đầu là nhà thiết kế thế giới. Thiết kế này bao gồm: hình thành một cục diện quốc tế mới, xác lập nguyên tắc hành vi quốc tế mới, xây dựng chế độ quốc tế mới, xây dựng trật tự quốc tế mới, xây dựng hệ thống quốc tế mới ...

Chuyên gia sử ngoại giao Mỹ Warren Cohen đã chỉ ra rằng:

Khi bắt đầu cuộc Chiến tranh Thế giới thứ Hai, người Mỹ đã bắt đầu thiết kế tổng thể thế giới sau chiến tranh, “nếu như nói bản thân tổng thống quá chú ý đến những vấn đề quân sự và chiến lược, không nghĩ nhiều đến tình hình thế giới sau chiến tranh, thế thì những người khác lại càng có nhiều thời gian để lao vào thiết kế sau chiến tranh. Trong đó đáng chú ý nhất là những cố gắng của Bộ ngoại giao Mỹ, cùng với việc sắp nổ ra chiến tranh, họ đã bắt đầu chuẩn bị tổ chức các tiểu ban nghiên cứu hay ủy ban tư vấn nhằm vào công việc của thế giới trong tương lai. Đã mời các quan chức ngoại giao, nghị sĩ quốc hội, phóng viên, học giả, quan chức quân đội... cùng tiến hành nghiên cứu và thảo luận rộng rãi những vấn đề sau chiến tranh. Trong đó bao gồm việc chiếm lĩnh đất nước kẻ thù, điều chỉnh lãnh thổ, an ninh quốc tế, xây dựng lại mối quan hệ mậu dịch... Mặc dù những thăm dò thảo luận của các tiểu ban và ủy ban trên phần lớn chỉ là sự trao đổi thông tin và quan điểm, nhưng một số quan điểm đặc

định đã xuất hiện. Những quan điểm này một khi Oasinhton bắt đầu tìm kiếm sự chỉ đạo cụ thể đối với thế giới sau chiến tranh sẽ lập tức trở thành một bộ phận trong chính sách chính thức của Mỹ. Những quan điểm này rất rõ ràng là theo kiểu Woodrow Wilson, đa số các thành viên tham gia các tiểu ban và ủy ban nghiên cứu đều đồng ý cho rằng khuôn khổ chủ yếu của trật tự và an ninh sau khi đánh bại các nước thuộc trục trung tâm là nguyên tắc phải khôi phục lại hợp tác quốc tế, chứ không phải là sự cân bằng thế lực đã lỗi thời.” Sau chiến tranh thế giới thứ Hai, Mỹ đã dựa theo thiết kế của mình để tiến hành xây dựng một thế giới phù hợp với yêu cầu lợi ích của nước Mỹ.

Thiết kế tổng thể của những quốc gia đứng đầu đối với thế giới được thực hiện thông qua xây dựng “hệ thống thế giới”. Hệ thống thế giới này chủ yếu có 4 nội dung mang tính trụ cột, đó là: hệ thống kinh tế mang tính thế giới, hệ thống tư tưởng mang tính thế giới, hệ thống quân sự mang tính thế giới và hệ thống quy tắc chế độ mang tính thế giới.

- Trào lưu mới dẫn dắt toàn cầu: Quốc gia đứng đầu là quốc gia mô hình, quốc gia tấm gương, quốc gia đi đầu trong trào lưu thế giới. Quốc gia đứng đầu có ảnh hưởng và sức hấp dẫn mạnh mẽ. Quốc gia đứng đầu vừa là “quốc gia đặc sắc” có phong cách riêng độc đáo, vừa là quốc gia có giá trị mô phỏng quốc tế, luôn được đa số các nước ngưỡng mộ học tập và làm theo. Cho nên việc quốc gia đứng đầu tiến hành “thế giới hóa” là hiện tượng tất nhiên.

Khi nước Anh nổi lên trong cao trào công nghiệp hóa, ánh mắt cả thế giới đều đổ dồn vào nước Anh. Các nước trên thế giới đều ngưỡng mộ nước Anh. Việc xuất hiện nước Anh đứng đầu thế giới khiến thế giới xuất hiện trào lưu “Anh hóa thế giới”. Nước Anh đã dùng văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần để làm “lễ rửa tội” cho thế giới, và thế giới cũng chấp nhận “được tắm” trong nền văn minh nước Anh.

Khi Mỹ xuất hiện với tư cách là quốc gia đứng đầu mới, thế giới lại xuất hiện trào lưu “Mỹ hóa thế giới”. Điều này được biểu hiện trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa ... Cùng với sự trỗi dậy của nước Mỹ, thế giới đều nhanh chóng Mỹ hóa trên mặt văn hóa vật chất và văn hóa đại chúng. “Giấc mơ nước Mỹ” đã trở thành nơi mọi người vươn tới. Phương thức sống kiểu Mỹ đã trở thành phương thức mà mọi người theo đuổi rộng rãi. Ngay từ lúc giao thời giữa thế kỷ 19 và thế kỷ 20, các nhà quan sát nước ngoài đã bàn về ảnh hưởng rộng rãi của hàng hóa và phương thức sống kiểu Mỹ đối với toàn bộ thế giới. Người Mỹ được hưởng tiêu chuẩn sinh hoạt cao nhất thế giới là đối tượng được các nơi trên thế giới hâm mộ, nó hầu như là phương thức sống đại diện cho sự phồn vinh vật chất, sự thích hợp và thoát ra khỏi sự hỗn loạn của thế giới cũ. Trước chiến tranh thế giới, đa số các nước còn chưa có các sản phẩm hiện đại như ô tô, thiết bị điện khí, điện thoại ... trong khi đó ở Mỹ đã trở thành những sản phẩm rất thông thường. Điều khiến mọi người chú ý hơn là hiện tượng này càng được thể hiện rõ hơn sau năm 1919 do sự suy giảm địa vị của châu Âu và tư tưởng “châu Âu suy thoái” đã nổi lên. Do sự phá hoại của chiến tranh và sự theo đuổi phát triển công nghiệp và mậu dịch của một số nước phi châu Âu, khiến châu Âu cảm thấy mình ở vào thế phòng ngự, không còn là cội nguồn của trí tuệ và trung tâm của văn minh. Đứng trước việc xây dựng lại toàn bộ thế giới, châu Âu hầu như chẳng có gì để có thể đưa ra. Nhiệm vụ xác định hòa bình (không chỉ về mặt địa-chính trị, mà còn cả trên mặt chính trị văn hóa) buộc phải giao cho nước khác, và nước đứng ra nhận lấy nhiệm vụ này chính là Mỹ. Mỹ trên thực tế hầu như không bị tổn thương bởi chiến tranh đã trở thành tượng trưng của vật chất và văn hóa lưu hành của thế giới. Không chỉ trong nước Mỹ nảy sinh sự “đồng chất hóa”, mà ngay cả trên toàn cầu cũng nảy sinh sự

“đồng chất hóa” văn hóa Mỹ. Ba phát minh là ô tô, điện ảnh và máy thu thanh gắn kết tất cả người Mỹ ở các khu vực khác nhau, đồng thời cũng phát huy tác dụng như vậy trên toàn thế giới. Vì về cơ bản đều là sản phẩm của Mỹ, sau chiến tranh được truyền bá đến mọi nơi trên thế giới.

- Sáng tạo ra kỳ tích phát triển mới: Quốc gia đứng đầu là quốc gia tạo nên kỳ tích cho nhân loại, cũng chỉ có quốc gia sáng tạo nên kỳ tích thế giới mới có thể trở thành quốc gia đứng đầu thế giới. Thế kỷ 17 là thế kỷ của Hà Lan. Hà Lan là nước nhỏ với diện tích chỉ gấp đôi diện tích thành phố Bắc Kinh, dân số chưa đến 2 triệu dân, nhưng đã viết nên truyền kỳ về sự trỗi dậy của nước lớn. Ngày 26/7/1581, 7 tỉnh phía Bắc của Netherland tuyên bố thành lập nước cộng hòa liên tỉnh, thực hiện độc lập tách khỏi Tây Ban Nha, do Hà Lan là tỉnh lớn nhất, kinh tế phát triển nhất nên cũng gọi là nước cộng hòa Hà Lan. Trong lịch sử thế giới nước cộng hòa Hà Lan là nước cộng hòa đầu tiên của giai cấp tư sản. Hà Lan còn tạo ra danh hiệu “đứng đầu thế giới” trên các mặt khác. Hà Lan “đứng đầu thế giới” về nông nghiệp: khi đó Hà Lan được gọi là “thánh địa Macca” của nông nghiệp; chế phẩm sữa, cây công nghiệp, rau tươi hoa quả, hoa ... của Hà Lan đều nổi tiếng khắp châu Âu, Hà Lan trở thành nơi mà người châu Âu đổ đến để học tập kỹ thuật nông nghiệp tiên tiến. Hà Lan đứng đầu thế giới về vận tải biển: được mệnh danh là “phu xe ngựa trên biển” của thế giới. Năm 1962, Hà Lan xây dựng công ty cổ phần đầu tiên của thế giới - Công ty liên hợp Đông Ấn Độ, đã xây dựng thị trường giao dịch cổ phiếu đầu tiên trên thế giới - Trung tâm giao dịch chứng khoán Amsterdam. Hà Lan cũng xây dựng nên ngân hàng đầu tiên thế giới - ngân hàng Amsterdam thành lập năm 1609, sớm hơn ngân hàng Anh 100 năm. Hà Lan được đánh giá là quốc gia phát triển bền vững. Douglass C North – một trong những

nhà kinh tế học được giải thưởng Nôben đã đánh giá cao sự trỗi dậy của Hà Lan: “Hà Lan trong giai đoạn đầu thời kỳ cận đại đã trở thành lãnh tụ kinh tế châu Âu”, “Nếu lấy sự thực để bàn, trên ý nghĩa mà chúng ta hạn định, Hà Lan là quốc gia đầu tiên đạt được sự tăng trưởng kinh tế bền vững”. Cho đến nay đời sống của người Hà Lan vẫn rất giàu có. Quy mô thương mại mà người Hà Lan sáng tạo ra vẫn ảnh hưởng đến thế giới.

Trong nửa đầu thế kỷ 17, Hà Lan có hơn 16000 tàu buôn, tải trọng chiếm 3/4 tổng tải trọng châu Âu, tương đương với tổng tải trọng của 4 nước Anh, Pháp, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha cộng lại, nếu lấy quốc gia làm đơn vị so sánh, thì gấp từ 4-5 lần Anh, gấp 7 lần Pháp. Hà Lan hầu như lũng đoạn vận tải biển toàn cầu. Có người bình luận nói: “Hà Lan đi lấy mật ong từ các nước. Na Uy là rừng của họ, hai bờ sông Rhein là vườn nho của họ, Ailen là bãi nuôi gia súc của họ, Ba Lan và Boussia là kho thóc của họ, Ấn Độ và các nước Ả rập là vườn cây ăn quả của họ”. Thế kỷ 17, Amsterdam là trung tâm thương mại toàn châu Âu. Khi ngành công nghiệp và thương mại của Hà Lan phát triển đến đỉnh cao, việc tích lũy tư bản (vốn) còn cao hơn tổng số tư bản của châu Âu cộng lại, đầu tư nước lớn gấp hơn 15 lần của Anh, trình độ thủ công nghiệp đứng đầu thế giới.

Năm 1664, học giả nổi tiếng người Anh Thomas Mun đã phải kinh ngạc nói: “Đây là một kỳ tích thế giới. Một quốc gia nhỏ bé như vậy, không bằng hai quận lớn nhất của Anh, tài nguyên thiên nhiên, lương thực, gỗ hoặc các phương tiện sử dụng trong chiến tranh và hòa bình đều ít ỏi, nhưng cuối cùng cái gì họ cũng đều có.” Nhà sử học người Pháp Fernand Brandel khi miêu tả tâm lý của người châu Âu đối với sự trỗi dậy của Hà Lan khi đó đã nói: “Khi đó mọi người chỉ nhìn thấy một biểu tượng khiến họ hoa mắt. Nhưng họ không hề

chú ý đến quá trình chuẩn bị lâu dài của Hà Lan, cho đến khi người Hà Lan giành được những thành tựu rực rỡ, họ mới thực sự bùng nổ. Không ai hiểu nổi vì sao một đất nước nhỏ bé lại có thể làm nên điều kỳ diệu, phát triển một cách nhanh chóng và vô cùng giàu mạnh. Mọi người lao vào tranh luận về “bí mật”, “sự thần kỳ” và “giàu có” của Hà Lan.

Mác cũng đã từng ca ngợi kỳ tích về sự trỗi dậy của Mỹ. Trong cuốn “Hình thái ý thức của Đức Ý Chí”, Mác đã nêu rõ: “Ví dụ về quốc gia hiện đại hoàn thiện nhất chính là Bắc Mỹ”. Mác nói “Mỹ là quốc gia phát triển nhanh nhất của Bắc Mỹ”.

- Xây dựng mô hình mới ưu việt: Việc một quốc gia vận dụng mô hình như thế nào để xây dựng, vận hành, phát triển quốc gia mình là liên quan đến tính chất, sức sống và tiền đồ quốc gia, là sức cạnh tranh hạt nhân của quốc gia đó. Quốc gia đứng đầu đều là quốc gia theo mô hình sáng tạo, mô hình cống hiến, là quốc gia có mô hình phát triển tiên tiến nhất thế giới.

Mô hình chính trị của nước Anh là mô hình tiên tiến nhất trên thế giới khi đó. Anh là quốc gia sớm nhất xác lập được chế độ quốc gia hiện đại, xác lập chế độ chính trị bao gồm chế độ nội các, chế độ quân chủ lập hiến, chế độ hai đảng, chế độ trách nhiệm của chính phủ đối với quốc hội ... Hệ thống chế độ chính trị như vậy đã đảm bảo an ninh lâu dài và phát triển ổn định của nước Anh. Cống hiến của nước Anh trên mặt kinh tế cũng mang tính xuyên thời đại, mô hình công nghiệp hóa của nước Anh đã có ảnh hưởng to lớn và sâu rộng đối với thế giới.

Mô hình của Mỹ không chỉ đưa tới sự trỗi dậy và bá quyền của Mỹ, mà cho đến nay ảnh hưởng của nó đối với thế giới vẫn không nước nào có thể so sánh được. Mỹ là nước lớn có thời gian xây dựng đất nước ngắn nhất thế giới, nhưng lại là

nước lớn có lịch sử chế độ cộng hòa dài nhất. Trong thời gian hơn 200 năm sau khi nước Mỹ thành lập, trên thế giới bình quân mỗi năm cứ hai chính phủ quốc gia thì có một chính phủ bị các thế lực khác lật đổ, nhưng chính phủ Mỹ vẫn ổn định cho đến ngày nay. Nước Mỹ từ khi thành lập đến nay không có cuộc chính biến nào. Nước Mỹ sau khi độc lập đã xây dựng một thể chế chính trị đặc sắc riêng của mình khác với các nước trên thế giới. “Hiến pháp hợp chủng quốc Hoa Kỳ” là bộ hiến pháp đầu tiên của giai cấp tư sản trong lịch sử thế giới. Bộ hiến pháp này lấy tư tưởng dân chủ của giai cấp tư sản và nguyên tắc dân chủ làm cơ sở, lần đầu tiên xây dựng nên hệ thống chế độ chính trị và chế độ nhà nước của giai cấp tư sản, bao gồm chế độ cộng hòa, chế độ liên bang, chế độ tổng thống, chế độ tam quyền phân lập, chính phủ dân cử, nhiệm kỳ người lãnh đạo ... Bộ máy nhà nước Mỹ được hợp thành từ 3 cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp. Quốc hội phụ trách lập pháp, nhưng nghị quyết của quốc hội phải được tổng thống phê chuẩn thì mới có hiệu lực. Tổng thống điều hành công việc của chính phủ, nhưng các quan chức mà tổng thống bổ nhiệm và việc ký kết các hiệp ước phải nhận được sự phê chuẩn của thượng và hạ viện Mỹ. Quốc hội còn có quyền chất vấn và bãi miễn tổng thống. Tòa án tối cao là cơ quan tư pháp, phụ trách xử lý mọi vấn đề về hiến pháp và pháp luật. Thể chế phân quyền của Mỹ đảm bảo dân chủ hóa trình tự quyết sách, tránh lạm dụng chức quyền. So sánh “mô hình Mỹ” với mô hình các nước khác, đặc biệt là trong cuộc cạnh tranh lâu dài với “mô hình Liên Xô” trong Chiến tranh Lạnh, đã thể hiện tính ngoan cường và tính bền bỉ của nó, là cơ sở quan trọng và nguồn vốn để Mỹ luôn duy trì ưu thế của bản thân và ảnh hưởng rộng rãi đến thế giới.

- Đứng đầu thế giới về tăng trưởng của cải vật chất: Quốc gia đứng đầu là quốc gia có nhiều của cải vật chất nhất thế

giới. Nước Anh chiếm địa vị bá chủ thế giới trong cuộc cách mạng công nghiệp, năm 1850 đã sản xuất một nửa sản lượng chế phẩm kim loại và sản phẩm dệt bông, 2/3 sản lượng than của thế giới, còn ngành đóng tàu biển và xây dựng đường sắt thì đứng đầu thế giới. Năm 1860, nước Anh đã sản xuất ra 40%-50% sản phẩm công nghiệp của thế giới, 55%-60% sản phẩm công nghiệp của châu Âu.

Năm 1850, mậu dịch đối ngoại của nước Anh chiếm 20% tổng lượng mậu dịch thế giới, đến năm 1860 tỷ lệ này lên đến 40%. Đồng bảng Anh trở thành tiền tệ quốc tế. Nước Anh trong tình hình chiếm 0,2% diện tích thế giới, dân số chỉ có hơn 10 triệu tức chiếm 2% dân số thế giới, chiếm 10% dân số châu Âu, nhưng khả năng công nghiệp hiện đại khi đó đứng đầu thế giới chiếm tới 40%-50%, sức mạnh của đồng bảng Anh đứng đầu thế giới.

Nước Mỹ sau chiến tranh thế giới thứ Hai, thực lực hùng mạnh. Nhà sử học quan hệ quốc tế trường đại học Bắc Kinh Lưu Kim Chất trong cuốn “Lịch sử chiến tranh Lạnh” đã viết Mỹ đứng đầu thế giới trong mậu dịch quốc tế; sản phẩm và phong cách sống của Mỹ bao trùm lên toàn thế giới. Tuy trong chiến tranh thế giới thứ Hai người Mỹ mất đi 410 nghìn người, nhưng Mỹ là nước duy nhất không bị chiến tranh trực tiếp phá hoại, không những thế nền kinh tế quốc dân mở rộng gấp đôi. Từ năm 1940-1945 lợi nhuận sau khi nộp thuế của các công ty Mỹ lên đến 124,95 tỷ USD, gấp 3,5 lần so với giai đoạn năm 1933-1939. Sau chiến tranh, Mỹ đã tập trung được 3/4 số tư bản (vốn) và 2/3 khả năng công nghiệp của thế giới. Mỹ chiếm 59% tổng số dự trữ vàng của thế giới tư bản, chiếm trên một nửa tổng tải trọng tàu thủy của thế giới. Xuất khẩu của Mỹ chiếm 1/3 tổng lượng xuất khẩu của thế giới. Mỹ trở thành nước xuất khẩu tư bản và chủ nợ lớn nhất thế giới.

2. Định vị lại quan hệ Trung – Mỹ

Bước vào thế kỷ 21, quan hệ Trung – Mỹ cần phải định vị lại. Mỹ hiện là quốc gia đứng đầu, còn Trung Quốc là quốc gia tiềm tại đứng đầu. Quan hệ Trung – Mỹ trong giai đoạn mới chính là một kiểu quan hệ giữa quốc gia đứng đầu với quốc gia tiềm tại đứng đầu. Kiểu quan hệ này là một kiểu quan hệ hợp tác chiến lược để giải quyết các vấn đề lớn toàn cầu, đồng thời còn là quan hệ cạnh tranh chiến lược xung quanh việc tranh giành địa vị quốc gia đứng đầu mà tiến hành.

Quan hệ “quốc gia đứng đầu” với “quốc gia tiềm tại đứng đầu”: Đỉnh cao của quan hệ quốc tế

Trong toàn bộ mối quan hệ quốc tế của một thời đại thì quan hệ cạnh tranh giữa các nước lớn chủ đạo toàn bộ các mối quan hệ quốc tế. Mà vấn đề cốt lõi của sự cạnh tranh giữa các nước lớn chính là cạnh tranh vị trí quốc gia đứng đầu. Do đó, trong toàn bộ hệ thống lớn của quan hệ quốc tế, quan hệ giữa quốc gia đứng đầu với quốc gia tiềm tại đứng đầu là quan hệ mang tính quyết định, là đỉnh cao của toàn bộ quan hệ quốc tế, là phương hướng chủ đạo của toàn bộ quan hệ quốc tế, là “mấu chốt” của toàn bộ quan hệ quốc tế. Đứng trên đỉnh cao này, nắm giữ phương hướng chủ đạo trên, nắm bắt mấu chốt đó, thì có thể vươn tới nắm bắt được điều cốt lõi, chiếm thế chủ động trong chiến lược. Vì thế, việc nghiên cứu đặc điểm và quy luật của quan hệ giữa quốc gia đứng đầu với quốc gia tiềm tại đứng đầu là một việc có ý nghĩa chiến lược.

Mâu thuẫn giữa quốc gia đứng đầu với quốc gia tiềm tại đứng đầu là mâu thuẫn cơ bản của xã hội quốc tế

Mâu thuẫn giữa quốc gia đứng đầu với quốc gia tiềm tại đứng đầu với tư cách là mâu thuẫn cơ bản của cộng đồng quốc

tế, không dễ bị lay chuyển bởi ý chí của quốc gia tiềm tại đứng đầu.

Do quốc gia đứng đầu với quốc gia tiềm tại đứng đầu đều là các nước có tầm ảnh hưởng, sức mạnh tổng hợp và tiềm lực phát triển lớn nhất trên thế giới, nên sự cạnh tranh giữa các nước này không chỉ quyết định địa vị quốc gia của từng nước, mà còn quyết định trật tự chiến lược của toàn thế giới, quyết định diện mạo và tiền đồ của thế giới. Do đó, mâu thuẫn giữa quốc gia đứng đầu với quốc gia tiềm tại đứng đầu là mâu thuẫn ảnh hưởng và khống chế mâu thuẫn quốc tế khác, là mâu thuẫn cơ bản của xã hội quốc tế.

Hai cuộc đại chiến thế giới là kết quả của nảy sinh mâu thuẫn quốc tế. Mâu thuẫn quốc tế dẫn tới hai cuộc đại chiến thế giới là cái gì? Chính là mâu thuẫn giữa quốc gia đứng đầu với quốc gia tiềm tại đứng đầu. Các nước tranh giành bá quyền thế giới với Anh đều là các quốc gia tiềm tại đứng đầu, trong đó có cả Mỹ. Khác biệt ở chỗ, do quốc gia muốn cùng Anh tranh giành bá quyền thế giới không chỉ có một, nên đã xuất hiện mâu thuẫn giữa một quốc gia đứng đầu với vài quốc gia tiềm tại đứng đầu. Điều này còn khiến mâu thuẫn ngày càng phức tạp, cạnh tranh ngày càng quyết liệt. Quốc gia tiềm tại đứng đầu như Đức đã áp dụng “cạnh tranh đối kháng” với quốc gia đứng đầu là Anh, còn Mỹ lại tiến hành “liên kết để cạnh tranh” với Anh. Tuy nhiên, điều này không thể làm thay đổi thực chất của hai cuộc đại chiến thế giới, tức là giải quyết mâu thuẫn giữa quốc gia đứng đầu với quốc gia tiềm tại đứng đầu, cuối cùng thực hiện việc thay đổi và chuyển giao địa vị quốc gia đứng đầu. Phương hướng chủ đạo của quan hệ quốc tế trong thời kỳ hai cuộc đại chiến chính là quan hệ đối kháng, đấu tranh và mâu thuẫn giữa quốc gia đứng đầu với quốc gia tiềm tại đứng đầu. Quan hệ này đang ảnh hưởng và quyết định tính chất cũng như phương hướng của toàn bộ quan hệ

quốc tế.

Kéo dài gần nửa thế kỷ, chiến tranh Lạnh cũng là sản vật của mâu thuẫn cơ bản quốc tế hình thành từ mâu thuẫn giữa quốc gia đứng đầu với quốc gia tiềm tại đứng đầu lúc bấy giờ. Mâu thuẫn cơ bản của xã hội quốc tế trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh không phải là mâu thuẫn hình thái ý thức, không phải là mâu thuẫn giữa chủ nghĩa tư bản với chủ nghĩa xã hội, không phải là mâu thuẫn giữa quốc gia đang phát triển với quốc gia phát triển, mà là mâu thuẫn giữa quốc gia đứng đầu với quốc gia tiềm tại đứng đầu. Trong thời kỳ này, Mỹ là quốc gia đứng đầu, còn Liên Xô là quốc gia tiềm tại đứng đầu. Thắng lợi trong Chiến tranh Lạnh của Mỹ là thắng lợi của cuộc chiến bảo vệ ngôi vị đứng đầu; thất bại trong Chiến tranh Lạnh của Liên Xô là thất bại của quốc gia tiềm tại đứng đầu hướng tới vị trí đứng đầu.

Trỗi dậy và ngăn chặn là hình thái cơ bản của cuộc cạnh tranh chiến lược giữa quốc gia đứng đầu với quốc gia tiềm tại đứng đầu

Quốc gia đứng đầu giành được địa vị bá quyền luôn lấy việc duy trì địa vị đứng đầu của mình làm lợi ích cốt lõi, luôn lo lắng quốc gia tiềm tại đứng đầu thay thế cho mình. Ngăn chặn và gây sức ép đối với quốc gia tiềm tại đứng đầu là “bản tính” của quốc gia đứng đầu, là “sự tư lợi quốc gia” mà quốc gia đứng đầu không thể khắc phục được. Trong khi quốc gia tiềm tại đứng đầu lại luôn muốn trỗi dậy, muốn đột phá vòng vây, muốn tiến tới mục tiêu số một thế giới. Do đó, sự trỗi dậy của quốc gia tiềm tại đứng đầu với sự ngăn chặn của đương kim quốc gia đứng đầu đã trở thành hình thức biểu hiện chủ yếu của cuộc đấu tranh mâu thuẫn giữa hai bên. Trong cuộc đấu tranh giữa trỗi dậy và ngăn chặn, đã tập trung lợi ích chiến lược nền tảng, nguy cơ chiến lược cũng như vận mệnh

tiền đồ của quốc gia đứng đầu với quốc gia tiềm tại đứng đầu.

Trong thời gian dài, nước Anh thực thi chính sách cân bằng lục địa châu Âu, tức là không cho phép xuất hiện một quốc gia tiềm tại đứng đầu nào có khả năng cạnh tranh với mình. Trong khi đó, Mỹ lại áp dụng chiến lược quan trọng Chiến tranh Lạnh, cuối cùng đã ngăn chặn sự tiến tới quốc gia đứng đầu của Liên Xô, là một hình mẫu điển hình ngăn chặn thành công.

Trong cuộc đấu tranh giữa trỗi dậy và ngăn chặn, liệu trỗi dậy có phải là tiến bộ và vẻ vang, còn ngăn chặn chính là bảo thủ và phản động hay không? Điều này cần phải tiến hành phân tích cụ thể. Ví dụ như sự trỗi dậy của các nước phátxít trên thế giới chính là phản động; ngăn chặn các quốc gia phátxít mang nghĩa tích cực. Trong Chiến tranh Lạnh, Mỹ và Liên Xô tiến hành đấu tranh ngăn chặn và trỗi dậy, từ ý nghĩa tranh giành bá quyền thế giới, đều là đi ngược lại trào lưu lịch sử và tinh thần thời đại hòa bình và phát triển. Do đó, cần phải phân biệt tính chất không giống nhau của trỗi dậy, của ngăn chặn là không phải sự trỗi dậy nào cũng tốt, cũng như không phải sự ngăn chặn nào cũng đều xấu.

Từ thế kỷ 20 đến nay, lịch sử thế giới xuất hiện cuộc đấu tranh giữa ngăn chặn và trỗi dậy, chủ yếu trải qua hai giai đoạn Anh, Mỹ đối đầu với Đức, Nhật và Mỹ đối đầu với Liên Xô. Có người cho rằng vài chục năm tới Mỹ sẽ bao vây và ngăn chặn Trung Quốc, sẽ là giai đoạn thứ ba. Mâu thuẫn trong giai đoạn thứ nhất và giai đoạn thứ hai đều mang tính đối kháng, biện pháp giải quyết mâu thuẫn là chiến tranh và Chiến tranh Lạnh. Mâu thuẫn của giai đoạn thứ ba là cạnh tranh văn minh, cạnh tranh và hợp tác cùng tồn tại là văn minh nhất.

Mỹ mắc triệu chứng “đứng đầu”

Sau khi giành thắng lợi trong Chiến tranh Lạnh, chỉ mấy năm sau, nước Mỹ đã mắc phải triệu chứng “đứng đầu”, lâm vào căn bệnh thần kinh phức tạp khó mà tự thoát khỏi, luôn lo lắng buồn phiền, tự phụ, sợ hãi, mâu thuẫn ...

Nỗi sợ hãi của “nước Mỹ đứng đầu”

Sau Chiến tranh Lạnh, Mỹ đã lấy mục tiêu chiến lược quốc gia và lợi ích chiến lược để định vị việc thành lập một trật tự thế giới mới do Mỹ lãnh đạo, bảo đảm địa vị đặc thù quốc gia đứng đầu của Mỹ không vấp phải sự đe dọa và thách thức nào. Mỹ cho rằng thách thức nghiêm trọng nhất đến từ lục địa Âu-Á, đồng thời khẳng định quốc gia tiềm tại đứng đầu thách thức Mỹ ở chính lục địa này.

Năm 1997, chuyên gia chiến lược người Mỹ, Brzezinski từng cho rằng: “Sau chiến tranh Lạnh, nước Mỹ đã trở thành siêu cường duy nhất trên thế giới, điều này đã khiến Mỹ càng cần phải có một chiến lược lục địa Á-Âu toàn diện và hoàn chỉnh. Do về chính trị, phần lớn các quốc gia tương đối ngao mạn và tương đối mạnh đều phân bố tại lục địa Á-Âu; về lịch sử, tất cả những toan tính trở thành cường quốc thế giới đều xuất phát từ lục địa Á-Âu; dân số lớn nhất thế giới và có các quốc gia ôm tham vọng bá quyền khu vực như Trung Quốc và Ấn Độ đều ở trên lục địa này. Về kinh tế và chính trị, việc hình thành quốc gia tiềm tàng thách thức địa vị bá quyền của Mỹ cũng đều từ lục địa Á-Âu; sáu cường quốc kinh tế và chi phí quân sự cao nhất xếp ngay sau Mỹ cũng đều đến từ lục địa này; chỉ có một nước lớn hạt nhân công khai không ở lục địa này và cũng chỉ có một quốc gia sở hữu hạt nhân không công khai không nằm trên lục địa này. Khu vực này chiếm 75% dân số thế giới, chiếm 60% tổng sản phẩm quốc nội thế giới cũng như 75% dự trữ năng lượng thế giới. Sức mạnh của các quốc gia lục địa Á-Âu kết hợp lại thậm chí còn vượt qua

cả Mỹ”. Do “lục địa Á-Âu là trung tâm của thế giới, nếu một quốc gia kiểm soát được lục địa này, thì có thể tạo ra ảnh hưởng mang tính quyết định đối với hai trong số ba khu vực có năng lực kinh tế mạnh nhất là Tây Âu và Đông Á. Xem bản đồ thế giới có thể hiểu ngay rằng nếu một quốc gia kiểm soát được lục địa Á-Âu, thì dường như đã kiểm soát được Trung Đông và châu Á. Xét từ vai trò lục địa Á-Âu ngày nay đang đóng góp có ý nghĩa mang tính quyết định trên bàn cờ địa - chính trị, cho nên việc các lực lượng ở lục địa Á-Âu làm thế nào chi phối địa vị cường quốc số một cũng như di sản lịch sử của Mỹ là điều có ý nghĩa quan trọng mang tính quyết định”.

Brzezinski cho rằng địa vị nước lớn đứng đầu thế giới của Mỹ là lợi ích quốc gia cốt lõi của Mỹ, thực chất chiến lược toàn cầu của Mỹ chính là không cho phép xuất hiện bất kỳ cường quốc thế giới nào có thể đối kháng với Mỹ. Khi quốc gia tiềm tàng đứng đầu chắc chắn xuất hiện tại lục địa Á-Âu, thì phải tiến hành chiến lược dự phòng. Brzezinski cho rằng Mỹ cần phải có một loạt chiến lược địa duyên lục địa Á-Âu mang tính thực thi liên tục - trong đó có chiến lược ngắn hạn khoảng 5 năm, chiến lược trung hạn khoảng 20 năm và chiến lược dài hạn kéo dài hơn 20 năm – “nhằm ngăn ngừa xuất hiện một liên minh thù địch cuối cùng có khả năng thách thức đối với vị trí số một của Mỹ, chứ chưa cần nói tới toan tính của một quốc gia nào đó dám thách thức Mỹ, cho dù khả năng này cực kỳ nhỏ”. Có thể thấy, nước Mỹ đã mắc phải “triệu chứng khủng hoảng đứng đầu” – nỗi lo sợ quốc gia tiềm tàng đứng đầu đến từ khu vực Á-Âu.

Sự tự phụ của “nước Mỹ đứng đầu”

Sự tự phụ của Mỹ xuất phát từ sự tự tin vào sức mạnh to lớn của mình và cũng xuất phát từ nhận thức từ nay về sau

khó mà hình thành một liên minh chống với Mỹ. Trên Tạp chí “Ngoại giao”, Stephen G. Brooks và William C. Wohlforth từng nói: “Nhà bình luận chính trị người Đức Cerf cho rằng lịch sử nói cho chúng ta biết quốc gia bá quyền luôn tự kết thúc sự nghiệp của mình. Các cường quốc thứ hai, thứ ba, thứ tư thế giới sẽ cùng nhau thành lập liên minh có tính đối kháng cũng như vạch những âm mưu đánh bại quốc gia bá quyền này. Điều này ứng nghiệm đối với Napoleon, và cũng ứng nghiệm tương tự đối với Louiz 14, Hitle và Stalin. Sự bá quyền sẽ càng dẫn tới sức mạnh chống bá quyền lớn mạnh hơn, đây là quy tắc từ xa xưa của nền chính trị thế giới”. Tuy nhiên, luận điểm trên không nhận thức được rằng địa vị sau Chiến tranh Lạnh của Mỹ có thể thuận theo trào lưu của lịch sử. Vị trí địa lý hết sức thuận lợi đã khiến Mỹ không dễ bị tấn công, và mối đe dọa của Mỹ đối với các quốc gia khác cũng nhỏ hơn so với các quốc gia bá quyền trước đây. Một số quốc gia thách thức tiềm tàng quan trọng, như Trung Quốc, Nga, Nhật Bản, Đức lại có tình hình khác so với Mỹ. Trong khi tự tăng cường năng lực quân sự đồng thời kiềm chế Mỹ, nhưng các nước này rất khó tránh khỏi việc tạo nên sự đe dọa đối với các nước láng giềng. Tuy sức mạnh của Mỹ thu hút rất nhiều sự chú ý trên phạm vi toàn cầu, song các quốc gia lại thường quan tâm tới sự phân bố lực lượng ngay tại khu vực cận kề nước đó, chứ không phải thế cân bằng mang tính toàn cầu. Cho dù bất kỳ quốc gia tiềm tàng nào phát động tấn công đối với Mỹ, thì sẽ vấp phải sự kiềm chế bởi những cố gắng muốn giữ cân bằng của các quốc gia thuộc khu vực sở tại. Bản thân khả năng huy động nhanh chóng sức mạnh to lớn của Mỹ cũng đã tạo nên sự kiềm chế, hoặc khi cần thiết quyết định loại bỏ mối đe dọa mới xuất hiện” và “việc làm cân bằng quyền lực trong lịch sử, đã làm nảy sinh một loạt các quốc gia muốn duy trì hiện trạng, muốn ngăn ngừa một quốc gia theo

chủ nghĩa xét lại đang nổi lên. Thêm vào đó, hiện nay nhiệm vụ hàng đầu của Mỹ là duy trì tính chất hiện trạng. Trong 10 năm tới, một số cường quốc quan trọng trong hệ thống quốc tế sẽ luôn duy trì quan hệ liên minh với Mỹ, hơn nữa từ kiểu quan hệ này sẽ giành được lợi ích thực chất. Nếu các nước này lựa chọn cân bằng quyền lực với Mỹ, không chỉ phải từ bỏ các lợi ích trên, mà còn phải tìm cách thành lập một liên minh lâu dài dưới sự giám sát gắt gao của Mỹ”.

Nước Mỹ tự phụ cho rằng sức mạnh kinh tế của Trung Quốc cho dù vượt qua Mỹ, thì cũng khó mà tranh cao thấp với Mỹ. Stephen G. Brooks và William C. Wohlforth còn phát biểu rằng: “Phần lớn các nhà phân tích nghiên cứu đối thủ ngang sức ngang tài trong tương lai của Mỹ đều đổ dồn vào Trung Quốc. Bởi vì nước này là quốc gia tiềm tàng duy nhất trong tương lai vài chục năm tới có khả năng đuổi kịp quy mô kinh tế của Mỹ. Song cho dù cuối cùng Trung Quốc đuổi kịp Mỹ về tổng sản phẩm quốc nội, thì khoảng cách năng lực trên phương diện địa lý, quân sự, kỹ thuật của Trung Quốc vẫn sẽ giữ nguyên”. “Từ giữa thập niên 90 của thế kỷ 20 đến nay, trên phương diện thu hẹp khoảng cách với Mỹ về sức mạnh tổng hợp, giới chuyên gia Trung Quốc đã ngày càng trở nên không mấy tự tin và cho rằng trong thời gian ngắn, Trung Quốc không có năng lực này. Thống kê mới nhất của Trung Quốc cho thấy đến năm 2020, sức mạnh của Trung Quốc chỉ bằng từ 1/3-1/2 sức mạnh của Mỹ. 50% sức lao động của Trung Quốc làm nông nghiệp, trong khi bộ phận thuộc ngành sản xuất kỹ thuật cao trong nền kinh tế nước này có quy mô nhỏ. Trong thập niên 90, chi phí cho việc nghiên cứu và phát triển khoa học kỹ thuật của Mỹ gấp 12 lần Trung Quốc. Phần lớn số vũ khí của Trung Quốc lạc hậu vài chục năm so với của Mỹ. Trung Quốc cũng không thể thay đổi sự yếu thế về vị trí địa lý và sẽ bị một số quốc gia có khả năng và động cơ kiềm

chế Trung Quốc bao vây”. Do đó, có thể dự đoán trong tương lai Mỹ sẽ không phải đối diện với thách thức mang tính toàn cầu. Không có quốc gia nào hay tập đoàn quốc gia nào muốn tự mình lâm vào tình cảnh đối địch với Mỹ”. Trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, Mỹ bỏ ra 5%-14% tổng sản phẩm quốc nội đầu tư cho chi phí quân sự, đồng thời duy trì khả năng răn đe hạt nhân rộng rãi. Để thể hiện quyết tâm, và danh dự của Mỹ, trong hai cuộc chiến tại châu Á, 85.000 người Mỹ đã bỏ mạng. Trong thời gian này, nhiều tổng thống Mỹ đã vận dụng chính sách “bên bờ hạt nhân” lấy việc leo thang xung đột để thực hiện sự hủy diệt hạt nhân mang tính toàn cầu”. “Trong vài chục năm tới, không có quốc gia nào có thể lấy ưu thế về năng lượng, vị trí địa lý và tỷ lệ tăng trưởng kinh tế kết hợp lại để đo sức với Mỹ”.

Sự bá đạo của “nước Mỹ đứng đầu”

Sự bá đạo của Mỹ biểu hiện xấu nhất ở sự lũng đoạn của nó trên cương vị quốc gia đứng đầu.

Năm 1998, trong báo cáo “Chiến lược an ninh quốc gia thế kỷ mới”, Mỹ nêu rõ mục tiêu của nước này chính là “cần lãnh đạo toàn bộ thế giới”, quyết không để bất kỳ nước lớn nào hay tập đoàn quốc gia nào tạo ra thách thức đối với địa vị lãnh đạo này. Tháng 2/1999, giới lãnh đạo Mỹ lại tuyên bố nền tảng của ngoại giao Mỹ trong thế kỷ 21 là thế giới “cần có và chỉ có khả năng có một nhà lãnh đạo duy nhất”, nước Mỹ “có khả năng lãnh đạo thế giới này nhất”, cần đưa tất cả các quốc gia gia nhập “hệ thống thế giới tự do”.

Trong báo cáo “Chiến lược an ninh quốc gia” công bố hồi tháng 9/2002, Chính phủ Mỹ công khai tuyên bố “không cho phép bất kỳ cường quốc quân sự đối địch nào trỗi dậy”, “không cho phép bất kỳ thế lực nước ngoài nào thách thức sức mạnh của Mỹ giống như thời kỳ Chiến tranh Lạnh”.

Cuộc độ sức Trung – Mỹ là cuộc độ sức văn minh

Lối thoát của nước Mỹ đứng đầu nằm ở đâu? Lối thoát chính là cần từ bỏ triệt để tư duy Chiến tranh Lạnh, thoát ra khỏi vòng luẩn quẩn ngăn chặn bá quyền, xây dựng quan hệ hợp tác chiến lược kiểu mới với quốc gia tiềm tàng đứng đầu Trung Quốc. Đây là lợi ích chung của Mỹ với Trung Quốc, và cũng tạo ra nhu cầu đối với hòa bình thế giới.

Mỹ là quốc gia bá quyền văn minh nhất,

Trung Quốc là quốc gia trỗi dậy văn minh nhất

Mỹ là quốc gia bá quyền văn minh nhất trong lịch sử thế giới cận đại, còn Trung Quốc lại là quốc gia trỗi dậy văn minh nhất từ lịch sử cận đại thế giới đến nay. So sánh Trung Quốc với Mỹ, Trung Quốc lại là quốc gia văn minh hơn Mỹ. Do đó, quyết định cuộc cạnh tranh chiến lược Trung – Mỹ xoay quanh cuộc tranh giành vị trí quốc gia đứng đầu sẽ là cuộc cạnh tranh văn minh nhất trong lịch sử loài người. Cuộc cạnh tranh giữa hai nền văn minh lớn này chắc chắn sẽ hình thành và thiết lập ra một “cuộc cạnh tranh văn minh” kiểu mới, tạo ra hình thức mới cạnh tranh giữa các nước lớn, khiến cuộc cạnh tranh giữa các nền văn minh đi vào quỹ đạo văn minh đích thực, từ đó giảm bớt cái giá của cuộc cạnh tranh giữa các nước lớn, giảm chi phí cho sự tiến bộ cộng đồng quốc tế, nâng cao lợi ích và hiệu quả của sự cạnh tranh văn minh.

Mỹ là một quốc gia bá quyền văn minh có những khác biệt quan trọng với các quốc gia bá quyền khác ở chỗ không đe dọa sự sinh tồn của các quốc gia trỗi dậy, song muốn hạn chế và ngăn ngừa sự phát triển của các quốc gia trỗi dậy. Với ý nghĩa này, sự bá quyền của Mỹ là sự bá quyền có giới hạn, là ngăn ngừa có giới hạn, là sự bá quyền tương đối văn minh.

Trong lịch sử quan hệ Trung – Mỹ, Mỹ từng thể hiện tính

cách cường quyền, bá quyền, và cũng biểu hiện đặc điểm tương đối văn minh của nước này. Liệt Mỹ vào danh sách “chủ nghĩa đế quốc” rồi so sánh, dưới con mắt của người Trung Quốc, “chủ nghĩa đế quốc Mỹ” là chủ nghĩa đế quốc có chút lương tâm, là chủ nghĩa đế quốc còn biết nói đạo lý, là chủ nghĩa đế quốc mà dân Trung Quốc ít thù hận nhất.

Trung Quốc trỗi dậy, nước Mỹ hưởng lợi

Trung Quốc và Mỹ, hai bên không thể đánh thắng được nhau, đây là kết luận của cuộc chiến tranh Triều Tiên. Trung Quốc và Mỹ, không bên nào có thể cải biến nhau: Trung Quốc đã sớm thay đổi tư duy cách mạng thế giới, còn Mỹ cũng không thể thực hiện được diễn biến hòa bình, Tây hóa và phân hóa đối với Trung Quốc. Trong nền kinh tế toàn cầu hóa ngày nay, Trung Quốc và Mỹ cũng không thể tách rời nhau, không thể thay thế nhau, hai nước chỉ có thể cạnh tranh cùng tồn tại, cạnh tranh cùng có lợi, cạnh tranh hợp tác, cạnh tranh hòa bình mới có thể cùng nhau tồn tại, cùng nhau về vang, cùng thắng lợi.

Không chỉ có vậy, trong quá trình Trung Quốc trỗi dậy hòa bình, còn xuất hiện hiện tượng “Trung Quốc phát triển mạnh mẽ, nước Mỹ hưởng lợi lớn”. Mỹ là nước thu được lợi nhuận lớn nhất từ việc Trung Quốc trỗi dậy, trong cuốn “Thế giới bằng phẳng: tóm tắt lịch sử thế kỷ 21”, học giả người Mỹ Thomas L. Friedman từng nói: “Tốc độ phát triển như có cánh của Trung Quốc có thể ảnh hưởng việc làm của công nhân ở một vài quốc gia có ngành công nghiệp chế tạo, song đối với người tiêu dùng trên khắp thế giới mà nói, sản phẩm giá rẻ của Trung Quốc lại là món quà trời cho. Tạp chí “Fortune” số ra ngày 10/4/2004 dẫn các số liệu nghiên cứu của Morgan Stanley cho biết từ khi bước vào thập niên 90 của thế kỷ 20, các sản phẩm giá rẻ của Trung Quốc đã giúp người tiêu dùng

Mỹ tiết kiệm được 600 tỷ USD, giúp ngành chế tạo của Mỹ tiết kiệm chi phí nhập khẩu linh kiện vô số. Những tiết kiệm chi phí trên đã giúp Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) có thể duy trì mức lãi suất thấp, người dân có khả năng mua nhà ở, thương gia còn có thể có nhiều vốn để tiến hành sáng tạo những sản phẩm mới. Hiện tượng “Trung Quốc phát triển, thế giới hưởng lợi”, “Trung Quốc phát triển mạnh, nước Mỹ hưởng lợi lớn” này đích thực là kỳ quan trong lịch sử thế giới.

Lợi ích bá quyền không thể trở thành lợi ích cốt lõi của quốc gia đứng đầu

Quốc gia đứng đầu xuất hiện trong lịch sử cận đại thế giới đều lấy địa vị bá quyền làm lợi ích cốt lõi của quốc gia để duy trì và bảo vệ, trong khi quốc gia tiềm tàng đứng đầu lại luôn lấy việc giành địa vị bá quyền làm lợi ích quốc gia để theo đuổi, kết quả là dẫn tới vòng tuần hoàn ác tính giữa trời dấy và ngăn chặn. Trong bầu không khí chủ nghĩa yêu nước như “lợi ích quốc gia trên hết”, “lợi ích quốc gia thần thánh”, “lợi ích quốc gia muôn năm”, bất cứ thứ gì chỉ cần được coi là “lợi ích quốc gia” thì đến thần thánh cũng không thể xâm phạm, cần “sống chết để bảo vệ”. Còn “lợi ích cốt lõi” trong lợi ích quốc gia, chính là “nằm bên trong”, tuyệt đối không thể “xâm phạm”, có khi sẽ sống mái với kẻ nào định “xâm phạm”. Tuy nhiên, vấn đề nằm ở chỗ, trong cộng đồng quốc tế, đối với quốc gia đứng đầu mà nói, cái gì là lợi ích quốc gia cốt lõi? Liệu một quốc gia chỉ cần đi tới vị trí số một thế giới thì sẽ có lợi ích bá quyền thế giới hay không? Rõ ràng, thời đại lấy lợi ích bá quyền làm lợi ích quốc gia cốt lõi của quốc gia đứng đầu nên hoàn toàn kết thúc. Thế giới hài hòa trong tương lai chắc chắn cần quốc gia đứng đầu kiểu mới, không lấy lợi ích bá quyền làm lợi ích quốc gia cốt lõi của quốc gia đứng đầu.

Đối với quốc gia đứng đầu là Mỹ mà nói, mưu cầu và bảo

vệ lợi ích quốc gia cốt lõi là cái gì? Trên thực tế là hai bộ phận: thứ nhất là lợi ích do sức mạnh kinh tế và khoa học kỹ thuật tiên tiến của Mỹ dẫn đầu thế giới đưa tới, đây là lợi ích quốc gia mà quốc gia đứng đầu nhất định phải có và cần phải có; thứ hai là lợi ích do Mỹ dựa vào ưu thế quốc gia đứng đầu để tiến hành bá quyền mà giành được, đây là lợi ích giành được với việc lấy bá quyền làm vốn, là một kiểu bá quyền thu lợi và lợi ích bá quyền. Bộ phận lợi ích quốc gia này là Mỹ thực hiện thông qua việc làm tổn hại lợi ích của quốc gia khác, chứ không phải là lợi ích quốc gia chính đáng, việc theo đuổi và bảo vệ bộ phận lợi ích này là nguồn gốc gây nên sự rối loạn thế giới và phá hoại thế giới hài hòa. Mỹ quan ngại quốc gia tiềm tàng đứng đầu thách thức lợi ích quốc gia cốt lõi của Mỹ, trên thực tế là lo ngại mất đi lợi ích thối nát giành được từ sự bá quyền thế giới.

Trung Quốc hướng tới vị trí số một thế giới, thiết lập quốc gia đứng đầu kiểu mới, hàm ý và ý nghĩa “kiểu mới” này là ở việc Trung Quốc không bao giờ theo đuổi bá quyền thế giới, không mưu cầu lợi ích bá quyền, không bao giờ lấy bá quyền thế giới làm lợi ích cốt lõi của quốc gia.

Giúp thế giới thoát khỏi “Thời đại luật rừng”: Trách nhiệm chung của Trung Quốc và Mỹ

Trong tất cả cuộc tranh bá giữa các nước lớn từ lịch sử cận đại đến nay, Mỹ là quốc gia bá quyền văn minh nhất, sự bá quyền của Mỹ là một kiểu không giống với các kiểu bá quyền mới của các quốc gia khác; Trung Quốc là một quốc gia trỗi dậy văn minh nhất, là một quốc gia quyết tâm kết thúc bá quyền thế giới, nên cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc sẽ trở thành cơ hội tốt nhất để cộng đồng quốc tế giành được tiến bộ mang tính lịch sử và đưa tới những chuyển biến mang tính căn bản, có thể thiết lập ra một cục diện mới trên

thế giới, xuất hiện một thành quả tiến bộ chưa từng có trong lịch sử. Đó chính là Mỹ trở thành quốc gia bá quyền cuối cùng trong lịch sử nhân loại, lịch sử các quốc gia bá quyền thế giới sẽ chấm dứt tại nước Mỹ, đây là dự đoán và chiêm nghiệm của giới chiến lược Mỹ. Đồng thời, trong lịch sử thế giới sẽ xuất hiện một quốc gia đứng đầu không có tính chất bá quyền, đó chính là Trung Quốc.

Sự xuất hiện và tồn tại của quốc gia bá quyền là thích ứng với “thời đại luật rừng” của cộng đồng quốc tế. Còn sự kết thúc của quốc gia bá quyền với sự xuất hiện của quốc gia phi bá quyền chắc chắn sẽ mang lại một “thế giới hài hòa”, “thế giới dân chủ”, “thế giới pháp trị”, “thế giới văn minh” mới cho loài người, chắc chắn sẽ kết thúc “thời đại luật rừng” của cộng đồng quốc tế. Việc sáng tạo một thế giới như vậy là sứ mệnh của Trung Quốc, và còn là trách nhiệm của Mỹ.

3. Mô hình mới cạnh tranh Trung-Mỹ

Cuộc cạnh tranh chiến lược Trung-Mỹ thế kỷ 21 sẽ vận dụng mô hình cạnh tranh như thế nào? Đây là sự lựa chọn chiến lược to lớn đối với hai nước. Sự lựa chọn mô hình chiến lược là việc xác định “con đường cạnh tranh”, “tính chất cạnh tranh”, “quy tắc cạnh tranh”. Tuyên bố của Trung Quốc về việc “hòa bình phát triển, hòa bình trỗi dậy” trên thực tế là sự lựa chọn mô hình “hòa bình cạnh tranh”. Đó chính là đưa cạnh tranh chiến lược của Mỹ vào quỹ đạo “hòa bình cạnh tranh”, “đối đầu phi chiến tranh”, từ đó khiến cuộc cạnh tranh này có thể thúc đẩy Trung Quốc và Mỹ phát triển, tạo nên hạnh phúc cho thế giới. “Mô hình cạnh tranh” giữa hai nước Trung-Mỹ thế kỷ 21 liên quan đến vận mệnh hai nước và tiền đồ thế giới, cũng đánh dấu và thể hiện tiến trình tiến hóa văn minh trong cuộc cạnh tranh chiến lược của nước lớn. Việc

phân tích tiến trình lịch sử cuộc chiến tranh giành địa vị quốc gia đứng đầu trong thế giới cận đại và việc so sánh những mô hình khác nhau của cuộc cạnh tranh chiến lược nước lớn là điều có ý nghĩa to lớn đối với việc lựa chọn và sáng tạo mô hình chiến lược cạnh tranh Trung-Mỹ.

Ba mô hình và ba giai đoạn của cuộc chiến tranh giành địa vị “quốc gia đứng đầu”

Cuộc cạnh tranh giữa quốc gia đứng đầu và quốc gia tiềm tàng đứng đầu được biểu hiện thành “cuộc chiến bảo vệ vương miện” của quốc gia đứng đầu và “cuộc chiến tranh giành địa vị đứng đầu” của quốc gia tiềm tàng đứng đầu. Cuộc chiến tranh giành địa vị quốc gia đứng đầu chủ yếu có 3 mô hình đặc định thể hiện qua 3 giai đoạn lịch sử.

Ba mô hình của cuộc chiến tranh giành địa vị đứng đầu

Mô hình thứ nhất là mô hình lấy chiến tranh làm cạnh tranh cao nhất, thông qua chiến tranh với quy mô lớn tiến hành trận “quyết đấu”. Mô hình cạnh tranh theo kiểu quyết đấu này được bắt đầu từ sau khi hình thành hệ thống thế giới đến khi kết thúc Chiến tranh thế giới thứ Hai.

Mô hình thứ hai là mô hình không lấy “chiến tranh thế giới” để tiến hành “quyết đấu”, mà là mô hình “Chiến tranh Lạnh” tiến hành “đối kháng” toàn diện. Cuộc cạnh tranh mang tính đối kháng này kéo dài gần nửa thế kỷ.

Mô hình thứ ba chính là cạnh tranh chiến lược Trung-Mỹ thế kỷ 21, không chỉ xuất hiện đặc điểm mới và xu thế mới cơ bản khác với hai mô hình cạnh tranh trên, mà tất sẽ lấy sự sáng tạo và văn minh chưa từng có để tạo ra hạnh phúc cho hai nước và cho thế giới.

Ba giai đoạn của cuộc chiến tranh giành địa vị đứng đầu

Thế kỷ 20 của nhân loại là thế kỷ chiến tranh và đối kháng. Thế kỷ 21 của nhân loại sẽ là thế kỷ cạnh tranh và hợp tác. Từ giai đoạn đầu của thế kỷ 20 đến giai đoạn giữa của thế kỷ 21 có thể chia thành 3 giai đoạn với thời gian 50 năm một giai đoạn.

Giai đoạn thứ nhất, cuộc cạnh tranh chiến lược nước lớn trong nửa đầu thế kỷ 20 là cuộc cạnh tranh dã man, là cạnh tranh theo luật rừng. Hai cuộc chiến tranh thế giới là một cuộc quyết đấu, kẻ muốn thắng phải tiêu diệt đối phương. Kết cục “anh bại tôi thắng” lấy “anh chết tôi sống” làm tiền đề.

Giai đoạn thứ hai, cuộc cạnh tranh chiến lược trong nửa sau của thế kỷ 20, tuy không đẫm máu và tàn khốc như trong nửa đầu thế kỷ, nhưng cũng là cuộc cạnh tranh lấy “anh suy tôi thịnh” làm nguyên tắc, là trò chơi “cộng 0”. Cuộc Chiến tranh Lạnh kéo dài gần nửa thế kỷ là “trận đấu quyền anh”, muốn chiến thắng phải hạ đo ván đối phương. Kết cục “anh thua tôi thắng” lấy “anh suy tôi thịnh” làm tiền đề.

Giai đoạn thứ ba, cuộc tranh giành địa vị đứng đầu giữa Trung Quốc và Mỹ trong thế kỷ 21, quan hệ hai bên không phải là “anh chết tôi sống”, “anh thua tôi thắng”, mà là quan hệ “ganh đua cạnh tranh”, “anh sau tôi trước”.

Cạnh tranh chiến lược Trung-Mỹ trong thế kỷ 21 nên từ trước kia là “độ sức”, “đấu quyền anh” nay bước vào cuộc “thi điền kinh”. Hai nước Trung-Mỹ nên tạo ra mô hình và quy tắc cạnh tranh chiến lược mới giữa các nước lớn, tạo ra văn minh cạnh tranh quốc tế mới. Giống như nhân loại từ trong rừng sâu đi vào xã hội văn minh, cộng đồng quốc tế cũng luôn phải thoát ra khỏi rừng sâu để đi vào thế giới văn minh.

Trận “quyết đấu”: Chiến tranh là cuộc cạnh tranh tàn khốc nhất

Nhà lý luận quân sự nổi tiếng của Đức Clausewitz nói: “Chiến tranh là sự tiếp tục của chính trị”. Chiến tranh giữa các nước lớn là sự tiếp tục chính trị giữa các nước lớn. Nhưng chính trị được tiếp tục trong chiến tranh thì quá tàn khốc. Chính trị lấy chiến tranh để thực hiện mang đậm mùi tanh của máu. Sự phát triển của văn minh nhân loại, sự tiến hóa của nền chính trị thế giới, đòi hỏi mối quan hệ giữa chiến tranh và chính trị phải có tư duy sáng tạo mới.

- Tư duy chiến lược của Bismars đối với việc “quyết đấu” giữa các nước lớn: Chính trị gia nổi tiếng của Đức Bismarck sau khi thống nhất nước Đức đã nhắc nhở người Đức rằng: “Dân tộc Đức sau khi trải qua thời gian dài chia rẽ, cuối cùng đã được thống nhất, vì thế chúng ta nên trân trọng cục diện tốt đẹp không dễ có được này, hãy cố gắng cho hòa bình và sự công bằng Đối với những tranh chấp quốc tế muốn sử dụng vũ lực, sau khi trải qua suy nghĩ một cách sâu xa, tôi nghĩ rằng không thể dùng phương thức quyết đấu đơn giản để đi xử lý những mâu thuẫn này, phương thức này hầu như không thỏa đáng.”

Bismarck đưa ra khái niệm về “phương thức quyết đấu” và đã đưa ra sự xem xét và phủ định. Kỳ thực Bismarck là một dũng sĩ dám “quyết đấu” và không chỉ trong cuộc sống riêng tư của mình, mà ông có cả quá trình cùng đối thủ quyết đấu. Trong phương thức quyết đấu, ông đã dùng chính sách “máu lạnh, trái tim thép” để thực hiện thống nhất nước Đức. Ông là người có khả năng, là người mạnh mẽ, là người chiến thắng trong việc dùng phương thức quyết đấu để giải quyết mâu thuẫn quốc tế. Một người khổng lồ dũng cảm và thành thạo trong việc tiến hành quyết đấu như vậy, nhưng sau khi suy nghĩ sâu xa lại chân thành thừa nhận rằng không nên dùng phương thức quyết đấu đơn giản để xử lý những mâu thuẫn quốc tế, vì phương thức quyết đấu rất không thỏa đáng.

Nhưng trong cuộc tranh giành và thay thế địa vị quốc gia đứng đầu, hầu như phương thức quyết đấu là phương thức duy nhất, nguyên tắc quyết đấu luôn trở thành nguyên tắc chỉ đạo cuối cùng.

- Sự tổng kết lịch sử của các chiến lược gia đối với sự “quyết đấu” giữa các nước lớn: Nhà quan hệ quốc tế nổi tiếng của phương Tây Herbert Kilpin đã chỉ ra rằng còn chưa có bất kỳ ví dụ nào để có thể chứng minh một quốc gia đang chiếm địa vị chi phối muốn nhường sự thống trị hệ thống quốc tế của mình cho cường quốc đang trỗi dậy để tránh chiến tranh.

Kết luận này của Herbert Kilpin là phù hợp với sự cạnh tranh giữa các nước lớn trong lịch sử cận đại thế giới. Có chuyên gia đã chỉ ra rằng trong thế giới cận đại có 3 quốc gia đã giành được địa vị bá quyền, đó là Hà Lan thế kỷ 17, Anh thế kỷ 19 và Mỹ thế kỷ 20. Còn chiến tranh toàn cầu để nảy sinh ra 3 quốc gia bá quyền nêu trên cũng mất khoảng 30 năm. Năm 1914-1945, Mỹ tiến lên ngôi bá quyền giành địa vị quốc gia đứng đầu thế giới từ trong đống đổ nát của hai cuộc chiến tranh thế giới.

Theo lý luận “chu kỳ 100 năm” của chính trị gia quốc tế nổi tiếng của Mỹ George Modelski đưa ra trong thập kỷ 80 của thế kỷ 20, việc thay thế quốc gia bá quyền và việc chuyển đổi quyền lãnh đạo thế giới đều thông qua chiến tranh bá quyền để thực hiện. Từ khi hệ thống quốc tế ra đời đến nay, chiến tranh bá quyền xảy ra một cách định kỳ, thời gian thống trị hệ thống thế giới của kẻ chiến thắng trong chiến tranh bình quân khoảng 1 thế kỷ. Ông cho rằng tiếp sau Bồ Đào Nha thế kỷ 16, Hà Lan thế kỷ 17, Anh thế kỷ 18, 19 và Mỹ thế kỷ 20, thì thế kỷ 21 thế giới sẽ xuất hiện quốc gia lãnh đạo mới, trong thập kỷ 20-30 của thế kỷ 21, chiến tranh thế giới mới sẽ xảy ra. Lôgích của ông là sự trỗi dậy của quốc gia đứng đầu mới tất sẽ thông qua cuộc quyết đấu bằng vũ lực đối

với quốc gia đứng đầu cũ để hoàn thành việc chuyển giao. Đây không chỉ là tư duy Chiến tranh Lạnh, mà là tư duy chiến tranh Nóng, là tư duy chiến tranh thế giới. Không thể tán đồng về dự đoán của ông “sẽ nổ ra cuộc chiến tranh thế giới mới”. Nhưng kết luận của ông về phương thức “quyết đấu” để tranh giành địa vị quốc gia đứng đầu diễn ra trong 500 năm trước thế kỷ 20 lại nêu lên sự chân thực của lịch sử.

Nhìn từ lịch sử của việc thay thế các quốc gia đứng đầu trong lịch sử cận đại thế giới cho thấy, tuy quá trình thay thế các quốc gia đứng đầu mới và cũ là quá trình của cuộc độ sức lâu dài mang tính tổng hợp, nhưng quyết định kết cục cuối cùng vẫn là cuộc “quyết đấu” bằng vũ lực, là sự thay thế bằng chiến tranh, đây thực sự là một quy luật.

Cái giá của Mỹ đi lên ngôi báu trở thành quốc gia đứng đầu: Nói đến lịch sử của cuộc chiến tranh giành địa vị quốc gia đứng đầu thì Mỹ là điển hình của việc “đăng quang một cách hòa bình”. Việc thay thế địa vị đứng đầu giữa Mỹ và Anh được hoàn thành với hình thức “phi chiến tranh”. Kỳ thực cái giá mà Mỹ phải trả cho việc giành được ngôi báu là vô cùng lớn, chỉ có điều “Mỹ được gán vương miện, còn thế giới thì phải trả giá”. Trong quá trình thay thế đế quốc Anh già cỗi, sự “thay thế một cách hòa bình” của Mỹ đã thể hiện rất rõ sự “sảo quyết kiểu Mỹ”, “thông minh kiểu Mỹ”. Việc thay thế bá quyền giữa Mỹ và Anh tuy không thông qua chiến tranh để giải quyết, nhưng lại thông qua cuộc độ sức giữa hai nước trong hai cuộc chiến tranh thế giới, cuối cùng Mỹ đã giành thắng lợi. Nếu như không phải là Đức xông lên tuyển một trong cuộc “quyết đấu” tranh giành địa vị đứng đầu đã làm suy yếu nước Anh, thế thì giữa Anh và Mỹ cũng khó tránh khỏi việc phải thông qua chiến tranh để thực hiện việc thay đổi. Trước chiến tranh thế giới thứ Hai, Mỹ không ngừng hoàn thiện kế hoạch tiến hành chiến tranh với Anh,

còn Anh cũng đã có kế hoạch tiến hành chiến tranh với Mỹ. Trên thực tế, điều gọi là việc thay thế một cách hòa bình giữa Mỹ và Anh, đối với Mỹ mà nói là cái giá rất nhỏ, còn đối với toàn bộ thế giới lại là cái giá rất lớn, là cái giá của hai cuộc chiến tranh thế giới, nhân loại bị tổn thất vô cùng to lớn. Chiến tranh, đặc biệt là chiến tranh thế giới đã trở thành đỉnh cao của sự tranh giành bá quyền, là con đường tắt yếu để tiến hành thay thế bá quyền. Cho nên hình thái đặc thù trong việc thay thế bá quyền thế giới giữa Anh và Mỹ không có gì làm thay đổi quy luật dùng chiến tranh để thay thế quốc gia đứng đầu.

Trận đấu ‘quyền anh’: Chiến tranh Lạnh là cuộc ‘cạnh tranh’ với cái giá cao nhất

Coi cuộc Chiến tranh Lạnh là một trận đấu “quyền anh” để phân tích có thể thấy được sự tàn nhẫn của cuộc Chiến tranh Lạnh chính là ở chỗ nhất định phải đánh bại đối phương, tức vẫn phải có kẻ thua người thắng. Sự tiến bộ của cuộc Chiến tranh Lạnh là ở chỗ không lấy đi tính mạng của đối thủ, kẻ thua vẫn có thể sống.

“Tư duy chiến tranh Lạnh” văn minh hơn “tư duy quyết đấu”

Sau Chiến tranh Lạnh, cả thế giới đều đang phê phán “tư duy Chiến tranh Lạnh”, coi đó là trò “ma quỷ” trong cuộc cạnh tranh giữa các nước lớn. Kỳ thực nhìn từ diễn biến lịch sử của hình thái cạnh tranh trong quá trình cạnh tranh địa vị quốc gia đứng đầu của cộng đồng quốc tế cho thấy “Chiến tranh Lạnh” so với “chiến tranh nóng” là một sự tiến hóa, “tư duy Chiến tranh Lạnh” so với “tư duy chiến tranh” là một sự tiến bộ, dùng phương thức chiến tranh Lạnh để tiến hành cuộc độ sức giữa các nước lớn cũng là tương đối văn minh. Chiến

tranh Lạnh vẫn minh hơn chiến tranh thế giới. Tuy vẫn minh này buộc phải thực hiện, là do thế cân bằng lực lượng của hai bên, là do tác dụng kiềm chế của vũ khí có uy lực to lớn được chế tạo trong thời đại nguyên tử đối với chiến tranh thế giới.

Ý nghĩa lịch sử của Chiến tranh Lạnh là ở chỗ Chiến tranh Lạnh là một mô hình cạnh tranh chiến lược, là một giai đoạn của sự cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn. Cốt lõi của Chiến tranh Lạnh đối với văn minh nhân loại và tiến trình quan hệ quốc tế chính là ở chỗ không dùng hình thức chiến tranh thế giới để tiến hành cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn. Liên Xô tan rã, Chiến tranh Lạnh kết thúc, vấn đề lý luận mà sự chuyển đổi mô hình hệ thống quốc tế đưa tới bao gồm: Vì sao Chiến tranh Lạnh kết thúc không phải vì Liên Xô bị đánh bại trong xung đột quân sự?

Vì sao cuộc chạy đua vũ trang không đưa tới cuộc Chiến tranh thế giới thứ Ba? Mọi người có thể phê phán Chiến tranh Lạnh, nhưng thời kỳ Chiến tranh Lạnh là thời kỳ có bom nguyên tử nhưng lại không nổ ra cuộc chiến tranh nguyên tử; là thời kỳ có cuộc chạy đua vũ trang với quy mô siêu lớn nhưng lại không nổ ra cuộc chiến tranh với quy mô siêu lớn; là thời kỳ có mâu thuẫn thế giới nhưng lại không nổ ra chiến tranh thế giới; là thời kỳ có răn đe hạt nhân nhưng lại không nảy sinh cuộc tiến công hạt nhân; là thời kỳ mà so với 50 năm trước Chiến tranh Lạnh hay so với 20 năm sau Chiến tranh Lạnh, hay so với bất kỳ 50 năm nào trong cả khoảng thời gian 1500 năm từ công nguyên đến nay thì đều là thời kỳ xung đột quân sự ít nhất và quy mô chiến tranh tương đối nhỏ; là thời kỳ mà siêu cường phải trả cái giá tương đối nhỏ để quyết định thắng bại trong cạnh tranh chiến lược; là thời kỳ mà lấy phương thức Chiến tranh Lạnh để kết thúc Chiến tranh Lạnh. Điều này lẽ nào không phải là thời kỳ “kỳ tích của Chiến tranh Lạnh”? Chúng ta cần phải nghiên cứu trí tuệ chính trị

trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh và sự bí ẩn của việc “không có chiến tranh thế giới trong Chiến tranh Lạnh”.

Sự bình tĩnh và lý trí của “tư duy chiến tranh Lạnh”

Chiến tranh Lạnh là đòn sáng tạo chiến lược của Mỹ để đối phó với Liên Xô, là phát minh chiến lược của chủ nghĩa đế quốc văn minh đối phó với chủ nghĩa bá quyền Liên Xô.

Ngày 22 tháng 2 năm 1946, chuyên gia về vấn đề Liên Xô, đại diện lâm thời của Đại sứ quán Mỹ tại Liên Xô George Kennan đã gửi về Mỹ một bức điện báo dài tới hơn 8000 chữ. Trong bức điện Kennan đã đề xuất kiến nghị và phân tích một cách toàn diện về “lý luận, ý đồ, sách lược và cách làm” đối với Liên Xô sau chiến tranh, cũng như đối sách chiến lược mà Mỹ cần vận dụng. Kennan cho rằng mâu thuẫn giữa Mỹ và Liên Xô “không cần thông qua một cuộc xung đột quân sự toàn diện để giải quyết”, vì khác với nước Đức phát xít, chính quyền Xô viết vừa không có quy hoạch hệ thống, cũng không tiến hành hoạt động mạo hiểm. Liên Xô không dựa theo kế hoạch cố định để thực hiện, không dám liều lĩnh không cần thiết. Liên Xô không để ý đến lôgích lý trí, nhưng lại rất nhạy cảm với lôgic vũ lực. Vì lý do này, nếu khi đối phương có được đầy đủ vũ lực và khi thể hiện chuẩn bị sử dụng vũ lực, thì trên thực tế không cần phải sử dụng vũ lực”. Đồng thời chính phủ Mỹ “cần phải cố gắng giáo dục người dân Mỹ đi tìm hiểu thực tế của tình hình nước Nga, nên không ngừng hoàn thiện xã hội nước Mỹ, tăng cường sự tự tin, tính kỷ luật, sĩ khí và tinh thần tập thể của người dân Mỹ”, “cần phải quy hoạch cho các nước khác, đưa ra một viễn cảnh thế giới tích cực hơn, có tính xây dựng hơn so với viễn cảnh mà trước kia chúng ta đã đưa ra và nó cũng là viễn cảnh mà chúng ta muốn

nhìn thấy”, “ cần phải có dũng khí và sự tự tin, kiên trì phương pháp của bản thân chúng ta và cách nhìn nhận đối với xã hội loài người.”

Báo cáo của Kennan đã đề xuất tư tưởng tiến hành “kiềm chế” đối với Liên Xô và đã nhận được sự tán thành của tầng quyết sách của Mỹ. Kennan lập tức được Bộ ngoại giao Mỹ điều về Mỹ, sau đó được cử làm Trưởng ban nghiên cứu thiết kế chính sách của Bộ ngoại giao Mỹ. Bộ trưởng hải quân Mỹ Jame Fulaisite đã hạ lệnh copy báo cáo này thành hàng trăm bản, coi đó là tài liệu mà các quan chức quân đội cần đọc. Sau này Kennan chỉnh lý lại bản báo cáo và viết lại dưới nhan đề “Nguồn gốc hành vi của Liên Xô” và tháng 7/1947 được đăng trên tạp chí ra hàng quý “Ngoại giao”, trong đó Kennan đã đề xuất lý luận và chính sách kiềm chế Liên Xô. Có thể thấy trong điều kiện lịch sử khi đó, tư duy Chiến tranh Lạnh trên thực tế là một sự tư duy tương đối bình tĩnh của giới hoạch định chính sách của Mỹ và Liên Xô, là tư duy tương đối lý trí, cũng là sự thể hiện tập trung của trí tuệ chiến lược của hai bên. Chiến tranh Lạnh là sự kiềm chế đối với Liên Xô, cũng là sự kiềm chế đối với chiến tranh thế giới mới.

Thời đại “tư duy Chiến tranh Lạnh” đã kết thúc

Chiến tranh Lạnh với tư cách là một giai đoạn lịch sử của sự cạnh tranh giữa các nước lớn, nó vẫn minh hơn so với thời kỳ trước Chiến tranh Lạnh, nhưng không thể cung cấp cho nó tính hợp lý để nó có thể tiếp tục tồn tại sau Chiến tranh Lạnh. Chiến tranh Lạnh có tính đối kháng và tính mạo hiểm rất lớn. Chiến tranh Lạnh khiến cả thế giới sống dưới “lưỡi gươm của Damo Chris”, biến cả trái đất thành “quả bom lớn”, nhân loại sinh tồn và sống trong hòa bình Lạnh mà bất kỳ lúc nào cũng có thể bị hủy diệt. Cái giá quá cao của cuộc Chiến tranh Lạnh là điều mà nhân loại thể chấp nhận.

Cuộc Chiến tranh Lạnh giữa Mỹ và Liên Xô kéo dài gần nửa thế kỷ thực chất là cuộc Chiến tranh thế giới thứ Ba với hình thái đặc thù. Chiến tranh Lạnh không phải là một trận “quyết đấu” giữa các nước lớn, nhưng lại là trận đấu “quyền anh” giữa những người khổng lồ của thế giới. Trong hai cuộc chiến tranh thế giới trước đây, các nước lớn tranh giành bá quyền thế giới lấy thế giới làm chiến trường, tiến hành cuộc “quyết đấu” tàn khốc “một mất một còn”. Còn tham gia vào cuộc Chiến tranh Lạnh là hai đối thủ “quyền anh” tầm cỡ thế giới, họ lấy thế giới làm sân đấu quyền anh, tiến hành cuộc đấu tuy không làm chết người, nhưng phải phân thắng bại. Ngày nay khi hòa bình, phát triển và hợp tác trở thành trào lưu thế giới và yêu cầu của thời đại thì mô hình cạnh tranh theo kiểu “quyền anh” tuy không phải là cuộc “quyết đấu” nhưng cũng phải bị đào thải giống như mô hình cạnh tranh theo kiểu “quyết đấu”, văn minh nhân loại thế giới không thể chấp nhận.

Cuộc thi “điền kinh”: mô hình cạnh tranh văn minh mới giữa Trung Quốc và Mỹ

Cuộc độ sức giữa Trung Quốc và Mỹ trong thế kỷ 21 không thể là cuộc độ sức theo kiểu “quyết đấu”, cũng không thể vận dụng mô hình như cuộc đấu “quyền anh”, mà chỉ có thể là cuộc thi “điền kinh”.

Hàm nghĩa cuộc thi “điền kinh” Trung-Mỹ

Cuộc thi “điền kinh” Trung-Mỹ có hai hàm nghĩa:

- Cuộc cạnh tranh xoay quanh việc giành địa vị quốc gia đứng đầu thế kỷ 21 giữa Trung Quốc và Mỹ sẽ là cuộc cạnh tranh giữa các nước lớn được coi là văn minh nhất trong lịch sử nhân loại. Nó không phải là cạnh tranh đưa tới chiến tranh thế giới theo kiểu “quyết đấu”, cũng không phải là cạnh tranh đưa tới chiến tranh Lạnh theo kiểu đấu “quyền anh”, mà là

cuộc cạnh tranh theo kiểu thi “điền kinh”.

- Cuộc cạnh tranh này là cuộc cạnh tranh mang tính thế kỷ, là cuộc thi “điền kinh” giữa hai nước Trung Quốc và Mỹ. Nó không phải là cuộc thi chạy 100m, cũng không phải là cuộc thi chạy 10 nghìn mét, mà là cuộc thi chạy maratong, là cuộc thi về ý chí, thi về nghị lực, thi về sự nhẫn nại.

Vì vậy cuộc thi “điền kinh” Trung-Mỹ thế kỷ 21 có hai đặc điểm cơ bản: cạnh tranh được văn minh hóa và cạnh tranh mang tính lâu dài.

Không cần tránh việc nói đến “thách thức” và “đối thủ”

Bất kỳ hoạt động mang tính cạnh tranh đều không thể không có thách thức, cũng không thể không có đối thủ. Thực chất của cạnh tranh và thi đấu chính là thách thức, chính là lấy sự tồn tại của đối thủ làm tiền đề. Cạnh tranh giữa các quốc gia cũng sẽ có thách thức. Giữa quốc gia đứng đầu và quốc gia tiềm tàng đứng đầu về khách quan hình thành nên mối quan hệ đối thủ mang tính thách thức và nghênh chiến giữa một bên bảo vệ vương miện và một bên tranh giành vương miện. Cho nên không cần tránh nói đến thách thức, cũng không sợ thách thức.

Vấn đề cơ bản không phải ở chỗ liệu có phải là thách thức hay không, mà là ở tính chất và phương thức của thách thức. Thách thức của tính chất “quyết đấu” là tai họa lớn “một mất một còn”, thách thức của tính chất “đấu quyền anh” là cái giá nặng nề của kẻ thua người thắng, còn thách thức của tính chất thi “điền kinh” là nâng cao thành tích của cả hai bên. Sự thách thức này vừa là hình thái tất yếu của của cuộc đua tài, cũng là sự kích thích và tiến bộ của hai bên tham gia cạnh tranh. Không cho phép thách thức cũng đồng nghĩa với việc không cho phép thi đấu, vừa không thể được cũng không có lợi cho việc tăng thêm động lực và sức sống cho sự phát triển

của thế giới.

Thách thức giữa các nước lớn trong lịch sử thế giới cận đại là thách thức của các đấu sĩ và võ sĩ quyền anh. Quốc gia bá quyền mới trỗi dậy thông qua việc thách thức quốc gia bá quyền cũ để xác lập địa vị bá quyền của mình. Nhưng trải qua một giai đoạn, thực lực và quyền lực bị suy giảm, sẽ xuất hiện một nước hoặc nhiều nước thách thức và lại tiến hành thách thức với nước bá quyền cũ. Ví dụ Tây Ban Nha đã thách thức Bồ Đào Nha, Pháp thách thức Hà Lan, Pháp và Đức lần lượt thách thức Anh, Mỹ giúp Anh đối phó với cuộc thách thức năm 1914-1918, sau đó Mỹ nổi lên từ trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ Hai, trở thành quốc gia bá quyền, rồi Mỹ lại đứng trước sự thách thức của Liên Xô. Những thách thức này rõ ràng đều mang lại tai họa cho cả hai bên đối kháng thậm chí cho cả toàn bộ thế giới, đi ngược lại trào lưu thế giới hiện nay. Cộng đồng quốc tế có thể loại bỏ thách thức mang tính “quyết đấu”, hay loại bỏ thách thức mang tính đấu “quyền anh”, nhưng không thể loại bỏ thách thức mang tính thi đấu “điền kinh”. Cộng đồng quốc tế là một vũ đài quốc tế, trên vũ đài này mỗi một quốc gia đều muốn đóng tốt vai diễn của mình. Vũ đài quốc tế cũng là một “trường đấu quốc tế”, mỗi một nước đều là một vận động viên. Quốc gia với tư cách là một vận động viên và cá nhân với tư cách là một vận động viên tuy có sự khác nhau rất lớn, nhưng việc giành lấy thành tích tốt là mục đích theo đuổi chung. Trường đấu quốc tế trước đây kỳ thực là một cuộc “đọ sức quốc tế”, sau đó dần dần văn minh lên trở thành sân đấu “quyền anh”. Hiện nay ngày càng trở thành cuộc đua “điền kinh quốc tế”. Cuộc cạnh tranh sức mạnh tổng hợp quốc gia của cộng đồng quốc tế luôn luôn đang diễn ra. Thách thức trong cuộc cạnh tranh chiến lược Trung-Mỹ là cạnh tranh và thách thức trong cuộc đua “chạy thi”, cuộc đua “nhảy cao”, thực tế là xem nước nào “nhanh

hơn, cao hơn, xa hơn”. Cho nên cuộc cạnh tranh chiến lược Trung-Mỹ sẽ trở thành cuộc cạnh tranh mang lại cho sự tiến bộ và phát triển của thế giới sức sống và động lực to lớn, chứ không phải mang lại tai họa cho thế giới.

Tám điểm khác biệt lớn giữa cạnh tranh Trung-Mỹ và Xô-Mỹ

Cạnh tranh Trung-Mỹ và cạnh tranh Xô-Mỹ là hai cuộc cạnh tranh mang tính chất khác nhau, chủ yếu có 8 đặc điểm chiến lược khác nhau, nó quyết định cuộc cạnh tranh Trung-Mỹ không trở thành cuộc chiến tranh Lạnh thứ hai:

- *Môi trường cạnh tranh khác nhau:* Cạnh tranh Xô-Mỹ là cuộc cạnh tranh giữa hai xã hội, là cạnh tranh giữa hai xã hội và cạnh tranh giữa hai thế giới trên một quả địa cầu. Liên Xô tổ chức xã hội Xã hội chủ nghĩa lấy phe Xã hội chủ nghĩa làm nền tảng. Còn Mỹ tổ chức một xã hội tự do, đó là xã hội Tư bản chủ nghĩa. Xã hội loài người phân chia thành hai xã hội đối đầu nhau, cộng đồng quốc tế chia thành hai thế giới đối kháng và thù địch nhau - thế giới tự do và thế giới cực quyền. Còn cạnh tranh Trung-Mỹ thế kỷ 21 không phải là cạnh tranh giữa 2 xã hội và 2 thế giới, mà là cùng nhau tạo ra một thế giới mở cửa, thế giới hài hòa vì hòa bình và phát triển. Trung Quốc không phải là một thế giới khác đối lập và đối kháng với Mỹ, mà là hòa nhập vào thế giới, đi vào quỹ đạo quốc tế.

- *Mục tiêu cạnh tranh khác nhau:* Cạnh tranh Xô-Mỹ là cạnh tranh bá quyền thế giới, còn đặc điểm của nhà nước Trung Quốc là không xưng bá. Trung Quốc muốn giành “địa vị đứng đầu”, nhưng không muốn giành “bá quyền”. Trung Quốc muốn thông qua con đường không cạnh tranh bá quyền để trở thành quốc gia đứng đầu thế giới. Trung Quốc muốn xây dựng một quốc gia hùng mạnh đứng đầu thế giới, nhưng không xưng bá. Trung Quốc không phải là quốc gia theo “mô

hình cách mạng thế giới” kiểu Liên Xô, cũng không phải là quốc gia theo “mô hình xuất khẩu dân chủ” kiểu Mỹ. Trung Quốc là quốc gia theo mô hình hòa bình, hữu hảo, đặc sắc, phòng ngự. Vì vậy Trung Quốc không cần phải vận dụng vũ khí Chiến tranh Lạnh để đối phó và xử lý quan hệ Trung-Mỹ.

- *Nội dung cạnh tranh khác nhau*: Cuộc cạnh tranh Xô-Mỹ mang sắc thái ý thức hệ mạnh mẽ. Việc đối đầu giữa hai bên về ý thức hệ trên thực tế là phiên bản của cuộc chiến “Thập tự quân”. Còn cạnh tranh chiến lược Trung-Mỹ thế kỷ 21 chủ yếu không phải là cạnh tranh về ý thức hệ. Trung Quốc trở thành nhà nước Tư bản chủ nghĩa cũng không có lợi ích chiến lược gì lớn đối với Mỹ. Trung Quốc với tư cách là nhà nước Xã hội chủ nghĩa cũng không gây tổn hại chiến lược gì lớn đối với Mỹ. Chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc là Chủ nghĩa xã hội “không gây tổn hại gì” cho Mỹ. Cạnh tranh Xô-Mỹ là cạnh tranh về ưu thế giữa Tư bản chủ nghĩa kiểu Mỹ và Xã hội chủ nghĩa kiểu Liên Xô. Cạnh tranh Trung-Mỹ là việc giao lưu với Chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc. Chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc là Xã hội chủ nghĩa không tranh giành bá quyền, không xưng bá. Chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc là Chủ nghĩa xã hội kinh tế thị trường, là Chủ nghĩa xã hội hòa nhập với thế giới phương Tây, là Chủ nghĩa xã hội hòa nhập với lợi ích phương Tây. Cho nên giữa Trung Quốc và Mỹ tất nhiên là sự thống nhất của cạnh tranh văn minh và hợp tác mật thiết.

- *Đội ngũ cạnh tranh khác nhau*: Cạnh tranh chiến lược Xô-Mỹ là cạnh tranh quần thể giữa hai liên minh và cạnh tranh giữa hai phe trục, hai bên đều tổ chức thành những phe trục hùng mạnh, ngay cả những nước không nằm trong phe trục cũng phải thể hiện lập trường, thái độ, phải vạch rõ ranh giới, phải đứng vào cùng đội ngũ. Còn cạnh tranh chiến lược Trung-Mỹ là thuộc về cạnh tranh cá thể, hai bên đều không

có quần thể liên minh hay phe trục, khó có thể hình thành liên minh để tiến công đối phương.

- *Tính chất cạnh tranh khác nhau:* Mâu thuẫn và cạnh tranh giữa Liên Xô và Mỹ mang tính đối kháng, vì Liên Xô muốn đánh đổ chế độ xã hội của Mỹ, còn Mỹ cũng muốn thay đổi chế độ xã hội của Liên Xô. Liên Xô muốn biến Cách mạng tháng 10 thành cách mạng thế giới. Còn Mỹ muốn biến chế độ dân chủ của Mỹ thành chế độ dân chủ của thế giới. Cạnh tranh chiến lược Xô-Mỹ là cạnh tranh mang tính tiến công chiến lược, là theo mô hình “xuất khẩu” trong đó Liên Xô muốn xuất khẩu mô hình Xã hội chủ nghĩa kiểu Liên Xô còn Mỹ muốn xuất khẩu mô hình tự do dân chủ kiểu Mỹ. Hai bên đều muốn dựa vào mô hình để thay đổi đối thủ, thay đổi thế giới. Chủ nghĩa xã hội kiểu Liên Xô là Chủ nghĩa xã hội theo mô hình tiến công, muốn cắm lá cờ đỏ trên khắp thế giới. Chủ nghĩa tư bản của Mỹ cũng là chủ nghĩa tư bản theo mô hình tiến công và khuếch trương, muốn biến toàn thế giới thành thế giới tự do, thế giới dân chủ. Còn cạnh tranh chiến lược Trung-Mỹ thì khác, Trung Quốc không xuất khẩu cách mạng, Trung Quốc kiên trì xây dựng đất nước mang đặc sắc riêng của mình, và đưa đất nước mình hòa nhập vào thế giới đa nguyên hóa.

- *Rủi ro cạnh tranh khác nhau:* Cạnh tranh Xô-Mỹ là cạnh tranh mà lúc nào cũng chuẩn bị tiến hành chiến tranh thế giới và chiến tranh hạt nhân, mấy lần khủng hoảng giữa hai bên đều chút nữa đưa tới đại chiến có thể hủy diệt nhân loại. Còn cạnh tranh chiến lược Trung-Mỹ, và mặt quân sự có thể nói là cạnh tranh “không đưa tới chiến tranh Trung-Mỹ”, “không đưa tới chiến tranh hạt nhân Trung-Mỹ”.

- *Nguyên tắc cạnh tranh khác nhau:* Cạnh tranh chiến lược Xô-Mỹ là tuân theo nguyên tắc “cộng 0”: anh sống tôi chết, anh thắng tôi bại, anh suy tôi thịnh. Còn cạnh tranh Trung-Mỹ

là cạnh tranh không phải lấy “đánh đổ” hay “chiến thắng” đối phương làm mục đích, về tổng thể mà nói nổi bật rõ đặc điểm hợp tác, cùng có lợi, cùng thắng lợi, cùng vinh quang. Thế giới này không thể không có Mỹ, trái đất này cũng không thể không có Trung Quốc. Nước Mỹ trong tương lai không thể tách rời một Trung Quốc phồn vinh, Trung Quốc trong tương lai cũng cần một nước Mỹ phồn vinh.

- *Kết quả cạnh tranh khác nhau:* Cạnh tranh chiến lược Xô-Mỹ khiến cả thế giới rất căng thẳng, giá phải trả rất cao. Còn cạnh tranh chiến lược Trung-Mỹ sẽ là quá trình mang tính sáng tạo. Cạnh tranh Trung-Mỹ trên các mặt chính trị, kinh tế, ngoại giao, quân sự đều sẽ có sáng tạo mới, sẽ là cạnh tranh văn minh nhất trong lịch sử nhân loại, đặc biệt là cạnh tranh nước lớn kể từ khi hình thành cộng đồng quốc tế thời kỳ cận đại và sẽ sáng tạo ra nền văn minh mang tính cạnh tranh, đưa cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn trên thế giới bước vào giai đoạn văn minh mới, khiến thế giới văn minh hơn, hòa bình hơn, dân chủ hơn, phát triển hơn. Cạnh tranh chiến lược Trung-Mỹ sẽ là cạnh tranh theo kiểu “chạy đua” trên trường đua quốc tế. khác với kiểu cạnh tranh “chinh chiến” trong giai đoạn xảy ra hai cuộc chiến tranh thế giới, cũng khác với kiểu cạnh tranh “Chiến tranh Lạnh” diễn ra sau chiến tranh thế giới thứ Hai, đưa cạnh tranh chiến lược của cộng đồng quốc tế lên giai đoạn mới—giai đoạn thứ ba. Cạnh tranh chiến lược giữa các quốc gia là sự thể hiện trật tự chiến lược, quy luật chiến lược, văn hóa chiến lược, văn minh chiến lược của cộng đồng quốc tế. Mỹ không thể dùng tư duy và mô hình cạnh tranh tiến hành với Liên Xô để đối phó với thực tiễn cạnh tranh chiến lược của Trung Quốc.

Muốn Mỹ phồn vinh cũng phải để cho Trung Quốc phồn vinh

Nhân tố quan trọng quyết định Trung-Mỹ chỉ có thể đi theo con đường cạnh tranh mới theo kiểu “đua điên kinh” là mối liên hệ lợi ích kinh tế giữa hai bên ngày càng chặt chẽ, chỉ có thể cùng nhau đi theo quy luật thương mại tiến tới phồn vinh.. Trước đây Mỹ và Anh có sự giao lưu mậu dịch chặt chẽ. Anh dựa vào Mỹ để nhập khẩu lương thực, còn Mỹ lại là thị trường lớn nhất của Anh về hàng dệt, đặc biệt là Anh có cơ hội đầu tư lớn ở Mỹ. Thập kỷ 50 của thế kỷ 19, lượng trái phiếu chinh phủ Mỹ mà người Anh nắm giữ bằng tổng số trái phiếu của toàn bộ các nước châu Âu khác cộng lại. Năm 1857, cổ phiếu của 7 tuyến đường sắt của Mỹ được đưa lên thị trường giao dịch cổ phiếu Luân Đôn với trị giá lên tới 80 triệu bảng Anh. Thủ tướng Anh Liverpool đã từng chỉ rõ: “ Bất kỳ ai muốn nước Anh phồn vinh thì cũng phải để cho nước Mỹ phồn vinh.” Xem ra sự phát triển mậu dịch Trung-Mỹ trong gần 30 năm qua cho đến nay đã đạt được triển vọng về quy mô và tương lai, cũng như vậy có thể thấy một hiện thực là: “Bất kỳ ai muốn Mỹ phồn vinh thì cũng phải để cho Trung Quốc phồn vinh.”

Trên mạng của Pháp đã từng xuất hiện đề nghị “hạn chế hàng Trung Quốc”, nhưng lập tức trên mạng có hồi âm: “Kiềm chế hàng Trung Quốc, trước hết chúng ta phải cởi hết quần áo, vứt ra cửa sổ điện thoại di động, con chuột, bàn phím, màn hình máy tính, đồng hồ, linh kiện ô tô, xe máy Liệu mọi người có làm được điều này không?” Hiện nay trên toàn thế giới mỗi người mỗi năm phải dùng đến 1 đôi giày của Trung Quốc, cần đến 2 mét vải của Trung Quốc, phải mặc 3 chiếc áo do Trung Quốc chế tạo. Người tiêu dùng phương Tây không thể tách rời sản phẩm do Trung Quốc chế tạo. Những trái phiếu đôla Mỹ mà Trung Quốc dùng ngoại tệ thu được từ xuất khẩu để mua đã hỗ trợ sự ổn định của hệ thống tài chính thế giới. Nếu kinh tế Trung Quốc đổ vỡ thì sẽ là một

tai họa cho thế giới, tốc độ tăng trưởng của Trung Quốc chậm lại điều này cũng sẽ mang lại hậu quả nghiêm trọng cho kinh tế thế giới. Một số học giả phương Tây đã nhìn thấy rằng việc tạo nên mối đe dọa không phải là do sự phát triển của Trung Quốc, mà lại có thể nảy sinh từ khó khăn và thất bại của Trung Quốc. Từ ý nghĩa này mà nói quả thực là “Trung Quốc phát triển, Mỹ được lợi, thế giới cũng được lợi”.

Trung Quốc và Mỹ cùng sáng tạo ra “nền văn hóa mới cạnh tranh giữa các nước lớn”

Việc đưa cuộc cạnh tranh chiến lược giữa quốc gia đứng đầu và quốc gia tiềm tàng đứng đầu từ “quyết đấu”, “đấu quyền anh” chuyển sang “điền kinh”, đi vào quỹ đạo của “cuộc đua chạy” là một cuộc cách mạng chính trị quốc tế, là sự sáng tạo mang tính lịch sử của văn hóa cạnh tranh giữa các nước lớn. Về mặt này sự xuất hiện của Liên minh châu Âu là một sáng tạo vĩ đại, có ý nghĩa sâu xa đối với Trung Quốc và Mỹ trong thế kỷ 21.

Trong hơn 1100 năm trước Chiến tranh thế giới thứ Hai, giữa Pháp và Đức tổng cộng có hơn 200 cuộc chiến tranh, cứ 5 năm lại xảy ra một lần. Trong cuộc đối kháng và chiến tranh kéo dài hàng nghìn năm này, kẻ thua thì thảm bại, kẻ thắng cũng thắng lợi một cách thảm hại, bài học cay đắng về việc cả hai đều bị tổn thất đã khiến họ nảy sinh trí tuệ chính trị. Sự thay đổi to lớn của cục diện châu Âu trong Chiến tranh thế giới thứ Hai đã khiến trào lưu tư tưởng “liên hợp châu Âu”, “thống nhất châu Âu” hình thành từ lâu lại nổi lên. Ngay từ năm 1942, Churchill đã suy nghĩ đến việc làm thế nào chấn hưng lại uy phong của châu Âu sau chiến tranh. Ông đã đưa ra ý tưởng “hợp chủng quốc châu Âu”. Tháng 3/1943, Đại hội toàn châu Âu lần thứ 5 đã tiến hành ở Niu Yoóc, chủ trương xây dựng Liên minh châu Âu sau chiến tranh. Tháng 9/1946,

tại trường đại học Zurich Churchill đã phát biểu diễn thuyết với nhan đề “Bi kịch châu Âu”, kêu gọi thành lập một tổ chức theo kiểu “hợp chủng quốc châu Âu”. Tháng 5/1948, “Đại hội châu Âu” triệu tập tại Hague, có khoảng 800 đại biểu của các nước tham dự, bao gồm nhiều chính trị gia nổi tiếng như Churchill, Adenauer, Van Zeeland Đại hội đã đưa ra “Thư gửi nhân dân châu Âu”, bày tỏ hy vọng muốn có một châu Âu thống nhất, một hiến pháp nhân quyền của châu Âu, và tòa án thực hiện hiến pháp. Những người theo chủ nghĩa liên bang khi đó yêu cầu xây dựng một chính phủ liên bang có quyền lực siêu quốc gia. Sau Chiến tranh thế giới thứ Hai, Thủ tướng Liên bang Đức Adenauer và Tổng thống Cộng hòa Pháp De Gaulle đã thành công trong việc xóa bỏ mối hận thù mấy trăm năm giữa hai nước. Tổ chức Liên minh châu Âu với sự thúc đẩy của cỗ máy Pháp và Đức đã hình thành thị trường thống nhất, tiền tệ thống nhất, xây dựng nên nghị viện và lực lượng quân đội chung, một thể liên hợp khu vực siêu mạnh đã ra đời.

Hợp tác và phát triển của châu Âu sau chiến tranh là một kỳ tích. Brzezinski nói: “Tôi cho rằng châu Âu quả thực là người đi tiên phong. Việc Mỹ coi thường thể liên hợp châu Âu, thậm chí phê phán là một sai lầm... Châu Âu trên cơ sở nhận thức chung, và bình đẳng, đã thử nghiệm sáng tạo ra một cơ cấu quốc gia siêu việt. Tôi cho rằng nhìn về góc độ lâu dài, thế giới cũng sẽ được tổ chức như vậy ... Cho nên thử nghiệm của châu Âu là vô cùng quan trọng. Thành công của thử nghiệm này là có lợi cho lợi ích chung của chúng ta... Châu Âu không phải là cơ cấu trừu tượng, nó là sự thể hiện giao lưu giữa các quốc gia và sự thay đổi của đời sống nhân dân.” . Giáo sư Viện chính trị học Kennedy thuộc trường đại học Harvard Joseph Nye trong khi trả lời phỏng vấn đã nói: “Liên minh châu Âu là một thử nghiệm độc đáo trong lịch sử thế

giới. Trước đây có một số nước liên hợp lại thành lập liên bang, giống như Mỹ thế kỷ 18. Nhưng châu Âu rất độc đáo. Nó không phải là một liên bang, mà là xây dựng một liên minh có mối quan hệ chặt chẽ hơn so với các tổ chức quốc tế khác, mà các nước lại không mất đi địa vị quốc tế của mình. Hình thức này rất là tốt đẹp vì nó xóa bỏ đi quan hệ cạnh tranh đưa tới đấu tranh lẫn nhau giữa các nước châu Âu trong thế kỷ trước, từ đó tránh được hậu quả mang tính phá hoại. Hiện nay không thể tưởng tượng được giữa Pháp và Đức lại có thể nổ ra chiến tranh. Liên minh châu Âu sẽ luôn tồn tại và nó sẽ có ích cho kinh tế và chính trị châu Âu, và cũng sẽ tiếp tục phát triển. Một số người cho rằng nó sẽ phát triển thành liên bang, châu Âu sẽ có một ngày trở thành một quốc gia, giống như Mỹ, nhưng tôi hoài nghi về khả năng này. Tôi đánh giá cao về sự phát triển của Liên minh châu Âu, nhưng tôi không cho rằng nó sẽ phát triển thành một quốc gia liên bang đơn nhất.”

Tiến trình thống nhất châu Âu lạc quan hơn nhiều so với dự đoán của các nhà chính trị. Ngày 3/11/2009, Liên minh châu Âu thông qua “Hiệp ước Lisbon”. Sau đó không lâu lại đề cử chức “tổng thống” và “ngoại trưởng” - một Liên minh châu Âu với hình thức “bán quốc gia” đang xuất hiện trước mọi người.

Nếu như nói quan hệ giữa các nước lớn châu Âu đã trải qua một sự chuyển biến mang tính lịch sử từ chiến tranh cho đến hợp tác, rồi xây dựng một quốc gia thống nhất; nếu như nói Liên minh châu Âu là sự sáng tạo vĩ đại đầu tiên trong cuộc cạnh tranh giữa các nước lớn sau chiến tranh, thế thì cạnh tranh chiến lược Trung-Mỹ trong 50 năm tới sẽ là sự sáng tạo thứ hai, tức tạo ra mô hình văn minh mới cạnh tranh giữa các nước lớn. Việc sáng tạo mới mô hình cạnh tranh Trung-Mỹ sẽ vĩ đại hơn so với sự sáng tạo của Liên minh châu Âu. Vì Liên minh châu Âu là liên minh “đồng chất”, là

sự sáng tạo của mối quan hệ quốc gia có ý thức hệ và chế độ xã hội tương đồng, là sự sáng tạo trong phạm vi khu vực châu Âu, có sự hạn chế của nó. Còn việc sáng tạo thành công mô hình mới cạnh tranh chiến lược Trung-Mỹ là sự sáng tạo có ý nghĩa toàn cầu sâu xa được thực hiện trên tầm cao chiến lược giữa quốc gia đứng đầu và quốc gia tiềm tàng đứng đầu, giữa hai quốc gia có chế độ xã hội và ý thức hệ khác nhau, vì thế nó sẽ có cống hiến vĩ đại hơn cho việc xây dựng thế giới dân chủ, thế giới hợp tác, thế giới văn minh, thế giới hài hòa.

4. Thế giới không có bá quyền: Sứ mệnh và kết cục của cuộc độ sức thế kỷ giữa Trung Quốc và Mỹ

Giấc mơ Trung Hoa vừa là một giấc mơ quốc gia, vừa là một giấc mơ thế giới của Trung Quốc. Mục tiêu lớn quốc gia của Trung Quốc là liên kết mục tiêu lớn của Trung Quốc với mục tiêu lớn của thế giới lại với nhau. Một nước lớn thế giới, trước tiên cần phải tính đến việc xây dựng một thế giới như thế nào, sau đó mới tính đến xây dựng một quốc gia ra sao. Cho nên, mục tiêu lớn của Trung Quốc không thể chỉ giới hạn ở Trung Quốc, mà cần hướng ra ngoài thế giới.

Thế giới nhân loại thế kỷ 21 muốn trở thành một thế giới hòa bình, hài hòa, hợp tác, điều quan trọng là cần phải trở thành một “thế giới không có bá quyền”. Bá quyền là mối đe dọa lớn nhất của nền hòa bình thế giới, là mối nguy hại lớn nhất của sự hài hòa thế giới, là trở ngại lớn nhất của sự hợp tác thế giới. Mục tiêu lớn thế giới của Trung Quốc trong thế kỷ 21 là xây dựng “thế giới không có bá quyền”. Tóm lại, chấm dứt “bá quyền thế giới” là sứ mệnh lịch sử của cuộc độ sức thế kỷ Trung-Mỹ; xây dựng “thế giới không có bá quyền” là kết cục tất yếu của trận chung kết lâu dài Trung-Mỹ.

“Sự trỗi dậy của nước lớn” và “việc chuyển đổi mô hình của thế giới”

Thế giới đang không ngừng chuyển đổi mô hình. Sự trỗi dậy của nước lớn vừa là động lực, vừa là tiêu chí của việc chuyển đổi mô hình thế giới. Trong sự mâu thuẫn không ngừng của các nước lớn trỗi dậy, thế giới cận đại lần lượt trải qua 3 lần chuyển đổi mô hình.

Nước lớn phương Tây trỗi dậy, thế giới lần đầu tiên chuyển đổi mô hình: từ thế giới phong kiến chuyển sang thế giới tư bản

Sự chuyển đổi mô hình lần đầu tiên của thế giới cận đại là từ thế giới phong kiến chuyển sang thế giới tư bản. Động lực của việc chuyển đổi mô hình đó là sự trỗi dậy của một loạt nhà nước phương Tây, bao gồm các nước Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hà Lan, Pháp, Anh và Mỹ. Về bản chất, sự trỗi dậy của một loạt nước lớn này là sự trỗi dậy của chủ nghĩa tư bản và đã đẩy lên một thế giới tư bản chủ nghĩa. Nước lớn phương Tây dùng sự trỗi dậy của chủ nghĩa tư bản để tuyên bố chủ nghĩa phong kiến suy tàn và diệt vong, về cơ bản, đã kết thúc thời đại trung cổ của phương Tây và thời đại chủ nghĩa phong kiến của thế giới, bắt đầu một thời đại chủ nghĩa tư bản thế giới hoàn toàn mới, khiến nhân loại từ thế giới phong kiến chuyển sang thế giới tư bản.

Đặc điểm nổi bật của những nước lớn trỗi dậy thúc đẩy sự chuyển đổi mô hình lần đầu tiên của thế giới cận đại là “trỗi dậy về quyền lợi biển”, “trỗi dậy bành trướng”, “trỗi dậy thực dân” và “trỗi dậy chiến tranh”. Sự trỗi dậy ban đầu tàn khốc, đã man này đã phạm phải “tội lỗi cơ bản” mang tính bành trướng bằng vũ lực và chinh phục thực dân, nhưng trong quá trình máu và lửa này, thế giới nhân loại rốt cuộc đã thực hiện được việc chuyển đổi mô hình mang tính lịch sử tương đối tiến bộ.

Sự trỗi dậy của nước lớn Liên Xô, thế giới chuyển đổi mô hình lần thứ hai: từ thế giới tư bản sang “một trái đất hai chế độ”

Việc chuyển đổi mô hình lần thứ hai của thế giới là do Liên Xô trỗi dậy và sự xuất hiện của hàng loạt nước xã hội chủ nghĩa, khiến thế giới từ chủ nghĩa tư bản “thống nhất thiên hạ” chuyển sang “hai thế giới”, một địa cầu hai thế giới, một thế giới hai chế độ, tức là “một trái đất hai chế độ”. Liên Xô với tư cách là nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới, sự trỗi dậy của nó là sự trỗi dậy của nước lớn đối lập và đối kháng với thế giới tư bản chủ nghĩa. Sự trỗi dậy của Liên Xô đã mở ra thời đại mới trong lịch sử thế giới – thời đại “một trái đất hai chế độ”, và đã kết thúc thời đại của lịch sử thế giới – thời đại tư bản chủ nghĩa thống nhất thiên hạ. Sự trỗi dậy của Liên Xô đã thực hiện được việc chuyển đổi mô hình thế giới từ một thế giới do chủ nghĩa tư bản chủ đạo sang hai thế giới mà chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội đối đầu nhau. Điều này vừa đem lại những căng thẳng mới, vừa đem lại nền văn minh mới cho thế giới. Chủ nghĩa tư bản sơ khai truyền thống sở dĩ có thể sau đó biến thành chủ nghĩa tư bản tương đối văn minh và nhân đạo là vì có hai loại nước lớn tính chất khác nhau đang cạnh tranh, cũng là do nước lớn xã hội chủ nghĩa đã “ép buộc” các nước lớn tư bản chủ nghĩa văn minh. Việc chuyển đổi mô hình lần thứ hai của thế giới là sự tiến bộ mang tính lịch sử lần thứ hai của thế giới. Nhưng sự cạnh tranh giữa Liên Xô và nước lớn phương Tây đã không thoát khỏi vòng tuần hoàn của cuộc cạnh tranh bá quyền. Liên Xô vì chống bá quyền mà hưng thịnh, sau đó lại vì tranh bá mà suy vong.

Sự trỗi dậy của nước lớn Trung Quốc, thế giới chuyển đổi mô hình lần thứ ba: từ “thế giới có bá quyền” sang “thế giới

không có bá quyền ”

Sự trỗi dậy của Trung Quốc không giống với sự trỗi dậy của các nước phương Tây, cũng không giống với sự trỗi dậy của Liên Xô bởi sự trỗi dậy của nước này là một sự trỗi dậy kiểu mới. Sự trỗi dậy của Trung Quốc có đặc trưng thời đại mới mẻ, điều này thể hiện ở 3 điểm sau:

- Về mục tiêu trỗi dậy, mục tiêu trỗi dậy của Trung Quốc không phải là bá quyền thế giới. Sự trỗi dậy của Trung Quốc vừa không phải là nước thách thức bá quyền, vừa không phải là cường quyền đe dọa, càng không phải là gây sức ép với kẻ yếu, mà là chấn hưng bản thân, có lợi cho thế giới. “Trung Quốc phản đối chủ nghĩa bá quyền và chính trị cường quyền với mọi hình thức, vĩnh viễn không tranh bá, vĩnh viễn không bành trướng”. Tuyên bố này trong báo cáo Đại hội Đảng lần thứ 17 vừa là sự cam kết nghiêm túc của Trung Quốc đối với thế giới, vừa là sự hoạch định rõ ràng của Trung Quốc đối với mục tiêu trỗi dậy của bản thân.

- Về môi trường trỗi dậy, sự trỗi dậy của Trung Quốc là trỗi dậy trong môi trường nhiều nước đang phát triển trỗi dậy. Hiện nay, trong nhiều nước đang phát triển không chỉ có Trung Quốc có nền tảng và thực lực trỗi dậy, mà còn có một số nước cũng có khả năng trỗi dậy. Do Trung Quốc trỗi dậy trong trào lưu các nước đang phát triển phát triển mạnh, sự trỗi dậy này có “nền tảng tập thể” sâu sắc trên vũ đài quốc tế.

- Về con đường trỗi dậy, sự trỗi dậy của Trung Quốc là phát triển hòa bình, trỗi dậy hòa bình. Sự trỗi dậy này vừa không phải là “sự trỗi dậy của thực dân” dùng thuyền to, pháo lớn thời kỳ đầu, cũng không phải là “trỗi dậy bằng vũ lực” đó là cả nước chinh chiến, đánh thành chiếm đất sau này, cũng không phải là “trỗi dậy thời chiến tranh Lạnh” là anh chết tôi sống, anh suy tôi thịnh. Sự trỗi dậy của Trung Quốc là “trỗi dậy hòa bình” chưa từng có trong lịch sử, thực tiễn là một sự

trỗi dậy “không xung đột với các nước khác”, là sự trỗi dậy phát triển hòa bình, hợp tác cùng thắng lợi, cùng phồn vinh. Do đó, Trung Quốc trỗi dậy có ưu thế đạo nghĩa rất mạnh.

“Thế giới không có bá quyền” và “thế giới không có hạt nhân”

Tổng thống Mỹ Obama sau khi lên cầm quyền không lâu đã đề ra cần phải xây dựng và tạo ra một “thế giới không có hạt nhân”. Việc xây dựng “thế giới không có hạt nhân” là một công trình có tính hệ thống, cần có những cố gắng toàn diện, nhưng mấu chốt của việc xây dựng “thế giới không có hạt nhân” là xây dựng “thế giới không có bá quyền”.

Nguy cơ lớn nhất của nền hòa bình thế giới không phải là “vũ khí hạt nhân”, mà là “vũ khí bá quyền”

Trước khi vũ khí hạt nhân ra đời, nguy cơ lớn nhất của nền hòa bình thế giới là bá quyền, chứ không phải là một loại vũ khí lớn nào đó trước vũ khí hạt nhân. Nguồn gốc của hai cuộc đại chiến thế giới là tranh giành bá quyền thế giới, chứ không phải là một hoặc vài loại vũ khí mới nào đó. Sau Chiến tranh thế giới lần thứ Hai, đã xuất hiện cuộc Chiến tranh Lạnh kéo dài 50 năm, nguồn gốc của cuộc Chiến tranh Lạnh cũng là sự bá quyền thế giới, tức là vì sự bá quyền thế giới mà dẫn đến Chiến tranh Lạnh, Mỹ và Liên Xô đều muốn giành được sự bá quyền thế giới. Hai nước này vì muốn bá quyền thế giới mà đã cạnh tranh nhau phát triển và có lượng lớn vũ khí hạt nhân, vũ khí hạt nhân trở thành công cụ của hai nước này trong việc tranh giành bá quyền thế giới. Mục tiêu chiến lược của việc tranh giành bá quyền thế giới đã quyết định nhu cầu chiến lược của hai nước Mỹ và Liên Xô đối với vũ khí hạt nhân.

Trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, Trung Quốc phát triển và có vũ khí hạt nhân là để chống lại bá quyền, bảo đảm sự sinh

tồn, giữ vững an ninh, bảo đảm sự phát triển dưới sức ép bá quyền và đe dọa chiến tranh của hai nước Mỹ, Liên Xô. Nếu không có sự đe dọa của bá quyền Mỹ và Liên Xô, Trung Quốc không thể quan tâm và gấp gáp trong việc phát triển và sở hữu vũ khí hạt nhân.

Sau Chiến tranh Lạnh, thế giới trở thành thế giới đơn cực, Mỹ trở thành siêu cường, thế giới đã xuất hiện cục diện nghiêm trọng phổ biến vũ khí hạt nhân, một số nước ra sức nghiên cứu, chế tạo và phát triển vũ khí hạt nhân của nước mình. Rốt cuộc, nguyên nhân là toàn thế giới đều nhận thấy trong tình hình mất đi Liên Xô – đối thủ chiến lược lớn mạnh, Mỹ thiếu đi sức mạnh cân bằng, tâm lý bá quyền tăng lên, dựa vào ưu thế quân sự tuyệt đối lần lượt đã phát động cuộc Chiến tranh vùng Vịnh, Côxôvô, Ápganixtan và cuộc chiến Irắc. Mỹ đã thực hiện ở mức độ lớn nhất lợi ích bá quyền của mình. Có hàng loạt nước “đã bị tấn công”, và cũng có một vài nước sắp sửa “bị tấn công”. Trong tình hình đứng trước sự đe dọa bá quyền của Mỹ, lại không có được “sự tái bảo đảm chiến lược” không bị xâm phạm và tấn công của Mỹ, một số nước lấy việc sở hữu vũ khí hạt nhân làm bùa hộ mệnh của an ninh quốc gia, tìm mọi cách có được vũ khí hạt nhân. Do đó, sự bá quyền của Mỹ là nguồn gốc chiến lược dẫn đến phổ biến vũ khí hạt nhân trên toàn thế giới. Sau Chiến tranh Lạnh, những cuộc chiến trên thế giới liên tiếp xảy ra, nguồn gốc không phải là vũ khí hạt nhân, mà là sự bá quyền. Nhìn từ chiến lược cho thấy nhiệm vụ hàng đầu của việc bảo đảm thế giới hòa bình không phải là “xóa bỏ hạt nhân” mà là “xóa bỏ bá quyền”. Chỉ có “xóa bỏ bá quyền” của Mỹ, thế giới mới có thể “xóa bỏ hạt nhân”.

Trong “thế giới có bá quyền”, không thể xây dựng được “thế giới không có hạt nhân”

Trong “một thế giới có bá quyền”, những nước “không có hạt nhân” dễ phải chịu sự đe dọa nhất từ các nước bá quyền. Những nước này đứng trước sức ép vô cùng lớn của sự sinh tử tồn vong, trong bối cảnh không được “sự tái bảo đảm chiến lược” không xâm lược, không tấn công của các nước bá quyền, cũng như môi trường an ninh chiến lược của bản thân nhà nước không được bảo đảm cơ bản, để có “hạt nhân tự bảo vệ bản thân”, họ không thể từ bỏ việc cố gắng khai thác, phát triển và có vũ khí hạt nhân.

Xây dựng “thế giới không có bá quyền” là “sự bảo đảm chiến lược” của việc xây dựng “thế giới không có hạt nhân”. Trong một thế giới có sự tồn tại của mối đe dọa bá quyền, cho dù là nhà nước bá quyền hay nhà nước không bá quyền, đều có nhu cầu chiến lược đối với vũ khí hạt nhân. Còn trong một thế giới không có bá quyền, vũ khí hạt nhân sẽ trở thành những vật dụng lỗi thời. Hiển nhiên, trong một nơi an toàn, bất kỳ vũ khí nào đều là thừa. Cho nên, không có sự xuất hiện của “thế giới không có bá quyền” thì không thể có sự xuất hiện của “thế giới không có hạt nhân”.

Bá quyền là nguồn gốc sinh ra việc phổ biến vũ khí hạt nhân. Quá trình của xu thế “thế giới không có hạt nhân”, tất yếu là một quá trình của xu thế “thế giới không bá quyền”, đối với một số nước tiến hành thuận lợi việc “xóa bỏ hạt nhân”, cần liên kết chặt chẽ với tiến trình “xóa bỏ bá quyền”, cần phải lấy việc “xóa bỏ bá quyền” để thúc đẩy việc “xóa bỏ hạt nhân”.

Bá quyền thế giới, không thể tạo ra “sự tái bảo đảm chiến lược”

Năm 2009, Thứ trưởng Ngoại giao Mỹ Steinberg đã đưa ra khẩu hiệu mới: “Sự tái đảm bảo chiến lược”. Ông nói: “Chúng ta và những đồng minh của chúng ta cần phải tỏ rõ đã

sẵn sàng chào đón Trung Quốc với tư cách là nước lớn phồn vinh và thành công, Trung Quốc cũng cần phải tái bảo đảm với các nước khác trên thế giới rằng sự phát triển và vai trò toàn cầu không ngừng lớn mạnh của mình không phải đánh đổi bằng an ninh và hạnh phúc của nước khác”.

Sự phát triển và trỗi dậy của Trung Quốc không thể đánh đổi bằng an ninh và hạnh phúc của các nước khác, nhưng cũng không thể đổi lấy việc duy trì sự bá quyền thế giới của một nước nào đó. Bá quyền là sản vật và sự thể hiện của rất nhiều nguyên tắc trên thế giới, thế giới dân chủ hòa bình, hài hòa không phải là nơi kẻ mạnh bắt nạt kẻ yếu, cũng không cần chúa tể của rừng xanh. Nước lớn văn minh của thế kỷ 21 có trách nhiệm đi đầu trong việc từ bỏ “tư duy bá quyền”, xóa bỏ “cạnh tranh bá quyền”, thủ tiêu “luân chuyển bá quyền”. Tái bảo đảm chiến lược của Trung Quốc đối với thế giới là không tranh bá, không xưng bá, là đưa ra những đóng góp cho việc xây dựng thế giới không có bá quyền.

Tái bảo đảm chiến lược: Trung Quốc không làm “nước kẻ tục bá quyền thế giới”

Ngày 10/8/2009, Thủ tướng Nhật Bản Hatoyama Yukio có bài với nhan đề “Triết học-chính trị của tôi” đăng trên “Tạp chí chính luận” số tháng 9 cho rằng: “Nhật Bản nằm giữa việc Mỹ tiếp tục cố gắng giữ vững vị thế bá quyền và Trung Quốc theo đuổi trở thành nhà nước bá quyền, làm thế nào giữ vững sự độc lập về chính trị, kinh tế, duy trì lợi ích nhà nước của bản thân, đây là vấn đề đau đầu không chỉ của Nhật Bản, mà còn của các nước vừa và nhỏ khác của châu Á”. Kỳ thực, Thủ tướng Hatoyama Yukio chỉ nói đúng một nửa. Quả thực, Mỹ đã phải cố gắng để tiếp tục giữ vững vị thế bá quyền, nhưng mục tiêu trỗi dậy của Trung Quốc không phải trở thành nhà nước bá quyền, mà là trở thành nhà

nước không bá quyền lớn mạnh.

Sự trỗi dậy của Trung Quốc không phải là trỗi dậy của bá quyền, mà là kết thúc bá quyền thế giới. Mục tiêu cạnh tranh chiến lược giữa Trung Quốc và Mỹ không phải là đổi mới và thay thế vị thế bá chủ, cũng không phải là chuyển từ bá quyền thế giới sang bá chủ, mà là kết thúc thế giới bá quyền cũ, hình thành một thế giới mới không có bá quyền. Thế giới đang trong bước ngoặt của lịch sử, giàu có và quyền lực đang chuyển từ phương Tây sang phương Đông. Bước ngoặt này chính là việc chuyển đổi từ thế giới có bá quyền sang thế giới không bá quyền. Sự trỗi dậy của Trung Quốc đang kéo theo sự trỗi dậy của một thế giới mới, thúc đẩy việc hình thành một thế giới đa cực hóa không bá quyền.

Cuộc độ sức chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc sẽ thay đổi một cách sâu sắc vận mệnh của hai nước. Trong cuộc độ sức chiến lược này Mỹ sẽ hoàn thành sự chuyển đổi mô hình từ nhà nước bá quyền sang nhà nước không có bá quyền, Mỹ sẽ trở thành nhà nước bá quyền “cuối cùng” trên toàn cầu. Còn Trung Quốc cũng sẽ trở thành quốc gia đứng đầu thế giới không có bá quyền “đầu tiên” trong lịch sử nhân loại.

Về bá quyền thế giới, Mỹ không theo đuổi việc duy trì bá quyền, còn Trung Quốc không theo đuổi việc trở thành nước kế tục. Đây mới là sự “tái bảo đảm chiến lược” mà hai nước Trung Quốc và Mỹ cần phải cam kết với nhau.

“Cấp cứu nước Mỹ”: Bá quyền không phải là con đường sống của Mỹ

Đã đến lúc thật sự cần phải cứu lấy nước Mỹ. Ngoại trưởng Mỹ Hillary đã đề ra cần phải “cùng hội cùng thuyền” với Trung Quốc, ở mức độ nào đó đã thể hiện tâm trạng này.

“Cấp cứu nước Mỹ” thoát khỏi cuộc khủng hoảng tài chính, giành sự ủng hộ và giúp đỡ, đó là những việc cụ thể

cần làm gấp. Muốn thực hiện điều này, cần giúp Mỹ khắc phục “căn bệnh bá quyền”, đây là một căn bệnh chính trị đe dọa thế giới cũng như hủy hoại “vận mệnh đất nước” của Mỹ.

Những phiền phức Mỹ gặp phải đều có chung một căn nguyên, trên thực tế là “rắc rối của bá quyền”; các nguy cơ Mỹ gặp phải bắt nguồn từ “nguy cơ của bá quyền”; suy yếu của Mỹ thực chất là “suy tàn của bá quyền”. Do trong thế giới hiện nay, dựa vào bá quyền để xây dựng và phát triển đất nước đều là đi ngược lại trào lưu lịch sử, tất cả những nước kiên trì việc tiếp tục bá quyền thế giới đều tất phải đi theo hướng suy tàn, sụp đổ. Chỉ có thay đổi theo hướng “nhà nước không có bá quyền”, tiến tới “thế giới không có bá quyền”, mới có thể thoát khỏi sự bị động về chiến lược từ nay về sau.

Bá quyền thế giới là căn bệnh khó chữa của các cường quốc thế giới. Nước lớn có thể vì bá quyền mà mất nước. Lôgích của lịch sử là mất nước do bá quyền, nước bị hiều lầm do bá quyền và nước bị suy yếu cũng do bá quyền. Đối với Mỹ, bá quyền thế giới là con đường của sự suy tàn, sụp đổ. Bá quyền thế giới là một cạm bẫy chiến lược đe dọa thế giới và cũng đe dọa Mỹ. Cần phải kéo Mỹ ra khỏi cạm bẫy chiến lược này. Nói một cách chuẩn xác hơn, Mỹ cần thực hiện việc tự cứu lấy bản thân, cần phải thoát khỏi cạm bẫy của bá quyền thế giới. Vấn đề cơ bản của chiến lược Mỹ không phải là cảnh giác và lo sợ người khác thách thức vị thế bá chủ của mình, mà là tự cứu mình nhanh chóng thoát khỏi cạm bẫy bá quyền.

Tiền đồ và lối thoát của Mỹ trong tương lai là ở chỗ thay đổi triệt để tư duy chiến lược dựa vào bá quyền để xây dựng và phát triển đất nước, giải phóng Mỹ khỏi tư duy bá quyền, chiến lược bá quyền, mục tiêu bá quyền, thực hiện sự chuyển đổi cơ bản của nhà nước chính là chuyển từ nhà nước bá quyền sang nhà nước không có bá quyền, trở thành nhà nước

thông thường trên thế giới. Đây sẽ là một cuộc cách mạng sâu sắc nhất trong lịch sử nước Mỹ.

Làm cho thế giới “không có bá quyền”: Sứ mệnh và đóng góp của cạnh tranh Trung-Mỹ

Thực chất của việc mâu thuẫn giữa hai nước Trung Quốc và Mỹ là ở chỗ chiến lược mà Mỹ theo đuổi là duy trì đơn cực, tiếp tục vị thế bá chủ thế giới của mình. Trong trào lưu lớn của đa cực hóa thế giới, Trung Quốc là nước đi đầu, hơn nữa lại trỗi dậy nhanh chóng. Trọng tâm của mâu thuẫn giữa Trung Quốc và Mỹ là trật tự quốc tế trong tương lai là đơn cực hay đa cực? Là xây dựng một thế giới dân chủ đa cực hay xây dựng một thế giới bá chủ đơn cực? Là tiếp tục “thế giới có bá quyền” hay kết thúc sự bá quyền thế giới, tạo ra “thế giới không có bá quyền”?

Các cuộc độ sức giữa các nước lớn trong lịch sử thế giới cận đại đều xoay quanh việc thay đổi bá quyền thế giới. Kết quả của mỗi cuộc độ sức đều là kết thúc bá quyền cũ, mở ra bá quyền mới, điều này trở thành định mệnh của sự trỗi dậy của nước lớn, là sự tuần hoàn của các cuộc độ sức giữa các nước lớn.

Cuộc độ sức giữa hai nước Trung Quốc và Mỹ trong thế kỷ 21 là một cuộc độ sức kiểu mới chưa từng thấy trong lịch sử. Cuộc độ sức này mới ở chỗ: không phải tiến hành xoay quanh việc “thay đổi bá quyền thế giới”, mà triển khai quanh việc “kết thúc bá quyền thế giới”. Kết cục và sứ mệnh lịch sử của cuộc độ sức chiến lược Trung-Mỹ là thực hiện sự kết thúc lịch sử bá quyền thế giới.

Trung Quốc và Mỹ cần có sự “bảo đảm chiến lược”, có một “cam kết chiến lược” đối với thế giới đó chính là lấy “việc kết thúc bá quyền thế giới, tạo ra một thế giới không có bá quyền” làm sứ mệnh, và những điều cần phải làm chính là:

Mỹ không theo đuổi bá chủ thế giới, Trung Quốc không tranh giành bá quyền thế giới, xây dựng “thế giới không có bá quyền” giống như việc Obama đề ra “xây dựng thế giới không có hạt nhân”.

CHƯƠNG 3

THỜI ĐẠI TRUNG QUỐC; THỜI ĐẠI HẠNH PHÚC CỦA THẾ GIỚI

Sự xuất hiện của mỗi một quốc gia đứng đầu thế giới đều sẽ mở ra một thời đại. Việc mở ra thời đại Trung Quốc là trách nhiệm lịch sử của Trung Quốc, là tiêu chí thành công cho sự phục hưng và trỗi dậy của Trung Quốc, cũng là xu thế tất yếu của tiến bộ lịch sử.

Thời đại Trung Quốc, về bản chất, là “thời đại hạnh phúc” của thế giới. Trong khi phê phán “thuyết về họa Trung Quốc” của phương Tây, Tôn Trung Sơn chỉ rõ, thời đại Trung Quốc trong tương lai không phải là thời đại “họa Trung Quốc” mà là thời đại “ân huệ Trung Quốc”, “lợi ích Trung Quốc” và “hạnh phúc Trung Quốc”. Thời đại Trung Quốc không phải là thời đại Trung Quốc đe dọa thế giới mà là thời đại Trung Quốc mang lại hạnh phúc cho thế giới.

1. Thời đại Trung Quốc: Thời đại địa vị lãnh tụ của Trung Quốc được xác lập trên thế giới

Tiêu chí đầu tiên của thời đại Trung Quốc chính là xác lập địa vị lãnh tụ trên thế giới, phát huy vai trò chỉ đạo đối với cộng đồng quốc tế.

Tại “Hội nghị các cơ quan tư vấn và học giả toàn cầu” tổ chức ở Bắc Kinh ngày 3/7/2009, phóng viên của “Tuần báo thời đại” đã có cuộc đối thoại với cựu Chủ tịch Ủy ban châu Âu Romano Prodi về một loạt vấn đề điểm nóng trên thế giới.

Phóng viên: “Liệu có phải cục diện thế giới đang có

những thay đổi mạnh mẽ, Trung Quốc ở vị trí nào trong quá trình này?

Prodi: “Thế vận hội đã cho thấy một ‘Trung Quốc thân thiện’ với thế giới, có những ảnh hưởng quan trọng đối với cộng đồng quốc tế. Cách đây không lâu, các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã tham gia hội Hội nghị cấp cao của G-20, ảnh hưởng chính trị của Trung Quốc đã hơn hẳn bao giờ hết, không có Trung Quốc, G-20 căn bản không nhóm họp được, điều này cho thấy Trung Quốc đang từng bước tiến tới hàng ngũ các nhà lãnh đạo thế giới.”

Câu nói “Trung Quốc đang từng bước tiến tới hàng ngũ các nhà lãnh đạo thế giới” của Prodi đã là một sự thực quá rõ ràng trong cộng đồng quốc tế. Lâu nay, Trung Quốc bị gạt ra ngoài hàng ngũ các nhà lãnh đạo thế giới, và hiện đang tiến dần vào hàng ngũ này, Trung Quốc nên và phải tiến vào hàng ngũ này và Trung Quốc cũng sẽ tiến được vào hàng ngũ này.

Trung Quốc không có “tội ác trong quá khứ”

Cho đến nay, tất cả các nước lớn trỗi dậy trong lịch sử cận đại đều mang một quá khứ không mấy tốt đẹp, đều có “tiền án phạm tội”. Các nước đó đều đã từng đi xâm lược, thực dân, cướp đoạt, hai tay nhuộm đỏ máu. Nhưng sự vươn lên của Trung Quốc là sự vươn lên văn minh, vươn lên “sạch”. Trung Quốc không hề “phát hiện” ra thế giới “mới”, không xâm chiếm thuộc địa, không buôn bán nô lệ, không buôn bán ma túy và không xâm lược nước khác. Trung Quốc là nước lớn duy nhất trên thế giới không mang “tội ác trong quá khứ”, xuất thân trong sáng, lịch sử minh bạch, đạo đức cao sang. Đây là điều kiện quan trọng để Trung Quốc đảm nhiệm vai trò lãnh đạo.

Lịch sử vươn lên của các nước lớn phương Tây là lịch sử có phạm tội ác trong quá khứ. Tội ác của các nước lớn phương

Tây là thông qua tạo ra một Châu Phi lạc hậu để tạo ra một Châu Âu phát triển. Việc buôn bán nô lệ của Đại Tây Dương và hậu quả của nó đã cho thấy rõ mức độ nghiêm trọng của tội ác này. Ngay từ thời kỳ “phát hiện lớn về địa lý”, Châu Phi đã bắt đầu trở thành nguồn “tích lũy nguyên thủy” tư bản của Châu Âu và trở thành “khu săn bắt người da đen mang tính thương mại”. Năm 1492, Côlômbô phát hiện ra lục địa mới Châu Mỹ, “đặt nền móng cho hoạt động buôn bán nô lệ da đen”. Theo thống kê vào đầu thế kỷ 17, bình quân mỗi năm Châu Phi bán ra nước ngoài hơn 10 nghìn nô lệ. Hoạt động buôn bán nô lệ ở Đại Tây Dương tại Châu Phi kéo dài tới 4 thế kỷ. Trong đó, thế kỷ 17 và 18 là giai đoạn diễn ra mạnh mẽ nhất, ngoài Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha, Anh, Hà Lan và Pháp cũng tham gia các hoạt động buôn bán nô lệ giữa 2 bờ Đại Tây Dương. Năm 1714, sau khi cuộc chiến tranh giành vương vị ở Tây Ban Nha kết thúc, theo “Hiệp ước Utrecht”, Anh được Tây Ban Nha trao quyền buôn bán nô lệ Châu Phi tại thuộc địa của quốc gia này trong thời gian 30 năm. Do kinh tế trồng trọt của Châu Mỹ phát triển nhanh, nhu cầu về lao động nô lệ khiến số lượng tàu thuyền vận chuyển nô lệ tăng lên nhanh chóng. Ví dụ như nước Anh, năm 1709 Liverpool chỉ có một thuyền buôn nô lệ, đến năm 1730 tăng lên 15 thuyền, năm 1771 là 105 thuyền và năm 1792 là 132 thuyền. Mác đã chỉ ra rằng, “Liverpool phát triển lên là nhờ buôn bán nô lệ”. Từ năm 1709 đến năm 1787, trọng tải các tàu buôn trong thương mại đối ngoại của Anh đã tăng lên 14 lần, tăng nhiều nhất là các tàu buôn bán nô lệ. Các quốc gia Châu Âu khác cũng thu được những nguồn lợi khổng lồ từ việc buôn bán nô lệ Châu Phi. Nantes, Bordeaux (Pháp); Amxtécđam(Hà Lan); Niu Yoóc, Boston, Phidadelphia (Mỹ) đều là những thành phố ít nhiều phát triển nhờ vào hoạt động buôn bán nô lệ. Vào thế kỷ 18, khu “mậu dịch tam giác” phát

triển cực thịnh. Đây là khu mậu dịch được tạo thành từ 3 lộ trình: trước tiên là người Châu Âu đi thuyền từ cảng khẩu của nước mình đến bờ Tây của Châu Phi, dùng những sản phẩm giá rẻ rượu mạnh, hàng dệt may, đồ trang sức, vũ khí để đổi hoặc cướp đoạt nô lệ, sau đó đưa các nhóm nô lệ lên tàu và chuyển tới thuộc địa của Châu Mỹ đổi lấy khoáng sản và các sản phẩm nông nghiệp, cuối cùng là mang nguyên liệu và sản phẩm của Châu Mỹ về Châu Âu và đem bán tại thị trường các nước. Khu mậu dịch tam giác đã giúp những kẻ buôn bán nô lệ có thể thu được lợi nhuận từ 100%-300% cho mỗi lần ra khơi. Một người da đen khi rời bờ biển Châu Phi có giá 50 USD, nhưng khi đến Châu Mỹ sẽ được bán với giá 400 USD. Các nhà sử học Châu Phi đã chia lịch sử buôn bán nô lệ thời cận đại của châu lục này thành 3 giai đoạn: Một là, từ giữa thế kỷ 15 đến giữa thế kỷ 17, đây là giai đoạn hoạt động buôn bán nô lệ qua Đại Tây Dương bắt đầu nổi lên, với phạm vi chủ yếu tập trung tại hai bờ Đại Tây Dương. Hai là, từ giữa thế kỷ 17 đến nửa cuối thế kỷ 18, đây là giai đoạn hoạt động buôn bán nô lệ Châu Phi diễn ra mạnh mẽ nhất. Ba là, từ nửa cuối thế kỷ 18 đến nửa cuối thế kỷ 19, hoạt động buôn bán nô lệ (đặc biệt là buôn bán nô lệ qua Đại Tây Dương) bắt đầu suy thoái. Cuốn sách “Hoạt động buôn bán nô lệ Châu Phi từ thế kỷ 15-19” có viết, từ thế kỷ 16-19, tổng số nô lệ xuất ra khỏi Châu Phi ước khoảng 15-30 triệu người, nếu tính cả những người bị chết trong quá trình vận chuyển, con số này tổng cộng 210 triệu người. Lãnh tụ phong trào người da đen ở Mỹ Dubois cho rằng từ thế kỷ 16-19 có ít nhất 10 triệu nô lệ được vận chuyển từ Châu Phi tới Châu Mỹ, nếu tính cả những người tử vong trên đường vận chuyển, con số này ước khoảng 60 triệu người. Giáo sư sử học Mỹ Cutin đã tiến hành thống kê lại tài liệu và cho rằng từ giữa thế kỷ 15 đến thế kỷ 19, đã có hơn 11 triệu nô lệ Châu Phi bị bán ra ngoài (chưa bao gồm

số người bị chết trong quá trình bị bắt và vận chuyển). Hoạt động buôn bán nô lệ mang thảm họa đến cho xã hội Châu Phi, khiến xã hội châu lục này suy thoái toàn diện. Các nước phương Tây cần phải lập ra “Quỹ chuộc tội” đối với châu lục này.

Tây Ban Nha đã phạm phải tội áp bức tôn giáo. Năm 1526, quốc vương Tây Ban Nha Sác-lô V hạ lệnh, mỗi một đội tàu phải mang theo một người truyền giáo, nếu không sẽ không được phép rời cảng. Năm 1532, Sác-lô V đã thỉnh cầu giáo hoàng phái 200 giáo sĩ tới Châu Mỹ Latinh. Theo ghi chép của nhà truyền giáo nổi tiếng Las Cass, mỗi khi chinh phục được một vùng đất, các nhà chinh phục Tây Ban Nha liền ra lệnh, dùng vũ lực và các hình phạt tàn khốc nhất để ép người dân nước đó phải theo đạo Cơ đốc, đồng thời chấp nhận sự thống trị của quốc vương Tây Ban Nha. Những kẻ bất tuân lập tức sẽ bị xử tội chết. Đảo Antilles ban đầu có 3 triệu người Indian sinh sống, đến năm 1514 giảm còn 14 nghìn người và cuối cùng chỉ còn lại có 200 người.

Mác nói: “Để chiếm đoạt được Malacca, người Hà Lan đã từng phải hối lộ cho tổng đốc Bồ Đào Nha. Năm 1641, viên tổng đốc này cho phép họ vào thành. Để “tiết kiệm” khoản hối lộ 21875 bảng Anh, họ đã lập tức đến nhà ở của viên tổng đốc và giết chết ông. Họ đi đến đâu, nơi đó biến thành một vùng hoang vu, thừa thớt bóng người. Tỉnh Banjuwanji của Java năm 1750 có hơn 80 nghìn dân nhưng đến năm 1811 chỉ còn lại 8000 người. Đây chính là một kiểu thương mại ôn hòa!”

Được coi là “cường đạo của cường đạo”, Nhật Bản mang tội ác thảm sát loài người. Sự tàn nhẫn của Nhật Bản còn nổi danh cả ở các nước quốc gia phương Tây. Tháng 11/1894, quân Nhật tiến công xâm chiếm Đại Liên, Lữ Thuận, giết người cướp của ở khắp nơi. Trong cuộc thảm sát ở Lữ Thuận,

có 20 nghìn người ở Trung Quốc gặp nạn, chỉ có 36 người trong đội thu dọn thi thể là không bị sát hại. Báo chí Châu Âu và Mỹ đã lên án hành vi tàn bạo của quân đội Nhật, “Báo thế giới Niu Yoóc” viết: “Nhật Bản là một con quái vật đội lốt văn minh nhưng lại mang tâm địa dã man.” Trong 15 năm chiến đấu chống quân Nhật xâm lược, quân dân Trung Quốc thương vong 35 triệu người, trong đó có 20 triệu người thiệt mạng. Tổn thất tài sản trực tiếp là 100 tỷ USD, tổn thất kinh tế gián tiếp là 500 tỷ USD. Trong cuộc chiến tranh của Nhật Bản tại Thái Bình Dương, tổng số người chết khi đánh nhau và bị giết hại tại Philippin lên tới trên 1,11 triệu người, còn tại Việt Nam đã có 2 triệu người chết đói chỉ trong vòng 1 năm từ năm 1944-1945. Số lao động Indônêxia bị bắt đi có khoảng 2 triệu người thiệt mạng. Tại Malaixia, số người bị quân Nhật giết hại đã vượt qua con số 100 nghìn. Tại Thái Lan và Mianma, chỉ riêng việc cưỡng chế xây dựng tuyến đường sắt Thái Lan đến Mianma (còn gọi là tuyến đường sắt chết chóc) đã làm cho 12 nghìn tù binh và khoảng 250 nghìn công nhân thiệt mạng.

Mỹ cũng là nước phạm tội ác chống chất. Ngày 16/9/1620, 102 tín đồ Thanh Giáo Đồ của nước Anh bước lên con tàu “Hoa tháng 5”, trải qua 66 ngày vượt biển mới tới được Bắc Mỹ đại lục, sang năm thứ 2 chỉ còn lại 50 người. Nhưng trong năm 1621, khi mùa màng bội thu liền tổ chức lễ hội để tạ ơn Thượng đế đã ban ơn. Năm 1863, Tổng thống Lincoln tuyên bố lấy ngày thứ 5 của tuần thứ 4 trong tháng 11 là ngày “Lễ tạ ơn”, và là ngày nghỉ của cả nước trong thời gian 4 ngày. “Lễ tạ ơn” là ngày tết đặc biệt nhất ở Mỹ, trong con mắt người dân Mỹ, ở một góc độ nào đó ngày “Lễ tạ ơn” còn quan trọng hơn cả ngày chúa Giêsu ra đời. Nếu nói về tạ ơn thì người Indian mới là ân nhân lớn của người da trắng bước chân lên lục địa châu Mỹ, nhưng người da trắng lại lấy

oán trả ơn. Năm 1703, tại Hội nghị lập pháp, những kẻ thực dân đã quyết định, những ai lột được một miếng da của người Indian và bắt được một người da đỏ sẽ được thưởng 40 bảng Anh, đến năm 1720 tăng lên 100 bảng Anh. Năm 1744, da đầu của một bé trai Indian từ 12 tuổi trở lên có giá 100 bảng Anh mệnh giá mới, một nam tù binh có giá 105 bảng Anh, một phụ nữ hoặc trẻ em có giá 50 bảng Anh, da đầu của phụ nữ và trẻ em có giá 50 bảng Anh. Ở lục địa Bắc Mỹ, nỗi thống khổ của người Indian bị người da trắng bức hại kéo dài 4 thế kỷ, đầu thế kỷ 16, dân tộc này có khoảng 3 triệu người, đến năm 1860 còn lại 340 nghìn người, năm 1890 là 270 nghìn người và đến năm 1910 chỉ còn 220 người. Đầu thế kỷ 20, mặc dù đã có tư cách công dân Mỹ nhưng người Indian vẫn chưa được hưởng những quyền lợi liên quan, mặc dù họ nộp thuế đúng pháp luật nhưng vẫn bị bắt lao dịch và phải sống tập trung tại những khu đất nghèo nàn. Do vậy, nước Mỹ càng cần phải có ngày “lễ chuộc tội”.

Trung Quốc, một quốc gia không có tội ác trong quá khứ, là quốc gia có tư cách nhất trong việc đảm nhiệm vai trò lãnh đạo thế giới.

Trung Quốc có nguồn gien văn hóa ưu tú nhất

Ưu thế văn hóa của một dân tộc là điều kiện văn hóa để một nước đảm nhiệm vai trò lãnh đạo thế giới. Người Mỹ chỉ có một kiểu văn hóa-văn hóa chủ nghĩa tư bản. Trung Quốc là nơi lưu trữ, tập hợp và phân tán các nền văn hóa và truyền thống văn minh của nhân loại. Người Trung Quốc có nền văn hoá cổ đại lâu đời nhất trên thế giới, đây là nền văn hoá truyền thống duy nhất trong hệ thống văn hóa cổ điển thế giới không bị đứt đoạn; người Trung Quốc đã tập trung được nền văn hóa xã hội chủ nghĩa lấy chủ nghĩa Mác làm tư tưởng chỉ đạo, nền văn hoá cách mạng này không hề bị sụp đổ khi chủ

nghĩa xã hội trên thế giới rơi vào thoái trào; Trung Quốc còn là nước học tập và tiếp thu văn hoá tư bản chủ nghĩa qui mô lớn nhất và thành công nhất trong quá trình cải cách mở cửa, từ đó hình thành nên một nền văn hoá mở đặc sắc và mới mẻ. Văn hóa Trung Quốc có nguồn gien và tổ chất văn hóa tốt nhất để làm người lãnh đạo thế giới.

Trung Quốc có kinh nghiệm lãnh đạo thành công lâu đời

Có quan điểm cho rằng “Trung Quốc muốn làm một cường quốc chứ không muốn là lãnh đạo”, điều này cần phải bàn bạc lại. Dem mục tiêu vươn lên, phát triển của Trung Quốc và sự phục hưng vĩ đại của dân tộc Trung Hoa giới hạn ở mức “làm cường quốc” chứ không phải là “lãnh đạo”, những luận điểm này tuy làm người Mỹ thích thú nhưng đối với Trung Quốc thì chẳng khác nào tự kìm hãm sự phát triển của mình. Mục tiêu của Trung Quốc trong thế kỷ 21, không thể chỉ giới hạn ở mức độ là “cường quốc”.

Thế giới toàn cầu hóa đang dần trở thành con thuyền chung của toàn nhân loại, ai sẽ là người chèo lái con thuyền này là vấn đề có liên quan đến tiền đồ và vận mệnh của thế giới, việc Mỹ nắm giữ vai trò này tỏ ra ngày càng thiếu hiệu quả khiến cộng đồng thế giới không an tâm. Tháng 11/2009, Tổng thống Obama sang thăm Trung Quốc một lần nữa gây tranh cãi gay gắt về việc Trung Quốc đảm nhiệm “vai trò người lãnh đạo” thế giới. Tờ “Nhật báo Phố Uôn” có viết: “Cộng đồng quốc tế đang nóng lòng chờ Trung Quốc đảm nhiệm vai trò lãnh đạo.”

Dụ dỗ Trung Quốc sớm đảm nhiệm vai trò lãnh đạo thế giới có thể là một cái bẫy của Mỹ. Nhưng con thuyền thế giới cũng không thể để người Mỹ chèo lái mãi, bởi Mỹ đã gây khủng hoảng toàn thế giới và làm rách nát con thuyền thế giới. Muốn tự cứu mình và cứu thế giới, Trung Quốc cần phải

chuẩn bị để làm người chèo lái. Tất nhiên, tình hình thế giới phức tạp, những vấn đề mang tính toàn cầu không ngừng phát sinh, thế giới đa cực hóa đang từng bước hình thành, sợ rằng không một quốc gia nào có thể một mình chèo lái con thuyền thế giới. Nhưng đây không thể là lý do ngăn Trung Quốc trở thành người lãnh đạo.

Nước lãnh đạo không có nghĩa là “nước bá quyền”. Anh và Mỹ đã từng là những nước lãnh đạo thế giới và đều là những quốc gia bá quyền trên thế giới, nhưng điều này không có nghĩa là những nước lãnh đạo tiếp sau Mỹ cũng phải là một nước bá quyền. Ý nghĩa của việc Trung Quốc trở thành nước lãnh đạo thế giới nằm ở chỗ cắt đứt các mối liên quan giữa nước lãnh đạo và nước bá quyền, tạo ra một nước lãnh đạo nhưng không phải là nước bá quyền, mở ra thời đại mới trong lịch sử thế giới, đó là thời đại có nước lãnh đạo nhưng không có nước bá quyền.

Nhà nước dân chủ không phải là nước “không có người lãnh đạo” mà là nước dân chủ sản sinh ra lãnh đạo và là nước sản sinh ra lãnh đạo dân chủ. Thế giới dân chủ và thế giới đa cực cũng không phải là thế giới không có “quốc gia lãnh đạo”, mà là thế giới không có “quốc gia bá quyền”. Cái mà thế giới dân chủ cần không phải là “quốc gia lãnh đạo” xưng bá, thế giới đa cực lại càng cần một “quốc gia lãnh đạo” có thể giúp thế giới phát triển hài hòa. Bởi vậy, bất kể là quốc gia dân chủ hay thế giới dân chủ đều cần lãnh đạo, chỉ có điều người lãnh đạo này là người lãnh đạo của dân chủ cao độ, do dân chủ sản sinh ra chứ không phải là lãnh đạo kiểu quân chủ hay bá quyền.

Khi nào Trung Quốc có thể trở thành quốc gia lãnh đạo thế giới, có thể bước lên vị trí lãnh đạo, điều này còn tùy thuộc vào khả năng của Trung Quốc và cần có quá trình, dù có thể làm người chèo lái cũng cần tất cả các nước chung tay

góp sức. Nếu vì nhiệm vụ chèo lái nặng nề mà từ bỏ mục tiêu trở thành “quốc gia lãnh đạo” thì Trung Quốc sẽ mãi ngồi trên con tàu do người Mỹ chèo lái, đó là hành động thiếu lòng tin và quyết tâm vươn lên.

Trung Quốc sẽ mãi mãi không xưng bá và quyết không đi đầu, đây là một tư tưởng chiếm lược sâu sắc. Tuy nhiên, cần phải có một cách lý giải biện chứng về tư tưởng “không đi đầu”. Bởi trước kia, “đi đầu” nghĩa là bá chủ, đứng đầu tức là “bá chủ”, đi đầu tức là xưng bá, việc “đi đầu” như vậy đương nhiên mãi mãi Trung Quốc không làm. Trước đây, một số nước “đứng đầu” là “đứng đầu” liên minh, trong chiến tranh khu vực và toàn cầu, một số nước kết thành liên minh để đối kháng với liên minh các nước khác, “đứng đầu” kiểu này là “đứng đầu liên minh”, Trung Quốc cũng không thể “đứng đầu” như vậy. Nhưng Trung Quốc không đứng đầu với ý nghĩa bá chủ hay chủ tịch liên minh không có nghĩa là sẽ không tham gia vào tất cả các vấn đề, cũng không có nghĩa là không phát huy được vị trí và vai trò là một nước lãnh đạo trên thế giới. Trung Quốc đóng vai trò đầu tàu trong phát triển kinh tế thế giới, duy trì hòa bình và thúc đẩy phát triển, đi đầu trong việc đối phó với những vấn đề mang tính toàn cầu, tăng cường hợp tác quốc tế và thúc đẩy tiến bộ toàn thế giới về đối ngoại, thiết lập trật tự thế giới mới ổn định, công bằng; về đối nội, giúp người dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Do đó, Trung Quốc của thế kỷ 21 vừa phải là một cường quốc, vừa không thể từ chối vai trò lãnh đạo.

Trung Quốc có hàng ngàn năm kinh nghiệm đứng đầu thế giới, có truyền thống tốt đẹp để làm một quốc gia lãnh đạo, đây là món tài sản vô cùng quý giá, phục hưng dân tộc Trung Hoa lại một lần nữa tiến đến vị trí dẫn đầu thế giới và viết lên trang sử huy hoàng cho đất nước. Trung Quốc đã trải qua bao nhiêu thăng trầm: hưng thịnh-suy thoái-rồi lại hưng thịnh, từ

chỗ đứng đầu thế giới, Trung Quốc sẽ trở thành quốc gia có kinh nghiệm lãnh đạo phong phú nhất trên thế giới. Trung Quốc bước lên vị trí lãnh đạo thế giới nhất định sẽ là một người lãnh đạo ưu tú nhất.

Vấn đề lãnh đạo toàn thế giới cần có tư tưởng của Oasinhton

Tư tưởng của Oasinhton, tổng thống khai quốc của Mỹ có 2 biểu hiện lớn: một là khi cả thế giới đang thực thi chế độ quân chủ và khi ông được một số quan chức tiến cử làm Hoàng đế, ông đã kiên quyết từ chối sự hấp dẫn của chế độ này và lập nên “chế độ Cộng hòa” đầu tiên của nước Mỹ, làm cho Mỹ trở thành quốc gia cộng hòa tiên tiến nhất trên thế giới. Hai là, sau khi giữ chức tổng thống Mỹ hai nhiệm kỳ liên tiếp, dù được cả nước mong chờ và các giới nhất trí đề cử ông làm nhiệm kỳ 3, ông đã kiên quyết phản đối, và lập nên “chế độ nhiệm kỳ” đầu tiên ở Mỹ. Oasinhton là một người có đầu óc lãnh đạo và nên là một nhà lãnh đạo của đất nước. Đường lối chính trị trong nước của Oasinhton phải là tấm gương cho đường lối chính trị trên thế giới của Mỹ.

Đáng tiếc là Mỹ lại tỏ ra hết sức ích kỷ trong vấn đề vị trí lãnh đạo cộng đồng quốc tế. Trong bản báo cáo “Từ kiểm chế tới lãnh đạo thế giới: nước Mỹ sau Chiến tranh Lạnh và thế giới” của công ty Rand của Mỹ có viết: “Là nước giành chiến thắng trong Chiến tranh Lạnh, Mỹ có nhiều sự lựa chọn chiến lược, có thể từ bỏ trách nhiệm lãnh đạo toàn thế giới, trở lại quan tâm hơn ở trong nước; có thể từng bước giao quyền lãnh đạo, tức là giảm bớt vai trò toàn cầu và khuyến khích một cục diện cân bằng trên cơ sở phạm vi thế lực kiểu cũ ra đời; vừa có thể xác định mục tiêu chiến lược trung tâm là củng cố vị trí lãnh đạo toàn cầu đồng thời loại bỏ sự trỗi dậy của các địch thủ.” Sự lựa chọn của Mỹ là: “đảm nhiệm vai trò lãnh

đạo toàn cầu đồng thời kiểm chế vĩnh viễn sự trỗi dậy của các địch thủ hoặc cục diện đa cực-là phương châm chỉ đạo lâu dài tốt nhất. Một thế giới do Mỹ lãnh đạo sẽ có nhiều lợi ích nhất: Một là, môi trường tổng thể rộng mở hơn, những quan niệm giá trị về pháp chế, thị trường tự do và dân chủ của Mỹ sẽ được đón nhận nhiều hơn. Hai là, dễ dàng hợp tác đối phó với những vấn đề lớn như phổ biến vũ khí hạt nhân, mối đe dọa của bá quyền khu vực và xung đột mức độ thấp. Ba là, có thể loại bỏ sự trỗi dậy những đối thủ toàn cầu khác, từ đó tránh được những thảm họa do Chiến tranh Lạnh, chiến tranh nóng và các cuộc chiến mang lại, bao gồm cả chiến tranh hạt nhân toàn cầu. Do đó, Mỹ giữ vị trí lãnh đạo sẽ có lợi cho ổn định toàn thế giới hơn là một cục diện cân bằng hai cực hoặc đa cực.”

Trong vấn đề quyền lãnh đạo toàn thế giới, Mỹ cần học hỏi tư tưởng của Tổng thống Washington. Sự phát triển của một quốc gia cũng giống như một con người, không được tham quyền hám vị. Đây là sự văn minh và khai sáng của Mỹ, cũng là vận may của thế giới.

Điều đáng mừng là người dân Mỹ lại không ủng hộ một nước Mỹ bá quyền mà ủng hộ một thế giới dân chủ. Huntington cho biết: các quan chức Mỹ “ca ngợi Mỹ là một vị bá chủ nhân từ”, tung hô Mỹ là “siêu cường theo kiểu phi đế quốc chủ nghĩa đầu tiên”, nhưng “trong một cuộc trưng cầu dân ý năm 1997, chỉ có 13% số người được hỏi mong muốn Mỹ giữ vai trò chủ đạo trong các công việc quốc tế, 74% trong số đó hi vọng Mỹ cùng chia sẻ quyền lực với các quốc gia khác”, “Nước Mỹ còn thiếu nền tảng chính trong nước để xây dựng một thế giới đơn cực”.

Không thể biến “nước lãnh đạo” thành “nước bá quyền”

Trong lịch sử thế giới cận đại, những nước đóng vai trò

lãnh đạo cộng đồng quốc tế đồng thời cũng là bá quyền thế giới, là một nước lãnh đạo mang tính chất bá quyền, những nước nắm vai trò lãnh đạo này đồng thời là nước bá quyền. Trong tương lai, nếu là một nước lãnh đạo, Trung Quốc sẽ phải thay đổi đặc tính này, tạo bước chuyển biến căn bản đầu tiên, rằng “nước lãnh đạo” không phải là “nước bá quyền”, trở thành nước lãnh đạo không mang tính chất bá quyền đầu tiên sau thời đại Mỹ.

Từ sau khi các nhà hàng hải ra châu Âu có những phát hiện lớn về địa lý, từ mối liên hệ về địa lý để liên kết các khu vực phân tán trên Trái Đất thành một cộng đồng thống nhất thì một nhu cầu mới đã được sinh ra, đó là nhu cầu về “trật tự thế giới”, đó là nhu cầu quản lý thế giới và lãnh đạo thế giới. Việc hình thành một trật tự thế giới đòi hỏi phải trải qua một quá trình lịch sử lâu dài. Cộng đồng quốc tế đã có 500 năm lịch sử, nhưng trật tự thế giới lý tưởng nhất cho đến nay vẫn chưa thực sự hình thành, trật tự thế giới muốn đạt đến mức độ trật tự như các quốc gia thì còn phải đi qua một quãng đường rất dài.

Diễn biến lịch sử quá trình phát triển quyền lãnh đạo thế giới có thể chia thành 3 giai đoạn như sau:

Một là giai đoạn “vô chủ”, có cộng đồng quốc tế nhưng chưa có trật tự quốc tế. Giai đoạn này có đặc trưng cơ bản là “cường giả vi đạo”, “năng giả vi phi” (kẻ mạnh là đạo tặc, kẻ tài là thổ phi), có một số ít quốc gia sử dụng vũ lực để tàn sát, bóc lột các quốc gia và khu vực khác, bắt tận giết tuyệt, hủy diệt văn minh. Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hà Lan trong thời kỳ đầu chính là điển hình “cường giả vi đạo” của cộng đồng quốc tế trong thời kỳ đầu, các nước này đã thực thi quy tắc “luật rừng” của Hobbes “mạnh được yếu thua” ngay trong khi rừng nguyên thủy vừa mới hình thành trong cộng đồng quốc tế. Đây là giai đoạn trước khi cuộc chiến 30 năm từ 1500-1648

kết thúc, khoảng gần 150 năm.

Hai là giai đoạn “bá chủ”, tức là kẻ mạnh làm chủ, kẻ mạnh xưng bá. Sau khi cuộc chiến 30 năm từ 1648, cộng đồng thế giới bắt đầu có một trật tự quốc tế đầu tiên, bước vào thời đại tìm bá chủ thông qua chiến tranh, dựa vào bá chủ để xây dựng và duy trì trật tự quốc tế. Những nước bá chủ điển hình thời kỳ này là Anh và Mỹ, đại diện điển hình cho trật tự quốc tế thời đại bá quyền là “hòa bình dưới sự thống trị của Anh” và “hòa bình dưới sự thống trị của Mỹ”. Giai đoạn này bắt đầu từ năm 1648 đến nay, đã trải qua 3 nửa thế kỷ.

Ba là giai đoạn “dân chủ”. Tiêu chí cơ bản của giai đoạn này là việc Trung Quốc bước lên vị trí nước lãnh đạo, là dân chủ hóa trong quan hệ quốc gia và dân chủ hóa trong cộng đồng quốc tế.

Sự lãnh đạo bá quyền của Mỹ với thế giới đã lạc hậu so với thời đại, là một nước lãnh đạo không xứng đáng, lãnh đạo bá quyền của Mỹ ngày càng bị chỉ trích. Trong cuộc phỏng vấn với Đài truyền hình Trung Quốc, Cựu thủ tướng Malaixia Mahathir đã nói như sau: “Nước Mỹ có nhiều cơ hội tốt để bộc lộ văn minh của mình, bất hạnh là các nhà lãnh đạo Mỹ đã chứng minh thực lực của mình bằng phương thức xâm lược. Bao gồm cả quyền ưu tiên tấn công, tức là khi chưa bị nước khác tấn công, nước Mỹ cho rằng mình có quyền tấn công và chinh phục những nước khác. Điều này khiến nhiều nước nhỏ rất lo lắng. Đây không phải là vai trò Mỹ cần gánh vác, Mỹ nên là một cộng dân quốc tế tốt, nên đồng thuận với các tổ chức quốc tế như Liên Hợp Quốc về việc giám sát mối quan hệ quốc tế và biểu hiện của các nước. Tôi cho rằng Mỹ có thể trở thành một quốc gia tốt, có thể gánh vác trách nhiệm thế giới. Nhưng cần phải xây dựng được thế cân bằng giữa Mỹ và các nước khác, nếu không Mỹ sẽ lấn áp nước nhỏ. Một nhà lãnh đạo tốt không nên hiếu chiến, cần làm những việc hợp

đạo lý. Phát động chiến tranh xâm lược nước khác, sát hại nhân dân, đây không phải là một lãnh đạo tốt, cần phát triển đất nước mình, mang lại một cuộc sống tốt đẹp hơn cho nhân dân, nhưng không vì thế mà xâm lược nước khác, cướp đoạt mọi thứ của nước khác. Không thể vì đem lại cuộc sống tốt đẹp cho nhân dân của nước mình mà đi xâm lược một nước giàu tài nguyên dầu mỏ, mà cần thông qua sự nỗ lực, phát triển công nghiệp để đạt được. Có thể cố gắng mang lại cuộc sống tốt đẹp cho nhân dân không phải trả giá bằng việc hy sinh một nước khác. Xâm lược nước khác, cướp đoạt tài nguyên cho mình sử dụng là khái niệm vương quốc cũ kĩ, sai lầm.” Là một nước lãnh đạo mới, Trung Quốc sẽ không đi theo con đường bá quyền của Mỹ mà sẽ bảo vệ hòa bình và sự hài hòa của thế giới.

Trung Quốc phải học tập cách “xưng vương chậm” của Mỹ

GDP của Mỹ năm 1895 đã vượt qua Anh và vươn lên đứng đầu thế giới. Nhưng đến năm 1945, sau nửa thế kỷ tổng lượng kinh tế Mỹ vượt qua Anh, tức là sau Chiến tranh thế giới thứ 2, Mỹ mới thay thế được vị trí lãnh đạo thế giới của Anh. Hiện tổng lượng kinh tế của Trung Quốc chưa vượt qua Mỹ, sau khi vượt qua Mỹ 50 năm rồi mới bàn về vấn đề lãnh đạo thế giới cũng không muộn, vì vậy Mỹ không cần phải lo lắng. Tuy nhiên, Trung Quốc cũng phải “gấp rút giành vị trí đứng đầu, gánh vác trọng trách”, không vội vàng đảm nhiệm vai trò lãnh đạo thế giới. Để Mỹ đảm nhiệm thêm một thời gian sẽ tốt hơn.

Thực ra, Mỹ “xưng vương chậm” không phải là tự giác mà là vì bất đắc dĩ. Mỹ lâu nay mang dã tâm xưng bá thế giới, thậm chí là trước khi Mỹ trở thành một quốc gia, những người Châu Âu đầu tiên vượt biển cả đã có lý tưởng và quyết tâm

xây dựng “thành phố trên đỉnh núi” tại Bắc Mỹ để làm “ngọn hải đăng thế giới” dẫn dắt nhân loại. Họ cho rằng mình là những người được thượng đế chọn lựa để lãnh đạo “thiên mệnh” của thế giới. Nhưng do thực lực có hạn, vào cuối thế kỷ 19, Mỹ chỉ có thể thực hiện chiến lược chủ nghĩa cô lập. Chiến tranh thế giới thứ Nhất là bước ngoặt quan trọng làm suy yếu các cường quốc Châu Âu và nâng cao thực lực của Mỹ. Trong chiến tranh, tổng lượng kinh tế Mỹ đã vượt qua tổng các nước Châu Âu, điều này làm tăng tham vọng của Mỹ, khiến Mỹ vội vàng bước lên vị trí lãnh đạo thế giới. Wilson đã phát biểu “kế hoạch mười bốn điểm”, đề xướng thành lập Quốc liên, vứt bỏ cương lĩnh thực thi lãnh đạo thế giới, vẽ ra kế hoạch thao túng thế giới, là những lý luận và thực tiễn quan trọng để Mỹ thiết kế và lãnh đạo thế giới. Nhưng do Mỹ vừa mới bộc lộ tài năng, thực lực kinh tế vẫn chưa đủ hùng hậu để chuyển hóa thành năng lực làm chủ cục diện thế giới, uy tín của Mỹ vẫn khó có sức thuyết phục trên vũ đài thế giới, trong khi đó uy thế của các nước đế quốc già cỗi như Anh và Pháp vẫn còn tồn tại, “giấc mộng nước Mỹ” lãnh đạo thế giới của Wilson bị phản đối ở cả trên vũ đài quốc tế lẫn trong nước, kết quả là Mỹ không thể trở thành người lãnh đạo thế giới, bản thân Wilson cũng chết yếu trên đường đi du thuyết “giấc mộng nước Mỹ” và trở thành một khoảng lịch sử thê lương. Do vậy, Mỹ không kịp leo lên vị trí lãnh đạo thế giới để thực hiện “giấc mơ lãnh tụ” của mình và đành phải trở lại quỹ đạo của chủ nghĩa cô lập.

Trung Quốc muốn trở thành nước lãnh đạo thế giới trong thế kỷ 21 phải trải qua nỗ lực nửa thế kỷ và qua 3 giai đoạn: Một là, trong quá trình đuổi theo và tiếp cận Mỹ phải tích cực tham gia lãnh đạo thế giới; hai là khi đã sánh ngang được với Mỹ thì cần phải cùng Mỹ lãnh đạo thế giới; ba là sau khi vượt qua Mỹ được một thời gian, Trung Quốc cần nắm vai trò chủ

đạo trong lãnh đạo và quản lý thế giới, trở thành lãnh đạo chủ yếu trên thế giới. Trước mắt, Trung Quốc tích cực tham gia lãnh đạo và đang tiến tới cùng lãnh đạo, giai đoạn này cần kéo dài khoảng 20-30 năm.

Con đường lãnh đạo thế giới mà Trung Quốc đang hướng tới là con đường bắt nguồn từ “Mộc lập vu lâm” đến “Mộc tú vu lâm”, từ hòa nhập vào thế giới đến lãnh đạo thế giới. Không có khả năng độc lập với các dân tộc trên thế giới thì không có tư cách để hòa nhập vào thế giới. Nhưng hòa nhập vào quỹ đạo của thế giới không phải là mục tiêu của chúng ta, mà là cần phải làm nên thành tựu to lớn, trở thành nước lãnh tụ để dẫn dắt thế giới, chủ đạo thế giới, lãnh đạo thế giới.

2. Thời đại Trung Quốc: Thời đại mô hình phát triển của Trung Quốc hơn hẳn thế giới

Trong cuộc cạnh tranh giữa các nước, đặc biệt là cạnh tranh giữa các quốc gia đứng đầu với các quốc gia tiềm tại đứng đầu, về bản chất là “cạnh tranh mô hình”, tức là cạnh tranh về mô hình xây dựng và phát triển đất nước. Sức cạnh tranh của quốc gia về bản chất là cạnh tranh mô hình. Kết cục mạnh được yếu thua của các mô hình khác nhau trong sự so sánh và lựa chọn của lịch sử đã quyết định địa vị, tiền đồ và vận mệnh của quốc gia. Nhưng “cạnh tranh mô hình” giữa các nước lớn suy cho cùng là cạnh tranh về mức độ văn minh và chất lượng cuộc sống, là cuộc cạnh tranh được thế giới mong đợi, để tìm xem đâu là mô hình sáng tạo nhất, bền lâu nhất, có sức hấp dẫn và sức liên kết nhất.

Lôi kéo hoặc chia rẽ: cuộc đọ sức giữa 3 mô hình

Từ thế kỷ 20, trên vũ đài quốc tế đã lần lượt xuất hiện các

cuộc cạnh tranh và độ sức lâu dài giữa 3 mô hình có ảnh hưởng đến lịch sử thế giới và tương lai nhân loại, đó là “mô hình phương Tây”, “mô hình phương Bắc” và “mô hình phương Đông”. Mô hình phương Tây đại diện là Mỹ; mô hình phương Bắc đại diện là Liên Xô; mô hình phương Đông là mô hình chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc được tạo ra trong 30 năm cải cách mở cửa, tức mô hình Trung Quốc.

Cạnh tranh giữa mô hình Liên Xô và Mỹ đã kéo dài suốt thế kỷ 20. Còn cạnh tranh giữa mô hình Trung Quốc với Mỹ sẽ kéo dài hết thế kỷ 21, ảnh hưởng sâu rộng và lâu dài của cuộc cạnh tranh Trung-Mỹ đối với lịch sử thế giới còn vượt xa cả cuộc cạnh tranh Xô-Mỹ.

Sau Chiến tranh Lạnh, đa số người dân phương Tây tin vào “kết luận cuối cùng của lịch sử”, cho rằng mô hình chính trị dân chủ kiểu phương Tây là mô hình chính trị cuối cùng và lý tưởng nhất trong lịch sử nhân loại, dùng dân chủ để cải tạo và xây dựng thế giới là trách nhiệm và sứ mạng của phương Tây, dân chủ và tự do kiểu phương Tây có thể trở thành thực lực mềm để chinh phục thế giới. Nhưng phương Tây nhanh chóng nhận ra rằng chỉ có mô hình Liên Xô đã chấm dứt, và sự chấm hết của mô hình Liên Xô căn bản không giống với sự chấm hết của chủ nghĩa xã hội. Sau Chiến tranh thế giới thứ Hai, cạnh tranh chiến lược Xô-Mỹ là cạnh tranh mô hình nhà nước, thất bại của Liên Xô là thất bại của một kiểu mô hình nhà nước.

Sau đoạn kết lịch sử của mô hình Liên xô, lịch sử của mô hình Trung Quốc đã bắt đầu cho thấy sự chuẩn mực, sức thuyết phục, sức ảnh hưởng và sức cạnh tranh mang tầm thế giới, mở ra một viễn cảnh mới cho tiến bộ xã hội và sự phát triển của lịch sử, nhưng đồng thời cũng cho thấy phần nào sự non nớt và yếu kém của Trung Quốc. Trên vũ đài thế giới thế kỷ 21, cạnh tranh giữa mô hình xây dựng và phát triển đất

nước được tập trung vào cuộc cạnh tranh giữa mô hình phương Tây với mô hình phương Đông, cũng chính là cạnh tranh giữa mô hình Mỹ với mô hình Trung Quốc. Sau khi đánh bại mô hình Liên Xô, mô hình Mỹ đã đạt tới đỉnh cao của mình. Tuy nhiên, mô hình ngao mạn của Mỹ thế kỷ 21 trong cuộc cạnh tranh với mô hình Trung Quốc đã bộc lộ những dấu hiệu đi xuống - cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu bắt nguồn từ Mỹ đã làm lung lay vị trí và ảnh hưởng của mô hình Mỹ. Nhưng hiện nay, mô hình Mỹ vẫn đang chiếm vị trí cao nhất trên thế giới. Mô hình Trung Quốc tuy đạt được những thành tựu khiến thế giới thán phục song vẫn mới chỉ trong giai đoạn sơ khai, vẫn còn phải đi một chặng đường dài. Muốn giành chiến thắng trong cuộc cạnh tranh thế kỷ, Trung Quốc cần phải làm cho mô hình của nước mình tiên tiến hơn và ưu việt hơn mô hình Mỹ.

Bất tiến tất vong: Bài học của mô hình Liên Xô

Trong lịch sử thế giới cận đại, mô hình Liên Xô là một mô hình vĩ đại, có 3 công lao lịch sử to lớn:

Một là, trong Chiến tranh thế giới thứ Hai, Liên Xô là lực lượng chính trong cuộc chiến chống phát xít. Tổn thất Liên xô phải gánh chịu trong chiến tranh là lớn nhất, theo thống kê, trong cuộc chiến tranh này, quân dân Liên Xô thương vong hơn 60 triệu người, trong đó có 27 triệu người thiệt mạng, hơn 1700 thành phố và 70 ngàn thị trấn, thôn xã bị tàn phá, tổn thất vật chất lên đến 679 tỷ rúp. Tổn thất của Liên Xô chiếm tới 41% tổng tổn thất của các nước tham chiến. Khi chiến tranh kết thúc, Liên xô được công nhận là cường quốc quân sự số 1 thế giới. Tổng thống Mỹ Roosevelt nói: “Chính Hồng quân và nhân dân Liên Xô đã đẩy lực lượng vũ trang Hitler đến chỗ thất bại hoàn toàn, đó là điều khiến nhân dân Mỹ thực sự khâm phục”.

Hai là, về kinh tế Liên Xô đã giành thành được thành tựu đứng “thứ hai thế giới” về tổng lượng kinh tế.

Ba là, mô hình Liên xô dẫn dắt chủ nghĩa tư bản tiến tới văn minh. Chủ nghĩa tư bản thời kỳ đầu là chủ nghĩa tư bản dã man, tanh máu: Chủ nghĩa tư bản độc quyền là chủ nghĩa tư bản tàn bạo, chủ nghĩa phát xít lại càng là chủ nghĩa tư bản điên cuồng. Nhưng trong cuộc đấu tranh đối kháng với chủ nghĩa tư bản, mô hình xã hội chủ nghĩa của Liên Xô đã khiến chủ nghĩa tư bản truyền thống chuyển thành chủ nghĩa tư bản hiện đại, hướng tới văn minh, từ đó nâng cao trình độ văn minh toàn thế giới. Mô hình Liên Xô tuy đã không còn, nhưng chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa xã hội đã giành được thắng lợi vĩ đại, vì chủ nghĩa tư bản dã man, tàn bạo mà Mác muốn lật đổ và xóa bỏ đi không còn tồn tại nữa, ngay cả chủ nghĩa đế quốc đã phát động cuộc đại chiến thế giới và phân chia thế giới mà Lênin và Stalin muốn tiêu diệt cũng không còn tồn tại nữa.

Nếu nói rằng sự áp bức bóc lột tàn khốc của chính bản thân chủ nghĩa tư bản nguyên thủy đã làm nảy sinh ra chủ nghĩa xã hội cách mạng của giai cấp vô sản, thế thì chủ nghĩa xã hội cách mạng lại làm nảy sinh ra một chủ nghĩa tư bản tương đối văn minh. Sau này sự trì trệ, cứng nhắc thậm chí là thối nát của mô hình Liên Xô hoàn toàn tương phản với chủ nghĩa tư bản văn minh hiện đại, lại thêm sức ép về sự so sánh và cạnh tranh giữa các mô hình, đã khiến mô hình Liên Xô tan rã. Sự sụp đổ của mô hình Liên Xô và ưu thế của mô hình Mỹ đã khiến chủ nghĩa xã hội cải cách mở cửa ra đời ở Trung Quốc, làm xuất hiện một mô hình Trung Quốc về cơ bản không giống với mô hình Liên Xô nhưng lại đủ sức cạnh tranh với mô hình Mỹ. Có thể thấy trong cạnh tranh mô hình, theo quy luật mạnh được yếu thua, đã hình thành lên xu hướng tiến bộ xã hội, tạo động lực cho lịch sử phát triển. Và một mô hình có ảnh hưởng mang tính quốc tế dù có lịch sử huy hoàng như

thế nào chẳng nữa nhưng chỉ cần nảy sinh sự “ngạo mạn của mô hình”, trở nên cứng nhắc, thậm chí trở thành “mô hình thối nát, biến chất” thì mô hình đó tất sẽ bị đưa vào hố rác của lịch sử. Nếu muốn duy trì sức sống và sức cạnh tranh, mô hình Trung Quốc phải không ngừng sáng tạo, sáng tạo hơn cả mô hình Mỹ, mới đủ tư cách và khả năng cạnh tranh vị trí lãnh đạo.

Trăm sông về biển: Bí mật của “mô hình Xinghago”

Ông Lý Quang Diệu nói: “Giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội không hề có Vạn Lý Trường Thành ngăn cách, 2 mô hình này có thể bổ sung và hoàn thiện lẫn nhau.”

Vị nguyên lão của Đảng hành động nhân dân Xinghago Rajaratnam chỉ rõ: Con đường Xinghago chính là chủ nghĩa xã hội về chính trị, chủ nghĩa tư bản về kinh tế. Tức là dùng những thủ đoạn của chủ nghĩa tư bản để tạo ra của cải và dùng phương pháp chủ nghĩa xã hội để phân phối những của cải đó.

Xinghago là một cường quốc cỡ nhỏ, một kỳ tích vươn lên trong khoảng thời gian vài chục năm. Vậy bí mật của nước này nằm ở đâu? Theo Lý Quang Diệu và Rajaratnam đó chính là “chủ nghĩa hợp thành” trăm sông về biển. Quy luật và đặc điểm của mô hình Xinghago chính là ở chỗ này. Sự thành công của Xinghago là kết quả của sự bổ sung và hoàn thiện lẫn nhau giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản.

Chủ nghĩa Mác là gì? Bản thân chủ nghĩa Mác là một kiểu chủ nghĩa hợp thành có tính phê phán, cách mạng và sáng tạo. Chủ nghĩa Mác đã kết hợp tất cả những gì có giá trị mà xã hội nguyên thủy, xã hội nô lệ, xã hội phong kiến và đặc biệt là xã hội tư bản tạo ra, đó là thành quả của văn minh nhân loại.

Chủ nghĩa xã hội là gì? Chủ nghĩa xã hội là chủ nghĩa hợp thành có tính phê phán, tính cách mạng và tính sáng tạo.

Trong đề cương của tác phẩm “Nhiệm vụ trước mắt của chính quyền Xôviết” do Lênin viết vào năm 1918, trong khi chỉ ra rằng nếu không lợi dụng những kỹ thuật và văn hóa mà chủ nghĩa đại tư bản đạt được thì không thể xây dựng được chủ nghĩa xã hội, Lênin đã nhấn mạnh các nước chủ nghĩa xã hội phải “tích cực học hỏi những điều hay của nước ngoài: chính quyền Xôviết + trật tự đường sắt của Phổ + kỹ thuật của Mỹ và mô hình sản xuất Trust + nền giáo dục quốc dân của Mỹ +...+...= tổng hòa = chủ nghĩa xã hội”.

Chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc tất nhiên không giống với “chủ nghĩa hợp thành” của Xinghapo. Những cải cách mở cửa ở Trung Quốc cũng là một quá trình hợp thành và sáng tạo học hỏi thế giới. Chủ nghĩa hợp thành là một tư tưởng chiến lược của chủ nghĩa Mác, ưu thế vốn có của chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc là tổng hòa những cái hay của Trung Quốc và nước ngoài, đặc biệt là những cái hay của những nước chủ nghĩa tư bản trên thế giới.

Lấy sáng tạo dân dất thế giới: Sứ mệnh của “mô hình Trung Quốc”

Tất cả những quốc gia đứng đầu, quốc gia lãnh đạo thế giới đều là những quốc gia có mô hình sáng tạo, có đặc trưng trong xây dựng và phát triển đất nước chứ không mang tính máy móc, mô phỏng. Nét đặc sắc của Mỹ khác với Anh và nét đặc sắc của Trung Quốc cũng khác với Mỹ. Muốn trở thành quốc gia lãnh đạo thế giới, Trung Quốc phải sáng tạo ra một kiểu mô hình mới cho thế giới. Trung Quốc không thể sao chép lại mô hình của nước khác. Các quốc gia đứng đầu, quốc gia lãnh đạo với tư cách là những quốc gia hình mẫu của thế giới chỉ có thể học hỏi chứ không thể rập khuôn. Theo ý nghĩa này mà nói, bản chất của “đặc sắc Trung Quốc” là sáng tạo, sứ mạng của “mô hình Trung Quốc” cũng là sáng tạo.

Tính sáng tạo và đổi mới của mô hình Trung Quốc được biểu hiện chủ yếu ở ba phương diện:

-Nhìn từ ý nghĩa và góc độ của chủ nghĩa xã hội, mô hình Trung Quốc phải giải quyết những vấn đề mà mô hình Liên Xô chưa giải quyết được, ở phương diện này, mô hình Trung Quốc đã đạt được những thành công lớn.

-Nhìn từ góc độ phát triển của văn minh nhân loại, phải giải quyết những vấn đề mà mô hình phương Tây, đặc biệt là mô hình Mỹ chưa giải quyết được, ví dụ như những vấn đề nghiêm trọng phát sinh từ cuộc khủng hoảng tiền tệ thế giới năm 2008, vấn đề chủ nghĩa bá quyền trên lĩnh vực quan hệ quốc tế. Về mặt này, Mỹ và Trung Quốc cùng nhau lãnh đạo và quản lý thế giới, mức độ hợp tác để giải quyết những vấn đề điểm nóng vấn đề khó đã không ngừng tăng lên, hiệu quả rõ rệt và có triển vọng to lớn.

-Phải giải quyết những vấn đề then chốt làm ảnh hưởng tới sự phát triển Trung Quốc, ví dụ như chênh lệch thu nhập quá lớn, vấn đề tham nhũng ... Mô hình của quốc gia lãnh đạo vừa là mô hình phát triển khoa học lành mạnh của đất nước, vừa là mô hình để giải quyết có hiệu quả những mâu thuẫn và những vấn đề mang tính toàn cầu của thế giới. Sức cạnh tranh và tầm ảnh hưởng của mô hình Trung Quốc được quyết định bởi khả năng giải quyết có hiệu quả những vấn đề của chính Trung Quốc cũng như những vấn đề của thế giới. Mà khả năng ở đây, về cơ bản chính là sự sáng tạo và đổi mới.

3. Thời đại Trung Quốc: Thời đại “quan niệm giá trị của Trung Quốc” định hướng thế giới

Có một câu nói là, những nước đứng đầu xuất khẩu văn hoá và giá trị, các nước hạng hai xuất khẩu kỹ thuật và các quy tắc, các nước hạng ba xuất khẩu sản phẩm và lao động. Thời đại Trung Quốc không chỉ là thời đại tổng lượng kinh tế

Trung Quốc đứng đầu thế giới mà còn là thời đại năng lực sản xuất vật chất của Trung Quốc đứng đầu thế giới, thời đại tinh thần và văn hóa Trung Quốc tiến ra thế giới, trở thành dòng chính của văn hoá thế giới.

“Tây hóa” biến thành “Đông hóa”

Mọi người đều rất cảm phần khi nói về việc các nước phương Tây thực hiện chiến lược Tây hoá và phân hoá đối với Trung Quốc. Có người nói: trước đây địa chủ tư sản sợ bị Đảng cộng sản “đỏ hóa”, vậy trong tương lai Trung Quốc có thể biến “Tây hóa” thành “Đông hóa” và biến “Mỹ hóa” mang tính toàn cầu thành “Trung Quốc hóa” mang tính thế giới hay không? Biến “Tây hóa” thành “Đông hóa”, biến “Mỹ hóa” thành “Trung Quốc hóa” lẽ nào không phải là mục tiêu phấn đấu của nhiều thế hệ người dân Trung Quốc hay sao? Không phải là cái mốc đánh giá sự tiến bộ của Trung Quốc mấy chục năm sau hay sao? Không phải là tiêu chí văn hóa của một nước lãnh đạo hay sao?

Văn hóa Trung Quốc vốn dĩ là nền văn hóa có sức sống nhất trên thế giới, đó không chỉ là nền văn hóa duy nhất trong nền văn hóa cổ đại của thế giới không bị đứt đoạn mà còn có khả năng chinh phục những kẻ chuyên đi chinh phục. Trong lịch sử của dân tộc Trung Hoa có ghi chép về “thất bại quân sự” nhưng không có ghi chép về “thất bại văn hóa”. Mặc dù có lúc bị đánh bại về quân sự, nhưng chỉ một thời gian sau dân tộc Trung Hoa lại đồng hóa và chinh phục lại quân xâm lược về mặt văn hóa. Như nhà văn Mỹ Montero đã từng nói: “Chinh phục Trung Quốc chẳng khác nào ném đá xuống biển. Sự phản kháng gần như rất ít, nhưng không lâu sau, gang thép cũng bị ăn mòn, thậm chí bị hợp nhất. Quá trình hợp nhất diễn ra triệt để, vài thế hệ sau, chỉ có các triết học gia mới biết ai là kẻ đi chinh phục và ai là kẻ bị chinh phục”.

Văn hóa Trung Quốc là nền văn hóa khó đồng hóa nhất, có sức liên kết mạnh mẽ nhất trên thế giới. Mỹ là một nước di dân lớn và được gọi là “lò luyện” bất đồng văn hóa. Nhưng điều làm chiếc lò luyện văn hóa Mỹ đau đầu nhất lại là văn hóa Trung Quốc, bởi văn hóa Mỹ khó có thể đồng hóa được văn hóa Trung Quốc, đây thậm chí còn là nguyên nhân chính của làn sóng bài trừ Trung Quốc xảy ra cuối thế kỷ 19 tại Mỹ. Sau nội chiến, Mỹ ra sức xây dựng đường sắt, một lượng lớn công nhân Trung Quốc bắt đầu di dân sang Mỹ. Năm 1882, California chủ trương tăng áp lực bài xích người Hoa, đưa tới việc Mỹ công bố “Luật bài Hoa”, qui định ngừng 10 năm di dân người Trung Quốc, sau đó lại kéo dài vô thời hạn. Năm 1889, tòa án tối cao Mỹ đã phán quyết “Luật bài Hoa” là phù hợp với hiến pháp với lý do là người Trung Quốc là một dân tộc khác, “bọn chúng không thể bị đồng hóa”, “không hòa nhập” với người dân bản địa, “sống thành khu riêng biệt, giữ tập quán sinh hoạt của riêng mình”. “Sự xâm nhập của người phương Đông” nếu không bị hạn chế sẽ trở thành “mối đe dọa đối với nền văn minh của chúng ta”.

Nền văn hóa 5000 năm của Trung Quốc có lịch sử lâu đời, không thể bị đồng hoá bởi nền văn hóa mới có mấy trăm năm lịch sử của Mỹ. Tuy nhiên, văn hóa Trung Hoa từ thời cận đại đến nay cũng bị ảnh hưởng bởi văn hóa phương Tây và bị “mưa Âu gió Mỹ” xâm thực. Cho tới nay, phương Tây vẫn đang triển khai chiến lược Tây hóa và phân hóa Trung Quốc. Những khái niệm “Tây phong”, “Tây hóa” ở Trung Quốc thời gian gần đây được dùng để chỉ những ảnh hưởng đến từ phương Tây. Khái niệm “phương Tây” và “thế giới phương Tây” vừa chỉ phạm vi địa lý, lại vừa mang ý nghĩa chính trị. Nền văn minh và lịch sử phương Tây có thể chia thành 3 giai đoạn: một là giai đoạn Địa Trung Hải; hai là giai đoạn Tây Âu và ba là giai đoạn Bắc Đại Tây Dương. Trong giai đoạn Địa

Trung Hải và Tây Âu, tức là từ cổ đại đến cận đại, khái niệm “Thế giới phương Tây” đại thể được dùng để chỉ phía Tây Châu Âu. Sau thế kỷ 15, người Châu Âu bắt đầu vượt đại dương phát triển ra bên ngoài. Nhìn từ góc độ địa lý, thế giới phương Tây cũng là thế giới biển. Phía Tây Châu Âu vốn là một bán đảo lớn và xung quanh lại vươn ra một vài đảo nhỏ. Người Trung Quốc mở cửa thấy núi còn người phương Tây lại mở cửa thấy biển. “Phương Tây” hiện nay dùng để chỉ Châu Âu và Mỹ, về mặt chính trị là chỉ văn minh của chủ nghĩa tư bản.

Mấy trăm năm qua, phương Tây luôn văn minh “hóa” thế giới và thế giới đang bị “Tây hóa”. Dưới tác động và ảnh hưởng của “mưa Âu gió Mỹ”, Trung Quốc cũng đã biến đổi. Bởi phương Tây luôn có thế mạnh về vật chất và về văn hóa. Hiện nay Trung Quốc vẫn phải cảnh giác và ngăn chặn chiến lược Tây hóa và phân hóa của thế giới phương Tây, điều này cho thấy trên lĩnh vực văn hóa, Trung Quốc vẫn đang phải “đi nhu thắng cương”. Để mở ra thời đại Trung Quốc, Trung Quốc không chỉ phải có sức mạnh kinh tế và của cải vật chất đủ sức vượt qua Mỹ, mà phải có nền văn hóa mang tầm ảnh hưởng và sức hấp dẫn vượt qua văn hóa Mỹ trên trường quốc tế, cũng như một nền văn hóa không thể bị Mỹ diễn biến hòa bình nhưng lại có thể dùng để diễn biến hòa bình với Mỹ. Đến khi văn hóa Trung Quốc có khả năng diễn biến hòa bình với Mỹ, có khả năng “đồng hóa” thế giới phương Tây, khiến Mỹ phải ngăn chặn diễn biến hòa bình của Trung Quốc với mình, khiến phương Tây lo sợ “phương Tây bị đồng hóa”, Toàn cầu hóa chính là Trung Quốc hóa thì đó mới là “thời đại Trung Quốc” về cả văn hóa và tinh thần.

Tất nhiên trong thời đại Trung Quốc, khi Trung Quốc có nền văn minh lớn mạnh cả về vật chất và tinh thần, Trung Quốc cũng không tiến hành chiến lược diễn biến hòa bình

“Đông hóa” thế giới phương Tây và đặc biệt là Mỹ, đây cũng là điểm mà Trung Quốc vẫn minh hơn Mỹ. Những thứ gì càng tự nhiên và văn minh thì càng thịnh hành. Vì thế “Đông hóa” và “Trung Quốc hóa” trong tương lai không cần áp dụng cũng sẽ thịnh hành, nước Mỹ lúc đó sẽ khó tránh khỏi bị “diễn biến hòa bình”, mà còn diễn biến văn minh hơn hiện nay.

Quốc gia không có “ngọn cờ văn hóa” thì không thể làm quốc gia lãnh đạo thế giới

Quốc gia lãnh đạo phải là quốc gia dương cao ngọn cờ văn hóa của thế giới. Muốn dẫn dắt thế giới, trước tiên phải dùng văn hóa để dẫn dắt. Những quốc gia có quan niệm giá trị có tầm ảnh hưởng quốc tế, có thể cắm ngọn cờ văn hóa của mình ở đỉnh cao của văn hóa thế giới mới có thể trở thành quốc gia lãnh đạo thế giới.

Mỹ là một nước giỏi chiếm lĩnh những vị trí cao về đạo nghĩa quốc tế.

Những nhân vật đại diện sớm nhất của chủ nghĩa lý tưởng và chủ nghĩa tự do trong lịch sử Mỹ là Jefferson, tiếp đến là Wilson, Roosevelt, Clinton, họ không chỉ coi ý thức hệ là nguyên tắc và biện pháp chiến lược mà còn coi là mục tiêu chiến lược phải theo đuổi. Jefferson kết hợp quá trình bành trướng ra bên ngoài của Mỹ với việc truyền bá tự do dân chủ; Wilson kết hợp hòa bình thế giới với xây dựng nền dân chủ kiểu Mỹ; Roosevelt gắn 4 tự do lớn với bốn cường quốc sau chiến tranh; Clinton kết hợp trật tự thế giới với dân chủ, nhân quyền. Những điều này đều đã trở thành ngọn cờ văn hóa tư tưởng của Mỹ.

Tất cả các quốc gia lãnh đạo trên thế giới đều có quan niệm giá trị đủ sức liên kết chính mình, ảnh hưởng và cảm hóa thế giới. Có quốc gia tuy không đứng đầu thế giới về vật chất nhưng lại có sức sáng tạo văn hóa đứng đầu thế giới, đủ

sức giương cao ngọn cờ văn hóa có tầm ảnh hưởng thế giới. Ví dụ như Liên Xô đã lần đầu tiên giương cao ngọn cờ chiến thắng của chủ nghĩa xã hội trên thế giới. Vào đêm thứ hai sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai của Xôviết công nông đã nhất trí thông qua “Pháp lệnh hòa bình” có ý nghĩa quan trọng do Lênin tự soạn thảo, nêu rõ nguyên tắc cơ bản đầu tiên trong chính sách đối ngoại của nhà nước xã hội chủ nghĩa, chính sách chống chủ nghĩa đế quốc xâm lược nhằm thực hiện hòa bình, bình đẳng dân tộc, tự quyết dân tộc, xóa bỏ ngoại giao bí mật. Trong “Bức thư gửi công nhân Mỹ”, Lênin đã nêu rõ chính sách đối ngoại của nước Nga Xôviết: “Thoát khỏi chiến tranh đế quốc, giương cao ngọn cờ hòa bình và xã hội chủ nghĩa trước toàn thế giới”.

Chính sách ngoại giao hòa bình của chính phủ Nga Xôviết đã gây chấn động toàn thế giới và cả tổng thống Mỹ Wilson. Bước lên vũ đài thế giới trong điều kiện lịch sử mới, Wilson đã ra sức tạo nên bộ mặt mới cho ngoại giao Mỹ. “Nguyên tắc 14 điểm” là “Hiến chương thế giới” trong “ngoại giao kiểu mới” của ông sau chiến tranh, cơ sở và nòng cốt của “ngoại giao kiểu mới” là ngoại giao công khai, dân tộc tự quyết và đồng minh quốc tế. Đây vừa là chính sách ngoại giao kiểu cũ nhằm vào chủ nghĩa chuẩn đế quốc, vừa được dùng để kiểm chế Chủ nghĩa Lênin.

Lênin và Wilson là 2 chính trị gia lớn của nước Nga Xôviết và Mỹ, đại diện cho quốc gia của mình đưa ra “thế giới quan” và “quan niệm giá trị” sáng tạo, chạy đua cắm ngọn cờ của chính mình lên đỉnh cao văn hóa của thế giới. Đây là ngọn cờ dẫn dắt thế giới, là ngọn cờ thế giới của một quốc gia.

Tất nhiên, “sự giác ngộ của quốc gia” và nhận thức của các chính trị gia thường không đồng bộ với nhau. Khi một dân

tộc thiếu sự chuẩn bị đầy đủ và giác ngộ cần thiết trong vấn đề lãnh đạo thế giới, khi ngọn cờ văn hóa để một quốc gia dẫn dắt thế giới vẫn khó có thể giương cao, thì lý tưởng tối cao biến thành bi kịch. “Bi kịch Wilson” chính là một điển hình. Là một người theo chủ nghĩa lý tưởng cao thượng, trước kia Wilson muốn giương cao ngọn cờ văn hóa của Mỹ và cắm nó trên đỉnh cao văn hóa của thế giới, nhưng ông đã bị ngăn cản. Trong cuốn “Cambridge—Lịch sử quan hệ ngoại giao Mỹ”, nhà sử học Mỹ Khổng Hoa Nhuận có phân tích như sau:

Vào thời điểm bá quyền Châu Âu có xu hướng sụp đổ, để xác định khuôn khổ của quan hệ đối ngoại của Mỹ, Wilson đã kết hợp sức mạnh quân sự Mỹ với tài nguyên kinh tế và sự sáng tạo văn hóa, trong công việc thế giới phải vượt lên phương thức truyền thống của các quốc gia chủ quyền chỉ vì lợi ích của nước mình mà bất chấp lợi ích của thế giới: chiến tranh và chuẩn bị chiến tranh là chuẩn mực của các hành vi; cân bằng thế lực trở thành tư tưởng ngoại giao chủ đạo. Wilson đã thách thức những ý tưởng và thông lệ cũ, ông hy vọng mỗi một quốc gia không chỉ vì lợi ích của chính mình mà còn phải vì lợi ích chung của toàn thế giới. Ông nói: Nước Mỹ phải giải phóng năng lượng của mình “để phục vụ toàn nhân loại” và những nước khác cũng vậy. Kết quả cuối cùng là sự dung hòa giữa chủ nghĩa quốc gia và chủ nghĩa đế quốc, các quốc gia chủ quyền chỉ có ý nghĩa khi nằm trong mối quan hệ tổng thể. “Những người theo chủ nghĩa hiện thực” 10 năm sau đó đã chỉ trích chủ nghĩa quốc tế của Wilson là chủ nghĩa lý tưởng ngây thơ, ấu trĩ. Trên thực tế, chủ nghĩa quốc tế hình thành nên tư tưởng của Wilson không hoàn toàn là chủ nghĩa lý tưởng mà là chủ nghĩa quốc tế gắn liền với lợi ích chung của các nước và ý chí chung của mọi người ở khắp nơi trên thế giới vượt qua biên giới quốc gia, trong đó bao gồm các động lực văn hóa cơ bản. Ở một mức độ nào đó, chủ nghĩa

Wilson đã đặt văn hóa vào địa vị trung tâm trong quan hệ quốc tế. Đầu thế kỷ 20, tầm quan trọng của Mỹ trên trường quốc tế không chỉ là do Mỹ là một cường quốc về kinh tế và quân sự mà còn bởi Mỹ đã đem nhân tố văn hóa vào trong các sự vụ quốc tế, vì toàn cầu hóa của Mỹ đã trở thành sự kiện chủ yếu của thế kỷ 20. Sự đối lập giữa hiệp ước hòa bình của Wilson và Thượng viện là một bi kịch. Để giành được sự ủng hộ của người dân Mỹ, tháng 9 năm 1919, ông đã bắt đầu một chuyến tuần hành lớn với tổng chiều dài 8000 dặm Anh trong 21 ngày, nhưng trước khi đánh giá được hiệu quả của hành trình đó thì ông đã bị đột quỵ tại Colorado và chuyển đi trở thành một giấc mơ không thể thực hiện được. Do Thượng viện và người dân Mỹ chưa làm tốt công tác chuẩn bị cho trật tự thế giới của Wilson và có khoảng cách quá lớn với các nước khác. Bởi vậy Mỹ chưa gia nhập liên minh quốc tế, điều này cho thấy Mỹ đã quyết định dừng lại ở mức độ như các nước khác. Thất bại của Wilson không có nghĩa là chủ nghĩa Wilson tiêu vong, ngày càng nhiều người theo lý tưởng của chủ nghĩa Wilson hiện ở Châu Âu và các quốc gia trên thế giới, trong công cuộc xây dựng thế giới sau chiến tranh, họ đã có ảnh hưởng lớn tương đương với ảnh hưởng của lực lượng truyền thống.

Về vấn đề văn hóa Mỹ dẫn dắt thế giới, Wilson là người đi đầu mà người đi đầu thường là người gánh chịu bi kịch, thậm chí là hi sinh. Ngọn cờ văn hóa dẫn dắt thế giới của Mỹ cuối cùng cũng đã cắm được lên đỉnh cao của văn hóa thế giới sau khi Chiến tranh thế giới thứ Hai kết thúc và Mỹ cũng đã bước lên vị trí một nước lãnh đạo thế giới.

Giương cao “ngọn cờ Trung Quốc” dẫn dắt và kêu gọi thế giới

Trong chiến tranh thế giới thứ Nhất, Tổng thống Mỹ

Wilson là người đầu tiên giương cao ngọn cờ “phi thực dân hóa”, “dân tộc tự quyết” và “an ninh tập thể”, giúp một nước Mỹ đang vươn lên được cộng đồng thế giới công nhận. Còn nước Mỹ hiện tại lại giương cao ngọn cờ “tự do, dân chủ, nhân quyền”, dùng quan niệm giá trị nòng cốt để tác động thế giới.

Trong thời đại toàn cầu hóa, Trung Quốc đang giương cao ngọn cờ hòa bình, phát triển hợp tác, xây dựng thế giới hài hòa nhằm đưa quan niệm giá trị của Trung Quốc đến với thế giới.

Xây dựng “thế giới dân chủ” không có bá quyền là nội dung trọng tâm trong quan niệm giá trị Trung Quốc, là sức mạnh to lớn để Trung Quốc kêu gọi và dẫn dắt thế giới. Cùng thế giới thực hiện “tam hóa”: cục diện thế giới đa cực hóa, quan hệ quốc tế dân chủ hóa và hình thức phát triển đa dạng hóa, việc “xây dựng thế giới dân chủ” đã trở thành mong muốn chung của mọi người. Nếu nói trong thời đại hiện nay, xây dựng nhà nước dân chủ là mong ước của mọi người thì xây dựng “thế giới dân chủ” sẽ là “mong ước của mọi quốc gia”, là mong ước chung của cộng đồng quốc tế. Đặc trưng chủ yếu của thế giới dân chủ là không bá quyền. Để “phi bá quyền thế giới” phải thực hiện “ba bình đẳng”: chế độ xã hội bình đẳng, hình thức phát triển bình đẳng, văn hóa tôn giáo bình đẳng.

Xây dựng thế giới dân chủ là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu hiện nay để thúc đẩy thế giới tiến bộ. Quyền lực không có sự giám sát và kiểm chế tất sẽ là quyền lực hủ bại. Quyền lực quốc tế nếu mất đi sự giám sát và kiểm chế thì sẽ trở thành bá quyền. Những vấn đề căn bản cần giải quyết khi xây dựng thế giới dân chủ chính là vấn đề bá quyền thế giới. Đây là vấn đề cơ bản ảnh hưởng tới hòa bình thế giới. Có thế giới dân chủ mới có thế giới hòa bình: có thế giới dân chủ mới có thế giới hài hòa, sự hợp tác hòa bình thực sự giữa các nước chỉ

có được trong thế giới dân chủ.

Vấn đề hàng đầu trong xây dựng thế giới dân chủ không phải là biến các nước trên thế giới thành nước dân chủ kiểu Mỹ mà là một thế giới không có bá chủ, bá quyền. Bá chủ thế giới chính là sự phá hoại lớn nhất đối với dân chủ thế giới, chủ nghĩa bá quyền là mối đe dọa lớn nhất đối với hòa bình thế giới. Mỹ đưa ra “Thuyết hòa bình của các nước dân chủ”, còn Trung Quốc đưa ra “Thuyết hòa bình phi bá quyền”. Chủ nghĩa bá quyền là nguồn gốc của chiến tranh, còn thế giới dân chủ là sự bảo đảm hòa bình. “Thế giới dân chủ” thực sự lý tưởng là một thế giới như thế nào? “Thế giới dân chủ” ở đây có 3 hàm ý: Một là giúp các nước trên thế giới trở thành “quốc gia dân chủ”, tất nhiên là dân chủ mang đặc trưng riêng của mỗi nước, là dân chủ đa dạng hóa chứ không thể chỉ là dân chủ kiểu phương Tây, càng không thể chỉ là dân chủ kiểu Mỹ; tiêu chuẩn của một nước dân chủ không thể chỉ do Mỹ quyết định; trọng tài nhà nước dân chủ không thể chỉ do Mỹ đảm nhiệm. Hai là mỗi một quốc gia trên thế giới, với tư cách là quốc gia có chủ quyền đều được hưởng chủ quyền quốc gia, có thể giám sát kiểm chế có hiệu quả và phán xử những nước muốn thực hiện bá quyền. Ba là nước lãnh đạo không thể chỉ do một nước độc quyền, quyền lãnh đạo thế giới cũng phải theo chế độ nhiệm kỳ, suy yếu thì phải rút lui. Đây là một mặt quan trọng của chế độ dân chủ quốc tế và thế giới.

Có người nói: “Bảo vệ nhân quyền con người là vũ khí hạt nhân chính trị của Mỹ. Còn phản đối bá quyền là vũ khí hạt nhân chính trị của Trung Quốc”.

Cũng có người nói: “Xây dựng nhà nước dân chủ là đột phá khâu để của Mỹ tiến công Trung Quốc, còn xây dựng thế giới dân chủ lại là đột phá khâu để Trung Quốc tiến công Mỹ”.

Thực ra, bảo vệ nhân quyền, xây dựng nhà nước dân chủ cũng là nội dung quan trọng trong ngọn cờ văn hóa của Trung Quốc, còn trên ngọn cờ văn hóa Mỹ lại không có nội dung phản đối bá quyền thế giới và xây dựng thế giới dân chủ phi bá quyền hóa. Do đó ngọn cờ văn hóa của Trung Quốc được gắn ở vị trí cao hơn so với ngọn cờ văn hóa của Mỹ và có vai trò dẫn dắt thế giới lớn hơn ngọn cờ Mỹ.

Ngọn cờ văn hóa của các nước lãnh đạo là ngọn cờ thế giới do các nước dân tộc nắm giữ, đủ sức kêu gọi tiếng nói chung của thế giới. Đây là sức mạnh lớn nhất của các nước lãnh đạo, là sản phẩm tinh thần và tiêu chí văn hóa của các nước lãnh đạo. Ngọn cờ văn hóa của Trung Quốc thể hiện tình cảm và hoài bão quốc tế của Trung Quốc, thể hiện lợi ích và nguyện vọng chung của thế giới; do vậy ngọn cờ Trung Quốc là điểm tựa để Trung Quốc hướng ra thế giới, là ngọn cờ có thể hội tụ sức mạnh trong nước và cũng có thể ảnh hưởng mạnh mẽ đối với thế giới.

Xây dựng “tinh thần Trung Quốc” phù hợp với yêu cầu của thời đại

Nước lãnh đạo thế giới phải là lãnh tụ tinh thần của thế giới. Sở dĩ Mỹ có thể trở thành nước lãnh đạo thế giới vì nước này gắn chặt với “tinh thần Mỹ”. Tinh thần Mỹ đã giúp Mỹ trỗi dậy và ảnh hưởng tới cả thế giới.

Muốn trở thành nước lãnh đạo thế giới, Trung Quốc cũng phải có “tinh thần Trung Quốc”. Trung Quốc xưa nay là một nước lớn về tinh thần, có tinh thần truyền thống 5000 năm lịch sử, tinh thần cách mạng trải qua mấy chục năm chiến tranh và tinh thần cải cách mở cửa trong 30 năm trở lại đây. Nhà sử học người Anh Toynbee đã từng coi “tinh thần thế giới” hình thành trong thời gian dài của dân tộc Trung Hoa là di sản lịch

sử có ảnh hưởng quan trọng đối với thế giới tương lai. Tuy nhiên cũng phải thừa nhận rằng, 30 năm sau “Đại cách mạng văn hóa”, ở một số nơi và với một số người, đây là thời kì vật chất, thời kì hưởng thụ. Một số người đã biến mục tiêu trung tâm xây dựng kinh tế thành việc tìm kiếm lợi ích vật chất, một số người dùng bộ óc kinh tế để tháo dỡ di rời mảnh vườn tinh thần, một số người trở lên giàu có, trở thành giai cấp “hữu sản” mới, nhưng trong lĩnh vực đời sống văn hóa tinh thần họ lại rơi vào nghèo khổ, họ còn cách rất xa mục tiêu “khá giả” về mặt tinh thần.

Người phương Tây nói rằng nền kinh tế thị trường không có nhà thờ sẽ là nền kinh tế thị trường đáng sợ, sẽ trở thành nền kinh tế ma quỷ. Trong nền kinh tế thị trường của thế giới phương Tây, thị trường kết hợp với nhà thờ để kiểm chế dục vọng lợi ích, tuy vậy vẫn khó tránh khỏi nảy sinh khủng hoảng. Kinh tế thị trường của Trung Quốc không dựa vào nhà thờ nhưng phải có chỗ dựa tinh thần. Nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa là sự thống nhất giữa thị trường và tinh thần. Trung Quốc thời kì kinh tế kế hoạch chỉ có tinh thần mà không có thị trường, còn hiện nay là có thị trường nhưng thiếu tinh thần. Do đó, cần phải xây dựng được “tinh thần Trung Quốc” phù hợp với yêu cầu thời đại. Để bồi dưỡng tinh thần đó, Trung Quốc cần có thêm một “thời đại tinh thần” rực lửa, một “thời đại văn hóa” phồn vinh. Trước khi trở thành một cường quốc tinh thần lớn mạnh, Trung Quốc không thể trở thành nước lãnh đạo thế giới.

Tinh thần Trung Quốc là một hệ thống mà niềm tin lý tưởng là hạt nhân của tình thần Trung Quốc. Trong cuốn “Hồi ức Trương Học Lương” có viết: “Khi đó quân Bắc phạt thể như chẻ tre đánh cho Trục Hệ và Phụng Hệ thua tan tác, một hôm Trương đại soái sai Trương thiếu soái đi điều tra tình hình này. Đại soái nói: Tiểu Lục Tử này, ta không hiểu

tại sao chúng ta muốn súng có súng, muốn pháo có pháo, còn có cả một trung đoàn sơn pháo, nhưng không đánh nổi chúng? Thiếu soái nói: Thưa bố, chúng ta có súng có pháo, còn có cả một trung đoàn sơn pháo. Bọn họ không có, nhưng bố đã nghĩ kỹ chưa, bọn họ có “chủ nghĩa tam dân”, chúng ta không có. Đại soái không phục nói: “chủ nghĩa tam dân” là cái gì, ta còn có cả “chủ nghĩa ngũ dân”. Nhưng hai ngày sau Đại soái lại gọi Thiếu soái đến nói: Tiểu Lục Tử, con nói đúng, chúng ta quả thực thiếu “chủ nghĩa tam dân”. Cao lương ở khu Đông Bắc không đủ cho chúng ta ăn, chúng ta phải rút thôi.” Chủ nghĩa tam dân chính là lý tưởng và tín ngưỡng, có nó sẽ có sức mạnh, được lòng dân, có chí hướng, khiến bọn Quân phiệt không thể không phục. Về quân sự cũng vậy, các lĩnh vực khác cũng vậy, ở trong nước cũng vậy mà trên thế giới cũng vậy.

Quốc gia lãnh đạo thế giới là quốc gia sản xuất ra tinh thần và xuất khẩu văn hóa. Trung Quốc hiện là một cường quốc chế tạo các sản phẩm vật chất, nhưng lại không phải là cường quốc trong lĩnh vực văn hóa tinh thần. Trung Quốc phải trở thành “Công xưởng văn hóa tư tưởng của thế giới”, đưa văn hóa Trung Quốc đến với thế giới, trở thành nước xuất khẩu văn hóa đứng đầu thế giới. Thống kê cho thấy, mỗi năm Trung Quốc nhập hơn một vạn loại sách, chiếm 10% - 15% thị trường giao dịch sách trong nước nhưng chỉ xuất khẩu được hơn 1000 loại sách ít ỏi, chiếm chưa đến 0.3% thị trường giao dịch sách của thế giới. Hiện tượng “nhập siêu văn hóa” này không thể được bù đắp bằng xuất siêu vật chất. Hiện nay các vùng trên khắp thế giới đều sử dụng sản phẩm vật chất của Trung Quốc, khi mà các vùng trên khắp thế giới đều sử dụng những sản phẩm văn hóa tinh thần của Trung Quốc, khi những sản phẩm văn hóa trên thị trường thế giới chủ yếu được “sản xuất ở Trung Quốc” thì đó là lúc thời đại văn hóa Trung Quốc

đã đến.

Thế kỷ 21: văn hóa Trung Quốc lãnh đạo thế giới

Tháng 11 năm 2007, “Diễn đàn văn hóa chiến lược Trung Hoa lần thứ nhất” đã được tổ chức tại Đại lễ đường nhân dân Bắc Kinh. Học giả Quý Tiệp Lâm đã viết thư chúc mừng diễn đàn, ông nói: Trong cuốn “Thế kỷ 21: thời đại văn hóa phương Đông” tôi có viết: “Nhìn lại cả một thế kỷ, văn hóa Trung Quốc luôn chiếm địa vị lãnh đạo thế giới, đây là sự thay đổi của thời thế. Đến cuối triều Minh, văn hóa phương Tây được đưa vào thông qua Thiên Chúa giáo, đến nay đã được vài trăm năm, văn minh vật chất của chủ nghĩa tư bản phương Tây đã mang nhiều lợi ích lớn cho nhân loại, nhưng mặt khác cũng mang lại nhiều tai họa như ung thư, AIDS, khan hiếm nước ngọt, ô nhiễm môi trường, môi trường sinh thái bị phá hoại... Phải làm gì để ngăn chặn những điều này? Nhân loại cho đến nay lại chứng kiến sự thay đổi của thời thế, giống như cuộc chạy thi tiếp sức, trên cơ sở của văn hóa phương Tây, chúng ta tiếp lấy cái gậy văn hóa phương Tây và dùng phương thức tư duy tổng hợp của văn hóa phương Đông để đi giải quyết những vấn đề này.” Tôi còn viết “Tôi cho rằng phương pháp phân tích siêu hình của phương Tây sắp hết thời và sẽ thay thế bằng phương pháp tổng hợp tổng thể mà phương Đông đang tìm tòi. Văn hóa phương Tây lấy phân tích làm cơ sở cũng suy yếu đi và thay vào đó là văn hóa phương Đông lấy tổng hợp làm cơ sở. “Thay thế” không phải là “tiêu diệt”, mà là trên cơ sở nền tảng văn hóa mấy trăm năm lịch sử của phương Tây, dùng phương thức tư duy tổng hợp của phương Đông, lấy văn hóa phương Đông làm chủ đạo, tiếp thu tinh hoa văn hóa phương Tây, đưa văn hóa nhân loại phát triển lên một giai đoạn cao hơn. Kiểu thay thế này sẽ được thấy trong thế kỷ 21. Thế kỷ 21 — thời đại văn hóa phương

Đông, đây là quy luật khách quan không thể thay đổi bằng ước muốn chủ quan của con người”. Mong rằng những lời nói trên đây của tôi sẽ là lời chúc mừng “Diễn đàn văn hóa chiến lược Trung Hoa lần thứ nhất”.

Giấc mơ văn hóa, niềm tin văn hóa và dự đoán văn hóa của Quý Tiễn Lâm chính là muốn nói: thế kỷ 21 là thời đại của văn hóa phương Đông, là thời đại văn hóa Trung Quốc chiếm địa vị lãnh đạo thế giới, sự xuất hiện của thời đại này là quy luật khách quan không thể thay đổi bằng ước muốn chủ quan của con người. Giống như một cuộc chạy tiếp sức, người Trung Quốc phải trên cơ sở văn hóa phương Tây để đưa tay đón lấy cây gậy này.

CHƯƠNG 4

LẤY TÍNH CÁCH TRUNG QUỐC ĐỂ XÂY DỰNG “VƯƠNG ĐẠO TRUNG QUỐC”

Ngày 28/11/1924, trong “Diễn thuyết trước các tổ chức tại Hội nghị thương mại Kobe” phát biểu ở lễ chào mừng 5 tổ chức tham gia Hội nghị thương mại Kobe, Nhật Bản, Tôn Trung Sơn nói: “Văn hóa phương Đông là vương đạo, văn hóa phương Tây là bá đạo: vương đạo chủ trương đạo đức nhân nghĩa, bá đạo chủ trương cường quyền mưu lợi. Thực hiện đạo đức nhân nghĩa là cảm hóa người khác bằng công lý lẽ phải; thực hiện cường quyền mưu lợi là áp bức người khác bằng súng to pháo lớn của phương Tây”.

Bản chất của văn hóa “vương đạo” là đạo đức nhân nghĩa. Đó là theo nguyên tắc “kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân” (những gì mình không muốn thì chớ đẩy cho người khác), luôn giữ thái độ bình đẳng, công bằng, chân thật, độ lượng, lấy sức mạnh đạo đức nhân nghĩa để cảm hóa người khác chứ không phải áp bức người ta; phải để người ta hàm ơn chứ không bắt người ta sợ hãi, lấy đạo lý để thuyết phục chứ không lấy sức mạnh để thống trị. Vào thế kỷ XXI, “Trung Quốc vương đạo” mà chúng ta xây dựng là một Trung Quốc hùng mạnh không thực hiện bá quyền, không chen ép kẻ khác, đạo đức cao thượng, đáng mến đáng kính.

1. Sức hấp dẫn của tính cách Trung Hoa

Quốc gia có tính cách. Tính cách của quốc gia thể hiện tính chất quốc gia. Trung Quốc có tính cách. Tính cách Trung Quốc thể hiện tính chất quốc gia Trung Quốc.

Sự ngạc nhiên của các học giả Anh và Mỹ: Yêu chuộng hòa bình chứ không hiếu chiến

Nhà triết học người Anh Russell nêu rõ: “Tham vọng thống trị người khác (của người Trung Quốc) rõ ràng kém hơn nhiều so với người da trắng, nếu trên thế giới có dân tộc “kiêu hãnh đến mức không thêm đánh nhau”, thì dân tộc đó là Trung Quốc. Thái độ vốn có của người Trung Quốc là khoan dung, hữu nghị, lịch sự và được mong báo đáp”. Russell cho rằng, tính cách người Trung Quốc là tính cách bất lợi với chiến tranh, mong muốn hòa bình. Ông tỏ ra rất ngạc nhiên đối với tinh thần hết sức khoan dung và nhẫn nại của tính cách Trung Quốc.

Học giả Mỹ cận đại Brezinski nói: “Khi đế quốc Trung Hoa ở thời kỳ cực thịnh, nó có thể nhìn cả thế giới bằng nửa con mắt, không có cường quốc khác có khả năng thách thức địa vị của đế quốc Trung Hoa, nếu Trung Quốc có ý đồ tiếp tục bành trướng, sẽ không có nước nào đủ sức chống cự. Đế quốc Trung Hoa thường không quá áp đặt quyền uy của trung ương với các dân tộc khác hoặc các nước chư hầu xung quanh nước mình.”

Có thể thấy, Trung Quốc vừa là một nước không xâm lược quốc gia nhỏ yếu, vừa là nước không đe dọa các nước xung quanh. Trung Quốc không những không coi các nước nhỏ yếu là thù địch, không gây chiến tranh với các nước này, mà thường khiêm nhường giải quyết mâu thuẫn, làm yên lòng bằng đạo lý và lợi ích, thậm chí nhiều lần kết thân với đối thủ, biến kẻ thù thành thân thích. Chẳng hạn như Hoàng đế Khang Hy triều Thanh đã gả con gái của mình cho Cát Nhĩ Đan thủ lĩnh Mông Cổ phản loạn. Đến khi Gordhun lật mặt, cuối cùng Khang Hy mới buộc phải tiêu diệt Gordhun.

Dân tộc Trung Hoa yêu người như yêu mình, tuân thủ nguyên tắc chiến lược “người không đụng đến ta, ta không

đụng đến người”, là một dân tộc nhân từ, lương thiện yêu chuộng hòa bình, không thích sử dụng vũ lực. Đúng như Tôn Trung Sơn đã nói: “Dân tộc Trung Hoa chúng ta luôn giữ hòa bình, bắt nguồn từ thiên tính, không bao giờ dễ dàng phát động chiến tranh, trừ khi buộc phải tự vệ”

Quan sát của Matteo Ricci: Sức mạnh đất nước hùng mạnh mà không đi chinh phục

Người Trung Quốc đương nhiên khác với người châu Âu, bởi vì Trung Quốc là một quốc gia hùng mạnh mà không có tham vọng chinh phục. Đây là kết luận của nhà truyền giáo Ricci người Italia khi sinh sống và khảo sát 30 năm ở Trung Quốc vào 400 năm trước.

Trong lịch sử, có hai người nổi tiếng nhất trong số những người châu Âu đến Trung Quốc: Marco Polo thời nhà Nguyên và Ricci thời nhà Thanh. Tháng 8/1582, Ricci đến Ma Cao, sau đó qua Triệu Khánh, Thiệu Châu, Nam Xương, Nam Kinh, Bắc Kinh, tháng 5/1610 mất và được chôn cất ở Bắc Kinh. Theo Ricci, Trung Quốc là một quốc gia kỳ lạ khác với châu Âu. Lãnh thổ Trung Quốc rộng lớn mênh mông, dân số Trung Quốc đông không đếm xuể, sản vật của Trung Quốc đa dạng, phong phú. Trong một vương quốc trung tâm như vậy, mặc dù có trang bị đầy đủ, có lục quân và hải quân dễ dàng chinh phục những nước xung quanh, nhưng từ nhà vua đến dân chúng đều chưa hề muốn tiến hành một cuộc chiến tranh xâm lược. Họ hoàn toàn thỏa mãn với những gì họ có, không khát khao chinh phục. Về mặt này, họ đương nhiên khác với người châu Âu. Người châu Âu thường không hài lòng với chính phủ của mình, thêm muốn những thứ mà nước khác có. Nhiều quốc gia phương Tây đã bị mệt mỏi vì ý đồ xưng bá trên thế giới, họ thậm chí không thể làm những việc mà người Trung Quốc đã làm suốt hàng nghìn năm, giữ gìn di sản mà tổ tiên

họ để lại. Là một người châu Âu, Ricci lại khám phá một cách chân thực “tính cách hòa bình” không ham muốn chinh phục của người Trung Quốc từ hoàng đế đến dân thường. Điều này thể hiện phẩm cách của ông không thiên vị người châu Âu.

Ricci người Italia đến từ nơi chân trời xa xôi đã thể nghiệm được tính cách của người Trung Quốc, còn Mahathir Moahmát - Cựu thủ tướng Malaixia nói về nhận thức của mình dưới con mắt “người láng giềng”: “Việc giao lưu buôn bán giữa Malaixia và Trung Quốc đã hơn 1000 năm, có rất nhiều người Trung Quốc ở Malaixia, chúng tôi từ trước đến nay chưa bao giờ bị Trung Quốc chinh phục. Tuy nhiên, người châu Âu ở cách 8000 dặm Anh lại xâm lược Malaixia. Cho nên, thái độ của Trung Quốc khác với châu Âu. Người Trung Quốc đến với chúng tôi để buôn bán, người châu Âu đến không phải để buôn bán mà để gây chiến tranh. Cuối cùng họ đã chinh phục bạn hàng của mình. Cho nên, chúng tôi không lo ngại Trung Quốc mà lo ngại người châu Âu”.

Trung Quốc đã có hàng nghìn năm lớn mạnh, vậy mà các nước nhỏ yếu xung quanh như Việt Nam, Mianma, Triều Tiên, Thái Lan vẫn có thể giữ được độc lập. Sau đó, ngọn gió châu Âu tràn đến phương Đông, Việt Nam mất vào tay Pháp, Mianma bị Anh chiếm, Triều Tiên bị Nhật Bản chiếm. Sự “cứu giúp kẻ yếu” của Trung Quốc trái ngược rõ ràng với kiểu “cá lớn nuốt cá bé” của châu Âu.

Theo trải nghiệm của Tôn Trung Sơn, tính cách nước mạnh mà không đi chinh phục của Trung Quốc bắt đầu hình thành vào triều Hán. Thời nhà Hán, các học giả nói chung đều cực lực phản đối chủ nghĩa đế quốc, trong đó “Khí Châu Nhai nghị” (Bàn về bỏ quận Châu Nhai) là tác phẩm nổi tiếng nhất đã phản đối Trung Quốc mở rộng lãnh thổ, chủ trương không tranh giành đất đai với dân man di phía Nam. Do đó, vào thời nhà Hán, Trung Quốc chủ trương không gây chiến

tranh với người nước ngoài, tư tưởng hòa bình của Trung Quốc đã được thể hiện khá đầy đủ vào thời nhà Hán. Đến đời Tống, Trung Quốc không những không xâm lược nước khác, mà còn bị nước ngoài đến xâm lược, cuối cùng nhà Tống bị mất vào tay Mông Cổ. Sau khi nhà Tống mất, đến triều Minh mới lấy lại được đất nước. Sau khi nhà Minh giành lại đất nước, Trung Quốc càng không đi xâm lược nước khác.

Một số người châu Âu cũng hiểu rằng, nếu Trung Quốc là một nước thích đi chinh phục, thì lịch sử châu Âu sẽ phải viết lại. Giáo sư Paolo Đại học Yale nêu rõ: Người ta đã quên rằng, 500 năm trước, Trung Quốc là siêu cường duy nhất trên thế giới. Khi mà nhiều người châu Âu còn ở trong nhà đất, Trung Quốc đã là quốc gia có nền kinh tế và quân sự hùng mạnh nhất thế giới. 100 năm trước khi châu Âu thống trị châu Á và châu Mỹ, Trung Quốc có lực lượng hải quân hùng mạnh và nổi trội nhất trên thế giới. Nếu không có sự kiện ngẫu nhiên trong lịch sử, ngôn ngữ mà người châu Âu sử dụng hiện nay có thể đã là tiếng Trung Quốc.

So sánh giữa Trung Quốc và Âu Mỹ: Tài nguyên thiếu thốn nhưng không bành trướng

Người ta luôn hình dung Trung Quốc là nơi “đất đai rộng, tài nguyên ít”, thực tế do dân số đông, tài nguyên của Trung Quốc rất thiếu thốn. Tài nguyên căng thẳng có thể dẫn đến cạnh tranh quyết liệt, mâu thuẫn gia tăng. Thói quen chiến lược của phương Tây là chuyển dịch mâu thuẫn ra bên ngoài, thông qua bành trướng xâm lược chuyển mâu thuẫn bên trong thành mâu thuẫn bên ngoài, để làm dịu khủng hoảng trong nước. Còn đặc điểm của Trung Quốc là, tài nguyên có căng thẳng đến đâu, thù nội chiến long trời lở đất, cũng không phát động cuộc chiến tranh ra bên ngoài, Trung Quốc không có thuộc địa.

Do nguyên nhân khí hậu và địa mạo (phần lớn là vùng núi và sa mạc), tỷ lệ đất đai có thể trồng trọt trên tổng diện tích đất đai Trung Quốc vô cùng nhỏ theo tiêu chuẩn quốc tế. Trung Quốc là một quốc gia lâu đời, nhưng đến cuối thế kỷ XX, diện tích trồng trọt chỉ chiếm 10%, trong khi diện tích đất trồng trọt của châu Âu là 1/4. Bình quân mỗi lao động nông nghiệp Trung Quốc chỉ có 1/3 ha đất canh tác, trong khi Mỹ là 99 ha. 1000 năm qua, dân số Trung Quốc từ 55 triệu người tăng lên 1,3 tỷ người, tăng gần 22 lần. So với châu Âu và Mỹ, áp lực của dân số Trung Quốc đối với đất đai luôn rất nghiêm trọng. Trong vòng một nghìn năm, so với người châu Âu thời trung đại và hiện đại, khẩu phần thịt của người Trung Quốc ít hơn rất nhiều, người lớn không uống sữa, các sản phẩm từ sữa dường như không tồn tại. Sự phụ thuộc vào lương thực có liên quan tới thiếu đất sản xuất, bởi vì khai thác chất đạm và nhiệt lượng từ lương thực đòi hỏi ít đất đai hơn so với từ động vật. Tuy nhiên, trong tình hình ấy, người Trung Quốc vẫn không bành trướng ra bên ngoài. Tài nguyên dù có thiếu thốn hơn nữa, người Trung Quốc cũng không đi xâm lược và cướp đoạt ruộng đất và tài nguyên của nước khác. Trung Quốc từ trước tới nay chưa bao giờ xảy ra chiến tranh tài nguyên với nước ngoài. Trung Quốc là một trang nam nhi thà chết đói chứ không đi ăn cướp.

Đánh giá của người Nhật Bản: Phòng ngự tự vệ chứ không đánh đòn phủ đầu trước

Trung Quốc là một nước văn minh, bậc thầy về nhân nghĩa; người không đụng đến ta, ta không đụng đến người, không tấn công trước, chống trả tự vệ có lý, có lợi, có hạn, lấy đức báo oán, không báo thù. Trung Quốc xưa nay không tấn công trước, đây cũng là một đặc điểm của tính cách Trung Quốc.

Nhà văn hóa, nhà nghiên cứu tôn giáo, nhà hoạt động nổi tiếng của Nhật Bản Daisaku Ikeda nói: “Bản chất người Trung Quốc là người theo chủ nghĩa ổn định, mong muốn hòa bình và yên ổn nước họ. Trên thực tế, chỉ cần không xâm phạm Trung Quốc trước, Trung Quốc sẽ không bao giờ tấn công trước. Các cuộc chiến tranh như chiến tranh Nha Phiến, chiến tranh Trung - Nhật, chiến tranh Triều Tiên và các cuộc chiến tranh có liên quan đến Trung Quốc trong từ thời cận đại đến nay có thể coi là cuộc chiến tự vệ. Trung Quốc không có tiền lệ “đánh đòn phủ đầu trước” trong quan hệ quốc tế cận đại.

Khi trả lời phỏng vấn Đài truyền hình trung ương, một nhà nghiên cứu lịch sử văn minh người Nhật Bản nói: “Tính chất tấn công của Nhật Bản ra nước ngoài khá mạnh, khi cảm thấy nguy hiểm là phải ra tay trước. Nhật Bản luôn dựa vào sức mạnh quân đội, có tính chất bột phát, cực đoan, bất ngờ sử dụng sức mạnh quân sự. Trung Quốc khá trầm tĩnh, khó tìm thấy nơi nào bị Trung Quốc tấn công trước”.

Văn minh quân sự Trung Quốc đã từng khiến thế giới phải xúc động. Sau khi kháng chiến chống Nhật thắng lợi, Trung Quốc không đòi Nhật Bản bồi thường chiến tranh, thực hiện chính sách giáo dục, cải tạo và cuối cùng là phóng thích đối với những tội phạm chiến tranh Nhật Bản, nuôi dưỡng trẻ mồ côi của lính Nhật xâm lược bỏ lại, thể hiện tấm lòng lấy đức báo oán. Trong cuộc chiến tranh kháng Mỹ viện Triều, Trung Quốc thực hiện chính sách nhân đạo đối với tù binh. Một tù binh đã Mỹ nói: “Trung Quốc là quốc gia văn minh nhất thế giới”. Người thân của họ viết thư ca ngợi chính sách đối xử tốt với tù binh của quân đội Trung Quốc “giống như tấm lòng của người mẹ”. Trong chiến tranh phản kích tự vệ với quân đội Ấn Độ, ở tình huống giành toàn thắng, quân đội Trung Quốc đã không thừa thắng truy kích, mà rút quân về đường kiểm

soát thực tế trước đây để thể hiện thiện chí hòa bình, không những thả toàn bộ tù binh, mà còn chủ động giao lại rất nhiều vũ khí trang bị thu được cho Ấn Độ. Đây là điều chưa có tiền lệ trong lịch sử chiến tranh thế giới.

Cảm nhận của người Do Thái: Văn minh bao dung chứ không xung đột

Văn minh Trung Hoa có lòng rộng lượng, trong văn minh Trung Hoa, không có sự xung đột, đối đầu giữa các nền văn minh, mà bắt tay, tiếp nhận văn minh, hòa hợp văn minh, giúp đỡ văn minh.

Thủ tướng Ixraen Olmert đã từng nói: “Chúng tôi có tình yêu sâu sắc với người dân Trung Quốc, cảm ơn nhiều sự đối xử nồng ấm và hữu nghị dành cho người Do Thái ở Thượng Hải và Cáp Nhĩ Tân những năm đầu thế kỷ XX và trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ Hai”.

Trong lịch sử, đã có một số người Do Thái đến Trung Quốc, xây dựng những khu dân cư của họ ở những nơi như Khai Phong. Trên thế giới, những khu định cư Do Thái đều rất tập trung, điều này do sự kỳ thị nghiêm trọng và sức ép to lớn từ bên ngoài, buộc người Do Thái phải co cụm lại với nhau để tồn tại và phát triển. Tuy nhiên, ở Trung Quốc lại xuất hiện ngoại lệ, chỉ ở Trung Quốc, các nhóm người Do Thái mới không bị bất cứ một sức ép và kỳ thị nào từ bên ngoài, mà đã hòa hợp tự nhiên với văn hóa Trung Quốc. Vào thế kỷ XIX, khi người phương Tây đến Trung Quốc, nhìn bộ phận người Do Thái sớm hòa nhập với văn hóa Trung Quốc, hai nền văn hóa đã hòa nhập khó phân định, họ cảm thấy ngạc nhiên và khó tin. Tính cách văn minh phương Tây tạo ra xung đột với các nền văn minh khác, tính cách văn minh Trung Quốc lại hòa nhập với các nền văn minh.

Từ thời xa xưa đến triều nhà Thanh, người Trung Quốc

luôn giữ quan hệ gắn bó với các nước láng giềng, không hề có sự kỳ thị với thương nhân và giáo sĩ nước ngoài. Bia Cảnh Giáo ở Tây An đã chứng tỏ, giáo sĩ nước ngoài đã tiến hành công việc truyền đạo Phúc âm tại nơi đây từ thế kỷ VII. Đạo Phật là do hoàng đế nhà Hán nhập vào Trung Quốc, nhân dân đã nhiệt tình chào đón tôn giáo mới, sau đó Phật giáo ngày càng phát triển, hiện nay đã trở thành một trong ba tôn giáo lớn chủ yếu. Không chỉ giáo sĩ mà thương nhân nước ngoài cũng được phép tự do đi lại trong lãnh thổ đế chế Trung Hoa. Thậm chí mãi đến đời nhà Minh, Trung Quốc còn chưa hề có hiện tượng bài ngoại. Hơn 100 năm trước, Tôn Trung Sơn đã kêu gọi Mỹ: Người Trung Quốc bản tính không phải là dân tộc đóng cửa, bài ngoại. Sau này, vì sao xuất hiện hiện tượng bài ngoại? Đó là do phương Tây sử dụng tàu to pháo lớn để xâm lược và cướp bóc Trung Quốc, Trung Quốc chỉ có thể vùng lên chống lại. Nói một cách chính xác, đây không phải là “bài ngoại”, mà là “chống trả thế lực bên ngoài”.

Khái quát của Tôn Trung Sơn: Xây dựng đất nước bằng vương đạo chứ không phải bá đạo

Tính cách Trung Quốc là tính cách vương đạo chứ không phải tính cách bá đạo; Trung Quốc dựng nước dựa vào vương đạo chứ không phải nhờ vào bá đạo. Vương đạo là tôn chỉ quốc gia, cũng là đạo đức quốc gia của Trung Quốc.

Về đạo đức quốc gia dựng nước bằng vương đạo, trong tác phẩm “Chủ nghĩa Tam dân”, Tôn Trung Sơn đã phân tích kỹ: “Nói đến vương đạo vốn có của Trung Quốc, thì điều đầu tiên mà người Trung Quốc cho đến nay không thể quên là trung hiếu, tiếp đến là nhân ái, rồi đến tín nghĩa, hoà bình. Những người nước ngoài làm ăn rất lâu trong nội địa Trung Quốc thường ca ngợi người Trung Quốc, rằng người Trung Quốc nói ra một câu còn giữ chữ tín hơn cả người nước ngoài lập hợp

đồng. Còn nói về chữ “nghĩa” thì ngay cả thời rất cường thịnh, Trung Quốc cũng không đi thôn tính nước khác. Ví dụ nước Triều Tiên trước đây về danh nghĩa là phiên thuộc của Trung Quốc, trên thực tế lại là một nước độc lập, mấy nghìn năm Trung Quốc hùng mạnh mà Triều Tiên vẫn tồn tại, còn Nhật Bản mạnh lên trong 20 năm đã thôn tính Triều Tiên. Người Trung Quốc trong mấy nghìn năm yêu chuộng hoà bình cũng đều xuất phát từ thiên tính. Nói đến cá nhân thì nặng về khiêm nhường, bàn đến chính trị thì nói: “Ai không ham giết người sẽ thống nhất được thiên hạ” (Mạnh Tử), với người nước ngoài thì khác hẳn. Cho nên đạo đức truyền thống của người Trung Quốc trước đây như trung hiếu, nhân ái, tín nghĩa đương nhiên là hơn hẳn người nước ngoài, nói đến đạo đức hoà bình cũng vượt trên người nước ngoài. Đạo đức tốt đẹp đó là văn hoá tinh thần của dân tộc chúng ta. Sau này chúng ta không những phải giữ gìn mà còn phải phát huy hơn nữa tinh thần đó.

Tính cách Trung Hoa nhất định sẽ đi ra với thế giới: Đạo chính thống trên cõi nhân gian là vương đạo

Trong lịch sử thế giới cận đại, cuộc đọ sức và xung đột giữa văn hoá vương đạo và văn hoá bá đạo chính là sự đối lập của văn hoá chiến lược nước lớn, sự cạnh tranh giữa văn hoá phương Đông và văn hoá phương Tây.

Ngày 28/11/1924, tại Nhật Bản, trong bài “Diễn thuyết trước các tổ chức ở hội nghị thương mại Kobe”, Tôn Trung Sơn đã đưa ra một vấn đề như sau: “So sánh giữa văn hoá bá đạo với văn hoá vương đạo thì văn hoá nào có lợi cho chính nghĩa và nhân đạo? Văn hoá nào có lợi cho quốc gia và dân tộc?”. Trả lời của Tôn Trung Sơn trong buổi diễn thuyết đó là: Trào lưu văn hoá thế giới là thứ văn hoá cường quyền mưu lợi, cần phải phục tùng văn hoá đạo đức nhân nghĩa của

phương Đông. Đó chính là bá đạo phục tùng vương đạo thì nền văn hoá thế giới mới ngày càng trong sáng. Trong lần diễn thuyết đó, Tôn Trung Sơn đã cảnh báo với Nhật Bản: “Gần đây quốc gia châu Á học thứ văn hoá vũ lực của phương Tây trọn vẹn nhất là Nhật Bản. Dân tộc Nhật Bản các ngài vừa có văn hoá bá đạo của Âu Mỹ, lại vừa mang bản chất vương đạo của phương Đông. Đối với tiền đồ của văn hoá thế giới sau này, các ngài làm chim ưng, chó săn của bá đạo phương Tây hay làm thành trì của vương đạo phương Đông sẽ do người dân Nhật Bản các ngài xem xét kỹ lưỡng, lựa chọn thận trọng”.

Nhà sử học người Anh Joseph Toynbee đã dự báo trong tác phẩm “Triển vọng thế kỷ XXI”: Thế giới thống nhất là con đường tránh cho nhân loại khỏi tự sát tập thể. Dự báo sự thống nhất của thế giới sẽ được thực hiện trong hoà bình. Về điểm này, trong các dân tộc hiện nay, có một dân tộc đã chuẩn bị đầy đủ nhất, đó là dân tộc Trung Hoa với phương pháp tư duy độc đáo được xây dựng hơn hai nghìn năm qua.

2. Tính cách Trung Hoa tạo nên “hiện tượng Trung Hoa”

Quốc gia bá đạo” đương nhiên xuất hiện “hiện tượng bá đạo” như “cường quyền”, “xâm lược”, “chiếm đóng”, “thực dân”..., đó là biểu hiện của bản chất quốc gia bá đạo. “Hiện tượng Trung Quốc” được thể hiện ở “Trung Quốc vương đạo” là sự thể hiện tính cách quốc gia như “cao thượng”, “văn minh”, “từ thiện”, là sự thể hiện tính chất của quốc gia Trung Quốc.

Rất nhiều nước nói tiếng Anh, chỉ một nước nói tiếng Hán

Trong 6 loại ngôn ngữ làm việc của Liên hợp quốc, có 5 ngôn ngữ không chỉ là tiếng nói chính thức của một nước mà là ngôn ngữ chính thức của nhiều nước.

Theo số liệu thống kê, tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức của 45 quốc gia. Anh, Mỹ, Canada, Ôxtrâyli-a, Niu Dillân đều là những nước lấy tiếng Anh làm tiếng mẹ đẻ.

Toàn thế giới có 200 triệu người nói tiếng Pháp, trong đó có 60 triệu người Pháp; hơn 20 nước lấy tiếng Pháp làm ngôn ngữ chính thức.

Hiện nay trên thế giới có 110 triệu người nói tiếng Đức, 3 nước lấy tiếng Đức làm ngôn ngữ chính thức là Đức, Áo, Liechtenstein.

Toàn thế giới có 350 triệu người nói tiếng Tây Ban Nha, hơn 20 nước lấy tiếng Tây Ban Nha làm ngôn ngữ chính thức.

Ngôn ngữ chính thức của Liên Xô là tiếng Nga, sau khi Liên Xô tan rã thành 15 nước, có 4 nước lấy tiếng Nga làm ngôn ngữ chính thức là: Nga, Bêlarút, Cadắcxtan và Cươguxtan.

Hiện nay chỉ có 1 nước lấy tiếng Hán làm tiếng mẹ đẻ và ngôn ngữ chính thức, đó là Trung Quốc.

Trên thế giới, từ xưa tới nay chỉ có 1 nước lấy tiếng Hán làm ngôn ngữ chính thức. Điều đó chứng tỏ quốc gia này chưa từng đi xâm lược nước khác, từ trước tới nay chưa từng bành trướng đất nước mình. Còn mấy chục quốc gia nói tiếng Anh đều là những nước từng bị đế quốc Đại Anh chinh phục và thành thuộc địa, là những nước bị người Anh chiếm đóng, sau đó là chiếm hữu.

Trung Quốc chưa từng thiết lập “Trung Quốc hải ngoại”

Sự trỗi dậy của các nước phương Tây luôn gắn liền với xâm lược, bành trướng, thực dân, buôn bán nô lệ. Năm 1441, đoàn thám hiểm do nhà hàng hải Hăngri được Bồ Đào Nha cử

đi đã đem về hơn 10 nô lệ da đen từ châu Phi, là sự khởi đầu của người châu Âu thời cận đại trực tiếp buôn bán nô lệ da đen châu Phi. Từ đó cuộc thám hiểm của ông ta được tiến hành đồng thời với xâm chiếm thuộc địa và buôn bán nô lệ. Phát hiện là chiếm đóng, dấu chân của đoàn thám hiểm để lại ở nơi nào, nơi đó là đường biên giới lãnh thổ quốc gia Bồ Đào Nha. Đặc biệt từ năm 1481 Joao Đệ Nhị sau khi lên ngôi vua, Tây Ban Nha đã tuyên bố thành lập “Đế quốc Tây Ban Nha hải ngoại”. Còn Trung Quốc từ xưa đến nay chưa hề xây dựng tư tưởng và hành động thực tiễn về “Trung Quốc hải ngoại”, không có lịch sử xây dựng “Trung Quốc hải ngoại”.

Vì sao người Trung Quốc không thiết lập “Trung Quốc hải ngoại”? không phải vì người Trung Quốc không có năng lực hàng hải và khả năng chinh phục mà vì người Trung Quốc không có cái tâm bành trướng. Ở phương Tây, những nước được gọi là cường quốc hàng hải thì đã phát hiện là chiếm đóng, còn Trung Quốc phát hiện nhưng không chiếm đóng, đã phát hiện là có quan hệ hữu nghị.

Các nước phương Tây còn tung hỏa mù, đả kích Trung Quốc về vấn đề Tây Tạng, Tân Cương. Một thanh niên Trung Quốc đã phản bác luận điệu này, được đăng tải rộng rãi trên internet. Người thanh niên Trung Quốc 21 tuổi du học ở Canada ấy đã làm một đoạn video clip “Tây Tạng quá khứ, hiện tại và tương lai mãi mãi là một bộ phận của Trung Quốc”, đã nói với mọi người rằng: Nếu người phương Tây từ khắp mọi nơi như châu Mỹ, châu Đại Dương, châu Phi, châu Á... đều cuốn gói trở về châu Âu, Trung Quốc cũng sẽ rút khỏi Tây Tạng, nếu không, đừng nói với chúng tôi vấn đề này. Nếu như phương Tây thực sự có thể làm được điều đó thì các quốc gia phương Tây hiện nay sẽ có một nửa phải biến khỏi trái đất.

Người Trung Quốc “lá rụng về cội”, người Anh “cắm rễ bốn biển”

Người Trung Quốc rời khỏi đất nước mình vẫn luôn nhớ đến quê hương, muốn lá rụng về cội, còn người Anh xa đất nước là muốn chiếm ở bên ngoài một mảnh đất tốt mới để dựng nhà mới, thành lập một quốc gia mới do họ làm ông chủ. Họ gieo rắc hạt giống ra ngoài biên giới, cắm rễ khắp bốn biển. Trung Quốc vào thời Hán, thời Tam quốc, triều Tùy, thời kỳ đầu thế kỷ XIII đều có con đường tơ lụa, gồm đường tơ lụa trên đất liền và đường tơ lụa trên biển, những phát hiện lớn về địa lý của Trung Quốc còn sớm hơn người châu Âu rất nhiều, nhưng người Trung Quốc có “phát hiện lớn” chứ không có “chiếm đóng lớn”.

Cùng là chuyển dịch dân số nhưng người Trung Quốc không có “giấc mộng Trung Quốc hải ngoại”, xây dựng quốc gia mới ngoài biên giới của mình, còn người châu Âu với uy lực tàu to pháo lớn đã thực hiện liên tiếp nhiều “giấc mộng thực dân hải ngoại”. Sự trỗi dậy của châu Âu được thực hiện bởi cuộc di cư của hơn 60 triệu người ra bên ngoài thiết lập đất thuộc địa. Dân nước Anh di cư ra nước ngoài mở rộng thuộc địa lập nên rất nhiều “Anh quốc hải ngoại”. Còn Trung Quốc luôn ở trên lãnh thổ của mình, dựa vào sức mình để giải quyết vấn đề của mình. Chính phủ Trung Quốc không có kỷ lục tổ chức đông đảo dân di cư ra ngoài. Do nhiều nguyên nhân, Trung Quốc tuy có hơn 60 triệu người Hoa ở hải ngoại, nhưng chưa hề thiết lập một thuộc địa hải ngoại nào ở nước bản địa, chưa từng có một “Trung Quốc hải ngoại”.

Ngày nay, rất nhiều nước nói tiếng Anh trên thế giới tuy từ lâu không còn là một quốc gia, nhưng do giữa họ có mối quan hệ huyết thống gần gũi nên thường dễ kết nối thành liên minh, đặc biệt là với sự thúc đẩy của lợi ích chiến lược chung nào đó, nhân tố về mặt này dễ phát triển. Ngày 5/3/1946,

trong “Diễn văn trước bức màn sắt” nổi tiếng, Churchill đã kêu gọi thiết lập quan hệ đặc biệt giữa Anh và Mỹ, thực hiện sự thống trị của dân tộc nói tiếng Anh đối với thế giới, “không có sự liên kết của đồng bào các dân tộc nói tiếng Anh gắn bó như chân với tay thì sẽ không thể ngăn chặn có hiệu quả chiến tranh và tiếp tục phát triển tổ chức quốc tế”.

Trung Quốc xưa nay không có kế hoạch lớn chinh phục thế giới

Tất cả các nước lớn trỗi dậy trong thời kỳ cận đại đều đưa ra kế hoạch chiến lược phân chia thế giới, làm bá quyền thế giới, thậm chí sẵn sàng đẩy loài người đi đến huỷ diệt.

Trung Quốc thời cổ là nước văn minh, nước lễ nghĩa, nước thành tín, nước phòng thủ. Vì vậy, khái niệm ‘thiên hạ’ của người Trung Quốc xưa nay không vượt ra ngoài lãnh thổ Trung Quốc. Các thế hệ tinh hoa trong lịch sử Trung Quốc đều bàn chuyện trời đất, hoạch định kế sách, tổ chức lực lượng ở trên đất nước mình. Từ đế quốc Tần đến nước Trung Hoa mới, trong tư duy chiến lược của dân tộc Trung Hoa xưa nay không có tư duy chinh phục và thống trị thế giới.

Trung Quốc không hề ra đời những cương lĩnh và kế hoạch chiến lược chinh phục thế giới như “triết lý Tanaka” từng ra đời ở Nhật Bản “Muốn chinh phục thế giới, trước hết phải chinh phục Trung Quốc. Muốn chinh phục Trung Quốc, trước hết phải chinh phục Mãn Châu, Mông Cổ”.

Trung Quốc chưa hề ra đời cương lĩnh và kế hoạch từng xuất hiện ở Đức như “Tài liệu mật về ý đồ lớn của vua Đức” với mục tiêu thống trị toàn thế giới, phải “Chinh phục Pháp, thần phục Nhật Bản, quyết chiến với Mỹ”. Ngày 18/12/1940, mục tiêu chiến lược này của Đức lại được cụ thể hoá bằng Mệnh lệnh tác chiến số 21, mang mật danh “Kế hoạch Barbarossa” tiến công Liên Xô do Hítler ký. Kế hoạch này

yêu cầu trước khi kết thúc chiến tranh với Anh phải tấn công đánh bại Liên Xô bằng một cuộc viễn chinh thần tốc. Sau khi đánh bại Liên Xô và giải quyết xong vấn đề nước Anh, sẽ liên minh với Nhật Bản “quét sạch thế lực Anglusaxon” tại Bắc Mỹ. Dự kiến lực lượng thủy quân lục chiến hùng mạnh sẽ xuất phát từ căn cứ Greenland, Airolen, quần đảo Azor và Braxin đổ bộ lên bờ biển phía đông Bắc Mỹ; lực lượng xuất phát từ quần đảo Aleut và quần đảo Haoai đổ bộ lên bờ biển phía tây. Vì vậy Bộ thống soái quân đội Đức không những vạch kế hoạch chiến tranh xâm lược Liên Xô một cách chi tiết, mà còn vạch cả kế hoạch lâu dài xâm lược tấn công Anh, Mỹ, thống trị thế giới.

Trung Quốc không có kế hoạch chiến lược như “Di chúc Pie Đệ Nhất” từng xuất hiện ở Nga. Pie đại đế nói rằng dân tộc Nga mãi mãi được ánh sáng của thần linh soi đường và được thần linh ủng hộ, có sứ mệnh thống trị toàn bộ châu Âu. Trong thời đại châu Âu là trung tâm của thế giới, việc chinh phục và thống trị châu Âu cũng là chinh phục và thống trị thế giới.

Ở Trung Quốc cũng chưa từng xuất hiện ý tưởng chiến lược như kiểu “Biển Thái Bình Dương thành ao nhà của nước Mỹ”.

Trung Quốc có “viễn hàng,” châu Âu có “viễn chinh”

Cuối triều Minh, Trung Quốc là trung tâm kinh tế thế giới, tổng lượng kinh tế chiếm 45% của thế giới. Sản lượng sắt của triều Minh lớn gấp 2,5 lần triều Bắc Tống, năm đầu thời Vĩnh Lạc lên đến 9.700 tấn. Nước Nga khi đó là quốc gia có sản lượng sắt lớn nhất châu Âu cũng chỉ 2.400 tấn. Lực lượng quân sự triều Minh, đặc biệt là lực lượng quân sự trên biển hết sức lớn mạnh. Nhà nghiên cứu lịch sử khoa học kỹ thuật nổi tiếng Lý Ước Sắt cho rằng, trong lịch sử, hải quân triều

Minh có thể nổi trội hơn mọi quốc gia châu Á, thậm chí vượt trên mọi nước châu Âu cùng thời, tất cả các nước châu Âu liên kết lại cũng không thể địch nổi hải quân triều Minh. Paul Kennedy chỉ rõ: 1/3 sản lượng sắt thép toàn thế giới được dùng vào việc sản xuất vũ khí của đế quốc Minh. Triều Minh hùng mạnh nhưng không viễn chinh vì triều Minh không muốn bành trướng.

Nhà hàng hải lớn triều Minh là Trịnh Hoà ngày 11/7/1405 thống lĩnh một đội tàu hùng hậu bắt đầu tiến hành 7 cuộc hành trình lớn ra biển phía tây. Đến năm 1433, trong thời gian gần 30 năm, đội tàu của Trịnh Hoà đã lần lượt đi xa qua Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương, nơi xa nhất đến Biển Đỏ và bờ đông châu Phi. Hành trình trên biển của ông đã đặt chân lên hơn 30 quốc gia và khu vực. Bảy lần đi biển xa của Trịnh Hoà thường mỗi lần có khoảng 27.000 người đi theo, phải sử dụng hơn 260 tàu, trong đó có hơn 60 tàu cỡ lớn và vừa, lượng giãn nước của những tàu này khoảng 1500 tấn.

Côlômbô trong cuộc đời từng nhiều lần đến châu Mỹ, số tàu thuyền sử dụng khi ít nhất là 3 chiếc, khi nhiều nhất là 17 chiếc, lượng giãn nước của tàu thường là loại 100 - 200 tấn, số người đi theo khi ít nhất là 90, nhiều nhất là 1200-1500 người. Vasco Da Gama đã có hai lần hành trình đường biển đến Ấn Độ, lượng giãn nước của tàu thuyền sử dụng đều là loại 50 - 100 tấn.

Quân đội Trung Quốc trong 30 năm hành trình biển xa đã lần lượt đến hơn 30 nước, không sử dụng vũ lực để chinh phục một nước nào, không thiết lập một thuộc địa nào ở hải ngoại, không cướp đoạt của cải của một nước nào mà chỉ làm sứ giả hữu nghị thúc đẩy giao lưu kinh tế và văn hoá, là cuộc hành trình hoà bình hữu nghị. Những thuộc địa mà các nước thực dân phương Tây từ xa vạn dặm đến phương Đông chinh phục sau này là những nơi mà mấy chục năm trước đó Trịnh Hoà

đã từng đi qua. Vì sao Trung Quốc “viễn hàng chứ không viễn chinh?”. Bởi vì Trung Quốc tuy có đủ sức bành trướng và chiếm thuộc địa, nhưng không có chủ tâm bành trướng và chiếm đóng.

Năm 1433, trong chuyến đi biển xa lần thứ 7, Trịnh Hoà bị ốm chết. Do công cuộc đi biển xa vấp phải sự phản đối của nhiều đại thần nên vị vua mới lên ngôi của triều Minh đã xuống chiếu ra lệnh: “Cấm mọi tàu thuyền lớn đến các phiên quốc biển phía tây”. Sự nghiệp hàng hải của Trung Quốc bị xoá bỏ hoàn toàn. Những con tàu lớn quý giá của Trịnh Hoà đậu trong cảng vịnh của nhà vua dần dần mục nát. Không những thế, Bộ Binh của triều Minh còn thiêu trụi xưởng đóng tàu và mọi bản vẽ, tư liệu mà Trịnh Hoà đã dày công xây dựng trong nhiều năm.

Thế kỷ XV trong lịch sử thế giới là thời khắc quan trọng loài người đi từ thời đại lục địa sang thời đại hải dương. Trung Quốc vốn có lực lượng trên biển hùng mạnh nhất thời đó nhưng lại kiên quyết rút lui khỏi biển cả. Hegel từng than thở: “Người Trung Quốc đã quay lưng lại với biển”. Khi người Trung Quốc quay lưng lại với biển thì người châu Âu lại xông ra biển, mở đầu cho những phát hiện lớn về địa lý, sự chiếm đóng với quy mô lớn đất thuộc địa và sự cướp đoạt quy mô lớn nguồn của cải ở hải ngoại. Paul Kennedy còn chỉ rõ: Trong mọi nền văn minh trước cận đại, không có nền văn minh của nước nào phát triển hơn, tiên tiến hơn văn minh Trung Quốc. Ông cho rằng, nhân tố then chốt khiến Trung Quốc thụt lùi đơn thuần là tính bảo thủ của đám quan lại sùng tín học thuyết Khổng Tử. Tất cả những quan lại có địa vị quan trọng đều quan tâm bám giữ và phục hồi quá khứ chứ không mở ra tương lai tươi sáng hơn trên cơ sở mở mang và buôn bán ra hải ngoại. Điều này dẫn đến sự thù ghét nghề buôn và tư bản tư nhân trong tất cả tầng lớp trên của đế quốc Trung Hoa.

Người phương Tây phê phán người Trung Quốc bỏ mất biển khơi, chẳng phải họ đã chứng minh từ góc độ khác về dòng chính của trào lưu ý thức của người Trung Quốc thời đó là không bành trướng, không cướp đoạt, không thực dân hay sao?

Đã có mấy nước tuyên bố không sử dụng trước vũ khí hạt nhân?

Hiện nay trên thế giới có 8 quốc gia công khai sở hữu vũ khí hạt nhân (kể cả Triều Tiên), nhiều nước có nhiều vũ khí hạt nhân hơn Trung Quốc, cũng nhiều nước vũ khí hạt nhân ít hơn, nhưng cho đến nay, chỉ có 1 nước là Trung Quốc tuyên bố không sử dụng trước vũ khí hạt nhân.

Mỹ là nước có vũ khí nguyên tử sớm nhất trên thế giới, cũng là nước đầu tiên sử dụng vũ khí nguyên tử, là nước có số lượng vũ khí hạt nhân nhiều nhất và kỹ thuật hạt nhân tiên tiến nhất, nước có lực lượng quân sự thông thường hùng mạnh nhất, nhưng họ lại không chịu tuyên bố không sử dụng trước vũ khí hạt nhân. Cho đến nay, Trung Quốc là nước đầu tiên và cũng là nước duy nhất trên thế giới tuyên bố không sử dụng trước vũ khí hạt nhân. Tính cách quốc gia của Trung Quốc và Mỹ thể hiện trong vấn đề vũ khí nguyên tử khác nhau làm sao!

Trung Quốc không những là quốc gia sở hữu vũ khí hạt nhân đầu tiên tuyên bố không sử dụng trước loại vũ khí này, Trung Quốc còn tuyên bố không sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ khí hạt nhân với những nước và khu vực không có vũ khí hạt nhân. Trung Quốc đã đơn phương gánh vác nghĩa vụ mà những quốc gia hạt nhân khác không gánh vác. Trung Quốc chưa từng giúp những nước khác phát triển vũ khí hạt nhân, chính phủ Trung Quốc luôn thực hiện chính sách không chủ trương, không khuyến khích, không phổ biến vũ khí hạt

nhân.

Trong vấn đề vũ khí hạt nhân, chiến lược hạt nhân của Trung Quốc mang tính phòng ngự. Vũ khí hạt nhân của Trung Quốc không phải dùng để giết người mà dùng để phòng thân.

Toàn thế giới vui mừng khi thấy Tổng thống Mỹ Obama đưa ra lời kêu gọi xây dựng “Thế giới không có vũ khí hạt nhân”. Đây là công việc nặng nề và lâu dài. Để xây dựng “Một thế giới không có vũ khí hạt nhân”, trước hết phải xây dựng “Một thế giới trong đó những quốc gia hạt nhân không sử dụng trước vũ khí này”. Mỹ là nước đề xướng một thế giới không có vũ khí hạt nhân, liệu họ có thể noi gương Trung Quốc tuyên bố trước thế giới “Mỹ không sử dụng trước vũ khí hạt nhân” ?

Trung Quốc có “8 điều không thể” đối với Mỹ

Cùng với sự trỗi dậy của Trung Quốc, “Thuyết về mối đe dọa từ Trung Quốc” đang được lớn tiếng rêu rao. Những nước khác mang tâm lý lo ngại còn có nguyên nhân, nhưng người Mỹ hò hét về luận thuyết trên khiến người ta không khỏi suy nghĩ. Tính cách Trung Quốc đã quyết định rằng Mỹ không thể bị Trung Quốc đe dọa. Trung Quốc có “8 điều không thể” đối với Mỹ, Mỹ cũng có “8 điều yên tâm” về Trung Quốc.

1. Người Trung Quốc không phải là người Nhật trước năm 1945 - giữa Trung Quốc và Mỹ không thể có “Sự kiện Trân Châu Cảng”.

2. Người Trung Quốc không phải là người Đức trong thời kỳ hai cuộc đại chiến thế giới - Trung Quốc không thể sử dụng vũ lực để thách thức thế giới, không thể là nước bắn phát súng, nã phát pháo đầu tiên sang phía Mỹ.

3. Người Trung Quốc không phải là người Nga trước năm 1991 - không có nhu cầu đối phó với Mỹ bằng thủ đoạn Chiến tranh Lạnh, Trung Quốc không thể tiến hành Chiến tranh

Lạnh với Mỹ.

4. Kỹ thuật quân sự của Trung Quốc tuy lạc hậu hơn Mỹ, nhưng không bao giờ Trung Quốc lại có thể “ném bom nhầm” vào đại sứ quán Mỹ. Cho nên Đại sứ quán của Mỹ ở bất cứ nơi nào trên thế giới cũng đều không cần đề phòng bị máy bay Trung Quốc “ném bom nhầm”.

5. Máy bay trinh sát quân sự Trung Quốc không thể tới bờ Tây của Mỹ, tới cửa ngõ nước Mỹ để gây ra vụ việc “đụng nhau” với máy bay Mỹ, để phi công Mỹ phải rơi xuống biển.

6. Những nơi nào trên nước Mỹ xảy ra đòi độc lập, muốn ly khai, Trung Quốc cũng không thể thọc tay, không thể đưa ra “Luật Quan hệ” với một khu vực của Mỹ đòi độc lập, muốn ly khai, lại càng không thể bán vũ khí cho bọn họ.

7. Trung Quốc không thể thực hiện chiến lược “Phương Đông hoá”, “Phân hoá”, chiến lược “Diễn biến hoà bình” đối với Mỹ.

8. Trung Quốc không thể tổ chức ra các “đồng minh”, “liên minh” hữu hình cũng như vô hình nào để nhằm vào Mỹ.

Tuy nhiên, liệu Mỹ có thể để cho Trung Quốc yên tâm với 8 điều trên không?

3. Binh pháp Trung Quốc: Hoà bình là thượng sách

Tính cách của một quốc gia và dân tộc, có biểu hiện nổi bật và trực tiếp trong văn hóa quân sự của quốc gia, dân tộc đó. Trung Quốc là một nước lớn văn hoá quân sự, “binh pháp Trung Quốc” là báu vật của văn hoá quân sự Trung Quốc, là sự thể hiện và kết tinh của văn hoá chính trị Trung Quốc trong lĩnh vực quân sự. Nhìn nhận tính cách Trung Quốc từ binh pháp Trung Quốc, là một góc độ hết sức quan trọng.

Binh pháp hoà bình “không dùng gươm giáo mới là

thượng võ ”

Binh pháp hoà bình “không dùng gươm giáo mới là thượng võ” của Trung Quốc chính là đặt mục đích và mục tiêu của “chiến thắng” vào việc “không dùng gươm giáo”, cũng chính là đặt mục tiêu cuối cùng của đấu tranh quân sự vào “hòa bình”, chứ không phải đặt vào “chiến thắng”. Có thể nói, văn hoá quân sự của Trung Quốc không chỉ là văn hoá đánh thắng chiến tranh, giành được thắng lợi, mà quan trọng hơn là văn hoá ngăn chặn chiến tranh, giành được hoà bình.

Tổ tiên Hoa Hạ hơn 5000 năm trước, khi sáng tạo ra chữ “võ” khắc trên mai rùa, đã theo tinh thần “không dùng gươm giáo”, trao cho nó hàm nghĩa hoà bình. Truyền thống Hoa Hạ “không dùng gươm giáo mới là thượng võ”, đã quyết định mục đích của “thượng võ” Trung Quốc là “không dùng gươm giáo”, đã quyết định thực chất của tinh thần “thượng võ” Trung Quốc là tôn sùng “hòa bình”.

Danh ngôn của binh pháp Trung Quốc là “từ xưa biết đạo dùng binh thì không hiếu chiến”, quan niệm của người lính Trung Quốc là “từ xưa biết đạo dùng binh thì sẽ hòa bình”. Mức độ cao nhất của nghiên cứu quân sự, thực tiễn quân sự, không phải là “đánh bại kẻ thù”, mà là “giành được hoà bình”. Cho nên, binh pháp Trung Quốc là “binh pháp hoà bình”. Giá trị cốt lõi của binh pháp Trung Quốc, không phải “thắng lợi là thượng sách”, mà là “hoà bình là thượng sách”.

Xét về khả năng “đánh bại kẻ thù” thì người Mỹ có thể được coi là đứng đầu thế giới, nhưng xét về khả năng “giành được hòa bình” thì hoàn toàn ngược lại. Từ khi kết thúc Chiến tranh Lạnh đến nay, các cuộc chiến tranh “đánh bại kẻ thù” của Mỹ chưa một trận thất bại, nhưng Mỹ lại không có lấy một thành công trong nỗ lực “giành được hòa bình” sau chiến tranh, toàn bộ chiến trường quân sự thuận lợi bỗng trở thành

cạm bẫy và vũng lầy cho quân đội Mỹ. Kỹ thuật quân sự cao siêu của Mỹ và “binh pháp Mỹ” không thể giải quyết những khó khăn cho quân đội Mỹ, phải chăng người Mỹ cần phải tăng cường học tập và nghiên cứu binh pháp Trung Quốc?

Binh pháp phòng ngự : “Đánh đòn phủ đầu sau”

Binh pháp phòng ngự “đánh đòn phủ đầu sau” của Trung Quốc đó là “không tấn công”, không tiến hành đánh đòn phủ đầu trước, không gây chiến kẻ khác, không bắn phát súng đầu tiên.

Câu cửa miệng của người lính Trung Quốc qua các thời kỳ là “phòng bị trước khỏi lo hậu họa” và “luôn luôn phòng bị”, bao giờ cũng đặt vào chữ “phòng bị”. Quân đội và người lính Trung Quốc không lấy tấn công đánh đòn phủ đầu trước để giành lấy quyền chủ động chiến lược, mà lấy việc “luôn luôn phòng bị” để đối phó với các cuộc tấn công của kẻ khác, lấy “phòng bị trước” để bảo đảm “khỏi lo hậu họa”.

Không bắn phát súng đầu tiên, xuất quân có nguyên do chính đáng, đánh đòn phủ đầu sau là nguyên tắc chiến lược cơ bản. Điều này, về căn bản đã quyết định tính không tấn công, không xâm lược, không gây chiến trong văn hoá quân sự Trung Quốc, đã quyết định văn hoá quân sự Trung Quốc không phải là văn hoá mang tính tấn công trên phương diện chiến lược, mà là văn hoá mang tính phòng ngự, là văn hoá mang tính tự vệ, là văn hoá mang tính phản kích.

Mặc dù, binh pháp Trung Quốc là binh pháp kỳ diệu được thế giới công nhận, nhưng tinh thần chủ yếu mà binh pháp đề cập không phải là tấn công, mà là phòng thủ; chủ yếu nhấn mạnh tới tinh thần “đánh đòn phủ đầu sau”, chứ không phải là “đánh đòn phủ đầu trước”.

Đặc trưng căn bản của văn hoá quân sự Trung Quốc là phòng ngự tích cực về chiến lược, điều này hoàn toàn không

phủ định giá trị của mặt nghệ thuật tấn công trong binh pháp Trung Quốc. Chẳng qua mục đích căn bản của hình thức tấn công này vẫn là nhằm phòng ngự, chứ không phải nhằm chiếm lĩnh; là nhằm gìn giữ cái đã có, chứ không phải nhằm bành trướng. Hán Vũ Đế tài trí mưu lược kiệt xuất, việc quân đội nhà Hán thâm nhập sâu vào vùng sa mạc lớn đánh trả quân Hung Nô, mục đích cũng là nhằm lấy tấn công để phòng thủ, lấy chinh phạt để ngăn chặn, vẫn là thuộc phòng ngự tích cực.

Tính chất phòng ngự trong văn hoá quân sự Trung Quốc được cả thế giới công nhận. Học giả nổi tiếng người Mỹ Johh King Fairbank, nói: “Người ra quyết sách của Trung Quốc từ xưa đến nay đều nhấn mạnh chiến tranh mặt đất mang tính phòng ngự, hoàn toàn không giống với lý luận tấn công của chủ nghĩa bành trướng thương mại từng được thể hiện trong hành động của chủ nghĩa đế quốc châu Âu”.

Thomas Keli Rui, nói: “Trung Quốc sẽ sử dụng vũ lực giới hạn trong mục đích phòng ngự, là chịu ảnh hưởng bắt nguồn từ tư tưởng đạo đức của Đạo giáo và Nho giáo. Chiến tranh chỉ là biện pháp bất đắc dĩ, hơn nữa nhất thiết phải có lý do chính đáng, điều này thông thường là chỉ chiến tranh phòng ngự, nhưng không loại trừ chiến tranh mang tính trừng phạt, nhằm ngăn chặn hành vi lấy mạnh ức hiếp yếu”. Nhà truyền giáo phương Tây Matteo Ricci từng sống tại Trung Quốc gần 30 năm trong những năm Vạn Lịch thời nhà Minh tuyên bố: “Quân đội của triều Minh là đội quân có số lượng lớn nhất, được trang bị tốt nhất trên thế giới mà ông từng thấy, nhưng đội quân Trung Quốc này lại hoàn toàn dùng vào phòng ngự, không có bất cứ ý đồ nào muốn xâm lược nước khác”.

Theo thống kê của các sử gia Nga, từ năm 1700 - 1870, trong số 38 cuộc chiến tranh do người Nga phát động trong gần 170 năm, chỉ có 2 cuộc chiến tranh mang tính phòng ngự,

còn lại 36 cuộc chiến tranh đều mang tính tấn công. Trong khi đó, trong lịch sử hàng nghìn năm của Trung Quốc, khó thấy tiền lệ trong tình hình không bị tấn công Trung Quốc lại chủ động tấn công quốc gia và dân tộc khác.

Binh pháp mưu lược: “không đánh mà thắng”

“Binh pháp mưu lược” không cần đánh mà giành chiến thắng, đó là trong đấu tranh quân sự, không lấy sức mạnh để quyết định, mà lấy mưu lược để giành chiến thắng. Các nhà quân sự Trung Quốc qua các triều đại thường nhấn mạnh, là “mưu kế trước chiến đấu sau”, “định mưu trước hành động sau”, “nếu phải dùng binh thì dùng mưu trước làm gốc”. Họ coi trọng vận dụng mưu lược và sách lược, có thể lấy cái uy của quân đội để làm khiếp sợ, có thể lấy việc kết hôn để giảng hòa, có thể lấy việc bịt thành để ngăn chặn, có thể lấy bổng lộc và chức quyền để gia ân, có thể lấy lợi ích tiền bạc để giải quyết, có thể lấy giáo dục cảm hóa để giác ngộ... để đạt được mức độ “trận đánh nhỏ mà khuất phục được kẻ thù”, “không cần đánh mà khuất phục kẻ thù”. Trung Quốc cổ đại đã hình thành truyền thống “dụng kế”, “36 phép dụng kế” nổi tiếng của Tôn Tử, lưu truyền muôn đời. Binh pháp Trung Quốc, đó là phương thức tư duy và phương pháp tư duy “chú trọng mưu lược”, “dụng kế”. Binh pháp Trung Quốc kiên trì “thượng binh phạt mưu” (biện pháp quân sự tốt nhất là dùng mưu lược phá địch), “không cần đánh mà khuất phục kẻ thù”. Mục đích theo đuổi và thực hiện là thống nhất giữa giành thắng lợi quân sự và hạ thấp giá thành của chiến tranh. Học giả người Mỹ Arthur Waldron từng tổng kết: “Tư duy chiến lược của Trung Quốc từ xưa đến nay chủ trương dùng binh lực nhỏ nhất, thông qua vận dụng mưu lược, lợi dụng tối đa điều kiện khách quan”.

Thực chất của “binh pháp mưu lược” Trung Quốc, là cự

tuyệt dã măn, giảm thiểu thương vong. Binh pháp Trung Quốc chủ trương “giữ thành là thượng sách”, không chủ trương tấn công thành để chiếm đất phá thành, giết hại dân trong thành, đây là “binh pháp văn minh”, “binh pháp nhân nghĩa”. Văn minh và hiệu quả của việc dùng mưu lược để giành chiến thắng là ở chỗ có thể hạ thấp giá thành trong đấu tranh quân sự, giảm thiểu cái giá của việc giành thắng lợi và giành được hoà bình. Những gì binh pháp Trung Quốc thể hiện là văn minh quân sự của Trung Quốc.

Sự khác nhau giữa “Thuyết về chiến tranh ” của châu Âu và “Binh pháp Tôn Tử” của Trung Quốc

Nước Đức là quê hương của Clausewitz, “Chiến tranh luận” là kiệt tác của người Đức. Người Đức nhiệt tình khi đọc “Chiến tranh luận”, thì người Trung Quốc cũng không kém hứng thú khi đọc “Binh pháp Tôn Tử”. Đặc biệt là các nhà chính trị và quân sự Đức, ai cũng đọc “Chiến tranh luận”.

“Chiến tranh luận” được gọi là “Binh pháp Tôn Tử” của châu Âu. Nhưng tính cách và phẩm cách mà binh pháp châu Âu và binh pháp Trung Quốc phản ánh là không giống nhau. Tại châu Âu, binh pháp châu Âu là do chiến tranh châu Âu thúc đẩy sinh ra, và binh pháp châu Âu lại từng bước thúc đẩy chiến tranh châu Âu và đại chiến thế giới. Không ít các nhà chiến lược và quân sự châu Âu đã từng trải qua hai cuộc đại chiến thế giới, đều có chung một điều tiếc nuối, đó là không được thấy sớm “Binh pháp Tôn Tử”.

Vua Wilhelm II phát động đại chiến thế giới thứ Nhất, sau chiến tranh được đọc “Binh pháp Tôn Tử” của Trung Quốc, không nén nổi tiếng thở dài, nói: “Nếu như có thể được đọc ‘Binh pháp Tôn Tử’ của Trung Quốc sớm 20 năm, nhất quyết không thể gây ra bi kịch mất nước của Đức”.

Lidehate, người được cho là bậc thầy chiến lược phương

Tây— “Clausewitz của thế kỷ 20”, trong lời tựa của tác phẩm “Tôn Tử” bản dịch tiếng Anh năm 1963 có viết : “Trong thời kỳ trước khi xảy ra đại chiến thế giới thứ nhất, tư tưởng quân sự của châu Âu chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi ‘Chiến tranh luận’ nổi tiếng của Clausewitz. Giả sử những ảnh hưởng này có thể nhận được sự điều hoà và cân bằng của tư tưởng Tôn Tử, thì có lẽ những tổn thất to lớn mà văn minh loài người phải hứng chịu trong hai cuộc đại chiến thế giới của thế kỷ này, đã có thể tránh được không ít”.

“Binh pháp Tôn Tử” bán chạy khắp châu Âu sau chiến tranh, sau đó tiếp tục nhận được sự ưa thích khắp toàn cầu. Sức hấp dẫn của “Binh pháp Tôn Tử” trên thực tế đã phản ánh sức hấp dẫn của văn hoá quân sự Trung Quốc.

Trung Quốc là một nước lớn về binh pháp trên thế giới, nhưng từ xưa đến nay Trung Quốc không phải là một nước lớn về chiến tranh trên thế giới. Binh pháp Trung Quốc là binh pháp chính trị, binh pháp hoà bình, binh pháp phòng ngự, binh pháp mưu lược, binh pháp nhân nghĩa, binh pháp đạo đức, binh pháp văn minh và binh pháp lấy nhu khắc cương, lấy tĩnh chế động. Một bộ “Binh pháp Tôn Tử” là sự thể hiện điển hình của văn hoá quân sự Trung Quốc, là sự phản ánh tập trung của tính cách quân sự Trung Quốc, cũng là sự thể hiện nổi bật của tính cách chính trị Trung Quốc trong lĩnh vực quân sự.

4. Đế quốc Trung Hoa hùng mạnh mà không xứng bá

Đế quốc Trung Hoa là đế quốc duy trì với thời gian dài nhất trong lịch sử thế giới, là một “đế quốc trường thọ” danh xứng với thực. Nhưng quan niệm mà đế quốc Trung Hoa luôn luôn tuân thủ là “kẻ làm vương không ỨC HIẾP KHẮP NƠI, kẻ làm đế không phụ LẮNG GIỀNG”, trước sau luôn “to lớn mà

không ngang ngược”, “hùng mạnh mà không xưng bá”. “Đại đế quốc” và “Đại Hoàng đế” của đế quốc Trung Hoa đều có đặc sắc vương đạo rõ nét.

Nhà Tần hùng mạnh vì sao lại “xây dựng Trường thành”?

Đặc trưng của “đế quốc”, đó là hùng mạnh và tấn công, xâm lược và mở rộng. Đế quốc Trung Hoa là một đế quốc hùng mạnh trong lịch sử, nhưng hầu như khác với những đế quốc khác từng có trong lịch sử thế giới, vì đế quốc hùng mạnh này luôn là một đế quốc hướng nội, là một đế quốc mang tính gìn giữ cái đã có, là một đế quốc mang tính phòng ngự, là một đế quốc tự vệ, là một đế quốc đạo đức, là một đế quốc mang tính hoà bình, là một đại cường quốc có thể thân có thể tin.

Khởi điểm “đế quốc” của đế quốc Trung Hoa bắt đầu từ Tần Thủy Hoàng. Tần Thủy Hoàng được coi là “Hoàng đế đầu tiên” của đế quốc Trung Hoa, là người sáng lập đại đế quốc đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc. Đế quốc Tần xây dựng Trường Thành, đại Hoàng đế Tần Thủy Hoàng trở thành người thiết kế và lãnh đạo xây dựng công trình phòng ngự vĩ đại nhất trên thế giới. Sau khi Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Quốc, với lực lượng quân sự hùng mạnh của đế quốc, Tần Thủy Hoàng đã mệnh lệnh đại tướng Mông Điềm Bắc phạt Hung Nô, mục đích là lấy tấn công làm phòng thủ. Sau khi đánh đuổi quân Hung Nô, thu hồi các vùng đất bị chiếm đóng, đã cho xây dựng Trường Thành, khiến người Hồ không thể tiến xuống phía Nam tái xâm chiếm các vùng đất của Trung Quốc. Nhà Tần xây dựng Trường Thành không phải xây dựng ở vùng biên giới, mà là xây dựng bên trong khu vực biên giới của nhà Tần. Trong bối cảnh thế nước hùng mạnh, kỳ quan đó dùng để tiến hành phòng ngự và giữ thế thủ, chỉ

có tại Trung Quốc mới có thể nhìn thấy.

Nhà Tần xây dựng Trường Thành, đã thể hiện đặc tính gìn giữ cái đã có của đế quốc Trung Hoa. Trong mấy cao trào xây dựng Trường Thành của Trung Quốc, đều không phải là thời kỳ Trung Quốc suy yếu, mà là trong thời kỳ cường thịnh. Việc xây dựng Trường Thành với quy mô lớn dưới thời nhà Tần và nhà Minh, đều diễn ra trong thời kỳ sức mạnh quân sự hùng mạnh. Trường Thành, là một tín hiệu của đế quốc Trung Hoa, cũng là một dấu hiệu của đế quốc Trung Hoa. Ý nghĩa sâu xa của Trường Thành chính là cùng chung sống hoà bình, gìn giữ cái đã có mà không tấn công.

Nhà Hán, Đường vì sao sợ “triều cống”?

Trong nghiên cứu về hệ thống thế giới, có hai sự so sánh hệ thống có ý nghĩa rõ ràng là: “hệ thống triều cống” Đông Á và “hệ thống thực dân” châu Âu.

Trong “hệ thống triều cống” Đông Á thì đế quốc Trung Hoa là “thượng quốc”, một loạt nước xung quanh là “nước phiên thuộc”, giữa các nước phiên thuộc và thượng quốc luôn duy trì một dạng quan hệ tiến cống và tặng lại, với hệ thống láng giềng hòa thuận như một sợi dây gắn bó như vậy, là một dạng quan hệ hỗ trợ hữu hảo mang tính khu vực. Sức thu hút và sức ảnh hưởng của ưu thế chính trị, kinh tế và văn hoá của Trung Quốc cổ đại từng có, tự nhiên hình thành một dạng quan hệ khu vực như các ngôi sao vây quanh mặt trăng. Một số nước nhỏ trên danh nghĩa phụ thuộc vào vương triều thống trị của Trung Quốc, định kỳ cống nạp. Nhưng “hệ thống triều cống” lấy thông thương và giao lưu văn hoá làm nội dung chủ yếu và đặc trưng nổi bật trên thực tế có sự khác biệt rất lớn với mối quan hệ phụ thuộc về chính trị theo nghĩa vụ của các hiệp ước, càng khác với hệ thống thực dân và quan hệ thực dân của phương Tây. Trung Quốc từ xưa đến nay không phải

là quốc gia chủ nghĩa thực dân, cho đến ngày nay, trên thế giới chưa có một quốc gia, khu vực nào từng là thuộc địa của đế quốc Trung Hoa.

Quan hệ giữa thời kỳ nhà Hán, Đường của Trung Quốc với các nước xung quanh, được phương Tây gọi là “quan hệ triều cống”, mà quan hệ triều cống này xét về mặt bản chất là một dạng quan hệ giao lưu “có đi có lại”, giống như là một dạng giao lưu và qua lại giữa những người thân thích, không phải là quan hệ chinh phục, quan hệ thống trị, quan hệ khống chế, cũng không phải là quan hệ lãnh đạo. Văn minh Hoa Hạ “được truyền bá rộng rãi” và các nước xung quanh “đua nhau về triều”, thể hiện sức hút của quốc gia trung tâm, nói lên sức hướng tâm của các nước láng giềng đối với sự ngưỡng mộ của văn minh Trung Hoa. Trong quan hệ triều cống này, các nước nhỏ xung quanh không chỉ thu được lợi ích của cải vật chất, mà qua việc phong sắc của đế quốc trung ương có nền văn minh phát triển cao độ, còn có thể giành được địa vị “chính thống”, tăng cường tính hợp pháp chấp chính, đây cũng là một dạng lợi ích về chính trị.

“Hệ thống triều cống” Đông Á trong con mắt người nước ngoài như thế nào? Trong “Ghi chép về Trung Quốc” của mình, Matteo Ricci nói rằng: “phía Đông có 3 nước, phía Tây có trên 53 nước, phía Nam có trên 55 nước, phía Bắc có 3 nước, đều triều cống cho đế quốc Trung Hoa. Sự thực là những nước cống nạp này, khi đến Trung Quốc giao nộp cống phẩm, lượng tiền mà họ được mang về từ Trung Quốc còn lớn hơn nhiều so với lượng tiền mà họ phải tiến cống, vậy thì chính quyền Trung Quốc phải chẳng không quan tâm đến vấn đề cống nạp của các nước phiên thuộc”.

Tại Trung Quốc, Matteo Ricci đã phát hiện ra bí mật của việc các nước xung quanh “cống nạp” cho đế quốc Trung Hoa, thực ra đây là một phát hiện muộn. Việc các nước xung

quanh trước đây tấp nập cống nạp cho đế quốc trung ương, đều là một sự khó xử đối với đế quốc. Vì Trung Quốc với tư cách là “thượng quốc” đối với các “nước phiên thuộc”, là phải áp dụng chính sách “thi ân”, làm tròn trách nhiệm “khoản đãi”, duy trì quan hệ “thể diện”. Ngay từ thời nhà Hán, do phải thực hiện ưu đãi đối với các nước đến triều cống, phải tặng lại lễ vật cao hơn số “cống phẩm” vài lần, thậm chí cả chục lần, cứ thế mãi, làm cho quốc khố trống rỗng. Thời nhà Đường do “nhiều nước đến triều”, khiến cho triều đình không thể chịu được gánh nặng, buộc phải đưa ra quy định, hạn chế số lần triều cống, chỉ cho phép nước triều cống bao nhiêu năm đến một lần, nhằm hạn chế các nước nhiet tình “tranh nhau bá triều”.

Vì sao “khởi nghĩa nông dân” Trung Quốc lại đứng đầu thế giới?

Lịch sử thế giới cận đại đã xuất hiện một hiện tượng thú vị: đế quốc Trung Hoa “chiến tranh trong nước” nhiều, đế quốc phương Tây “chiến tranh ngoài nước” nhiều. Số lần khởi nghĩa nông dân ở Trung Quốc diễn ra nhiều, quy mô lớn có thể coi là nhất thế giới, chiến tranh trong nước nhiều hơn rất nhiều chiến tranh với bên ngoài.

Đế quốc Trung Hoa khi hùng mạnh không tấn công nước khác, khi tài nguyên thiếu thốn, mâu thuẫn nội bộ nổi cộm, cũng chưa bao giờ dùng biện pháp trút vạ khó khăn, chuyển dịch mâu thuẫn, hoá giải khủng hoảng, để gây chuyện rắc rối, phát động chiến tranh, mở rộng và xâm lược ra bên ngoài. Một nguyên nhân quan trọng mà các cuộc khởi nghĩa nông dân diễn ra liên tiếp và với quy mô lớn trong lịch sử Trung Quốc, là căng thẳng về tài nguyên đất đai, cạnh tranh lợi ích quyết liệt, khiến mâu thuẫn xã hội trầm trọng hoá. Một số nước phương Tây trong lịch sử quen sử dụng di dân ra bên

ngoài để mở mang thuộc địa, thông qua phát động chiến tranh để cướp đoạt đất đai, thông qua việc chuyển dịch mâu thuẫn và chuyển dịch dư luận của dân chúng ra bên ngoài để hoá giải quan hệ nội bộ, giữ gìn ổn định xã hội.

Điều gọi là “biện pháp hướng ra bên ngoài” này, trên thực tế là thông qua việc làm tăng thêm mâu thuẫn quốc tế để hoá giải mâu thuẫn trong nước, thông qua việc đấu tranh dân tộc bên ngoài để hoá giải đấu tranh giai cấp trong nước, thông qua chiến tranh bên ngoài để hoá giải chiến tranh trong nước. Trong khi đó, đế quốc Trung Hoa từ xưa đến nay lại không dùng phương pháp hướng ra bên ngoài, mà luôn vận dụng phương pháp hướng nội, làm cho tất cả mâu thuẫn tập trung giải quyết trong nước, kết quả là mâu thuẫn giai cấp trong nước trở nên gay gắt, chính quyền bị sụp đổ, xã hội thay đổi triều đại, do đó phải trả giá đắt.

Đó chính là đế quốc Trung Hoa, cho dù là thời kỳ khủng hoảng của chính trị đất nước, cũng là hướng vào trong nước, chỉ dằn vặt bản thân, mà quyết không hướng ra bên ngoài.

“Đại đế” Hoa Hạ giống như “Đại ca”

Tính cách của đế quốc Trung Hoa và những tính cách của các hoàng đế sáng lập và lãnh đạo đế quốc Trung Hoa có mối liên hệ hết sức chặt chẽ. Những “đại đế” làm nên những việc “rung trời chuyển đất” trong lịch sử Trung Quốc, từ Tần Hoàng đại đế đến Hán Vũ đại đế, cho tới Hoàng đế nhà Minh, đều không phải là đại đế xâm lược, đại đế bành trướng, mà là đại đế mang tính phòng ngự, đại đế mang tính tự vệ. Tần Thuỷ Hoàng tấn công chinh phạt sáu nước, mục đích giải quyết là vấn đề nội bộ của Trung Quốc khi đó, sau khi ông ta thực hiện thống nhất Trung Quốc, đã quyết tâm xây dựng Trường Thành.

Minh chủ anh quân qua các triều đại Trung Quốc, cho dù

là người sáng nghiệp hay là người kế thừa, đều hoạt động trong lãnh thổ quốc gia của mình, chỉ có ngoại lệ khi dân tộc Trung Nguyên bị dân tộc thiểu số bên ngoài như dân tộc Mông Cổ diệt vong. Cho nên, các đại đế Trung Quốc khác với các đại đế châu Âu như Luis XIV, Napoleon “dùng chiến tranh để vẽ lại bản đồ châu Âu”. Khi châu Âu tiến vào thời đại hàng hải lớn, bắt đầu đại bành trướng, nhưng tại Trung Quốc tình hình lại ngược lại. Khi Minh thái tổ khai quốc, liền quyết định cố thủ Trung Quốc trong nội địa, không tiếp tục phát triển hướng ra bên ngoài, ông đã truyền lại rõ ràng cho con cháu rằng: quân đội nhà Minh có tổng cộng 15 quốc gia vĩnh viễn không chinh phạt, bao gồm Triều Tiên, Nhật Bản, An Nam...

Năm 1421, sứ thần, thương nhân các nước đến Nam Kinh, mỗi lần đã có hơn 1200 người. Sau khi họ đến Trung Quốc, đều được Hoàng đế và đại thần Trung Quốc khoản đãi thịnh tình, khi về nước có sứ thần Trung Quốc hộ tống, những quốc vương, hoàng hậu và đại thần này đều coi việc được tới thủ đô Trung Quốc là điều may mắn lớn.

Đại đế Trung Hoa thiên đãi nước nhỏ, nước yếu. Hoàng đế Trung Quốc đối đãi với quốc vương nước nhỏ, giống như đại ca tiếp đãi tiểu đệ. Hùng mạnh mà không tấn công nước yếu, lớn mà không chinh phạt nước nhỏ; lấy đức để trị thiên hạ, lấy nhân để đối xử bốn phương. Đây chính là tính cách và phẩm cách, ranh giới và tiết tháo của Trung Quốc.

5. Trung Quốc và Mỹ khác biệt về “bất khả chiến bại

Trong một thế giới có quan hệ cạnh tranh quan hệ đối kháng và quan hệ đối địch, thì ranh giới lý tưởng mà một quốc gia hùng mạnh, một dân tộc vĩ đại có thể theo đuổi là gì?

Sự miêu tả của “binh pháp Tôn Tử” về hai ranh giới

“Binh pháp Tôn Tử” cho rằng: “bách chiến bách thắng cũng chưa phải là cách sáng suốt trong sự sáng suốt”; “không cần đánh mà khuất phục kẻ địch mới gọi là sáng suốt nhất trong sự sáng suốt”. “Binh pháp Tôn tử” đã chỉ ra hai ranh giới chiến lược khác nhau: một là ranh giới “không cần đánh mà khuất phục kẻ địch”, đây là ranh giới cao nhất, là ranh giới lý tưởng nhất, là ranh giới của “sáng suốt nhất trong sự sáng suốt”; và ranh giới “bách chiến bách thắng”, lại là ranh giới thứ cấp, cấp thấp, là ranh giới “chưa phải sáng suốt trong sự sáng suốt”. Trong thế giới ngày nay, mặc dù Trung Quốc và Mỹ đều là quốc gia theo đuổi “bất khả chiến bại”, chắc chắn là ở vào hai ranh giới khác nhau. Bất khả chiến bại của Trung Quốc và Mỹ, có sự khác biệt về bản chất.

“Bất khả chiến bại” mà Mỹ theo đuổi, là đánh bại bất cứ kẻ thù nào, đây là một dạng sức mạnh; trong khi đó, “bất khả chiến bại” của Trung Quốc, là không dựng nên bất cứ kẻ thù nào, đây là một dạng ranh giới. Tính cách quốc gia của Mỹ, có thể khái quát thành một chữ “bá”, mà tính cách quốc gia của Trung Quốc, có thể khái quát thành một chữ “nhân”. Trạng thái mà Mỹ muốn duy trì trên thế giới là “kẻ bá chủ vô địch”, trong khi đó ranh giới lý tưởng mà Trung Quốc theo đuổi trên thế giới là “nhân nghĩa bất khả chiến bại”.

“Bất khả chiến bại” của Trung Quốc: nhân nghĩa bất khả chiến bại

Bất khả chiến bại của Trung Quốc, là không dựng nên bất cứ kẻ thù nào trong thiên hạ. Trên thế giới, Trung Quốc không xác định quốc gia nào là kẻ thù của mình. Xét trên ý nghĩa này, Trung Quốc là một nước không có kẻ thù trên thế giới, Trung Quốc thực sự là vô địch thế giới — trên thế giới chưa có một nước nào là kẻ thù của mình.

Mục tiêu của Trung Quốc “bất khả chiến bại”, có 3 hàm nghĩa:

- Không theo đuổi bá quyền thế giới và thù địch với thiên hạ. Nước theo đuổi bá quyền thế giới, luôn coi nước khác là đối tượng bá quyền của mình, quốc gia như vậy tất yếu sẽ đắc tội thiên hạ, trở thành quốc gia thù địch với thiên hạ. Trung Quốc không theo đuổi bá quyền thế giới, cho nên quan hệ giữa Trung Quốc với các nước khác trên thế giới, không phải là quan hệ bá quyền với bị bá quyền, Trung Quốc sẽ không trở thành kẻ thù của thiên hạ.

- Không vì theo đuổi “hiệu ứng đối thủ” mà dựng nên kẻ thù. Nước Mỹ từ xưa đến nay có truyền thống dựng nên kẻ thù, đây là một đặc trưng và nội dung quan trọng của tư duy chiến lược Mỹ. Người Mỹ cảm thấy không có kẻ thù và đối thủ thì không kích thích được tinh thần, đất nước sẽ không có sức hội tụ và động lực, vì vậy luôn phải tìm kiếm và xác định kẻ thù, đây là một nhu cầu chiến lược của Mỹ. Trong khi đó, mục đích theo đuổi của Trung Quốc là “dung hòa với các nước”, là tạo ra môi trường không có kẻ thù và đối thủ, Trung Quốc coi ranh giới “khắp nơi không có kẻ thù” là ranh giới lý tưởng của mình, coi “bạn bè ở khắp năm châu” là tiêu chí thành công của mình. Trong thế giới ngày nay, Trung Quốc chưa coi bất cứ một quốc gia nào là “kẻ thù” của mình.

- Không sùng bái vũ lực và không muốn sử dụng vũ lực để chiến thắng kẻ thù. Văn hoá quân sự Trung Quốc tôn sùng “biến chiến tranh thành ngọc ngà tơ lụa”. Ví dụ, “chính sách hoà hiếu kết thân” trong lịch sử Trung Quốc, đó là biến kẻ thù thành thân thích, biến kẻ thù thành người thân. Trung Quốc lấy phương pháp hoà bình để hoá giải mâu thuẫn địch-ta, chứ không phải chủ trương sử dụng vũ lực, lấy binh khí đối phó với binh khí, không phải sùng bái lấy chiến tranh và vũ lực để giải quyết vấn đề. Lấy ngọc ngà và tơ lụa để hoá giải nạn can

qua, mới có hoà bình. Trong khi đó, lấy binh khí đối phó với binh khí, chiến thắng tạm thời như vậy sẽ để lại những mầm mống của sự thù hận lâu dài, thường có thắng lợi, mà không có hoà bình. Cái giá của chiến thắng và hậu di chứng của nó đã vượt qua cái giành được của thắng lợi, đó là một thắng lợi mang tính tai họa. “Bất khả chiến bại” như vậy, trên thực tế là đã tạo ra kẻ thù lớn hơn, lâu dài hơn cho chính bản thân. Ranh giới cao nhất của văn hoá quân sự Trung Quốc không phải là “đánh để thắng”, mà là “không đánh cũng thắng”: “Quan niệm về thắng lợi” của Trung Quốc là “giành chiến thắng mà không có thù hận”, “giành chiến thắng mà không có kẻ thù”, thắng lợi như thế này sẽ không đem lại sự thù hận mới và kẻ thù mới cho kẻ giành chiến thắng.

Nói tóm lại, “bất khả chiến bại” của Trung Quốc là “nhân nghĩa bất khả chiến bại”.

“Bất khả chiến bại” của Mỹ: kẻ bá chủ bất khả chiến bại

Nếu như nói “bất khả chiến bại” mà Trung Quốc theo đuổi là một loại ranh giới, đó là không dựng nên kẻ thù trong thiên hạ, không dùng vũ lực mà khiến quân binh vạn tướng của kẻ thù phải khuất phục. Vậy thì “bất khả chiến bại” mà Mỹ theo đuổi là một dạng sức mạnh, đó là sử dụng quả đấm để xây dựng cái uy, xây dựng và dựa vào một dạng sức mạnh siêu cường “đánh khắp thiên hạ mà không có đối thủ”.

“Bất khả chiến bại” kiểu Mỹ, luôn lấy bạo lực kiểm chế bạo lực, kết quả kẻ thù mà Mỹ đánh bại ngày càng nhiều, cũng khiến kẻ thù mà Mỹ phải tiếp tục đối phó cũng ngày càng nhiều.

Sau chiến tranh Lạnh, Mỹ trở thành một nước siêu cường độc bá hùng mạnh nhất trên thế giới, đồng thời cũng trở thành quốc gia không an toàn nhất trên thế giới, nguyên nhân ở chỗ mặc dù có sức mạnh quân sự bất khả chiến bại, nhưng lại

không có sức mạnh đạo đức bất khả chiến bại.

Mối nguy hiểm lớn nhất là trở thành kẻ thù của thế giới

Nước Mỹ “kẻ bá chủ bất khả chiến bại”, dựng nên kẻ thù ở khắp nơi, nước Mỹ là không an toàn nhất.

Sau Chiến tranh Lạnh, Mỹ không ngừng liệt kê ra hết nhóm này đến nhóm khác các nước thù địch, bao gồm cái gọi là một số “nước vô lại”, một số nước thuộc “trục ma quỷ”, một số nước cần phải tiến hành tấn công hạt nhân và hơn 40 nước phi dân chủ ... muốn biến một nửa các nước trên thế giới thành đối thủ và kẻ thù của mình. Sau sự kiện “11/9”, đầu tiên Mỹ liệt Iran, Iraq, Bắc Triều Tiên vào danh sách “trục ma quỷ”, sau đó Mỹ tiếp tục liệt Cuba, Liby, Syria vào danh sách này. Trong “Báo cáo đánh giá tình hình hạt nhân” do Bộ Quốc phòng Mỹ soạn thảo, đã đưa một loạt nước như Trung Quốc, Nga, Iraq, Bắc Triều Tiên, Iran, Liby, Syria... vào danh sách tấn công hạt nhân của Mỹ, đưa ra chiến lược đánh đòn phủ đầu trước. Trong báo cáo “Chiến lược tình báo quốc gia năm 2009” được Mỹ công bố gần đây, Mỹ lại đưa Trung Quốc và Nga vào danh sách những nước thách thức chủ yếu của Mỹ, đồng thời cũng liệt ra một số nước thách thức thứ yếu của Mỹ.

Giáo sư kinh tế học Viện Công nghệ Massachusetts, Lester Thurlow đã chỉ ra rằng: “Đế quốc La Mã kéo dài 1000 năm, Đại đế quốc Anh kéo dài 200 năm, vậy tại sao chúng ta chỉ duy trì chưa đến 50 năm đã bắt đầu xuống dốc?” Thử hỏi, một nước coi mấy chục quốc gia trên thế giới là đối thủ và thù địch với mình, thì làm sao mà có thể không đi đến suy tàn?

Tháng 3/2007, trong cuốn “Cơ hội thứ hai: ba nhiệm kỳ Tổng thống và nguy cơ của cường quyền siêu cường Mỹ”, Brzezinski đã tổng kết bài học về việc dựng nên kẻ thù trên thế giới qua 3 đời Tổng thống Mỹ trong 15 năm qua là Bush

(cha), Bill Clinton và Bush (con). Ông cho rằng, sau chiến tranh Lạnh, Tổng thống Mỹ trên thực tế đã trở thành Vua của thế giới, nước Mỹ của năm 1991 so với nước Mỹ của năm 1945 có môi trường an ninh hơn, nước Mỹ khi đó không có đối thủ và kẻ thù trên thế giới, đứng trước cơ hội ngàn năm có một. Nhưng nước Mỹ sau 15 năm trở thành nước lớn siêu cường duy nhất trên thế giới, lại phát hiện mình đang ở trong một thế giới đầy rẫy sự thù địch về chính trị, trở thành một quốc gia dân chủ đơn độc đáng thương. Sự thù địch của thế giới Hồi giáo đối với Mỹ không ngừng tăng lên, Trung Đông bị đẩy vào tình cảnh hỗn loạn, Iran ngày càng lớn mạnh tại khu vực vịnh Péc-xích, Nga căm giận bất bình, Trung Quốc đang thúc đẩy xây dựng cộng đồng Đông Á, Nhật Bản ngày càng bị cô lập hơn tại khu vực châu Á-Thái Bình Dương, trào lưu dân chủ hoá và trào lưu phản đối Mỹ ở khu vực Mỹ Latinh đồng thời phát triển, cơ chế không phổ biến hạt nhân bên bờ vực của sự sụp đổ, hình ảnh về sự thành tín và đạo đức của Mỹ đang bị tổn thương nghiêm trọng trên toàn thế giới, 3 vị Tổng thống đã kéo nước Mỹ tới hoàn cảnh hết sức nguy hiểm. Biện pháp chống chủ nghĩa khủng bố của Bush (con) là không ngừng lớn tiếng hô hào “sói đã đến rồi”, cố ý tạo ra không khí khủng hoảng trên cả nước, phóng đại các hoạt động khủng bố quốc tế vụn vặt lên đến cao độ đến mức ông ta tự cho mình là “Tổng thống thời chiến”, đã biến nước Mỹ thành một nước cô lập tự đóng cửa, ai nấy đều thấy nguy hiểm. Trong thời gian 15 năm sau Chiến tranh Lạnh, “sự thể hiện của 3 vị Tổng thống Mỹ của nước lớn siêu cường duy nhất lãnh đạo thế giới là hết sức tồi tệ”, Bush (con) còn được coi là “Tổng thống mang tính tai họa”. Vai diễn của Bush (cha) là “cảnh sát thế giới”, vai diễn của Bill Clinton là “nhạc công” của phúc lợi xã hội, còn vai diễn của Bush (con) là “đội trưởng bảo an”. Brzezinski cho rằng Bush (cha) chỉ có thể giành được điểm

“B”, Bill Clinton giành được điểm “C” và Bush (con) chỉ có thể giành điểm “F”, vì với tư cách là lãnh tụ toàn cầu, khi thực lực của Mỹ hùng mạnh nhất, họ lại làm cho nước Mỹ trở nên kinh hoàng ngờ vực, ai nấy đều phải tự vệ, khiến cho quốc gia hùng mạnh nhất trên thế giới trở thành quốc gia có tâm lý không an toàn nhất.

Rất hiển nhiên, một quốc gia đâu đâu cũng thấy thù địch trên thế giới, cho dù hùng mạnh như thế nào, đều không thể trở thành một quốc gia an toàn.

6. Đi tìm nguồn gốc : Thiên tính của Hoa Hạ

“Tính cách Trung Quốc” là một tính cách độc nhất trên thế giới, thổ nhưỡng và điều kiện hình thành của nó là gì? Những nhân tố nào đã tạo nên các tính cách ưu tú như hoà bình, lương thiện, không xâm lược, không bành trướng, nhân nghĩa, hữu nghị của dân tộc Trung Hoa? Đây là một vấn đề không dễ trả lời.

Những khác biệt lớn giữa văn minh nông nghiệp, văn minh du mục và văn minh đi biển

Văn minh nhân loại, được tạo nên trong thực tiễn sinh tồn và phát triển của nhân loại. Văn minh của nhân loại, đầu tiên là một phương thức sinh tồn và phương thức phát triển. Có bao nhiêu phương thức sinh tồn và phương thức phát triển, thì cũng có bấy nhiêu hình thức văn minh. Tính cách của một dân tộc, có mối quan hệ nguyên thủy nhất, trực tiếp nhất và then chốt nhất với phương thức sinh tồn và phương thức phát triển của dân tộc đó.

Nhìn từ tình hình lịch sử thế giới, văn minh nông nghiệp, văn minh du mục và văn minh đi biển là 3 phương thức sinh tồn khác nhau của nhân loại, cũng là 3 hình thức văn minh

khác nhau. Ba nền văn minh này biểu hiện sự khác nhau trên tính cách dân tộc của dân tộc nông nghiệp, dân tộc du mục, dân tộc đi biển.

Dân tộc du mục là dân tộc đòi hỏi chinh chiến và giỏi về chinh chiến, là dân tộc quân sự bẩm sinh. Họ được coi là dân tộc trên lưng ngựa, lấy việc phi ngựa phóng tên, di chuyển chăn nuôi để sinh sống, là dân tộc mang tính cách tấn công bẩm sinh. Dân tộc du mục là một doanh trại quân đội lưu động, mỗi người đều có thể múa kiếm vung đao, đều là chiến binh. Chăn nuôi, săn thú, chinh chiến, 3 kỹ năng kết hợp thành một khối tổng thể, khi mùa Đông cỏ khô nước cạn, gặp phải nạn tuyết rơi, hạn hán, thì việc xâm nhập và cướp đoạt những vùng đất canh tác màu mỡ đã trở thành sự tất yếu để duy trì sinh tồn, cho nên dân tộc du mục có đặc tính bẩm sinh là lưu động và tấn công.

Dân tộc đi biển, thực tế là dân tộc du mục trên biển. Khu vực hàng hải sinh tồn thường là khu vực bán đảo cần cỗi bạc màu không thích hợp cho việc canh tác nông nghiệp, họ chỉ có thể dựa vào nghề đi biển, thông qua việc mở rộng ra bên ngoài để tranh giành của cải, thông qua việc mở rộng thị trường ra bên ngoài và xây dựng thuộc địa, thông qua tranh đoạt bá quyền thương mại, nhằm thực hiện phát triển dân tộc. Thế là, thương mại kết hợp mật thiết với chinh phục, tàu buôn phát triển song song cùng tàu chiến, bành trướng và chiến tranh mở ra con đường đi đến giàu có, bản thân chiến tranh trở thành ngành công nghiệp tạo ra của cải, trở thành một phương thức sinh tồn và phương thức phát triển, trở thành mạch sống của dân tộc.

Văn minh nông nghiệp, là một văn minh tự cung tự cấp, tự làm tự hưởng. Phương thức sinh tồn này, so với văn minh du mục và văn minh hàng hải, thì tính mạo hiểm và tính nguy hiểm ít hơn, tính ổn định và tính hướng nội nhiều hơn. Bất cứ

sự động loạn và chiến loạn nào của xã hội, đều là tai họa cho văn minh nông nghiệp. Mưa thuận gió hoà, quốc thái dân an, là yêu cầu nội tại của văn minh nông nghiệp. Cho nên, văn minh nông nghiệp là văn minh “không tấn công”, là văn minh “không chiến tranh”. Trung Quốc từ xưa được coi là một nước lớn văn minh nông nghiệp, có xu hướng nội tại của văn minh nông nghiệp “muốn ổn định”, “muốn yên ổn”, đã hình thành tính chất đặc trưng văn hoá chiến lược yêu hoà bình không bành trướng.

“Truyền thống lục địa” và “truyền thống biển”: khác nhau rõ rệt

Hoàn cảnh địa lý, là điều kiện vật chất khách quan mà một quốc gia, dân tộc dựa vào để sinh tồn và phát triển. Hoàn cảnh địa lý có vai trò hết sức quan trọng đối với xu hướng chiến lược của một quốc gia, dân tộc. Thông thường mà nói, có hoàn cảnh địa lý như thế nào thì sẽ hình thành truyền thống văn hoá như thế đó.

Dân tộc Trung Hoa có truyền thống lục địa điển hình. Văn minh Hoa Hạ chủ yếu khởi nguồn từ lưu vực “lưỡng hà” Đông Á, đó là lưu vực Hoàng Hà và lưu vực Trường Giang. Lưu vực “lưỡng hà” rộng lớn, phì nhiêu, giàu có và đông đúc, đã tạo cho dân tộc Trung Hoa không gian vận hành và phát triển, khai thác và bảo vệ đất đai màu mỡ tươi đẹp này là lợi ích trung tâm của dân tộc Trung Hoa, phòng ngừa và đánh lui mối “đe dọa phương Bắc” đến từ dân tộc du mục là nhiệm vụ quốc phòng trường kỳ của dân tộc Trung Hoa. Sau năm 1840, các cuộc tấn công đến từ biển đã trở thành mối đe dọa chủ yếu mà dân tộc Trung Hoa phải đối mặt, mà khi đó trong cuộc tranh giành giữa quyền lợi lục địa của Trung Quốc với quyền lợi biển của phương Tây thì quyền lợi mà Trung Quốc cần bảo vệ là sự toàn vẹn của quyền lợi lục địa, chứ không phải là

tranh giành quyền lợi biển với phương Tây.

Chủ quyền của Trung Quốc, trước sau đều không đột phá khỏi phạm vi lục địa. Cho nên, văn hoá chiến lược của Trung Quốc, luôn là một dạng văn hoá bảo vệ lục địa theo mô hình phòng ngự, chứ không phải là văn hoá giành giữ quyền lực biển theo mô hình tấn công. Điều này đã quyết định tính khu vực, tính lục địa và tính hướng nội của tính cách quốc gia Trung Quốc.

Văn minh phương Tây lại có đặc trưng biển rõ rệt. Hoàn cảnh địa lý sinh ra văn minh phương Tây là “khu vực tam hải”, đó là Địa Trung Hải và vùng biển nối liền là biển Aegean và biển Adriatic. Địa Trung Hải là nguồn gốc và cái nôi của văn minh phương Tây. Khai phá mở rộng sau văn minh phương Tây, từ Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hà Lan đến Anh, cũng đều được tiến hành dọc theo tuyến bờ biển phía Tây của đại lục châu Âu. Cho nên văn minh phương Tây có tính bất kham trong cạnh tranh quyền lực biển, cuộn trào dữ dội giống như biển lớn so với sông lớn.

***Phương Tây bận rộn với “cạnh tranh giữa các quốc gia”
Trung Quốc mệt mỏi ứng phó với “triều đình hưng suy”***

Sự hình thành của các quốc gia, dân tộc phương Tây muộn hơn nhiều so với Trung Quốc. Văn minh phương Tây, là sự phát triển trong một thế giới của sự chia rẽ và phân tán cao độ. Cạnh tranh, xung đột và đối kháng giữa các quốc gia phương Tây, diễn ra trong một thời gian dài. Nếu như nói, văn hoá chiến lược của phương Tây là triển khai và tiến hành xoay quanh “sự đối kháng và cạnh tranh giữa các quốc gia”, trước sau đều có tính hướng ngoại mạnh mẽ, vậy thì, văn hoá chiến lược của Trung Quốc lại là sự triển khai và tiến hành xoay quanh sự “hưng suy của đế quốc” và sự “thay thế của triều đại”, có tính hướng nội mạnh mẽ.

Nhìn tổng quan lịch sử Trung Quốc có thể thấy, “nội chiến” xảy ra trong các triều đại Trung Quốc, vượt xa cạnh tranh, chiến tranh với bên ngoài. Nội chiến của Trung Quốc, một là biểu hiện sự tranh giành quyền lực, tranh giành địa vị chính thống trong nội bộ giai cấp thống trị; hai là biểu hiện trong chiến tranh giữa giai cấp thống trị và giai cấp lao động rộng lớn. Khởi nghĩa nông dân của Trung Quốc về số lượng và quy mô đều có thể nói là nhất thế giới. Trung Quốc từ rất sớm đã thực hiện “đại thống nhất”, việc đối phó với nguy cơ nội bộ, giải quyết mâu thuẫn nội bộ, làm tốt sự cân bằng và hợp lý luôn là vấn đề cơ bản liên quan đến sự hưng suy của vương triều và sự thay đổi chính quyền, đặc trưng chủ yếu của tư duy chiến lược của nó là “nhìn vào bên trong”. Theo cách nói của học giả người Mỹ, Wallerstein - tác giả của cuốn “Hệ thống thế giới hiện đại”, thì con đường văn minh Trung Quốc đi là “bành trướng nội bộ”, là một con đường phát triển theo kiểu nội hàm, Trung Quốc từ xưa đến nay chưa có một vương triều nào coi bành trướng ra bên ngoài là quốc sách cơ bản của mình.

Trong khi đó, thách thức mà các quốc gia phương Tây phải đối mặt, chủ yếu đến từ thế giới bên ngoài của sự cạnh tranh mạnh mẽ lẫn nhau, vấn đề cơ bản mà họ muốn giải quyết, là thông qua chiến tranh và bành trướng ra bên ngoài, đánh bại đối thủ cạnh tranh, mong muốn được sinh tồn phát triển. Cho nên, đặc trưng nổi bật của tư duy chiến lược phương Tây là “hướng ra bên ngoài”. Đúng như vị Tổng thống thứ 15 của Mỹ, James Buchanan từng nói: “Quy luật sinh tồn của đất nước chúng ta chính là mở rộng, dù rằng chúng ta muốn làm trái với nó, cũng không có khả năng”.

Sự khác nhau về phương hướng và đầu tư cho chiến lược trị quốc an bang giữa Trung Quốc và các quốc gia phương Tây, những ảnh hưởng khác nhau đối với tính cách quốc gia

và dân tộc, là một nhân tố quan trọng không thể coi nhẹ.

Sự đối lập của giá trị quan: theo đuổi “sự thực đúng sai” hay là sùng bái “sức mạnh lợi ích”

Tính cách dân tộc, là biểu hiện tập trung của văn hoá chiến lược dân tộc, là biểu hiện tập trung của giá trị quan hạt nhân dân tộc. Trung Quốc lấy tư tưởng Nho gia làm hình thái ý thức chủ đạo, là một hệ thống giá trị lấy đạo đức, đạo nghĩa làm trung tâm. Đặc trưng quan trọng của văn hoá chiến lược và giá trị quan hạt nhân của Trung Quốc là quan niệm có “thiện ác”, “phải trái” hết sức mãnh liệt: coi trọng cao độ sức mạnh của “đạo nghĩa”, nhấn mạnh “chính nghĩa thì được ủng hộ, thất đức thì không nhận được sự ủng hộ”, “ác giả ác báo”; về mặt quân sự thì kiên trì “xuất quân phải có lý do chính đáng”, chú trọng giương cao “quân đội chính nghĩa”, hành động vì “cuộc chiến chính nghĩa”.

Khác với văn hoá chiến lược theo “chủ nghĩa đạo nghĩa” mà Trung Quốc theo đuổi, văn hoá chiến lược mà phương Tây thực hiện là nguyên tắc “chủ nghĩa vị lợi”. Trong quan hệ giữa các quốc gia, ngoại giao “chủ nghĩa hiện thực” của phương Tây, lấy theo đuổi quyền lợi và lợi ích là mục tiêu, lấy cường quyền và sức mạnh làm biện pháp, coi trọng sự cân nhắc giữa cái lợi và cái hại, chứ không phải là sự đánh giá dựa trên đạo đức và đạo nghĩa. Trong quá trình trở dậy, thế giới phương Tây tuân thủ lôgic của tự nhiên của chủ nghĩa Darwin về xã hội “cạnh tranh tự nhiên, thích hợp thì tồn tại”, dựa theo lôgic của luật rừng và quy tắc của giới động vật kẻ mạnh bắt nạt kẻ yếu, tôn sùng cường quyền và vũ lực, thích chiến tranh và chinh phục. Bismarck nói: “nếu kẻ cường quyền khuất phục kẻ yếu bằng sức mạnh, đó chẳng qua chỉ là một quy luật cạnh tranh sinh tồn không thể chê trách”.

Thế giới phương Tây trong một thời gian dài chủ trương

“lợi ích cao hơn tất cả”, Trung Quốc từ thời cổ đại kiên trì “đạo nghĩa cao hơn tất cả”, đã hình thành sự khác biệt căn bản về văn hoá chiến lược và giá trị quan giữa phương Đông và phương Tây, đây là nhân tố văn hoá hình thành tính cách Trung Quốc.

Tính cách Trung Quốc coi trọng đạo nghĩa, địa vị và vai trò quan trọng của đạo nghĩa trong văn hoá chiến lược Trung Quốc cũng đã quyết định sự đánh giá và xem xét của đạo nghĩa, trở thành nhân tố quan trọng của quyết sách chiến lược của Trung Quốc. Phán đoán sai lầm của Mỹ về quyết sách chiến lược trong chiến tranh Triều Tiên đối với sự xuất hiện của Trung Quốc, mặc dù nguyên nhân của nó có nhiều, nhưng nó có mối quan hệ rất lớn đối với việc Mỹ đánh giá thấp sức nặng của nhân tố đạo nghĩa trong quyết sách chiến lược quân sự của Trung Quốc.

7. Mãi mãi không phai màu “Trung Quốc vương đạo”

“Trung Quốc vương đạo” là bản sắc quốc gia của Trung Quốc. Khi Trung Quốc trở thành quốc gia hùng mạnh nhất thế giới, bản sắc này cũng không hề thay đổi. Làm thế nào để mãi mãi giữ bản sắc “Trung Quốc vương đạo”? Tính cách Trung Hoa hấp dẫn lòng người làm thế nào mới có thể không xảy ra thay đổi?

“Một vạn năm nữa, chúng ta cũng không xâm lược kẻ khác”

Ngày 30/1/1962, phát biểu tại Hội nghị công tác trung ương mở rộng, Mao Trạch Đông nói: “Năm 1961, tôi nói chuyện với Montgomery, ông ta nói qua 50 năm nữa, các bạn sẽ rất mạnh. Ý của ông ấy muốn nói là, qua 50 năm chúng ta sẽ lớn mạnh, và sẽ “xâm lược” kẻ khác, còn trong vòng 50

năm vẫn sẽ chưa xảy ra điều gì. Năm 1960 khi đến Trung Quốc ông ấy đã nói với tôi điều này. Tôi nói chúng tôi là những người đi theo chủ nghĩa Mác-Lênin, đất nước của chúng tôi là quốc gia chủ nghĩa xã hội, không phải là quốc gia chủ nghĩa tư bản, vì thế, một trăm năm hay một vạn năm, chúng tôi cũng không xâm lược kẻ khác”.

Trong bài phát biểu quan trọng ngày 29/5/1984, Đặng Tiểu Bình đã chỉ ra: Trung Quốc hiện nay thuộc thế giới thứ ba, tương lai sẽ phát triển giàu mạnh, nhưng vẫn thuộc thế giới thứ ba. Trung Quốc vĩnh viễn không xưng bá, vĩnh viễn không ức hiếp kẻ khác. Trong buổi nói chuyện ngày 4/4/1986, Đặng Tiểu Bình nói: “Nếu một tỷ người dân Trung Quốc không kiên trì chính sách hoà bình, không phản đối chủ nghĩa bá quyền, hoặc cùng với việc phát triển kinh tế tự mình thực hiện chủ nghĩa bá quyền, như vậy cũng là một tai họa cho thế giới, cũng là sự thụt lùi của lịch sử. Một tỷ người dân Trung Quốc kiên trì chủ nghĩa xã hội, một tỷ người dân Trung Quốc kiên trì chính sách hoà bình, làm được cả hai việc này, thì con đường của chúng ta đã đi là đúng và có thể có những đóng góp to lớn cho nhân loại”.

Vĩnh viễn không ức hiếp kẻ khác là quan niệm mà Trung Quốc đã kiên định trong tai họa bị ức hiếp hàng trăm năm. Tôn Trung Sơn lúc sinh thời cũng nhiều lần nhắc nhở: Sau khi dân tộc Trung Hoa phục hưng, quyết không thể học theo bá đạo của phương Tây, khắp nơi chinh phạt báo thù, mà cố gắng giữ vương đạo của phương Đông, chủ trì công lý và chính nghĩa của thế giới. Khi sinh thời, Mao Trạch Đông từng tuyên bố trước toàn thế giới: Trung Quốc “không xưng bá”.

Vĩnh viễn không ức hiếp kẻ khác, là lời hứa trang trọng hướng tới tương lai của Trung Quốc đối với thế giới, là quốc sách cơ bản mà Trung Quốc vĩnh viễn kiên trì.

Vì thế giới, Trung Quốc bênh vực kẻ yếu

Năm 1924, trong “Chủ nghĩa tam dân”, Tôn Trung Sơn nói: “Chúng ta hôm nay phải khôi phục lại chủ nghĩa dân tộc của Trung Quốc đã mất, dùng sức mạnh của hơn 400 triệu người này để bênh vực kẻ yếu trên thế giới, đây mới được coi là sứ mệnh của 400 triệu người của chúng ta”.

Tôn Trung Sơn cho rằng, khi Trung Quốc đạt tới địa vị đứng đầu thế giới, Trung Quốc không những phải khôi phục địa vị của dân tộc, mà còn phải đảm nhận trách nhiệm lớn lao đối với thế giới. Nếu Trung Quốc không thể gánh vác trách nhiệm này, vậy thì Trung Quốc cường thịnh, sẽ là đại họa cho thế giới, không có đại lợi. Trung Quốc phải gánh vác trách nhiệm gì đối với thế giới? Đó là trước hết phải quyết định một chính sách cứu giúp kẻ yếu, đây mới là sứ mạng của dân tộc chúng ta. Đối với những dân tộc nhỏ yếu chúng ta phải nâng đỡ họ, đối với các nước liệt cường chúng ta phải chống lại họ. Nếu nhân dân cả nước đều cùng có chí hướng đó, dân tộc Trung Hoa mới có thể phát triển. Nếu như không có cùng chí hướng đó, dân tộc Trung Hoa sẽ không có hy vọng.

Theo cách nhìn nhận của Tôn Trung Sơn, Trung Quốc sau khi hùng mạnh lên, không chỉ không thể dựa vào kẻ mạnh bắt nạt kẻ yếu, mà còn phải bênh vực kẻ yếu, phải chủ trì công lý, phải tận tâm với trách nhiệm, vì thế giới mà bênh vực kẻ yếu.

Hoan nghênh Mỹ cân bằng với Trung Quốc

Ngày 27/10/2009, trong buổi tiệc chiêu đãi chúc mừng 25 năm thành lập “Hội đồng thương mại Mỹ-ASEAN” tại Washington, Lý Quang Diệu đã có bài phát biểu với tựa đề “Trật tự thế giới sẽ cân bằng trở lại”, phát biểu này là đại diện điển hình cho “Thuyết cân bằng Trung Quốc” trong cộng đồng quốc tế. Lý Quang Diệu cho rằng, khi Trung Quốc trở

dậy thành một cường quyền ở đỉnh cao, các quốc gia châu Á khác đều không thể địch nổi, nếu như Mỹ không tích cực tham gia các công việc trong khu vực châu Á-Thái Bình Dương, kiểm chế sức mạnh kinh tế và quân sự của Trung Quốc, thì sẽ đánh mất địa vị lãnh đạo toàn cầu.

Làm thế nào để cân bằng Trung Quốc? Đó chính là sự cân bằng trên 3 ý nghĩa: Ý nghĩa thứ nhất là sự cân bằng lấy “kiềm chế” làm nội dung chính, thực chất của sự cân bằng này là kiềm chế; việc cân bằng Trung Quốc trên ý nghĩa này chính là kiềm chế Trung Quốc; đối với vấn đề này, đương nhiên phải kiên quyết tẩy chay. Thứ hai là sự cân bằng lấy “thích ứng” làm nội dung chính, đó là phải căn cứ tỷ trọng mới của sự thay đổi sức mạnh, xây dựng và hình thành cục diện hệ thống mới tiến cùng thời đại, sự cân bằng này cần tích cực thúc đẩy. Thứ ba là sự cân bằng lấy “giữ cân bằng” làm nội dung chính, đó là giữ cân bằng đối với lực lượng tăng trưởng tốc độ nhanh và lực lượng đứng đầu thế giới, làm cho nó không dẫn đến việc làm mất đi sự giám sát và kiềm chế, đưa tới sự mất cân bằng nghiêm trọng đối với sức mạnh và hành vi; đối với sự cân bằng của ý nghĩa thứ 3, nên giữ thái độ hoan nghênh.

Nguyên nhân bên trong của sự hình thành chủ nghĩa bá quyền là việc thực hiện chính sách quốc gia cường quyền bá đạo. Mà nguyên nhân bên ngoài của sự tồn tại chủ nghĩa bá quyền là thiếu sự kiềm chế của lực lượng bên ngoài có đủ sức mạnh. Sau khi kết thúc chiến tranh Lạnh, chủ nghĩa bá quyền Mỹ hoành hành ngang ngược, đâu đâu cũng múa súng vung đao, vì Mỹ là một siêu cường, không có lực lượng nào có thể kiềm chế, kìm hãm nó.

Xây dựng “Trung Quốc vương đạo”, giữ gìn tính cách Trung Quốc, ngăn chặn việc tiêm nhiễm thói xấu bá quyền theo mô hình nước Mỹ sau khi trở thành quốc gia đứng đầu

thế giới hùng mạnh nhất thế giới, vừa phải dựa vào “đức trị” dựa vào “tự kiểm chế”, cũng vừa phải dựa vào “pháp chế” dựa vào sự kiểm chế của sức mạnh bên ngoài. Truyền thống “Trung Quốc vương đạo” hàng nghìn năm trong lịch sử, hoàn toàn không đủ để đảm bảo Trung Quốc khi bước lên đỉnh cao sức mạnh trên thế giới vẫn nhất định giữ được “Trung Quốc vương đạo”, vẫn không nảy sinh những thay đổi của tính sách quốc gia. Một nước Mỹ thiếu sự giám sát quốc tế có hiệu quả và sự kiểm chế quốc tế mạnh mẽ tất đem lại cho thế giới sự hoành hành ngang ngược của chủ nghĩa bá quyền, khiến cho thế giới gặp phải tai họa và cũng khiến nước Mỹ suy yếu. Một thế giới mất cân bằng về sức mạnh khó trở thành thế giới ổn định, hoà bình. Trung Quốc đi theo con đường mới trời dậy hoà bình, hoàn toàn không muốn trời dậy thành một “nước lớn siêu cường” thoát khỏi sự kiểm chế của cộng đồng quốc tế. Thế giới hài hoà mà Trung Quốc muốn xây dựng, đầu tiên là sự hài hoà giữa Trung Quốc với thế giới, là sự cân bằng giữa Trung Quốc với thế giới. Ngày 7/5/1978, trong bài phát biểu “Thực hiện 4 hiện đại hoá, vĩnh viễn không xưng bá”, Đặng Tiểu Bình nói: “Trung Quốc vĩnh viễn không xưng bá. Tư tưởng này hiện nay mọi người có thể lý giải, vì Trung Quốc hiện nay vẫn rất nghèo, là quốc gia thuộc thế giới thứ ba không hơn không kém. Vấn đề là trong tương lai khi chúng ta đã phát triển lên, tiến hành hay không tiến hành chủ nghĩa bá quyền. Nếu như khi đó Trung Quốc lên mặt, xưng vương xưng bá trên thế giới, chỉ tay năm ngón, như vậy sẽ tự mình khai trừ khỏi thế giới thứ ba, khẳng định không còn là quốc gia xã hội chủ nghĩa nữa”. Những dự báo của Đặng Tiểu Bình khiến mọi người suy ngẫm sâu xa.

Thế giới trong tương lai cần phải tái cân bằng Trung Quốc. Trung Quốc trong tương lai cũng cần một thế giới cân bằng. Trung Quốc hoan nghênh Mỹ cân bằng Trung Quốc

trên ý nghĩa tích cực, Trung Quốc cũng hoan nghênh thế giới cân bằng Trung Quốc trên ý nghĩa tích cực.

Tóm lại, bảo đảm “Trung Quốc vương đạo” vĩnh viễn không phai màu, xây dựng “Trung Quốc vương đạo” hùng mạnh nhất thế giới, chính là phải xây dựng một đại cường quốc vĩnh viễn không ức hiếp kẻ khác, một đại cường quốc bênh vực kẻ yếu, dám làm việc nghĩa trên thế giới, một đại cường quốc vừa có thể kiềm chế có hiệu quả bá quyền, lại vừa có thể bị thế giới kiềm chế có hiệu quả.

CHƯƠNG 5

CHIẾN LƯỢC LỚN ĐÒI HỎI TƯ DUY CHIẾN LƯỢC

Chiến lược quyết định phương hướng và tiền đồ một quốc gia, dân tộc. Chiến lược là "đường sinh mạng" của quốc gia đó, dân tộc đó. Cái gọi là "đại quốc thịnh suy" cơ bản nhất là ở sự thịnh suy của chiến lược. Chiến lược đúng đắn, nước nhỏ có thể đứng lên; chiến lược sai lầm, nước lớn cũng có thể tàn lụi. Cái gọi là "nhược quốc", trước hết là yếu về mặt chiến lược; còn gọi là cường quốc thì thế mạnh về mặt chiến lược ưu tiên hàng đầu, nước lớn một ngày mất đi ưu thế về mặt chiến lược, thì mạnh cũng biến thành yếu. Cái gọi là "hưng quốc", đầu tiên cũng là hưng thịnh về mặt chiến lược, vấn đề cốt lõi vẫn là chiến lược hưng thịnh. Với những ý nghĩa nêu trên, tất cả những nước lớn trỗi dậy thực chất là do sự trỗi dậy về mặt chiến lược. Chiến lược là mấu chốt, nắm được điểm mấu chốt thì mọi việc trôi chảy.

1. Nước lớn, lớn ở chiến lược

Một nước không có chiến lược thì không thành nước lớn được. Một quốc gia không xác định được chiến lược đúng đắn, cũng không thể thành một cường quốc. Cái lớn của nước lớn là lớn ở chiến lược; sức mạnh của cường quốc là mạnh ở chiến lược. Nước lớn trỗi dậy, đầu tiên là trỗi dậy về chiến lược, nước lớn cạnh tranh, tâm điểm là cạnh chiến lược. Chiến lược là "đường sinh mệnh" của một quốc gia, là hạt nhân sức cạnh tranh của quốc gia đó.

Sai lầm chiến lược là sai lầm chết người

Trung Quốc từ cổ chí kim là một nước phong phú về mặt

tư tưởng chiến lược, là vật báu trong kho tàng tư tưởng chiến lược thế giới, những cống hiến của Trung Quốc rất lớn. Nhưng, trong tiến trình lịch sử hiện đại của thế giới, chiến lược của Trung Quốc lạc hậu. "Lạc hậu thì bị ăn đòn". Sự lạc hậu này bộc lộ và biểu hiện ở sự lạc hậu của nền kinh tế và trình độ khoa học kỹ thuật, mà ở tầng nấc sâu hơn là sự lạc hậu trong tư duy và tư tưởng chiến lược. Bi kịch của Trung Quốc cận đại là "bi kịch của chiến lược". Chiến lược lạc hậu và bị động là nguyên nhân căn bản gây ra nạn diệt vong của dân tộc và quốc gia.

Sự vùng dậy của Trung Quốc cận đại đầu tiên là sự sáng tạo của tư tưởng và đổi mới tư duy của chiến lược. Từ chiến lược cách mạng của Tôn Trung Sơn và Mao Trạch Đông đến chiến lược cải cách mở cửa của Đặng Tiểu Bình, đều là chiến lược sáng tạo mới của dân tộc Trung Hoa. Đáp ứng nhu cầu phục hưng và trỗi dậy của Trung Quốc, Trung Quốc trong thế kỷ 21 cần phải xây dựng một "chiến lược Trung Quốc". Chiến lược Trung Quốc có nghĩa là Trung Quốc phải có bước bứt phá, nhảy vọt mang tính lịch sử về mặt chiến lược; cần làm nên một chiến lược cường quốc, chiến lược nước lớn. Chiến lược Trung Quốc gồm ba tiêu chí: một là chiến lược có tầm nhìn xa vượt hiện tại, hai là vượt qua chiến lược cục bộ của thế giới, ba là lấy tư tưởng chiến lược chuyển hóa thành nguyên tắc chiến lược, phương châm chiến lược, hành động chiến lược, năng lực thực tiễn của cục diện chiến lược.

Trung Quốc của thế kỷ 21 đang hướng tới "chiến lược Trung Quốc": chiến lược Trung Quốc, xét về lâu dài, đã hoạch định chiến lược xây dựng, phát triển đất nước 100 năm, đó là "chiến lược thế kỷ" của Trung Quốc. Xét trên phương diện toàn cục, đã bắt đầu ý tưởng từ dẫn dắt thế giới đến lãnh đạo và bố cục thế giới, hình thành chiến lược thế giới của Trung Quốc. Xét về tính thực tiễn, đã hiển thị từ tư tưởng

chiến lược đến quyết sách chiến lược, từ năng lực tư duy chiến lược đến năng lực chiến lược thực tiễn của sự chuyển hoá nhanh chóng và những biến đổi của khoa học; đã hình thành sự tuần hoàn tích cực giữa chiến lược lý luận và chiến lược thực tiễn, mà không rơi vào chiến lược nói suông. Trong chiến lược lớn của Trung Quốc, về tính lâu dài, tính thế giới và tính thực tiễn, đã hình thành nên đặc trưng chủ yếu của "chiến lược Trung Quốc". Giai đoạn hiện nay, Trung Quốc cách mục tiêu "chiến lược Trung Quốc" còn một đoạn tương đối xa.

Quốc gia cũng như một con người không thể phạm sai lầm. Nhưng quốc gia thì không thể phạm sai lầm mà là chiến lược sai lầm. Vì chiến lược sai lầm nên dẫn đến "sai lầm chết người". Trên vũ đài thế giới cận đại, trong quá trình cạnh tranh giữa các nước lớn, một số nước đã bị rơi vào sự lạc hậu, lụi bại đều có nguyên nhân xuất phát từ "sai lầm chết người" trong chiến lược. Nước Đức trong hai lần chiến tranh thế giới, Nhật Bản trong Chiến tranh thế giới thứ hai, Liên Xô trong chiến tranh Lạnh, bại trận đều do phạm phải "sai lầm chết người" - chiến lược sai lầm. Ở thế giới phương Tây, Mỹ là nước có chiến lược tốt nhất, trong thời gian hơn 200 năm, tuy họ phạm không ít sai lầm, cũng trải qua vài nguy cơ lớn, bao gồm khủng hoảng tài chính năm 2008, nhưng rất ít phát sinh sai lầm chính sách chiến lược lớn dẫn đến sự suy sụp nghiêm trọng của đất nước. Nước Mỹ luôn luôn bảo đảm sự ổn định nhất định, khả năng sinh tồn và sức sống; họ vẫn cần đường để đi tiếp. Có thể thấy cạnh tranh giữa nước lớn, trước hết là ở chỗ không phạm sai lầm chiến lược, là cuộc đua để ít phạm phải sai lầm chiến lược.

Tại sao Nhật dẫn dắt Trung Quốc phạm sai lầm

Có một chuyên gia người Trung Quốc đã kể lại một sự việc thế này: tháng 9 năm 2004, một nhà nghiên cứu người

Nhật Bản đi vòng quanh Bắc Kinh, Tây An, Trùng Khánh, Thượng Hải, khi trở về Nhật ông ta kết luận trong một hội nghị cấp cao: từ tiến trình hiện đại 2 nước Trung - Nhật nhìn lại, Nhật đã thất bại hoàn toàn, nguyên nhân là nước Nhật đã sống chết dựa dẫm vào học tập để lấy ưu thế về kỹ thuật, nhưng đã dùng kỹ thuật tiêu hết phúc lợi của 100 năm. Hiện tại Trung Quốc đã biết học tập. Kỹ thuật của Trung Quốc theo kịp Nhật chỉ còn là vấn đề thời gian, đã không còn là vấn đề không thể. Một ngày nào đó, kỹ thuật của Trung-Nhật gần tương đương nhau, ưu thế bẩm sinh của Trung Quốc và ưu thế chính trị đều cho thấy rõ ràng là Trung Quốc sẽ "làm vua" ở châu Á. Chỉ cần Trung Quốc không phạm sai lầm lớn, kể cả có sai lầm nhỏ nhưng Trung Quốc sẽ nổi lên là điều tất yếu. Có người hỏi lại ông ta: Thế thì Nhật phải làm gì? Ông ta trả lời: "Vậy thì phải dân dốt Trung Quốc phạm phải sai lầm lớn. Điều Nhật có thể làm được hiện nay chính là cố gắng làm cho Trung Quốc mắc sai lầm trong giai đoạn này, trì hoãn tốc độ trỗi dậy của Trung Quốc". Lại hỏi: "Nếu Trung Quốc không phạm phải sai lầm thì làm thế nào?". Vị đó nói: "Vậy thì Nhật hãy chuẩn bị tư tưởng dựa dẫm vào Trung Quốc".

Đây chính là sự nhạy cảm sâu sắc của người Nhật, là sự lo lắng cao độ và cũng là sự bắt đầu chuẩn bị tâm lý của người Nhật. Đương nhiên, mục tiêu phát triển của Trung Quốc không phải là làm "bá chủ châu Á" mà chính là "bá chủ thế giới" "bá chủ địa cầu". Do đó, không phạm sai lầm trong chiến lược là yêu cầu càng phải đề cao hơn với Trung Quốc.

Trong cạnh tranh giữa các nước lớn, dân dốt đối phương phạm phải sai lầm chiến lược là thủ đoạn của một số nước lớn, cũng là cách ngăn chặn ít tốn kém nhất và khôn khéo nhất. Vì vậy muốn quốc gia an toàn cần có chiến lược an toàn trước nhất. Bảo vệ chiến lược an toàn là không phạm phải sai lầm chết người chính là chọn lựa chiến lược chính xác.

Dẫn dắt Trung Quốc phạm phải sai lầm là giảm đi sức cạnh tranh của Trung Quốc, bảo vệ địa vị của nước mình trên thế giới, duy trì ưu thế của mình trong cuộc cạnh tranh giữa các nước lớn. Đây là mong muốn của nước Nhật, nhưng lẽ nào đó không phải là nỗi lòng của nước Mỹ ?

Trung Quốc trỗi dậy, chiến lược phải đi trước

Năm 1987, giáo sư sử học Paul Kennedy của trường Đại học Yale nước Mỹ đã nghiên cứu điều kiện có lợi và bất lợi khi Trung Quốc trỗi dậy. Ông đã chỉ ra: "Trung Quốc thực chất là một nước lớn nghèo nàn, đồng thời địa vị các mặt của chiến lược cũng không tốt. Đây đương nhiên chính là hai yếu tố bất lợi của chiến lược trỗi dậy ở Trung Quốc, nhưng ông cũng chỉ ra hai điều kiện có lợi cho sự trỗi dậy của Trung Quốc: một là sự vĩ đại ở tư tưởng liên tục, nhất quán và tầm nhìn xa chiến lược. Về phương diện này, Bắc Kinh vượt xa Mátxcơva, Oasinhtơn, Tôkyô, Tây Âu càng không thể sánh kịp; hai là, Trung Quốc sẽ duy trì tốc độ phát triển kinh tế cao và liên tục, quốc gia này có thể thay đổi lớn trong khoảng vài chục năm ".

Với cương vị là chuyên gia chiến lược của nước Mỹ, nhận định nêu trên của Paul Kennedy biểu đạt ba nhận thức sâu sắc: thứ nhất, ông cho rằng Trung Quốc đã hình thành một chiến lược, chiến lược này rất lớn và có tầm nhìn xa, liên tục và nhất quán về mặt tư tưởng; hai là ông cho rằng Trung Quốc đã hình thành chiến lược này muốn vượt qua các nước Mỹ, Tây Âu, Nga và Nhật Bản; ba là ông cho rằng Trung Quốc hình thành chiến lược này sẽ đem lại hiệu ích chiến lược to lớn trong cho Trung Quốc, đó chính là sự bảo đảm kinh tế Trung Quốc tăng trưởng liên tục với tốc độ cao, khiến đất nước này có những thay đổi lớn trong khoảng vài chục năm. Có thể nói rằng, chiến lược này rất chuẩn xác. Trung Quốc

trỗi dậy là bắt đầu ở sự chuyển biến chiến lược và sáng tạo chiến lược. Trung Quốc trỗi dậy, đầu tiên là chiến lược Trung Quốc trỗi dậy. Trung Quốc là một nước lớn trỗi dậy, đầu tiên là chiến lược nước lớn trỗi dậy. Không có chiến lược lớn trỗi dậy, không có Trung Quốc trỗi dậy. Chiến lược Trung Quốc dẫn dắt Trung Quốc trỗi dậy.

2. Bốn giai đoạn của đại chiến lược Trung Quốc

Trung Quốc là một nước lớn trên thế giới, bất luận là thịnh hay suy, trỗi dậy hay chìm xuống đều ảnh hưởng lớn đến thế giới. Đảng Cộng sản Trung Quốc trong chiến lược cứu quốc và hưng quốc đều có hai điểm đột phá đặc trưng. Cụ thể gồm 2 đặc trưng: một là, tính quốc tế của đại chiến lược Trung Quốc - quan hệ mật thiết với thế giới; hai là đại chiến lược Trung Quốc mang tính giai đoạn - là một quá trình phát triển. Quá trình phát triển của đại chiến lược Trung Quốc gồm bốn giai đoạn chiến lược, thể hiện qua bốn loại hình thái chiến lược.

Làm thế nào "tự lập với thế giới": Chiến lược sinh tồn

Trước khi xây dựng nước Trung Quốc mới, vấn đề cơ bản cần giải quyết của đại chiến lược Trung Quốc là dân tộc Trung Hoa làm thế nào tự đứng vững giữa "rừng" các dân tộc trên thế giới. Giai đoạn đại chiến lược Trung Quốc này, thực chất là chiến lược cứu sống Trung Quốc, bảo đảm sự sinh tồn của cả dân tộc. Nội dung chủ yếu của giai đoạn này biểu hiện ở chiến lược cách mạng Trung Quốc. Từ khi lập quốc cho đến khi cải cách mở cửa, trong hoàn cảnh chiến lược bị cô lập, bị phong tỏa, vấn đề chiến lược là làm thế nào bảo vệ được sự tồn tại và độc lập của đất nước. Trong giai đoạn chiến lược này, tư tưởng Mao Trạch Đông là hình thái lý luận cơ bản của

dại chiến lược Trung Quốc.

Làm thế nào "hội nhập thế giới": Chiến lược phát triển

Sau thời kỳ "cách mạng văn hóa" chiến lược phát triển Trung Quốc chuyển hóa mang tính cơ bản chính là thực hành chiến lược cải cách mở cửa. Chiến lược cải cách mở cửa thực tế là chiến lược Trung Quốc hội nhập với thế giới, là sự chuyển biến chiến lược Trung Quốc từ chỗ độc lập với thế giới chuyển sang chủ động hội nhập với thế giới, là một lần nâng tầm chiến lược từ chiến lược sinh tồn đến chiến lược phát triển. Từ đó, Trung Quốc phát triển từ chỗ độc lập với thế giới bên ngoài, "nằm ngoài hệ thống quốc tế", đã nhập vào hệ thống bên trong của thế giới. Ở giai đoạn mới chiến lược phát triển Trung Quốc, lý luận Đặng Tiểu Bình và tư tưởng quan trọng "3 đại diện" là hình thái lý luận cơ bản nhất.

Làm thế nào "dẫn đầu thế giới": Chiến lược trỗi dậy

Sau khi bước vào giai đoạn mới, thế kỷ mới, Trung Quốc đã đẩy nhanh bước trỗi dậy của nước lớn. Thế kỷ mới, giai đoạn mới trên thực tế là Trung Quốc - nước lớn trỗi dậy, tăng tốc đuổi kịp những quốc gia phát triển nhất phương Tây, theo sát những quốc gia phát triển nhất trên thế giới, hướng tới mục tiêu giai đoạn dẫn đầu thế giới, từ hội nhập thế giới phát triển đến trỗi dậy dẫn đầu thế giới, đặt ra những yêu cầu mới đối với chiến lược lớn của Trung Quốc. Trong giai đoạn chiến lược này, quan điểm phát triển khoa học là hình thái lý luận cơ bản của chiến lược phát triển Trung Quốc.

Làm thế nào "lãnh đạo thế giới": Chiến lược thủ lĩnh

Sự phát triển của Trung Quốc khoảng mấy chục năm nữa sẽ vượt qua nước Mỹ, đây là vấn đề nóng đang khiến người dân Mỹ cũng phải bàn tán. Trung Quốc và nước Mỹ hợp lại

cùng lãnh đạo, quản lý và thống trị thế giới, đây là điều mà người Mỹ đã nêu ra đầu tiên. Sự phát triển kinh tế của Trung Quốc đã cho thấy năng lực và tiềm lực lãnh đạo thế giới, cho nên, sứ mệnh và nhiệm vụ lãnh đạo thế giới của Trung Quốc ngày càng rõ ràng và nặng nề. Chiến lược phát triển Trung Quốc từ chiến lược sinh tồn, chiến lược phát triển hội nhập thế giới, đến chiến lược trỗi dậy dẫn đầu thế giới, cuối cùng là đến chiến lược thủ lĩnh lãnh đạo thế giới, là quỹ đạo tất yếu của một dân tộc vĩ đại, một quốc gia vĩ đại. Chiến lược thủ lĩnh lãnh đạo thế giới là ranh giới và giai đoạn cao nhất của đại chiến lược Trung Quốc, cũng là cống hiến lớn nhất về chiến lược phát triển đối với Trung Quốc và thế giới.

Nhìn từ trên xuống có thể phân tích rõ ràng, việc xác lập và phát triển, chuyển biến và nâng cao đại chiến lược Trung Quốc là nhằm thích ứng, tùy theo yêu cầu và nhiệm vụ trong các thời kỳ lịch sử khác nhau của dân tộc và quốc gia mà thực hiện, tiến hành. Đất nước đối mặt với nhiệm vụ chiến lược là động lực thúc đẩy phát triển quốc gia; sự sáng tạo của đại chiến lược là sự đảm bảo cơ bản để hoàn thành nhiệm vụ chiến lược và thực hiện mục tiêu chiến lược quốc gia.

3. Ba bước của đại chiến lược Trung Quốc

Đại chiến lược Trung Quốc quyết định mục tiêu lớn của Trung Quốc. Mục tiêu lớn đầy như thế nào, nên có chiến lược lớn như thế nào?

Trung Quốc thế kỷ 21 với cương vị là một nước lớn trỗi dậy, phục hưng, thủ lĩnh, đại chiến lược Trung Quốc không chỉ là xây dựng Trung Quốc, mà còn xây dựng châu Á, xây dựng thế giới. Đại chiến lược Trung Quốc là gồm ba bước gộp lại: chiến lược quốc gia, chiến lược châu Á, chiến lược toàn cầu. Đây là ba bước cơ bản thống nhất hợp thành một hệ thống

chiến lược. Đại chiến lược Trung Quốc chính là giữ cho yên ổn đất nước mình, giữ cho yên ổn châu Á và giữ cho yên ổn thế giới. Chiến lược phát triển Trung Quốc thế kỷ 21 cần giải quyết ba vấn đề chính: xây dựng một Trung Quốc như thế nào, xây dựng một châu Á như thế nào, xây dựng một thế giới như thế nào?

Xây dựng một nước Trung Quốc như thế nào?

Xây dựng một Trung Quốc như thế nào là nội dung yêu cầu đầu tiên của chiến lược tạo dựng và xây dựng Trung Quốc. Chủ tịch Mao Trạch Đông lập nên nước Trung Quốc xã hội chủ nghĩa; lãnh đạo Đảng Tiểu Bình mở ra chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc, đều là xây dựng nền tảng cho chiến lược tạo dựng và xây dựng một Trung Quốc như thế nào? Nội dung của tầng lớp thứ nhất của đại chiến lược Trung Quốc chính là xây dựng một Trung Quốc như thế nào và làm thế nào để xây dựng Trung Quốc, thiết kế và cấu tạo của nó.

Trong bối cảnh Trung Quốc tiến lên theo hướng trỗi dậy và phục hưng; một số người làm âm ỹ về thuyết "Mối đe dọa Trung Quốc"; một số nước lo ngại, nghi ngờ về sự phát triển trong tương lai của Trung Quốc; làm thế nào để xây dựng Trung Quốc, Trung Quốc làm một nước lớn trên thế giới như thế nào, là công việc cần có chiến lược rõ ràng; cần có chiến lược giải thích và chiến lược tuyên truyền. Nhưng không thể xác định mục tiêu chiến lược phục hưng và trỗi dậy của Trung Quốc chỉ hạn định ở sự trỗi dậy về kinh tế, làm nước lớn về kinh tế trên thế giới. Quan điểm cho rằng, Trung Quốc trỗi dậy không phải là hình thái ý thức trỗi dậy, không phải là lực lượng quân sự trỗi dậy, cũng không phải là khoa học kỹ thuật trỗi dậy mà là kinh tế trỗi dậy, chính là quan điểm "nước lớn về kinh tế", "nước lớn về GDP", đây là một dạng định hướng sai lầm chiến lược. Nếu định vị mục tiêu lớn của Trung Quốc

như vậy, sự phục hưng vĩ đại của dân tộc Trung Hoa chỉ là phục hưng kinh tế, quan điểm như vậy thật là hại nước, oan dân.

Hiện nay, nếu không có hình thái ý thức về sự trỗi dậy của Trung Quốc, thì Trung Quốc là một nước có linh hồn nhưng không có phần hồn, có cân nặng nhưng lại không phát triển trí lực: một nước giàu mà không có "quân mạnh" là một nước lớn không có an toàn; một nước không có sáng tạo khoa học kỹ thuật không thể thực hiện nước lớn trỗi dậy về khoa học kỹ thuật, trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật đầu tiên sức sản xuất của thời đại kinh tế trí thức cũng không thể thành một cường quốc kinh tế. Lấy mục tiêu trỗi dậy của Trung Quốc chỉ nằm gọn ở trỗi dậy về kinh tế, chỉ có thể xây dựng một nước lớn "què chân" trên thế giới, một nước lớn trên thế giới như vậy sẽ không duy trì được lâu dài. Xây dựng một nước lớn như vậy đồng nghĩa với ý nghĩa cắt đứt sự hưng thịnh của dân tộc và sự trỗi dậy của Trung Quốc.

Xây dựng một châu Á như thế nào?

Trung Quốc ngày nay phát triển trong bối cảnh toàn cầu hóa, tiến bộ trong hoàn cảnh khu vực hóa. Trung Quốc muốn là thủ lĩnh của Thế giới, đầu tiên phải là thủ lĩnh của châu Á.

Một nửa dân số trên Thế giới là nằm ở châu Á, cứ 10 nước lớn trên thế giới thì có 6 nước nằm trong khu vực châu Á, châu Á chiếm 30% xuất khẩu toàn cầu. Trung Quốc muốn chiếm lĩnh thị trường thế giới đầu tiên phải chiếm lĩnh thị trường châu Á.

Kissinger nói: "Thế chế quốc tế vốn có đang biến đổi mang tính căn bản, trung tâm của thế giới đang chuyển dần từ Đại Tây Dương sang Thái Bình Dương. Những nước quan trọng nhất đều đang nằm ở châu Á, hoặc tương lai sẽ chủ yếu là các nước châu Á. Chúng ta cần phải quản lý chặt chẽ

sự trỗi dậy của họ, nếu không họ có thể quản lý ngược lại chúng ta"

Có thể nói châu Á trong thế kỷ 21 là một khu vực có tiềm lực và sức sống mạnh mẽ nhất trên thế giới. Xây dựng một châu Á như thế nào đồng nghĩa với xây dựng một thế giới như thế nào là điều rất quan trọng hiện nay.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, người châu Âu đã tương đối thành công đối với tư duy chiến lược phát triển và xây dựng chiến lược của châu Âu, hiện nay liên minh các nước châu Âu đã đạt được nhiều thành công là minh chứng có sức thuyết phục nhất.

Thời đại chiến tranh giữa các nước châu Âu sớm đã kết thúc, "châu Âu chiến quốc" nay đã đổi thành "liên minh châu Âu", châu Âu đã thể hiện rõ sức mạnh và tiềm lực của mình trên trường quốc tế. Trong khi đó thì thời đại chiến quốc châu Á vừa mới bắt đầu, ba nước Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ đang trình diễn "Tam quốc diễn nghĩa" phiên bản châu Á. Ở châu Á muốn làm "bá chủ Trung Nguyên" không chỉ có một đến hai nước. Các nhà chính trị Ấn Độ cũng đã sớm tuyên bố rằng "thế kỷ 21 là thế kỷ của Ấn Độ".

Xây dựng một châu Âu như thế nào, làm thế nào để xây dựng châu Âu, người châu Âu đã có chiến lược phát triển cho mình. Hơn nữa họ đã thông qua thực tiễn của đại chiến lược này mà gặt hái được những thành tựu đáng tự hào.

Xây dựng một châu Á như thế nào, làm thế nào để xây dựng châu Á, đối với vấn đề này người châu Á đã bắt đầu có những tư tưởng lớn trong suy nghĩ của họ. Những nhà lãnh đạo của các nước Ôxtrâyliya và Nhật Bản đã tranh luận để đề ra ý tưởng "Cộng đồng các nước châu Á". Xây dựng châu Á cần lấy kinh nghiệm đi trước của liên minh châu Âu, nhưng không phải là bản sao hoàn toàn về hình thức của liên minh các nước châu Âu. Xây dựng châu Á cần có những người dân châu Á

có trí tuệ và sáng tạo. Sáng tạo trong "mục tiêu châu Á", "hình thức châu Á", "con đường châu Á", "chiến lược châu Á", đòi hỏi Trung Quốc phải phát huy tác dụng tối đa thế mạnh của mình.

Xây dựng một thế giới như thế nào

Thế giới cần một Trung Quốc như thế nào và Trung Quốc cần một thế giới như thế nào, đây là hai câu hỏi có quan hệ mật thiết với nhau. Xây dựng một Trung Quốc thành công là điều có lợi đối với xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn. Bên cạnh đó, xây dựng một thế giới như thế nào cũng là điều quan trọng đối với xây dựng một Trung Quốc. Trung Quốc cần một thế giới như thế nào, Trung Quốc cần phát huy tác dụng để dẫn dắt lãnh đạo tạo nên một thế giới như thế nào, đây là câu hỏi cần phải trả lời trong đại chiến lược Trung Quốc thế kỷ 21.

Thực chất của chiến lược phát triển Trung Quốc là "chiến lược quốc gia đứng đầu", "chiến lược quốc gia thủ lĩnh". Đại chiến lược Trung Quốc là phương lược lãnh đạo của Trung Quốc với thế giới, khi Trung Quốc trở thành quốc gia thủ lĩnh của thế giới, là phương lược để Trung Quốc lãnh đạo toàn thế giới sáng tạo thế giới mới. Vì vậy, tầng cao nhất và giới hạn cao nhất của đại chiến lược Trung Quốc là thiết kế lâu dài và quy hoạch tổng thể thế giới. Trung Quốc cần dẫn dắt thế giới, lãnh đạo thế giới tất phải quy hoạch và thiết kế thế giới.

Thế giới vô cùng quan trọng, không thể giao nó cho nước Mỹ

Kinh nghiệm lịch sử đã chứng minh rằng: đối với thế giới là quy hoạch và xây dựng, đối với quốc tế là sắp xếp và trật tự, đây là vấn đề quan hệ giữa chiến tranh và hòa bình, liên quan đến hạnh phúc con người. Châu Âu trong những năm

1815-1914, sau khi kết thúc cuộc chiến tranh của Napoleon đã duy trì được gần 100 năm thái bình, thế kỷ 19 là thời kỳ hoàng kim của sự phát triển ổn định văn minh của người phương Tây. Xuất hiện cục diện như vậy là do sau khi kết thúc chiến tranh Napoleon năm 1815, hội nghị Viên (Áo) đã có sự sắp đặt sáng suốt, trí tuệ đối với trật tự châu Âu và tái thiết châu Âu sau chiến tranh, làm cho châu Âu thế kỷ 19 trước sau duy trì được sự cân bằng quyền lực, từ đó có thể duy trì được hoà bình tương đối hàng trăm năm. Nhưng trong những năm 1914-1945 lại xảy ra hai cuộc chiến tranh ở châu Âu đem tai họa đến cho thế giới. Nguyên nhân quan trọng dẫn đến tình trạng đó là do sau Chiến tranh thế giới thứ Nhất, việc sắp xếp trật tự thế giới rất dở, kém xa hội nghị Viên năm 1815. Ngày 28 tháng 6 năm 1919 sau khi kết thúc lễ ký hiệp ước chấm dứt cuộc Chiến tranh thế giới thứ Nhất ký, tại cung điện Versailles, thủ đô Paris của nước Pháp, lúc đó một viên tướng người Pháp nghe xong tin đó đã cảm khái nói rằng: "Đây chưa phải là hòa bình mà chỉ là 20 năm chiến tranh tạm nghỉ". Sau đó, thực tiễn đã chứng minh lời dự báo của ông. Sự sắp xếp của Hội nghị hòa bình thế giới ở Paris làm châu Âu phải trả giá bằng bốn năm đại chiến đổi lấy 20 năm cuộc chiến tranh tạm nghỉ.

Trí tuệ chiến lược và cống hiến chiến lược của nước lớn tập trung biểu hiện ở chỗ thiết lập một cơ chế hoà bình và phát triển, trật tự và khuôn khổ cho thế giới, cũng có nghĩa là không chỉ giành được thắng lợi chiến tranh, mà còn cần giành thắng lợi hòa bình. Kinh nghiệm lịch sử đã chứng minh tạo nên chiến tranh dễ hơn nhiều so với việc kiến tạo nên hòa bình.

Sau cuộc chiến tranh lạnh, đáng lẽ là một thời cơ phù hợp có thể quy hoạch và xây dựng lại trật tự thế giới, mở ra cục diện mới, nhưng nước Mỹ lại đi theo con đường chủ nghĩa đơn phương, chủ nghĩa bá quyền. Như vậy nước Mỹ không

chỉ làm cho quốc gia mình khốn đốn, mà còn làm cho thế giới rối loạn.

Giáo sư Josefson của Học viện chính trị Paul Kennedy, thuộc trường Đại học Havard đã phát biểu rằng: "Nguyên tắc của nước lớn trên thế giới không chỉ quan tâm lợi ích của bản thân mình, mà còn phải đi tìm phương pháp mang lại lợi ích cho mình và người khác. Một cường quốc lý tưởng trên thế giới cần phải theo đuổi lợi ích quốc gia ở góc nhìn rộng lớn hơn, cần phải có sự hấp dẫn kết hợp giữa sức mạnh mềm và sức mạnh cứng, cho nên nếu họ quan tâm đến đất nước mình, thì phải biết tăng cường sức mạnh mềm. Một cường quốc lý tưởng trên thế giới nên mở rộng phạm vi hơn nữa để nhìn nhận cơ chế quốc tế và cơ chế đó không chỉ phục vụ lợi ích của riêng nước mình, mà còn quan tâm đến lợi ích của nước khác". Về điểm này, lãnh đạo thế giới, tiến hành xây dựng lại trật tự toàn cầu, thì Trung Quốc phù hợp hơn nước Mỹ.

Một nhà chính trị người Pháp từng nói với viên tướng Pháp rằng: "Chiến tranh quá là quan trọng, không thể giao cho tướng quân được"

Ông này trả lời: "Chính trị quan trọng quá, không thể giao nó cho chính khách được"

Một vị chuyên gia người Trung Quốc nói: "Thế giới quá quan trọng, không thể giao nó cho nước Mỹ. Trung Quốc phải là nhà thiết kế của thế giới, Trung Quốc cần quy hoạch thế giới, Trung Quốc cần dẫn dắt thế giới đến tương lai tốt đẹp hơn".

Trung Quốc trong việc quy hoạch và xây dựng thế giới, cần phải đưa ra những thứ tốt hơn nước Mỹ. Trung Quốc trên cương vị thủ lĩnh của thế giới cần phải thực thi chính sách, cương lĩnh tốt hơn Mỹ. Trung Quốc đề xuất xây dựng "thế giới hài hòa" là cốt hiến to lớn trong chiến lược xây dựng thế giới.

4. Chiến lược lớn của Trung Quốc: Trung Quốc cần học tập gì ở Mỹ

Trong tất cả những nước lớn trỗi dậy, kinh nghiệm của nước Mỹ có ý nghĩa nhất đối với Trung Quốc. Đặc điểm của nước Mỹ trỗi dậy là tốc độ, thuận lợi, ít phải trả giá, hiệu quả cao, là sự trỗi dậy thông minh nhất, trí tuệ nhất, nghệ thuật nhất và truyền kỳ nhất. Nước Mỹ trỗi dậy không chỉ đối diện với cuộc cạnh tranh về số lượng nhiều, mà còn lực lượng mạnh. Cùng cạnh tranh với Mỹ có các nước Đức, Nhật Bản, Nga, nhưng kết quả cuối cùng vẫn là nước Mỹ chiến thắng.

Kinh nghiệm trỗi dậy chủ yếu của nước Mỹ tập trung ở ba phương diện: một là kinh nghiệm đột phá sự kiểm chế, trỗi dậy thành công; thứ hai là kinh nghiệm kiểm chế những nước khác, bảo vệ bá quyền; thứ ba là kinh nghiệm ngăn chặn sự chia rẽ, bảo vệ thống nhất đất nước. Đường lối của nước Mỹ trên ba phương diện này đều là tài sản chiến lược quý giá mà Trung Quốc có thể học tập. Trung Quốc nghiên cứu kinh nghiệm kiểm chế nước khác, bảo vệ bá quyền của nước Mỹ là thông qua việc tìm hiểu thủ đoạn kiểm chế nước khác của Mỹ, xem xét làm thế nào có thể đối phó một cách có hiệu quả trước sự kiểm chế của Mỹ. Trên thế giới hiện nay, nước duy nhất có thể kiểm chế được sự trỗi dậy của Trung Quốc chính là nước Mỹ. Vì vậy, Trung Quốc muốn trỗi dậy thành công, cần học tập nước Mỹ, nghiên cứu nước Mỹ và đối phó với nước Mỹ. Trong vấn đề trỗi dậy của các nước lớn, thì Mỹ là người thầy tốt nhất của Trung Quốc.

Mỹ là nước lớn chiến lược

Có người đã so sánh giữa người Mỹ và người Nhật cho rằng trong những suy tính nhỏ thì người Mỹ không thể bằng người Nhật, nhưng về chiến lược lớn thì người Nhật không có

tầm nhìn xa trông rộng như người Mỹ.

Nước lớn trỗi dậy là lớn về mặt chiến lược. Thành công về sự trỗi dậy của nước lớn là thành công của chiến lược lớn. Trong thời gian hơn 200 năm qua, nước Mỹ cũng không tránh khỏi những sai lầm đáng tiếc, nhưng rất ít xuất hiện hoặc có thể nói là không gây ra những sự cố, sai lầm về đường lối chính sách chiến lược có thể làm quốc gia lụn bại. Lịch sử trỗi dậy của nước Mỹ đã chứng minh rằng Mỹ là một nước lớn thành công trong chiến lược, là nước lớn với những chiến lược lớn.

Washington đề xướng "chủ nghĩa biệt lập: Chiến lược lớn "chủ nghĩa biệt lập" của nước Mỹ ra đời

Chủ nghĩa biệt lập có thể nói là một chiến lược lớn đầu tiên sau khi nước Mỹ thành lập, là hình thái đầu tiên và giai đoạn lịch sử đầu tiên của chiến lược lớn của Mỹ.

Trong nguồn gốc lịch sử sâu xa của Mỹ, chủ nghĩa biệt lập là truyền thống được hình thành nên trong thời đại Washington. Nó cho rằng "thế giới mới" (Tây bán cầu) ưu thế hơn thế giới cũ, không muốn liên hệ với châu Âu già cỗi hủ bại, không muốn tham gia vào cuộc tranh chấp với châu Âu. Hàm nghĩa cơ bản của chủ nghĩa biệt lập chính là: Mỹ không tham gia vào công việc của châu Âu, Mỹ thực hiện chính sách ngoại giao biệt lập không bị sự kiểm chế của châu Âu. Chủ nghĩa biệt lập thực chất là thích ứng với độc lập quốc gia của Mỹ, kiên trì độc lập về ngoại giao của Mỹ. Cũng là một chiến lược phòng thủ trong tình hình nước Mỹ mới xây dựng và thực lực chưa đủ mạnh.

Tư tưởng chiến lược của chủ nghĩa biệt lập của Mỹ đạt được mức độ sâu sắc nhất trong diễn văn cáo từ của Tổng thống Washington ngày 17/9/1796. Trong cuốn "Bàn về nền dân chủ của Mỹ" xuất bản năm 1835, nhà bình luận chính trị

Pháp A.D.Tocqueville đã viết: "Có hai nhân vật cho đến nay vẫn còn nảy sinh ảnh hưởng mang tính chỉ đạo đối với chính sách đối ngoại của Mỹ, một người là Washington và một người là Thomas Jefferson. Washington có một bức thư rất đáng ca ngợi gửi nhân dân Mỹ, chúng ta có thể coi nó như là di chúc của nhân vật vĩ đại này. Thư viết:

"Về mặt chính sách đối ngoại, nguyên tắc xử lý chủ yếu của chúng ta là mở rộng sự trao đổi mậu dịch của chúng ta với nước khác, cố gắng ít nảy sinh quan hệ chính trị với các nước khác. Đối với các hiệp ước mà chúng ta đã ký kết, chúng ta cần tuân thủ chúng. Nhưng chúng ta cũng chỉ dừng lại ở đây. Các nước châu Âu có lợi ích cơ bản liên quan đến nhau. Những lợi ích này không phải không liên quan đến chúng ta, chỉ là có quan hệ rất sơ sài. Vì vậy họ tất sẽ rơi vào vòng tranh chấp liên tục, nguồn gốc của tranh chấp về bản chất không liên quan đến chúng ta. Cho nên sau này việc dùng một đầu mối để liên kết sự biến động chính trị hàng ngày giữa chúng ta với châu Âu, hoặc liên kết với một châu Âu khi bạn khi thù là điều không sáng suốt."

"Chúng ta tránh xa các nước khác và ở vào một vị trí địa lý riêng, sẽ thúc đẩy và cho phép chúng ta có thể vận dụng những đường lối khác với các nước. Nếu chúng ta với tư cách là một dân tộc đang tồn tại dưới sự lãnh đạo của một chính phủ lãnh đạo có hiệu quả, thế thì trong tương lai không xa, chúng ta có thể không bị tổn thất về vật chất do sự xâm lược của nước ngoài, có thể vận dụng lập trường trung lập khiến chúng ta bất cứ lúc nào cũng giữ được sự tôn trọng, có thể khiến các nước giao chiến khác vì không kiếm được lợi lộc gì từ đất nước chúng ta, mà không dám manh động khiêu khích nước ta, có thể căn cứ vào lợi ích và nguyên tắc chính nghĩa của chúng ta để lựa chọn chủ hòa hay chiến tranh."

"Vì sao phải vứt bỏ ưu thế do vị trí địa lý độc đáo đưa tới? Vì sao phải rời bỏ căn cứ của mình để đi sang căn cứ của nước ngoài? Vì sao phải gấn vận mệnh của chúng ta với vận mệnh của một bộ phận châu Âu, để từ đó khiến hòa bình và phồn vinh của chúng ta bị lôi cuốn vào dã tâm, sự đối kháng, sự lợi hại và sự tùy tiện của người châu Âu."

"Chính sách thực sự của chúng ta là tránh liên minh vĩnh viễn với bất kỳ nước nào. Ý tôi muốn nói là chúng ta phải như hiện nay hành động mà không chịu sự ràng buộc nào. Đề nghị không nên lý giải câu nói của tôi thành chủ trương không tuân thủ các hiệp định hiện có. Chân thực là phương sách tốt nhất trong tương lai. Trong việc nước hay việc riêng tôi đều tuân thủ câu cách ngôn này. Vì vậy tôi xin nhắc lại một lần nữa là chúng ta phải dựa vào nội dung của hiệp ước để tuân thủ các hiệp ước. Nhưng tôi cũng cho rằng việc mở rộng hoặc ký kết các hiệp ước khác đều là việc làm không cần thiết và không sáng suốt."

"Phải luôn chú ý vận dụng các biện pháp thích đáng để khiến bản thân duy trì được tư thế phòng ngự mà nước khác phải tôn trọng, khi có nguy cơ bất ngờ có thể lợi dụng một cách an toàn liên minh tạm thời."

Trước đó, Washington cũng đã nói một câu đáng khâm phục: "Một quốc gia thường có thói quen nhớ tới hận thù và thích nước khác, nó giống như là một sự nô lệ, tức trở thành nô lệ của sự yêu và ghét." Trong hoạt động chính trị của Washington luôn lấy châm ngôn này làm kim chỉ nam. Trong khi hầu như tất cả các nước trên thế giới bị lôi cuốn vào chiến tranh thì ông vẫn giữ được hòa bình cho đất nước. Ông cho rằng lợi ích cơ bản của người Mỹ là quyết không để bị lôi cuốn vào tranh chấp của châu Âu, lấy điều này làm nguyên tắc hành động của ông.

"Thomas Jefferson thì đi xa hơn, châm ngôn trong chính

sách đối ngoại của ông là: Người Mỹ quyết không yêu cầu đặc quyền với nước khác, để tránh bản thân bị buộc phải nhường đặc quyền cho nước khác."

"Chính sách đối ngoại của Mỹ là một chính sách đối ngoại được thực hiện rất tốt. Yêu cầu của chính sách này là làm gì cũng phải có sự lựa chọn, không phải cái gì cũng làm."

Diễn thuyết cáo biệt mang tính chất di chúc chính trị của Washington là thư tuyên ngôn chiến lược của Mỹ, được gọi là cương yếu của nguyên tắc đối ngoại của chủ nghĩa cô lập của Mỹ. Giá trị chiến lược của nó không thua kém gì "Thuyết về quyền lợi biển" của Marhan. Di chúc chính trị của Washington là kết tinh trí tuệ chiến lược của các vị khai quốc công thần của Mỹ, là sự sáng tạo trí tuệ chiến lược của Mỹ vào thời đại đó, là tư tưởng chỉ đạo thực tiễn chiến lược trăm năm của Mỹ sau này. Di chúc chính trị của Washington là chiến lược lớn, phương châm lớn của Mỹ, cũng là tư tưởng lớn lý luận lớn chiến lược của Mỹ. Di chúc chính trị của Washington cũng nổi tiếng như bất kỳ tư tưởng chiến lược kinh điển nổi tiếng nào. Trong lịch sử tư tưởng chiến lược của Mỹ, Di chúc chiến lược của Washington và trước tác chiến lược của Marhan là hai tiêu chí cho việc từ chiến lược phòng thủ chuyển sang chiến lược bành trướng.

"Chủ nghĩa Monroe" ra đời: hình thành chiến lược lớn "chủ nghĩa bá quyền khu vực" của Mỹ

Nếu như nói chiến lược lớn của chủ nghĩa biệt lập mà Washington nêu trong diễn thuyết khi chào từ biệt là giai đoạn đầu tiên và hình thái đầu tiên của chiến lược lớn của Mỹ, thế thì chủ nghĩa Monroe là giai đoạn thứ hai và hình thái thứ hai của chiến lược lớn của Mỹ. "Chủ nghĩa biệt lập" trên thực tế là "chủ nghĩa độc lập" trong chiến lược lớn của Mỹ; chính là sau khi giành được độc lập từ trong sự thống trị của

thực dân Anh, trong chính sách ngoại giao Mỹ đã độc lập thoát ra khỏi hệ thống châu Âu và sự ràng buộc của châu Âu, không bị lôi cuốn vào tranh chấp của châu Âu, không thể trở thành quân cờ trong bàn cờ lớn của châu Âu. Cũng chính là việc nước Mỹ mới thành lập đã thực hiện chính sách ngoại giao độc lập tự chủ của mình. Còn chủ nghĩa Monroe chính là trên cơ sở độc lập ngoại giao của Mỹ, từ chủ nghĩa độc lập quốc gia đi lên chủ nghĩa bá quyền khu vực trên phạm vi châu Mỹ. Chủ nghĩa Monroe chính là chủ nghĩa bá quyền khu vực của Mỹ tại châu Mỹ, là chiến lược bá quyền khu vực của Mỹ tại châu Mỹ, là chiến lược tranh giành bá quyền châu Mỹ giữa Mỹ và châu Âu, là chiến lược của Mỹ bài xích châu Âu ra khỏi châu Mỹ. Đây là giai đoạn quá độ, giai đoạn trung gian để Mỹ đi lên con đường bá quyền thế giới.

Chính sách đối ngoại của Mỹ sau khi dựng nước là tuân thủ nguyên tắc của chủ nghĩa biệt lập mà Washington chế định, không liên minh với bất kỳ quốc gia nào, không lôi cuốn vào công việc của châu Âu. Nhưng ngay từ đầu thế kỷ 19, Mỹ đã coi Mỹ Latinh là sân sau của mình, không cho phép nước khác nhảy vào. Năm 1823, Chính phủ Mỹ đưa ra "chủ nghĩa Monroe" nổi tiếng, không cho phép các nước châu Âu xây dựng đất thực dân ở châu Mỹ, tư tưởng hạt nhân của nó là "châu Mỹ là của người châu Mỹ", trên thực tế là biến châu Mỹ thành của người Mỹ. Việc đưa ra "chủ nghĩa Monroe" là bước nhảy vọt lớn của chiến lược lớn của Mỹ, chính là bước nhảy vọt lớn từ chủ nghĩa độc lập quốc gia sang chủ nghĩa bá quyền khu vực.

Ngày 2/12/1823, Tổng thống Mỹ Monroe đã trình bày báo cáo về tình hình đất nước, nội dung chủ yếu về mặt ngoại giao nêu trong báo cáo được gọi là "Tuyên ngôn Monroe", nội dung chủ yếu gồm 3 nguyên tắc cơ bản: thứ nhất, phản đối các nước châu Âu lại tranh giành đất thuộc địa ở châu Mỹ; thứ

hai, không can thiệp; thứ ba, hệ thống Mỹ-latinh.

Về nguyên tắc "phản đối các nước châu Âu lại tranh giành đất thuộc địa ở châu Mỹ, báo cáo nêu rõ: "Lục địa châu Mỹ từ hình thái tự do và độc lập mà nó giành được và duy trì, sau này không thể lại bị bất kỳ quốc gia châu Âu nào dùng làm đất thuộc địa". Nguyên tắc này của Monroe tuy chứa đựng nguyên tắc chống chủ nghĩa thực dân, nhưng ý đồ thực sự của nó là đảm bảo quyền lợi bành trướng lãnh thổ của Mỹ, hạn chế các nước châu Âu tiến hành bành trướng ở châu Mỹ, phản đối bất kỳ nước châu Âu nào xây dựng đất thực dân mới và tiến hành chuyển nhượng đất thực dân ở châu Mỹ. Nguyên tắc này là nguyên tắc ngoại giao được thực hiện để đảm bảo việc bành trướng lãnh thổ của Mỹ ở châu Mỹ trong điều kiện thực lực của Mỹ chưa đủ mạnh.

Về nguyên tắc "không can thiệp", bao gồm hai ý nghĩa: Thứ nhất, không cho phép các nước châu Âu can thiệp công việc của châu Mỹ, báo cáo nêu rõ "những chính phủ đã tuyên bố độc lập và duy trì độc lập, nếu bị bất kỳ các nước châu Âu tiến hành can thiệp để áp bức hoặc dùng các phương thức khác để kiểm soát số phận của những chính phủ này, thì chúng ta chỉ có thể cho rằng đó là biểu hiện không hữu hảo với Mỹ". Thứ hai, Mỹ không can thiệp vào châu Âu, báo cáo nêu rõ "đối với đất thuộc địa của bất kỳ nước châu Âu nào, chúng ta cũng chưa hề can thiệp và trong tương lai cũng không can thiệp"; nguyên tắc "không can thiệp" này cũng bao hàm 2 nguyên tắc "can thiệp" và "không can thiệp", tức là nói Mỹ phản đối bất kỳ quốc gia châu Âu nào can thiệp vào công việc nội bộ của châu Mỹ, nhưng Mỹ lại có quyền can thiệp vào công việc của châu Mỹ, việc can thiệp vào công việc của châu Mỹ là quyền lợi riêng của Mỹ. Cho nên "Tuyên ngôn Monroe" trở thành công cụ để Mỹ phản đối các nước ngoài châu Mỹ can thiệp vào công việc của châu Mỹ.

Về nguyên tắc "hệ thống châu Mỹ", báo cáo nêu rõ "chế độ chính trị liên minh giữa các nước có sự khác biệt lớn đối với chế độ chính trị của Mỹ... Chúng tôi cho rằng những ý đồ mở rộng chế độ của các nước sang bất kỳ mảnh đất nào trên bán cầu này đều nguy hại đến hòa bình và an ninh nước Mỹ", báo cáo nêu rõ "các nước liên minh không thể coi việc mở rộng chế độ chính trị sang bất kỳ một quốc gia nào ở châu lục này mà không nguy hại đến an ninh và hạnh phúc của chúng ta... vì vậy chúng ta cũng không thể đứng nhìn sự can thiệp với bất kỳ hình thức nào mà không có hành động gì". Báo cáo ca ngợi chủ nghĩa cộng hòa của châu Mỹ. Coi châu Mỹ là một hệ thống hoàn toàn khác với chủ nghĩa chuyên chế quân chủ của châu Âu. Đây chính là nguyên tắc "hệ thống châu Mỹ" tách rời giữa châu Mỹ và châu Âu. Hàm nghĩa của "hệ thống châu Mỹ" chính là "châu Mỹ là của người châu Mỹ", nhưng thực chất của nó là "châu Mỹ là của người Mỹ". Mục đích là ngăn ngừa và bài xích hơn nữa ảnh hưởng chính trị của các cường quốc châu Âu ở Tây bán cầu, khiến châu Mỹ và châu Âu "không tiếp xúc với nhau", dọn đường cho việc Mỹ bành trướng sang Tây bán cầu.

Báo cáo này đại diện cho chính sách của Chính phủ Mỹ đối với Mỹ-Latinh, trước đó Mỹ không thương lượng với các nước Mỹ-Latinh đã lấy tư cách là người bảo hộ để phát biểu báo cáo này. Chủ nghĩa Monroe là sự tồn tại thực tế về ý đồ của các đồng minh thánh chiến của thế lực phản động quốc tế vũ trang can thiệp vào Mỹ-Latinh, là cuộc cạnh tranh quyết liệt giữa Mỹ và Anh đối với châu Mỹ-Latinh, là công cụ bảo vệ giai cấp tư bản Mỹ và là sản phẩm của lợi ích bành trướng trong tương lai trong tình hình quốc tế phức tạp xảy ra xung đột gay gắt giữa Mỹ và Nga.

Tuyên ngôn Monroe đã trở thành nguyên tắc cơ bản của chính sách đối ngoại của Mỹ. Tuyên ngôn Monroe đã tuyên

truyền tư tưởng dân chủ cộng hòa của giai cấp tư sản, phản đối chế độ chuyên chế quân chủ phong kiến châu Âu, về khách quan ủng hộ sự độc lập của các nước Mỹ-Latinh, ngăn ngừa dã tâm của các cường quốc Anh, Pháp, Nga mở rộng thế lực chính trị kinh tế sang châu Âu, điều này có ý nghĩa tiến bộ nhất định. Nhưng “Tuyên ngôn Monroe” giương con bài “châu Mỹ là của người châu Mỹ”, trên thực tế coi châu Mỹ thuộc phạm vi thế lực của Mỹ, bài xích các cường quốc châu Âu, đặc biệt là thế lực của Anh, trên thực tế Mỹ có ý đồ thiết lập sự thống trị của Mỹ ở khu vực Mỹ-Latinh và tranh bá với các cường quốc châu Âu. Cùng với sự phát triển của lịch sử nước Mỹ, Tuyên ngôn Monroe đã trở thành công cụ để Mỹ tiến hành bành trướng xâm lược châu Mỹ, phục vụ cho việc thực hiện “châu Mỹ là của người Mỹ”. Mỹ dưới ngọn cờ của chủ nghĩa Monroe đã tiến hành bành trướng lãnh thổ mạnh mẽ ở lục địa châu Mỹ. Trong thập kỷ 30-40 của thế kỷ 19, Mỹ đã giành lấy Texas từ Mexico; từ 1842-1844, Mỹ đã bài xích Anh ra khỏi Oregon; từ 1846-1848, Tổng thống Mỹ Jame.K.Polk phát động chiến tranh xâm lược Mexico, chiếm trên một nửa lãnh thổ Mexico. Từ 1819-1853, thông qua việc cướp đoạt, thôn tính, mua giá rẻ ở khu vực Bắc Mỹ, Mỹ đã mở rộng lãnh thổ thêm khoảng 2 triệu km², tức khoảng 80% tổng diện tích lãnh thổ Mỹ trước năm 1819, bao gồm vùng đất đai rộng lớn của 6 bang hiện nay là California, Nevada, Utah, Colorado, Arizona, New Mehico. Đến trước giữa thế kỷ 19, lãnh thổ Mỹ đã kéo dài từ dải đất hẹp ở 13 bang Đại Tây Dương mở rộng ra bờ biển Thái Bình Dương.

Chủ nghĩa Monroe là tuyên ngôn nói rõ người Mỹ sẽ thay thế châu Mỹ làm chủ châu Mỹ, nó đã kết hợp khéo léo lợi ích của Mỹ với lợi ích của châu Mỹ khi đó. Đặc điểm của chủ nghĩa Monroe là “song phản nhất độc”: lấy chế độ dân chủ cộng hòa để phản đối chế độ chuyên chế quân chủ châu Âu,

lấy độc lập dân tộc để phản đối sự thống trị thực dân châu Âu; tức lấy hai phản đối để lôi kéo châu Mỹ, bài xích châu Âu, từ đó giữ lại châu Mỹ cho người Mỹ, do Mỹ độc tôn kiểm soát châu Mỹ.

"Thuyết quyền lợi biển" của Marhan: chiến lược lớn của Mỹ hướng ra biển

Giai đoạn ba và hình thái thứ ba của chiến lược lớn của Mỹ lấy "thuyết quyền lợi biển" của Marhan là tiêu chí. "Thuyết quyền lợi biển" khiến chiến lược lớn của Mỹ từ chiến lược bá quyền châu Mỹ, mở rộng sang xây dựng chiến lược biển trở thành "đế quốc Thái Bình Dương". Khi chủ nghĩa tư bản Mỹ bước vào giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, chính là lúc lãnh thổ Mỹ từ hướng Tây mở rộng sang bên bờ Thái Bình Dương. Mỹ đã vượt ra khỏi lục địa Bắc Mỹ, hoàn thành tiến trình Tây tiến từ Đại Tây Dương tiến sang Thái Bình Dương. Do đất đai ở phía Tây đã khai thác hết, thị trường trong nước đã phân chia nhau hết, mâu thuẫn giai cấp ngày càng gay gắt, các nhà tư bản lũng đoạn Mỹ đã hướng sự xâm lược ra phía biển. Nhưng lúc này lãnh thổ thế giới đã bị các nước thực dân cũ chia nhau hết, chỉ còn lại ba quốc gia bán độc lập là Trung Quốc, Braxin và Thổ Nhĩ Kỳ. Ba nước này khi đó là ba nước yếu, là đối tượng để các nước tranh giành gay gắt. Mỹ yêu cầu phân chia lại thế giới. Khi đó ở Mỹ xuất hiện một loạt những người theo chủ nghĩa bành trướng như Marhan, Roosevelt, Henry Lodge ... và hình thành nên thế lực chính trị xã hội. Họ tuy không đông người, nhưng có địa vị xã hội, khả năng hoạt động mạnh. Roosevelt lúc đầu đảm nhận chức trợ lý Bộ trưởng hải quân, sau đó đảm nhận chức Phó tổng thống, tổng thống. Henry Lodge đã từng là thượng nghị sĩ nhiều năm, đã từng đảm nhiệm chức Chủ tịch Ủy ban đối ngoại Thượng viện Mỹ. Họ thường tuyên truyền "thuyết đế quốc Thái Bình

Dương", tập trung phản ánh tham vọng bành trướng đối ngoại mạnh mẽ của các tập đoàn tài chính phố Uôn. Họ đều có ảnh hưởng lớn đến việc chế định và thực hiện chính sách ngoại giao của Mỹ. Họ tự cho rằng phải trung thành với lý luận về quyền lợi biển và "thuyết đế quốc Thái Bình Dương" mà Marhan tuyên truyền, coi Marhan là người sáng tạo ra chính sách lớn. Họ ra sức chủ trương mở rộng hải quân, tranh giành các căn cứ, xưng bá ở biển. Điều gọi là "chính sách lớn" chủ yếu là chỉ tranh giành Cuba, chiếm lĩnh các căn cứ ở vùng biển Caribê, đào thông kênh đào Panama, giành lấy các đảo Hawaii, Philippin ở Thái Bình Dương... xây dựng đế quốc Thái Bình Dương. Cuối thế kỷ 19, để thực hiện chính sách này, Mỹ đã thực hiện một loạt các cuộc xâm lược. Việc Mỹ phát động chiến tranh với Tây Ban Nha và thúc đẩy chính sách mở cửa chính là sự thách thức về ưu thế trời dấy của Mỹ với các đế quốc thực dân già cỗi, để giành lấy và mở rộng ảnh hưởng quốc tế của Mỹ.

Roosevelt thiết kế "chủ nghĩa thế giới": đỉnh cao của chiến lược lớn của Mỹ

Lý tưởng và việc thiết kế "chủ nghĩa thế giới" của Roosevelt trước khi kết thúc Chiến tranh thế giới thứ Hai là giai đoạn thứ tư và hình thái thứ tư của chiến lược lớn của Mỹ.

Sau Chiến tranh thế giới thứ Nhất, chiến lược hướng ra thế giới của Wilson bị thất bại. Nhưng những cố gắng của Wilson có thể coi là một sự thử nghiệm của Mỹ. Tiến trình của Chiến tranh thế giới thứ Hai đã cung cấp cơ hội tốt cho Mỹ xây dựng bá quyền thế giới. Sau năm 1943, Roosevelt đã nêu rõ "quyền lực mà Mỹ giành được là quyền lực về đạo nghĩa, chính trị, kinh tế và quân sự", "mang lại cho Mỹ trách nhiệm lãnh đạo cộng đồng quốc tế và những cơ hội kèm theo nó". Trước khi kết thúc Chiến tranh thế giới thứ Hai, tập đoàn lãnh đạo Mỹ

mà đại diện là Roosevelt và Hunll đã đưa ra một số ý tưởng và cách làm để "xây dựng lại trật tự thế giới sau chiến tranh", sau này được nhà sử học Arthur Schlesinger gọi là "chủ nghĩa thế giới". Họ cho rằng chiến tranh đã làm cho kết cấu thế lực truyền thống của châu Âu bị phá hoại nghiêm trọng, việc duy trì trật tự thế giới cần phải dựa vào Mỹ, Liên Xô và Anh. Mỹ cần và có thể thông qua tổ chức Liên Hợp Quốc để bảo vệ cục diện an ninh tập thể, thay thế cho sự cân bằng thế lực và phạm vi thế lực của các nước lớn, đảm bảo địa vị lãnh đạo của Mỹ trên thế giới. Thời kỳ đầu sau chiến tranh, "chủ nghĩa thế giới" và "chủ nghĩa lý tưởng" mà Roosevelt ôm ấp vẫn là nguyên tắc cơ bản của chính sách ngoại giao của Mỹ. Đến đầu năm 1946, những ý kiến về tính chất thế giới sau chiến tranh và phương châm của Mỹ đối với Liên Xô đã dần dần hình thành. Những ý kiến thuộc dòng chính của Mỹ cho rằng Liên Xô đã từ đồng minh trong thời chiến trở thành đối thủ tranh giành bá quyền của Mỹ, Liên Xô đã không còn là đối tác hợp tác, mà là đối tượng cần kiểm chế.

Quỹ đạo phát triển của chiến lược lớn sau khi xây dựng nước Mỹ là một quá trình tiến lên cùng thời đại. Đây là một quá trình từ chiến lược độc lập ngoại giao quốc gia của chủ nghĩa cô lập, phát triển đến chiến lược bá quyền khu vực châu Mỹ của chủ nghĩa Monroe, rồi lại phát triển đến chiến lược đế quốc biển vượt ra châu Mỹ đi ra biển, cuối cùng trong chiến lược "chủ nghĩa thế giới" lấy xưng bá thế giới sau chiến tranh làm mục tiêu đã đạt được đỉnh cao. Trong quá trình này, chiến lược lớn của Mỹ đã thích ứng với nhu cầu trỗi dậy của Mỹ, dẫn dắt thực tiễn trỗi dậy của Mỹ. Sự trỗi dậy thành công của Mỹ là thành công của các tư tưởng chiến lược.

Văn hóa Mỹ không phải là văn hóa "phi chiến lược"

Chuyên gia chiến lược học nổi tiếng Chung Lão trong

cuốn "Nghiên cứu chiến lược" đã nói: người Mỹ chú trọng kỹ thuật không chú trọng tư tưởng, chú trọng quản lý không chú trọng chiến lược, vì vậy văn hóa chiến lược của Mỹ là một loại văn hóa "phi chiến lược" và đưa ra bối cảnh độc đáo của việc hình thành văn hóa chiến lược của Mỹ: thứ nhất, từ khi dựng nước đến nay, về địa lý, Mỹ luôn cách biệt với thế giới bên ngoài; thứ hai, trong quá trình khai khẩn đất đai, người Mỹ luôn phải đối diện với những vấn đề của đời sống hiện thực bức thiết, hình thành nên tâm lý chỉ tìm đến những lợi ích trước mắt; thứ ba, nước Mỹ không có truyền thống lịch sử lâu đời, cho nên cả nước từ trên xuống dưới đều thiếu ý thức về lịch sử; thứ tư, Mỹ là xã hội công nghiệp hóa cao độ, người Mỹ hầu như đều là các kỹ sư, cho nên đối với bất cứ vấn đề gì cũng tìm cách giải đáp mang tính kỹ thuật. Nhận thức này không phù hợp với thực tế của quá trình hình thành chiến lược của Mỹ.

Văn hóa chiến lược của một quốc gia trước hết biểu hiện ở việc theo đuổi chiến lược của quốc gia này. Mục tiêu của người Mỹ có tính chiến lược rất mạnh mẽ. Những thực dân đầu tiên của người Mỹ khi đến vùng đất mới, lý tưởng của họ chính là muốn trên mảnh đất mới thiết lập một đất nước mới, hy vọng có thể dựa vào sự chỉ bảo của Thượng đế để xây dựng những thành phố trên mảnh đất này, trở thành tấm gương cho thiên hạ. Những tri thức mà người Mỹ trong giai đoạn đầu theo đuổi bao gồm trên hai mặt: một là hướng tới Thượng đế để theo đuổi tín ngưỡng tinh thần siêu việt; hai là hướng tới thế tục tìm kiếm kinh nghiệm và tri thức lý tính huyền bí trong thế giới vật chất. Một quần thể chiến lược và mục tiêu chiến lược như vậy đã quyết định văn hóa chiến lược mà họ sùng bái và sáng tạo.

Văn hóa chiến lược hình thành sau khi dựng nước của Mỹ có nhiều sáng tạo ảnh hưởng sâu sắc đến thế giới. Ví dụ, sự

sáng tạo chiến lược trong cách mạng độc lập của Mỹ, sự sáng tạo chiến lược trong chiến tranh thống nhất của Mỹ, sự sáng tạo chiến lược trong chính sách mới của Roosevelt, sự thiết kế của Mỹ đối với thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ Hai... Cho dù trên mặt đối nội hay đối ngoại đều có nhiều sáng tạo đi trước lịch sử, đi trước thế giới. Những dấu ấn chiến lược và quỹ đạo phát triển chiến lược lớn của Mỹ đều chứng minh Mỹ là nước lớn chiến lược, cường quốc chiến lược. Điều quan trọng hơn là văn hóa chiến lược của một quốc gia, tính chiến lược văn hóa của một quốc gia phải được biểu hiện ở thực tiễn chiến lược, tư duy chiến lược và ở việc giải quyết những đề tài chiến lược của quốc gia đó. Một quốc gia không giỏi về mặt chiến lược sẽ không thể là một quốc gia trỗi dậy thành công. Mỹ tuy là quốc gia có lịch sử ngắn nhất trong các nước lớn trỗi dậy, nhưng quá trình hình thành chiến lược chấn hưng đất nước của Mỹ lại rất độc đáo. Mỹ tuy là quốc gia sùng bái kỹ thuật và chú trọng thực dụng, nhưng Mỹ cũng là quốc gia phát triển về mặt chiến lược. Mỹ tuy có nhược điểm chỉ theo đuổi lợi ích trước mắt, nhưng Mỹ cũng có ưu điểm có cách nhìn nhận sâu xa. Cho nên văn hóa Mỹ không phải là văn hóa "phi chiến lược".

Nghệ thuật "trỗi dậy với giá rẻ" của Mỹ

Đặc điểm trỗi dậy của Mỹ là tốc độ nhanh, giá thành rẻ. So với cái giá mà một số nước lớn phải trả để tiến hành trỗi dậy mà vẫn "không trỗi dậy được" thì cái giá trỗi dậy của Mỹ là rẻ nhất.

Mỹ sở dĩ có thể trỗi dậy là do môi trường địa lý thuận lợi, đây là một nhân tố quan trọng. Người nào đầu tiên đến nước Mỹ đều cảm thấy ngỡ ngàng vì sự hoành tráng của nước Mỹ. Nước Mỹ nằm ở giữa hai đại dương lớn nhất thế giới, với diện tích 9,3 triệu km², sông ngòi ao hồ chằng chịt, rừng rậm um

tùm, đồng bằng phì nhiêu, thảo nguyên mênh mông, khoáng sản phong phú và nguồn tài nguyên biển phong phú của hai đại dương. Mỹ đã có nhân tố "địa lợi". Lê Nin đã từng nói Mỹ ở vào vị trí địa lý an toàn nhất thế giới. Trong lịch sử nhân loại, chưa có bất kỳ nước lớn nào sau khi dựng nước, có thể đầu tư một lượng tài nguyên rất nhỏ vào an ninh quốc gia, lại có thể tránh được nỗi lo về an ninh đến từ bên ngoài trong một thời gian dài. Sau khi chiến tranh Nam-Bắc chấm dứt năm 1865, lãnh thổ Mỹ chưa bao giờ lại nổ ra một cuộc chiến tranh với quy mô lớn. Trong vòng hơn 120 năm từ cuộc chiến tranh đôi phó với Anh lần thứ hai (năm 1812-1815) cho đến nổ ra sự kiện Trân Châu Cảng, chủ quyền và lãnh thổ Mỹ hầu như không bị đe dọa. Chỉ sau khi xuất hiện vũ khí sát thương với quy mô lớn như vũ khí hạt nhân ... thì sự an toàn về mặt địa lý của Mỹ mới không còn nữa. Các cuộc tiến công khủng bố làm dao động tâm lý "cảng an toàn" của Mỹ.

Sự trỗi dậy của Mỹ sở dĩ nói là sự trỗi dậy với giá rẻ không chỉ ở ưu thế về môi trường địa lý, điều quan trọng hơn là quá trình trỗi dậy của Mỹ đã thể hiện một sự trỗi dậy rất trí tuệ, rất nghệ thuật và rất thông minh. Đương nhiên, sự trỗi dậy của Mỹ cũng rất "xảo quyết", trên một số mặt còn rất bỉ ổi và tàn nhẫn. Mọi người đều biết rõ nghệ thuật cũng như sự xảo quyết của Mỹ trong khi trỗi dậy.

Mỹ không chỉ giỏi trong trỗi dậy, mà còn giỏi cả trong kiểm chế

Quá trình trỗi dậy của một nước lớn hầu như luôn là một quá trình kiểm chế và đột phá kiểm chế. Trong lịch sử thế giới cận đại, trong cuộc chạy đua tranh giành địa vị quốc gia đứng đầu, có 3 thành công điển hình của việc đột phá sự kiểm chế của quốc gia đứng đầu cũ để trở thành quốc gia đứng đầu mới: thứ nhất, Hà Lan đột phá sự kiểm chế của Tây Ban Nha

để trở thành đế quốc thương mại; thứ hai, Anh đột phá sự kiểm chế của các nước trong lục địa châu Âu (bao gồm Hà Lan, Pháp, Tây Ban Nha) để xây dựng quốc gia công nghiệp; thứ ba, Mỹ đột phá sự kiểm chế của Anh để trở thành đế quốc hùng mạnh nhất thế giới.

Trong quá trình trỗi dậy của Mỹ, địa vị thế mạnh của Anh không nổi bật như Mỹ hiện nay. Trước hết Anh không kiểm chế được sự độc lập của Mỹ, sau đó không thể chiếm lại Mỹ trong cuộc chiến tranh năm 1812 (vì Anh lo lắng lục địa châu Âu lại nổ ra chiến tranh), tiếp đó lại không thể làm cho nền kinh tế Mỹ bị sụp đổ sau chiến tranh. Nhưng điều này không có nghĩa là các cường quốc châu Âu như Anh ... thừa nhận sự trỗi dậy của Mỹ, mà là tiếp tục tìm cách gây sức ép với Mỹ. Có thể nói cuộc đấu tranh giữa kiểm chế và chống kiểm chế là xuyên suốt toàn bộ quá trình trỗi dậy của các nước lớn, mà sự trỗi dậy của Mỹ chính là một quá trình không ngừng đột phá sự kiểm chế của Anh.

Việc Mỹ trỗi dậy trong sự kiểm chế đã thể hiện đầy đủ trí tuệ, thông minh, xảo quyệt và bỉ ổi kiểu Mỹ. Kể từ khi có các cuộc cạnh tranh giữa các quốc gia trên phạm vi thế giới đến nay, cái giá mà Mỹ phải trả cho sự trỗi dậy là cái giá rẻ nhất, cái giá để duy trì bá quyền cũng là cái giá rẻ nhất. Trong hai cuộc chiến tranh thế giới, nhìn vào nội dung thể hiện trực tiếp thì đó là cuộc tranh giành giữa Anh là quốc gia bá quyền thế giới cũ và Đức là nước thách thức mới. Nhìn vào giá trị và ý nghĩa cuối cùng của cuộc chiến tranh thì đó là việc thực hiện sự thay đổi bá quyền giữa Mỹ và Anh. Mỹ đã không tranh mà được, hoặc có thể nói tranh ít nhưng được nhiều. Đây chẳng phải là nghệ thuật cạnh tranh sao. Từ năm 1898-1920, Mỹ không chỉ giành được quyền chủ đạo ở khu vực châu Mỹ, mà còn thực hiện được sự hòa giải mang tính lịch sử đối với Anh, quốc gia bá quyền hiện thực và quốc gia bá quyền trong tương

lai đã liên kết thành đồng minh. Sau Chiến tranh thế giới thứ Hai, Mỹ bước lên địa vị quốc gia bá quyền, cùng với Liên Xô tiến hành cuộc chiến bảo vệ bá quyền kéo dài nửa thế kỷ. Đối với Mỹ, thực chất của Chiến tranh Lạnh chính là cuộc chiến bảo vệ bá quyền. Tôn Tử nói : "bất chiến nhi khuất nhân chi binh" (không đánh mà vẫn chiến thắng), Mỹ là nước "không đánh mà vẫn chiến thắng", là nước lấy Chiến tranh Lạnh để giành chiến thắng, tạo nên một kỷ tích về cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn trong lịch sử cận đại của thế giới.

Mỹ có hai thành công mang tính chiến lược: thứ nhất, thực hiện thuận lợi sự trỗi dậy của một nước lớn; thứ hai, kiểm chế có hiệu quả sự trỗi dậy của một nước lớn khác thách thức địa vị bá quyền của Mỹ. Mỹ là nước vừa giỏi về trỗi dậy, cũng giỏi về kiểm chế. Có thể nói Mỹ là mô hình của việc "thực hiện sự trỗi dậy của nước lớn" và "kiểm chế sự trỗi dậy của nước lớn". Cho dù nghiên cứu sự trỗi dậy của Mỹ từ một cường quyền hay tìm hiểu các phương pháp của Mỹ lấy cường quyền để áp chế trỗi dậy, thì đều là điều có ý nghĩa đối với nghệ thuật trỗi dậy của Trung Quốc. Trung Quốc phải học tập trí tuệ và nghệ thuật "trỗi dậy theo kiểu Mỹ", kiểm chế sự sảo quyệt, ti tiện và tàn bạo trong sự trỗi dậy theo kiểu Mỹ. Sáng tạo nên mô hình mới văn minh nhất thế giới về sự trỗi dậy của nước lớn tính chất trỗi dậy là "trỗi dậy phi bá quyền", đạo đức trỗi dậy là "trỗi dậy cao thượng", con đường trỗi dậy là "trỗi dậy một cách hòa bình", trí tuệ trỗi dậy là "trỗi dậy một cách nghệ thuật".

Hạ thấp giá thành: giữ ổn định

Nước lớn trỗi dậy cần tài nguyên chiến lược. Một nước lớn muốn lớn hơn nữa thì tài nguyên chiến lược mà nó có thể sử dụng thậm chí dùng vào "đánh bạc" cũng có hạn. Việc tiêu

hao lớn nhất tài nguyên chiến lược của một quốc gia là tiêu hao trong đấu tranh nội bộ và tiêu hao trong tranh giành ở bên ngoài. Nhưng trên hai mặt này Mỹ đều giảm tiêu hao một cách có hiệu quả, tiết kiệm nhiều tài nguyên. Biện pháp quan trọng để Mỹ có thể tiết kiệm tài nguyên chiến lược, đó chính là giữ ổn định tình hình trong nước và quốc tế.

Nhà sử học Pháp Tocqueville đã từng nói: "Hơn 60 năm nay ... mọi dân tộc châu Âu nếu không bị chiến tranh phá hoại thì cũng bị suy thoái vì vấn đề đối nội, chỉ có người Mỹ vẫn bình an vô sự. Hầu như toàn bộ châu Âu đều bị đảo lộn vì các cuộc cách mạng, còn người Mỹ thì không bị nảy sinh những động loạn này."

Học giả người Mỹ gốc Hoa, Khổng Hoa Nhuận cũng chỉ ra rằng: "Tại không ít các nước khác, những thay đổi chính trị đã đưa tới xung đột giai cấp và đối kháng về phân phối kinh tế, trong con mắt người Mỹ điều này là sự rối loạn không mang tính chất của chủ nghĩa cộng hòa. Mỗi quan hệ căng thẳng này cũng tồn tại ở Mỹ, nhưng nó không bị bùng lên, được xử lý ổn thỏa. Người Mỹ không thể hiểu nổi tại sao giữa ba bốn nước như Pháp, Anh ... lại cứ tranh nhau như vậy. Chỉ có Mỹ cứ bước thẳng tới tương lai."

So với các nước lớn khác, trong quá trình trỗi dậy, trạng thái chiến tranh của Mỹ có thời gian ngắn nhất và có thời gian hòa bình dài nhất. Điều này hình thành nên sự khác biệt rõ rệt đối với nước Anh. Trong 75 năm từ 1688-1763, đế quốc Anh hầu như có một nửa thời gian là đánh nhau. Trong quá trình trỗi dậy, Mỹ sở dĩ có được môi trường hòa bình dài như vậy một mặt là do môi trường địa lý độc đáo của Mỹ, khiến Mỹ có được sự đảm bảo an ninh mà trời phú cho; mặt khác cũng do sau khi dựng nước, trong thời gian dài Mỹ thực hiện chính sách ngoại giao theo chủ nghĩa cô lập, không "dính líu" vào công việc của châu Âu. Vì vậy trong khi cuộc đấu tranh giai

cấp trong nội bộ châu Âu diễn ra rầm rộ và cuộc cạnh tranh giữa các cường quốc châu Âu diễn ra gay gắt, thì Mỹ lại có điều kiện tập trung tinh lực tiến vào tương lai. Sự trái ngược này giữa Mỹ và châu Âu đã dự báo sự suy thoái của châu Âu và sự trỗi dậy của Mỹ. Có thể thấy việc kiên trì giữ ổn định, không để xảy ra động loạn, hạ thấp cái giá phải trả của những biến động trong nước và hạ thấp giá thành trong cạnh tranh quốc tế, chính là nhân tố quan trọng để Mỹ có thể trỗi dậy với giá rẻ.

"Trai cò tranh nhau: ngư ông đắc lợi"

Con đường trỗi dậy của Mỹ là được xây dựng trên đồng đố nát của sự cạnh tranh tàn sát lẫn nhau giữa các nước lớn khác. Đối với Mỹ, con đường trỗi dậy tranh giành bá quyền thế giới của Mỹ là sự trỗi dậy với giá thành rẻ nhất; nhưng giá thành mà thế giới phải chịu đựng lại là cái giá đắt nhất. Trong quá trình này, các thủ đoạn cạnh tranh của Mỹ là vừa thâm hiểm, vừa độc ác, vừa quỷ quái, vừa hung dữ.

Ngay từ 1941, khi phát xít Hítle tiến công Liên Xô, Tổng thống Truman đã từng bày tỏ chính sách mà Mỹ thực hiện giữa Đức và Liên Xô là: "Nếu chúng ta thấy Đức đang thắng trong cuộc chiến tranh này thì chúng ta sẽ ủng hộ Nga. Khi Nga thắng trong cuộc chiến tranh này, chúng ta cũng nên giúp đỡ Đức. Việc sử dụng phương pháp như vậy chúng ta có thể khiến cả hai tàn sát nhau đến cùng."

Các chính trị gia Mỹ khi tổng kết mưu lược của Mỹ đã nói: Mỹ luôn là cầu thủ dự bị trong cuộc thi đấu chính trị thế giới. Mỹ luôn ở phía sau, đợi khi hai bên đấu nhau kiệt sức thì mới nhảy vào thu dọn tàn cục. Trong hai cuộc chiến tranh thế giới, Mỹ đều là nước nhảy vào sau cùng. Cống hiến của kẻ tham chiến cuối cùng chỉ là làm bể gãy ngọn rơm trên lưng con lạc đà, nhưng chiến lợi phẩm thu được lại là cả con lạc đà.

Nhìn vào kết quả cuối cùng và ý nghĩa của hai cuộc chiến tranh thế giới trong thế kỷ 20, có thể thấy hai cuộc chiến tranh này nổ ra là để phục vụ cho Mỹ. Nhìn bề ngoài hai cuộc chiến tranh thế giới là hai lần thách thức của Đức đối với địa vị bá chủ thế giới, là hai lần bảo vệ của Anh đối với địa vị bá chủ thế giới, nhưng trên thực tế là sự thay thế dần dần của Mỹ đối với Anh. Thắng lợi của hai cuộc chiến tranh thế giới là thắng lợi của Anh, nhưng là thắng lợi của kẻ suy bại, là thắng lợi đối từ việc làm tăng nhanh sự suy bại của mình, là chiến thắng trong sự thảm bại. Trong chiến tranh Anh đã chiến thắng, đã thắng Đức, nhưng Anh đã thua trong địa vị quốc gia, đã thua Mỹ. Kẻ thắng lợi thực sự trong hai cuộc chiến tranh thế giới là Mỹ. Chính Anh đã bỏ hết sức lực ra đánh bại Đức vì Mỹ, và Đức cũng vì Mỹ mà đánh Anh. Mô hình Mỹ thay Anh là rất cao thủ và xảo quyệt. Anh phải trả cái giá chiến lược cho việc Mỹ giành lấy bá quyền thế giới. Anh là nước thắng lợi trong hai cuộc chiến tranh thế giới, nhưng lại mất đi đế quốc của mình, mất đi địa vị đứng đầu thế giới, đem ngôi báu bá quyền thế giới dâng cho Mỹ. "Trai cò tranh nhau, ngư ông đắc lợi". Mỹ chính là ngư ông đắc lợi.

Trong hợp tác và liên minh với Anh, Mỹ đã thay thế địa vị của Anh. Cuộc cạnh tranh chiến lược, cuộc đọ sức chiến lược giữa Mỹ và Anh được thông qua hợp tác chiến lược và liên minh chiến lược để thực hiện. Đây là vận may chiến lược, kỳ tích chiến lược, nét đặc sắc chiến lược của Mỹ.

Chuẩn bị chiến tranh: không ảo tưởng

Với sự chỉ đạo của tư duy chiến lược "không có kẻ thù và bạn bè vĩnh viễn, chỉ có lợi ích quốc gia vĩnh viễn", trong quá trình trỗi dậy cho dù là đối với kẻ thù hay bạn bè, Mỹ đều có sự chuẩn bị chiến tranh đầy đủ, bao gồm cả đối với đồng minh Anh trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ Nhất.

Sau Chiến tranh thế giới thứ Nhất, Mỹ đứng trước cục diện tranh giành bá quyền trên biển giữa Anh và Nhật Bản. Năm 1919, hội nghị của các tướng lĩnh hải quân Mỹ đã thảo luận về thái độ mà Anh có thể vận dụng. Hội nghị cho rằng Mỹ và Anh tồn tại khả năng xung đột, khi Anh đánh Mỹ, Nhật Bản sẽ nhanh chóng đứng về phía Anh. Tháng 3/1920, Mỹ đã chế định hai kế hoạch tác chiến: "Kế hoạch màu da cam" tác chiến với Nhật Bản ở Thái Bình Dương, là lần sửa đổi thứ hai đối với "kế hoạch màu da cam" chế định năm 1911; "Kế hoạch tác chiến màu đỏ-da cam" tác chiến với Anh và Nhật Bản ở Thái Bình Dương và Đại Tây Dương. Nhìn vào kế hoạch tác chiến của hải quân Mỹ có thể thấy việc đồng minh Anh-Nhật có tồn tại hay không không những có ảnh hưởng trực tiếp đến bố trí chiến lược của Mỹ và so sánh lực lượng của Mỹ ở khu vực Thái Bình Dương, mà còn ảnh hưởng đến địa vị chiến lược toàn cầu của Mỹ. Mỹ tất phải bố trí hạm đội của Mỹ ra cả hai đại dương để sử dụng.

Trong báo cáo hàng năm từ 1922-1924 của Phòng kế hoạch tác chiến của Bộ hải quân Mỹ đã có phán đoán như sau: Nhật Bản và Anh vẫn là hai nước có thể tranh giành với Mỹ về quyền kiểm soát biển. Điểm đối lập có thể đưa tới việc Mỹ có thể giao chiến với cả hai nước, hoặc một trong hai nước vẫn tồn tại. Việc chuẩn bị chiến tranh của hải quân Mỹ trước hết là nhằm vào Nhật Bản, việc tiến hành chiến tranh với Anh hoặc với liên minh Anh-Nhật là bước chuẩn bị thứ hai.

Nhìn vào tình hình quốc tế trong thập kỷ 20-30 của thế kỷ 20 cho thấy đối tượng tác chiến có nhiều khả năng nhất của Mỹ vẫn là Nhật Bản. "Chiến tranh màu da cam là cuộc chiến tranh được coi là dễ xảy ra nhất", "chiến tranh màu da cam" cũng trở thành kế hoạch tác chiến chủ yếu nhất của quân đội Mỹ, Trong hơn 10 năm chế định kế hoạch này, tuy có sửa đổi vài lần, nhưng nội dung chủ yếu "đơn độc tiến hành cuộc chiến

tranh với Nhật Bản ở Thái Bình Dương" vẫn không thay đổi.

Cuối thập kỷ 30 của thế kỷ 20, Mỹ mới dần dần thay đổi tư duy chiến lược của mình. Tháng 2/1938 đã tiến hành sửa đổi "Kế hoạch màu da cam", ngoài việc vẫn giữ cách tư duy cơ bản tiến hành chiến tranh với Nhật Bản ở Thái Bình Dương, đã bước đầu đánh giá đến mối đe dọa của Đức và Italia ở bên bờ Đại Tây Dương. Tháng 2/1939, Roosevelt đề nghị tăng cường căn cứ hải quân lên thành 16 căn cứ, trong đó số lượng căn cứ ở khu vực Thái Bình Dương nhiều gấp 3 lần so với khu vực Caribe. Điều này phản ánh tư duy chiến lược lấy Thái Bình Dương làm trọng điểm vẫn chưa thay đổi triệt để. Chỉ đến tháng 3/1939, khi Đức chiếm toàn bộ Tiệp Khắc, đưa ra yêu cầu lãnh thổ đối với Ba Lan, thì đến tháng 4/1939, Ủy ban liên hợp hải-lục quân Mỹ mới đưa ra báo cáo nêu rõ nếu cả hai bờ đại dương đều bị đe dọa, thì nên vận dụng thế thủ ở Thái Bình Dương, bảo lưu đầy đủ lực lượng quân đội, lấy Hawaii làm căn cứ, thực hiện phòng vệ theo "tam giác chiến lược" (Hawaii - Alaska-Panama). Điều này có nghĩa là tư duy cơ bản của "kế hoạch màu da cam" tiến hành chiến tranh với Nhật ở Thái Bình Dương đã hủy bỏ, trở thành bước ngoặt trong sự thay đổi tư duy chiến lược của Mỹ. Trên cơ sở này, tháng 6.1939, Ủy ban liên hợp hải-lục quân Mỹ đã chế định kế hoạch tác chiến mới - "Kế hoạch cầu vồng". Kế hoạch này đặt ra 5 tình huống và đưa ra 5 phương án đối với cuộc chiến tranh ở Thái Bình Dương và Đại Tây Dương có thể trong tương lai. Trong đó phương án "Cầu vồng-5" đặt giả thiết Mỹ, Anh và Pháp liên hợp tác chiến, cùng với việc đảm bảo phòng vệ ở Tây bán cầu, sớm đưa quân Mỹ đến Đông Đại Tây Dương, đồng thời đưa quân đến châu Âu và châu Phi, hợp đồng với quân Anh và quân Pháp tiến hành tiến công chiến lược đối với Đức và Italia. Tại Thái Bình Dương, trong khi duy trì phòng ngự chiến lược, đợi cho đến khi đánh bại các nước ở

trục trung tâm, mới có thể quay lại tiến hành tiến công chiến lược đối với Nhật Bản ở Thái Bình Dương. Phương án "Cầu vồng-5" rất gần với kế hoạch chiến tranh mà Mỹ tiến hành trong Chiến tranh thế giới thứ Hai, đánh dấu việc hình thành dần dần tư tưởng chiến lược "Châu Âu số một". Phương châm chiến lược lớn "Châu Âu số một" được chính thức xác định khi Bộ Tổng tham mưu quân đội Anh và Mỹ liên hợp vạch ra kế hoạch "ASC-1". Sự chỉ đạo chiến lược của Mỹ được biểu hiện rất mạnh trong tính dự báo chiến tranh, tính kiên quyết chuẩn bị chiến tranh trong chiến lược quân sự của Mỹ và có thể căn cứ vào sự thay đổi của tình hình quốc tế, kịp thời thay đổi đối tượng tác chiến, kịp thời thay đổi phương châm tác chiến, từ đó nắm chắc quyền chủ động chiến lược. Thành công chiến lược quân sự của Mỹ đã phát huy tác dụng đặc biệt đối với sự trỗi dậy thành công của Mỹ.

Im lặng chờ thời: xuất hiện chậm

Trong nghệ thuật trỗi dậy của Mỹ, có một điều cần biết đó là "im lặng chờ thời mang đặc sắc Mỹ", đó là ngay cả khi điều kiện làm lãnh tụ thế giới đã chín muồi, cũng không vội xuất đầu lộ diện.

Học giả Khổng Hoa Nhuận đã từng nói: "Lịch sử biến đổi thế giới từ năm 1913-1945 cũng là lịch sử biến đổi vai trò thế giới của Mỹ. Châu Âu đã từng là trung tâm quan hệ quốc tế của các nơi trên thế giới bao gồm cả Mỹ, nhưng sau Chiến tranh thế giới thứ Nhất đã mất đi địa vị bá quyền. Những năm tháng sau năm 1917, đã đánh dấu việc Mỹ trỗi dậy trở thành lãnh tụ của thế giới. Ngay cả khi không sử dụng sức mạnh quân sự để thực sự phát huy vai trò lãnh đạo, thì Mỹ cũng cung cấp tài nguyên kinh tế và văn hóa để xác định và duy trì trật tự thế giới. Vào giữa thập kỷ 30 của thế kỷ 20, việc Mỹ lẩn tránh lãnh đạo thế giới hoặc hợp tác quốc tế và trở

về với chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa đơn phương trên thực tế là một ngoại lệ. Nhưng ngay cả khi đó, như theo cách nói của Joseph Nye, vẫn có thể thấy được Mỹ sớm muộn cũng 'thể hiện sự lãnh đạo'. Khi Chiến tranh thế giới thứ Hai sắp kết thúc, Roosevelt và bạn bè mong muốn Mỹ trỗi dậy từ trong chiến tranh và trở thành quốc gia mạnh nhất thế giới. Khác với Chiến tranh thế giới thứ Nhất, sau Chiến tranh thế giới thứ Hai, Mỹ quyết tâm muốn lãnh đạo thế giới. Lần này Mỹ muốn xây dựng một trật tự quốc tế có thể làm tăng thêm lợi ích của Mỹ, khiến Mỹ không chỉ có thể nâng cao quyền thế và tăng thêm của cải cho mình, mà cũng có thể mở rộng giá trị quan của Mỹ ra toàn thế giới. Mỹ không thể lại lần tránh trách nhiệm nước lớn, mà nên chấp nhận quyền lãnh đạo để xây dựng trật tự kinh tế quốc tế theo chủ nghĩa tự do - lấy tự do mậu dịch và ổn định tỷ giá hối đoái làm cơ sở, sáng tạo ra sự phồn vinh mà các dân tộc chưa từng có. Mỹ cần lãnh đạo thế giới để ngăn ngừa sự phục hồi của cường quyền Đức-Nhật, ngăn ngừa sự trỗi dậy của các cường quyền khác bất chước các phần tử phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản.

"Im lặng chờ thời" mang đặc sắc Mỹ chính là truyền thống chủ nghĩa cô lập thâm căn cố đế của Mỹ. Sức mạnh của truyền thống này rất lớn, nên ngay cả khi Mỹ có đủ sức mạnh lãnh đạo thế giới, khi một loạt các nhân vật tinh anh của Mỹ cần phải xuất hiện trước thế giới, thì vẫn bị cản trở bởi truyền thống này. "Bi kịch Wilson" xuất hiện sau Chiến tranh thế giới thứ Nhất là một ví dụ điển hình.

Sau khi sức mạnh kinh tế Mỹ đứng đầu thế giới, thời gian để Mỹ từ "im lặng chờ thời" đi lên cương vị lãnh đạo thế giới phải mất nửa thế kỷ. Cuộc chiến tranh Mỹ-Tây Ban Nha năm 1898 là một tiêu chí quan trọng của sự chuyển biến ngoại giao từ chủ nghĩa cô lập sang chủ nghĩa thế giới. Chính sách mở

cửa của Trung Quốc đưa ra năm 1899 và những đánh giá của Roosevelt đối với chủ nghĩa Monroe lại tăng cường thêm sự chuyển biến này. "Nguyên tắc 14 điểm" về việc xử lý vấn đề hòa bình sau chiến tranh mà Wilson đưa ra đầu năm 1918 trên thực tế là kế hoạch tranh bá thế giới, cũng là kế hoạch đòi hỏi Mỹ phải lãnh đạo thế giới. Trong đó có 3 điều khoản đều là điều khoản tranh giành bá quyền thế giới: thứ nhất, hủy bỏ điều ước bí mật, đó là để ngăn ngừa các cường quốc châu Âu chia nhau thế giới sau lưng Mỹ; thứ hai, nhấn mạnh tự quyết dân tộc, điều này là muốn làm tan rã hệ thống thực dân cũ của các cường quốc châu Âu; thứ ba, kiến nghị xây dựng "Quốc liên", với ý đồ kiểm soát hệ thống an ninh quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ Nhất. Sự phá sản của kế hoạch tranh bá này là do tuy về mặt kinh tế và quân sự Mỹ đã là cường quốc, nhưng trên mặt chính trị quốc tế và ngoại giao Mỹ vẫn còn yếu. Các nước lớn khác trên thế giới còn chưa chuẩn bị tốt cho việc chấp nhận Mỹ lãnh đạo và chủ đạo thế giới. Vì vậy, Wilson tuy "đánh thắng trong chiến tranh", nhưng lại "mất đi hòa bình", tuy vẽ nên triển vọng tốt đẹp cho thế giới nhưng lại không thể thực hiện được nó.

Sau Chiến tranh thế giới thứ Hai, Roosevelt thông qua việc xây dựng liên minh chống phát xít, đã thành công xây dựng được cơ cấu an ninh quốc tế mà Wilson chưa làm được - Liên Hợp Quốc, và thông qua nguyên tắc "5 nước lớn nhất trí" và từ đó hình thành nên "quyền phủ quyết của nước lớn", đảm bảo quyền chủ đạo của Mỹ ở Liên Hợp Quốc. Trong Chiến tranh thế giới thứ Hai, các ngành kinh tế Mỹ, đặc biệt là công nghiệp quốc phòng đều phát triển nhanh chóng. Đến năm 1945, thu nhập quốc dân của Mỹ đã tăng hơn gấp đôi; tổng tải trọng của các tàu biển đạt 57 triệu tấn, chiếm 2/3 tổng tải trọng của thế giới; số lượng vàng và các kim loại quý hiếm khác cũng chiếm tới 59% của thế giới; đồng đô la Mỹ đã trở

thành đồng tiền mạnh nhất thế giới. Trong thương mại thế giới, Mỹ cũng ở vào địa vị lũng đoạn. Thực lực quân sự Mỹ không chỉ cắm sâu vào lục địa châu Âu, mà còn chiếm giữ nhiều căn cứ chiến lược quan trọng khác trên thế giới. Việc lũng đoạn vũ khí hạt nhân càng khiến Mỹ trở thành cường quốc quân sự có khả năng răn đe mạnh nhất. Thực lực hùng mạnh trên các mặt chính trị, quân sự và kinh tế đã tạo điều kiện cho việc Mỹ đóng vai trò chính trên sân khấu chính trị thế giới, lấp vào chỗ trống mà các nước châu Âu để lại. Nhưng tuy có thực lực lãnh đạo thế giới, nhưng đòi hỏi phải có dã tâm và quyết sách chiến lược lãnh đạo thế giới. Điều này quyết định Mỹ liệu có thoát ra khỏi "chủ nghĩa cô lập" truyền thống hay không. Do sau Chiến tranh thế giới thứ Nhất, chủ nghĩa quốc tế của Wilson đã từng bị thất bại, để tránh sai lầm cũ, ngay khi trong thời chiến, chính quyền Roosevelt đã bắt tay vào việc chuẩn bị về mặt chính sách và dư luận cho giai đoạn hậu chiến. Sau sự kiện Trân Châu Cảng, Chính phủ Mỹ đã thành lập Ủy ban tư vấn chính sách đối ngoại thời hậu chiến do Ngoại trưởng Hull và Thứ trưởng ngoại giao Welles làm chủ tịch và phó chủ tịch ủy ban, chế định chính sách xây dựng trật tự thế giới sau chiến tranh. Tại hội nghị giữa những người đứng đầu 3 cường quốc Mỹ-Xô-Anh, Roosevelt đã chuyển hóa những chính sách này thành những biện pháp cụ thể sau chiến tranh, tìm cách biến đồng minh thời chiến thành thể chế hợp tác của thế giới sau chiến tranh do Mỹ chủ đạo. Những cố gắng của những người như Ngoại trưởng Hull khiến công chúng Mỹ tin rằng việc xây dựng trật tự kinh tế quốc tế sau chiến tranh, việc khôi phục lại thể chế mậu dịch tự do đa phương là việc làm không thể thiếu của Mỹ sau chiến tranh. Bộ trưởng tài chính Morgenthau đã từng chỉ rõ tại Thượng viện rằng Mỹ cần phải xây dựng một thể chế thế giới, để các doanh nghiệp có thể dựa theo nguyên

tắc thương mại tiến hành buôn bán và đầu tư quốc tế. Đến khi kết thúc chiến tranh, trong nước Mỹ vẫn có người chủ trương không can thiệp vào công việc của châu Âu, Chính phủ Mỹ đã có lần dự định thu nhỏ lực lượng ở châu Âu. Nhưng sự suy thoái của các nước Tây Âu khiến các nhà quyết sách Mỹ nhận định rằng: hoặc cứ để cho châu Âu xảy ra động loạn chính trị kinh tế nghiêm trọng, từ đó đe dọa đến hệ thống Tư bản chủ nghĩa thế giới, hoặc xuất hiện can thiệp với quy mô lớn. Với sức mạnh và lợi ích chiến lược toàn cầu của Mỹ đã khiến Mỹ chọn phương án sau. Vì thế mới có "Hiệp định tài chính Mỹ-Anh" tháng 12/1945 và các biện pháp khác viện trợ Tây Âu.

Mỹ cảnh giác như thế nào đối với "cái bẫy chiến lược"

Một đặc điểm quan trọng của Mỹ là luôn duy trì cảnh giác chiến lược cao độ đối với thế lực nước ngoài. Truyền thống chiến lược này được hình thành từ thời khai quốc công thần Washington.

Washington nói: Phải luôn duy trì cảnh giác đối với âm mưu của nước ngoài.

Năm 1796, trong diễn văn chào từ biệt, Washington đã nhắc nhở nhân dân Mỹ rằng: "Cần phải xóa bỏ những cảm giác khó chịu thâm căn cố đế đối với các nước cá biệt và cũng phải xóa bỏ những tình cảm tốt đẹp đối với các quốc gia khác. Không có gì quan trọng hơn điều này... Để đối phó với âm mưu quỷ kế của thế lực nước ngoài... một dân tộc tự do cần luôn duy trì cảnh giác. " Lời nói này của Washington là lời khuyên răn sâu sắc đối với nhân dân Mỹ, là sự cảnh cáo về ý thức phải luôn lo lắng về hậu họa, là sự tổng kết kinh nghiệm đấu tranh trong cuộc đời của Washington, cũng là kết tinh trí tuệ chiến lược của vị khai quốc công thần.

Đối với Washington mà nói, thế lực nước ngoài luôn có

âm mưu quỷ kế, một dân tộc tự do không chỉ phải duy trì cảnh giác, mà còn phải luôn luôn duy trì cảnh giác, không phút nào nơi lỏng.

Đương nhiên đối với thế lực nước ngoài, đối với vấn đề quốc tế không thể chỉ dùng "thuyết âm mưu" để nhìn nhận vấn đề, nhưng cũng không thể chỉ dùng "thuyết phi âm mưu" để nhìn nhận. Thế giới này luôn có âm mưu quỷ kế, cho nên cảnh giác là điều cần thiết và phải như Washington yêu cầu nhân dân Mỹ - luôn luôn duy trì cảnh giác.

"Cái bẫy của Bismarck" và "đánh giá của De Gaulle"

Trong sự cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, cách nói của Washington "âm mưu quỷ kế" của nước ngoài hay được nhắc đến. "Cái bẫy của Bismarck" là một ví dụ điển hình. Trong chiến tranh Phổ-Pháp năm 1870-1871, nước Phổ đã đánh bại nước Pháp, hoàng đế Pháp cũng bị bắt, nhưng trong nội bộ Đức khi đó nảy sinh chia rẽ nghiêm trọng về chính sách đối với Pháp. Đại sứ đầu tiên của Đức ở Pháp Hans Von Amim chủ trương khôi phục chế độ hoàng đế ở Pháp. Bismarck thì xuất phát từ mục tiêu chiến lược muốn cô lập, làm rối loạn và suy yếu nước Pháp để sau này Pháp khó mà có thể cạnh tranh được với Đức, nên đã chủ trương khôi phục thể chế cộng hòa của Pháp. Bismarck cho rằng một chính quyền theo thể chế cộng hòa không ổn định sẽ luôn ở vào trạng thái bị cô lập ở châu Âu, nơi mà chế độ quân chủ đang chiếm địa vị thống trị. Năm 1872, trong một diễn thuyết, Bismarck đã nói: "Đối với các vương triều của liên hợp châu Âu, ngọn núi lửa Pari (chỉ chính quyền theo thể chế cộng hòa của Pháp) không có gì nguy hiểm, nó tự nhen lên và cũng tự tàn lụi đi." Bismarck kiên trì việc để Pháp xây dựng chế độ cộng hòa, để Pháp giống như một ngọn núi lửa, suốt ngày phun ra âm thanh dân chủ, rơi vào động loạn và không ổn

định. Đây là trạng thái lý tưởng có lợi cho Đức. Còn Von Amim thì kiên trì chủ trương của mình, cuối cùng bị cách chức và bị gán cho tội phản quốc.

Âm mưu của Bismarck, sau 70 năm đã được De Gaulle phân tích một cách rõ ràng. De Gaulle cho rằng nguyên nhân quan trọng đưa tới thất bại chiến lược của Pháp là do đấu tranh gay gắt giữa các đảng phái, là do nội các liên tục thay đổi, khiến đất nước suy yếu; chính chế độ nghị viện của nước Cộng hòa thứ ba đã đưa tới việc trong 65 năm từ 1875-1940, nước Pháp đã thay đổi chính phủ 102 lần, trong khi đó Anh chỉ thay đổi chính phủ có 20 lần, và Mỹ chỉ thay đổi 14 đời tổng thống. De Gaulle nhiều lần thấy rằng một vị thủ tướng vừa lên đã bị phê phán liên tục. "Tuy cố hết sức nhưng vị thủ tướng đó vẫn không đối phó được, càng không thể nói đến việc nắm toàn cục. Nghị viện không ủng hộ ông ta, chỉ làm những việc hại ông ta. Các bộ trưởng trong nội các cũng là kẻ thù của ông ta. Dư luận, báo chí, đảng phái đều coi thủ tướng là đối tượng phê phán trách móc. Mọi người đều biết ông ta chỉ cầm quyền được thời gian ngắn. Bản thân ông ta cũng biết trước điều đó."

Hậu di chứng của Bismarck kéo dài đến tận cuối thập kỷ 50 của thế kỷ 20. Nội các của nước Cộng hòa thứ tư xác lập năm 1947 cũng không ra làm sao; từ năm 1947-1958 đã nảy sinh ra 24 khóa nội các, bình quân mỗi nội các chỉ tồn tại hơn 5 tháng, trong đó có 2 nội các chỉ tồn tại có 1 ngày, đó là chính phủ Pinot tồn tại từ 17-18/2/1955 và chính phủ Binet tồn tại từ 17-18/10/1957. De Gaulle chủ trương nghị viện phải có quyền lập pháp và quyền giám sát đối với chính phủ, nhưng không thể thay thế chính phủ chấp chính. Chính phủ phải có chức có quyền và ổn định. Do chính phủ lâm thời luôn bị nghị viện chi phối khiến De Gaulle tức giận từ chức ngày 20/1/1946, cho đến tháng 9/1958, hiến pháp nước cộng hòa thứ năm được

thông qua, đã tăng cường mạnh mẽ quyền lực của tổng thống và đến tháng 12/1958, sau khi làm tổng thống nhiệm kỳ đầu tiên, De Gaulle mới có thể thực hiện được hoài bão chính trị của mình.

Việc tích cực thúc đẩy xây dựng dân chủ mang đặc sắc Trung Quốc là một nhiệm vụ quan trọng. Còn việc một số thế lực nước ngoài kêu gọi Trung Quốc phải thực hiện đại dân chủ theo kiểu Mỹ, lấy đại dân chủ để làm rối loạn Trung Quốc, làm trì trệ Trung Quốc, thì đó chỉ là một âm mưu. Về điều này Trung Quốc phải nhớ lời cảnh cáo của Washington, đó là phải luôn duy trì cảnh giác đối với âm mưu quỷ kế của thế lực nước ngoài.

Phải luôn đề phòng Mỹ: Vận mệnh lịch sử của "thuyết âm mưu" và "thuyết cái bẫy"

Vấn đề chiến lược đầu tiên của dân tộc Trung Hoa hướng tới thế giới trong thế kỷ 21 là hướng tới Mỹ, đối tượng mà Trung Quốc cần hợp tác nhất là Mỹ, đối tượng cần cảnh giác nhất cũng là Mỹ.

Mỹ là quốc gia luôn duy trì cảnh giác đối với âm mưu của thế lực nước ngoài, nhưng cũng là nước rất thành thạo trong việc sử dụng âm mưu quỷ kế và đặt ra những cái bẫy chiến lược. Mỹ đã từng sử dụng chạy đua vũ trang làm cái bẫy chiến lược để đối phó với Liên Xô. Mỹ là đối thủ cũ trong Chiến tranh Lạnh, có truyền thống thực hiện Chiến tranh Lạnh. Chiến tranh Lạnh trên thực tế là cuộc chiến về những cái bẫy, là cuộc chiến về những âm mưu. Đối với Trung Quốc mà nói, không thể không đề phòng Mỹ.

Những nơi mà Mỹ đặt bẫy để đối phó với Trung Quốc không ít. Mỹ có thể đặt ra cái bẫy chính trị, có thể xuất khẩu và đầu tư dân chủ, khiến Trung Quốc rối loạn. Mỹ có thể đặt ra cái bẫy kinh tế, gây nên những cuộc khủng hoảng về tài

chính, gây nên những cuộc chiến tranh về tiền tệ, cuốn đi những đồng tiền thấm đẫm mồ hôi nước mắt mà nhân dân Trung Quốc phải vất vả mới kiếm được. Mỹ có thể đặt ra cái bẫy về quân sự, tại một số khu vực điểm nóng xung quanh Trung Quốc, lôi kéo Trung Quốc vào những cuộc chiến tranh không bao giờ chiến thắng. Mỹ có thể đặt ra những cái bẫy về ngoại giao, khiêu khích các mối quan hệ, tạo nên mâu thuẫn, xây dựng liên minh đối phó với Trung Quốc. Tháng 1/2007, Trưởng phòng chính sách đối ngoại của Trung tâm cải cách châu Âu của Mỹ M. Leonard đã cho rằng năm 2020 là ranh giới của thế kỷ 21, Trung Quốc thay Mỹ trở thành thế kinh tế lớn nhất thế giới. Chính trị toàn cầu từ đơn cực chuyển sang chính trị đa cực. Chính sách "cân bằng thế lực" mà Mỹ thực hiện có hai nội dung: duy trì địa vị "nhất siêu" của Mỹ và tại mỗi khu vực đều thông qua phương thức ủng hộ chính quyền dân chủ để duy trì cân bằng thế lực khu vực. Ví dụ tại châu Âu, Mỹ coi Liên minh châu Âu là lực lượng để cân bằng và kiềm chế Nga. Tại châu Á, Mỹ liên minh với Ôxtrâyliya, Ấn Độ, Nhật Bản ... để kiềm chế Trung Quốc. Một học giả đã cho rằng thành tựu quan trọng nhất của thực lực mềm Trung Quốc là Bắc Kinh đã có thể ngăn ngừa sự hình thành của bất kỳ liên minh quốc tế nào để kiềm chế sự trỗi dậy của Trung Quốc về chiến lược. Thế giới từ nay về sau sẽ không có "liên minh chống Mỹ", nhưng thế giới sau này liệu có phải nhất định không có "liên minh chống Trung Quốc" hay không?

Văn hóa nhân loại tiến triển theo một quá trình lâu dài từ văn hóa Hobbesian, đến văn hóa Locke rồi tiến lên văn hóa Kant, cũng là một quá trình gian nan trắc trở. Trong quá trình này, nếu như mất đi sự cảnh giác đối với âm mưu của thế lực bên ngoài, tất sẽ gặp phải rủi ro. Cho nên phải luôn cảnh giác và phê phán "thuyết âm mưu" và "thuyết cài bẫy". Các chuyên gia cố vấn càng không thể ảo tưởng dùng "thuyết phi

âm mưu" thậm chí "thuyết về sứ mạng lịch sử" để mê hoặc dân chúng.

Hãy ghi nhớ lời của Washington "Để đối phó với âm mưu của thế lực nước ngoài, một dân tộc tự do cần luôn duy trì cảnh giác." Trung Quốc nên giương cao ngọn cờ lớn "thuyết hợp tác", "thuyết hữu hảo", "thuyết đối tác", hội tụ nhiều nhận thức chung trong cộng đồng quốc tế. Nhưng Trung Quốc cũng không thể không nghe thấy tiếng chuông cảnh giác về "thuyết kiểm chế", "thuyết âm mưu", "thuyết cài bẫy". Luôn duy trì cảnh giác đối với thế lực nước ngoài.

CHƯƠNG 6

KHÔNG NÊN CÓ ẢO TƯỢNG ĐỐI VỚI MỸ

Đối với Mỹ phải có hy vọng, nhưng không nên tách rời thực tế. Đối với quan hệ Trung-Mỹ, phải có hy vọng, nhưng không nên lý tưởng hóa. Tăng cường niềm tin chiến lược là có ý nghĩa to lớn đối với việc bảo vệ và phát triển quan hệ Trung-Mỹ. Nhưng cùng với việc tăng cường niềm tin chiến lược, cũng phải đề phòng “ảo tưởng chiến lược”.

1. Ảo tưởng về chiến lược không khác gì tự sát

Ảo tưởng về chiến lược là một sai lầm mà các nhà chính trị rất dễ mắc phải, và cũng là sai lầm mà các nhà chính trị không thể phạm phải. Trong cuộc đọ sức giữa quốc gia đứng đầu quân với quốc gia tiềm tàng đứng đầu, quốc gia tiềm tàng đứng đầu làm thế nào tránh được những sai lầm chiến lược của quốc gia đứng đầu? Làm thế nào để ngăn không phát sinh ảo tưởng về chiến lược? Đối với vấn đề này, trong cuộc đọ sức Đại Anh quốc, các lãnh tụ lập quốc của Mỹ đã thể hiện được trí tuệ lớn cũng như sự tỉnh táo của mình. Hơn nữa, trước Chiến tranh thế giới thứ Hai, “chính sách mị dân” của giới chính trị Châu Âu không những khiến chính các quốc gia đó mà còn làm cả thế giới lâm vào khó khăn. Bên cạnh đó, việc Tôn Trung Sơn gửi gắm tâm nguyện tốt đẹp tới Mỹ, Nhật, Nga đều mang lại hối tiếc.

Lời khuyên của Tổng thống Mỹ J.Adams

Từng là Đại sứ đầu tiên của Mỹ tại Anh và sau đó đảm nhận cương vị Tổng thống thứ hai của Mỹ, ông John Adams

năm 1816 từng dự đoán rằng: “Nước Anh mãi mãi không thể trở thành bạn của chúng ta cho tới khi chúng ta trở thành chủ nhân của họ mới thôi”. Dự đoán của Adams như hồi chuông cảnh tỉnh, lời dự đoán này đã cảnh báo Mỹ đừng đặt ảo tưởng vào Anh – cần phải đề phòng Anh.

Trong hai cuộc đại chiến thế giới, Anh đều là bạn của Mỹ, song cũng chỉ là sau chiến tranh mới là bạn do Anh cần sự cứu giúp của Mỹ. Nước Mỹ lúc này cho dù vẫn chưa phải là chủ nhân mà mới chỉ là ân nhân cứu mạng của người Anh. Sau khi Chiến tranh thế giới thứ Hai kết thúc, nước Mỹ từ ân nhân cứu mạng đã trở thành chủ nhân của nước Anh, còn nước Anh từ đây trở thành chiến hữu trung thành cũng như liên minh vững chắc của người Mỹ.

Ngày nay, nếu có người đối chiếu tư duy dự đoán lúc bấy giờ của đại chính khách John Adams nói rằng: “Nước Mỹ vĩnh viễn không thể trở thành bạn của Trung Quốc, chỉ tới khi nào Trung Quốc trở thành chủ nhân của nước Mỹ”. Điều này chắc chắn không thể xảy ra, người Mỹ sẽ không chấp nhận điều này và người Trung Quốc cũng không đồng tình. Do Trung Quốc không muốn có một chủ nhân và cũng không muốn làm chủ nhân của nước khác. Tuy nhiên, khi sức mạnh tổng hợp, địa vị quốc gia, ảnh hưởng quốc tế của Trung Quốc vượt qua Mỹ, nước Mỹ lúc đó nhất định sẽ là một người bạn lớn chân thành của Trung Quốc. Hơn nữa quan hệ Trung – Mỹ lúc đó so với bất cứ thời kỳ nào trong lịch sử đều tốt đẹp.

Nước Anh trở thành bạn của nước Mỹ là từ sau khi Mỹ trở thành chủ nhân của Anh. Nước Mỹ trở thành bạn của Trung Quốc là từ sau khi Trung Quốc vượt qua Mỹ. Trước sự hùng mạnh và siêu việt của nước Anh, Mỹ về cơ bản đã thay đổi quan hệ Anh – Mỹ, nước Mỹ đã đưa nước Anh trở thành bạn tốt của Mỹ. Trước sự hùng mạnh và siêu việt của nước Mỹ, Trung Quốc về cơ bản cũng sẽ thay đổi quan hệ Trung – Mỹ,

từ đó đưa nước Mỹ thực sự trở thành người bạn có thể tin tưởng và duy trì quan hệ dài lâu của Trung Quốc.

Dự đoán của John Adams thể hiện sự tỉnh táo và trí tuệ về chiến lược theo phong cách Mỹ, đã có tác dụng thức tỉnh đối với việc phòng ngừa ảo tưởng về chiến lược của Trung Quốc hiện nay.

Lo lắng của Hítle

Trước chiến tranh thế giới thứ Hai, đại đa số các chính trị gia phương Tây đương quyền lúc đó (ngoại trừ Louis Barthou Pháp, Winston Churchill và Alfred Duff của Anh...) đều không nhận thức rõ bản chất của Hítle, đều ảo tưởng thông qua nhượng bộ có thể đổi lấy hòa bình, tin rằng phát xít Đức là thành trì kiên cố ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản mở rộng ra Tây Âu, do đó đều bật đèn xanh cho mọi hành động của Hítle. Trong khi xác định chính sách chĩa đòn quân đội, Hítle từng phát biểu trước giới tướng lĩnh rằng: “Thời điểm xây dựng quân đội quốc phòng là thời điểm nguy hiểm nhất. Lúc này có thể nhận ra rằng nước Pháp cuối cùng có chính trị gia hay không. Nếu có, nước Pháp sẽ không cho chúng ta thời gian, mà sẽ xông thẳng tới chúng ta”.

Tiếc rằng, cả Pháp lẫn Anh, đều thiếu chính trị gia có đầu óc tỉnh táo về chiến lược. Còn những tư tưởng tỉnh táo của một số chính trị gia lại không thể trở thành dòng chính chủ đạo ý thức quyết sách, kết quả là khiến “trào lưu thỏa hiệp” và “chính sách thỏa hiệp” trong những năm 30 của thế kỷ 20 của các nước phương Tây dần dần trở thành quốc sách cơ bản. Lúc này, các chính trị gia Châu Âu do không nhận thức đầy đủ bản chất của chủ nghĩa phát xít đã đưa tới ảo tưởng về chiến lược, cho rằng “thỏa hiệp có thể đẩy lùi tai họa”, kết quả là suýt nữa mất mạng.

Hòa bình, phát triển và hợp tác là tư tưởng chủ đạo trong

cộng đồng quốc tế ngày nay, song nguy cơ chủ nghĩa bá quyền vẫn tồn tại, không được ảo tưởng với chủ nghĩa bá quyền.

Ảo mộng của Tôn Trung Sơn

Để thực hiện lý tưởng cách mạng lập quốc, Tôn Trung Sơn đã có ba mộng tưởng chính trị với Mỹ, Nhật và Nga:

“Giấc mộng Nhật Bản” – giữ vững tình hữu nghị anh em, cùng nhau đi đất, cùng nhau xây dựng phần vinh Trung Quốc và Nhật Bản.

“Giấc mộng Mỹ” – thúc đẩy hữu nghị thầy trò giữa Mỹ và Trung Quốc, hỗ trợ Trung Quốc trở thành nước cộng hòa theo mô hình của Mỹ ở phương Đông.

“Giấc mộng Nga” – bá Nga làm thầy, dựa vào thế lực của chủ nghĩa tư bản phương Tây, thực hiện ý nguyện độc lập hoàn toàn Trung Quốc.

Ba giấc mộng lớn cuối cùng đều trở thành mộng tưởng. Do bất luận là Nhật Bản, Mỹ hay Nga, cả ba nước này đều coi sự phục hưng Trung Quốc là mối đe dọa đối với họ, cả ba nước đều không hy vọng Trung Quốc lớn mạnh giống họ.

Kỳ thực, trong lịch sử cận đại, các nhân vật ưu tú của Trung Quốc không ngừng có những ảo tưởng và trông đợi vào nước Mỹ, trong đó Đảng Bảo hoàng của Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu lãnh đạo Trung Quốc đi theo con đường cải lương không đổ máu, sự ảo mộng của Tôn Trung Sơn cũng là một sự tiếc nuối đặc biệt.

Trong việc đối phó với vấn đề trỗi dậy của các cường quốc khác, bất cứ nước lớn nào cũng đều có tham vọng. Trong quan hệ giữa các nước, đặc biệt là trong quan hệ giữa các nước lớn, dường như không có chuyện nước lớn này hy vọng nước lớn khác mạnh như mình, càng không thể có một nước lớn thích nhìn nước lớn khác mạnh hơn mình.

Nếu như nói, trong quan hệ giữa người với người, có sự trông đợi “hậu sinh khả úy”, trong quan hệ giữa các nước, đặc biệt giữa các nước lớn, lại không thể xuất hiện sự “hậu sinh khả úy”. Về căn bản, các nước cường quốc, trong các mối quan hệ của họ, quyết không để các nước lớn khác xuất hiện hiện tượng “hậu sinh khả úy”. Do đó, việc một nước lớn muốn thông qua cùng một nước lớn khác xây dựng hữu nghị anh em, hữu nghị thầy trò mà cùng lớn mạnh chỉ có thể là một ảo tưởng đẹp đẽ. Kết quả cuối cùng, mọi người đã thấy rõ, ba quốc gia gây ra tai họa và uy hiếp lớn nhất đối với an ninh quốc gia của Trung Quốc trong thế kỷ 20 chính là Mỹ, Nhật Bản và Nga. Thời kỳ đầu của thế kỷ 20 chủ yếu là chủ nghĩa đế quốc Nhật Bản, cuối thế kỷ 20 chủ yếu là chủ nghĩa đế quốc Mỹ và chủ nghĩa đế quốc xã hội Liên Xô.

Trong thời đại của Tôn Trung Sơn, Nhật Bản, Nga, Mỹ đều không hy vọng Trung Quốc lớn mạnh. Trong thế kỷ 21, liệu họ có hy vọng Trung Quốc mạnh lên không? Họ hy vọng Trung Quốc lớn mạnh hơn họ sao?

Ngày 14/8/1949, Mao Trạch Đông đã viết văn kiện "Loại bỏ ảo tưởng, chuẩn bị đấu tranh", vạch rõ bản chất chủ nghĩa đế quốc trong chính sách đối với Trung Quốc của Mỹ, phê phán một số người có ảo tưởng đối với Mỹ. Quan hệ Trung - Mỹ ngày nay, cần tăng cường hợp tác, song cần phải kiên quyết "loại bỏ" ảo tưởng đối với Mỹ, cũng không thể không "chuẩn bị đấu tranh".

2. Quốc gia tiềm năng đứng đầu: đối thủ tự nhiên của quốc gia đứng đầu

Trong lịch sử của thế giới cận đại, quốc gia đứng đầu và các quốc gia có tiềm năng đứng đầu luôn là những đối thủ trên vũ đài quốc tế. Các nước này cùng nhau hợp tác đối phó

những vấn đề quốc tế cụ thể, hình thành nên quan hệ bạn bè; nhưng điều này cũng không thể thay đổi và làm giảm đi mối quan hệ cạnh tranh địa vị giữa các quốc gia đó. Đồng thời, trong bối cảnh có một số nước tiềm năng đứng đầu, quốc gia đứng đầu phải thực hiện chia để trị, để đối phó với nước tiềm năng có thể thách thức vị trí số một của mình nhiều nhất, quốc gia đứng đầu có thể xây dựng quan hệ đồng minh với các quốc gia tiềm năng đứng đầu còn lại. Nếu trên trường quốc tế chỉ có một quốc gia có tiềm năng đứng đầu thì cạnh tranh chiến lược giữa quốc gia đứng đầu và quốc gia có tiềm năng đứng có nguy cơ tăng, quan hệ đối thủ sẽ bộc lộ rõ.

Theo tốc độ trỗi dậy nhanh chóng của Trung Quốc, cùng với sự suy thoái của nước Mỹ trong khủng hoảng tài chính, hai nước Trung - Mỹ cùng phải đối diện, giải quyết các sự vụ, các vấn đề quốc tế, theo đó hình thành "quan hệ đối tác chiến lược mang tính xây dựng" ngày càng mật thiết hơn. Nhưng, "cuộc chiến tranh giành địa vị quốc gia đứng đầu" giữa hai nước Trung - Mỹ có thể cũng ngày càng căng thẳng; "quan hệ đối thủ chiến lược mang tính cạnh tranh" Trung-Mỹ sẽ nổi cộm hơn. Đây là xu hướng thay đổi tất yếu, không phải bằng ý chí của hai nước.

Hai nước Trung - Mỹ bước vào cuộc đua

Trong lĩnh vực thể thao, đối thủ cạnh tranh hàng đầu lớn mạnh nhất chính là quán quân và á quân. Á quân muốn làm quán quân, quán quân muốn giữ vị trí luôn là số một là điều tất yếu.

Trong cạnh tranh của đất nước, đặc biệt là sự cạnh tranh giữa nước đứng đầu và nước có tiềm năng đứng đầu, hai thế lực như vậy cạnh tranh nhau cũng là điều tất yếu. Đương nhiên, ở đây quốc gia đứng đầu là đối thủ của quốc gia á quân, cần phải có quyết tâm cao và năng lực cạnh tranh cao

của nước á quân, nếu nước á quân không có chí hướng, năng lực và tiềm lực cạnh tranh cùng nước đứng đầu, thì quốc gia á quân không thể thành đối thủ của quốc gia đứng đầu. Giống như vậy, một nước đứng sau quốc gia á quân, nhưng có thế lực, tiềm lực và ý chí theo đuổi vươn lên thành số một thế giới, thì nước đó sẽ được quốc gia đứng đầu coi trọng và xem là đối thủ cạnh tranh đáng gờm nhất. Trừ khi nước đó từ bỏ ý định, mục tiêu theo đuổi, hoặc do quốc gia đứng đầu tự nguyện từ bỏ ngôi vị số một của mình, không tiến hành đấu tranh để tự bảo vệ mình, chủ động nhường lại nhiệm kỳ, ngôi thứ.

Lịch sử thật khéo sắp đặt: Trung Quốc là quốc gia có ý chí nhất định phải làm quốc gia đứng đầu, còn nước Mỹ cũng nhất định nuôi ý chí giữ vững địa vị đứng đầu của mình. Như vậy, trận chiến song song tranh giành ngôi vị đứng đầu và bảo vệ vị trí đứng đầu giữa hai nước Trung - Mỹ đang đi vào giai đoạn quyết định.

Lời dự đoán "phòng Hoa" của người Mỹ năm 1942

Đối với quá trình Mỹ đề phòng sự trỗi dậy của Trung Quốc, tiến hành khảo sát lịch sử toàn diện là nhiệm vụ đòi hỏi các chuyên gia có kinh nghiệm và tài năng phải hoàn thành. Nhưng, việc nước Mỹ đưa Trung Quốc vào "tầm ngắm" trên đường đua quốc tế không chỉ là chuyện sau khi Chiến tranh Lạnh, những năm 40 của thế kỷ 20, thời kỳ chiến tranh Nhật Bản xâm lược Trung Quốc, đã có những ghi chép chứng tỏ điều này. Điều đó cho thấy, người Mỹ vừa có tính cách thực dụng, mưu lợi trước mắt, lại vừa có con mắt nhìn xa và mưu đồ thâm sâu.

Chiến tranh Thái Bình Dương xảy ra không lâu, chuyên gia nổi tiếng quốc tế người Mỹ N.Spike, trong cuốn sách

"Chiến lược nước Mỹ trong chính trị thế giới là: quyền lực và thế cân bằng của nước Mỹ", đã chỉ rõ: "Chính sách nước Mỹ sau chiến tranh nên được chỉ đạo trong khuôn khổ chiến lược tạo thế cân bằng giữa châu Á và châu Âu ... lợi ích của nước Mỹ không phải là quyền lực hợp nhất mà là quyền lực cân bằng ... mà vấn đề sau chiến tranh không phải là nước Nhật nữa mà chính là Trung Quốc ... một nước Trung Quốc hiện đại hóa, đầy sức sống, có 400 triệu nhân khẩu được quân sự hoá, sẽ không chỉ là mối đe dọa đối với Nhật Bản, mà còn uy hiếp cả địa vị của các nước lớn phương Tây ở châu Á. Nếu hiện tại và trong tương lai, thế cân bằng ở khu vực Viễn Đông không được duy trì, nước Mỹ buộc phải thực hiện chính sách bảo vệ khu vực này như của Nhật Bản". Cuốn sách này được viết trong sự kiện năm 1941 tại Trân Châu Cảng, nước Mỹ trên dưới đều phản đối, phản uất trước những hành động của Nhật, quyển sách này không những có sức ảnh hưởng lớn lúc bấy giờ mà đến nay còn là sách cần tham khảo cho nghiên cứu chiến lược phát triển nước Mỹ.

Chiến tranh Lạnh vừa kết thúc, khi trong đống đổ nát của chế độ Liên Xô cũ giải thể còn tỏa ra những luồng khói đen, nước Mỹ đã bắt đầu dò tìm những đối thủ cạnh tranh mới xuất hiện, họ còn dò xét cả một Trung Quốc dĩ hòa vi quý. Ngày 17 tháng 9 năm 1992 tạp chí "Nghiên cứu chính sách" - cơ quan nổi tiếng là "túi khôn" của Mỹ, đơn vị có truyền thống tổ chức Hội nghị tài chính, có bài viết cho rằng: "Sau khi trải qua thất bại trong một thế kỷ, xem ra Trung Quốc cuối cùng đã kiên định bước lên con đường kinh tế phát triển nhanh chóng, trên lĩnh vực quân sự hiển thị rõ thực lực, điều này chắc chắn sẽ dẫn đến ảnh hưởng lớn tới toàn châu Á và thế giới. Nó ảnh hưởng rất lớn tới lợi ích kinh tế và lợi ích an ninh của nước Mỹ". "Trung Quốc là nước lớn duy nhất có quân sự hùng mạnh đang tăng tốc mở rộng lực lượng, hơn nữa còn là

một ví dụ thực tế đầu tiên về một chế độ cộng sản chủ nghĩa đang thoả mãn được ước nguyện kinh tế của nhân dân." Từ đó, "thuyết về mối đe dọa của Trung Quốc" được sao chép và thổi phồng. Những người cổ vũ luận điệu này thậm chí cho rằng, Trung Quốc cận đại từ trước đến nay bị lãng nhục vì vậy nhất định chờ thời cơ đến để báo thù.

Sau năm 1992, cùng với sự phát triển nhanh chóng của kinh tế Trung Quốc, nước Mỹ bắt đầu tăng cường chú ý đến cái gọi là mối uy hiếp mà Trung Quốc có thể gây ra đối với địa vị chủ đạo của Mỹ. Năm 1995, những quan chức cao cấp của Bộ Quốc phòng nước Mỹ đã phát biểu: "Điều chúng tôi lo ngại nhất là Trung Quốc lớn mạnh. Nếu Trung Quốc trong 10 năm nữa tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế như hiện đã đạt được, thì việc lớn nhất trong chiến lược cuối thế kỷ 20 chính là sự phục hưng, trỗi dậy của Trung Quốc".

Từ lời dự đoán chiến lược của người Mỹ vào năm 1942 rằng "sau chiến tranh vấn đề chủ yếu không phải là Nhật Bản mà là Trung Quốc", đến tuyên bố chiến lược của Bộ Quốc phòng Mỹ năm 1995 rằng việc lớn nhất trong chiến lược cuối thế kỷ 20 chính là sự phục hưng, trỗi dậy của Trung Quốc, nước Mỹ cuối cùng đã hoàn thành việc định vị "vai diễn" của Trung Quốc, những vấn đề của Trung Quốc trở thành chiến lược lớn nhất của Mỹ, Trung Quốc vinh hạnh trở thành đối thủ số một được Mỹ coi trọng nhất, phải tiếp nhận đòn đánh của những cú đấm kiểu Mỹ.

Trung Quốc bị Mỹ chọn làm đối thủ, không muốn làm cũng phải làm

Rất nhiều người Trung Quốc đã mong chờ, hy vọng là nước Mỹ không xem Trung Quốc là đối thủ. Có người nói Trung Quốc ban hành chính sách "4 không": không tranh đấu ngôi bá chủ với nước Mỹ; không thách thức trật tự của thế

giới; không coi Mỹ là đối thủ cạnh tranh và địch thủ; Trung Quốc không phải là mối uy hiếp của nước Mỹ. Trung Quốc làm đối tác chiến lược có tính xây dựng với Mỹ, muốn hợp tác với Mỹ, hữu hảo với Mỹ. Cho dù những nguyện vọng và kỳ vọng này đều chân thành, hiếm có và đáng quý. Nhưng điều này không làm cho Trung Quốc trốn tránh được vận mệnh trở thành đối thủ của nước Mỹ.

Trung Quốc rốt cục có trở thành đối thủ cạnh tranh chiến lược của Mỹ hay không, sự sắp đặt này không do ý chí của Trung Quốc mà có thể thay đổi được. Một số nhà chiến lược của Mỹ đã chỉ rõ, nước Mỹ liệu có đề phòng một quốc gia hay không, điều đó không quyết định bởi ý đồ của quốc gia đó, mà quyết định ở lực lượng của quốc gia đó. Kissinger còn nói: "Từ góc độ địa chính, nước Mỹ bao la bát ngát không ai sánh bằng, tài nguyên và nhân khẩu luôn vượt xa khỏi bờ biển ở Âu Á. Bất kể một nửa nào đó trong lục đại ở Âu Á (châu Âu hoặc châu Á) xuất hiện một nước lớn có địa vị chiếm giữ chi phối, thì nước đó là tiêu chí thể hiện rõ nhất sự uy hiếp chiến lược của Mỹ, bất luận có hay không có chiến tranh lạnh. Nếu từ nước đó mà hình thành nên tập đoàn trên lĩnh vực kinh tế và cuối cùng là trong lĩnh vực quân sự, vượt qua năng lực của nước Mỹ, thì nước Mỹ bắt buộc phải chống trả những hiểm họa này, cho dù nước lớn có địa vị chi phối đó thể hiện rõ là họ rất hiền hoà, hữu hảo. Bởi vì, nếu bỗng dưng một ngày ý đồ của nước đó thay đổi, nước Mỹ sẽ phát hiện ra rằng năng lực khống chế hữu hiệu và thay đổi tình thế của mình đã suy yếu rất nhiều.

Nhìn từ góc độ của người Mỹ, ý nguyện của người Trung Quốc không có chỗ dựa, cái mà người Mỹ xem xét là lực lượng (chứ không phải ý nguyện). Đặc điểm quan trọng của người Mỹ trong tư duy chiến lược là: lực lượng quyết định địa vị, lực lượng quyết định tính chất, lực lượng quyết định quan

hệ. Quan hệ giữa hai quốc gia là loại quan hệ như thế nào, không phải do ý chí và ý nguyện của những quốc gia đó quyết định, mà chính là do lực lượng quyết định vấn đề đó. Người Mỹ lựa chọn đối thủ chiến lược không lấy tiêu chuẩn lương thiện, hiền hòa, mà căn cứ vào mức độ lực lượng làm tiêu chuẩn. Một chuyên gia người Mỹ nói, chỉ riêng thực tế là tốc độ phát triển, đã khiến Trung Quốc bước vào con đường xung đột với Mỹ. Đây chính là quan niệm chiến lược của Mỹ, là tư duy của nước Mỹ. Trên thế giới chỉ có nước Mỹ là số một, cho nên nước nào có tốc độ phát triển nhanh nhất, giữ khoảng cách ngắn nhất với Mỹ, thì nước đó khó lòng tránh khỏi theo tính chất lịch sử, sẽ trở thành đối thủ của Mỹ, không muốn làm cũng phải làm. Chỉ cần địa vị của anh đứng trong vị trí phát triển nhanh nhất, chỉ anh có cự ly gần nhất với nước Mỹ trong cuộc đua tổng lực quốc gia, thì anh tất yếu sẽ được nước Mỹ xem là đối thủ. Trừ khi anh tự bỏ cuộc, tự phá vỡ hoặc bị Mỹ ngăn chặn lại, còn không anh đừng có mơ tưởng đến việc chạy trốn khỏi "số phận" làm "đối thủ" của Mỹ. Trung Quốc thế kỷ 21 đã vinh hạnh được Mỹ chọn làm đối thủ, không muốn làm vẫn phải làm. Đúng như Kissinger nói: " Bất luận có hay không chiến tranh lạnh cũng như nhau mà thôi", "cho dù quốc gia có địa vị chi phối tỏ ra cực kỳ hữu hảo, hiền lành", cũng không thể được.

Mâu thuẫn cơ bản giữa Trung Quốc và Mỹ là gì?

Nước Mỹ là quốc gia phát triển mạnh nhất trên thế giới, Trung Quốc là quốc gia đang phát triển mạnh nhất trên thế giới, vậy thì mâu thuẫn cơ bản giữa hai quốc gia này là gì?

Học giả người Mỹ Vogel từng tổng kết 10 mâu thuẫn lớn nhất trong quan hệ Trung - Mỹ là: Vấn đề Đài Loan, vấn đề Tây Tạng, vấn đề Biển Đông, vấn đề kinh tế, vấn đề tổ chức đa phương và tổ chức quốc tế, vấn đề cách nhìn nhận về mối

đe dọa tiềm ẩn đối với châu Á, vấn đề liên minh chiến lược, vấn đề phát triển vũ khí, vấn đề nhân quyền và môi trường.

Thực chất, những mâu thuẫn trên đây đều là những mâu thuẫn cụ thể giữa hai nước Trung - Mỹ, nhưng vẫn chưa chỉ rõ mâu thuẫn căn bản giữa hai nước này. Mâu thuẫn cơ bản giữa hai nước Trung - Mỹ thực chất là mâu thuẫn giữa quốc gia đứng đầu và quốc gia có tiềm năng chiếm ngôi đứng đầu, là quốc gia quán quân và quốc gia dự bị quán quân.

Brezinski từng nói, nước Mỹ là "nước lớn số một trên toàn cầu" cũng là "nước siêu cường cuối cùng trên thế giới". Mục tiêu chiến lược của Mỹ hiện tại là ổn định ở mức số 1 thế giới, còn mục tiêu của Trung Quốc là chạy nước rút giành ngôi số 1 thế giới. Như vậy là giữa Mỹ và Trung Quốc tất có sự va chạm đụng độ lẫn nhau, khách quan mà nói đấy là sự mâu thuẫn. Vì vậy, mâu thuẫn này là trận quyết đấu giành ngôi vị đứng đầu thế giới.

Mỹ là quốc gia theo chủ nghĩa tư bản lớn nhất thế giới, Trung Quốc là nước đi theo đường lối xã hội chủ nghĩa lớn nhất thế giới. Không có sự tương đồng về hình thái ý thức và chế độ xã hội, đó chính là nội dung chủ yếu và ngọn nguồn mâu thuẫn chính của hai nước lớn. Nhưng, mâu thuẫn Trung-Mỹ không phải là mâu thuẫn hình thái ý thức hệ, Mỹ quan tâm tới vấn đề ngôi vị số 1 của Trung Quốc, không phải là họ "xã" hay họ "tư", mà là đối phương mạnh hay yếu. Nước Mỹ không sợ Trung Quốc xây dựng chủ nghĩa xã hội mà sợ Trung Quốc lớn mạnh. Đối với Mỹ mà nói, Mỹ thù cần một nước Trung Hoa xã hội chủ nghĩa không phát triển, chứ không chấp nhận một Trung Quốc tư bản chủ nghĩa hùng mạnh. Chỉ cần Trung Quốc không đuổi kịp vượt mặt Mỹ, không giành mất ngôi vị thủ lĩnh thế giới của nước Mỹ, thì Trung Quốc có theo đường lối xã hội chủ nghĩa, Mỹ cũng sẽ ủng hộ, hợp tác nhiệt tình. Chỉ cần Trung Quốc có ý định trở thành nước số một thế

giới, trở thành quốc gia đứng đầu trên thế giới, thì dù Trung Quốc theo tư bản chủ nghĩa hơn cả chủ nghĩa tư bản nước Mỹ, cũng bị Mỹ kiên quyết ngăn chặn. Mâu thuẫn cơ bản sâu sắc và lợi ích cơ bản giữa hai nước Trung - Mỹ là cạnh tranh vị trí, là cạnh tranh làm quốc gia thủ lĩnh, mâu thuẫn về việc ai làm chủ thế giới. Mâu thuẫn cơ bản tiềm tàng sâu xa giữa hai nước Trung-Mỹ và lợi ích quốc gia căn bản là mâu thuẫn về cạnh tranh địa vị quốc gia, cạnh tranh nước thủ lĩnh, ai làm chủ thế giới chìm nổi.

Mâu thuẫn cơ bản giữa hai nước Trung Quốc và Mỹ trong thế kỷ 21, từ gốc rễ đã quyết định hạt nhân mục tiêu chiến lược của Mỹ với Trung Quốc; không phải "Tây hóa" Trung Quốc về mặt ý thức hệ, mà làm "yếu hoá" Trung Quốc về mặt thực lực quốc gia, làm "thấp hoá" Trung Quốc về mặt thứ hạng quốc gia và làm "chậm hoá" Trung Quốc về mặt phục hưng đất nước. Tất cả những cái gọi là "Tây hóa" "phân hóa" "bôi nhọ" v.v... đều là thủ đoạn chiến lược làm cho sự trỗi dậy và phục hưng của Trung Quốc "suy yếu", "chậm chạp" và mục đích chính là không cho Trung Quốc đuổi kịp và vượt qua Mỹ trong thế kỷ 21, khiến thế kỷ 21 là "thế kỷ của Mỹ" chứ không phải "thế kỷ của Trung Quốc".

Quan hệ Trung - Mỹ thế kỷ 21: Cạnh tranh chiến lược, hợp tác chiến lược, cải tạo chiến lược

Quan hệ Trung - Mỹ thế kỷ 21 là cặp quan hệ phức tạp nhất trong lịch sử quan hệ nước lớn từ trước đến nay: trên trường quốc tế là quan hệ cạnh tranh chiến lược, trên lợi ích cộng đồng là quan hệ hợp tác chiến lược; trên ý nghĩa hình thái ý thức là quan hệ cải tạo chiến lược, đây là một hệ thống quan hệ "ba trong một", trong đó chủ lưu là quan hệ cạnh tranh chiến lược. Quan hệ cạnh tranh chiến lược là quan hệ có tác dụng chủ đạo trong hệ thống quan hệ Trung - Mỹ. Ba quan

hệ nói trên cũng có thể nói là "một trung tâm, hai điểm cơ bản" trong quan hệ Trung - Mỹ: lấy cạnh tranh chiến lược làm trung tâm; lấy hợp tác chiến lược và cải tạo chiến lược làm hai điểm cơ bản.

Địa vị của hai nước Trung - Mỹ trên trường quốc tế là quan hệ cạnh tranh chiến lược, cũng có thể nói là quan hệ đối thủ chiến lược. Sự đối lập và khác biệt của lợi ích chiến lược của hai nước Trung - Mỹ đương nhiên dẫn đến cạnh tranh chiến lược. Nước Mỹ với cương vị là quốc gia đứng đầu thế giới, là quốc gia làm bá quyền trên thế giới, họ lo sợ sự trỗi dậy của Trung Quốc tạo ra mối đe dọa với họ. Trung Quốc trỗi dậy đem đến cho thế giới vấn đề mang tính cơ bản sau: ai dẫn dắt thế giới ở thế kỷ 21? Trong vấn đề vị trí chiến lược cơ bản của quốc gia, quan hệ Trung Quốc - Mỹ là quan hệ đối thủ cạnh tranh chiến lược.

Trong các vấn đề có lợi ích chung, quan hệ Trung - Mỹ là quan hệ hợp tác chiến lược, giống như quan hệ đối tác chiến lược. Trung Quốc và Mỹ là hai đối thủ lớn nhất trên thế giới trong thế kỷ 21, nhưng cũng là quan hệ đối tác hợp tác lớn nhất. Trong điều kiện kinh tế toàn cầu hóa thì nền kinh tế các nước đều có chung vận mệnh "một nước phồn vinh, các nước cùng phồn vinh"; trong điều kiện quản lý toàn cầu hóa trở thành cơ sở phát triển của bất kỳ dân tộc, quốc gia nào, Trung Quốc và Mỹ là hai nước lớn nhất trên thế giới, tất yếu phải tiến hành hợp tác với nhau. Chiến lược gia người Mỹ Thomas Barnett nói: "Kỳ tích của châu Á nói chung và Trung Quốc với tư cách một nước lớn trỗi dậy về công nghiệp chế tạo, đối với đầu tư của chúng ta mà nói, không phải là điều xấu. Chúng ta không được quên trong 10 năm qua, châu Á có vai trò không thể xem thường đối với sự tăng trưởng kinh tế của chúng ta. Trong những "quốc gia hạt nhân", không có quốc gia nào có thể tự mình làm tất cả mọi việc. Chúng ta ngày càng giống

như ngồi chung trên một cỗ xe song mã, tiến cùng tiến mà lùi thì cùng lùi".

Quan hệ Trung - Mỹ về mặt hình thái ý thức là quan hệ cải tạo, tức là quan hệ cùng ảnh hưởng lẫn nhau. Trong quá trình hai nước Trung - Mỹ hợp tác và cạnh tranh, văn hoá Mỹ hưởng đến Trung Quốc, văn hóa Trung Quốc cũng sẽ cải tạo nước Mỹ. Trong thời kỳ cải cách mở cửa Trung Quốc học hỏi thế giới, bao gồm học hỏi vay mượn những thứ có ích của nước Mỹ. Vai trò cải tạo của Trung Quốc đối với Mỹ không những trong lĩnh vực quốc nội mà tương lai còn lan rộng trên toàn thế giới, làm cho Mỹ từ một quốc gia dân chủ kiểu quốc nội dần tiến hoá theo hướng quốc gia phi bá quyền trên trường quốc tế. Lực lượng ngăn chặn của quốc tế còn hạn chế, là nguyên nhân quan trọng gây nên chủ nghĩa bá quyền nước Mỹ. Dùng phi bá quyền của Trung Quốc hạn chế cái bá quyền của Mỹ, dùng văn hóa hài hòa của Trung Quốc để cải tạo văn hóa bá quyền của Mỹ, có thể khiến nước Mỹ đi đến dân chủ hoá và văn minh hóa trong quan hệ quốc tế.

Hai quốc gia Trung - Mỹ bất luận là cạnh tranh chiến lược hay hợp tác chiến lược nhưng đều mang tính xây dựng. Cạnh tranh mang tính chất xây dựng là cuộc cạnh tranh tích cực, là loại trừ phương thức chiến tranh, là hình thức cạnh tranh vượt lên mô hình Chiến tranh Lạnh. Hợp tác mang tính xây dựng là hợp tác mà không hi sinh chính nghĩa và sự công bằng quốc tế, không nhằm vào và làm tổn hại đến lợi ích của quốc gia thứ 3. Hợp tác và cạnh tranh mang tính xây dựng cần phải là "cạnh tranh có mức độ" - không thể cạnh tranh không giới hạn; "hợp tác có nguyên tắc" - không thể hợp tác không trên nguyên tắc nào. Quan hệ hợp tác cạnh tranh mang tính xây dựng giữa hai nước Trung - Mỹ phù hợp với lợi ích của Trung Quốc, phù hợp với lợi ích của Mỹ, cũng phù hợp với cả lợi ích hòa bình và phát triển của thế giới.

"Việc lớn số một" của Tổng thống Mỹ là gì?

Từ sau khi Mỹ ở vào vị trí lãnh đạo thế giới phương Tây, bảo vệ "quyền lãnh đạo" của Mỹ đã trở thành trọng tâm lợi ích quốc gia của Mỹ.

Cuộc Chiến tranh Lạnh là cuộc chiến tranh giành quyền lãnh đạo thế giới giữa Mỹ và Liên Xô, dây dưa, kéo dài hơn 40 năm. Sau Chiến tranh Lạnh, trong các báo cáo hàng năm mang tính chiến lược mà nước Mỹ công bố như: "Báo cáo chiến lược an ninh quốc gia", "Báo cáo đánh giá quốc phòng bốn năm một lần", "Báo cáo quốc phòng", "Văn kiện về tình hình đất nước của tổng thống"... đều khẳng định và bảo vệ vai trò lãnh đạo của Mỹ đối với thế giới, đây cũng là nhiệm vụ hàng đầu của chiến lược an ninh quốc gia Mỹ. Cái gọi là "an ninh nước Mỹ", trước tiên là an ninh về vị trí lãnh đạo, địa vị bá quyền của Mỹ với thế giới. Giáo sư chính trị học Jonh Milste thuộc trường Đại học Chicago của Mỹ, khi trả lời phỏng vấn Đài truyền hình trung ương, từng nói rằng: "Đứng trên cương vị là một Tổng thống, chiến lược cơ bản của nước Mỹ là: thứ nhất phải chiếm lấy vị trí thống trị thế giới phương Tây.... Thứ hai là phải đảm bảo trong phạm vi toàn cầu không có đối thủ cạnh tranh với Mỹ. Có nghĩa là, không có quốc gia nào khác dùng phương thức lãnh đạo thế giới phương Tây của chúng ta lãnh đạo khu vực của họ. Trong thế kỷ 20, nước Mỹ gắng sức bảo đảm Nhật, Đức, Liên Xô, cũng không thể thống trị được châu Á, hoặc châu Âu, bởi vì Mỹ không muốn có những quốc gia cạnh tranh giống như họ. Trong tình hình hiện nay, rõ ràng nước Mỹ đã trở thành nước lớn mạnh nhất trên thế giới, họ không có đối thủ cạnh tranh và những quốc gia đang có tiềm lực làm đối thủ cạnh tranh. Trong tương lai gần, điều này vẫn không thể thay đổi".

Điểm cao khổng chế chiến lược quốc gia của Mỹ ở thời

điểm hiện nay là: ngăn chặn xuất hiện một nước cạnh tranh chiến lược nổi lên, một nước thách thức bá quyền, một nước chạy đua với Mỹ, một nước có khả năng thay thế địa vị bá quyền của Mỹ. Hàng năm tổng thống Mỹ đều rất bận rộn trong việc giải quyết các loại mâu thuẫn. Nhưng vấn đề chiến lược cơ bản mà tổng thống Mỹ quan tâm nhất là vị trí bá quyền trên thế giới của nước mình, chính là không có đối thủ cạnh tranh trên thế giới hoặc đối thủ cạnh tranh tiềm tàng. Có thể nói chiến lược của tổng thống Mỹ là chiến lược bá chủ. Đây là đặc trưng chiến lược của tổng thống Mỹ và là nhân quan quốc tế của tổng thống Mỹ.

Xây dựng một thế giới hài hòa, cần tăng cường tinh thần cạnh tranh

Ở thế kỷ 21, Trung Quốc có một cơ hội, đó là cơ hội cùng Mỹ cạnh tranh đứng đầu thế giới trong một vòng đua mới. Cái gọi là thời kỳ cơ hội chiến lược, ranh giới cao nhất của nó là ở chỗ này. Cơ hội không thể để tuột mất, thời cơ khó có thể trở lại.

Cơ chế của nước Mỹ là một cơ chế cạnh tranh, bao gồm cạnh tranh trong nước và cạnh tranh quốc tế. Trên phương diện cạnh tranh quốc tế nước Mỹ là cao thủ thực hiện chủ nghĩa bá quyền. Cạnh tranh trong nước bao gồm: cạnh tranh giữa hai đảng, cạnh tranh giữa các cơ quan trong Chính phủ, cạnh tranh giữa các bang, cạnh tranh giữa quân đội và địa phương, cạnh tranh trong lực lượng quân đội, cạnh tranh giữa tư bản ruộng đất và tư bản tiền tệ, cạnh tranh giữa những xí nghiệp cũ và mới, cạnh tranh giữa tư bản lớn nhỏ và cạnh tranh giữa người với người. Người Mỹ hun đúc trong chủ nghĩa của Đắc-uyn, tôn sùng giá trị của cạnh tranh, xem năng lực cạnh tranh xuất sắc là tố chất cần thiết, đầy đủ của một con người, để mà bình xét, tán thưởng. Nhưng cạnh tranh trên

nhieu phương diện của nước Mỹ, lại tạo thành một loại hạn chế tương hỗ cân bằng, tạo ra sự kết hợp giữa cơ chế cạnh tranh và cơ chế cân bằng, bảo đảm sức sống và ổn định của nước Mỹ.

Thế giới hài hòa không chỉ dựa vào chữ "hòa" mà có thể sáng tạo nên được. Cũng như vậy, thế giới hòa bình không chỉ dựa vào chữ "hòa" mà có. Nguyên tắc rừng cây vẫn tiếp tục tồn tại trong trật tự xã hội, trong bối cảnh chủ nghĩa bá quyền vẫn tồn tại, bất luận xây dựng một "nhà nước dân chủ" trong nội bộ quốc gia hay là xây dựng một "thế giới dân chủ" trong cộng đồng quốc tế, đều không thể dựa vào một chữ "hòa" mà tạo thành được. "Hòa" không chỉ là một cách làm, mà còn là một kết quả. Bất kể là thế giới hòa bình, thế giới hài hòa, thế giới dân chủ đều là kết quả của một loại cạnh tranh, đều là một loại cân bằng lực lượng. Nhưng trong thời kỳ lịch sử tương đối dài, do Trung Quốc thiếu tinh thần cạnh tranh và lực lượng cạnh tranh, tôn sùng văn hoá "hoà" - "hòa vi quý", "hòa vi thượng", kết quả không chỉ khiến trong nước thiếu động lực, sức mạnh đối với sáng tạo thế giới bình ổn, mà còn không phát huy được vai trò đáng có của mình. Vì vậy, nhà văn Lỗ Tấn khi bàn về tính cách Trung Quốc, trong nội dung châm biếm tính cách của người dân nước này, có nói đến một điểm quan trọng là "gặp chuyện buồn, họ cho là không may; họ phẫn nộ, nhưng không đấu tranh" .

Đối với tính cách "không cạnh tranh" của Trung Quốc, Lỗ Tấn không cảm thấy yên tâm và tôn sùng, mà còn thấy phẫn nộ. Ông cho rằng tính không cạnh tranh của người Trung Quốc là nguyên nhân chủ yếu tạo nên sự bất hạnh và bi ai của dân tộc. Nước Trung Quốc mới là do Mao Trạch Đông lãnh đạo cả một thế hệ làm cách mạng, đấu tranh trong vài chục năm mới có được. Trung Quốc trỗi dậy do Đặng Tiểu Bình và vài thế hệ lãnh đạo Đảng, dẫn dắt cả một thế hệ người Trung

Quốc thực hiện cải cách, "đấu tranh" mà có được. Trung Quốc thế kỷ 21 chỉ có trong cuộc đua tranh gấp rút làm quốc gia đứng đầu và quốc gia thủ lĩnh, mới có thể thực hiện sự phục hưng vĩ đại của dân tộc Trung Hoa.

3. Nước Mỹ kiểm chế sự đột phá của Nhật Bản như thế nào?

Sau Chiến tranh thế giới thứ Hai, bước lên vị trí số một thế giới, nước Mỹ trong nửa cuối thế kỷ 20 đã tiến hành thành công hai lần cuộc chiến bảo vệ địa vị đứng đầu của mình: Cuộc chiến thứ nhất diễn ra trong nội bộ phe chủ nghĩa tư bản phương Tây, đã kiểm chế thành công sự vươn lên của Nhật Bản, quốc gia có cùng hình thái ý thức với Mỹ. Cuộc chiến thứ hai là kiểm chế thành công sự cạnh tranh của Liên Xô, quốc gia không cùng hình thái ý thức với Mỹ. Bước vào thế kỷ 21, Mỹ đã bắt đầu lần thứ ba cuộc chiến bảo vệ địa vị đứng đầu của mình, tức là đối phó toàn diện với sự trỗi dậy của Trung Quốc. Ba cuộc chiến bảo vệ ngôi vị này là ba chiến dịch lớn giữa quốc gia đứng đầu với quốc gia tiềm năng đứng đầu, là ba chiến dịch mang tính chiến lược tiến hành xoay quanh quyền chủ đạo và quyền lãnh đạo thế giới, là ba chiến dịch với những hình thái khác nhau. Trong ba chiến dịch lớn này, nước Mỹ đã giành thắng lợi hai cuộc, kiểm chế thành công Nhật Bản và chiến thắng Liên Xô. Vậy trong chiến dịch thứ ba đối phó với Trung Quốc, liệu nước Mỹ còn khả năng giành chiến thắng hay không?

Sự tiêu hao tài nguyên chiến lược của Mỹ

Chủ nghĩa bá quyền là một kiểu lợi ích bá quyền, chủ nghĩa bá quyền cũng có cái giá của bá quyền. Thêm vào đó, nếu chủ nghĩa bá quyền không bị kiểm chế thì sẽ càng gây ra sự lãng phí và tiêu hao tài nguyên chiến lược, từ đó làm suy

yếu địa vị bá quyền này.

Nước Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ Hai bước lên đỉnh cao của bá quyền. Tuy nhiên, Chiến tranh Việt Nam và Chiến tranh Triều Tiên đã khiến nước Mỹ phải trả giá chiến lược đau thương, gây tiêu hao lớn, lãng phí lớn tài nguyên chiến lược cũng như suy yếu sức mạnh bá quyền của Mỹ, tạo điều kiện và cơ hội trỗi dậy kinh tế cho Nhật Bản và các nước lớn công nghiệp châu Âu. Học giả Mỹ Khổng Hoa Nhuận từng nói: “Sau khi thất bại trong Chiến tranh thế giới Hai, Đức và Nhật Bản bị tước cơ hội tham gia cạnh tranh với các nước lớn, do đó trở thành quốc gia được lợi chủ yếu do nước Mỹ sa sút. Người Nhật Bản sử dụng 99% ngân sách nghiên cứu và phát triển vào sản xuất dân dụng, từ đó nhẹ nhàng chiếm lĩnh thị trường Mỹ, trong khi nước Mỹ lại dùng tới 50% ngân sách nghiên cứu và phát triển vào trang thiết bị vũ khí. Sự hồi phục này của Nhật Bản và Đức, cho dù không tự nguyện song các nước này đã chọn thương mại chứ không phải là biện pháp quân sự để giành sự hưng thịnh và quyền lực... Do không có lý trí trong cuộc chiến Việt Nam, Mỹ ít nhiều đã tăng tốc tiến tới cái ngày mà thế giới này phải đối diện với việc “Nhật Bản đứng đầu”. Việc tạo ra một cơ hội hoàn toàn mới, mang phong cách lãnh đạo sau bá quyền, cùng với sự giàu có và quyền thế của Mỹ tất cả đều bị hủy hoại”.

Những năm 80 của thế kỷ 20, một loạt lực lượng chính trị như Nhật Bản, Trung Quốc, châu Âu không ngừng trỗi dậy, cạnh tranh quyết liệt với Mỹ trên một số phương diện như năng lượng, thị trường, thương mại, các khẩu hiệu như “châu Âu tự chủ”, “Nhật Bản đứng đầu” đã khiến hệ thống liên minh của Mỹ đối diện với thách thức. Đặc biệt là thành tựu kinh tế của Nhật Bản đã tạo ra ảnh hưởng gần như mang tính lật đổ đối với Mỹ. Khi cộng đồng quốc tế nói “Nhật Bản đứng đầu”, địa vị kinh tế “số một” của Mỹ đã bắt đầu

bị lâm nguy.

Thành tựu kinh tế của Nhật Bản dẫn đầu thế giới, làm rung chuyển Mỹ

Cùng với sự phát triển kinh tế của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ Hai, quan hệ giữa Tôkyô và Oasinhtơn từ những năm cuối thập kỷ 50 của thế kỷ 20 đã xuất hiện những xung đột thương mại, và đến thập kỷ 80 đã phát triển tới mức “xung đột mang tính tổng hợp”.

Phạm vi của xung đột thương mại Nhật - Mỹ đã không chỉ dừng ở các sản phẩm riêng biệt, mà còn lan rộng tới các lĩnh vực như tài chính, kỹ thuật mũi nhọn, thậm chí còn xung đột cả về cơ cấu sản xuất. Trong lĩnh vực kỹ thuật mũi nhọn, chất bán dẫn thuộc ngành sản xuất mũi nhọn, trận chiến điển hình của cuộc chiến khoa học kỹ thuật công nghệ cao Mỹ - Nhật chính là “chiến tranh chất bán dẫn”. Do Mỹ phát minh ra chất bán dẫn, nên ngay từ đầu Mỹ đã chiếm ưu thế tuyệt đối. Năm 1977, tại thị trường Nhật Bản, sản phẩm bán dẫn của Mỹ chiếm 3%, trong khi sản phẩm của Nhật Bản tại thị trường Mỹ chỉ chiếm 1,6%. Song tới thập kỷ 80, Nhật Bản đã vươn lên vượt qua Mỹ, kết quả là các con Chip dùng cho các máy tính siêu cấp của Mỹ đều là hàng Nhật Bản, trang thiết bị vũ khí tiên tiến cũng đều sử dụng linh kiện bán dẫn do Nhật Bản chế tạo. Theo thống kê của “Hội công nghiệp bán dẫn Mỹ”, doanh thu trên thị trường bán dẫn năm 1984 của Mỹ đạt được 11,6 tỷ USD, tới năm 1987 đã tăng tới 187 tỷ USD, trong đó Nhật Bản chiếm tỷ lệ từ 14%-20%. Trong thời kỳ này, trên thị trường bán dẫn thế giới, Nhật Bản chiếm tỷ lệ từ 38%-43%. Từ góc độ sản phẩm kỹ thuật mũi nhọn, máy tính điện tử của Nhật Bản trên thị trường Mỹ đã có chỗ đứng, từ 1% năm 1980 tới năm 1984 đã tăng tới 7,2%, máy móc thông tin từ 1,8% tăng tới 3,6%, linh kiện điện tử từ 3,2% tăng tới 7,2%, các

máy điện tử như tivi và cát sét từ 27,1% tăng tới 40,2%. Do xuất khẩu sản phẩm điện tử của Nhật Bản tới Mỹ tăng lên nhanh chóng, Mỹ ngày càng chỉ trích Nhật Bản. Tháng 7/1987, từng có người đứng trước Tòa Quốc hội Mỹ đập nát một chiếc radiô của hãng Toshiba, qua đó kháng nghị và yêu cầu cấm các sản phẩm của công ty Toshiba vào nước Mỹ. Những năm cuối thập kỷ 80, Nhật Bản không ngừng can thiệp vào nền công nghiệp thế giới và mua lượng lớn tài sản của Mỹ, trong đó gồm có Tòa nhà Rockefeller - “biểu tượng của nước Mỹ” và Công ty điện ảnh Colombia Pictures - “linh hồn của nước Mỹ”. Do địa vị chủ nợ của Nhật Bản đối với Mỹ, cho dù tỷ giá hối đoái đồng Yên với đồng đô la Mỹ được điều chỉnh thì sự thâm thủng thương mại lớn của Mỹ đối với Nhật Bản vẫn khó có thể được cải thiện. Giữa những năm 80, Nhật Bản đã trở thành nước chủ nợ lớn nhất thế giới, trong khi Mỹ lại trở thành nước nợ lớn nhất.

Sự tương phản khác biệt lớn giữa kinh tế Nhật Bản với kinh tế Mỹ biểu hiện rõ trên bốn phương diện:

Một là, trong nền kinh tế thế giới, địa vị của Nhật Bản và Mỹ đã xuất hiện những thay đổi quan trọng, về tổng sản phẩm quốc dân, tỷ trọng của Nhật Bản từ 2,2% năm 1955 đã lên tới 12% năm 1986, trong khi cùng giai đoạn này, Mỹ lại giảm từ 36,3% xuống còn 25,7%.

Hai là khoảng cách về khoa học kỹ thuật giữa hai bên đã được rút ngắn. Trong lĩnh vực khoa học mũi nhọn, Nhật Bản không ngừng thách thức Mỹ, tới năm 1980, tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm khoa học công nghệ mũi nhọn trên thế giới của Nhật Bản đã tăng lên gần hai lần, trong khi Mỹ lại giảm 16,67%. Trong 83 lĩnh vực khoa học kỹ thuật, thì Nhật Bản đã đuổi kịp hoặc vượt qua Mỹ trên 35 lĩnh vực, chiếm ưu thế trên 18 lĩnh vực.

Ba là, địa vị hoạt động kinh tế đối ngoại của Nhật Bản nổi

lên. Trong vòng 16 năm từ 1970-1986, quy mô xuất khẩu của Nhật Bản đã mở rộng gấp 10 lần, trong khi nước Mỹ vẫn chưa thể mở rộng thêm. Năm 1980, xuất siêu sang thị trường Mỹ của Nhật Bản là 9,9 tỷ USD, năm 1984 đã tăng lên tới 58,6 tỷ USD. Đầu tư đối ngoại của Nhật Bản tăng trưởng thần tốc, từ 1980-1986, tỷ lệ tăng trưởng hàng năm của Nhật Bản đã đạt tới 19,45%, trong khi Mỹ chỉ đạt được 3,2%.

Bốn là, địa vị tài chính quốc tế của Nhật Bản và Mỹ đã có sự chuyển biến. Thập niên 80, Nhật Bản trở thành “nước chủ nợ” số một thế giới, còn Mỹ trở thành “nước nợ” lớn nhất thế giới. Năm 1986, vốn đầu tư nước ngoài của Nhật Bản đã đạt được 180,4 tỷ USD, còn nợ của Mỹ đã lên tới 263,6 tỷ USD.

Thập kỷ 80 của thế kỷ 20 đã trở thành thập kỷ phát triển mạnh mẽ của Nhật Bản. Cuối năm 1985, đầu tư vốn ở nước ngoài của Nhật Bản đã vượt qua Anh và Liên bang Đức, trở thành nước chủ nợ lớn nhất thế giới. Đến năm 1988, Nhật Bản trở thành nước lớn đầu tư, quyền chủ nợ và tài chính. Năm 1987, tổng sản phẩm quốc dân của Nhật Bản chiếm 15% tổng sản phẩm quốc dân thế giới, chiếm 56% tổng sản phẩm quốc dân của Mỹ. Năm 1988, bình quân thu nhập đầu người Nhật Bản đã vượt qua Thụy Điển chiếm vị trí số một thế giới.

Sự trỗi dậy nhanh chóng của kinh tế Nhật Bản khiến ảnh hưởng quốc tế của nước này nhanh chóng lớn mạnh. Đầu thập niên 80, ở phương Tây đã rộ lên trào lưu tới Nhật Bản học tập. Sau khi tới thăm Nhật Bản, Bộ trưởng Lao động Mỹ Ray Marshall cho biết: “Tỷ lệ sản xuất lao động của Nhật Bản tăng cao hàng năm, mối quan hệ giữa chủ - thợ và kinh doanh - xí nghiệp có những ưu điểm mà Mỹ không có, cần phải học tập cách quản lý kinh doanh này của Nhật Bản”. Trong báo cáo chính phủ, Đại sứ Anh tại Nhật Bản Michael Wilford cho biết: “Nếu giới sản xuất của nước Anh không khai thác kỹ thuật độc đáo nữa, không tiếp cận kỹ thuật mới của nước

ngoài như Nhật Bản, thì tới cuối thế kỷ này nước Anh sẽ chỉ còn là một nước công nghiệp nhỏ”. Ông Wilford kiến nghị chính phủ phái đại diện thường trực phụ trách vấn đề này sang Nhật để học tập người Nhật tốt hơn. Trong quá khứ, Liên minh châu Âu đã từng coi thường người Nhật Bản, nay cũng đã thay đổi cách nhìn nhận. Một người phụ trách nói: “Giống như trong quá khứ người Nhật đã học tập chúng ta, trong lĩnh vực tiên tiến chúng ta cũng cần nỗ lực đuổi theo và học tập Nhật Bản”. Vấn đề cao tính tự chủ, nước Pháp cũng đã đề xuất “nên học tập quốc gia không phải ở châu Âu mà là Nhật Bản”. Trên thế giới lúc này, các cuộc hội thảo bàn về “bí quyết thành công” của Nhật Bản được tổ chức rầm rộ; các đoàn khảo sát lần lượt kéo đến Nhật Bản, từ tháng 4-8/1980 đã có hơn 20 đoàn tới thăm Nhật Bản. Năm 1988, phí Nhật Bản đóng góp cho LHQ đã chiếm 10,84% tổng số phí của tổ chức hàng đầu thế giới này, vượt qua Liên Xô chiếm vị trí thứ hai. Trong thập niên 80, Nhật Bản không những trở thành nước xuất siêu thương mại lớn nhất thế giới và nước chủ nợ lớn nhất, mà còn thách thức ưu thế dẫn đầu của các xí nghiệp Mỹ trong rất nhiều ngành sản xuất khoa học công nghệ cao. Có thời điểm, dư luận xôn xao về việc Nhật Bản sẽ hạ bệ Mỹ trở thành bá chủ kinh tế.

Nhật Bản là đồng minh quan trọng của Mỹ, đồng thời còn là đối thủ cạnh tranh lớn mạnh trên phương diện kinh tế. Sự mâu thuẫn giữa Nhật Bản với Mỹ không chỉ xuyên suốt cả thập niên 80, mà còn liên tục tăng chứ không giảm. Năm 1982, nhập siêu thương mại của Mỹ đối với Nhật Bản là 7 tỷ USD, năm 1983 là 19 tỷ USD, năm 1984 là 37 tỷ USD, từ sau năm 1984 mỗi năm đều lên tới trên dưới 50 tỷ USD. Nhiều lần, xung đột thương mại Mỹ - Nhật kết thúc bằng sự nhượng bộ của Nhật Bản. Năm 1988, Quốc hội Mỹ thông qua “Luật thương mại tổng hợp” nhằm tiến hành báo thù quốc gia

thương mại không công bằng. Tháng 5/1989, Mỹ dựa vào Điều 301 của bộ luật trên tuyên bố Nhật Bản là “quốc gia thương mại không công bằng”, sau đó hai bên đã tiến hành đàm phán. Cuối thập niên 80, xung đột thương mại ngày càng ác liệt đã khiến tình trạng chủ nghĩa dân tộc của hai nước leo thang. Nhật Bản tích lũy khổng lồ lãi ròng thương mại, vốn của Nhật Bản “đổ xô vào” nước Mỹ, tạo ra một trào lưu mua sắm tại Mỹ. Các công ty và bất động sản của Mỹ đều trở thành đối tượng mua sắm của Nhật Bản, đồng thời tình trạng mua sắm này diễn ra rất mạnh mẽ, khiến công chúng Mỹ quan ngại. Đặc biệt là năm 1989, Công ty Sony và Công ty nhà đất Mitsubishi đã lần lượt mua Công ty điện ảnh Columbia Pictures và Trung tâm Rockefeller ở Niu Yoóc, trong đó Công ty điện ảnh Columbia Pictures là biểu tượng văn hóa điện ảnh của Mỹ, còn Trung tâm Rockefeller ở Niu Yoóc là kiến trúc tiêu chuẩn của Mỹ. Hai thương vụ lớn này đã kích động mạnh mẽ tới tình cảm của công chúng Mỹ. Sự lớn mạnh sừng sững của nền kinh tế Nhật Bản đã khiến “Thuyết về mối đe dọa từ Nhật Bản” trở thành một trào lưu tư tưởng, trong ngoài Quốc hội Mỹ đều đồng thanh vang lên lời kêu gọi mãnh liệt như “khuất phục Nhật Bản”, “đả đảo Nhật Bản”, “báo thù Nhật Bản”, cho rằng “so với sức mạnh quân sự của Liên Xô, sức mạnh kinh tế của Nhật Bản ngày càng tạo ra mối đe dọa đối với an ninh của Mỹ”, “nếu không nhận ra sự xâm lược kinh tế của Nhật Bản, Mỹ sẽ khó lòng nắm giữ được vận mệnh của chính nước này”. Xung đột kinh tế giữa Mỹ với Nhật Bản đã vượt qua phạm vi kinh tế, trên thực tế đã còn lên tới xung đột tình cảm giữa nhân dân hai nước, sự đối kháng trong tâm lý xã hội đã trở thành cuộc chiến giữa hai nước.

Nhật Bản cản trở thành trụ cột của thế giới, đóng vai chính của lịch sử

Năm 1989, Chủ tịch Tập đoàn Sony Akio Morita và chính khách Đảng Dân chủ Tự do (LDP) Ishihara Shintaro đã cùng nhau xuất bản cuốn sách “Nhật Bản có thể nói ‘Không’”, trong đó đã kịch liệt phê phán Mỹ thi hành chính sách thương mại kinh tế “phân biệt chủng tộc” đối với Nhật Bản, kêu gọi người Nhật Bản từ bỏ “ý thức nước nhỏ” hình thành từ sau Chiến tranh thế giới thứ Hai cũng như ý thức miễn cưỡng phục tùng Mỹ, đi theo con đường độc lập tự chủ, “gánh vác trọng trách của thời đại mới”, trở thành nhân vật chính sáng tạo lịch sử thế giới mới. Việc xuất bản cuốn sách này đã “làm chấn động quan hệ Mỹ - Nhật”. Dư luận Mỹ cho rằng cuốn sách này đã khiến người Nhật Bản phẫn nộ và kiêu ngạo”. Quan hệ Nhật - Mỹ đã bước vào thập niên 90 của thế kỷ 20 trong bối cảnh này.

Năm 1981, trong chuyến thăm Mỹ, phát biểu tại tiệc chiêu đãi do Hiệp hội Nhật Bản - Niu Yoóc tổ chức, Thủ tướng Suzuki tuyên bố rằng “Nhật Bản cần bắt đầu chuyến viễn dương lần thứ ba”, “Nhật Bản cản trở thành một đám mây hồng dẫn dắt thế giới”, sau đó còn được mọi người gọi là “lần thứ ba lập nước” hay “lần khởi điểm thứ ba mới”. Lần lập nước đầu tiên của Nhật Bản là khi hạm đội của Mỹ lật đổ Chế độ Mạc phủ Tokugawa vào năm 1853, sau đó trải qua cuộc cách mạng Duy Tân, khiến Nhật Bản trở thành một trong những quốc gia hùng mạnh nhất thế giới; lần lập nước thứ hai là vào khoảng thời gian sau Chiến tranh thế giới thứ Hai, Nhật Bản trải qua thời kỳ hồi phục và nhanh chóng trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới trong thế giới phương Tây, hoàn thành sứ mệnh đuổi kịp các quốc gia phát triển Âu Mỹ; lần lập nước thứ ba là từ khi bước vào thập niên 80 của thế kỷ 20, Nhật Bản muốn từ bên được hưởng lợi bị động

chuyển thành bên sáng tạo tích cực, mục tiêu phấn đấu là từ “cường quốc kinh tế” hướng tới “cường quốc chính trị”. Viện nghiên cứu tổng hợp Nomura của Nhật Bản đã xuất bản cuốn “Nhật Bản hình thành xã hội thuần thực”, trong đó nêu rõ: “Nhật Bản đang đối diện với bước ngoặt quan trọng nhất trong lịch sử. Trong hơn 100 năm qua, Nhật Bản luôn luôn lấy quốc gia tiên tiến Âu Mỹ làm mục tiêu, lấy phát triển kinh tế làm trục bánh xe, chuyên tâm dốc sức đi theo con đường muốn trở thành quốc gia tiên tiến”, “hiện nay, mục tiêu tranh đấu của Nhật Bản là phát triển trục bánh xe kinh tế đã không còn. Trọng tâm phát triển ngày nay của Nhật Bản không còn là một trục bánh xe phát triển kinh tế nữa, mà sẽ là phát triển trên nhiều phương diện hoặc nhiều hình thức trục bánh xe khác. Trong quá trình hướng tới thế kỷ 21, Nhật Bản sẽ đề cao việc trở thành quốc gia tiên tiến có trình độ thuần thực”. Trong “Sách trắng kinh tế” hồi đầu những năm 80, Chính phủ Nhật Bản đã chính thức tuyên bố “Sứ mệnh đuổi theo và vượt qua các nước phát triển Âu Mỹ của Nhật Bản về cơ bản đã hoàn thành”, thêm vào đó trong cuốn “Triển vọng của sản xuất thập niên 80” còn nêu rõ từ nay sẽ từ “thời đại khai hóa văn minh mô phỏng và đuổi theo” trong quá khứ hướng tới “thời đại khai phá văn minh khởi nguồn sáng tạo và dẫn đầu”. Năm 1981, trong chuyến thăm Mỹ, Thủ tướng Suzuki đã phát biểu rõ ràng hơn: “Cần thay đổi tình trạng bị động từng áp dụng”, “Thực hiện tinh thần chủ động tự chủ”, “Lấy phương thức tương xứng nhất giữa tài năng với sức mạnh phát huy với tác dụng tương xứng về địa vị và sức mạnh của Nhật Bản”. Năm 1982, vài ngày trước khi trước khi nhậm chức Thủ tướng, ông Nakasone Yasuhiro phát biểu với nguyệt san “Chính luận” rằng: “Từ trước tới nay, chúng ta luôn vì một đám mây mà theo đuổi phấn đấu, song hiện đám mây này đã tan biến, chúng ta lại cần phải tạo ra một đám mây mới”.

Nhật Bản cần từ quốc gia có mô hình đuổi theo và mô phỏng hướng tới chuyển thành quốc gia sáng tạo, phát triển và dẫn đầu, thể hiện rõ ý chí vĩ đại của Nhật Bản.

Nhật Bản trở thành đối thủ số một của Mỹ

Nhật Bản, quốc gia đồng minh của Mỹ, đã trở thành đối thủ chiến lược số một của Mỹ.

Trong thập niên 80, Mỹ cần đối phó với Liên Xô, lại vừa phải khống chế Nhật Bản, cùng lúc phải đối mặt với hai đối thủ chiến lược. Do Nhật Bản cạnh tranh mạnh mẽ vị trí bá chủ kinh tế thế giới, nên Thượng và Hạ viện Mỹ đều cảm thấy nguy cơ Nhật Bản ngày càng mãnh liệt, chủ yếu biểu hiện dưới bốn khía cạnh sau:

- “Thuyết về mối đe dọa từ Nhật Bản” lan rộng tại Mỹ. Theo điều tra “Nội tình tập đoàn Mỹ” của Công ty tư vấn Boston hồi tháng 1/1989, 63% người Mỹ nhận định rằng “so với sức mạnh quân sự của Liên Xô, sức mạnh kinh tế của Nhật Bản ngày càng tạo ra mối đe dọa lớn đối với an ninh của Mỹ”. Cũng theo báo cáo trên, một văn kiện của Quốc hội Mỹ từng nêu rõ: “Nước Mỹ hiện đang lâm vào hai cuộc chiến tranh thế giới, theo đó đấu tranh quân sự với Liên Xô và đấu tranh kinh tế và kỹ thuật với Nhật Bản”, “Nước Mỹ sở hữu vũ khí hạt nhân đủ khả năng ngăn cản Liên Xô phát động tấn công quân sự, song lại không có đủ số vũ khí hạt nhân tương xứng để ngăn cản các biện pháp tấn công kinh tế của Nhật Bản”, “Nếu Nhật Bản dựa trên đà này giành thắng lợi, cuối cùng Mỹ sẽ trở thành thuộc địa kinh tế của Nhật Bản”. Bản báo cáo điều tra dư luận trên còn giống lên hồi chuông cảnh tỉnh rằng: “Nhật Bản đã bắt đầu uy hiếp sự tồn tại của nước Mỹ. Mỹ đương nhiên sẽ đặt quốc gia đồng minh Nhật Bản về cùng một phía với Liên Xô, trở thành một trong những đối tượng mà Mỹ sẽ tiến hành “hai kiểu chiến tranh thế giới”, có

thể nhận thấy rằng mối đe dọa của Nhật Bản nghiêm trọng như thế nào đối với nước Mỹ.

- Mỹ thận trọng trước tham vọng chiến lược của Nhật Bản. Về chính trị, Mỹ quan ngại Nhật Bản lấy sức mạnh nước lớn kinh tế làm hậu thuẫn, chiếm lĩnh vị trí lãnh đạo trên thế giới, áp đảo Mỹ. Sau khi nước Mỹ trở thành “nước nợ nhiều nhất thế giới”, không ít người Mỹ cảm thấy rất lo lắng trước thách thức mạnh mẽ của Nhật Bản và cho rằng vị trí lãnh đạo và năng lực lãnh đạo mang tính toàn cầu của Mỹ lâm vào rủi ro. Về kinh tế, Mỹ quan ngại mắc nợ Nhật Bản. Cuối thập niên 80, đầu tư vào Mỹ của Nhật Bản gia tăng mạnh mẽ, ngoại trừ mua bất động sản, Nhật Bản đã bắt đầu đầu tư trực tiếp vào các công xưởng và xí nghiệp của Mỹ. Năm 1987, áp dụng phương thức đầu tư này, vốn đầu tư của Nhật Bản đã lên tới 30,9 tỷ USD, tăng 30% so với năm 1986. Người Nhật Bản còn mua xí nghiệp của Mỹ như Công ty lốp cao su nổi tiếng Firestone Liberia với cái giá 2,6 tỷ USD. Tới năm 1987, trong tay người Nhật Bản đã sở hữu tới 110 tỷ USD trái phiếu, chứng khoán và cổ phiếu của Mỹ, vốn của Nhật Bản ngày càng đổ dồn vào Mỹ đã khiến không ít người Mỹ quan ngại nước này sắp trở thành thuộc địa kinh tế của Nhật Bản.

- Về quân sự, Lầu Năm Góc quan ngại Nhật Bản ảnh hưởng tới an ninh của Mỹ. Ngày càng có nhiều người Mỹ cho rằng mối đe dọa quân sự của Liên Xô đối với Mỹ sẽ không còn là thách thức nghiêm trọng nhất nữa. So với Liên Xô, Nhật Bản ngày càng đe dọa an ninh của Mỹ. Nhật Bản muốn vượt Mỹ về kinh tế, song nếu trên phương diện quân sự lại lớn mạnh thêm, thì Nhật Bản sẽ rất nguy hiểm đối với Mỹ. Trong một văn kiện, B. Scowcroft, nhân vật quan trọng phụ trách hoạch định chính sách an ninh của Mỹ nói rằng “từ nay không nên yêu cầu Nhật Bản gia tăng tỷ lệ ngân sách phòng vệ”. Theo Thứ trưởng Ngoại giao Mỹ Lawrence Sidney

Eagleburger, việc tăng cường sức mạnh phòng vệ của Nhật Bản sẽ gây phương hại cho lợi ích của Mỹ. Còn ông Henry Kissinger cảnh báo mọi người rằng: “Nhật Bản có thể trở thành nước lớn quân sự”.

- Niềm tin của Nhật Bản về việc muốn yêu cầu Mỹ chia sẻ quyền lực ngày càng tăng lên. Khi cảm giác của Mỹ về “nguy cơ từ Nhật Bản” không ngừng gia tăng, Nhật Bản cũng đẩy nhanh bước đột phá tham vọng trở thành nước lớn chính trị, trong việc tái phân bổ quyền lực phương Tây, nỗ lực giành lấy càng nhiều quyền phát ngôn. Đầu tiên là dốc sức thay đổi “ngoại giao đuổi theo” nhất biên đảo đối với Mỹ, thúc đẩy ngoại giao tự chủ, công khai đề xuất muốn đóng vai trò “một trong những quốc gia chủ yếu bảo vệ trật tự thế giới”. Tháng 9/1989, trong chuyến thăm Mỹ, Thủ tướng Kaifu Toshiki tuyên bố: “Nhật Bản không còn là đưa học sinh nghe lời thầy giáo Mỹ, mà là hợp tác bình đẳng, có lúc lại là đối tác cạnh tranh”. Ngoài ra, ông Kaifu còn kiến nghị Mỹ giảm bớt nghĩa vụ trọng trách toàn cầu, để Nhật Bản đảm nhận “cống hiến quốc tế” tương xứng. Do thực lực kinh tế suy giảm, nên Mỹ đã không thể không yêu cầu Nhật Bản gánh trọng trách của nước này. Trên phương diện viện trợ nước ngoài, Nhật Bản đã tăng tốc nhanh chóng trở thành quốc gia số một trên thế giới về viện trợ nước ngoài. Thủ tướng Kaifu nhấn mạnh cần thực sự cùng Mỹ gánh vác nghĩa vụ, là cần cùng với Mỹ chia sẻ quyền lực. Cố vấn đặc biệt của Bộ công thương Nhật Bản Kuroda đã nói: “Mỹ cần cân nhắc vấn đề chia sẻ quyền lực cùng với việc phân chia nghĩa vụ”. Cựu Ngoại trưởng Nhật Bản Saburo Okita cũng nói: “Hiện nay, Mỹ cần phải thay đổi tâm lý và phương pháp tư duy của nước này”, “nếu Mỹ hy vọng quốc gia nào khác hỗ trợ xử lý vấn đề kinh tế thế giới, thì Oasinhton cần phải đồng ý chia sẻ quyền quyết sách hay quyền trách nhiệm với chúng ta”. Trong quá khứ, hóa giải

xung đột giữa Mỹ với Nhật Bản phần nhiều là do phía Nhật Bản nhượng bộ, song tới nay Nhật Bản đã dám nói “Không” với Mỹ.

“Thịnh suy của nước lớn”

Năm 1979, học giả nổi tiếng Đại học Havard, ông Ezra Vogel đã xuất bản cuốn sách “Nhật Bản đứng đầu”. Trên toàn thế giới, cuốn sách này đã tạo ra nhiều phản hồi, còn tại Mỹ và Nhật Bản đã trở thành cuốn sách bán chạy nhất.

Tới năm 1987, Giáo sư Paul Kennedy đã xuất bản cuốn sách “Thịnh suy của nước lớn” và cũng đã trở thành cuốn sách bán chạy nhất thế giới.

Nếu như nói, cuốn “Nhật Bản đứng đầu” miêu tả từ sự trỗi dậy của Nhật Bản đã đến sự thụt lùi của Mỹ, thì cuốn “Thịnh suy của nước lớn” lại trực tiếp nêu lên sự suy yếu của nước Mỹ. Trong cuốn sách chỉ rõ nguy cơ suy thoái của Mỹ này, ông Kennedy cho rằng “tốc độ suy yếu của Mỹ thậm chí còn vượt qua cả Liên Xô”. Theo giáo sư, những gì mà Mỹ đối mặt đã không còn là vấn đề không suy yếu nữa, mà là làm thế nào suy yếu nhưng vẫn giữ được thể diện như Đế quốc Anh trước đây. Có lúc, “thuyết nước Mỹ suy thoái” đã trở thành đề tài thảo luận nóng bỏng tại các cuộc họp của Thượng Hạ viện Mỹ.

Hai cuốn sách trên đã phản ánh tâm lý thất vọng của Mỹ, là ý kiến của nhiều người chứ không còn là của một vài học giả đồng thanh nêu lên “thuyết nước Mỹ suy thoái”. Hơn nữa, tình trạng thất vọng này lại một lần nữa đẩy mạnh tư tưởng thất vọng trong xã hội Mỹ. Rất nhiều người Mỹ cho rằng trong cuộc chiến giữa phương Đông với phương Tây, Mỹ đều có thể chiếm thế thượng phong, song trong cuộc cạnh tranh kinh tế với Nhật Bản và Châu Âu, Mỹ có thể trở thành kẻ thất bại, thậm chí mất vị trí quốc gia siêu cường. Nhận thức mạnh mẽ nguy cơ trên là động lực đầu tiên giúp Mỹ đối phó với thách thức.

Chiến lược phản công: Ném bom nguyên tử “tài chính”

Trong tình hình Nhật Bản trời dậy nhanh chóng, mục tiêu cơ bản trong chính sách của Mỹ đối với Nhật Bản là bảo vệ vị trí lãnh đạo của Mỹ, chia sẻ trách nhiệm cho Nhật Bản. Cụ thể là: trong thương mại song phương, buộc Nhật Bản phải nhường bộ Mỹ, giúp Mỹ giảm thiểu thâm thủng thương mại; về kinh tế, yêu cầu Nhật Bản cống hiến nhiều hơn, song ngăn ngừa Nhật Bản lợi dụng viện trợ và đầu tư ảnh hưởng tới môi trường chiến lược của Mỹ; về chính trị, cho phép Nhật Bản phát huy nhiều vai trò, song không cho phép thay thế Mỹ; về quân sự, dưới tiền đề duy trì lãnh đạo tuyệt đối của Mỹ, đề cao khả năng phòng vệ, cùng Mỹ gánh vác chi phí an ninh. Thời kỳ Chiến tranh Lạnh, chiến lược toàn cầu của Mỹ có hai nhánh quan trọng: một là Tổ chức Hiệp ước các nước Bắc Đại Tây Dương (NATO), hai là đồng minh Mỹ - Nhật. Lịch sử quan hệ Mỹ - Nhật được coi là nền tảng trong chính sách Châu Á của Mỹ. Từ trước tới nay, trong vấn đề phòng vệ an ninh, Mỹ và Nhật Bản luôn nảy sinh mâu thuẫn. Mỹ chỉ trích Nhật Bản dốc toàn lực phát triển kinh tế mà không tiêu tiền vào lĩnh vực quốc phòng, tận lực dựa vào Mỹ, do đó yêu cầu Nhật Bản gánh vác trách nhiệm phòng ngự nhiều hơn. Tuy nhiên, Nhật Bản đã trở thành nước lớn kinh tế, hơn nữa lại đang theo đuổi địa vị nước lớn chính trị, Mỹ không thể khống chế tuyệt đối Nhật Bản và muốn Nhật Bản phân chia gánh vác trách nhiệm, trong khi Nhật Bản lại muốn chia sẻ quyền lợi với Mỹ.

Chiến lược phản công Nhật Bản của Mỹ mà nền tảng là giành quyền chủ động chiến lược đối với Nhật Bản chủ yếu là dựa vào hai điều quyết định: một là tiến hành cuộc chiến tài chính với Nhật Bản, có nghĩa là dùng “bom nguyên tử tài chính” tấn công Nhật Bản; hai là sáng tạo “kinh tế mới” lấy tin học hóa và toàn cầu hóa làm nền tảng đặc thù.

Về hậu quả của việc Mỹ vận dụng vũ khí tài chính đánh đòn chí mạng kinh tế của Nhật Bản, Giáo sư khoa lịch sử Đại học sư phạm thủ đô Tê Thế Vinh cho biết: Năm 1999, tuy chỉ chiếm 4,5% dân số thế giới nhưng Mỹ đã lợi dụng tới 85% vốn lưu động của thế giới và 72% dự trữ thế giới, cho thấy Mỹ vẫn giữ vững vị trí bá chủ trong lĩnh vực tiền tệ thế giới. Do vị trí đặc thù của đồng đô la Mỹ trong nền kinh tế thế giới, đã tạo cho Mỹ có thể thông qua giá trị của đồng đô la Mỹ, chủ yếu là sự mất giá, để đẩy vấn đề kinh tế cho các nước khác. Sau khi Mỹ cùng Đức và Nhật Bản ký “Hiệp ước Quảng trường” năm 1985, giá trị của đồng Yên trong vòng hai năm chỉ tăng 1 lần, kinh tế Nhật Bản nở rộ bong bóng, dẫn đến suy thoái kinh tế trong 10 năm. Điều này đã cho thấy rõ việc Mỹ lợi dụng vị trí bá quyền của đồng đô la Mỹ như thế nào để đánh bại đối thủ, đoạt được lợi ích. Cái gọi là “Hiệp ước Quảng trường” là hội nghị được tổ chức tại một nhà hàng trên Quảng trường Niu Yoóc với sự tham gia của bộ trưởng Tài chính 5 nước Mỹ, Đức, Anh, LB Đức, Pháp và Nhật Bản hồi tháng 9/1985, hy vọng tỷ giá các đơn vị tiền tệ chủ yếu so với đồng đô la Mỹ được nâng cao giá trị với mức độ nhất định. Sau đó, Nhật Bản bị ép phải tăng giá đồng Yên, trong vòng một năm, tỷ lệ ngoại hối đồng Yên đã tăng lên 60%, tới thập niên 90, kinh tế Nhật Bản trong 10 năm có mức tăng trưởng thấp, và tới năm 2005 mới bắt đầu hồi phục trở lại. “Hiệp ước Quảng trường” đã ép Nhật Bản mở cửa tài chính, đồng Yên tăng giá giống như con điều đứt dây, bong bóng kinh tế sụp đổ, Nhật Bản lúc này giống như “con rùa bị lật ngửa”, trong thời gian dài không thể lật mình được. Từ năm 1993-2000, Nhật Bản liên tục đổi 7 vị thủ tướng, trung bình mỗi nhiệm kỳ không quá một năm.

Trong khi cùng lúc dùng vũ khí tài chính đánh Nhật Bản, Mỹ lại khởi động đoàn tàu tốc hành kinh tế mới, đẩy lùi Nhật

Bản ra xa. Đối với bong bóng kinh tế, Nhật Bản đối phó không tốt, tình trạng đình đốn kinh tế xuất hiện xu thế kéo dài. Tới giữa thập niên 90, kinh tế Mỹ trở nên vững mạnh, và được sự hỗ trợ của cuộc cách mạng kỹ thuật tin học đã một lần nữa giành lại được khả năng cạnh tranh mạnh mẽ.

Bước vào thập niên 90, người Mỹ thường quan ngại sức cạnh tranh kinh tế của nước này yếu đi hoặc giảm sút, lo ngại địa vị bá quyền sa sút. Song khi kết thúc thập niên 90, không những chẳng xuất hiện suy thoái như người Mỹ vẫn quan ngại, mà thực lực kinh tế Mỹ từ xu thế tương đối sa sút sau Chiến tranh Việt Nam đã xuất hiện chuyển biến bước ngoặt.

Sau khoảng thời gian suy thoái đều đặn từ cuối năm 1990 tới đầu năm 1991 (theo thống kê của Bộ Thương mại Mỹ, tỷ lệ tăng trưởng kinh tế quý IV là -1,6%, quý I đầu năm 1991 là -2,8%), kinh tế bước vào thời kỳ phát triển nhanh chóng, kéo dài cho tới cuối năm 1999, kinh tế Mỹ đã thực hiện được 105 tháng dài tăng trưởng liên tục (đột phá kinh tế này kết thúc vào quý IV năm 2000, thời gian tăng trưởng liên tục lên tới 114 tháng). Điều này trở thành thời kỳ tăng trưởng ổn định dài nhất kể từ giữa thế kỷ 19. Lúc đó, các nước Tây Âu chật vật với tỷ lệ thất nghiệp, sức tăng trưởng kinh tế yếu đi, bong bóng kinh tế Nhật Bản cũng nổ ra và lâm vào tình trạng đình đốn, Trong khi đó, kinh tế Mỹ lại xuất hiện tăng trưởng kỳ tích. Trong nền kinh tế thế giới, kinh tế Mỹ cũng chiếm phân ngạch lớn. Năm 1990, tỷ lệ tổng sản phẩm quốc nội của Mỹ, Liên minh Châu Âu và Nhật Bản là 1,88 : 2,07 : 1, trong đó tổng sản phẩm quốc nội của Mỹ chiếm 25,29% tổng sản phẩm quốc nội thế giới. Tới năm 2000, tổng sản phẩm quốc nội của Mỹ chiếm 27,07% tổng sản phẩm quốc nội thế giới đạt 7.898 tỷ USD. Tỷ lệ tổng sản phẩm quốc nội của Mỹ, Liên minh Châu Âu và Nhật Bản là 2,2 : 2,2 : 1.

Tất cả chỉ tiêu cơ bản của kinh tế Mỹ đều chuyển biến tốt

đẹp một cách toàn diện, không còn là hiện tượng hiếm thấy trong thời kỳ kinh tế hiện đại của Mỹ, mà còn không phù hợp với lý luận chủ đạo của học thuyết kinh tế phương Tây, xuất hiện một kiểu hiện tượng kinh tế mới không giống với hiện tượng kinh tế truyền thống. Hiện tượng kinh tế mới này chủ yếu gồm ba biểu hiện:

- Trong thời kỳ của mình, Tổng thống Clinton đã xóa bỏ triệt để thâm thủng dự toán liên bang hơn 200 tỷ USD, từ năm 1998 bắt đầu chuyển sang thặng dư tài chính, đồng thời thực hiện tăng trưởng kinh tế trên 3%. Chính sách tài chính cắt giảm thâm thủng và vận dụng chính sách “thắt lưng buộc bụng” của Mỹ mà không gây ảnh hưởng tiêu cực tới nền kinh tế.

- Trong quá trình tăng trưởng kinh tế những năm 90, Mỹ luôn duy trì được tỷ lệ thất nghiệp dưới 5%, trong khi tỷ lệ lạm phát lại luôn được khống chế ở mức 2% hoặc thậm chí còn thấp hơn. Lý luận kinh tế truyền thống cho rằng tỷ lệ thất nghiệp thấp thì sẽ dẫn đến tình trạng lạm phát cao, song trong thời kỳ kinh tế mới thì lý luận này không còn phù hợp.

- Năng suất lao động sản xuất gia tăng rõ rệt, hiệu quả vốn đầu tư duy trì ở mức cao, thị trường chứng khoán tăng trưởng nhanh chóng. Vị trí bá chủ kinh tế của Mỹ có khả năng được củng cố và tăng cường chính là dựa vào hiện tượng kinh tế mới này. Hiện tượng kinh tế mới bắt nguồn từ sự đột phá đi đầu thế giới trong ngành công nghệ tin học của Mỹ. Thập kỷ 90, sản nghiệp công nghệ tin học đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế Mỹ là 35%. Số sinh viên tốt nghiệp trong ngành công nghệ tin học đã chiếm khoảng 60% tổng số sức lao động; năm 1988, giá trị sản lượng của ngành tin học đã chiếm 8,2% GDP, trở thành ngành lớn nhất vượt qua ngành sản xuất ô tô và ngành xây dựng. Ngành tin học không những thông qua khả năng tự phát triển mà còn thông qua khả năng cải tạo các

ngành truyền thống để nâng cao năng suất lao động, cắt giảm tiêu hao năng lượng và vật liệu, tăng cường khả năng tăng trưởng. Từ sau giữa thập niên 90, trong danh sách đánh giá khả năng cạnh tranh quốc tế, nước Mỹ luôn chiếm vị trí số một. Mỹ đã đạt được tiến bộ mới trong các lĩnh vực như kỹ thuật gia công, công nghệ vật liệu, kỹ thuật công trình, linh kiện điện tử từng một thời lạc hậu. Trên các lĩnh vực ưu thế truyền thống như thiết kế công trình, môi trường, sinh học ... Mỹ cũng củng cố hơn nữa địa vị của mình.

Bài học từ chiến dịch kiểm chế Nhật Bản của Mỹ

- Về vấn đề “nước Mỹ đứng đầu” hay “Nhật Bản đứng đầu”, trong cuộc cạnh tranh giữa quốc gia đứng đầu với quốc gia có tiềm tàng đứng đầu, nhân tố hình thái ý thức và chế độ xã hội vẫn là vị trí thứ hai, việc đánh giá về địa vị quốc gia, lợi ích quốc gia mới là số một. Trong khi kinh tế Nhật Bản phát triển rực rỡ tác động tới địa vị quốc gia đứng đầu và quốc gia lãnh đạo của Mỹ, nước Mỹ có thể bỏ Liên Xô — quốc gia Xã hội chủ nghĩa, lại phía sau mà chọn Nhật Bản — quốc gia có cùng hình thái ý thức và chế độ xã hội với Mỹ, làm đối thủ cạnh tranh số một.

- Trong cuộc cạnh tranh chiến lược giữa các quốc gia, trong cuộc cạnh tranh địa vị cơ bản giữa các nước trên thế giới, vào thời điểm quan trọng của cuộc đo sức chiến lược, cái gọi là “âm mưu” và “cạm bẫy” có thể được sử dụng và phát huy tác dụng. Việc Mỹ thao túng “Hiệp ước Quảng trường” nhằm đối phó với Nhật Bản chính là một âm mưu và cạm bẫy tài chính, một cuộc chiến tài chính. Do đó, trên vũ đài quốc tế, “Thuyết âm mưu” và “Thuyết cạm bẫy” không phải là không có.

- Về cạnh tranh chiến lược nước lớn, muốn từ cơ bản giành quyền chủ động chiến lược, thực sự trở thành kẻ chiến

thắng, mà chỉ dựa vào kinh nghiệm, chỉ dựa vào “Thuyết âm mưu” và “Thuyết cạm bẫy”, chỉ dựa vào việc kiểm chế sự phát triển của đối thủ đều không đủ. Vấn đề quan trọng, nhân tố quyết định vẫn là cần phải tự phát triển, trong khi sáng tạo và phát triển, hình thành ưu thế lớn mạnh vượt qua đối thủ. Trong thập niên 90, việc nước Mỹ có thể đẩy lùi Nhật Bản ra xa phía sau, tác dụng chiến thắng của “kinh tế mới” là lớn nhất. Mỹ giành thắng lợi trước Nhật Bản trong cuộc cạnh tranh này là do vừa dựa vào việc kiểm chế sự phát triển của đối thủ, nhưng điều quan trọng hơn là dựa vào việc gia tăng tốc độ phát triển của chính mình.

4. Mỹ làm thế nào kiểm chế sự cạnh tranh của Liên Xô

Nếu như nói sự kiểm chế của Mỹ đối với Nhật Bản là sự kiểm chế “trong cùng phe”, là sự kiểm chế trong nội bộ đồng minh, thế thì sự kiểm chế của Mỹ đối với Liên Xô là sự kiểm chế “bên ngoài phe”, là sự kiểm chế đối thủ bên ngoài đồng minh, và chiến dịch này là một chiến dịch kiểu “maratong” kéo dài gần nửa thế kỷ.

Chiến tranh Lạnh: phát minh chiến lược của Mỹ

Khái niệm Chiến tranh Lạnh là do người Mỹ sáng tạo và đưa ra. Trong một bài phát biểu trước quốc hội ngày 16/4/1947, thượng nghị sĩ Mỹ Bernard Baruch lần đầu tiên đưa ra khái niệm Chiến tranh Lạnh. Từ đó khái niệm Chiến tranh Lạnh được lưu truyền và sử dụng rộng rãi. Chiến tranh Lạnh trở thành danh từ chuyên dùng trong chính sách sau chiến tranh của Mỹ đặc biệt là chính sách đối với Liên Xô và đã được cộng đồng quốc tế thừa nhận rộng rãi và tiếp thu một cách phổ biến.

Thế nào gọi là Chiến tranh Lạnh? Định nghĩa Chiến tranh Lạnh là gì? Có ba cách biểu đạt:

Thứ nhất là định nghĩa Chiến tranh Lạnh theo kiểu của Liên Xô. Liên Xô cho rằng Chiến tranh Lạnh là chính sách mà Mỹ và các nước đế quốc khác vận dụng đối với các nước Xã hội chủ nghĩa, trước hết là nhằm vào Liên Xô trong khoảng thời gian tư thập kỷ 40 đến thập kỷ 60 của thế kỷ 20 sau chiến tranh thế giới thứ Hai, mục đích là phá hủy và tranh cướp thành quả thắng lợi của nhân dân Liên Xô và lực lượng hòa bình dân chủ thế giới trong chiến tranh thế giới thứ Hai. Chiến tranh Lạnh đã phản ánh lợi ích của giai cấp tư bản lũng đoạn, đặc biệt là giai cấp tư bản lũng đoạn Mỹ được coi là phản động nhất trong thế giới phương Tây. Chiến tranh Lạnh chủ yếu là sự đối kháng lợi ích địa-chính trị của hai tập đoàn quân sự chính trị lớn trên thế giới. Mâu thuẫn nổi bật nhất giữa hai tập đoàn này biểu hiện ở chỗ tập đoàn phương Tây coi thường Liên Xô và các đồng minh của Liên Xô trên các lĩnh vực kinh tế, mậu dịch và khoa học kỹ thuật và có ý đồ kiểm chế những nước thuộc phe trục Liên Xô.

Thứ hai là định nghĩa Chiến tranh Lạnh theo kiểu của Mỹ. Các học giả Mỹ cho rằng Chiến tranh Lạnh là sự đối kháng toàn diện giữa các nước có xung đột về lợi ích trừ xung đột trực tiếp về quân sự; là trạng thái đối lập Đông-Tây.

Thứ ba là định nghĩa Chiến tranh Lạnh theo kiểu Trung Quốc. Các học giả Trung Quốc cho rằng Chiến tranh Lạnh là một hiện tượng đối kháng toàn diện giữa phe Xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu và phe Tư bản chủ nghĩa do Mỹ đứng đầu. Sự đối kháng này trừ xung đột quân sự trực tiếp ra, nó liên quan đến các lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế và ý thức hệ, là trạng thái hòa bình nhưng chứa nguy cơ chiến tranh, cũng là một loại chiến tranh được biểu hiện dưới hình thái hòa bình.

Chiến tranh Lạnh xuất hiện từ bao giờ? Trong vấn đề này, hai đối thủ chủ chốt trong cuộc Chiến tranh Lạnh này có cách nói khác nhau.

Tại Liên Xô cũ và Nga có ba quan điểm:

Thứ nhất, lấy Cách mạng tháng 10 làm khởi điểm.

Thứ hai, lấy việc Mỹ ném bom nguyên tử làm khởi điểm, cho rằng việc Mỹ ném hai quả bom nguyên tử xuống Nhật Bản tháng 8/1945 với mục đích là để đánh Nhật Bản, răn đe Liên Xô và dọa toàn thế giới. Điều này không chỉ giành được thắng lợi cuối cùng trong chiến tranh với Nhật Bản, mà còn thành công trong việc khuyếch trương thực lực trước Liên Xô, từ đó đưa tới việc nổ ra cuộc chiến tranh Lạnh.

Thứ ba, năm 1947 khi chủ nghĩa Truman xuất hiện.

Tại Mỹ có năm quan điểm:

Thứ nhất, Chiến tranh Lạnh là mô hình cơ bản của quan hệ Mỹ-Xô, chiến tranh Lạnh bắt đầu diễn ra sau chiến tranh thế giới thứ Hai. Mỹ và Liên Xô căn cứ vào những hiệp nghị ký kết thời kỳ chiến tranh, để bố trí phạm vi thế lực chính trị của mình. Năm 1947-1948 là thời điểm then chốt, còn tiêu chí chủ yếu là việc thành lập Cục tình báo trung ương Mỹ, khủng hoảng Béclin, sự kiện tháng 2 ở Tiệp Khắc, chiến tranh Triều Tiên.

Thứ hai, Chiến tranh Lạnh là sự đối lập và cạnh tranh về ý thức hệ. Năm 1917-1920 là sự lựa chọn tốt đẹp nhất - Cách mạng tháng 10, Xô-Nga rút khỏi chiến tranh, can thiệp vũ trang, thành lập quốc tế cộng sản.

Thứ ba, Chiến tranh Lạnh bắt đầu diễn ra vào thời gian giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.

Thứ tư, Chiến tranh Lạnh bắt đầu diễn ra từ khi nổ ra Chiến tranh thế giới lần thứ Hai.

Thứ năm, Chiến tranh Lạnh bắt đầu diễn ra khi Mỹ ném bom nguyên tử xuống đất Nhật Bản tháng 8/1945.

Tại Trung Quốc, các học giả Trung Quốc cho rằng lý luận kiểm chế của nhà ngoại giao kiêm học giả Mỹ G.F. Kennan đã cung cấp cơ sở lý luận cho tư tưởng tư duy Chiến tranh Lạnh của Mỹ. Người vén lên bức màn Chiến tranh Lạnh là phát biểu về “Bức màn sắt” của Churchill. Tiêu chí cho sự mở đầu chính thức của Chiến tranh Lạnh là sự xuất hiện chủ nghĩa Truman. Chiến trường chủ yếu của Chiến tranh Lạnh là châu Âu, dần dần mở rộng ra toàn thế giới. Các đối thủ chính của cuộc Chiến tranh Lạnh và Mỹ, đồng minh của Mỹ, Liên Xô và các nước trong khối Vácsava. Trung Quốc và nhiều nước đang phát triển khác bị lôi cuốn vào cuộc chiến tranh này với những mức độ khác nhau.

Chiến tranh Lạnh “lạnh” ở chỗ nào?

Chiến tranh Lạnh không có mưa bom bão đạn như Chiến tranh thế giới, không có đầu rơi máu chảy, vậy Chiến tranh Lạnh “lạnh” ở chỗ nào? Kỳ thực, cái “lạnh” nhất của Chiến tranh Lạnh là ở tư duy. Tư duy Chiến tranh Lạnh là tư duy giết người không thấy máu, mất nước mà không gây chấn động. Vì vậy nhận thức cái “lạnh” của Chiến tranh Lạnh, điều then chốt là phải vạch ra bản chất của tư duy Chiến tranh Lạnh.

Điều gọi là ‘tư duy Chiến tranh Lạnh’ chính là quan niệm chiến lược, nguyên tắc chiến lược và phương thức chiến lược cơ bản mà Mỹ và Liên Xô dựa vào trong cuộc độ sức tranh giành bá quyền thế giới; là tư tưởng chỉ đạo để Mỹ và Liên Xô tiến hành Chiến tranh Lạnh. Tư duy Chiến tranh Lạnh về bản chất là tư duy bá quyền. Tư duy của hai bên tiến hành Chiến tranh Lạnh là tư duy tranh giành bá quyền thế giới, là tư duy tiến hành xoay quanh việc tranh giành bá quyền thế giới. Tư duy Chiến tranh Lạnh có 6 đặc điểm chủ yếu dưới đây:

Thứ nhất, tư duy theo luật rừng “nhất sơn bất dung nhị hổ”

(một núi không thể có hai con hổ). Đây là tư duy của “chúa sơn lâm”. Nguyên tắc của tư duy Chiến tranh Lạnh là nguyên tắc theo luật rừng. Coi cộng đồng quốc tế như là khu rừng rậm, kẻ mạnh là chủ, kẻ mạnh làm vua, không cho phép xuất hiện kẻ thách thức, kẻ cạnh tranh. Luôn tìm cách truy tìm đối thủ để gây sức ép kiểm chế. Tư duy Chiến tranh Lạnh sợ xuất hiện thế giới đa cực, ngăn ngừa việc hình thành thế giới dân chủ.

Thứ hai, tư duy đặc quyền “lấy lợi ích bá quyền làm lợi ích quốc gia”. Mỗi một quốc gia chủ quyền trong cộng đồng quốc tế đều có lợi ích quốc gia của mình. Nhưng lợi ích quốc gia không phải là tùy ý vô độ. Lợi ích quốc gia giống như lãnh thổ quốc gia, đều phải có biên giới. Một trong những đặc điểm và nội dung chủ yếu của tư duy Chiến tranh Lạnh của các nước tranh giành bá quyền là coi bá quyền thế giới là lợi ích quốc gia của mình để đi tranh giành. Từ đó khoác cái áo “lợi ích quốc gia” cho hành vi tranh giành bá quyền thế giới của mình. Coi việc cộng đồng quốc tế kiểm chế hành vi bá quyền của mình là làm tổn hại đến lợi ích quốc gia của họ và từ đó càng tăng cường chống lại sự kiểm chế của cộng đồng quốc tế. Việc coi bá quyền là lợi ích để tranh giành, coi lợi ích bá quyền là lợi ích quốc gia để tranh giành và bảo vệ, trên thực tế là lấy việc làm tổn hại lợi ích cộng đồng quốc tế để thỏa mãn lợi ích đặc quyền của quốc gia bá quyền và dân tộc bá quyền.

Thứ ba, tư duy tuyệt đối “lấy nguy hiểm tuyệt đối của đối phương để thực hiện an ninh tuyệt đối với mình”. Về mặt an ninh quốc gia, tư duy Chiến tranh Lạnh biểu hiện thành “thuyết an ninh bá quyền”, chính là cho rằng việc đảm bảo an ninh của một cường quốc thế giới chỉ có thể là bá quyền thế giới. Muốn có an ninh thì phải có bá quyền, không có bá quyền sẽ không có an ninh. Vì vậy để giành được an ninh

quốc gia thì phải giành lấy bá quyền thế giới. Thế là lao vào mở rộng quân bị, tiến hành chạy đua vũ trang, tìm kiếm ưu thế tuyệt đối về sức mạnh quân sự. Thông qua việc đặt đối phương vào tình thế nguy hiểm tuyệt đối để thực hiện và đảm bảo an ninh tuyệt đối cho đất nước mình. Kết quả đưa tới chạy đua vũ trang trên toàn thế giới, làm gay gắt thêm cục diện căng thẳng của thế giới, cũng tạo nên sự mất an ninh lớn hơn đối với chính mình, đưa tới việc càng muốn theo đuổi an ninh tuyệt đối nhưng lại càng rơi vào tình thế không an ninh. Việc đặt an ninh tuyệt đối của đất nước mình trên cơ sở tuyệt đối không an ninh của nước khác, chứ không phải là xây dựng trên cơ sở an ninh chung, tất sẽ đưa tới các nước đều không có an ninh, hình thành nên tình thế khó khăn về mặt an ninh.

Thứ tư, tư duy “Zero sum” (Trò chơi được mất trong đó người thắng thu về đúng phần người thua mất- ND). Tư duy Chiến tranh Lạnh dựa theo quy tắc của trò chơi “zero sum” để tiến hành một cuộc cạnh tranh ác tính. Hai bên đối kháng đều cho rằng bên này được thì bên kia sẽ mất. Trong quan hệ hai bên, trong cạnh tranh hai bên, không được thì là mất, không thắng thì là bại. Không cho chuyện cả hai đều thắng, cả hai cùng hưởng lợi.

Thứ năm, tư duy bài xích “một trái đất không thể cùng tồn tại hai chế độ”. Ngay từ tháng 3/1947, cựu Tổng thống Mỹ Truman đã tuyên bố rằng :”Toàn bộ thế giới nên vận dụng chế độ của Mỹ, chỉ khi chế độ của Mỹ trở thành chế độ của thế giới thì mới có thể tồn tại.” Theo tư duy của Truman, thế giới chỉ có thể có một chế độ, đó là chế độ Mỹ, các chế độ khác đều không có quyền tồn tại. Tư duy Chiến tranh Lạnh đã kết án tử hình đối với các chế độ xã hội và ý thức hệ khác với Mỹ. Bá quyền Mỹ cho rằng nhân quyền, dân chủ và văn minh Cơ đốc giáo của Mỹ bị đe dọa nghiêm trọng bởi nền kinh tế kế hoạch, sự khủng bố chuyên chế và thuyết vô thần của các

nước Xã hội chủ nghĩa. Hai chế độ chính trị kinh tế này, hai phương thức sống này, hai giá trị quan này là mối quan hệ như nước với lửa không thể dung hòa với nhau. Kết quả của sự cạnh tranh và đối kháng giữa hai bên chỉ có thể là sự lựa chọn giữa một trong hai bên, không bên này thì bên kia. Sứ mệnh của Liên Xô là làm người đào mồ cho Chủ nghĩa tư bản Mỹ. Còn sứ mạng của Mỹ là quét chế độ Xô viết vào bãi rác của lịch sử. Tư duy Chiến tranh Lạnh không cho phép trên thế giới này tồn tại cục diện “một trái đất hai chế độ” hay “một trái đất nhiều chế độ”.

Thứ sáu, tư duy liên minh “không bạn thì là thù”. Tư duy Chiến tranh Lạnh dựa theo việc phân chia ranh giới ý thức hệ. Hai bên xây dựng phe trịch cho mình, thực hiện chiến lược đồng minh, tìm kiếm ưu thế địa-chính trị, tiến hành đối kháng tập đoàn, đưa toàn bộ thế giới vào bộ máy Chiến tranh Lạnh, khiến toàn bộ thế giới bao trùm bầu không khí chiến tranh Lạnh.

Vì sao lại phải tiến hành chiến tranh Lạnh

Người Mỹ nói : “Việc tiến hành cuộc Chiến tranh Lạnh là vì quyền lãnh đạo thế giới.” Giáo sư sử học nổi tiếng của Mỹ Kong Hua Run đã từng viết “Vì sao vào cuối thập kỷ 40 của thế kỷ 20, Mỹ và Liên Xô lại có thái độ đe dọa lẫn nhau? Thái độ này vì sao kéo dài đến tận cuối thập kỷ 80? Chúng ta có thể dùng ba phương pháp nghiên cứu đan chéo nhau để có được đáp án trên ba mặt. Trước hết là quyết tâm của người Mỹ chấp nhận trách nhiệm nước lớn, lãnh đạo thế giới và sáng tạo ra trật tự thế giới mới. Thứ hai, đặc tính của hai nước Xô-Mỹ đã tạo ra hành vi quá mức của một xã hội công dân của một nước (Mỹ với mô hình quốc gia mạnh nhưng chính phủ yếu, còn Liên Xô không tồn tại xã hội công dân kiểu này mà với thể chế chính trị Chủ nghĩa Stalin cực quyền cao độ).

Thứ ba là “hoàn cảnh khó khăn” về an ninh.

“Nếu như Mỹ không có quyết tâm lãnh đạo thế giới, thì không thể xuất hiện Chiến tranh Lạnh. Nếu như Mỹ lựa chọn quan niệm về “chủ nghĩa lục địa” mà một số tri thức đề xướng trong thập kỷ 30 của thế kỷ 20 (có khuynh hướng hợp tác chính trị kinh tế giữa các nước trong châu lục và bài xích các châu lục khác), hoặc đi theo chính sách tự cung tự cấp mà một số tri thức đề xướng trong thập kỷ 60 của thế kỷ 20, thế thì động lực phát triển thế giới sau chiến tranh sẽ rất khác nhau. Nhưng các nhà lãnh đạo Mỹ thuộc nhiều thế hệ đều đưa ra một kết luận rằng: Chính vì Mỹ sau chiến tranh thế giới thứ Nhất đã trốn tránh trách nhiệm lãnh đạo thế giới, mới khiến Adolf Hitler và những kẻ theo chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản có cơ hội làm bậy, mới khiến đưa tới thế giới tiêu điều và xảy ra chiến tranh thế giới lần thứ Hai.

Liên tưởng tới câu cách ngôn của nhà thơ kiêm nhà triết học Mỹ Geogrgie Santayana ‘những người quên lịch sử sẽ lại đi theo vết bánh xe đổ của lịch sử’, các nhà lãnh đạo Mỹ đã rút ra bài học từ nhà sử học này và bắt đầu từ giữa thập kỷ 40 của thế kỷ 20, các nhà lãnh đạo Mỹ đã vận dụng nó vào trong thực tiễn. “Mục tiêu của các nhà lãnh đạo Mỹ là sáng tạo ra trật tự thế giới làm tăng thêm lợi ích của Mỹ. Trong trật tự thế giới này, của cải và quyền lực của Mỹ không ngừng tăng lên. Quan niệm giá trị mà người Mỹ trân trọng là mở rộng ra toàn bộ thế giới này.”

Đối với người Mỹ việc để Adolf Hitler và những người theo chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản làm bậy, khiến thế giới tiêu điều và đưa tới Chiến tranh Thế giới lần thứ Hai, khiến Mỹ rút bài học đó chính là do Mỹ lẩn tránh trách nhiệm lãnh đạo thế giới sau Chiến tranh Thế giới thứ Nhất, không kịp thời gánh vác sứ mệnh là nước lãnh đạo thế giới, đó chính là sai lầm mang tính lịch sử và sự mất mát mang tính chiến lược đối

với Mỹ. Để không lặp lại sai lầm lịch sử, Mỹ cần phải đảm nhận cương vị lãnh đạo thế giới sau chiến tranh thế giới thứ Hai, và cần tiến hành Chiến tranh Lạnh đối với Liên Xô để bảo vệ địa vị lãnh đạo này. Cho nên đối với người Mỹ, Chiến tranh Lạnh chính là cuộc chiến được tiến hành vì quyền lãnh đạo thế giới.

Cuộc Chiến tranh Lạnh giữa Mỹ và Liên Xô cho dù là cuộc xung đột và đấu tranh giữa Chủ nghĩa tư bản hay Chủ nghĩa Mác-Lênin trên mặt ý thức hệ, là cuộc đấu tranh giữa chế độ chính trị kinh tế Tư bản chủ nghĩa với chế độ chính trị kinh tế của Chủ nghĩa xã hội trên mặt chế độ xã hội, hay là cuộc chạy đua vũ trang đặc biệt là chạy đua trên lĩnh vực hạt nhân để giành ưu thế quân sự, thì thực chất của nó đều là cuộc đọ sức xoay quanh bá quyền thế giới (quyền lãnh đạo thế giới).

Trong tình hình Mỹ và Liên Xô - hai cường quốc hình thành sau chiến tranh thế giới thứ Hai đều muốn tranh bá thế giới, trong tình hình hai ý thức hệ Xã hội chủ nghĩa và Tư bản chủ nghĩa đều muốn chủ đạo ý thức hệ thế giới, Chủ nghĩa xã hội và Chủ nghĩa tư bản đều muốn thay thế đối phương, và trong điều kiện vũ khí hạt nhân trở thành vũ khí chiến lược trong cạnh tranh nước lớn, thì cuộc Chiến tranh Lạnh lấy bá quyền thế giới làm mục tiêu, lấy thực lực quân sự làm hậu thuẫn, lấy ý thức hệ làm ngọn cờ, lấy phe trục và liên minh làm phương thức tổ chức sẽ là một cuộc chiến tranh giành bá quyền lâu dài. Chiến tranh Lạnh là cuộc đấu tranh kiểm chế và chống kiểm chế giữa quốc gia đứng đầu là Mỹ và quốc gia tiềm tại đứng đầu là Liên Xô. Chiến tranh Lạnh là một thể chế quốc tế gồm đối kháng và đối thoại, cạnh tranh và hợp tác, kiểm chế và câu kết, đấu tranh và thỏa hiệp. Chiến tranh Lạnh là hình thái hòa bình chứa đựng nguy cơ chiến tranh, là loại chiến tranh đặc biệt được tiến hành dưới hình thái hòa

bình. Thủ đoạn chủ yếu của Chiến tranh Lạnh là chạy đua vũ trang, đấu tranh ngoại giao, gây sức ép về kinh tế khoa học kỹ thuật, đối lập về ý thức hệ và chiến tranh gián điệp... Nguồn gốc của Chiến tranh Lạnh là theo đuổi bá quyền. Cuộc Chiến tranh Lạnh giữa Mỹ và Liên Xô chính là cuộc chiến tranh giành bá quyền.

Việc phán quyết đối với “Chiến tranh Lạnh” chính là sự “phát triển”

Thế giới luôn tiến bộ. Chiến tranh Lạnh giữa Mỹ và Liên Xô là để tranh giành bá quyền thế giới. Việc phán xét Chiến tranh Lạnh lại chính là “phát triển”. Logic về sự tiến bộ của lịch sử đã biến cuộc Chiến tranh Lạnh giữa Mỹ và Liên Xô thành một cuộc cạnh tranh và chạy đua từ chỗ không còn lấy ý chí của con người mà chuyển sang lấy “phát triển” làm chỗ dựa. Nó căn cứ vào thành tựu của hai nước để xác định ưu thế hay bị đào thải.

Cuộc cạnh tranh và chạy đua phát triển đã quyết định sự thành bại của hai bên trong cuộc Chiến tranh Lạnh. Trong quá trình tranh giành bá quyền thế giới, Mỹ và Liên Xô vừa bồi nhọ công kích nhau về ý thức hệ và chế độ xã hội, nhưng lại ganh đua nhau để phát triển kinh tế và xã hội. Mỹ rêu rao cuộc cạnh tranh giữa Mỹ và Liên Xô là cuộc đấu tranh giữa hai phương thức sống, là cuộc đấu tranh giữa thế giới tự do với thế giới bá quyền. Mỹ tuyên bố văn minh vật chất cao độ của Mỹ, điều kiện sống ưu việt của Mỹ, phương thức sống tự do của Mỹ có sức hấp dẫn mạnh mẽ. Liên Xô thì công kích Mỹ là Chủ nghĩa tư bản đầy chết. Còn việc so sánh về sự phát triển giữa hai nước về cơ bản đã quyết định tình thế cạnh tranh giữa hai nước, quyết định sự thắng trầm trong quá trình cạnh tranh giữa hai nước Mỹ-Xô.

Sức mạnh tổng hợp của Mỹ tuy đứng đầu thế giới, nhưng

trong quá trình cạnh tranh Xô-Mỹ cũng xuất hiện những thăng trầm lúc lên lúc xuống. Thập kỷ 70 của thế kỷ 20 là thời kỳ tồi tệ trong quá trình lịch sử của nước Mỹ, là thời kỳ nước Mỹ nảy sinh nhiều vấn đề và mất đi niềm tin. Thập kỷ 70, kinh tế Mỹ suy thoái, số người thất nghiệp lên tới 8 triệu, nhân dân Mỹ mất niềm tin đối với chính phủ Mỹ, dân chúng Mỹ tỏ ra bi quan đối với tiền đồ của mình. Kết quả điều tra dân ý cho thấy, năm 1978 so với năm 1958, tình hình đã nảy sinh nhiều thay đổi: số người Mỹ cho rằng chính phủ Mỹ chủ phục vụ cho tầng lớp người giàu có đã từ 18% tăng lên 74%, số người cho rằng chính phủ không đưa ra được phán đoán chính xác đã từ 25% tăng lên đến 70%, số người Mỹ cho rằng chính phủ Mỹ đã bị một số kẻ chi phối đã tăng từ 28% lên đến 56%. Trong một báo cáo tường trình về tình hình đất nước, Tổng thống Mỹ Reagan đã thừa nhận trong số 10 người được hỏi về tiền đồ của mình thì có 6 người tỏ ra bi quan. Trong cuộc tranh cử vòng ngoài tại bang New Hampshire tháng 2/1980, Reagan đã từng nói : "Một số người cao tuổi Mỹ hãy còn nhớ trước chiến tranh thế giới thứ Hai, dù ở nơi nào trên thế giới, dù người đó là ai, chỉ cần đeo trên ngực chiếc huy chương có quốc kỳ Mỹ thì người đó có thể đi đến bất cứ nơi đâu. Hiện nay nước Mỹ đã xảy ra khủng hoảng về lòng tin, mất đi sự tôn trọng của bạn bè và kẻ thù. Điều này thực sự là điều đau khổ." Phát triển là đạo lý cứng, trong phát triển thì bị động, trong cạnh tranh thì mất đi sự chủ động.

Reagan lên làm tổng thống nước Mỹ trong những năm tháng nước Mỹ đầy rẫy khó khăn, có thể nói phải đối diện với một cơ ngơi đổ nát, những cố gắng của Reagan để chấn hưng đất nước chủ yếu tập trung vào việc giải quyết những vấn đề trong nước, đặt vào việc tăng nhanh tốc độ phát triển, thông qua chấn hưng kinh tế và mở rộng quân bị để thực hiện mục tiêu chấn hưng đất nước. Ông đã vận dụng một loạt các biện

pháp chiến lược, đặc biệt là dự luật giảm thuế mạnh mẽ ký ngày 13/8/1981, đã quyết định trong vòng 3 năm giảm 25% thuế thu nhập, điều này trở thành liều thuốc kích thích kinh tế Mỹ phục hồi và phồn vinh. Bắt đầu từ nửa cuối của năm 1982, chính quyền Reagan đã thực hiện chính sách “3 cao”, đó là thâm hụt cao, lãi xuất cao và tỷ giá đồng đô la cao, đã kích thích kinh tế Mỹ phục hồi và phát triển nhanh. Tháng 12/1982, kinh tế Mỹ đã thoát ra khỏi sự suy thoái. Năm 1983, GDP của Mỹ thực tế tăng 3,6%, năm 1984 mức tăng trưởng kinh tế đạt 6,5%, là tốc độ tăng trưởng cao nhất trong 30 năm qua. Tỷ lệ lạm phát trong 3 năm giảm xuống còn 3,9%, là mức thấp nhất trong 17 năm qua. Trong 2 năm còn cung cấp 7,3 triệu việc làm. Chiến lược quốc gia của Reagan là chấn hưng quốc uy, chấn hưng quân uy, lấy thực lực để theo đuổi hòa bình. Chi phí quân sự của Mỹ năm 1971 là 171 tỷ USD, đến năm 1986 đã tăng lên đến 376 tỷ USD.

Mọi người nói thời kỳ Reagan của Mỹ là thời kỳ tiến công, là thời kỳ phát động cuộc tổng tiến công đối với Liên Xô dưới ngọn cờ của chủ nghĩa bảo thủ mới của Mỹ. Cơ sở và hậu thuẫn để Mỹ thực hiện chiến lược tiến công là phát triển kinh tế. Tại nước Mỹ, trào lưu chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa bảo thủ lúc lên lúc xuống. Trong thập kỷ 40-60 của thế kỷ 20, chủ nghĩa tự do thịnh hành, kinh tế Mỹ phồn vinh, địa vị chiến lược được tăng cường, là nước lãnh đạo thế giới phương Tây, là nước mạnh trong cuộc cạnh tranh Xô-Mỹ, nhưng cũng chứa đựng nhiều mâu thuẫn. Từ thập kỷ 70 của thế kỷ 20 đến nay, chủ nghĩa bảo thủ mới trỗi dậy trong thế giới Tư bản chủ nghĩa và cũng dần dần trở thành trào lưu chính. Đặc điểm chủ yếu của chủ nghĩa bảo thủ mới là: về chính trị có xu hướng hữu khuynh, về ý thức hệ có khuynh hướng chống Cộng mạnh mẽ, chủ trương tiến hành thánh chiến “không đội trời chung” đối với chủ nghĩa Cộng sản; trên lĩnh vực kinh tế thực hiện lý

luận của phái cung ứng học, xóa bỏ chính sách phúc lợi xã hội; kiên trì ý tưởng chiến lược đối đầu hai cực, tích cực thực hiện ngoại giao thực lực để bảo vệ lợi ích quốc gia, triển khai chạy đua vũ trang. Quan điểm cơ bản của Reagan là chính phủ nhỏ, thu thuế thấp, giảm phúc lợi, tăng cường quốc phòng. Reagan sùng bái vũ lực, mê tín chiến tranh Lạnh, kiên quyết chống Liên Xô, chống Cộng sản. Nhóm cố vấn của Reagan chủ trương các nhà lãnh đạo Liên Xô cần phải tiến hành lựa chọn giữa việc dựa theo phương hướng của phương Tây, thay đổi một cách hòa bình Chủ nghĩa cộng sản hoặc tiến hành chiến tranh giữa hai bên, không có một phương thức nào khác. Bước vào thập kỷ 80 của thế kỷ 20, mục tiêu chiến lược của Mỹ đối với Liên Xô không phải là cùng chung sống với Liên Xô, mà là muốn thay đổi thể chế của Liên Xô, đạt được mục tiêu không đánh cũng chiến thắng. Với sự chỉ đạo của chủ nghĩa bảo thủ mới, chính quyền Reagan đã chế định chính sách tổng hợp “tam vị nhất thể”, đó là chạy đua vũ trang, trừng phạt kinh tế và tiến hành cuộc chiến tranh trên các vì sao; thách thức toàn diện đối với Liên Xô trên các mặt quân sự, kinh tế, kỹ thuật. Trong giai đoạn này Reagan có thể phát động thế tiến công đối với Liên Xô, có thể thực hiện chính sách tổng hợp “tam vị nhất thể” đối với Liên Xô là do dựa vào sự phát triển tốt đẹp của nền kinh tế. Phần nào trong chính sách tổng hợp của Mỹ đều không thể tách rời sự hỗ trợ của sức mạnh kinh tế.

Thời kỳ tiến công của Reagan và thời kỳ phát triển của nền kinh tế Mỹ lại là thời kỳ trì trệ của Brezhnev. Trong thời kỳ giữa và cuối thập kỷ 70 của thế kỷ 20, Liên Xô đã bước vào thời kỳ trì trệ, chủ yếu biểu hiện ở chỗ thể chế chính trị và kinh tế ngày càng cứng nhắc, hạn chế nghiêm trọng sự phát triển kinh tế. Chủ nghĩa giáo điều, chủ nghĩa quan liêu thính hành, quyền lực tập trung cao độ. Dân chủ chỉ có trên danh

nghĩa. Kinh tế tăng trưởng chậm chạp. Mâu thuẫn xã hội và dân tộc bị bộc lộ. Trong cuộc đổ sức và cạnh tranh với Mỹ, Liên Xô ngày càng ở vào thế bất lợi. Cơ cấu quan liêu và đội ngũ cán bộ vốn đã to lớn mà Liên Xô xây dựng nên lại càng phình ra dưới thời Brezhnev. Theo thống kê năm 1982, các cơ quan cấp bộ và các đơn vị trực thuộc chính phủ lên tới 110 cơ quan. Từ 1975-1983, số nhân viên cuộc các cơ quan nhà nước của toàn Liên Xô đã tăng thêm 3 triệu nhân viên, hình thành nên đội ngũ cán bộ với 21 triệu người. Các ngành và cơ cấu quản lý xuyên suốt từ trung ương xuống đến địa phương. Ngành công nghiệp và xây dựng của Liên Xô đã thiết lập hơn 40 bộ và hơn 700 tổng cục quản lý tại toàn liên bang và các nước cộng hòa. Hơn 600 cán bộ lãnh đạo thao túng mọi hoạt động của nền kinh tế Liên Xô. Tại Liên Xô, số người quản lý ngành nông nghiệp lên tới hơn 3 triệu người, đông hơn rất nhiều so với Mỹ. Hệ thống cán bộ ở Liên Xô thực hiện chế độ ủy nhiệm, trên thực tế là chế độ làm cán bộ suốt đời, khiến đội ngũ cán bộ phần lớn lão hóa. Đại hội Đảng Cộng sản Liên Xô lần thứ 26 đã bầu ra 25 ủy viên Bộ chính trị, toàn bộ là đội ngũ lãnh đạo của Đại hội lần thứ 25, có tuổi bình quân là 70,1 tuổi, Ban bí thư là 68 tuổi. Cán bộ chỉ phụ trách đối với cấp trên, trình độ của người lãnh đạo suy giảm, đề bạt những người không có năng lực, không chính trực, những người có năng lực dám đưa ra những ý kiến thì không được trọng dụng. Chủ nghĩa quan liêu, tham nhũng hoành hành, nhiều người lao vào tranh giành địa vị và trục lợi, không chỉ hình thành nên tầng lớp đặc quyền quý tộc, mà còn truyền đặc quyền cho thế hệ sau, hình thành nên thể chế kế thừa đặc quyền. Brezhnev thích được ca ngợi. Năm 1976, báo "Chân lý" của Liên Xô lần đầu tiên mở chuyên mục, trong 7 ngày liên chúc mừng sinh nhật của Brezhnev. Bài báo tràn đầy những lời tặng bốc phỉnh nịnh. Các nhà lãnh đạo khác của Liên Xô gọi Brezhnev

là “lãnh tụ của đảng”, “nhân vật vĩ đại của thời đại chúng ta”, tuyên truyền nhân dân Liên Xô ở mọi nơi đều đang “đọc, nghiên cứu quên ăn quên ngủ trước tác của Brezhnev”, vì coi nó là “tài nguyên tư tưởng trí tuệ vô tận”. Năm 1975, Brezhnev bị bệnh nặng, lúc này ông ta lại nắm mọi quyền lực lớn. Liên Xô bước vào thời kỳ người già lãnh đạo đất nước, người bệnh lãnh đạo đất nước. Trong cuốn “Những thăng trầm của Gorbachev” có viết :” Brezhnev đã không còn có thể tiếp tục lãnh đạo đảng và nhà nước, hội nghị Bộ chính trị ngày càng ngắn. Brezhnev ngồi đó, nhưng không còn biết rõ mình đang ngồi đâu, không biết trong hội nghị có ai, làm những gì. Thường xuất hiện tình trạng ông ấy ngồi đấy đọc bài phát biểu ngắn mà trợ lý đánh máy bằng khổ chữ rất to, có khi còn đọc sai cả hàng chữ, câu trước không khớp với câu sau. Ông ấy đại thể cũng ý thức được điều này, dùng ánh mắt yếu ớt nhìn mọi người. “ Để nhanh chóng kết thúc hội nghị, những người tham dự họp đều vội vàng thông qua các nghị quyết, rồi nhanh chóng rời phòng họp trong tâm trạng lo âu. Andropov cầm quyền 14 tháng, trừ thời gian bị bệnh nặng ra, trên thực tế ông chỉ cầm quyền có nửa năm. Chernenko là nhân viên văn phòng điển hình trong chế độ Liên Xô, tư tưởng bảo thủ, khi ông cầm quyền, trên thực tế đã mất đi khả năng công tác, trong hơn một năm cầm quyền hầu như chẳng làm được gì.

Không có phát triển sẽ không có sức hấp dẫn và không có cạnh tranh. Chủ nghĩa xã hội theo mô hình Liên Xô đã đi đến tận cùng, sự tan vỡ của phe trục Liên Xô là không thể tránh khỏi. Cuộc tháo chạy của các công dân Đông Đức là một sự kiện điển hình trong đó. Tây Béclin là cửa sổ của thế giới tư bản, là tấm gương phản chiếu phương thức sống phương Tây. Theo thống kê, từ năm 1948-1960 đã có 2,5 triệu người dân Đông Đức chạy sang Tây Đức, con số này tương đương

với 20% dân số Đông Đức. Chỉ riêng năm 1961 đã có 200 nghìn người dân Đông Đức chạy sang Tây Đức. Họ phần lớn từ Đông Béclin chạy sang Tây Béclin. Năm 1989 bắt đầu có hàng loạt người dân Đông Đức bỏ đi. Ngày 4/11/1989, Đông Béclin nổ ra cuộc biểu tình với 500 nghìn người tham dự. Trong vòng 24 tiếng đồng hồ từ 2 giờ chiều 11 đến 2 giờ chiều ngày 12 đã có 540 nghìn người dân Đông Đức chạy sang Tây Đức. Đến ngày 13, Cục cảnh sát Đông Đức tuyên bố đã cấp 5,18 triệu visa du lịch. Theo người phụ trách Cục hải quan Đông Đức, từ mồng 9-27 tháng 11, có khoảng 16,9 triệu người và 2,4 triệu ô tô đã đi qua biên giới. Hàng loạt những công dân Đông Đức đã bỏ đi, họ vứt bỏ cuộc sống mà không còn hấp dẫn đối với họ.

Một điều kiện quan trọng để Chiến tranh Lạnh có thể duy trì trong thời gian dài đó chính là sự cân bằng sức mạnh. Thực lực mà Mỹ và Liên Xô có thể đối kháng nhau là điều kiện và cơ sở vật chất cho cuộc Chiến tranh Lạnh. Sức mạnh rắn đe đã hình thành nên sự cân bằng rắn đe, xây dựng nên nền hòa bình trên cơ sở đối kháng thực lực, là cuộc chạy đua chiến lược. Trong quá trình phát triển, sự chênh lệch giữa hai bên mở rộng, thế cân bằng bị phá vỡ, nó cũng đưa tới kết thúc trò chơi chiến lược.

Bình tĩnh nhìn nhận cuộc Chiến tranh Lạnh

Trong cuốn “Mao Trạch Đông Ngàn năm công tội” đã nói về Chiến tranh Lạnh, cho rằng địa vị lịch sử của chiến tranh Lạnh vẫn cần phải có một sự đánh giá khách quan. Cuộc tranh bá giữa các nước lớn trong thế giới cận đại chưa bao giờ ngừng, nhưng nếu so sánh thì Chiến tranh Lạnh vẫn là một cuộc chạy đua văn minh nhất. Nói Chiến tranh Lạnh là cuộc chiến tranh văn minh, chủ yếu biểu hiện ở mấy mặt sau:

Thứ nhất, mục đích của Chiến tranh Lạnh tương đối văn

minh. “Tam quyền” mà Mỹ và Liên Xô tranh giành là : quyền chủ đạo thế giới, quyền lãnh đạo thế giới và bá quyền thế giới. Điều này khác với các cuộc cạnh tranh trước đây giữa các nước lớn tranh nhau quyền chiếm lĩnh, quyền thực dân và quyền thống trị thế giới. Đây là mục tiêu chiến lược tương đối văn minh.

Thứ hai, thủ đoạn Chiến tranh Lạnh tương đối văn minh. Chiến tranh Lạnh tuy sử dụng nhiều thủ đoạn, cũng xuất hiện nhiều nguy cơ. Nhưng Mỹ và Liên Xô không xung đột trực tiếp quân sự, không xảy ra chiến tranh thế giới, đặc biệt là không xảy ra chiến tranh hạt nhân. Tình hình có cạnh tranh lớn nhưng không có chiến tranh lớn là điều chưa từng có trong lịch sử. Điều này thể hiện sự kiềm chế và lý trí của hai bên, là sự tiến bộ và tiến hóa của nền văn minh chính trị thế giới.

Thứ ba, kết cục của Chiến tranh Lạnh tương đối văn minh. Cách xử lý và bố trí giữa bên chiến thắng và bên thất bại trong chiến tranh Lạnh so với Chiến tranh thế giới thứ Nhất và Chiến tranh thế giới thứ Hai có thể nói Chiến tranh Lạnh có sự kiềm chế và tương đối văn minh.

Thứ tư, cái giá của Chiến tranh Lạnh tương đối rẻ. Cái giá của Chiến tranh Lạnh tuy tương đối nặng nề, nhưng với tư cách là cuộc cạnh tranh giữa các nước lớn không đánh mà cũng thắng thì so với cái giá trong các cuộc chiến tranh giữa các nước lớn trong lịch sử thì Chiến tranh Lạnh vẫn tương đối rẻ.

Chiến tranh Lạnh là sản phẩm thời đại, trong thời đại khi đó nhân loại không chấp nhận được cái giá của cuộc chiến tranh thế giới, càng không chấp nhận được cái giá của cuộc chiến tranh hạt nhân. Cho nên việc tranh bá thế giới giữa các nước lớn chỉ có thể vận dụng hình thức chiến tranh Lạnh mà thôi. Nhưng Chiến tranh Lạnh là một sản phẩm lỗi thời, vì thời đại ngày nay nhân loại đã không thể chấp nhận cái giá của Chiến tranh Lạnh, số phận Chiến tranh Lạnh chỉ có thể

đưa vào các nhà bảo tàng hay đưa vào đồng rác của lịch sử. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn tiếp tục diễn ra, các phương thức phi Chiến tranh Lạnh vẫn tiếp tục được vận dụng.

Chiến tranh Lạnh nói lên điều gì?

Chiến tranh Lạnh là một giai đoạn của cuộc cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn trên thế giới, là một mô hình cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn trong điều kiện lịch sử đặc định. Cũng ghi nhận được nhiều điều về sự cạnh tranh giữa các nước lớn thông qua cuộc chiến tranh Lạnh này.

Thứ nhất, tính tất yếu và tính ngẫu nhiên của Chiến tranh Lạnh: Sự nảy sinh Chiến tranh Lạnh có tính tất yếu của nó, nhưng cũng có tính ngẫu nhiên của nó. Có người nói nếu Roosevelt sống thêm 5 năm nữa thì quan hệ Mỹ-Xô sẽ phát triển như thế nào? Mỹ là đất nước rất chú trọng dân ý. Trước khi diễn ra Chiến tranh Lạnh, tình hình dân ý ở Mỹ như thế nào? Trước khi kết thúc Chiến tranh thế giới thứ Hai, tuy một số quan chức Mỹ đã coi Liên Xô là kẻ thù, nhưng kết quả điều tra dân ý tháng 12/1945 cho thấy chỉ có 1/3 số người Mỹ được hỏi trả lời cho rằng trong khoảng 25 năm cuối cùng của thế kỷ 20 sẽ nổ ra chiến tranh thế giới và cho rằng Liên Xô là nước phát động chiến tranh. Cuộc điều tra dân ý tháng 9/1946 cho thấy chỉ có 8% muốn Mỹ hòa giải với Liên Xô và 74% cho rằng cả Mỹ và Liên Xô đều phải chịu trách nhiệm về sự bất hòa giữa hai nước. Qua điều tra dân ý của nước Mỹ khi đó có thể thấy ý thức Chiến tranh Lạnh không phải là dòng chính khi đó. Ý thức Chiến tranh Lạnh trong dân chúng Mỹ là do các cố vấn Mỹ tuyên truyền và kích động nên. Nếu các cố vấn Mỹ không phải là phái chủ chiến của Chiến tranh Lạnh, nếu sự chỉ đạo dư luận của họ đi theo hướng khác, thế thì có thể sẽ xuất hiện một tình hình khác. Dòng chính của dân ý Mỹ không phải là Chiến tranh Lạnh. Thế thì “quan ý” trong chính

phủ Mỹ liệu có phải nghiêng về Chiến tranh Lạnh hay không? Cũng không phải như vậy. Các chính trị gia Mỹ phản đối Chiến tranh Lạnh cũng có thái độ tương đối cương quyết. Sau chiến tranh thế giới thứ Hai, chính sách cứng rắn của Truman đối với Liên Xô đã chủ đạo chính sách của Mỹ đối với Liên Xô, nhưng cũng có người phản đối, như Bộ trưởng thương mại Mỹ Wallace chủ trương tiếp tục thực hiện chính sách chung sống hòa bình giữa Mỹ và Liên Xô của Roosevelt, chủ trương tiến hành duy trì mối quan hệ đồng minh thời chiến giữa Mỹ và Liên Xô trên cơ sở cân bằng và phạm vi thế lực giữa hai bên; chủ trương đảm bảo an ninh cho Liên Xô ở Đông Âu, để cùng Liên Xô đạt được sự hòa giải chính trị, để Chủ nghĩa tư bản và Chủ nghĩa cộng sản có thể tiến hành cạnh tranh trên cơ sở hữu hảo và trong tình hình cả thế giới mở rộng cánh cửa thương mại. Wallace công khai phê phán chính sách cứng rắn của chính phủ Mỹ đối với Liên Xô, cho rằng chủ nghĩa Truman đồng nghĩa với sự tuyên chiến với Liên Xô, là sự mạo hiểm ngu xuẩn, sẽ đưa thế giới vào thế kỷ đáng sợ. Truman đã chỉ trích Wallace là người theo chủ nghĩa hòa bình, là phần tử còn nguy hiểm hơn cả những kẻ thân phát xít trong thời kỳ chiến tranh thế giới, là kẻ gây lộn phục vụ cho Stalin. Kết quả Wallace bị mất chức. Truman lấy chính sách kiểm chế để thay thế cho chính sách hợp tác nước lớn và an ninh tập thể của Roosevelt. Sự khác biệt giữa quan niệm hợp tác nước lớn và an ninh tập thể của Roosevelt và chính sách cứng rắn của Truman đối với Liên Xô đã có những ảnh hưởng khác nhau đối với Mỹ và cục diện thế giới sau chiến tranh và điều này cũng dễ nhận thấy. Lịch sử không có giả thiết, nhưng tương lai có thể tranh thủ và sáng tạo. Trong tính tất yếu và tính ngẫu nhiên của chiến tranh Lạnh mọi người có thể phát huy được không gian của tính năng động chủ quan và tính sáng tạo. Trong nội bộ nước lớn việc làm thế nào hình thành những

nhận thức đúng đắn và ngăn ngừa những sai lầm của quan niệm chiến lược, việc cạnh tranh giữa các nước lớn làm thế nào hình thành nên những nhận chứng chung chiến lược đúng đắn và ngăn ngừa những sai sót trong quan niệm chiến lược được coi là một vấn đề lớn quyết định vận mệnh của một nước và tiền đồ thế giới. Trung Quốc ngày nay trong phương châm đối với Mỹ là kiên trì “tăng thêm niềm tin, mở rộng nhận thức chung, phát triển hợp tác, không đối kháng”. Đây là quan niệm mới trong cạnh tranh nước lớn. Những cố gắng của Trung Quốc không chỉ góp phần cống hiến cho việc mở ra cục diện mới của quan hệ Trung-Mỹ, mà cũng tạo nên ảnh hưởng chiến lược tích cực đối với cục diện thế giới.

Thứ hai, cuộc đo sức giữa mô hình Liên Xô và mô hình Mỹ: Mục tiêu chiến lược của Mỹ và Liên Xô là bá quyền thế giới và kết quả cạnh tranh được quyết định bởi sự phát triển. Cho nên trong thực tiễn chiến tranh Lạnh là cuộc đo sức lớn giữa hai mô hình phát triển, là cuộc đo sức giữa mô hình của Liên Xô và mô hình của Mỹ. Kết quả của cuộc đo sức này là Chủ nghĩa tư bản mang đặc sắc Mỹ đã chiến thắng Chủ nghĩa xã hội theo mô hình Liên Xô. Trong lịch sử nhân loại, mô hình Liên Xô là một sự sáng tạo vĩ đại. Nhưng mô hình Liên Xô từ sau khi hình thành vào thập kỷ 30 của thế kỷ 20 đã đứng riêng theo “ưu thế” của mình, trong nửa thế kỷ không có gì thay đổi, trong mấy chục năm vẫn là thể chế như vậy, cuối cùng đã rơi vào trì trệ và cứng nhắc, mất đi động lực và sức sống phát triển. Còn Chủ nghĩa tư bản theo mô hình Mỹ lại từ trong cuộc khủng hoảng kinh tế thập kỷ 30, trải qua sự cải tạo của chính sách mới của Roosevelt đã có sự tiến hóa mới, sau đó lại được điều chỉnh, khiến mô hình của Mỹ có sức sống và tiềm năng phát triển mạnh hơn so với mô hình Liên Xô. Điều này đã cơ bản quyết định kết quả và số phận trong cuộc cạnh tranh giữa hai bên. Lý tưởng quốc gia chỉ có thể thông qua mô

hình lý tưởng để thực hiện. Việc vận dụng mô hình phát triển cứng nhắc, thì cho dù anh theo chủ nghĩa nào đi nữa cũng đều không có sức sống, sức hội tụ và sức cạnh tranh. Một mô hình phát triển chỉ có đi trước các mô hình khác trong cạnh tranh quốc tế, đặc biệt là mô hình phát triển ưu thế hơn đối thủ, thì mới có thể có được địa vị có lợi trong cạnh tranh. Sự trỗi dậy của Trung Quốc chính là sự trỗi dậy theo mô hình Chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc. Các mô hình khác không thể so sánh được so với sức sống phát triển của mô hình này. Mô hình này hãy còn đang không ngừng sáng tạo. Nó đã giành được những kỳ tích khiến thế giới kinh ngạc và thể hiện được tiềm năng to lớn trong tương lai.

Thứ ba, cuộc cạnh tranh ý thức hệ và sự thành bại của Chiến tranh Lạnh: Trong cuộc cạnh tranh Xô-Mỹ, mâu sắc ý thức hệ quá sâu đậm, là điều chưa từng có trong lịch sử cạnh tranh chiến lược nước lớn. Chiến tranh Lạnh luôn diễn ra dưới ngọn cờ ý thức hệ, không chỉ là phát triển kinh tế mà còn là phát triển ý thức hệ. Tư tưởng chủ nghĩa Mác và ý thức hệ Xã hội chủ nghĩa trỗi dậy trong trào lưu tư tưởng phê phán và chôn vùi Chủ nghĩa tư bản vốn có ưu thế to lớn. Nhưng ưu thế này phải được duy trì trong sự phát triển, việc trì trệ và cứng nhắc sẽ làm mất đi ưu thế này. Điều đáng tiếc là sau chiến tranh thế giới thứ Hai và sau khi Stalin mất, Liên Xô không còn chiếm được cao điểm trong việc kích thích và kêu gọi ý thức hệ đối với thế giới, không hình thành nên ưu thế về ý thức hệ của mình. Kết quả không chỉ mất đi niềm tin của mọi người trong so sánh lợi ích vật chất, mà cũng khó giành được niềm tin của mọi người trong so sánh lợi ích tinh thần và văn hóa. Những nội dung ý thức hệ mà Liên Xô đưa ra không chỉ khó hội tụ được nhân dân trong nước, cũng không chủ động giành được đạo nghĩa trên trường quốc tế, thậm chí càng bị cô lập hơn trên thế giới. Trong quan hệ với Trung Quốc, Liên Xô

thực hiện chủ nghĩa sô vanh, biến Trung Quốc từ chỗ là đồng minh thành kẻ thù. Liên Xô đưa ra thuyết chủ quyền có giới hạn, thuyết chuyên chế quốc tế, đưa xe tăng vào Tiệp Khắc ... càng không được lòng người. Nghị quyết của Liên Hợp Quốc phản đối Liên Xô xâm nhập Ápganixtan từ năm 1980 đến nay ngày càng được nhiều nước ủng hộ, năm 1986 đã có 122 nước tán thành, chỉ có 19 nước phản đối... Trong việc chiếm lĩnh đỉnh cao đạo đức, Mỹ lại giành được nhiều điểm. Trong thực lực mềm về ý thức hệ ở trong và ngoài nước, từ ngoại giao theo chủ nghĩa lý tưởng của Wilson, “4 tự do lớn” của Roosevelt, đến ngoại giao nhân quyền của Carter ...thì Mỹ đều có khả năng cạnh tranh chiến lược. Trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ Nhất, chính sách ngoại giao của Mỹ bao gồm nhân tố nhân quyền, Tổng thống Wilson đưa ra ngoại giao theo chủ nghĩa lý tưởng, tuyên truyền Mỹ không phải theo đuổi lợi ích riêng, mà là bảo vệ quyền lợi nhân loại. Điều này đã lấy sự tôn nghiêm và nhân quyền của quốc gia làm cơ sở quan trọng của chính sách. Ngoại giao theo chủ nghĩa lý tưởng của Wilson đã có ảnh hưởng quan trọng đối với Roosevelt. Trong báo cáo về tình hình đất nước ngày 6/1/1941, Roosevelt đã đề xuất việc xây dựng an ninh tập thể và theo đuổi xây dựng “thế giới với 4 tự do lớn cơ bản của nhân loại”, đó là tự do ngôn luận và phát biểu ý kiến, tự do của mỗi người dùng phương thức của mình để sùng bái thưởng đố, tự do sống cuộc sống đầy đủ không sợ thiếu thốn, tự do sống cuộc sống không sợ bị đe dọa. Ngày 9/8/1941, trong “Hiến chương Đại Tây Dương” do Roosevelt và Churchill ký kết đã nhắc lại những nguyên tắc cơ bản này: Sau khi đánh thắng chủ nghĩa phát xít, thế giới cần xây dựng hòa bình, để nhân dân các nước được an cư lạc nghiệp, sống cuộc sống tự do, không sợ thiếu thốn, không sợ bị đe dọa. Những văn kiện quốc tế sau này như “Tuyên ngôn Liên Hợp Quốc”, “Hiến

chương Liên Hợp Quốc"...đều nhắc lại những nguyên tắc và điều khoản liên quan đến nhân quyền cơ bản. Sau chiến tranh, chính phủ Mỹ luôn quan tâm đến vấn đề nhân quyền, vì điều này liên quan đến quan niệm giá trị của Mỹ, cũng như hình tượng và địa vị của Mỹ với tư cách là lãnh đạo thế giới. Nhưng vào giữa thập kỷ 70 của thế kỷ 20 trở về trước, chính phủ Mỹ về cơ bản không gắn nhân quyền với ngoại giao. Còn Carter trong phong trào lãnh đạo nhân quyền toàn thế giới lại cho rằng cần đưa nhân quyền trở thành trào lưu của thế giới trong tương lai và Mỹ phải đứng đầu trong trào lưu này, nhấn mạnh nhân quyền là linh hồn và tin tủy của chính sách ngoại giao của Mỹ, là nhân tố quan trọng để xác định quan hệ ngoại giao với các nước khác, tuyên bố nhân quyền là nền tảng của chính sách ngoại giao của Mỹ. Nhân quyền trở thành ngọn cờ thế giới của Mỹ, trở thành điểm cao về ý thức hệ của Mỹ, trở thành giá trị phổ biến mà Mỹ tuyên truyền. Mỹ lấy nhân quyền để kiểm chế chủ quyền, lấy việc bảo vệ nhân quyền để thực hiện bá quyền thế giới, tăng cường khả năng cạnh tranh chiến lược với Liên Xô. Phát triển là đạo lý cứng, đạo lý cứng này không chỉ là phát triển kinh tế, mà còn là phát triển tư tưởng, phát triển tinh thần, phát triển văn hóa, phát triển ý thức hệ. Một lĩnh vực quan trọng trong cạnh tranh chiến lược giữa Trung Quốc và Mỹ là cạnh tranh giữa giá trị quan của Trung Quốc với giá trị quan của Mỹ, lĩnh vực này là mảnh đất linh hồn của mọi người. Ý thức hệ của Trung Quốc cần có đỉnh cao của mình, giá trị quan của Trung Quốc cần có sức hấp dẫn thế giới, giá trị quan của Trung Quốc phải là giá trị phổ biến của thế giới. Một Trung Quốc có thể dẫn dắt thế giới về mặt tinh thần thì mới có thể trở thành "quốc gia linh hồn" của thế giới.

Thứ tư, thời đại Chiến tranh Lạnh và thời đại phi Chiến tranh Lạnh: Chiến tranh Lạnh là mô hình của cuộc cạnh tranh

chiến lược giữa các nước lớn, Chiến tranh Lạnh cũng là cái giá của cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, và cũng khó có thể chấp nhận cái giá này. Chiến tranh Lạnh không chỉ đem số phận hai nước Xô-Mỹ ra đánh bạc, mà là đem toàn bộ vận mệnh nhân loại ra đánh bạc. Hai bên thắng bại trong chiến tranh Lạnh, bên bại thì thất bại thảm hại, bên thắng thì chẳng phải cũng là thắng một cách thảm hại và nguy hiểm sao. Cái giá chính trị của Chiến tranh Lạnh là rất nặng nề. Chiến tranh Lạnh không chỉ tạo nên sự mở rộng của cuộc đấu tranh giai cấp trong cộng đồng quốc tế, mà cũng mở rộng cuộc đấu tranh giai cấp trong nội bộ các nước. Chính sách Chiến tranh Lạnh của Mỹ vừa thể hiện sự kiềm chế đối với Liên Xô ở bên ngoài, cũng thể hiện phong trào “trung thành với lời tuyên thệ” ở trong nước Mỹ. Ngày 21/3/1947, Truman công bố mệnh lệnh số 9835, yêu cầu tiến hành đợt thẩm tra an ninh đối với 2,5 triệu công chức. Đợt thẩm tra về lòng trung này cũng tiến hành với 3 triệu sĩ quan binh lính trong quân đội Mỹ và 3 triệu nhân viên làm trong các xí nghiệp quốc phòng của Mỹ. Như vậy ở Mỹ thường xuyên có 8 triệu người luôn phải trong trạng thái thể hiện lòng trung thành của họ. Nếu cộng thêm người thân trong gia đình của họ, thì ở nước Mỹ có khoảng 20 triệu người luôn đứng trước mối đe dọa bị thẩm tra. Cuối cùng đến lòng trung thành của tổng thống cũng bị hoài nghi. Ngày 6/11/1953, Bộ tư pháp Mỹ đã tố cáo Truman đã bao che cho gián điệp Mỹ. Đảng viên đảng Cộng hòa phải đăng ký với tòa án, nếu không sẽ bị xử 2 năm tù.

Cái giá kinh tế của cuộc Chiến tranh Lạnh rất lớn. Giữa thập kỷ 20 của thế kỷ 20, quan hệ kinh tế giữa Mỹ và Liên Xô có sự phát triển nhất định. Mỹ trở thành một trong những nhà cung cấp lớn nhất các thiết bị xây dựng mà Liên Xô cần và bắt đầu tiến hành đầu tư và hợp tác khoa học kỹ thuật ở Liên Xô. Đến năm 1931, 40 công ty lớn của Mỹ đã ký với

Liên Xô 134 hiệp định hợp tác kỹ thuật, có khoảng 1000 kỹ sư công trình của Mỹ làm việc tại Liên Xô, 842 cán bộ kỹ thuật Liên Xô sang Mỹ bồi dưỡng. Năm 1933, Mỹ và Liên Xô thiết lập quan hệ ngoại giao. Năm 1937 Mỹ cung cấp ưu đãi tối huệ quốc cho Liên Xô. Nhưng đến năm 1953, sau khi diễn ra Chiến tranh Lạnh, kim ngạch mậu dịch Đông-Tây chỉ chiếm 1,3% tổng kim ngạch mậu dịch thế giới, đến năm 1956 cũng chỉ đạt 26%. Quan hệ kinh tế mậu dịch Xô-Mỹ trong thời gian dài không phát triển.

Cái giá của các phe trục trong Chiến tranh Lạnh cũng rất cao. Chiến tranh Lạnh lấy hình thức tổ chức liên minh và phe trục để tiến hành đối kháng. Liên Xô, phải ôm một gánh nặng trong khi duy trì phe trục của mình. Theo đánh giá của phương Tây, trong năm 1986, mỗi ngày Liên Xô phải cung cấp cho Cuba 13 triệu USD, một năm lên đến 5 tỷ USD, Ápganitxtan mỗi ngày 12 triệu USD, Ethiophia mỗi ngày hơn 3 triệu USD. Theo tư liệu thống kê, từ 1986-1990, trong vòng 5 năm này Liên Xô cung cấp cho Mông Cổ 3 tỷ USD, cung cấp cho Cu Ba 3,5 tỷ USD viện trợ kinh tế và quân sự, chưa kể những viện trợ gián tiếp khác.

Chiến tranh Lạnh là một kiểm nghiệm, một lời tuyên án, một bài học. Cuộc cạnh tranh ác tính của Chiến tranh Lạnh là tai họa đối với nhân loại, kết cục Chiến tranh Lạnh là sự tuyên án của lịch sử. Nhưng bài học của chiến tranh Lạnh cũng tạo ra thế giới phi chiến tranh Lạnh và trở thành nhận thức chung của cộng đồng quốc tế.

5. Mỹ sẽ kiểm chế Trung Quốc như thế nào?

Trong cuộc chiến giành ngôi vị quốc gia số một, Mỹ có khả năng kiểm chế đối thủ. Trong kiểm chế đối thủ, Mỹ giỏi về chiến tranh cấp tốc, nhưng cũng nhần nại trong các cuộc chiến lâu dài. Mỹ kiểm chế Nhật Bản về cơ bản là cuộc chiến cấp tốc, kiểm chế Liên Xô là cuộc chiến trường kỳ. Hiện nay,

Mỹ đang lần thứ ba tiến hành cuộc chiến bảo vệ ngôi vị số một - cuộc chiến kiểm chế Trung Quốc.

Đặc điểm rõ ràng về việc Mỹ kiểm chế Trung Quốc

Thế kỷ 21, Mỹ kiểm chế Trung Quốc, có 4 đặc điểm:

- *Có tính tất yếu bản chất.* Mỹ kiểm chế Nhật Bản không khách khí; kiểm chế Liên Xô không khoan nhượng; kiểm chế Trung Quốc không do dự. Tổng thống Mỹ, Obama tuyên bố Mỹ không mưu cầu kiểm chế Trung Quốc, thực ra, Mỹ luôn tìm cách kiểm chế Trung Quốc - không thừa nhận Trung Quốc là "quốc gia dân chủ", đó không phải là sự "kiểm chế chính trị" sao? Không thừa nhận "địa vị kinh tế thị trường" của Trung Quốc, đó không phải là "kiểm chế kinh tế" sao? Mỹ luôn rêu rao "thuyết về mối đe dọa quân sự Trung Quốc", gây áp lực và ngăn chặn các nước Liên minh châu Âu bán vũ khí cho Trung Quốc, hạn chế xuất khẩu hàng hóa kỹ thuật cao và kỹ thuật quân sự sang Trung Quốc, đồng thời không ngừng bán vũ khí hiện đại cho Đài Loan, đó không phải là "kiểm chế quân sự" sao? Mỹ nhúng tay vào vấn đề Đài Loan, can dự vào cục diện khu vực eo biển Đài Loan, cản trở Trung Quốc thống nhất, không chỉ là kiểm chế Trung Quốc, hơn nữa còn can thiệp vào việc nội bộ của Trung Quốc. Cho nên, đối phó với việc Trung Quốc trỗi dậy, Mỹ sẽ không bao giờ "buông tha kiểm chế".

- *Có tính nghệ thuật trình độ cao.* Nếu nói rằng, Mỹ chỉ kiểm chế Nhật Bản về kinh tế, kiểm chế Liên Xô bằng cách vạch rõ chiến tuyến, thế nhưng, với Trung Quốc thì đó là sự kiểm chế nằm trong mối quan hệ hợp tác và liên hệ mật thiết, là sự thống nhất giữa kiểm chế và hợp tác. Điều này đòi hỏi một yêu cầu cao về nghệ thuật kiểm chế. Ví dụ, một số học giả Trung Quốc cho rằng, trong quan hệ với Mỹ, Trung Quốc nên dùng chiến lược "đi xe miễn phí", "đi nhờ chuyến xe bá

quyền" của Mỹ để đến con đường phục hưng của mình. Nhưng, Quốc vụ khanh của Mỹ, bà Hilary không ngừng kêu gọi hai bên "cùng thuyền qua sông". Chứng tỏ hai bên đều rất thông minh, đều có nghệ thuật. Nhưng, không thể phủ nhận một điểm là, chiếc xe và người đánh xe kia đều là người Mỹ, con thuyền mà Mỹ kêu gọi Trung Quốc cũng do Mỹ điều khiển, vậy thì khi đặt chân lên đó, vận mệnh của mình không hoàn toàn do mình làm chủ. Trung Quốc có thể lên chức "phụ xe" giúp đỡ Mỹ đối diện nguy hiểm, nhưng ngược lại cũng giúp Mỹ khẳng định vị thế của Mỹ. Mỹ để cho đối thủ của mình đặt chân lên thuyền, lên xe, thực ra là một cách kiểm chế rất khôn ngoan.

- *Có tính lâu dài của "cuộc độ sức thế kỷ"*. Mỹ kiểm chế Nhật Bản gấp rút hướng tới ngôi số một thế giới, dù đã tiến hành chiến lược cấp bách trong 18 năm, nhưng trước sau cũng không quá 18 năm, thời kỳ quan trọng chỉ vài năm, động tác quan trọng chỉ vài động tác, dùng "chia để đánh", đã có thể hàng phục Nhật Bản. Mỹ khống chế Liên Xô thì khó khăn hơn nhiều, không chỉ vì thời gian kéo dài gần nửa thế kỷ, mà trong đó còn có mấy lần qua lại, thay đổi thế cục công thủ giữa hai bên. Chiến lược sử dụng với Liên Xô là sử dụng sức mạnh tổng hợp. Nhưng quá trình Mỹ kiểm chế Trung Quốc sẽ là chiến lược trăm năm. Cuộc đối đầu Mỹ - Trung không phải chỉ trong vài lần là có thể phân định, nó là cuộc đấu như kiểu ma-ra-tông.

- *Cần tính sáng tạo chiến lược chưa từng có*. Mỹ kiểm chế Trung Quốc cần phải làm mới và sáng tạo, bởi thời kỳ sau chiến tranh Lạnh và trong chiến tranh Lạnh có sự khác biệt nhau. Trung Quốc không giống Nhật Bản và Liên Xô, kinh nghiệm kiểm chế Liên Xô và Nhật Bản có ích, nhưng cũng có hạn chế. Tháng 11 năm 2009, Tổng thống Mỹ Obama thăm Trung Quốc, tặng cờ vây cho chủ tịch Hồ Cẩm Đào. Nhiếp Vệ

Bình, cao thủ cờ vây Trung Quốc phát biểu trên blog của mình, cho rằng đây là món quà có hàm ý sâu xa, "cờ vây là trò chơi mang tính trí tuệ, là cuộc đấu võ trí tuệ, dưới bàn xưng huynh gọi đệ, trên bàn sóng gió bủa vây, ẩn chứa nhiều điều bí ẩn. Có lẽ, Obama có ý này?". Obama muốn dùng cách đánh cờ với Nhật Bản và Liên Xô trong cuộc chơi với Trung Quốc, rõ ràng là không được. Mỹ là quốc gia mới, suốt 108 năm kể từ ngày giải Nobel ra đời năm 1901, Mỹ có 200 người đoạt giải, là một trong những quốc gia mới thành lập có nhiều cống hiến nhất. Nhưng làm thế nào để kiềm chế Trung Quốc, đó là một bài toán hóc búa, khó hơn nhiều các giải Nobel. Kiềm chế Trung Quốc, trí tuệ Mỹ có đủ không?

Đối phó với sự trỗi dậy của Trung Quốc, cái khó của Mỹ ở điểm nào?

Nửa sau thế kỷ 20, tuy rằng Mỹ giành chiến thắng trước hai đối thủ cạnh tranh ngôi vị số một thế giới là Liên Xô và Nhật, tích lũy được chiến tích tốt và kinh nghiệm phong phú. Nhưng, trong thế kỷ 21, đối với địch thủ mới như Trung Quốc, Mỹ khó tránh cảm giác bất lực. Trung Quốc là đối thủ thứ ba của Mỹ từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ không thể dùng cách cũ để đối phó, trong thời gian ngắn khó mà nghĩ ra cách mới. Mỹ khó có thể có chiến thắng lần thứ ba, cái khó này thể hiện ở bốn phương diện sau.

- Trung Quốc thuộc dạng "trỗi dậy lương thiện", khó định tính được Trung Quốc. Trung Quốc quá lương thiện, tới mức những thế lực chính trị bảo thủ nhất của Mỹ cũng khó có thể gọi Trung Quốc là địch thủ của Mỹ. Một người ủng hộ thuyết bảo thủ mới, quen với việc "không phải địch tức là bạn" như Bush con cũng nói: "Quan hệ Mỹ-Trung là quan hệ phức tạp nhất, không phải địch cũng không phải bạn, vừa là địch vừa là bạn". Tổng thống Clinton cũng nói: "Chúng ta không có kẻ

dịch vĩnh viễn, chúng ta phải dựa vào hành động của họ, chứ không phải sự khác biệt về ý thức hệ để phân biệt các quốc gia, đặc biệt là Trung Quốc". Trước Quốc hội Mỹ, cả Bush và Clinton đều kêu "khó" khi nhận định về Trung Quốc, điều này chứng tỏ Mỹ phải tìm cách mới để đối phó Trung Quốc. Đối phó một địch thủ lương thiện, văn minh, kinh nghiệm của Mỹ chưa đủ.

- Trung Quốc giữ vững lập trường "trỗi dậy mềm", như nước chảy mây trôi, không thể ngăn chặn. Ozaki Haruo, Chủ nhiệm cơ quan nghiên cứu châu Á của Trung tâm nghiên cứu kinh tế Nhật Bản, trong cuốn "Chiến lược cường quốc của Trung Quốc" chỉ rõ, trong chiến lược cường quốc, Trung Quốc đặc biệt cảnh giác với việc đụng đầu với Mỹ, thế nên luôn tìm kiếm sự tương hỗ trong quan hệ kinh tế; trong vấn đề an ninh Đông Á, vấn đề Đài Loan, tránh đối đầu thực chất. Nhưng, Mỹ quan ngại về sự bất ổn định trong chính sách của Trung Quốc, làm tăng thêm hoài nghi, lo ngại giữa hai nước, về phương diện khách quan, đã ủng hộ tiếng nói cho rằng Trung Quốc "đẩy mạnh quân sự chống Mỹ". Trong chiến lược, Trung Quốc nhấn mạnh chủ nghĩa hài hoà, chủ nghĩa đa biên, hợp tác khu vực, kinh doanh có lợi, cấu trúc hợp tác và cùng có lợi. Nhận định của chuyên gia Nhật là có lý. Mỹ là quốc gia sùng bái thực lực, mê tín bạo lực, Trung Quốc là quốc gia sùng bái mưu lược, lấy nhu khắc cương, Trung Quốc thực thi chính sách trỗi dậy mềm, trỗi dậy mưu lược, trỗi dậy văn minh, trỗi dậy hòa bình, khiến cho Mỹ với "chiến lược nắm đấm" khó tìm chỗ đánh, giống như lấy đá ném nước, dùng kiếm đâm bông, không những khó ra tay, mà còn khó phát huy uy lực.

- Trung Quốc trước sau luôn "trỗi dậy bên trong hệ thống", khó bài xích. Trung Quốc từ cải cách mở cửa đã hội nhập với thế giới, đi vào quỹ đạo quốc tế, cùng phát triển trong một hệ

thống với Mỹ, cùng trỗi dậy trong một sân chơi với Mỹ, mà không phải là một hệ thống khác biệt, như thế không tốn vốn liếng xây dựng hệ thống, cũng tiết kiệm được phí bảo vệ hệ thống, mà còn không cần thách thức hệ thống chung của thế giới, đối kháng với nguy hiểm từ hệ thống đó, cũng khiến cho Mỹ khó tìm cơ ngăn chặn Trung Quốc.

- Trung Quốc thực thi "trỗi dậy cùng có lợi", đặt lợi ích và phần vinh của Trung Quốc và Mỹ trong cùng một chỗ, cùng phần vinh với Mỹ, cùng bị tổn thương với Mỹ, do đó, Mỹ khó lòng làm hại Trung Quốc để hại chính mình. Cục diện cùng nhau trỗi dậy, trói buộc trỗi dậy, xen kẽ trỗi dậy được hình thành như thế, điều kiện này do kinh tế toàn cầu hóa tạo ra. Cạnh tranh và hợp tác với Trung Quốc đem đến cho Mỹ lợi ích chiến lược to lớn nhất. Sự trỗi dậy của Trung Quốc, trong một ý nghĩa nhất định, mức độ tương đối, đem đến phúc lợi cho Mỹ, cơ hội và vận may cho Mỹ bảo tồn sự phần vinh, khiến cho Mỹ hưởng lợi trong sự trỗi dậy của Trung Quốc. Cho nên, sự trỗi dậy của Trung Quốc, có lợi nhất với Mỹ so với các quốc gia khác. Trung Quốc thông qua sự trỗi dậy cùng có lợi, biến Mỹ và Trung Quốc thành thể cộng đồng có lợi, chứ không phải thể đối kháng lợi ích. Đặc biệt là thông qua kinh tế hóa giải mâu thuẫn chính trị, lấy kinh doanh để xử lý chính trị, luôn luôn đem lại hiệu quả tốt. Ví dụ, Hiệp hội Thương mại Mỹ, Ủy ban Thương mại toàn quốc Mỹ-Trung, là sự xúc tiến mối quan hệ tích cực Mỹ-Trung. Những lần tranh luận về Quy chế tối huệ quốc dành cho Trung Quốc, trong khoảng 5 đến 6 năm, sau năm 1989 và tranh luận về đối xử thương mại bình thường hoá mang tính vĩnh viễn đối với Trung Hoa, những năm 1999-2000, các tổ chức nêu trên đều phát huy vai trò quan trọng. Quan hệ kinh tế thương mại trở thành cơ sở quan trọng trong phát triển quan hệ Trung - Mỹ, thành "bảo bối" phát triển quan hệ hai nước và là lĩnh vực có

viễn cảnh phát triển rộng nhất, biến số nhỏ nhất trong quan hệ Trung - Mỹ. Tháng 6 năm 1991, trong việc dành cho Trung Quốc quy chế ưu đãi tối huệ quốc, các công ty Mỹ rầm rộ đi du thuyết, hàng vạn người Mỹ viết thư gửi Quốc hội, yêu cầu không hủy bỏ các ưu đãi cho Trung Quốc. Ngày 5 tháng 12 năm 1993, 298 công ty lớn và 37 tập đoàn thương mại của Mỹ liên danh ký thư đề nghị Tổng thống Clinton kéo dài vô điều kiện quy chế ưu đãi tối huệ quốc cho Trung Quốc. Đầu tháng 5 năm 1994, 800 công ty, hiệp hội thương mại, tổ chức nông nghiệp, tổ chức người tiêu dùng liên danh gửi thư tới Tổng thống Clinton, yêu cầu ủng hộ mạnh mẽ việc duy trì thương mại với Trung Quốc, kéo dài ưu đãi tối huệ quốc, tách rời vấn đề cấm vận thương mại và nhân quyền. Điều này gây áp lực khiến Tổng thống Clinton hủy bỏ sự liên kết giữa vấn đề nhân quyền và thương mại. Lãnh đạo các công ty lớn như Boeing, Cocacola, McDougall...cũng liên tiếp lên tiếng, làm tăng thêm ảnh hưởng với chính phủ. Theo đó, buộc Tổng thống Clinton ngày 25 tháng 6 phải tuyên bố kéo dài quy chế tối huệ quốc cho Trung Quốc, đồng thời tách vấn đề nhân quyền khỏi việc kéo dài quy chế tối huệ quốc hàng năm cho Trung Quốc.

Bốn đặc điểm nêu trên đã phản ánh đặc điểm nổi bật của Trung quốc, cũng tạo nên khó khăn lựa chọn chiến lược của Mỹ. Nhớ lại những năm sau Chiến tranh Thế giới thứ Hai, Mỹ chỉ trong hai năm đã hình thành chiến lược đối phó với Liên Xô. George Kenan trong cuốn "căn nguyên hành vi của Liên Xô", đã đề xuất chiến lược bao vây Liên Xô. Nghị sĩ Mỹ Bernard. Baruch, ngày 16 tháng 4 năm 1947 trong một bài phát biểu đã đề xuất "Chiến tranh lạnh"- hạt nhân của một khái niệm chiến lược. Chiến lược lớn cạnh tranh giữa Mỹ và Liên Xô là "chiến lược Chiến tranh lạnh", là chiến lược ngăn chặn. Nhưng, chiến lạnh đã kết thúc 20 năm rồi, chiến lược lớn của Mỹ để đối phó Trung Quốc là gì? Trung Quốc đã đề

ra chiến lược trời dấy hoà bình, hoà bình phát triển. Còn Mỹ thì sao? đến nay đại chiến lược cạnh tranh với Trung Quốc của Mỹ vẫn chưa hình thành, chưa xác định và rất mơ hồ.

Dẫn dắt Trung Quốc trời dấy, quản lý Trung Quốc trời dấy

Trong chiến lược lớn của nước Mỹ nhắm đối phó sự trời dấy của Trung Quốc, chủ trương "dẫn dắt" Trung Quốc trời dấy, "quản lý" Trung Quốc trời dấy, "bao bọc" Trung Quốc trời dấy, được chú ý. "Thuyết dẫn dắt", "thuyết quản lý", "thuyết bao bọc", ba học thuyết này là biểu hiện quan trọng tư duy chiến lược lớn của Mỹ đối với Trung Quốc.

Về "thuyết dẫn dắt", cơ quan tham mưu của Mỹ cho rằng, Trung Quốc trời dấy đang tạo ra những làn sóng vang vọng thế giới, nước Mỹ cần phải "đối phó Trung Quốc trời dấy", "xây dựng chiến lược đối phó Trung Hoa", chiến lược này cần phải "dẫn dắt Trung Quốc trời dấy", bất luận con tàu Trung Quốc chạy với tốc độ nào, chỉ cần do Mỹ cầm lái là không còn sự đe dọa. Nguyên cố vấn của Lầu Năm góc Thomas Barnett, ngày 6 tháng 8 năm 2007 phát biểu chỉ rõ rằng: "Nếu nước Mỹ thông minh, nên làm như cách nước Anh đối đãi với Mỹ thế kỷ trước, dùng phương thức lung lạc đối phó với sự trời dấy của Trung Quốc. Chúng ta không nên ngăn chặn Trung Quốc, mà ngược lại, cần dẫn dắt họ trời dấy, phù hợp với mục tiêu chiến lược của chúng ta".

Về "thuyết quản lý", Henry E. nói rằng: Thể chế quốc tế trước đây đang thay đổi căn bản, trung tâm của thế giới đang chuyển từ Đại Tây Dương sang Thái Bình Dương. Những quốc gia quan trọng của thế giới chủ yếu ở châu Á, hoặc là tương lai chủ yếu ở châu Á, chúng ta cần phải "quản lý" sự trời dấy của họ, các nước này cũng sẽ chống lại sự quản lý của chúng ta". James Steinberg nói: "Mục tiêu của nước Mỹ

không nên là ngăn chặn và kiểm chế Trung Quốc, mà nên là quản lý sự trỗi dậy của Trung Quốc".

Về "thuyết bao bọc", tháng 9 năm 2005, Robert Zoellick, khi đó là Thứ trưởng Ngoại giao Mỹ, đã đề xuất quan điểm để Trung Quốc trở thành quốc gia "có trách nhiệm với lợi ích của các bên liên quan", cho rằng trong 30 năm qua, Trung Quốc là một bộ phận của hệ thống quan hệ quốc tế do Mỹ lãnh đạo và nhờ thế mà được lợi, vì thế Trung Quốc phải có trách nhiệm dốc sức duy trì hệ thống này với tư cách một nước làm "thay đổi lợi ích các bên có liên quan", đây là một kiểu bao bọc về lợi ích, liên kết lợi ích.

Tháng 7 năm 2009, Thứ trưởng Ngoại giao Mỹ James Steinberg của Mỹ, trong một bài phát biểu, lại một lần nữa đưa ra khái niệm "tái bảo đảm chiến lược" giữa Trung Quốc và Mỹ, ông nói: "Đã đến lúc chúng ta và các đồng minh của chúng ta cần phải tỏ rõ rằng, chúng ta đã chuẩn bị sẵn sàng để hoan nghênh sự hiện diện của Trung Quốc với tư cách là một nước lớn giàu có, thành công, Trung Quốc cũng cần tái bảo đảm với thế giới và các quốc gia khác rằng sự phát triển và lớn mạnh không ngừng của họ trên trường quốc tế sẽ không khiến các nước khác phải trả giá bằng an ninh và hạnh phúc".; đồng thời nhấn mạnh rằng " tái bảo đảm chiến lược cần được đưa ra trên cơ sở luật pháp và tồn tại trên cơ sở điều chỉnh mạnh mẽ lợi ích chung". Người Mỹ đưa ra "tái bảo đảm chiến lược", thực chất là "tái hạn chế chiến lược" đối với Trung Quốc, nghĩa là muốn về lâu dài hạn chế Trung Quốc trong hệ thống quốc tế do Mỹ làm chủ đạo, hạn chế trong trật tự thế giới do Mỹ lãnh đạo, hạn chế trong phạm vi không thể ảnh hưởng tới địa vị bá chủ thế giới của Mỹ. Cái mà "tái bảo đảm chiến lược" bảo đảm không phải là lợi ích chiến lược của Trung Quốc trỗi dậy thành quốc gia đứng đầu, mà là bảo đảm địa vị cũ của nước Mỹ trên thế giới; bảo đảm Trung Quốc

không vượt qua sự ngăn chặn của nước Mỹ để cuối cùng bước lên địa vị quốc gia đứng đầu và quốc gia thủ lĩnh của thế giới.

"Thuyết dẫn dắt", "thuyết quản lý", "thuyết bao bọc" của Mỹ đối phó sự trỗi dậy của Trung Quốc so sánh với "thuyết bao vây", "thuyết ngăn chặn" mà Mỹ dùng đối phó Liên Xô trước đây, về bên ngoài câu chữ xem ra văn minh hơn nhiều, nhưng trong đó vẫn có bóng dáng của tư duy chiến tranh Lạnh". Đem một Trung Quốc trỗi dậy làm đối tượng dẫn dắt, đối tượng quản lý của Mỹ, quan hệ Mỹ-Trung cố định là quan hệ "dẫn dắt và bị dẫn dắt", "quản lý và bị quản lý", loại quan hệ này mặc dù thực hiện trong tiếp xúc, hữu hảo, hợp tác, nhưng vẫn là kiểu ngăn chặn với vẻ mặt tươi cười, tiến hành kiềm chế trong khi bắt tay nhau, ôm nhau.

Quyền phát triển giống như quyền sống, là chủ quyền của một quốc gia. Trung Quốc trỗi dậy là chủ quyền của nước Trung Quốc, là sự trỗi dậy độc lập, tự chủ, không cần Mỹ phải "dẫn dắt", "quản lý". Nếu như sự trỗi dậy của Trung Quốc cần phải do nước Mỹ dẫn dắt, quản lý, như vậy không thể thực hiện trỗi dậy được. Một đất nước mà không thể tự chủ được sự phát triển của mình, một đất nước dưới sự quản lý, dẫn dắt của nước Mỹ, làm sao có thể trở thành một nước lớn trỗi dậy được? Cho nên, "thuyết dẫn dắt", "thuyết quản lý", thực tế là phiên bản của chiến lược "ngăn chặn" được che đậy bằng cái vỏ văn minh.

Từ "chiến tranh lạnh" đến "bán chiến tranh lạnh": Chiến lược "chiến tranh ấm" của Mỹ

"Chiến tranh ấm" chính là chiến lược cạnh tranh giữa hai nước Mỹ và Trung Quốc, Mỹ một mặt dùng tư duy chiến tranh lạnh, nhưng mặt khác ở phía bên kia Trung Quốc lại không sử dụng tư duy này, vậy nên tư duy chiến tranh lạnh của nước Mỹ trái ngược với tư duy phi chiến tranh lạnh của

Trung Quốc. Điều này khiến cho Mỹ khó mà hoàn toàn sử dụng tư duy chiến tranh lạnh, kết quả là xuất hiện tình trạng cạnh tranh nửa chiến tranh lạnh, cũng có thể nói là hai phía, không chỉ là ở trong tình hình hòa hoãn, mà còn tiến hành cạnh tranh và "cuộc chơi" trong trạng thái ôn hoà.

Chiến tranh ấm không tàn khốc như chiến tranh nóng, cũng không đáng sợ như chiến tranh lạnh, nhưng tiến hành "cuộc chơi", độ sức, trong bối cảnh hợp tác. Đặc điểm nổi bật của chiến tranh ấm là ngăn chặn trong tiếp xúc, cạnh tranh trong hợp tác, hoà tan trong toàn cầu hóa, khống chế trong dẫn dắt, quản lí. Đây là một hình thức cạnh tranh văn minh hơn chiến tranh lạnh, nhưng không thoát hẳn ra khỏi ảnh hưởng của chiến tranh lạnh. Vì thế, chiến tranh ấm thực tế chính là nửa chiến tranh lạnh. Từ chiến tranh lạnh đến chiến tranh ấm, cũng giống như từ chiến tranh lạnh đến nửa chiến tranh lạnh. Cạnh tranh nước lớn, cạnh tranh chiến lược giữa quốc gia đứng đầu với quốc gia có khả năng thay thế nước đứng đầu; từ hình thức cạnh tranh "đại chiến" của thế giới đến hình thức cạnh tranh "chiến tranh lạnh" toàn cầu, rồi đến hình thức cạnh tranh "bán chiến tranh lạnh", được cho là hình thức quá độ của quá trình tất yếu trong chiến lược cạnh tranh dài hạn giữa Mỹ - quốc gia bá quyền trên thế giới với Trung Quốc - quốc gia phi bá quyền đầu tiên trên thế giới.

Chiến lược chiến thuật thường dùng của người Mỹ là: "Nếu không thể chiến thắng đối thủ, thì bao vây, không chế nó". Từ chính phủ của Nixon đến nay, trong vấn đề làm thế nào ngăn chặn Trung Quốc trỗi dậy, Mỹ trước sau áp dụng hai sách lược: một mặt dốc sức "hoà tan" Trung Quốc để Trung Quốc thành nước tham gia có trách nhiệm trong các vấn đề quốc tế, mặt khác, sử dụng sách lược chia để trị, tiếp tục ủng hộ các nước lớn như Nhật Bản, Ấn Độ, Australia, tiến hành khống chế bình ổn và dẫn dắt Trung Quốc. Các chuyên gia

Mỹ thường đề xuất "liên minh Trung - Mỹ", "nhóm hai nước: G-2", "nước Trung Mỹ", đều là vì muốn thuần phục con rồng Trung Quốc, thu nạp một Trung Quốc khác biệt.

Đưa ra một khái niệm như vậy về chiến tranh ấm, cần khái quát đặc trưng căn bản của chiến lược cạnh tranh giữa hai nước Trung - Mỹ, cần nói rõ đặc trưng chủ yếu của đại chiến lược cạnh tranh của Mỹ đối với Trung Quốc, cũng phải tạo ra khái niệm chính xác về bản chất mối quan hệ giữa hai nước. Vào thế kỷ 20, cạnh tranh chiến tranh giữa Mỹ và Liên Xô chính xác là chiến tranh lạnh. Thế kỷ 21, chiến lược "bủa vây, dẫn dắt và khống chế" của Mỹ đối với Trung Quốc; chiến lược "ngăn chặn hữu nghị", "ngăn chặn hợp tác" của Mỹ với Trung Quốc, thực tế mang tính chất cạnh tranh ấm của nửa chiến tranh lạnh.

Đại chiến lược của Mỹ để ứng phó với Trung Quốc trởi đây, sở dĩ là "nửa chiến tranh lạnh" mà không phải là chiến tranh lạnh hoàn toàn, là vì điều kiện thời đại không giống nhau, đối tượng cạnh tranh cũng không giống nhau. Một mặt, hình thức bá quyền của Mỹ không hoàn toàn giống với địa vị, nội dung của bá quyền như cách chiếm lĩnh, thống trị thực dân của nước Anh ngày trước, là một hình thức tương đương với bá quyền văn minh, là một loại quyền lãnh đạo, quyền chỉ đạo, quyền khống chế, nhưng không phải là quyền thống trị trực tiếp. Mặt khác, cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc không giống với "cạnh tranh chiến tranh" của hai lần đại chiến thế giới, cũng không giống với "cuộc chiến tranh lạnh" kéo dài gần nửa thế kỷ giữa Mỹ và Liên Xô, mà lại là một hình thức cạnh tranh mới, kết hợp hòa bình quật khởi và ngăn chặn hòa bình, kết hợp cạnh tranh chiến lược với hợp tác chiến lược.

Từ chiến tranh lạnh đến chiến tranh ấm là cả một sự tiến bộ của đại chiến lược của Mỹ, là sự phát triển của quan hệ

quốc tế. Cuộc chiến tranh chiến lược Trung - Mỹ vào thế kỷ 21 không thể tiến hành theo quỹ đạo của cuộc chiến tranh lạnh, bởi vì như thế không phù hợp với trào lưu thời đại. Nhưng, cuộc cạnh tranh chiến lược giữa Trung-Mỹ vào thế kỷ 21 cũng không thể trong chốc lát triệt để thoát ra khỏi lối tư duy chiến tranh lạnh, không thể vượt qua hạn chế của thời đại.

Thế kỷ 21, Trung Quốc sẽ là nước dẫn dắt thế giới. Chiến tranh lạnh chủ yếu do Mỹ xây dựng nên cơ cấu quốc tế và các quy tắc, hành vi, kết cấu và hành vi quốc tế mà Mỹ xây dựng, hiện nay vẫn là chủ đạo, vận dụng trong phát triển quan hệ quốc tế và quan hệ chính trị quốc tế. Trật tự chính trị và kinh tế thế giới hiện nay chủ yếu đại diện cho giá trị quan và lợi ích quốc gia của phương Tây, đặc biệt là Mỹ. Liên Xô được cho là lực lượng đối kháng, hoặc là không tham gia vào cuộc chơi theo quy tắc mà phương Tây đã đặt ra. Sau cuộc chiến tranh lạnh, các quốc gia đều thích ứng với quy tắc mà Mỹ đã đặt ra. Trung Quốc cùng các nước quốc gia thuộc thế giới thứ ba đã đề ra việc thiết lập nền chính trị quốc tế mới và trật tự kinh tế mới, đây là nhiệm vụ lâu dài. Ngày nay, Mỹ tiếp tục lợi dụng cơ chế quốc tế, đặt ra ý chí và lợi ích của riêng mình để khống chế, quản lý thế giới, để thực hiện mục tiêu chiến lược toàn cầu của mình. Cảm giác về "sứ mệnh cứu thế", "đế quốc ưu việt", cho đến nỗi sợ hãi bị một nước lớn mới vượt qua, của Mỹ, đều ảnh hưởng nghiêm trọng đến chính sách đối ngoại của nước này. Nước Mỹ không thể sau khi chiến thắng Liên Xô trong cuộc chiến tranh lạnh liền loại bỏ hoàn toàn "vũ khí chiến tranh lạnh" mà họ đã phát minh và áp dụng, thế kỷ 21 vẫn tồn tại điều kiện và dư địa để xuất hiện chiến tranh lạnh. Cho nên "chiến tranh ấm" cũng vẫn là có "chiến", không thể chỉ vì "ấm" mà quên đi "chiến tranh".

Gặp Trung Quốc là "duyên phận" của nước Mỹ

Mỹ thực ra là một quốc gia có vận may, Stanley K. Shultz (giáo sư sử học Mỹ) nói: "Thành công của Mỹ trên nhiều phương diện là do thành công của quan hệ đối ngoại mà đạt, một phần là do biết tranh thủ cơ hội mà có được, một phần là không phải như thế".

Nước cộng hòa trẻ tuổi này hình như luôn gặp vận may. "Tai họa của châu Âu" thường là cơ hội của Mỹ. Ví dụ vào năm 1812, vào thời điểm đó, người Mỹ đã may mắn thoát khỏi chiến tranh, bởi vì nước Anh đã sử dụng toàn bộ tài nguyên để phản đối chiến tranh Napoleon. Nhân tố châu Âu trở thành nguyên nhân chủ yếu để Mỹ đạt được thành công, phương thức "thành công nhanh chóng" không phải lúc nào cũng giống nhau, nhưng lại không ngừng được duy trì. Bất luận thượng đế có ưu ái nước Mỹ hay không, người Mỹ vẫn gặp may, họ thường mở rộng được những cánh cửa chỉ khép hờ (nửa đóng, nửa mở), hoặc chỉ ít cũng gặp những cánh cửa không bị khoá chặt. Vì vậy, họ không cần động viên đại quân quy mô lớn để chinh phục, bành trướng; cũng không cần bảo đảm đủ quân số lớn để bảo vệ đế quốc. Trước những năm 40 của thế kỷ 19 lực lượng vũ trang của Mỹ trong thời kỳ hòa bình không quá 2 vạn người, sau đó nội chiến nổ ra, cũng không đến 3 vạn.

Thế kỷ 21, Mỹ lại gặp vận may đó là nước Mỹ trên vũ đài thế giới gặp phải một đối thủ cạnh tranh, hợp tác rất tốt - Trung Quốc lương thiện. Sự lương thiện của Trung Quốc biểu hiện ở chỗ nào?

-Trung Quốc từ cổ đến nay là một nước không bành trướng, là nước lớn văn minh nhất trên thế giới. Một nước lớn mà mấy nghìn năm không bành trướng, không xam lược, là độc nhất vô nhị trên thế giới. Trong tất cả các đối thủ chiến lược của Mỹ trong lịch sử, Trung Quốc là đối thủ lương thiện

và văn minh nhất. Nước Mỹ dù mới chỉ có vài trăm năm lịch sử, nhưng ngay cả người Mỹ cũng không dám lấy mình ra làm tấm gương về phương diện này. Sự thành công của nước Mỹ là ở sự can đảm, chí anh hùng. Có lúc, thủ đoạn của họ thô bạo và tàn khốc.

- Trung Quốc từ trước đến nay chưa hề làm bất cứ một việc nào gây tổn hại đến nước Mỹ. Ngày mồng 10 tháng 12 năm 1989, Đặng Tiểu Bình trong một buổi nói chuyện quan trọng "Quan hệ Trung - Mỹ, chung quy phải tốt lên mới được", đã chỉ ra: "Trung Quốc không uy hiếp được Mỹ, Mỹ không nên để Trung Quốc trở thành đối thủ gây đe dọa cho mình. Chúng tôi không hề làm bất cứ một việc nào gây tổn hại đến Mỹ. Quốc gia lớn trên thế giới không làm việc nào gây tổn hại đến Mỹ? Chỉ có Trung Quốc là một nước lớn như vậy.

- Trung Quốc không phải là một "quốc gia đối địch" trên thế giới. Thế giới ngày nay không có một quốc gia nào để làm "kẻ địch" của Trung Quốc. Trên phương diện quốc gia, Trung Quốc không có kẻ địch. Trên thế giới, Trung Quốc cũng không có quốc gia đối địch, trên quan hệ quốc gia, Trung Quốc đã đạt đến ranh giới "không có địch trên thế gian".

Trung Quốc không có quốc gia đối địch, ai có thể làm quốc gia đối địch với Trung Quốc? Một Trung Quốc lương thiện, làm "thiên sứ" đã lật đổ tư tưởng chiến lược truyền thống của Mỹ - đó là tìm và xác định một quốc gia làm kẻ đối địch với Mỹ. Giải mã thế nào về Trung Quốc, xác định như thế nào về tính chất mối quan hệ Trung - Mỹ, nước Mỹ rơi vào khó khăn chiến lược. Nước Mỹ, trong nhận thức chiến lược đối với bất kỳ quốc gia nào trên thế giới, cũng đều không có nhận thức giống như trên về Trung Quốc, vậy nên suốt 20 năm vẫn không thể đưa ra kết luận cuối cùng, cũng không đặt ra được một đại chiến lược lâu dài để ứng phó với Trung Quốc đang lên.

Gặp Trung Quốc là cái duyên của Mỹ, nhưng mà duyên phận có thể được nắm bắt, cũng có thể bị bỏ qua.

Mỹ không phải ma quỷ, cũng không phải thiên thần

Brzezinski từng nói: "Xuất phát từ nguyên nhân lịch sử và chính trị, đại Trung Quốc nên coi nước Mỹ là liên minh tất yếu của quốc gia. Khác với Nhật và Nga, nước Mỹ từ trước đến nay không đòi yêu cầu về lãnh thổ đối với Trung Quốc. Khác với Anh, nước Mỹ chưa bao giờ làm cho Trung Quốc nhục nhã".

Giáo sư sử học kiệt xuất của nước Mỹ Stanley K. shultz đã nói: "Những quan chức của nước Mỹ đều từ người ưu tú cùng chí hướng của Chủ nghĩa thế giới, không phải loại người mà mỗi ngày kết thúc công việc thì chỉ quan tâm đến con số trong sổ kế toán, những người buôn bán có tầm nhìn ngắn".

Là những con người ưu tú cùng chí hướng của Chủ nghĩa thế giới, người Mỹ không giống như người Anh, Nhật, Nga, có quy tắc riêng, để lại cảm tình, khiến người Trung Quốc qua mấy thời đại có ấn tượng tốt với người Mỹ. Vì vậy, nước Mỹ được cho là "Chủ nghĩa đế quốc tươi đẹp", "có chút lương tâm của giặc".

Trung Quốc có một chút mâu thuẫn với Mỹ, chính là phản ứng của mâu thuẫn bản thân. Từ thời kỳ bắt đầu thế kỷ 19, nước Mỹ cũng gia nhập đội quân phương Tây đi xâm chiếm Trung Quốc, nhưng nước Mỹ thực hiện rộng rãi chính sách mở cửa văn hóa đa nguyên và tinh thần dân chủ, vật chất của nước Mỹ được mang đi trợ giúp, nước Mỹ ở những thời khắc quan trọng đều đề xuất ra những quyết định hữu hảo, làm cho người Trung Quốc thấy chút hy vọng. Chính phủ Trung Quốc bao gồm bộ máy triều đại nhà Thanh bộ máy quân sự Quân Bắc Dương, bộ máy Quốc dân Đảng, thậm chí trong thời kỳ chính quyền cách mạng kéo dài, thời gian họ gặp phải khó

khẩn, luôn luôn kỳ vọng sự ủng hộ và giúp đỡ đến từ nước Mỹ. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, thời kỳ liên minh bằng hữu cùng nhau chiến đấu, càng làm tăng thêm "tình đoàn kết với nước Mỹ" của người Trung Quốc. Nhưng, trong tầm nhìn xa của nước Mỹ bao hàm cả mưu cầu lợi ích sâu sắc của chiến lược dài hạn, trong đạo đức và chính nghĩa, sự phóng khoáng, người Mỹ luôn bộc lộ toan tính rõ ràng bảo vệ lợi ích riêng của Mỹ. Mở rộng cửa, bảo toàn mục tiêu cơ bản của Trung Quốc, là để bảo vệ nước Mỹ trên thị trường Trung Quốc; bồi dưỡng, đào tạo các lưu học sinh là vì mở rộng ảnh hưởng văn hóa Mỹ tại Trung Quốc; trợ giúp vật chất, là do yêu cầu chính trị của chính phủ, cũng có sự tính toán lợi ích kinh tế dài hạn; nước đầu tiên thừa nhận Trung Hoa dân quốc, lại đi đầu trong việc bãi bỏ hiệp định thuế quan và quyền cấm vận lãnh sự, là vì muốn thuận theo dư luận, tranh thủ chủ động...

Nước Mỹ là một nhất thể mâu thuẫn, có lúc tầm nhìn xa nhưng lại có lúc nhìn ngắn hạn, là nước có tài cao nhưng cũng có lúc mang vẻ thất bại, thậm chí bỉ ổi của tư lợi cá nhân, làm đen lòng người. Nước Mỹ trong vấn đề giải quyết quan hệ giữa hai nước Trung - Mỹ, do hạn chế của lợi ích đế quốc, hạn chế của thành kiến ý thức hệ, làm trái với trào lưu thế giới, gây tổn hại đến lợi ích Trung Quốc, có lỗi với người dân Trung Quốc. Ví dụ: sau khi kết thúc cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất, chính phủ Mỹ tránh xung đột cùng Nhật, đã bán đứng bán đảo Sơn Đông của Trung Quốc tại Hội nghị Paris; sau Chiến tranh Thế giới thứ Hai, vì muốn giảm bớt thương vong cho quân đội Mỹ nên trong Hiệp định Yanta đã hy sinh lợi ích quốc gia của Trung Quốc, cùng với Liên Xô trao đổi lợi ích; trong chiến tranh giải phóng của Trung Quốc, nước Mỹ vì chống lại Liên Xô, chống lại Đảng Cộng Sản, gần như mất hết lý trí, bất chấp tất cả, ủng hộ chính quyền Quốc dân Đảng đã mất lòng dân.

Chủ nghĩa đế quốc nước Mỹ và Chủ Nghĩa đế quốc các nước khác có nhiều điểm khác nhau. Từ Chiến tranh nha phiến năm 1840 đến nay, trong những nước lớn trên thế giới cùng Trung Quốc xây dựng chiến lược quan hệ tốt, nước Mỹ tạo đặc trưng riêng. Trong hơn 100 năm từ 1840-1949, Trung Quốc trên trường cạnh tranh giữa các quốc gia trên thế giới, trong quan hệ với Anh, Nga, Nhật chỉ có quan hệ xâm lược, bá chiếm, áp bức, bóc lột; bọn chúng xâm lược Trung Quốc một cách trắng trợn, xâm phạm chủ quyền những vùng đất lớn của Trung Quốc, thậm chí tiến hành chinh phục và diệt vong trên toàn diện Trung Quốc. Chúng cướp đoạt tài nguyên của Trung Quốc, áp bức và nô dịch người dân của Trung Quốc, không có chút tình thương. Nhưng, Mỹ lại không như vậy, trong hơn 100 năm quan hệ với Trung Quốc, Mỹ một mặt có xâm lược, áp bức, can thiệp vào chủ nghĩa đế quốc của Trung Quốc, nhưng mặt khác lại cùng Trung Quốc kết thành đồng minh, tiến hành chiến lược hợp tác, phản đối xâm lược, đẩy mạnh văn minh thế giới.

Ngày 2 tháng 2 năm 1959, Nhân dân nhật báo đăng lại bài từ Tạp chí Hồng kỳ, phát biểu của ông Forster, Chủ tịch danh dự Đảng Cộng Sản Mỹ, trong bức thư gửi Chủ tịch Mao Trạch Đông và bức thư mà Mao Trạch Đông hồi âm cho Forster ngày 17 tháng 1 năm 1959. Trong thư, Mao Trạch Đông nói: "Người dân Trung Quốc hiểu rằng, chủ nghĩa đế quốc Mỹ làm nhiều điều xấu với Trung Quốc, với thế giới, chỉ là do tập đoàn thống trị nước Mỹ không tốt, còn người dân nước Mỹ rất là tốt".

Chủ nghĩa đế quốc nước Mỹ làm nhiều việc xấu với Trung Quốc: sau năm 1840, tham gia xâm chiếm, áp bức, bóc lột người dân Trung Quốc cùng các cường quốc phương Tây. Nước Mỹ cuối thế kỷ 19 đề ra chính sách "mở rộng cửa", cùng với các quốc gia phương Tây xâm chiếm, bóc lột người dân

Trung Quốc cướp lấy cơ hội và lợi ích cho riêng họ; tham gia liên quân tám nước xâm lược Trung Quốc; ủng hộ Tưởng Giới Thạch trong cuộc nội chiến Trung Quốc. Điều này chứng tỏ nước Mỹ cận đại thể hiện rõ bản chất chủ nghĩa đế quốc xâm chiếm, ức hiếp, can thiệp. Nhưng nước Mỹ xử lý quan hệ với Trung Quốc lại khác các nước Anh, Nga, Nhật là thông minh hơn, văn minh hơn, sáng suốt hơn, tầm nhìn sâu rộng hơn.

Trong lịch sử quan hệ cận đại hơn 100 năm giữa hai nước Trung - Mỹ, có vài điểm sáng sau là đặc trưng:

- Nước Mỹ nói cho cùng, chưa bao giờ đơn độc phát động cuộc chiến tranh xâm lược đối với Trung Quốc.

- Nước Mỹ chưa bao giờ trực tiếp xâm chiếm lãnh thổ của Trung Quốc.

- Nước Mỹ trong bối cảnh bị chia năm, sẻ bảy, trước sau phản đối bất kỳ thế lực mạnh nào độc chiếm Trung Quốc, chủ trương ủng hộ sự tồn tại của nước Trung Quốc, phản đối xâu xé Trung Quốc. Không kể nó có nhiều động cơ tư lợi, nhiều nguyên nhân phức tạp, nhưng trên phương diện khách quan mà nói ngăn chặn được nguy cơ diệt vong, có lợi cho Trung Quốc.

- Nước Mỹ mang gần một nửa "khoản tiền bồi thường năm Canh Tý" trả lại Trung Quốc, đầu tư vào sự nghiệp giáo dục và thu hút lưu học sinh Trung Quốc, tuy ẩn chứa âm mưu chiến lược về đầu tư văn hóa nhưng là làm điều có lợi. Nhìn từ hiệu quả chiến lược dài hạn mà nói, đối với bồi dưỡng nhân tài và lợi ích quốc gia của Trung Quốc, là một việc lợi nhiều hại ít.

- Quy mô giáo dục của Mỹ ở Trung Quốc là lớn nhất. Mao Trạch Đông, trong bài phát viết "Hữu nghị hay là xâm lược?", trước ngày thắng lợi, năm 1949, nói: "Nước Mỹ đế quốc so với các quốc gia chủ nghĩa đế quốc khác, trong thời kỳ rất dài, đẩy mạnh và chú trọng hoạt động xâm lược về

phương diện tinh thần, từ hoạt động tôn giáo mở rộng ra lĩnh vực từ thiện và văn hoá. Có người thống kê, các cơ quan từ thiện Giáo hội Mỹ đầu tư vào Trung Quốc số tiền lên đến 41,9 triệu USD; trong số tài sản của giáo hội, tiền thuốc men chiếm 14,7%; chi phí giáo dục là 38,2% tiền chi cho các hoạt động tôn giáo chiếm 47,1%. Nước ta có rất nhiều trường nổi tiếng như: YẾN KINH, HIỆP HÒA, THÁNH JOHN, HỒI VĂN, KIM LĂNG, ĐÔNG NGÔ, LĨNH NAM,... đều do người Mỹ xây dựng lên. Đoạn văn của Mao Trạch Đông nói trên phê phán và vạch rõ sự xâm lược về mặt tinh thần của người Mỹ, nhưng phải chăng, cũng không khẳng định tính phê phán đối với một số việc mà người Mỹ đã làm về mặt văn hoá, giáo dục ở Trung Quốc?

-Đối với việc Nhật Bản xâm chiếm và diệt vong Trung Quốc, nước Mỹ trước hết ủng hộ Trung Quốc về mặt đạo nghĩa, sau chiến tranh Thái Bình Dương, lại ủng hộ Trung Quốc về vật chất và sát cánh chiến đấu cùng với quân và dân Trung Quốc ở một số khu vực, một vài phương diện, cùng Trung Quốc kết thành liên minh chống phát xít. Đây là những điểm khác biệt giữa chủ nghĩa đế quốc nước Mỹ và chủ nghĩa đế quốc các nước khác đối với vấn đề Trung Quốc; khách quan nhận thức và thừa nhận điều khác biệt này, có ý nghĩa tích cực đối với việc xem xét công bằng, đối với việc nhận thức và xử lý chính xác lịch sử quan hệ Trung - Mỹ hôm nay, hiện tại và tương lai.

Giai đoạn thất bại nhất quan hệ Trung - Mỹ là từ sau khi nước Trung Quốc mới được thành lập. Từ những năm 50 đến những năm 70 của thế kỷ 20, trong hơn 20 năm đó nước Mỹ cô lập, phong tỏa, ngăn chặn chính sách của Trung Quốc, không những thực hành chiến tranh lạnh mà còn có chiến tranh nóng với Trung Quốc. Nhưng đồng thời chủ nghĩa đế quốc này cũng có lý trí trong hành động xâm lược, không xâm

lược vô hạn độ; trong nguy cơ có kiểm chế, không mở rộng nguy cơ vô hạn. Từ cuối những năm 60 đến đầu thập kỷ 70 của thế kỷ 20, tập đoàn thống trị nước Mỹ trong cải thiện quan hệ Trung-Mỹ, đã có thể tiến cùng thời đại, với thái độ chủ động. Sau khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao, Mỹ một mặt lợi dụng Trung Quốc, ngăn chặn và đề phòng Trung Quốc, nhưng một mặt cũng cải thiện và phát triển quan hệ, tìm kiếm hợp tác, đối với Trung Quốc, Mỹ thống nhất vừa ngăn chặn, vừa hợp tác. Nhìn tổng quan, từ khi lập nước đến nay, đặc biệt kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao Trung-Mỹ, quan hệ Trung - Mỹ tuy có lúc đối kháng, có gập ghềnh, thậm chí có lúc thụt lùi, nhưng xu thế tổng quan là phát triển theo xu hướng hợp tác và cải thiện. Nước Mỹ không phải là ma quỷ, cũng không phải là thiên thần. Trung Quốc trong cạnh tranh với Mỹ, cần giúp đỡ Mỹ biến thành thiên sứ, ngăn chặn Mỹ biến thành ma quỷ.

6. Không có kẻ địch vĩ đại, không có nước Mỹ vĩ đại

Ở Mỹ có câu châm ngôn: “Không có kẻ địch vĩ đại, không có nước Mỹ vĩ đại”. Mỹ là một đất nước cần kẻ địch, văn hóa chiến lược của Mỹ là văn hóa tạo ra “kẻ địch”. Mỹ phải không ngừng tìm kiếm “kẻ địch”, không ngừng hô hào về “đe dọa”, không ngừng thổi phồng về “khủng hoảng”.

Vì sao nước Mỹ cần kẻ địch? Mỹ dựa vào những tiêu chí nào để lựa chọn kẻ địch? Mỹ đã lợi dụng kẻ địch hiệu quả như thế nào và chiến thắng kẻ địch ra sao? Những nội dung này đã tạo nên “quan điểm về kẻ thù” trong quan điểm chiến lược Mỹ, và cũng hình thành một truyền thống kinh điển trong tư duy chiến lược của Mỹ.

“Thông báo tuyển dụng kẻ thù” của Lầu Năm Góc

Trong cuốn “Bản đồ mới của Lầu Năm Góc – Chiến tranh và hòa bình thế kỷ 21”, chuyên gia các vấn đề chiến lược nổi tiếng của Mỹ, ông Thomas Barnertt viết: Trong nhiệm kỳ thứ hai của chính quyền Bill Clinton, tôi có phát hiện một thông báo cá nhân như thế này trên một bức tường trong văn phòng của Lầu Năm Góc.

Thông báo tuyển dụng kẻ thù

Quốc gia siêu cường hoàn thiện ở Bắc Mỹ cần tìm những người hợp tác có thái độ thù địch để tiến hành chạy đua vũ trang, xung đột ở Thế giới thứ Ba và các hoạt động đối kháng nói chung. Các ứng cử viên phải tạo ra mối đe dọa đủ để thuyết phục quốc hội đáp ứng yêu cầu quân sự. Ưu tiên những ứng cử viên có khả năng tiến hành chiến tranh hạt nhân; nhưng nếu sở hữu nguồn vũ khí sinh hóa quan trọng, thì những ứng cử viên phi hạt nhân cũng có thể được cân nhắc. Đơn xin việc và ảnh chụp xin gửi về địa chỉ:

Hợp chúng quốc Hoa Kỳ

Washington, Đặc khu Columbia

Lầu Năm Góc

Chủ tịch Hội đồng tham mưu trưởng liên quân

Đây chỉ là sự hóm hỉnh. Nó vui nhưng đã phản ánh chân thực một điều rằng sau Chiến tranh Lạnh, Mỹ thực sự đã mắc phải “chứng bệnh thiếu kẻ thù”, thể hiện triệt để tâm trạng nôn nóng của Mỹ muốn “tìm kiếm kẻ thù” trên khắp thế giới.

Nghệ thuật “sử dụng kẻ thù” của Mỹ

Ngày 20/01/1981, sau khi Ronald Wilson Reagan của đảng Cộng hòa nhậm chức Tổng thống Mỹ, khi đánh giá về Liên Xô, Reagan đã xác định rõ Liên Xô là “kẻ thù”, chứ không chỉ đơn giản là “đối thủ cạnh tranh chiến lược”.

Reagan cho rằng, Liên Xô là trung tâm của mối hiểm họa trên thế giới, là kẻ thù số một của Mỹ. Phải áp dụng biện pháp tấn công chiến lược mới có thể kiềm chế sự bành trướng của Liên Xô, đảm bảo sự an toàn cho Mỹ. Chính bởi Mỹ coi Liên Xô là kẻ thù, nên đã giành thắng lợi, thu lời và nếm quả ngọt.

Cuối năm 1993, Tổng thống Bill Clinton đã từng buột miệng nói rằng: “Ồ! tôi nhớ chiến tranh Lạnh quá”. Nhớ đến chiến tranh Lạnh chính là nhớ đến kẻ thù, nhớ cái thời có kẻ thù. Sau khi chiến tranh Lạnh kết thúc, Mỹ mất đi kẻ thù, Tổng thống Bill Clinton cũng cảm thấy mất mát.

Khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, nhà bình luận chính trị Charles Krauthammer nói: “Đất nước cần phải có kẻ thù. Khi không còn kẻ thù này thì đi tìm kẻ thù khác”.

Nhà sử học nổi tiếng của Mỹ, ông Arthur Schlesinger khẳng định: “Mỹ cần một nước thù địch, để mang lại trọng tâm và tính liên tục cho chính sách ngoại giao. Mỹ đã từng coi Đức là kẻ thù trong hai cuộc đại chiến thế giới, coi Liên Xô là kẻ thù trong Chiến tranh Lạnh. Và đến một thời điểm nào đó, Mỹ sẽ lại tuyên bố sự tồn tại của kẻ thù tiềm tàng khác”.

Dường như các chính trị gia và chuyên gia của Mỹ “tìm kiếm kẻ thù” điên cuồng như thể “tìm kiếm bảo bối” vậy. Vậy “kẻ thù” có giá trị như thế nào đối với Mỹ?

- Có kẻ thù, tức là có thách thức và cạnh tranh, tức là có động lực. Cuộc chiến tranh Lạnh kéo dài nửa thế kỷ, do có kẻ thù là Liên Xô hùng mạnh, đã tạo ra động lực và sự kích thích cực lớn đối với quá trình phát triển của Mỹ. Trong cuộc đối kháng một mất một còn, hai bên có thể phát huy tối đa tiềm năng của mình, buộc các bên phải phát triển và tiến bộ như vũ bão. Trước khi Liên Xô tan rã, một số nhân vật có vai vế ở Mỹ đã khẳng định “công trạng” của chiến tranh Lạnh và sự “cống hiến” của Liên Xô đối với Mỹ: “Liên Xô từng là kẻ thù

hữu dụng. Mỹ tin rằng không những cần chạy đua vũ trang, mà còn phải chạy đua thành tựu với Liên Xô. Bây giờ xem ra đó dường như một ý nghĩ kỳ lạ, nhiều người Mỹ những thập niên 50 và 60 của thế kỷ 20 đã mặc nhiên coi hai cuộc chạy đua này là cuộc đua thể hiện tính ưu việt. Không có chương trình vũ trụ của Liên Xô, người Mỹ đã không thể đặt chân lên Mặt Trăng”. Do duy trì liên tục trạng thái cạnh tranh của chiến tranh Lạnh kích thích nền công nghiệp quốc phòng, nên đã “tạo ra kỹ thuật ưu việt của người Mỹ”.

- Có kẻ thù, Mỹ mới có thể đoàn kết và tạo sự hội tụ trong nước có hiệu quả. Khi Liên Xô chuẩn bị sụp đổ vào tháng 9/1991, Mỹ đã than thở về số mệnh của chiến tranh Lạnh: “Đối với một đất nước đa dạng như Mỹ, chỉ có các loại thách thức bên ngoài mới có thể khiến Mỹ đoàn kết lại”. Bằng việc dựng lên một “kẻ thù lớn”, tạo ra cục diện “kẻ thù lớn trước mặt”, Mỹ có thể “vin vào kẻ thù lớn đó để kêu gọi toàn dân”, tạo ra bầu không khí “căm thù kẻ thù chung” trên cả nước, đoàn kết hiệu quả nội bộ, gắn kết mọi phương diện, duy trì và tăng cường quyền uy và khả năng của tập đoàn lãnh đạo Mỹ. Mục đích Mỹ tìm kiếm kẻ thù bên ngoài là nhằm gắn kết nội bộ. Tìm kiếm và tạo ra kẻ thù trở thành một phương sách của Mỹ để trị quốc an bang.

- Có kẻ thù, mới có lợi ích đặc thù giữa quân đội và tập đoàn công nghiệp quân sự. Học giả nghiên cứu chiến lược của Mỹ, ông Thomas Barnett nói: “Tất cả khả năng quân sự mạnh mẽ về công nghệ cao mà chúng ta mua về trong thập niên 90 của thế kỷ 20, thực sự cần một kẻ địch mạnh về công nghệ cao, chẳng phải vậy sao? Chính trị gia thời chiến tranh Lạnh này nói: Hoàn toàn đúng như vậy, nếu Nga thực sự không chịu nổ một đòn mà sụp đổ thì chúng ta sẽ làm điều đó với Trung Quốc”. Thomas chỉ ra rằng: Sau sự kiện 11/9, “chỉ vòng trong một đêm mà Trung Quốc biến mất khỏi màn hình radar, thay

vào đó là tổ chức khổng bố ‘có mạng lưới bao trùm khắp thế giới’ và bất kỳ quốc gia xấu xa nào bị tình nghi tiếp tay cho chúng. Nói chung quân đội Mỹ thực hiện rất tốt trên phương diện đánh bại kẻ thù, nhưng lại chưa bao giờ làm tốt trong việc làm thế nào để giành thắng lợi. Trong thời kỳ chiến tranh Lạnh, Mỹ giành được thắng lợi to lớn: Chúng ta đã kéo đổ một quốc gia siêu cường quân sự khác trên thế giới, đồng thời thúc đẩy tiến bộ to lớn của quá trình toàn cầu hóa trên thế giới. Cùng với sự sụp đổ của Liên Xô, một thời đại mới đã đến, nhưng chúng ta chỉ chứng kiến sự xuất hiện của nó không thôi thì chưa đủ. Mỹ cần phải định nghĩa lại một cách rõ ràng về kẻ thù đáng để chiến đấu và quân đội đáng để xây dựng trong tương lai, nhằm đối phó với môi trường an ninh mới không có đối thủ cạnh tranh. Trên hai phương diện này, Lầu Năm Góc đều thất bại, chủ yếu do lo sợ đánh mất vị thế của mình trong thể chế chính trị Mỹ, hoặc nói một cách thô thiển là do lo ngại về khoản tiền được phân bổ của mình trong ngân sách liên bang. Nỗi lo sợ này đã thúc đẩy quân đội phải ra sức bám vào một thứ hư ảo gần như là “đối thủ cạnh tranh”. Vì chỉ có sự tồn tại của một đối thủ như vậy mới có thể tạo ra cái cớ để Lầu Năm Góc duy trì một đội quân theo đuổi mục đích chính là tiến hành cuộc chiến chống quốc gia siêu cường. Thế nhưng thời đại mới không những không tồn tại một mối đe dọa như vậy mà còn tạo ra một thứ hoàn toàn trái ngược - một lực lượng ít được chú ý trước đây đã nổi lên, thách thức định nghĩa ‘trật tự thế giới mới’ của Mỹ”. Có thể thấy, Mỹ cần kẻ thù vì Lầu Năm Góc cần vị thế trong thể chế chính trị Mỹ, cần duy trì chi phí quân sự trong ngân sách liên bang, và vì chỉ có dựng lên một kẻ thù hùng mạnh mới có thể tạo ra cái cớ để Lầu Năm Góc duy trì một đội quân với mục đích chính là tiến hành cuộc chiến chống quốc gia siêu cường. Nói một cách mỉa mai, nếu không có kẻ thù, quân đội Mỹ và tập đoàn công

nghiệp quân sự Mỹ ăn bằng gì, lấy gì mà kiếm tiền. Có kẻ thù mới có lợi ích.

- Có kẻ thù mới có thể ra lệnh cho các nước chư hầu duy trì địa vị bá chủ của Mỹ. Điều này thể hiện ở hai vấn đề: Một là trên bình diện quốc tế, coi những nước lớn trỗi dậy ảnh hưởng đến địa vị bá chủ của Mỹ là “kẻ thù” để tiến hành ngăn chặn và thảo phạt. Xuất quân một cách danh chính ngôn thuận dựa vào lí do chính đáng, có thể duy trì lợi ích và địa vị bá chủ của Mỹ trên thế giới thông qua ngăn chặn hiệu quả các quốc gia đang trỗi dậy. Hai là nội bộ các quốc gia phương Tây, tuyên bố kẻ thù của Mỹ là kẻ thù chung của thế giới phương Tây, do Mỹ gương ngọn cờ đầu, tổ chức và củng cố liên minh, đưa ra hiệu lệnh, trói chặt các quốc gia phương Tây vào cuộc chiến của Mỹ. Một số chuyên gia phân tích có uy tín của Mỹ khi đánh giá về tác dụng của chiến tranh Lạnh cho rằng “các chính phủ Mỹ thời Eisenhower, Kennedy và Johnson bị Liên Xô thách thức, đã tìm được cái cớ về ‘an ninh quốc gia’ để giúp đỡ những nước bị áp chế”. Điều này khiến cuộc chiến tranh Lạnh không chỉ thúc đẩy ngành công nghiệp quốc phòng Mỹ, đặc biệt là công nghệ mũi nhọn, phát triển, “mà quan trọng hơn nó mang lại cho Mỹ một cơ hội tốt để lôi kéo các nước đồng minh theo chủ nghĩa tư bản”. Như vậy, Mỹ tổ chức liên minh chống “kẻ thù” và thống nhất chiến tuyến trong cộng đồng quốc tế, vừa khống chế các quốc gia phương Tây, vừa ngăn chặn những nước mới nổi, từ đó bảo đảm địa vị và lợi ích của quốc gia bá quyền này.

Tiêu chuẩn “lựa chọn kẻ thù” của Mỹ

Tiêu chuẩn lựa chọn kẻ thù của Mỹ có tính tổng hợp nhất định, nhưng chỉ xem xét hai điểm chính:

- Tiêu chuẩn về ý thức hệ. Đối với Mỹ, kẻ thù lí tưởng là kẻ có hệ tư tưởng đối lập với Mỹ, có chủng tộc và văn hóa

khác với Mỹ và có khả năng quân sự hùng mạnh đến mức khiến người ta tin rằng có thể tạo ra mối đe dọa đối với an ninh quốc gia Mỹ. Vấn đề chính trong quá trình tranh luận ở Mỹ về chính sách đối ngoại từ thập niên 1990 trở lại đây là nước nào có thể là kẻ thù như vậy. Khi xác định tính chất của Đức, Nhật Bản và Liên Xô, Mỹ đều kiên trì bám vào tiêu chuẩn ý thức hệ. Căn cứ cơ bản để Mỹ tiến hành chiến tranh và chiến tranh Lạnh với Đức, Nhật Bản và Liên Xô trong thế kỷ 20 là cho rằng ba đối thủ này đều là những nước chống lại nguyên tắc chính của Mỹ. Do họ chống lại quan điểm của Mỹ về chủ nghĩa cá nhân nên là “kẻ thù” của Mỹ. Mà dường như dân chúng Mỹ cũng có nhận thức chung về điều này. Năm 1945, hãng Gallup tiến hành một cuộc thăm dò dư luận với câu hỏi như sau: Bạn có cho rằng một người đi theo chủ nghĩa cộng sản lại có thể đồng thời trung thành với nước Mỹ hay không? Kết quả số người trả lời “có” chỉ chiếm 5% trong khi trả lời “không” chiếm tới 87%. Cuối năm 1989, có tới 47% số người được hỏi cho rằng họ thà lao vào một cuộc chiến tranh hạt nhân toàn diện còn hơn sống dưới chế độ cai trị của chủ nghĩa cộng sản. Dựa vào sự khác biệt về giá trị quan để phân biệt “ta và địch”. Tuy một số chính trị gia có biểu hiện dao động, thậm chí thời kỳ chiến tranh Lạnh còn xuất hiện những cuộc tranh luận vượt ra ngoài ý thức hệ, nhưng về căn bản đã không làm lay chuyển lập trường của Mỹ kiên trì với tiêu chuẩn này. Những tranh cãi vượt ra ngoài ý thức hệ ở một số thời kỳ và hoàn cảnh đặc biệt, thậm chí có thể nói là một biểu hiện cho thấy sự thực dụng và mảnh khảnh của lãnh đạo cấp cao Mỹ. Ví dụ vào cuối những năm 60 của thế kỷ 20, có những nhà quyết sách Mỹ cho rằng quan điểm truyền thống không phải là tiêu chuẩn và cần phải kiểm nghiệm. Nixon nói: “Ngày nay, ‘chủ nghĩa’ đã mất đi sức sống. Mục tiêu của chúng ta là phải xóa bỏ tất cả những thứ nhạy cảm, ủy mị

trong chính sách ngoại giao. Những nước có ý thức hệ trái ngược nhau, trong những điều kiện và hoàn cảnh đặc biệt, có thể có mục tiêu chung. Mà những nước có ý thức hệ tương đồng nhau, cũng có thể đối địch với nhau. Henry Kissinger cũng nói: “Chúng ta không có kẻ địch vĩnh cửu, chúng ta sẽ dựa vào hành động của họ chứ không phải ý thức hệ để phân biệt nước khác, đặc biệt là CHND Trung Hoa”.

- Tiêu chuẩn về sức mạnh. Tức là tìm kiếm trên thế giới này những nước có tốc độ phát triển nhanh, có thực lực và tiềm lực mạnh nhất và có xu hướng thách thức Mỹ để làm kẻ thù đối phó. Đó chính là những nước đang trỗi dậy. Trong tư duy chiến lược của Mỹ, nước trỗi dậy chính là nước cạnh tranh, khiêu khích và đối địch. Thời kỳ cuối và sau chiến tranh Lạnh, Nhật Bản từng trở thành đối tượng hàng đầu trong danh sách “đối thủ” của Mỹ. Một số học giả và chính trị gia Mỹ đã cho ra đời hàng chục tác phẩm và hàng trăm bài viết lập luận chặt chẽ đề cập đến cuộc xung đột sắp xảy ra giữa Nhật Bản và Mỹ. Nhưng về sau do kinh tế Nhật Bản mất đi đà tăng trưởng mạnh mẽ, nên Mỹ lại loại đất nước mặt trời mọc ra khỏi danh sách kẻ thù tiềm tàng. Báo cáo năm 1997 của Viện nghiên cứu an ninh quốc gia Mỹ cho rằng “trong số các đối thủ khu vực tiềm tàng, hiện chỉ có Nga và Trung Quốc hội đủ điều kiện này. Ấn Độ trong vòng 10 năm tới cũng có thể trở thành cường quốc quân sự khu vực quan trọng”. Về sau, Mỹ lại một lần nữa coi Nga là “kẻ thù chính”. Nhưng nghĩ lại thấy rằng mặc dù Nga có sự nguy hiểm tiềm tàng, nhưng vì tình hình kinh tế nước này hết sức gay go, trong nước bất ổn, kết cấu xã hội rời rạc. Theo lời ông Harris, chủ biên tạp chí “Lợi ích quốc gia” (Mỹ), thì Nga “chẳng qua chỉ là con dã thú bị thương, là một nước lớn tiền siêu cường đang nỗ lực trở thành nhà nước dân chủ”, trước mắt không thể đe dọa nước Mỹ. Sau năm 1997, Mỹ đã chọn đi chọn lại, rồi cuộc

chốt lại danh sách bằng Trung Quốc, coi nước này là kẻ thù chính của Mỹ. Đông đảo dư luận Mỹ cho rằng mục tiêu lâu dài của Trung Quốc là thách thức địa vị chi phối thế giới của Mỹ. Vì vậy Mỹ “phải giao thiệp với Trung Quốc bằng thái độ thù địch”, nếu không sẽ đồng nghĩa với “giảng hòa”, “nhân nhượng”.

Theo tiêu chuẩn “lựa chọn kẻ thù” của Mỹ, Trung Quốc là “kẻ thù” hoàn toàn đáp ứng điều kiện. Do Trung Quốc khác Mỹ về mặt ý thức hệ, lại là nước có tiềm lực nhất trong số các nước đang trỗi dậy, nên trong cuộc chơi chính trị “lựa chọn kẻ thù” của Mỹ, trong danh sách lựa chọn ấy, Trung Quốc chắc chắn ở vị trí số một.

Huntington xót xa vì “nước Mỹ cô độc”

Tư duy “lựa chọn và tạo dựng kẻ thù” của Mỹ khiến họ phải “tìm kiếm kẻ thù trên toàn cầu” và trở thành quốc gia cô độc nhất thế giới. Huntington chỉ ra rằng quan chức Mỹ ngợi ca nước này là bá chủ nhân từ, gán cho cái mác quốc gia siêu cường đầu tiên theo kiểu chủ nghĩa phi đế quốc. Trên thực tế, Mỹ là “một nước siêu cường xấu xa”, “ngày càng bị cô lập với thế giới”. Giới lãnh đạo Mỹ xưa nay đều tuyên bố nước này đại diện cho cộng đồng quốc tế. Nhưng họ nghĩ họ đại diện cho những nước nào? Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Pakixtan, Iran hay thế giới Arập, ASEAN, châu Phi, Mỹ Latinh hay Pháp? Nhưng liệu những quốc gia hay khu vực này có coi Mỹ là đại diện cho cộng đồng của họ hay không? Trong đại đa số các vấn đề, những cộng đồng mà Mỹ đại diện nhiều nhất chỉ là những người anh em Anglo-Saxon có cùng huyết thống của họ (Anh, Canada, Ôxtrâyliya và Niu Dilân). Trong rất nhiều vấn đề, Mỹ đại diện cho Đức và một số quốc gia dân chủ nhỏ ở châu Âu. Trong vấn đề Trung Đông có Ixraen, trong quá trình thực thi nghị quyết của LHQ có đồng minh

Nhật Bản. Mặc dù đây đều là những nước quan trọng nhưng họ còn lâu mới cấu thành cộng đồng quốc tế mang tính toàn cầu. Qua từng vấn đề một, Mỹ nhận thấy họ ngày càng lâm vào tình trạng bị cô lập, đồng minh đếm trên đầu ngón tay, ở vào thế đối lập với phần lớn quốc gia và nhân dân trên thế giới. Những nước coi lợi ích bản thân và lợi ích của Mỹ bổ trợ cho nhau ngày càng ít. Điều này ít nhất được thể hiện trong cơ cấu chủ đạo của các nước thành viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Trong 10 năm đầu của chiến tranh Lạnh, cơ cấu này là 4:1, bốn nước Mỹ, Anh, Pháp, Trung Quốc liên kết chống lại Liên Xô. Nhưng sau khi Chính phủ Trung Quốc do Mao Trạch Đông lãnh đạo khôi phục vị trí hợp pháp tại LHQ, cơ cấu này trở thành 3:1, Trung Quốc ở vị trí trung lập. Hiện nay cơ cấu này lại thay đổi thành 2:1:2, hình thành cục diện hai nước Mỹ-Anh đối lập hai nước Trung-Nga, còn Pháp ở vị trí trung lập. Trong một hội nghị được tổ chức tại Đại học Harvard (Mỹ) năm 1997, một số học giả trình bày báo cáo cho rằng ít nhất những quốc gia có số dân chiếm 2/3 dân số thế giới, gồm Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Ả-rập, Hồi giáo và cả các nước châu Phi, đều coi Mỹ là mối đe dọa lớn nhất duy nhất từ bên ngoài đối với xã hội của họ. Năm 1997, công chúng Nhật Bản từng coi Mỹ là mối đe dọa lớn thứ hai chỉ sau Triều Tiên. Mỹ, nước giỏi tạo ra kẻ thù vĩ đại, đã trở thành một đất nước cô lập, đau khổ. Mỹ đã không thể thực hiện và duy trì sự vĩ đại của mình thông qua việc tạo dựng kẻ thù vĩ đại.

“Liên minh Trung-Mỹ”: Xuất hiện trong tư duy mới của Mỹ

Mỹ không thể dựa vào “tạo dựng kẻ thù” để duy trì bá quyền, mà phải dựa vào “kết bạn” để thúc đẩy đất nước phát triển. Đó là nhận thức của ngày càng nhiều người Mỹ. Nhiều

học gia nổi tiếng của Mỹ thậm chí còn đặt ra giả thiết về “liên minh Trung-Mỹ”.

Ngày 26/6/2006, phát biểu tại Quỹ nghiên cứu chiến lược quốc tế Trung Quốc, chuyên gia các vấn đề chiến lược nổi tiếng Mỹ, ông Thomas Barnett đã đề xuất việc “xây dựng liên minh Mỹ-Trung hướng tới thế kỷ 21”. Đây là giả thiết hết sức sáng tạo.

Thomas nói: “Mỹ-Trung thiết lập quan hệ đồng minh có lợi cho cả hai bên. Nước Mỹ hiện nay cũng giống nước Anh hồi đầu thế kỷ 20. Trong vấn đề xem xét sự trỗi dậy của Trung Quốc, Mỹ đối diện với một sự lựa chọn quan trọng nhất. Đó là hoặc giống Anh nhìn nhận Mỹ hồi đầu thế kỷ 20, coi Trung Quốc là cường quốc đang lên và tiếp nhận một cách điềm tĩnh, hoặc coi quốc gia Đông Bắc Á này là nước Đức của thế kỷ trước, vốn là khởi nguồn của cuộc chiến tranh thế giới. Bằng việc thiết lập quan hệ liên minh chiến lược với Mỹ, Anh đã duy trì và phát triển tối đa nguồn lực của nước mình. Nước Mỹ đã ở vào giai đoạn kinh tế dần suy yếu, dù thực lực quân sự của nước này vẫn lớn mạnh. Nếu Mỹ muốn lấy sức mạnh quân sự để bù đắp những yếu kém về kinh tế thì nên thiết lập liên minh chiến lược với Trung Quốc. Kiểu quan hệ liên minh chiến lược này hết sức có lợi cho Trung Quốc, do đó Trung Quốc cũng nên ủng hộ xây dựng một liên minh như vậy. Thế nhưng Lầu Năm Góc sẽ không tán thành chủ chương xây dựng quan hệ chiến lược Trung-Mỹ. Vì họ muốn Trung Quốc trở thành cái cớ để Mỹ duy trì sức mạnh quân sự hùng hậu. Trong ba năm sau sự kiện 11/9, Lầu Năm Góc đã bớt chú ý tới Trung Quốc. Vì trong khoảng thời gian này, Mỹ tập trung quan tâm tới chủ nghĩa khủng bố ở Trung Đông. Nhưng bắt đầu từ năm 2005, vấn đề Trung Quốc lại được khơi dậy. Trên thực tế, đây là sách lược mà các lực lượng hải lục không quân của Mỹ áp dụng để giành giật ngân sách quốc phòng. Vì vậy

nói chính xác hơn, chính hải quân và không quân Mỹ càng cần tới kẻ địch giả tưởng Trung Quốc”.

“Quan hệ Trung-Mỹ trong thế kỷ 21 hết sức quan trọng. Chỉ cần Trung-Mỹ bắt tay nhau, sẽ không ai có thể phá hoại tiến trình toàn cầu hóa. Nhưng nếu giữa Trung Quốc và Mỹ xảy ra chiến tranh thì tiến trình này sẽ hứng chịu thiệt hại nghiêm trọng chỉ trong vòng một ngày. Mỹ sẽ có thể bảo lưu quyền sinh tồn trong tiến trình toàn cầu hóa, nhưng Trung Quốc thì không. Tôi cho rằng hiện các nhà lãnh đạo của cả Trung Quốc và Mỹ đều chưa hình dung một điều rằng Trung Quốc và Mỹ đã không thể tránh khỏi việc thiết lập quan hệ liên minh chiến lược. Tôi thành thật khuyên các nhà lãnh đạo Mỹ một điều rằng: Thế hệ lãnh đạo thứ năm của Trung Quốc hoàn toàn khác so với thế hệ lãnh đạo thứ tư. Thế hệ lãnh đạo thứ tư của Trung Quốc chịu ảnh hưởng của Cách mạng văn hóa ở lì trong nước, nhưng thế hệ lãnh đạo thứ năm sẽ đi lên từ những lưu học sinh Trung Quốc tại Mỹ trong thập niên 80 của thế kỷ 20. Tôi cho rằng thế hệ lãnh đạo thứ năm ở Trung Quốc sẽ sáng suốt hơn, hiểu rõ hơn về toàn cầu hóa và thân thiện hơn với Mỹ. Do đó các nhà lãnh đạo Mỹ phải tài trí hơn mới có thể hợp tác với Trung Quốc. Bản thân ông Bush không có kinh nghiệm ngoại giao, chính sách ngoại giao của ông ta chủ yếu bắt nguồn từ đội ngũ cố vấn ngoại giao của Bush cha và di sản ngoại giao của đảng Cộng hòa. Điều này dẫn đến chính sách của Mỹ đối với Trung Quốc vẫn bị giới hạn ở tư duy chiến tranh Lạnh, cứng nhắc coi Trung Quốc là mối đe dọa của Mỹ. Sở dĩ tôi cảm thấy lạc quan về tương lai Trung Quốc và Mỹ xây dựng liên minh chiến lược là bởi vì các nhà lãnh đạo ở hai nước này sắp được thay mới. Tôi có thể nói rằng sự thay đổi mà Trung Quốc đang trải qua hiện nay chính là hình ảnh thu nhỏ của những gì đã diễn ra ở nước Mỹ trong 125 năm qua. Trên phương diện chính sách ngoại giao, Trung

Quốc rất giống Mỹ hồi đầu thế kỷ 20. Chương trình vũ trụ của Trung Quốc tương tự chương trình vũ trụ của Mỹ trong những năm 1960. Sự phát triển mạnh mẽ của thị trường chứng khoán và sự mở rộng trên quy mô lớn cơ sở hạ tầng của Trung Quốc về cơ bản tương đồng với Mỹ trong thập niên 20 của thế kỷ 20. Trên phương diện thể thao, Trung Quốc cũng giống với tình hình của Mỹ vào những năm 1950. Ngành điện ảnh Trung Quốc hiện nay gợi cho tôi nhớ tới Hollywood trong thập niên 30 của thế kỷ trước. Một số vấn đề phát sinh ở Trung Quốc như sự xung đột giữa người lao động và chủ lao động cũng như vấn đề về nông dân cũng chẳng khác nào tình hình mà Liên đoàn Lao động Mỹ phải đối mặt thời đó. Do đó, nếu quan sát Trung Quốc từ mọi khía cạnh, chúng ta có thể thấy Trung Quốc rất giống Mỹ về những gì mà nước này đã trải qua trong 125 năm trở lại đây”.

Thomas cho rằng không nên “thổi phồng mối đe dọa của Trung Quốc”. “Đến năm 2020, phần lớn người dân Trung Quốc sẽ sinh sống ở thành thị. Đây sẽ là sự chuyển dịch dân số lớn nhất trong lịch sử nhân loại. Trên thực tế, trước khi trở nên cực kỳ giàu mạnh và tạo ra mối đe dọa đối với Mỹ thì Trung Quốc đã “già” rồi. Vào năm 2036, 20% dân số Trung Quốc sẽ ở vào độ tuổi trên 65 tuổi. Dân số trên 65 tuổi của Mỹ phải mất 60 năm để tăng từ 10% lên 20%, nhưng Trung Quốc chỉ mất 19 năm. Sẽ không nước nào có tốc độ già hóa dân số nhanh đến vậy trong vòng 30 năm tới. Trong 20 năm nữa, Trung Quốc cũng là quốc gia tiềm tàng có thể thách thức Mỹ. Niềm hy vọng hay mối đe dọa mà Trung Quốc tạo ra đối với thế giới lớn hơn bất kỳ một quốc gia nào trong lịch sử. Thế nên tôi hy vọng Trung Quốc và Mỹ xây dựng liên minh chiến lược và tranh thủ đạt thỏa thuận về điều này càng nhanh càng tốt. Vì cùng với việc Trung Quốc càng ngày càng tự tin, thì cái giá để Mỹ xây dựng liên minh chiến lược với nước này càng

ngày càng đắt”.

Thomas đã chỉ ra “điều kiện để Mỹ và Trung Quốc xây dựng liên minh chiến lược”. “Chúng ta đều biết rõ cái giá mà Mỹ và Trung Quốc đưa ra để xây dựng liên minh chiến lược. Trước tiên Mỹ phải hủy bỏ cam kết bảo vệ Đài Loan vô điều kiện. Kiểu điều kiện này rất nguy hiểm, nó có thể khiến Đài Bắc kéo Trung Quốc và Mỹ vào chiến tranh. Để Đài Loan nắm giữ vận mệnh của Mỹ trong tương lai là hết sức không sáng suốt. Anh đã sớm trao trả Hồng Công cho Trung Quốc từ năm 1997. Hiện nay nhiều điều khoản thương mại của Trung Quốc đều xuất phát từ Hồng Công. Sự thay đổi của Hồng Công đối với Trung Quốc đại lục lớn hơn sự thay đổi của Trung Quốc đại lục đối với Hồng Công. Bây giờ mà Mỹ không quyết định thiết lập quan hệ liên minh chiến lược với Trung Quốc là rất không thức thời.”

Vì sao việc xây dựng liên minh chiến lược Trung-Mỹ thậm chí còn có thể là tất nhiên? Vì Trung Quốc và Mỹ đều đang thay đổi. Thomas cho rằng “Mỹ quan tâm đến đến góc nhìn mới đối với thế giới”. “Trong thế kỷ 20, Mỹ quan sát thế giới từ góc độ như sau: Thời đó người Mỹ cho rằng nếu một nước nào giống Mỹ về mặt chính trị thì nước đó là bạn của Mỹ. Mỹ là nước dân chủ, Pháp là nước dân chủ, đương nhiên hai nước này là bạn. Tương tự, người Mỹ cho rằng nếu Mỹ và một nước nào đó khác nhau về chính trị thì hai nước là kẻ thù của nhau. Cách làm này có thể khả thi trong thời kỳ chiến tranh Lạnh. Vì khi đó chính trị quốc tế và kinh tế quốc tế hoàn toàn tách rời nhau. Nhưng hiện nay trong xã hội Mỹ đã xuất hiện một số quan điểm mới về vấn đề bạn-thù. Những người giữ quan điểm mới chủ yếu thuộc thế hệ bùng nổ dân số tiếp theo, tức được sinh ra vào thập niên 80. Họ là con cái của thế hệ sinh ra trong thời kỳ bùng nổ dân số sau Thế chiến II. Đây là thế hệ dân số đông nhất trong lịch sử nước Mỹ, với tổng số

lên đến 83 triệu. Họ lớn lên trong môi trường Internet, khái niệm hữu nghị của họ hoàn toàn khác với thế hệ trước. Khái niệm ấy xuất phát từ sự cân nhắc về nhân tố kinh tế hơn là nhân tố chính trị. Trong tương lai, người Mỹ sẽ có quan điểm coi đồng minh tốt nhất của Mỹ là nước có mối liên hệ mật thiết với Mỹ về kinh tế. Trong cộng đồng quốc tế ngày nay, nước “tư bản” hơn Mỹ chính là Trung Quốc. Tôi dự báo rằng quan hệ Trung-Mỹ trong tương lai sẽ mật thiết hơn quan hệ giữa Mỹ và Nhật Bản.”

Mặc dù trong xã hội do Mỹ chủ đạo, ý tưởng “Mỹ-Trung xây dựng liên minh” của Thomas giành được sự ủng hộ lớn như thế nào, tính khả thi ra sao, nhưng tựu chung đó là lời kêu gọi mang tính khởi đầu xuất phát từ trong lòng xã hội Mỹ, là biểu hiện tích cực của sự giải phóng tư tưởng trong giới chiến lược Mỹ.

Tổng thống Washington sống sót khi nghe nói người Trung Quốc không phải dân da trắng

Trước năm 1830, dường như Mỹ và Canada chưa từng xuất bản ấn phẩm liên quan đến lĩnh vực Đông Á. Dù đến thập niên 80 của thế kỷ 19 thì số lượng cũng không nhiều. Chỉ bắt đầu từ thập niên 90 của thế kỷ 19, các ấn phẩm về phương diện này mới bắt đầu nhiều lên. Sau những năm 40 của thế kỷ 20, số lượng ấn phẩm về Trung Quốc ở Mỹ mới bắt đầu nhiều hơn ở châu Âu. Trong một thời gian dài, quan điểm của Mỹ về Trung Quốc thực chất là quan điểm của châu Âu về Trung Quốc.

Bốn ngày sau cuộc khởi nghĩa Vũ Xương năm 1911, tác giả người Mỹ của bài báo mang tiêu đề “Sự đốt nát của Mỹ và ngũ văn phương Đông” đã đánh giá ngậm ngùi: “Trung Quốc, một đất nước tỉnh ngộ như kỳ tích, một đất nước có số dân chiếm tới 1/4 dân số thế giới, ấy vậy mà trong ban biên

tập báo chí của Mỹ lại không tìm nổi người nào thành thạo tiếng Hoa, cũng không có ai từng tiếp xúc với quốc gia này. Để có những kiến thức trực tiếp và tìm hiểu cách nghĩ của người dân dân tộc vĩ đại này, chỉ có thể dựa vào những tin tức hữu quan được đăng tải trên các xuất bản phẩm ở Thượng Hải và Hồng Công. Thật vô lý và nực cười”.

Năm 1785 sau khi biết người Trung Quốc không phải dân da trắng, Tổng thống Washington đã cảm thấy hết sức sửng sốt. Từ năm 1902, Mỹ mới bắt đầu nghiên cứu Trung Quốc. Năm 1863, chỉ có ba phiên dịch trong tám lãnh sự quán của Mỹ tại Trung Quốc. Tăng cường kết nối các nền văn minh góp phần hóa giải sự xung đột giữa các nền văn minh. Hiểu lầm có thể gây thù chuốc oán nhưng giao lưu và hiểu biết có thể tạo ra bạn bè. Người Mỹ cần có quan điểm đúng đắn về Trung Quốc, ngược lại người Trung Quốc cũng cần có quan điểm đúng đắn về Mỹ. Đào tạo các chuyên gia hiểu biết cả về Trung Quốc và Mỹ ở mỗi nước sẽ đóng góp cho việc thiết lập quan hệ Trung-Mỹ hữu hảo lành mạnh.

Quan điểm “cảnh giác kẻ thù” của Liễu Tôn Nguyên và “nghiên dịch” của Mỹ

Một đất nước do có sự tồn tại của kẻ thù mà duy trì sự cảnh giác và giàu chí tiến thủ. Nhưng nếu mất đi kẻ thù, không có đối thủ và sự cảnh tỉnh, không có cạnh tranh và thách thức, sẽ dễ dàng trở nên buông lỏng mà dẫn đến suy thoái, thậm chí là diệt vong. Hiện tượng này đã xảy ra nhiều lần trong lịch sử. Tác phẩm mang tựa đề “Dịch giới” của nhà văn, nhà triết học nổi tiếng đời Đường Trung Quốc, Liễu Tôn Nguyên, đã làm sáng tỏ sâu sắc đạo lý này.

Dịch giới (nguyên văn)

Giai tri dịch chi thù, nhi bất tri vi ích chi vu; giai tri dịch

chi hại, nhi bất tri vì lợi chi đại. Tần hữu lục quốc, cang cang dĩ cường; lúc quốc ký trừ, di di nãi vong. Tấn bại Sở Yên, phạm văn vi hoạn. Lệ chi bất đồ, cử quốc tạo oán. Mạnh Tôn ác tang, mãnh tử tang tuất; được thạch khứ hĩ, ngô vong vô nhật. Trí năng tri chi, do tốt dĩ nguy; thần chi kim nhân, tăng bất thị tư. Dịch tồn nhi cụ, dịch khứ nhi vũ, phế bị tự doanh, đề ích vi dĩ. Dịch tồn diệt họa, dịch khứ triệu quá. Hữu năng như thử, đạo đại danh bá. Trùng bệnh khắc thọ, cang tráng tử bạo, tung dục bất giới, phỉ ngu y mạo. Ngã tác giới thi, tư giả vô cữu.

Cảnh giác kẻ địch (bản dịch)

Ai cũng biết kẻ địch có mặt thù địch với mình, nhưng không hẳn đã hiểu được rằng kẻ địch cũng có ích cho bản thân. Ai cũng biết kẻ địch có mặt hại nhưng không hẳn đã hiểu được rằng kẻ địch cũng có mặt lợi cho bản thân. Tần có sáu nước là kẻ địch, do đó mới cẩn trọng và phát triển giàu mạnh lên. Sau khi đã tiêu diệt sáu nước, nhà Tần trở nên kiêu căng tự mãn và không lâu sau thì bị diệt vong. Quân đội nước Tấn đánh tan quân Sở ở Yên Lăng, đại phu nước Tấn Phạm Văn Tử cảm thấy lo âu. Tấn Lê Công không nghe lời khuyên răn cần cảnh tỉnh của Phạm Văn Tử, ngày càng ngang tàng, khiến lòng căm thù sôi sục trên cả nước, rốt cuộc bị sát hại. Đại phu nước Lỗ Mạnh Tôn Tốc căm ghét đại phu Tang Tôn Hột. Sau khi Mạnh Tôn Tốc qua đời, Tang Tôn Hột cảm thấy lo âu. Khi đến nhà Mạnh Tôn Tốc để phúng viếng, Tang Tôn Hột khóc lóc đau khổ, nói rằng Mạnh Tôn Tốc căm ghét tôi, đây dường như là liều thuốc bổ có thể giúp tôi chữa bệnh. Bây giờ ông ta chết rồi, không còn thuốc tôi cũng chẳng còn sống được bao lâu nữa.

Người sáng suốt hiểu đạo lý này rồi cuộc cũng có thể lâm nguy, huống chi ngày nay một số người còn không hề suy nghĩ về đạo lý đó. Có kẻ thù thì sợ hãi, không có kẻ địch thì vênh

vào, không lo phòng bị, đắc ý tự mãn, còn gây ra tai họa lớn hơn. Có địch mới có thể đề cao cảnh giác, có thể trừ bỏ tai họa. Không có địch thì tư tưởng buông thả, sẽ dẫn đến sai lầm. Người có thể hiểu đạo lý này sẽ có đức hạnh bao la, thanh danh lan truyền. Người có thể phòng bệnh mới có thể sống lâu. Người cậy mình khỏe mạnh lại dễ chết vì bạo bệnh. Người mặc sức buông thả ham hố mà không biết cảnh giác không phải kẻ nguốc mà là đồ vô lại. Bài “địch giới” do tôi viết này, người nào có thể suy xét đạo lý trong đó thì có thể trừ bỏ sai lầm và tai họa.

Bài văn ngắn “Địch giới” dài 144 chữ này đã làm sáng tỏ ngọn ngành mối quan hệ giữa các sự vật đối lập. Bài văn chỉ ra rằng: Sự tồn tại của kẻ thù tuy có hại, nhưng nếu có quan niệm sâu sắc về kẻ thù, có thể đề phòng kẻ thù, luôn luôn sẵn sàng, quyết chí tự cường, thì có thể biến hại thành lợi. Nếu mất đi mặt đối lập, sẽ quên hết tất cả và chắc chắn sẽ dẫn đến cái họa khôn cùng. Tác giả đã nhấn mạnh tầm quan trọng của ý thức về gian nan khổ cực.

Bài “Địch giới” của Liễu Tôn Nguyên đã nêu lên một phép biện chứng chính trị, tức là khi có quốc gia thù địch, phải đề phòng kẻ thù, luôn luôn sẵn sàng, nhưng khi kẻ thù không còn nữa cũng không được lơ là, buông thả. Như vậy mới có thể bất bại trong thời kỳ cả có địch lẫn không có địch. “Địch giới” của Liễu Tôn Nguyên và “nghịen địch” của Mỹ hoàn toàn khác nhau. Tư tưởng “nghịen địch” của Mỹ là một kiểu chủ nghĩa thực dụng cố ý tạo ra kẻ thù để duy trì mặt đối lập nhằm cổ vũ bản thân, coi những nước vốn không phải kẻ thù lại là kẻ thù để định vị, đối xử và lợi dụng, qua đó đáp ứng nhu cầu chính trị của Mỹ.

Đi theo con đường mới “không có kẻ thù vĩ đại, vẫn có

nước Mỹ vĩ đại

Mỹ là nước không có kẻ thù thì không thể phát triển, không có kẻ thù vĩ đại thì không có đất nước vĩ đại. Vì vậy, tìm kiếm và tạo ra kẻ thù vĩ đại đã trở thành nhiệm vụ chiến lược hàng đầu trong mục tiêu của Mỹ duy trì sự vĩ đại. Một khi không tìm được kẻ thù vĩ đại hay nhất thời không làm được điều này, Mỹ sẽ xuất hiện “sự hoang mang chiến lược” và căn bệnh “thiếu kẻ thù” sẽ thêm trầm trọng. Vì vậy, trên thế giới này, Mỹ bắt buộc phải xác định một quốc gia thù địch nào đó, để nước này phát huy vai trò và góp phần tạo nên sự vĩ đại của nước Mỹ ở vị thế “kẻ thù”.

Trong thời kỳ chiến tranh Lạnh, Mỹ luôn dựa vào luôn bám vào trọng tâm kiềm chế Liên Xô để đề ra chiến lược toàn cầu. Sự sụp đổ của Liên Xô khiến nước Mỹ mất đi đối thủ chiến lược, mà chiến lược bá chủ, tư duy bá chủ và lợi ích bá chủ của Mỹ đòi hỏi phải có một quốc gia thù địch làm cái bìa chiến lược của nước này. Mỹ phải khuyếch đại kẻ thù để hội tụ sức mạnh trong nước, vận động và kiểm soát sức mạnh của nước đồng minh, duy trì thế mở rộng quân sự và chuẩn bị chiến tranh, đảm bảo lợi ích của các tập đoàn sản xuất vũ khí. Vì vậy mặc dù Liên Xô tan rã khiến người Mỹ hả hê trong giây lát, nhưng rồi sẽ nhanh chóng xuất hiện cảm giác mất mát sâu sắc, mắc phải chứng bệnh rầu rĩ thiếu kẻ thù. Chính sách và công việc mọi mặt của Mỹ mất đi phương hướng. Tinh thần tiến thủ trong chiến đấu của những con người ưu tú Mỹ bị giảm sút và nước Mỹ thiếu đi sức sống. Mỹ phải nhanh chóng tìm ra một kẻ thù trên thế giới. Trong khi đó, chủ nghĩa khủng bố trở thành kẻ thù của Mỹ không thể khóa lấp khoảng trống trong tư duy chiến lược của người Mỹ. Ngoài kẻ thù hiện thực đang phải đối mặt hiện nay, người Mỹ cảm thấy bắt buộc phải tìm ra một quốc gia thù địch tiềm tàng đóng vai trò như một kẻ thù tiềm tàng nặng ký của Mỹ về mặt lâu dài.

Cường quốc số một thế giới như Mỹ phải có một nước lớn có thể đối trọng với họ làm kẻ thù, mới có thể đáp ứng nhu cầu chiến lược của Mỹ với kẻ thù. Thế nhưng thời thế đã không còn như trước nữa, tư duy chiến lược truyền thống “không có kẻ địch, không có động lực” của Mỹ phải thay đổi.

Một quốc gia phải có ý thức về hoạn nạn, nhưng đó không phải ý thức “gây thù chuốc oán” của con người. Một quốc gia có quan niệm về thù địch, phải nhìn thấy kẻ thù của mình. Nhưng kẻ thù ấy phải là thực chứ không phải hư, phải là khách quan chứ không phải chủ quan. Nếu kẻ thù được sử dụng là hư cấu, kẻ thù nhằm vào không phải là kẻ thù tồn tại khách quan thực sự, mà là kẻ thù được tạo ra theo nhu cầu chủ quan, thì kiểu tư duy và hành vi lấy “kẻ thù chủ quan” thay thế “kẻ thù khách quan”, “không có kẻ thù mà cố tình tạo ra kẻ địch”, “coi người không phải kẻ thù lại là kẻ thù”, cuối cùng sẽ dẫn đến kết quả hại mình, hại người và hại cả thế giới.

Trong chính trị quốc tế, vấn đề “kẻ thù” còn tồn tại một quan hệ quan trọng phải làm rõ, đó là mối quan hệ giữa “kẻ thù của quốc gia” và “kẻ thù của thời đại”. Là một quốc gia bá chủ, luôn liệt những quốc gia và sự vật không phù hợp với lợi ích bá chủ của mình vào phạm trù “kẻ thù”, nhưng bản thân bá chủ lại chính là kẻ thù của thời đại, kẻ thù của thế giới. Trên thế giới bá chủ không được nhân tâm, trong cộng đồng quốc tế nước bá chủ không được “quốc tâm”, nước bá chủ là nước trở thành kẻ thù của thế giới.

Trong thời đại mà hòa bình, phát triển và hợp tác trở thành xu hướng chủ đạo trên thế giới, giữa các nước với nhau, đặc biệt các nước lớn, vẫn có quan hệ cạnh tranh, dẫn đến quan hệ đối thủ, quan hệ đối thủ giữa các nước lớn không nhất thiết phải dấu diếm, Nhưng “đối thủ” không phải là “địch thủ”, “đối thủ” không phải là “kẻ thù”, “đối thủ cạnh tranh

chiến lược” không phải là “địch thù hay kẻ thù”.

Không có kẻ thù vĩ đại, không có nước Mỹ vĩ đại, đây có thể chính là câu chuyện của nước Mỹ trong dĩ vãng. Nhưng Mỹ đã đi hết trên con đường thành công dựa vào kẻ thù vĩ đại để duy trì nước Mỹ vĩ đại đó. Nếu tiếp bước trên con đường này, nước Mỹ không những không trở nên vĩ đại mà còn có khả năng rơi vào tình trạng cô độc và suy yếu.

Nước Mỹ đã tiến đến một bước ngoặt lịch sử phát triển, đó là phải đi theo con đường mới “không có kẻ thù vĩ đại, vẫn có nước Mỹ vĩ đại”. Mỹ phải học cách có thể xây dựng một nước Mỹ vĩ đại trong bối cảnh không có kẻ thù vĩ đại. Đây là một vấn đề quan trọng và mới mẻ trong sự đổi mới chiến lược của Mỹ.

7. Mỹ: Nhà nước nửa dân chủ

Muốn loại bỏ sự ảo tưởng về nước Mỹ, phải nhận thức được tính chất nhà nước của Mỹ. Mỹ là nước như thế nào? Người Mỹ nói họ là nước dân chủ kiểu mẫu trên thế giới. Sự xác định này chỉ đúng có một nửa. Mỹ không phải là nước dân chủ triệt để theo ý nghĩa hoàn chỉnh, mà là nước dân chủ nửa vời hoặc nói cách khác là nước bán dân chủ.

Định nghĩa “nhà nước dân chủ”

“Dân chủ” trong đặc trưng của bản chất một nhà nước dân chủ bao gồm nội dung trên hai phương diện: Một là áp dụng chính sách đối nội dân chủ trong nước, không đi theo chủ nghĩa cực quyền; Hai là áp dụng chính sách đối ngoại dân chủ trên thế giới, không đi theo chủ nghĩa bá quyền. Một nhà nước dân chủ thực sự, vừa là nhà nước phi quân chủ trong nước vừa phi bá chủ trên thế giới; vừa là nhà nước phi cực

quyền trong nước, vừa phi bá quyền trên thế giới. Một đất nước nếu chỉ thực hiện dân chủ trong nước, mà trên thế giới làm bá chủ, thực hiện chuyên chế, vậy nước đó nhiều nhất chỉ có thể là đất nước dân chủ nửa vời. Vì thế người Mỹ nói họ là đất nước dân chủ tức là tự đề cao mình, đánh giá không đúng về mình. Mỹ là nước dân chủ nửa vời, đó là sự xác định khoa học tính chất nhà nước của Mỹ. Đánh giá một nhà nước có phải dân chủ hay không, không những phải xem nước này có thực thi chế độ dân chủ trong nước hay không, mà còn phải theo dõi nước đó có áp dụng cơ chế dân chủ trong ngoại giao quốc tế hay không. Tức là chỉ có những nước vừa xây dựng nhà nước dân chủ trong nước, vừa thiết lập thế giới dân chủ trong cộng đồng quốc tế mới là nhà nước dân chủ thực sự theo ý nghĩa hoàn chỉnh.

“Một nước hai chế độ” mang đặc sắc Mỹ

Từ khi lập nước đến nay, Mỹ là một đất nước “mâu thuẫn”. Mâu thuẫn nổi bật của nước này là vấn đề “một nước hai chế độ”. Trong khoảng thời gian từ khi lập nước đến nội chiến, vấn đề “một nước hai chế độ” của Mỹ được thể hiện bằng sự mâu thuẫn và đấu tranh giữa hai chế độ nô lệ ở miền Nam và chủ nghĩa tư bản ở miền Bắc. Cuối cùng, mâu thuẫn này được giải quyết thông qua cuộc chiến tranh Nam Bắc. Từ sau khi kết thúc Chiến tranh Thế giới thứ hai đến nay, vấn đề “một nước hai chế độ” của Mỹ lại được biểu hiện nổi bật bằng sự mâu thuẫn giữa hai chế độ trong ngoài có tính chất khác nhau khi thực hiện chế độ dân chủ trong nước và thực hiện chế độ bá quyền trên thế giới.

“Một nước hai chế độ” giai đoạn đầu tiên của Mỹ, từ khi lập nước đến kết thúc chiến tranh Nam Bắc, kéo dài gần 100 năm. Chiến tranh Nam Bắc bảo đảm sự thống nhất của Mỹ và xóa bỏ chế độ nô lệ, giải quyết mâu thuẫn giữa chế độ dân

chủ trong nước và chế độ nô lệ. Các lớp người trước thuộc giai cấp tư sản Mỹ đã thúc đẩy lợi nhuận khổng lồ từ hoạt động mua bán nô lệ, thiết lập một khu vực kinh tế trồng trọt đặc biệt dựa trên chế độ nô lệ ở nửa bên kia của nước Mỹ. Khi đó các bang miền Bắc chủ yếu phát triển công thương nghiệp, thực hiện chế độ chủ nghĩa tư bản tự do, trong khi đó các bang miền Nam tiến hành trồng trọt là chính, duy trì chế độ nô lệ da đen do các chủ nông trường kiểm soát. Nước Mỹ sau khi giành độc lập, đầu tiên thiết lập chế độ liên bang, sau đó lại xây dựng lại chế độ này, do giai cấp tư sản và giai cấp nô lệ chủ đồn điền cùng nhau chấp chính. Chính quyền này là sự kết hợp tạm thời giữa hai chế độ và hai lực lượng. Kết quả cuộc điều tra dân số đầu tiên vào năm 1790 cho thấy cứ sáu người Mỹ thì có một nô lệ. Khi nội chiến bùng phát, cứ tám người thì có một nô lệ. Khi Thomas Jefferson soạn thảo bản tuyên ngôn độc lập, trong đồn điền của ông còn có hơn 200 nô lệ. Khi đề cập tất cả mọi người đều có quyền bình đẳng, có lẽ ông không tính đến những người da đen. Tuy nhiên, chính tư tưởng bình đẳng và nhân quyền tất yếu trở thành thứ vũ khí tư tưởng của những người nô lệ da đen trong quá trình đấu tranh đòi tự do và giải phóng sau này. Khi George Washington mất năm 1799, ông cho tất cả nô lệ của mình được quyền lựa chọn con đường của họ. Jefferson khi qua đời năm 1826 cũng trả tự do cho nô lệ. Năm 1860, miền Nam nước Mỹ có 9 triệu dân, trong đó có 4 triệu người da đen. Những mâu thuẫn, xung khắc và xung đột giữa hai chế độ khác nhau ở miền Nam và miền Bắc đã khiến chiến tranh Nam Bắc bùng phát. Karl Marx từng chỉ ra rằng cuộc đấu tranh giữa hai miền Nam Bắc này chính là cuộc đấu tranh giữa chế độ nô lệ và chế độ lao động tự do. Sở dĩ đấu tranh bùng phát vì hai chế độ này không thể dung hòa với nhau trên lục địa Bắc Mỹ nữa. Nó chỉ có thể được kết thúc bằng chiến

thắng của một trong hai chế độ.

Nguyên cơ chia cắt đất nước trong thời kỳ chiến tranh Nam Bắc ở Mỹ là do mâu thuẫn bắt nguồn từ tình trạng “một nước hai chế độ” của Mỹ tạo ra. Mà nước Mỹ có thể giành được thắng lợi thống nhất đất nước là do cuộc chiến tranh Nam Bắc, trong mục tiêu thống nhất đất nước, bao gồm cả nội dung giải phóng nô lệ, khiến cuộc chiến thêm phần thiêng liêng. Khi chiến tranh nổ ra, miền Bắc có 21 triệu dân, miền Nam có 9 triệu. Ngày 1/1/1863, Tổng thống Abraham Lincoln ký “tuyên ngôn giải phóng”, mang lại cho cuộc chiến tranh Nam Bắc sức mạnh và giá trị đạo lý to lớn. Cuộc chiến vừa nhằm thống nhất đất nước, vừa vì sự tự do và tôn nghiêm của nhân loại. Bản tuyên ngôn đã mở ra kỷ nguyên mới trong lịch sử nước Mỹ, làm chấn động thế giới, khiến bất cứ cường quốc nào ở châu Âu đều không dám ủng hộ miền Nam để rồi thân mang tội bất nghĩa. Vài triệu nô lệ trở thành người tự do, trong hàng ngũ quân đội miền Bắc có 210.000 binh sĩ da đen. Có 500 nghìn nô lệ da đen trốn chạy khỏi đồn điền.

“Một nước hai chế độ” giai đoạn thứ hai của Mỹ bắt đầu từ sau khi Mỹ trở thành bá chủ toàn cầu sau thắng lợi trong Thế chiến II, được biểu hiện qua hai bộ mặt dân chủ đối nội và bá chủ đối ngoại.

Thế nên chúng ta mới nói rằng Mỹ trước sau là “một nước hai chế độ”. Trước khi xóa bỏ chế độ nô lệ, Mỹ là nước tồn tại chế độ nửa nô lệ, nửa dân chủ. Sau Thế chiến II, Mỹ là nước có chế độ nửa dân chủ, nửa bá quyền. “Một nước hai chế độ” mang đặc sắc Mỹ đã quyết định việc Mỹ chỉ có thể thuộc loại “nhà nước bán dân chủ”. Muốn trở thành nhà nước dân chủ thực sự, Mỹ buộc phải giải quyết mâu thuẫn giữa nền dân chủ trong nước và sự chuyên chế quốc tế.

Mỹ không thể mãi duy trì trạng thái “nửa dân chủ, nửa

bá quyền ”

Ngày 16/6/1858, trong bài diễn văn đầu tiên của chiến dịch tranh cử tại thượng viện bang Illinois, Lincoln nói: “Căn phòng bị rạn nứt không thể đứng vững. Tôi tin rằng chính phủ này không thể duy trì trạng thái nửa nô lệ nửa dân chủ”. Nước Mỹ của thế kỷ 21 cũng không thể một nửa đối nội dân chủ, một nửa đối ngoại bá quyền.

Ngày nay, người ta có thể nói rằng nước Mỹ rạn nứt không thể đứng vững. Nước Mỹ không thể mãi duy trì trạng thái “nửa dân chủ, nửa bá quyền”. Trạng thái “nửa dân chủ, nửa chuyên chế”, thực hiện dân chủ trong nước và thi hành bá quyền trên thế giới, không thể duy trì lâu dài được.

Mỹ từ một nhà nước có chế độ nửa dân chủ nửa nô lệ đến chế độ dân chủ thống nhất đất nước, đó là lần thay máu thứ nhất. Mà giải quyết mâu thuẫn giữa dân chủ trong nước và bá quyền thế giới là lần thay máu thứ hai của Mỹ. Là một thực thể chứa đựng sự mâu thuẫn giữa hai chế độ dân chủ và chế độ nô lệ tồn tại song song, Mỹ là nhà nước bán dân chủ; Là một thực thể chứa đựng sự mâu thuẫn giữa dân chủ trong nước và bá quyền thế giới tồn tại song song, Mỹ vẫn là nhà nước bán dân chủ. Chỉ có tiến hành hai đợt thay máu, Mỹ mới có thể trở thành nhà nước dân chủ theo ý nghĩa hoàn chỉnh. Muốn xây dựng một nước Mỹ kiểu mới, trở thành nhà nước dân chủ triệt để, Mỹ bắt buộc phải xoá bỏ “hai chế độ”: Một là chế độ nô lệ của quan hệ đối nội, hai là chế độ bá quyền trong quan hệ quốc tế. Hiển nhiên, đây sẽ là cuộc cách mạng có ý nghĩa sâu rộng nhất đối với cả Mỹ lẫn thế giới.

Nếu nói chiến tranh độc lập là cuộc cách mạng đầu tiên của Mỹ, là cuộc cách mạng dân tộc đánh đổ sự thống trị của thực dân Anh và tranh thủ độc lập, và chiến tranh Nam Bắc là cuộc cách mạng thứ hai của Mỹ, cuộc cách mạng dân chủ duy trì sự thống nhất liên bang, xoá bỏ chế độ nô lệ, thì cuộc cách

mạng thứ ba chính là cuộc cách mạng ngoại giao thay đổi chính sách đối ngoại của chủ nghĩa bá quyền Mỹ, là một đợt cách mạng biến chuyển Mỹ từ nước bá quyền thành nước phi bá quyền.

Mỹ lấy việc thúc đẩy dân chủ trên thế giới làm ngọn cờ đầu, mà “dân chủ quốc tế” và “dân chủ trong nước” là hai phương diện trong quá trình thúc đẩy dân chủ hoá thế giới. Làm tốt cuộc cách mạng thứ ba của Mỹ, thực hiện sự chuyển biến trọng đại đối với tính chất nhà nước của Mỹ, là một khâu quan trọng trong tiến trình dân chủ hoá thế giới.

Trong cạnh tranh, có kiểm chế mới có dân chủ. Một nước Mỹ không có kiểm chế thì ắt là một nước Mỹ lộng hành. Nước Mỹ dân chủ phải có thế giới dân chủ kiểm chế. Nếu trên vũ đài thế giới xuất hiện cục diện độc quyền, mất đi sự giám sát, không có sự kiểm chế đối với quốc gia siêu cường, sẽ xuất hiện tình trạng chuyên chế quốc tế. Có cơ chế nhiều nước cạnh tranh mới có nền chính trị thế giới dân chủ. Sau khi kết thúc Chiến tranh Lạnh, Mỹ gia tăng thực hiện bá quyền, bạo ngược và đơn phương hoá là vì không có đối thủ cạnh tranh. Muốn ngăn chặn sự lộng hành và biến chất của siêu cường, ngăn chặn xu hướng hùng mạnh trở thành cường quyền, phải tạo ra cục diện nước lớn trỗi dậy, anh theo tôi đuổi và cạnh tranh lành mạnh trong cộng đồng quốc tế.

CHƯƠNG 7

NƯỚC LỚN TRỖI DẬY PHẢI CÓ QUÂN ĐỘI HÙNG MẠNH

Trong thế kỷ 21, Trung Quốc muốn trỗi dậy, đối phó với mối đe dọa của Mỹ, đảm bảo không xảy ra đại chiến Trung-Mỹ, thì phải sở hữu quân đội hùng mạnh. Đây là sự đầu tư cho an ninh, đầu tư cho phát triển và đầu tư cho trỗi dậy mà Trung Quốc phải thực hiện. Trung Quốc phải biến một phần sức sản xuất thành sức chiến đấu, biến một phần tài sản thành khả năng quân sự và biến một số “túi tiền” thành “túi đạn”.

1. “Phục hưng vĩ đại” kêu gọi “tinh thần thượng võ”

Từ mùa thu năm 1894 tại Đan Hương, Tôn Trung Sơn thành lập “Hưng Trung hội” và đề ra khẩu hiệu “Chấn hưng Trung Hoa”, đến cuối thế kỷ 20 lãnh tụ Đảng Cộng sản Trung Quốc đề ra mục tiêu “Tiến hành cuộc phục hưng vĩ đại dân tộc Trung Hoa”, một thế kỷ trở lại đây, dân tộc Trung Hoa đã đấu tranh, nỗ lực phấn đấu trên con đường chấn hưng và phục hưng. Giờ đây Trung Quốc đang trỗi dậy, công cuộc phục hưng đang được tiến hành, dân tộc vẫn cần phải nỗ lực. Mà thực hiện cuộc phục hưng vĩ đại của dân tộc Trung Hoa, phải phục hưng tinh thần thượng võ của dân tộc Trung Hoa.

Trong các thời kỳ lịch sử khác nhau, tinh thần thượng võ mang những hàm ý khác nhau. Trong thế kỷ 21, tinh thần thượng võ của Trung Quốc trong tiến trình trỗi dậy mạnh mẽ và phục hưng vĩ đại, là tinh thần dám xông pha vì sức sống và sự sinh tồn của dân tộc, là tinh thần dám tăng cường sức mạnh quân đội vì sự nghiệp phục hưng vĩ đại của đất nước và là tinh thần dám tiến hành chiến tranh vì hoà bình và phát triển.

Trung Quốc thời Hán Đường: “Trung Quốc anh hùng”

Ngày 23/6/1924 khi tiếp đại diện công đoàn của Philíppin, Tôn Trung Sơn nói: “Hai nghìn năm trước, Trung Quốc cực mạnh, không chỉ hùng cứ phương Đông mà còn uy chấn châu Âu”.

Từ hai nghìn năm trước Trung Quốc đã có thể hùng cứ phương Đông, nền tảng của sự “hùng cứ” này chính là tinh thần thượng võ. Trong các thời đại khác nhau, tinh thần thượng võ của dân tộc Trung Hoa có các nhân vật đại diện và hình thức biểu hiện khác nhau. Mà trong thời đại đặt nền móng và thời đại cao điểm, có ba nhân vật anh hùng đóng những vai trò mang tính cột mốc đối với sự hình thành tinh thần thượng võ và sự sáng tạo văn hoá thượng võ của dân tộc Trung Hoa.

Đầu tiên là Tần Thủy Hoàng. Ông tập trung truyền thống thượng võ của quá trình chinh chiến kéo dài thời Xuân Thu ngũ bá và Chiến quốc thất hùng, bình định sáu nước trong chiến tranh thống nhất Trung Quốc, tiến hành thống nhất thiên hạ. Là vị hoàng đế thiên cổ thống nhất Trung Quốc bằng vũ lực, thực tiễn thành công trong công cuộc thống nhất thiên hạ của Tần Thủy Hoàng đã chứng minh đạo lý: Không có tinh thần thượng võ thì không có sự thống nhất Trung Quốc. Tinh thần thượng võ của Tần Thủy Hoàng thể hiện nổi bật ở sự “thượng thống”, tức chủ trương thống nhất đất nước, tiến hành thống nhất thiên hạ.

Người thứ hai là Hán Vũ Đế. Tính cách dân tộc mà ông thể hiện ra không chỉ là yêu chuộng hòa bình mà còn không sợ chiến tranh. Văn hóa chính trị ngoại giao và quân sự của Hán Vũ Đế không chỉ là văn hóa “hòa thân” mà còn là văn hóa chinh phạt, không chỉ là văn hóa phòng ngự mà còn là văn hóa tấn công. Trung Quốc thời Hán Vũ Đế nếu chỉ yêu chuộng hòa bình mà không dám tiến hành chiến tranh, nếu chỉ dựa vào “hòa thân” và phòng ngự, thì kết quả không phải là quân Hung Nô bị đánh đuổi mà là Trung Nguyên phải chịu ách nô dịch. Thực tiễn thành công của Hán Vũ Đế qua việc lấy vũ lực đánh bại Hung Nô, lấy tấn công trừ bỏ quốc hoạn đã chứng minh một đạo lý: Không có tinh thần tấn công, về căn bản khó

có thể loại trừ mối ưu lo về sự sinh tồn của dân tộc, khó có thể giúp đất nước giành quyền chủ động chiến lược để tồn tại lâu dài và phát triển ổn định. Tinh thần thượng võ trong Hán Vũ Đế được biểu hiện nổi bật ở tinh thần tấn công và tinh thần viễn chinh. Mà Trung Quốc từ sau đời Tống, do thiếu tinh thần tấn công và tinh thần viễn chinh này nên bờ cõi liên tục bị xâm phạm, rối cuộc luôn ở trong tình trạng tranh cãi không ngớt, kiểm chế và trì hoãn giữa chủ hòa và chủ chiến, đi đến chỗ thất bại và diệt vong trong sự thỏa hiệp bị động tiêu cực, nhẫn nhịn và bất lực.

Người thứ ba là Đường Thái Tông Lý Thế Dân. Trong lịch sử Trung Quốc, nhà Đường được gọi là “Đại Đường”. Cái “đại” của Đại Đường không chỉ được thể hiện ở lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên dồi dào và tư tưởng khoáng đạt mở cửa với thế giới, mà còn là sự “hùng mạnh” vô song trên thế giới khi đó. Vào thời thịnh Đường “vạn quốc lai triều” (nhiều nước đến cống nạp), chứng tỏ cái ân (sức mạnh mềm) và cái uy (sức mạnh cứng) của nhà Đường đều đạt đến mức tột đỉnh. Sự huy hoàng của Đại Đường trong lịch sử Trung Quốc đã chứng minh một đạo lý: Thượng võ phải thượng cường, một dân tộc thượng võ nhất định phải là một dân tộc thượng cường, không chỉ là một dân tộc “thượng phú”. Nếu chỉ tôn sùng của cải, không thể kết hợp giữa phú và cường thì kết quả ắt sẽ là càng giàu càng nguy.

Tần Hoàng nhất thống, Hán Đường hùng phong, không chỉ lập nên công trạng đương thời mà còn gây dựng cơ nghiệp ngàn thu. Các thời kỳ hoàng kim trong lịch sử Trung Quốc đều được tạo nên bởi sức mạnh vũ trang, được xây dựng trên cơ sở thiện chiến thượng võ và hùng mạnh quân sự. Khí phách ngạo nghễ dẹp tan sáu nước của Tần Thủy Hoàng, sự quyết đoán lấy công làm thủ, viễn chinh vạn dặm mà Hán Vũ Đế thể hiện trong cuộc thảo phạt Hung Nô và tư tưởng hào hùng mở ra cục diện “vạn quốc lai triều” bằng võ công cái thế của Đường Thái Tông, đã thể hiện tính chiến đấu quý báu của dân tộc Trung Hoa. Đó là cái gien trong tinh thần thượng võ

của dân tộc Trung Hoa. Người đời sau do tính chiến đấu của tổ tiên suy yếu nên kết quả phải chịu bao tủ nhục. Tính chiến đấu của dân tộc Trung Hoa thay đổi đã dẫn đến nhiều bi kịch trong lịch sử. Chỉ sau khi Đảng Cộng sản Trung Quốc bước lên vũ đài lịch sử Trung Quốc thì tính chiến đấu của dân tộc Trung Hoa mới lại được nêu cao và phát huy.

Có thể nói tinh thần thượng võ của dân tộc Trung Hoa được thể hiện đầy đủ trong tinh thần thống nhất đất nước của Tần Thủy Hoàng, tinh thần viễn chinh tấn công của Hán Vũ Đế, tinh thần lập quốc, cường quốc bằng sức mạnh quân sự của Đường Thái Tông và tinh thần chiến đấu cứu quốc, vệ quốc bằng chiến tranh chính nghĩa của Mao Trạch Đông.

Có một câu nói hài hước: Có một người chủ trương thay đổi con vật biểu tượng của Trung Quốc từ “rồng” thành “gấu trúc”. Lý do là “long” của Trung Quốc trong tiếng Anh là “dragon”, nghĩa tiếng Anh là con vật khổng lồ đầy hung hãn và bạo ngược. Rồng trong thiên hạ khiến người khác cảm thấy bị đe dọa, bất an. Rồng đại diện cho Trung Quốc cổ đại. Còn bây giờ lấy gấu trúc để làm con vật biểu tượng của Trung Quốc. Vì gấu trúc hiền lành, không có khả năng tấn công, khiến mọi người yêu quý. Cuộc tranh cãi về biểu tượng rồng này vẫn còn nhiều ngụ ý.

Gấu trúc thể hiện sự may mắn nhưng không đại diện cho sự an toàn. Gấu trúc Trung Quốc là động vật có nguy cơ tuyệt chủng, có thể sinh sôi và phát triển dựa vào sự bảo vệ đặc biệt của nhà nước, mà sự an toàn và trỗi dậy của một nước lớn thì không có người nào khác có thể che chở để đạt được.

Tinh thần thượng võ là trụ cột và cốt cán của nền tảng tinh thần và văn hóa của nhà nước và dân tộc. “Văn hóa” mà không có “võ hóa”, văn hóa mà không có tinh thần thượng võ thì chỉ là một khối mỡ văn hóa mà thôi. Muốn thực hiện cuộc chấn hưng vĩ đại của dân tộc Trung Hoa, phải phục hưng tinh thần thượng võ, chấn hưng sự hùng phong của Hán Đường.

Trung Quốc từ sau thời nhà Tống: “Trung Quốc nhu

nhược”

Ưu thế thiên chiến thượng võ của dân tộc Trung Hoa phát huy bình thường từ thời Đường trở về trước, nhưng sau này tinh thần ấy đã bị phai nhạt và suy yếu. Từ “quân tử” từng hàm chứa ý nghĩa “dũng sĩ” trong thời Tiên Tần, về sau đã trở thành đại danh từ “người khiêm tốn” mang ý nghĩa nho nhã yếu đuối. Nhiều người cai trị trong lịch sử chú trọng phát triển giáo dục, cả dân tộc vui đầu làm kinh tế, những con người ưu tú vui đầu nghiên cứu sách vở, bao nhiêu sinh lực đều dồn cả vào sách vở nho gia. Đối ngoại thì thỏa hiệp nhượng bộ, triết học chủ hòa trở thành triết học chủ đạo, phe chủ hòa phần lớn là phe chủ đạo, phe chính. Kết quả là giang sơn tươi đẹp bị kẻ địch dày xéo, tài sản văn minh trở thành con mồi của những kẻ mạnh, đến nỗi trong thời kỳ kháng chiến chống Nhật, lãnh tụ hoa kiều ái quốc Trần Gia Canh nói với phe chủ hòa, phe đầu hàng: “Địch chưa đến mà đòi giảng hòa thì là Hán gian”. Khi làm hiệu trưởng ở Đại học Bắc Kinh, Thái Nguyên Bồi cũng đặc biệt nhấn mạnh phải đào tạo bồi dưỡng tinh thần thượng võ cho học sinh, đảo ngược mặt nhu nhược trong văn hóa của Trung Quốc. Nhà Tống là một bước ngoặt của sự nhược hóa trong tinh thần thượng võ của dân tộc Trung Hoa. Sự giáo huấn tinh thần thượng võ của nhà Tống thể hiện ở năm phương diện:

- Quốc sách cơ bản trọng văn khinh võ. Cách thức Nhà Tống lập nước khác với nhà Hán, nhà Đường. Triệu Khuông Dẫn thông qua cuộc binh biến Trần Kiều mà đăng cơ. Ông ta rút ra bài học từ việc quân đội lập hoàng đến trong thời kỳ ngũ đại, nhằm kiểm soát quân quyền, ngăn ngừa chính biến quân sự, ông ta áp dụng quốc sách trọng văn khinh võ. Nhà Tống thực hiện nguyên tắc “văn nhân quản binh”, chính quyền tôn trọng ưu đãi quan văn trong khi coi khinh và chèn ép quan võ. Lưu Khắc Trang thời Nam Tống có bài thơ viết: “Tiên hoàng lập quốc dụng văn nho, kỳ sĩ đa vi bút mực câu”. Nhà Tống tuy có thể tạm thời thống nhất trung nguyên, nhưng trước sau không thể xây dựng sức mạnh nhà nước cường thịnh như thời

Tùy Đường, không có phong thái và khí phách của một đế quốc lớn, luôn ở thế an phận, không thể giải quyết hoạn ngoại xâm và chống xâm lược, tạo nên sự tương phản rõ nét giữa “cường Đường” và “nhược Tống”.

- Sai lầm trong tư tưởng chiến lược. Điều này được thể hiện nổi bật qua chủ trương “tiền Nam hậu Bắc” và “định đô ở Khai Phong”. Triệu Khuông Dã khi lập nước không tiếp tục áp dụng chiến lược Bắc phạt của Chu Thế Tông (Hậu Chu), mà đi nghe lời Triệu Phổ, đưa ra một quyết sách quan trọng nhưng không sáng suốt là thay đổi chiến lược Bắc phạt ban đầu, áp dụng kế hoạch tác chiến tiền Nam hậu Bắc. Vì khi đó các nước ở miền Nam tương đối nhược tiểu, dễ chinh phục, trong khi nước Liêu ở miền Bắc lại khá hùng mạnh, khó lòng đánh bại, do vậy mà thấy dễ làm trước. Đây thực sự là quyết định sai lầm, dời binh định xong miền Nam rồi mới thảo phạt miền Bắc thì binh lực đã cùng kiệt, cơ hội chiến lược đã tuột qua, nên nhà Tống đánh mất cơ hội thống nhất miền Bắc, chính quyền yên phận cũng trở nên nhu nhược. Tống Thái Tổ dời binh định xong miền Nam mới bắt đầu thảo phạt phương Bắc, khi còn sống ba lần tấn công đều thất bại. Chính trị gia phải nhân lúc sĩ khí cực thịnh, quốc uy cực lớn vào lúc lập quốc mà tấn công kẻ địch mạnh trước tiên. Nguyên nhân quan trọng của việc Nhà Tống trước sau yên phận, không thể thống nhất cả nước Trung Quốc, chính là sự sai lầm trong quyết sách chiến lược tiền Nam hậu Bắc. Mà việc nhà Tống định đô ở Khai Phong, xét từ quan điểm địa chiến lược, là một quyết sách không thích hợp. Vì trong tình hình khi đó, nếu kẻ địch sử dụng kỵ binh đánh thẳng xuống, chỉ mất hai đến ba ngày là có thể đến bờ bắc sông Hoàng Hà. Mà Khai Phong nằm ở bờ nam Hoàng Hà, địa hình bằng phẳng không có thể phòng thủ. Do trong thời Ngũ Đại Khai Phong luôn được đặt làm kinh đô, nơi này lại có đường thủy thuận tiện, trong khi Trường An, Lạc Dương lại bị tàn phá nặng nề trong chiến tranh, nên đó là lý do của quyết định đóng đô ở Khai Phong, nhưng là quyết sách lấy lợi trước mắt để cầu an, reo rắc hậu họa cho nhà Tống.

- Thiếu cơ chế chiến lược. Điều này thể hiện ở sự “cường cán nhược chi” và “kiểm soát phân quyền”. Nhà Tống áp dụng thể chế tập quyền trung ương, làm suy yếu địa phương. Châu huyện địa phương không những không có quân lực để tự vệ mà cũng không có tài lực để xây dựng. Đặc biệt ở phương diện binh dịch, binh lính chủ yếu được chiêu mộ, mà đến tòng quân là những kẻ liều mạng, tố chất không tốt. Sau đó những kẻ tướng đối tốt được đưa đến tập trung tại đô thành, gọi là “cấm quân”, những kẻ kém cỏi còn lại được phân về địa phương, gọi là “tướng quân”, những người này không hề có sức chiến đấu nhưng cũng ăn cơm lính như nhau. Ngoài ra, đến tội phạm cũng được đưa vào trại làm lính, đây chính là nguồn gốc của từ “sung quân”. Trong Thủy Hử có nhiều phần miêu tả về phương diện này. Nhà Tống thực hiện nguyên tắc kiểm soát phân quyền, nhưng do kiểm soát quá mức mà gây bất lợi. Giữa vua, tể tướng và quan ngự sử thực hiện kiểm soát nhưng không cân bằng, dẫn đến nền chính trị bị tê liệt. Uy quyền của tể tướng thời nhà Tống kém xa so với thời nhà Đường, không được hỏi trước về tình hình quân chính, mà quyền ra quân lệnh lại thuộc về Viện khu mật (như bộ tham mưu). Vấn đề tài chính do ba ti (Ti bộ hộ, Ti diêm thiết, Ti độ chi sứ) quản lý, không chịu sự chi phối của tể tướng. Quan ngự sử quyền uy lớn, có thể phê phán về bất cứ vấn đề nào. Triệu Khuông Dẫn có lời thề: “Không giết đại thần và quan ngự sử”. Do đó họ không biết sợ là gì, dám khởi lên những cuộc tranh luận kịch liệt, khiến chính phủ khó có thể đưa ra quyết sách trong lúc nguy cấp. Câu nói “người Tống chưa bàn xong thì quân đã vượt sông” đã lột tả hết thực tế này.

- Sự xa rời giữa học thuyết quân sự và thực tiễn quân sự. Nhà Tống tuy nhu nhược và không thịnh vượng, cuối cùng bị diệt vong bởi nạn hoạn ngoại xâm, nhưng có một điều lạ là Bắc Tống có trình độ phát triển đáng kinh ngạc trên hai phương diện võ học và binh thư, thể hiện sự phồn thịnh chưa từng có tiền lệ. Chính quyền Bắc Tống mở trường vũ học, đặt định mức võ kinh, sau đó phát triển đến mức các châu huyện

đều lập trường võ học, đồng thời tạo ra học vị tiến sĩ võ học. Vua ra lệnh biên soạn binh thư thứ bảy của Tôn Tử làm sách giáo khoa chuẩn, trở thành “ngũ kinh thất thư” lưu truyền hậu thế. Ở thời Bắc Tống, văn nhân luận binh trở thành một nếp sống. Sau khi rời đô về phương Nam, nếp sống này vẫn thịnh hành. Chỉ tiếc là vào thời nhà Tống, những người có tài luận binh tuy nhiều, song những người thực sự có tài dụng binh thì ít. Một nhà Tống nhu nhược và không thịnh vượng để lại một khối lượng binh thư nhiều hơn bất cứ một triều đại nào trước đây. Điều này tất nhiên là do nhà Tống phát minh ra kỹ thuật in ấn, đặc biệt vào năm 1045 khi Tất Thăng phát minh ra bản chữ in linh hoạt, khiến thư tịch quân sự đời Tống lưu lại nhiều hơn cho hậu thế. Nhưng điều này cũng chứng tỏ một điều rằng lý luận quân sự đời Tống mạnh mà thực tiễn quân sự kém, chỉ là một mớ lý thuyết xuống.

- Sự đối lập giữa số lượng và chất lượng của quân đội. Nhà Tống là vương triều giàu có nhất trên thế giới, nhưng không phải là vương triều nước giàu quân mạnh mà là vương triều nước giàu quân yếu. Quân đội nhà Tống quy mô đồ sộ nhưng công kênh, có số lượng mà không có chất lượng. Theo dõi bảng dưới đây có thể thấy quy mô về số lượng của quân đội nhà Tống.

Từ Thái Tổ đến Nhân Tông cách nhau chưa đầy 100 năm, nhưng số lượng binh sĩ nhà Tống đã tăng lên hơn sáu lần, những nguyên nhân chính gồm: tỷ lệ binh sĩ đào tẩu rất cao, hao tổn chiến tranh lớn, ăn không là chuyện công khai, trong những năm tháng chiến tranh ác liệt còn chiêu mộ cả những người đói ăn làm lính, coi binh dịch là công cụ cứu vớt sự nghiệp. Binh sĩ chiêu mộ phải phục dịch cả đời từ 20-60 tuổi, trong khi thời gian phục vụ thực sự chỉ có 20 năm, 20 năm còn lại là ăn không cơm lính. Tướng quân không có sức chiến đấu nhưng cũng hưởng khẩu phần binh sĩ cho tới đến lúc chết. Nuôi quân hàng triệu nhưng trong đó ít nhất 40 vạn là tướng quân, trong số 60 vạn cấm quân thì có tới 1/3 là già yếu. Cộng cả những hao hụt khác thì số binh sĩ có thể sử dụng thực sự

hiều nhất không vượt quá 30 vạn. Quân đội sinh hoạt biếng nhác, nghe nói “vệ binh vào trại không tự mang chăn mà sai kẻ khác mang, nhận phần ăn không tự cầm mà sai kẻ khác cầm”, đúng là lính mà tính quan. Chi phí nuôi quân thời nhà Tống chiếm đến 5/6 tổng thu nhập. Một quân đội như vậy là một tập hợp hoàn toàn nhu nhược, vận hạn của nhà Tống cũng vì lẽ đó là không thể tránh khỏi.

Nhà Tống bạc nhược khiến Trung Quốc phải trả giá nặng nề. Hai lần tộc Hán bị hai dân tộc thiểu số Mông Cổ và Mãn Thanh ở vùng biên giới chinh phục. Đó đó là biểu hiện điển hình của cái giá phải trả cho sự nhu nhược này. Mà sự suy yếu tinh thần thượng võ lại hình thành nên một kiểu thế lực quen thuộc, sự nhu nhược của tính cách dân tộc trở thành một kiểu văn hóa được thừa nhận một cách ngấm ngấm, khiến những người dân tộc thiểu số thiện chiến đầy dũng khí một khi đã đặt chân vào trung nguyên thì trong một thời gian không lâu sự nhu nhược này đã phải trả giá và bị cuốn đi theo dòng lịch sử.

Trung Quốc sau chiến tranh Nha Phiến: “Trung Quốc chịu đòn”

Ngày 20/10/1919, trong lời tựa cuốn “Tinh võ bản kỷ”, Tôn Trung Sơn nói: “Dân tộc ta là dân tộc ôn hòa. Chúng ta không giỏi đánh nhau, dân tộc ta ở trong thời đại cạnh tranh gay gắt, không biết tự vệ, thì không thể thích nghi tồn tại. Tôi nghiên cứu những cuộc chiến tranh thời kỳ cận đại nổ ra, luôn là do vấn đề nước yếu đưa tới. Một dân tộc ôn hòa, giỏi tự vệ, thì sẽ không có chuyện nước mạnh bắt nạt nước yếu.”

Đúng như Tôn Trung Sơn nói, do tinh thần thượng võ của dân tộc Trung Hoa bị suy yếu trong một thời gian dài, không thiện chiến, không biết đường tự vệ, nên trong thời kỳ cạnh tranh quyết liệt, sẽ không thể thích nghi mà tồn tại. Vấn đề “không thiện chiến” của Trung Quốc được thể hiện sâu sắc trong hơn 100 năm kể từ khi các nước phương Tây tấn công Trung Quốc trong cuộc chiến tranh Nha Phiến năm 1840 đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Nhật. Thời kỳ này,

không đánh không được mà đánh ắt sẽ thua, thua thì phải cắt đất bồi thường. Trong số các nước phương Tây, có nước đơn phương tấn công, nhưng cũng có những nước liên kết với nhau đến đánh. Trung Quốc vừa đối diện với nguy cơ bị các cường quốc xâm xé, vừa đứng trước hiểm họa bị Nhật Bản độc chiếm. Giữa tình cảnh này, Trung Quốc như một con cừu to béo bị một bầy lang sói bao vây rượt bắt.

Dân tộc không có tinh thần thượng võ là dân tộc không có quyền sinh tồn. Trước khi xảy ra chiến tranh Nha Phiến, một số nhà truyền giáo đã nhìn ra thực tế rằng đế quốc Trung Hoa tuy lớn mà không có sức mạnh, yếu mà không có khả năng vũ trang, đã trở thành một dân tộc không thượng võ, không thiện chiến, thế là sử dụng biện pháp vũ lực cứng rắn để buộc Trung Quốc mở cửa. Có người vì lẽ đó mà đi thu thập thông tin tình báo và tham gia chiến tranh xâm lược Trung Quốc. Trong đó, trường hợp của Charles Gutzlaff là khá điển hình. Gutzlaff là người Phổ, ông được hội truyền giáo Hà Lan cử đến vùng Viễn Đông. Về sau Gutzlaff tách khỏi hội này năm 1829 và đi truyền giáo tự do. Từ năm 1831, ông ta từng 10 lần đi thuyền khảo sát vùng duyên hải Đông Nam Trung Quốc, thu thập một lượng thông tin tình báo lớn. Ông phát hiện ra rằng Chính phủ nhà Thanh quân sự không phát triển, phòng vệ lỏng lẻo, vũ khí lạc hậu, vì vậy đi đến kết luận: “Nếu chúng ta là kẻ địch đến đây thì cả nước Trung Quốc không chống cự nổi nửa giờ đồng hồ”.

Về sau, những nước xâm lược Trung Quốc trăm trận trăm thắng. Người châu Âu sau khi đánh Trung Quốc thu về lợi lộc, khi tổng kết kinh nghiệm đã tuyên bố đầy ngạo mạn: “Biện pháp đối phó với Trung Quốc là đánh cho họ nhừ tử rồi mới giảng đạo lý”.

Từ khi nổ ra chiến tranh Nha Phiến năm 1840 đến khi thành lập nước Trung Quốc mới năm 1949, Trung Quốc đã hứng chịu 470 cuộc ngoại xâm. Trong 65 năm từ 1840 đến 1905, Trung Quốc bị buộc phải ký kết đến 745 điều ước bất bình đẳng.

Giỏi tự vệ mới giỏi sinh tồn. Tinh thần thượng võ là tinh thần sinh tồn, tinh thần cứu sống một dân tộc.

Thế kỷ 20: “Trung Quốc đấu tranh”

Ngày 28 tháng 11 năm 1924, trong bài “diễn thuyết tại Hiệp hội thương mại Kobe và các nhóm kinh doanh ” ở Nhật Bản, Tôn Trung Sơn đã nói: “Đối với người châu Âu, chỉ dùng nhân nghĩa để cảm hoá họ, yêu cầu người châu Âu ở châu Á trả lại quyền lợi hoà bình cho chúng ta, chẳng khác gì bảo cạp cho lột da, nhất định là không làm được. Chúng ta muốn giành lại hoàn toàn quyền lợi, cần phải có sức mạnh quân sự”.

Tôn Trung Sơn đã tổng kết bài học kinh nghiệm về quan hệ giữa người châu Âu và người Trung Quốc sau 80 năm cuộc chiến tranh Nha Phiến của Trung Quốc, là dùng nhân nghĩa để cảm hoá người châu Âu chẳng khác gì bảo cạp cho lột da. “Trung Quốc đấu tranh” trong thế kỷ 20 chính là dùng sức mạnh quân sự giành lại quyền lợi. “Trung Quốc đấu tranh” thực tiễn là chân lý “súng tạo ra chủ quyền”, “súng tạo ra độc lập”, “súng tạo ra an ninh”, “súng tạo ra hoà bình”, “súng tạo ra phát triển”.

“Súng tạo ra chủ quyền”, chủ quyền là sự sống còn của một quốc gia. “Trung Quốc đấu tranh” trong thế kỷ 20, trước hết là cuộc đấu tranh cứu nước, trong đó có cuộc chiến tranh chống Nhật. Sau 8 năm kháng chiến, Trung Quốc chịu sự mất mát lớn lao về người và của, 35 triệu người đã bị thương vong, mới giành được thắng lợi trong cuộc chiến tranh Nha Phiến - đây là lần đầu tiên trong vòng một trăm năm, Trung Quốc đã giành được thắng lợi tuyệt đối trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc chống chủ nghĩa đế quốc.

Thực tiễn thế kỷ 20 “Trung Quốc chiến đấu” là thực tiễn to lớn của “súng tạo ra hòa bình”, là cuộc chiến tranh viện trợ cho Triều Tiên chống Mỹ và viện trợ cho Việt Nam chống Mỹ. Hai cuộc chiến tranh này là cuộc đo sức giữa chủ nghĩa

đế quốc mạnh nhất thế giới là Mỹ và Trung Quốc mới.

Trung Quốc ra đời trong chiến đấu, Trung Quốc cũng dùng chiến đấu để bảo vệ. Cuộc chiến tranh Triều Tiên diễn ra vào lúc Trung Quốc vừa mới thành lập mà đã dám đối đầu với cường quốc số 1 thế giới, đã thể hiện tinh thần thượng võ của Trung Quốc mới. Cuộc chiến tranh Triều Tiên là cuộc chiến tranh đầu tiên trong lịch sử, cũng là cuộc xung đột chính diện về quân sự duy nhất giữa Mỹ và Trung Quốc. Số người trực tiếp tham gia vào cuộc chiến tranh này của Mỹ là 1.789.000 người, trong đó số người tử vong là 36.574, số người bị thương là 103.284. Trong cuộc chiến tranh này Trung Quốc cũng đã lần lượt có 25 quân đoàn đã chiến tham gia, 16 sư đoàn pháo binh, 10 sư đoàn bộ đội đường sắt, 12 sư đoàn không quân, được đưa vào Triều Tiên để tác chiến. Ngay sau đó bổ sung thêm cả nhân viên công vụ và binh sĩ bổ sung, đưa số binh sĩ lên đến hơn 2.000.000 người. Một dân tộc trong 100 năm bị các cường quốc trên thế giới uy hiếp, trong vòng 3 năm lại có thể đánh ngang sức với liên quân 16 nước mạnh nhất thế giới, tạo ra một kỳ tích chấn động thế giới.

Trước lúc cuộc chiến tranh Triều Tiên kết thúc, Chu Ân Lai chỉ ra rằng: “Cuộc chiến tranh Triều Tiên là sự kiện có ý nghĩa đặc biệt với quốc tế sau khi kết thúc cuộc chiến tranh thế giới thứ 2. Cuộc chiến tranh Triều Tiên là cuộc chiến tranh mang tính cục bộ, nhưng ý nghĩa của nó thì mang tính thế giới”. Cuộc chiến tranh viện trợ cho Triều Tiên chống Mỹ, ngăn chặn nước Mỹ không thể giành thắng lợi đã đi vào huyền thoại, mở ra uy phong cho quân đội và đất nước Trung Quốc mới. Bành Đức Hoài nói: “Cuộc chiến tranh Triều Tiên đã chứng minh hùng hồn rằng thời đại mà bọn xâm lược phương Tây mấy trăm năm nay chỉ cần đặt ở bờ biển phía Đông mấy cổ đại bác là có thể chiếm được nước khác đã qua rồi”. Các binh sĩ và tướng quân của Mỹ tham gia cuộc chiến tranh này đã thừa nhận rằng, trong cuộc chiến tranh Triều Tiên “Mỹ đã phải trả giá lớn, đổ máu rất nhiều” mà lại còn “lãng phí thời

gian, không giải quyết được vấn đề gì”. Tư lệnh “quân Liên hợp quốc”, tướng Clark đã ký hiệp định đình chiến, sau này trong hồi ký của mình đã viết: “Tôi đã giành được tiếng tăm không đáng ngưỡng mộ: tôi là quan tư lệnh đầu tiên trong lịch sử nước Mỹ không giành được thắng lợi để phải ký vào hiệp định đình chiến”. Các học giả Mỹ khi bình luận về cuộc chiến tranh Triều Tiên đã cho rằng, trong cuộc chiến tranh này Trung Quốc mới là nước giành được thắng lợi: ngoài việc khiến “chiến tranh bị hạn chế ở bán đảo, chính quyền Bắc Triều Tiên đã nhận được cứu trợ, cơn ác mộng về sự uy hiếp của quân đội Mỹ tồn tại ở biên giới sông Áp Lục dần dần biến mất”, còn khiến Trung Quốc “trở lên trưởng thành hơn và nhận được sự tôn trọng của mọi người”. Cuộc chiến tranh Triều Tiên đã để lại “ấn tượng sâu sắc” cho các nhà sách lược Mỹ, nó có vai trò quan trọng trong việc hạn chế những hành động tiến về phía Đông của Mỹ sau này, từ đó “Mỹ và Trung Quốc không xảy ra cuộc chiến tranh lớn nào nữa”. Sau khi chiến tranh Triều Tiên kết thúc, toàn thế giới phải nhìn Trung Quốc với con mắt khác.

Trong cuộc chiến tranh Triều Tiên Trung Quốc đã giành được thắng lợi, nó có ý nghĩa quan trọng làm cho Mỹ phải dè chừng đối với cuộc chiến tranh Việt Nam sau này. Cùng năm ấy, Tư lệnh quân đội Mỹ Palamer đóng quân tại Việt Nam nói rằng: “Nỗi lo của Mỹ sợ xảy ra chiến tranh với Trung Quốc là sự bảo vệ đáng tin cậy hơn so với bất kỳ loại vũ khí nào mà Hà Nội có thể sử dụng ở chiến trường để đảm bảo Bắc Việt không bị xâm lược. “. Kết quả cuộc chiến tranh Triều Tiên đã khiến Mỹ hết sức tránh một lần nữa đối đầu trực tiếp với Trung Quốc trên chiến trường.

Cuộc chiến tranh Việt Nam bắt đầu 1961, là bước quan trọng để Mỹ thực hiện chiến lược toàn cầu ngăn chặn Trung Quốc, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Macnamara trong bài phát biểu của mình vào tháng 1 năm 1965 đã nói thẳng rằng: Mục đích chính của Mỹ “không phải là giúp đỡ bạn bè, mà là ngăn

chặn Trung Quốc ". Cuộc chiến tranh kéo dài đến tận năm 1975 này, đây là 10 năm quyết liệt nhất của những năm 60, thế kỷ 20. Mỹ đưa số quân đội vào xâm lược Việt Nam cao nhất là 543.000 người. Cũng khi đó Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ trong bài phát biểu lần thứ nhất vào năm 1965 còn chỉ ra rằng: "Trung Quốc là kẻ địch chủ yếu của Mỹ ngày hôm nay".

Chiến tranh Việt Nam là cuộc chiến tranh thương tâm của Mỹ. Tư lệnh quân đội Mỹ ngài Maxwell Taylor, người chịu trách nhiệm trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam mỗi khi nhớ lại cuộc chiến tranh này đã thừa nhận rằng: Mỹ đã phải trả giá đắt trong cuộc chiến tranh Việt Nam mà chính người Mỹ cũng không ngờ tới. Ông cho rằng ngoài việc các binh sĩ bị thương vong một cách nặng nề, các khoản chi lớn cho quân đội ra, thì "vì cuộc chiến tranh này mà Mỹ đã phải trả giá về các mặt như: nội bộ nước Mỹ bị chia rẽ, trong khi giải quyết các vấn đề cấp bách trong và bên ngoài quốc gia khác, Mỹ đã đánh mất quyền tự do hành động; trong đại gia đình quốc tế, đã lộ rõ sự yếu kém bên trong của nước Mỹ". Cuộc chiến tranh Việt Nam đối với người Mỹ mà nói là "đây là cuộc chiến tàn khốc, hy vọng cơn ác mộng về những khó khăn và ảo tưởng bị tiêu tan". Trong cuốn sách "Lịch sử nước Mỹ từ năm 1900 đến nay" có viết rằng: "Cuộc chiến tranh Việt Nam đã trở thành cuộc chiến tranh đẫm máu và kéo dài nhất trong lịch sử nước Mỹ: hơn 35.000 người Mỹ bỏ mạng tại cuộc chiến tranh này, 75.000 người bị thương, ngoài ra số người bị bắt làm tù binh giam giữ trong doanh trại ở miền bắc Việt Nam cũng lên đến con số hàng trăm, các khoản chi tài chính cũng đạt đến con số trăm tỷ USD, khoảng 5.000 máy bay bao gồm máy bay trực thăng trị giá hơn 5 tỷ USD bị phá hủy ". Cuộc chiến tranh Việt Nam dường như đã đem lại cho mỗi người Mỹ vết thương tâm. Hàng ngàn hàng vạn quân nhân Mỹ sau khi về đến nước, thì một nửa trong số đó cảm thấy nhục nhã vì những việc đã làm tại Việt Nam, số còn lại thì lo lắng về sau họ sẽ như thế nào. Cuộc chiến tranh Việt Nam đã làm cho Mỹ tổn thất lớn về người và của. Mỹ đã phải đến cuộc

chiến tranh Việt Nam 1,2 triệu binh sĩ, trong đó hơn 200.000 người bị thương vong, 58.015 người chết, đó là con số kỷ lục của quân đội Mỹ, đồng thời khả năng chiến đấu của quân đội Mỹ cũng giảm đi một cách trầm trọng. Cuộc chiến tranh này, Mỹ đã tiêu hao 200 tỷ USD, thêm vào đó là cuộc khủng hoảng chính trị xã hội trong nước đã làm xấu hình ảnh Mỹ trên quốc tế. Kissinger cho rằng, cuộc chiến tranh Việt Nam đối với người Mỹ mà nói, “thắng lợi cũng vô nghĩa”, “thất bại thì lại không có cách nào chịu đựng nổi”, “cần phải giải thoát từ trong ra ngoài”, “cho dù kết cục như thế nào, trong cuộc chiến tranh này Mỹ không tránh khỏi rủi ro, Mỹ bây giờ chỉ khi nào thoát ra khỏi ám ảnh của cuộc chiến tranh Việt Nam, mới có thể giữ được thể diện”

Trung Quốc thế kỷ 21: “Trung Quốc lớn mạnh”

Chuyên gia nổi tiếng Trịnh Tất Kiên (Chủ nhiệm Ủy ban học thuật Trường Đảng trung ương Trung Quốc - ND) nói: “Trung Quốc muốn đi theo con đường phát triển trời dậy trong hoà bình, theo đuổi sự nghiệp trở thành cường quốc quân sự không phải để tranh chấp bá chủ, mà xây dựng Trung Quốc trở thành nước có thị trường lớn, nước có nền văn minh lớn, nước lớn gánh vác vai trò xây dựng cộng đồng quốc tế”. Kỳ thực, cường quốc quân sự không giống như nước lớn tranh bá chủ. Trung Quốc không thể trở thành cường quốc quân sự để tranh bá chủ thế giới, nhưng Trung Quốc nên trở thành cường quốc quân sự để bảo vệ chủ quyền dân tộc và duy trì hoà bình thế giới, trở thành nước lớn có lực lượng quân sự hùng mạnh để bảo vệ và thực hiện thống nhất quốc gia. Trung Quốc không thể chỉ là nước có thị trường lớn, nước có nền văn minh lớn mà còn là cường quốc về quân sự. Trung Quốc trở thành một cường quốc quân sự mà không tranh bá chủ thì mới có thể tự bảo vệ chủ quyền của “nước có thị trường lớn” và sự tôn nghiêm của “nước có nền văn hóa lớn”, mới có lực lượng và điều kiện trở thành nước lớn gánh vác trách nhiệm trong vai

trò xây dựng xã hội quốc tế.

Đặng Tiểu Bình đã từng nói: “Trung Quốc hiện tại là lực lượng bảo vệ ổn định hoà bình thế giới, không phải là lực lượng phá hoại. Trung Quốc phát triển càng hùng mạnh, hoà bình thế giới càng được củng cố vững chắc”. Trung Quốc hùng mạnh không chỉ là nhu cầu phát triển, sự an toàn của Trung Quốc, mà còn là nhu cầu hoà bình thế giới. Trung Quốc hiện tại không phải muốn xưng bá, cho dù tương lai hùng mạnh lên cũng không thể xưng bá. Trung Quốc không phải vì hùng mạnh mà xưng bá, cũng không thể vì không xưng bá mà không hùng mạnh, mà cho dù không xưng bá thì vẫn phải thực hiện quốc gia vững mạnh.

Mỹ sau khi dựng nước, tranh luận về việc triển khai xây dựng lực lượng quân đội hùng mạnh. Lúc đó thủ lĩnh phái liên bang Hanmillneck chỉ ra rằng: “Nếu chúng ta muốn trở thành dân tộc thương mại, hoặc muốn duy trì an ninh bên này Đại Tây Dương, nhất định phải nhanh chóng xây dựng lực lượng hải quân”. Cuộc tranh luận này đã đạt được nhất trí sau cuộc chiến tranh thứ hai giữa Mỹ và Anh. Chiến lược quân sự Mỹ thời kỳ đầu dựng nước và chiến lược an ninh quốc gia đã đi đến nhất trí là: Mỹ nhanh chóng thúc đẩy phát triển lực lượng quân sự và thực lực kinh tế, xây dựng lực quân và hải quân hùng mạnh để bảo vệ chủ quyền và lợi ích thương mại Mỹ. Đồng thời, trong các vấn đề quốc tế thì Mỹ cũng thi hành chính sách chủ nghĩa cô lập, thực hiện ẩn mình chờ thời. Mỹ không phải vì thi hành chính sách chủ nghĩa cô lập mà không xây dựng lực lượng quân sự hùng mạnh. Mỹ cũng không phải vì muốn trở thành dân tộc thương mại mà không xây dựng hải quân hùng mạnh.

Nga tuyên bố rằng, đã nghiên cứu và phát triển hệ thống tên lửa có một không hai trong hệ thống phòng thủ tên lửa. Nga còn có kế hoạch trước năm 2015 chế tạo ra 5 tàu ngầm hạt nhân thế hệ mới, có chuyện kể rằng, Vladimir Putin từng nói: “Dù có phải bán sạch Điện Kremlin cũng phải chế tạo tàu

ngâm hạt nhân thế hệ mới”.

Thế kỷ 21, xây dựng “Trung Quốc hùng mạnh”, thì phải xây dựng Trung Quốc thành “nước có thị trường lớn” và “cường quốc quân sự”. Một nước lớn, nếu chỉ là kẻ mạnh trên thị trường nhưng là kẻ yếu trên chiến trường, thì nước lớn đó giống như con dê béo, là con mồi cho kẻ mạnh.

2. Nếu muốn “trỗi dậy trong hòa bình” cần phải “trỗi dậy quân sự”

Người Trung Quốc nói phát triển là nói đến “phát triển hòa bình”; nói “trỗi dậy” là nói đến “trỗi dậy hòa bình”; nói “thống nhất” là nói đến “thống nhất hòa bình”; còn nói ngoại giao là nói “ngoại giao hòa bình”. Thực tế, lực lượng quân sự mạnh sẽ thúc đẩy trỗi dậy quân sự, đây là nền tảng của tất cả các mong muốn hòa bình.

Muốn hòa bình, thì chuẩn bị chiến tranh

Tác giả Vague Mathews nổi tiếng Roma cổ đại có một câu danh ngôn kinh điển: “Nếu bạn muốn hòa bình, thì chuẩn bị chiến đấu”, câu nói này đã được các nhà chủ nghĩa hiện thực trong giới lý luận quan hệ quốc tế phương Tây coi là câu châm ngôn.

Người Hy Lạp cổ cũng có câu: “Muốn hòa bình, thì chuẩn bị chiến tranh”.

Trong binh thư của “Binh pháp Tư Mã” thời cổ đại Trung Quốc, cũng có câu danh ngôn: “Thiên hạ tuy an, vong chiến tất nguy” (thiên hạ tuy là bình an, nhưng nếu quên đi cuộc chiến tranh, tất nguy hiểm).

Áp dụng tất cả các câu nói của các nhà hiền triết, người Trung Quốc đương đại có câu: “Muốn trỗi dậy trong hòa bình, thì cần phải trỗi dậy về quân sự”, “muốn hòa bình, thì chuẩn bị chiến tranh”.

Hòa bình, có diễn biến lịch sử không giống nhau. Hòa bình

quốc tế thế kỷ 19 dưới sự thống trị đế quốc Anh là dựa trên các cuộc chinh phục thuộc địa. Hòa bình giữa thế kỷ 20, sự xuất hiện cuộc chiến tranh Lạnh giữa Mỹ và Liên Xô là hòa bình lạnh dưới sự đe dọa vũ khí hạt nhân. Hòa bình thế giới sau cuộc chiến tranh Lạnh là hòa bình dưới sự bá quyền của siêu cường quốc Mỹ. Hòa bình thế giới của thế kỷ 21 cần rất nhiều lực lượng tham gia, thế kỷ 21 Trung Quốc cần có đủ năng lực bảo vệ mình phát triển hòa bình, trỗi dậy hòa bình. Như vậy, hòa bình đã không thể dựa sự “hữu hảo” của kẻ mạnh mà có được, cũng không thể dựa vào sự “yếu kém” ẩn mình chờ thời cơ để giành được, mà phải dựa vào dũng khí và khả năng của bản thân mới giành được .

Tháng 5 năm 2004, trong một cuộc thảo luận tổ chức ở Bắc Kinh về con đường phát triển hòa bình của Trung Quốc, có người nói rằng Trung Quốc yêu hòa bình, kiên trì với sự nghiệp trỗi dậy trong hòa bình, nhưng nếu có quốc gia nào sử dụng vũ lực để ngăn chặn Trung Quốc trỗi dậy, thì Trung Quốc phải làm gì? Trung Quốc không đi đánh người khác, nhưng nếu người khác đến đánh thì Trung Quốc phải làm gì ?

Trung Quốc trỗi dậy trong hoà bình là lấy hoà bình làm điều kiện tiên quyết đối xử với các quốc gia khác, đặc biệt là với Mỹ. Trung Quốc trỗi dậy trong hoà bình, Mỹ phải chẳng muốn ngăn cản điều đó? Nếu Mỹ không hạn chế được, cũng không đủ khả năng ngăn chặn Trung Quốc trỗi dậy hoà bình; dùng quân sự ngăn chặn Trung Quốc trỗi dậy, thậm chí tiến hành chiến tranh để kìm hãm, dùng vũ lực để ngăn cản trỗi dậy trong hoà bình của Trung Quốc, như vậy chỉ có thể đẩy Trung Quốc vào tình thế bất buộc, buộc Trung Quốc chỉ còn cách là thông qua chiến tranh để bảo vệ quyền lực của quốc gia trỗi dậy. Trung Quốc không thể vì hoà bình mà không trỗi dậy, cũng không thể vì hoà bình mà chịu chia cắt. Ví dụ vấn đề Đài Loan, Trung Quốc kiên trì thống nhất hòa bình, nhưng khi Đài Loan dưới sự giúp đỡ của các thế lực bên ngoài đòi tách ra độc lập, Trung Quốc không thể vì hòa bình mà không

cần thống nhất, cũng không thể vì hòa bình mà chịu đựng chia cắt. Khi mà không có cách nào thực hiện thống nhất hòa bình, thì phải thống nhất dùng vũ lực để chặn đứng chia cắt, lấy chiến tranh ngăn chặn Đài Loan đòi độc lập, dùng vũ lực để thống nhất đất nước, đây là điều kiện cần và đủ. Đương nhiên, cho dù Trung Quốc bị buộc phải vùng lên chiến đấu, thì không giống như sự trỗi dậy bành trướng, trỗi dậy giành bá chủ của các nước lớn trong lịch sử.

Muốn “yên ổn” thì phải “hùng mạnh”

Theodore Roosevelt nói: “Nếu không có vũ lực làm hậu thuẫn, ngoại giao là vô ích; các nhà ngoại giao là đầy tớ của quân nhân chứ không phải là chủ nhân”. Câu nói này của Roosevelt, Trung Quốc không hoàn toàn tán đồng. Nhưng lực lượng vũ trang có vai trò quan trọng đối với an ninh của một quốc gia, đây là điều không thể phủ nhận. Trò chơi ngoại giao là trí tuệ, nhưng trí tuệ phải được xây dựng trên cơ sở của lực lượng vũ trang, nó trở thành một nghệ thuật để vận dụng các lực lượng với nhau thì ngoại giao mới có thể phát huy tối đa tác dụng. Đối với việc trỗi dậy trở thành một nước lớn, bảo đảm quốc gia yên ổn, thì cần phải có trí tuệ lớn, có lực lượng lớn, chỉ dựa vào trò chơi trí tuệ kể “thành bỏ không” thì khó mà được lâu dài.

Giáo sư John Mearsheimer, chính trị gia của trường Đại học Chicago Mỹ, trong một cuộc phỏng vấn của Đài truyền hình Trung ương đã nói rằng: “Bất kể người dân nào của nước Mỹ đều biết rằng, nếu Mỹ muốn an ninh tối đa, thì cần phải bảo đảm Mỹ là cường quốc mạnh nhất trên thế giới”, “muốn bảo đảm sinh tồn, cách tốt nhất là Mỹ phải mạnh nhất trong khu vực và trên thế giới...Trung Quốc hiện tại không có lực lượng quân sự mạnh nhất, quân sự Trung Quốc vẫn còn yếu kém”.

“Tôi nghĩ, cạnh tranh xảy ra cả về quân sự và kinh tế. Về mặt kinh tế chúng ta có thể nhìn từ hai góc độ; một là lý do

quân sự và lý do chủ quyền. Bạn cần phải có kinh tế vững mạnh, mới có thể xây dựng lực lượng quân sự hùng mạnh để bảo vệ chính mình. Nguyên nhân thứ 2 là nhu cầu tài sản, con người ai chẳng muốn sống trong quốc gia phồn vinh, từ đó có thể thấy giành được thắng lợi trên thị trường là rất quan trọng. Có thực lực kinh tế là mấu chốt của sự sinh tồn, nhưng nếu không có lực lượng quân sự hùng mạnh thì sẽ rất nguy hiểm. Nếu nước láng giềng của bạn có những quyết định sai lầm, bạn có thể bị trừng phạt. Ý của tôi là, Trung Quốc rất rõ điều này, bắt đầu năm 1930 và nhìn lại cuối thế kỷ 19, Trung Quốc là một nước yếu về quân sự, kết quả là bị người Nhật và người châu Âu xâm chiếm một cách tàn bạo, làm những việc đáng sợ. Từ đó đối với người Trung Quốc mà nói, không phát triển quân sự hùng mạnh để bảo vệ chính mình thì thật là ngu xuẩn. Cạnh tranh về quân sự bất kể khi nào cũng có thể xảy ra. Tôi nghĩ trong tương lai xuất hiện cuộc cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc không thể là cuộc cạnh tranh ý thức, nó có thể là cuộc cạnh tranh về quân sự và kinh tế". "Bạn cần phải bảo vệ chính mình, cách duy nhất bảo vệ mình là phải trở thành một cường quốc....Mỹ không muốn nhìn thấy Trung Quốc mạnh lên. Trung Quốc sau này trở thành nước mạnh thì Trung Quốc cũng không muốn nhìn thấy nước khác trỗi dậy, cũng không hy vọng bất kể nước nào trỗi dậy".

Phân tích của chuyên gia Mỹ tuy không phù hợp với thực tế của Trung Quốc, nhưng ý tưởng chiến lược mang tính điển hình của tư duy Mỹ mà ông ta bày tỏ là: "có mạnh mới có an ninh; muốn yên ổn thì phải mạnh", thì cũng có ý nghĩa tham khảo đối với Trung Quốc. Thế kỷ 21 Trung Quốc muốn yên ổn thì phải mạnh.

Theo đuổi "trỗi dậy trong hoà bình", không sợ "trỗi dậy trong chiến tranh"

Cơ sở và điều kiện để Trung Quốc trỗi dậy trong hoà bình là Trung Quốc đã trải qua 400 chiến dịch. Trung Quốc muốn thực hiện trỗi dậy trong hoà bình thì cần phải trỗi dậy quân sự.

Quân sự Trung Quốc cần phải mạnh trên thế giới để bất kỳ nước lớn nào cũng không dám dùng quân sự để ngăn cản quá trình trỗi dậy của Trung Quốc.

Trong quá trình trỗi dậy, trở ngại và thách thức lớn nhất đối với Trung Quốc là sự “kiềm chế chiến tranh” của các nước bá quyền đối với sự trỗi dậy của Trung Quốc. Clausewitz nói: “Nếu một bên tuyệt đối chịu đựng thì không thể xảy ra chiến tranh”. Một quốc gia phải có thái độ chịu đựng thì mới có thể hoà bình, trỗi dậy trong hoà bình của Trung Quốc không thể là trỗi dậy tuyệt đối chịu đựng. Trỗi dậy trong hoà bình của Trung Quốc cũng không loại trừ một khả năng, đó chính là sự trỗi dậy trong chiến tranh chống lại sự kiềm chế Trung Quốc. Khi mà các quốc gia bá quyền dùng chiến tranh để ngăn cản Trung Quốc trỗi dậy, thì Trung Quốc cần phải dùng quân sự để duy trì và bảo vệ mục tiêu trỗi dậy, để quá trình trỗi dậy không bị chấm dứt.

Trung Quốc muốn trỗi dậy trong hoà bình, vì sao nhất định phải ra sức trỗi dậy quân sự? Vì trỗi dậy trong hoà bình là kết quả nỗ lực của cả hai bên; Mỹ muốn cho phép Trung Quốc trỗi dậy thì không thể tiến hành kiềm chế bằng chiến tranh Lạnh, càng không nên tiến hành kiềm chế quân sự và kiềm chế chiến tranh. Tờ “Tin báo” Hồng Kông số ra ngày 9 tháng 7 năm 2004, có bài viết của một tác giả nhan đề “Trên trái đất này từ trước tới nay không có cái gọi là trỗi dậy trong hoà bình”. Tác giả đã cho rằng: “Nhiệm vụ trước mắt của Trung Quốc là bảo vệ chủ quyền trong quan hệ đối ngoại đang vô cùng căng thẳng, bảo vệ tốt chủ quyền Đài Loan và Hồng Kông để không bị nước khác lấy mất. Nhiệm vụ của Trung Quốc là cải thiện môi trường xung quanh, không để các quốc gia khác bao vây. Trong “thời điểm then chốt”, sự bao vây này sẽ khiến Trung Quốc không có nguồn năng lượng, máy móc ngừng hoạt động, thông tin bị gián đoạn, thành phố tối đen. Tất cả các nước mạnh trên thế giới đều hy vọng trỗi dậy trong hoà bình, không có một tiếng súng, nhưng từ trước tới

nay trên thế giới chưa hề xảy ra cái gọi là trỗi dậy trong hoà bình. Lịch sử trỗi dậy của nước Mỹ là lịch sử chiến tranh, lịch sử nước Mỹ giành được bá quyền là lịch sử chiến tranh, Mỹ duy trì lịch sử bá quyền là dựa vào lịch sử chiến tranh. Trong thời kỳ vô chính phủ như hiện nay, hoà bình là nguyện vọng, bá quyền là thực tế, trang bị vũ trang cho mình là cơ bản. Nhật Bản là nước rất giàu có, nhưng vì quân sự dựa vào Mỹ, cho nên không trỗi dậy. Nước Mỹ tuy là đã trỗi dậy rồi, nhưng vẫn không ngừng gia tăng đầu tư vào quân sự, ưu tiên phát triển quân sự. Vì bảo vệ đất nước, vì hoà bình, Trung Quốc cần có bom nguyên tử, cần có khí phách anh hùng thể hiện trong cuộc chiến tranh Triều Tiên, cần có quân đội hùng mạnh". Quan điểm của tác giả này rất sâu sắc.

Cộng đồng quốc tế chưa có trỗi dậy trong hòa bình. Nhưng, không có nghĩa là trong tương lai cũng không có. Trung Quốc từ trước chưa hề trỗi dậy trong hòa bình, vì thế giới nên mới tạo nên tiền lệ trỗi dậy hòa bình, việc tạo tiền lệ này đòi hỏi Mỹ và Trung Quốc phải cùng nhau nỗ lực, đặc biệt cần văn minh và khai phá văn minh của Mỹ.

Sau cuộc chiến tranh Lạnh, Mỹ thông qua Nato khống chế Nga, còn ở châu Á Mỹ dùng chiến lược bao vây Trung Quốc: ở phía Đông của Trung Quốc, Mỹ, Nhật và Hàn Quốc xây dựng quân đồng minh, dùng Đài Loan kiềm chế Trung Quốc; ở phía Tây Nam, Mỹ khuyến khích Ấn Độ khuếch trương; ở Biển Đông, Mỹ cũng tích cực hành động, ngầm đứng đằng sau thúc đẩy các quốc gia liên minh đối phó với Trung Quốc. Có thể thấy, vì trỗi dậy trong hoà bình, Trung Quốc cần trỗi dậy quân sự. Quân sự Trung Quốc càng mạnh thì khả năng đe dọa đối với chủ nghĩa bá quyền càng lớn, điều này càng có lợi cho Trung Quốc trỗi dậy trong hoà bình.

Phát triển trong hoà bình, trỗi dậy trong hoà bình đã trở thành lợi ích hạt nhân của Trung Quốc trong thế kỷ 21. Quyền phát triển, quyền trỗi dậy trở thành chủ quyền quốc gia mà Trung Quốc cần bảo vệ. Nếu có bất kỳ thế lực nào phá rối và

ngăn cản Trung Quốc phát triển và trỗi dậy, nếu sự ngăn của họ vượt quá giới hạn của “ngăn cản hòa bình”, dùng vũ lực tiến hành “ngăn cản chiến tranh”, Trung Quốc cần chiến đấu để bảo vệ đất nước phát triển và trỗi dậy của mình.

Không thể để dân tộc Trung Hoa trở thành “dân tộc kinh tế”

Trỗi dậy kinh tế mà không có trỗi dậy quân sự thì là một sự trỗi dậy nguy hiểm, bởi vì nó sẽ đưa một dân tộc trở thành một dân tộc kinh tế. Weber nói: “Một dân tộc phải chuyển biến từ một dân tộc kinh tế thành dân tộc chính trị, trở thành dân tộc trưởng thành về mặt chính trị”. Căn cứ theo cách nói của Weber, “một dân tộc kinh tế là một dân tộc không trưởng thành về chính trị”, để hiểu rõ vấn đề này chúng ta “dùng phương pháp kinh tế học để nhìn nhận vấn đề”, mục tiêu dân tộc sẽ được chuyển hóa thành mục tiêu kinh tế. Tính đột phá của cách nhìn này biểu hiện ở chỗ: thứ nhất là, khi định ra chính sách kinh tế và chính sách đối ngoại của quốc gia, thường làm người ta quên đi sứ mệnh chính trị của dân tộc; hai là, nói một cách đơn giản kinh tế phồn vinh đồng nghĩa với quốc gia lớn mạnh, nhưng mức độ sung túc và mức độ an ninh không giống nhau. Cần có quyết tâm đưa một phần của cải chuyển hóa thành khả năng an ninh.

Dân tộc kinh tế là dân tộc nguy hiểm, sẽ khiến một dân tộc trở thành “động vật kinh tế”, khiến một dân tộc đi theo con đường giàu mà yếu, giàu mà suy, giàu mà diệt vong, Machiavelli cho rằng, quân sự là gốc rễ để xây dựng đất nước, quân đội mạnh là nền tảng của thái bình. Ông ấy khi ấy đã tận mắt nhìn thấy thành phố Milan và Florence của nước Ý, tuy là của cải nhiều, nhưng lại không bình an, không thể chống ngoại xâm, đã khiến cho ông cảm thấy rất phẫn nộ. Ông cho rằng, kinh tế quá phồn vinh, nhân dân quá quan trọng lợi ích, dẫn đến bại hoại thuần phong mỹ tục, dân tộc mất đi tinh thần chiến đấu, thì sự suy bại của quốc gia đó chỉ còn là tính bằng ngày.

Giống như con đường sai lầm của kinh tế Hà Lan, một bài học đau buồn. Hà Lan là quốc gia sớm đã tiếp nhận tư tưởng cải cách quân sự của Machiavelli, Hà Lan không phải là nước châu Âu lớn, chỉ là là một quốc gia nhỏ. Hà Lan khi đó gọi là *Niederland* (ý nghĩa là “đất thấp”). *Niederland* vốn là thuộc địa của Tây Ban Nha, năm 1568 phát động cuộc chiến tranh giành độc lập, đến năm 1648 mới giành được độc lập, cuộc chiến đấu kéo dài 80 năm. Lúc đó Tây Ban Nha là một nước mạnh trên thế giới, Hà Lan muốn chống lại kẻ địch lớn thì cần phải tìm ra con đường mới đủ sức mạnh để chiến đấu. Hà Lan đã tìm ra con đường đặc biệt đó là cải cách quân sự, Hà Lan là nước đầu tiên cải cách quân sự ở châu Âu. Những thành tựu đạt được trong cuộc cải cách quân sự của Hà Lan đã thu hút sự chú ý của các nước châu Âu. Thanh niên các nước bắt đầu nghiên cứu quân sự và đi đến Hà Lan để tiếp nhận nền giáo dục quân sự, đến Hà Lan du học quân sự đã trở thành thời thượng. Nhưng, mọi người chỉ nhìn thấy sự trỗi dậy về mặt kinh tế của Hà Lan, mà không nhìn thấy sự trỗi dậy về mặt quân sự của Hà Lan.

Sự trỗi dậy của Hà Lan bắt đầu từ cuộc chiến tranh giành độc lập dân tộc, còn “thương mại là chính trị của chính phủ Hà Lan”. Vì sự phát triển thương mại viễn dương, Hà Lan rất coi trọng xây dựng quân đội, Hà Lan đã có một lực lượng quân đội hùng mạnh. Trong cuộc chiến tranh lần thứ nhất giữa Hà Lan và Anh, Hà Lan mỗi chiến dịch đều phát động 200 chiến hạm trở lên, chiến dịch này Hà Lan phối hợp 6.000-8.000 cỗ pháo, 20.000-30.000 lính thủy. Trong cuộc chiến tranh thứ hai giữa Hà Lan và Anh, hải quân Hà Lan thâm nhập vào sông Thames, trực tiếp uy hiếp London. Trong cuộc chiến trên biển, hạm đội Hà Lan rất nhiều lần đánh bại hạm đội của Tây Ban Nha, thậm chí có lúc một mình ngăn cản quân liên minh Anh, Pháp, Thụy Điển mà không hề tỏ ra yếu đuối. Sở dĩ Hà Lan ở vào vị trí cao trong cuộc chiến đấu giành thuộc địa giữa Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha là nhờ ưu thế quân sự của Hà Lan. Kỹ thuật chế tạo chiến hạm đặc biệt của Hà Lan là phía

sau khoang tàu thiết kế thêm pháo đài, nó đã trở thành một kiểu mẫu cho Tây Âu và các nước khác học tập. Peter vô cùng ngưỡng mộ ngành chế tạo thuyền của Hà Lan, đã từng hai lần đến Hà Lan học tập kỹ thuật chế tạo tàu.

Hà Lan giống như một phòng thu chi do các hạm đội bảo vệ. Nhưng, ngày 11 tháng 4 năm, Hà Lan, Pháp, Tây Ban Nha, Anh, Thụy Điển cùng nhau ký hoà ước kết thúc cuộc chiến tranh giành vị trí cao nhất, đồng thời cũng kết thúc vai trò vĩ đại của Hà Lan. Sau rất nhiều thế kỷ các cường quốc châu Âu chiếm lĩnh thế giới, các nước cộng hoà tự nguyện rút ra khỏi đội ngũ các nước lớn. Quân đội các nước cộng hoà bị hạn chế vũ trang, hạm đội bị xuống cấp trong các bến cảng, các tướng hải quân giải ngũ, lĩnh tiền hưu. Vị trí các tướng quân được các nhà ngoại giao dùng một lượng tiền lớn để thay thế. Tiền này dùng để mua hoà bình. Bằng bất kỳ giá nào, thậm chí dùng mọi thủ đoạn để mưu cầu hoà bình, đã trở thành chính sách mới của các quốc gia cộng hoà.

Trong thế kỷ 18, Hà Lan không xây dựng quân đội một cách nghiêm túc, đây là hành vi mang tính tự sát. Nước cộng hoà Hà Lan đã từng là cường quốc trên biển, không thể nào không hưởng ra ngoài chiều mộ các sĩ quan hải quân. Hạm đội yếu kém Hà Lan nhiều lần đem tin tức bị sỉ nhục mang về nước. Thương nhân Hà Lan ở Đại Tây Dương và các thuyền đánh bắt cá Hà Lan ở Bắc Hải đối mặt với hoàn cảnh bị bắt ở biên giới, ngư dân và thương nhân Hà Lan ở Bắc Hải và Đại Tây Dương bị bắt, chạy trốn khắp nơi.

Trong thế kỷ 18, Hà Lan không ngừng suy yếu về quân sự, mọi người kêu gào cần tiền, tiền, nhiều tiền hơn. Người Hà Lan vứt bỏ “túi đạn” mang trên mình, “túi tiền” của họ cũng trở thành mồi cho hải tặc.

Pháp cũng nhận được bài học tương tự, trong tác phẩm “Năm 1940: sự diệt vong của Pháp, Hà Lan, Tây Ban Nha”, Tướng quân Bauffre của Pháp chỉ ra rằng: Trước đại chiến thế

giới thứ hai, kinh tế Pháp tương đối ổn định, người dân có cuộc sống tương đối sung túc, nhưng tình hình chính trị thì rất gay go.....Khi đại chiến thế giới thứ hai xảy ra, người Pháp không giống như năm 1914 mọi người đoàn kết nhất trí dâng hiến sức lực cho tổ quốc, Pháp không có nhà lãnh đạo xuất chúng, cả nước từ trên xuống dưới trong không khí hỗn loạn chính trị đã vô tình tham gia chiến tranh, nhiều người dân có tâm lý ghét chiến tranh, rất nhiều người tình nguyện bị sỉ nhục cũng không muốn liều mạng trong chiến tranh. Trước khi chiến tranh xảy ra, một tác giả người Đức đã đưa ra bình luận gay gắt như sau: “Pháp, Hà Lan, Tây Ban Nha là các dân tộc đang trên bờ vực thẳm. Dân tộc không có mục đích, giá trị. Con người sớm muộn sẽ mất đi tinh thần truyền thống quý báu. Như vậy, chẳng khác gì tự sinh, tự diệt, không được tôn trọng”. Sự sụp đổ nhanh chóng của Pháp năm 1940 đã chứng minh cho quan điểm trên.

Tinh thần thương mại của người Mỹ là số một thế giới, của cải của Mỹ là số một thế giới, nhưng Mỹ xác định rõ dân tộc của họ không phải là một dân tộc kinh tế. Giáo sư Joshep Nye, Học viện chính trị Kennedy của trường Đại học Harvard đã nói rằng: “Lực lượng quân sự rất quan trọng, Tôi cho rằng, địa vị quân sự là nòng cốt của một quốc gia”. Ở Mỹ, nhân tài có tố chất cao không phải trong các ngành nghề, lĩnh vực có lợi nhuận cao. Theo cuộc điều tra, trong giới giám đốc doanh nghiệp, số người có học vị thạc sĩ trở lên chỉ chiếm 19%, nhưng trong hàng ngũ chuẩn tướng, số người có học vị tương đương chiếm 88%. Ở Mỹ, đội ngũ nhân tài trong sự nghiệp “quân sự” gấp bốn lần số nhân tài trong sự nghiệp “dân sự”. Mỹ là một nước kinh tế lớn, lấy địa vị quân sự làm nòng cốt cho sức mạnh quốc gia.

Sự trỗi dậy của Trung Quốc cần phải thống nhất hai mặt quân sự và dân sự, vừa trỗi dậy trở thành nước kinh tế lớn, vừa trỗi dậy trở thành nước quân sự hùng mạnh, tuyệt đối không thể trở thành một “dân tộc kinh tế” “có mỡ mà không

có xương, có vóc mà không có sức”.

3. Trung - Mỹ không có chiến tranh lớn: Trung Quốc cần có đại quân

Thế kỷ 21, bảo đảm Trung-Mỹ không có chiến tranh thì Trung Quốc cần phải có đại quân. “Đại quân” ở đây không phải ở quy mô, mà là mạnh ở chất lượng. Trung Quốc trỗi dậy quân sự, không phải vì đánh Mỹ mà là vì không bị Mỹ đánh; không phải để trong một thời gian ngắn ngủ cạnh tranh được với lực lượng quân đội đứng số một thế giới, mà là để tự bảo vệ mình không bị lực lượng quân đội đứng số một thế giới đánh bại. Cho nên Trung Quốc trỗi dậy quân sự không phải để uy hiếp quân đội Mỹ, mà là tránh sự uy hiếp của quân đội Mỹ. Như vậy, đặc trưng của Trung Quốc trỗi dậy quân sự là sự trỗi dậy mang tính tự vệ, tính phòng ngự, tính hòa bình, tính có hạn, tính tất yếu, tính quan trọng, tính bức thiết.

Thế kỷ 21, Trung-Mỹ không có “chiến tranh”

Vì sao nói thế kỷ 21 Trung-Mỹ không có “chiến tranh”? Trước hết là vì giữa thế kỷ 20, Liên Xô và Mỹ không chỉ là nước lớn, mà còn là cường quốc, cường quốc về vũ khí hạt nhân. Cuộc cạnh tranh giữa hai nước đã kết thúc lịch sử “chiến tranh giữa các nước lớn”, mở ra thời đại “không có chiến tranh giữa các nước lớn”, là thời đại của hòa bình và phát triển.

Liên quan đến quá trình xuất hiện thời đại mới “không có chiến tranh giữa các cường quốc”, theo sự phân tích của học giả Thomas Barnett: “Trước cuộc khủng hoảng tên lửa ở Cu Ba, rất nhiều chuyên gia cho rằng, cuộc chiến tranh hạt nhân là cuộc chiến tranh không có chiến thắng của một bên, từ đó có thể thấy cuộc đối đầu giữa Mỹ và Liên xô được coi là ổn định. Sau khi trải qua cuộc khủng hoảng nghìn cân treo sợi tóc, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Robert Macnamara đã đi một bước táo bạo, đưa việc “bảo đảm cùng hủy diệt nhau” lên vị trí cơ bản, có tính lâu dài, trong chiến lược hạt nhân của Mỹ.

Đối với người Mỹ khi đó, nói vấn đề “bảo đảm cùng hủy diệt nhau”, tức là: một nước dùng vũ khí hạt nhân để đối phó với nước khác, thì họ thấy quả thực là sự điên rồ. Trước đây, nhân loại không chế tạo, cũng chưa từng sử dụng vũ khí hạt nhân, trên thế giới này chúng ta mới nhìn thấy vũ khí hạt nhân ở hai thành phố là Hiroshima và Nagasaki, điều này khiến mọi người khó có thể tin được. Nhưng, đến nay, đây hoàn toàn là sự thực đã xảy ra. Việc giải quyết được vấn đề vũ khí hạt nhân, không phải là dấu chấm hết của siêu cường quốc, mà là kết thúc chiến tranh giữa các nước lớn-từ trước tới nay nước lớn luôn được cho là nước có vũ khí hạt nhân, hay nói một cách khác, nước nào có vũ khí hạt nhân sẽ là nước lớn, nước lớn nghĩa là sẽ không xảy ra chiến tranh với nước lớn khác. Khi mà Mỹ sáng tạo ra quy tắc “bảo đảm cùng hủy diệt nhau” nó đơn giản là loại bỏ vĩnh viễn chiến tranh giữa các nước lớn. Kể từ sau năm 1945 Mỹ phát minh ra vũ khí hạt nhân, thì chưa hề xảy ra cuộc chiến tranh nào giữa các nước lớn, điều này không phải là ngẫu nhiên, để nhận thức được quy luật bản chất của sự thay đổi này chúng ta đã phải mất gần 20 năm, nhưng khi chúng ta nhận thức được và đã thành công đưa quy luật này truyền bá đến các nước lớn, sự đe dọa của chiến tranh toàn cầu trong lịch sử nhân loại cơ bản đã kết thúc”.

Vũ khí hạt nhân không phải dùng đến, mà chỉ là đã được sản xuất và sở hữu, thông qua việc có số lượng vũ khí hạt nhân đầy đủ để tiêu diệt Liên Xô sau khi họ ra tay trước phóng vũ khí hạt nhân, Mỹ bảo đảm được điều kiện không có nước giành chiến thắng trong chiến tranh hạt nhân. Đây cũng là điều kiện tồn tại cuối cùng của cuộc chiến tranh Lạnh.

Từ quan điểm này, cho dù một vài người nói rằng McNamara không mắc sai lầm gì trong cuộc chiến tranh Việt Nam, theo tôi đây chỉ là sự che đậy khi ông ta cho rằng chiến tranh Việt Nam là chiến lược để bảo đảm hòa bình thế giới.

Đương nhiên, chỉ Mỹ hiểu được quan điểm “bảo đảm cùng hủy diệt nhau” thôi thì không đủ, cần phải để Liên Xô cũng

tiếp nhận quan điểm này. Mỹ đã phải mất rất nhiều năm để Liên xô hiểu được quan điểm này, đến năm 1972, Liên Xô đã hiểu ra và tại Hội nghị thượng đỉnh Moscow, Nixon và Brezhnev cùng nhau ký “Hiệp ước hạn chế vũ khí”. Tiếp theo hội nghị thượng đỉnh này là hội nghị thượng đỉnh giữa các nhà lãnh đạo hai nước, điều này đã giảm bớt đáng kể nguy cơ chiến tranh hạt nhân toàn cầu, từ đó bắt đầu xác định nên quy tắc cạnh tranh. Ví dụ, có thể bán vũ khí thông thường cho các quốc gia phụ thuộc; có thể đại diện tham chiến ở các nước thuộc thế giới thứ 3; nhưng không được phép đùa giỡn với chính sách “bên bờ vực” chiến tranh hạt nhân ở bất kỳ nơi nào; không được phép đùa giỡn với chính sách “bên miệng hố” chiến tranh bằng vũ khí thông thường ở châu Âu.

Không thể có chiến tranh giữa các nước lớn, trở thành một khái niệm quân sự mới của chiến tranh, cuối thế kỷ 20 giới lý luận chính trị và giới lý luận chiến lược phương Tây đã đi đến nhất trí quan điểm này. Chiến tranh Triều Tiên, người Mỹ bắt đầu nghiên cứu các khái niệm về chiến tranh có giới hạn. Cuộc chiến tranh mà Mỹ tiến hành ở Đông Nam Á làm cho Mỹ phải trả một cái giá rất đắt, đã khiến người Mỹ cảm thấy thất vọng sâu sắc. Người Mỹ trong thế kỷ 20 đã quen chiến tranh với quy mô toàn diện cho đến khi giành được thắng lợi hoàn toàn mới thôi và tiếp nhận kẻ địch đầu hàng vô điều kiện. Mỹ cũng phải đối mặt với áp lực đến từ các nước đồng minh châu Âu khi họ đòi kiểm soát xung đột chính trị với quy mô lớn, Mỹ cũng không mong muốn các nước Liên minh châu Âu tham gia vào cuộc chiến tranh mặt đất ở châu Á, từ đó hạn chế quy mô hoạt động quân sự. Mỹ không sử dụng vũ khí hạt nhân, nhiều vụ đánh bom không vượt quá sông Áp Lục là biên giới giữa Trung Quốc và Bắc Triều Tiên. Mỹ cũng không để quân đội Tưởng Giới Thạch của Đài Loan tham gia. Những người ủng hộ cuộc chiến tranh có giới hạn đều phản đối cách nói của Douglas MacArthur, khi ông cho rằng, “trong chiến tranh không có gì có thể thay thế chiến thắng”. Họ cho rằng và họ cũng tin rằng, thời đại hạt nhân sắp tới, chiến tranh phải được

loại trừ sử dụng vũ khí hạt nhân. Mục đích của chiến tranh phải được nghiêm túc hạn chế, ngay cả khi kết quả của cuộc đấu tranh này là bế tắc. Nhà tư tưởng chiến lược nước Anh Lidehate nói: “Phải bảo vệ chống lại hai sự ngông cuồng phổ biến nhất là : dốc hết sức theo đuổi mục đích giành thắng lợi và chiến tranh không có giới hạn”. Năm 1960 Lidehate nói: “Quan niệm cũ và định nghĩa cũ của chiến lược này là do sự phát triển của vũ khí hạt nhân, thay đổi này không chỉ lỗi thời, mà còn vô nghĩa. Nếu lấy giành chiến thắng trong chiến tranh làm mục đích thì thật điên rồ”. Đại soái Fowler của nước Anh, năm 1961 đã xuất bản cuốn sách “Hướng dẫn chiến tranh”, trong cuốn sách của mình ông đã chỉ ra rằng: “Trong tất cả sự mù quáng của Clausewitz (nhà lý luận quân sự Đức, nổi tiếng với tác phẩm Bàn về chiến tranh-ND), sự mù quáng lớn nhất là ông ấy chưa nhận thức được mục đích chân chính trong chiến tranh là hòa bình, chứ không phải là chiến thắng, cho nên hòa bình là lý tưởng căn bản trong các sách lược, chiến tranh chỉ là phương tiện để thực hiện mưu đồ xấu”. Trong một cuộc phỏng vấn của giới báo chí, ngài Eisenhower (Tổng thống thứ 34 của Mỹ-ND) đã nói, thời kỳ chiến tranh lạnh đặc biệt là thời kỳ chiến tranh vũ khí hạt nhân “nếu không nghĩ đến cái giá phải trả để giành được thắng lợi thì có nghĩa là một tai họa”. Trong thời kỳ chiến tranh lạnh, dưới sự tồn tại của vũ khí hạt nhân, quan điểm chiến tranh của các nước lớn đã thay đổi, đó là: không phải thắng lợi cao hơn tất cả mà là cái giá phải trả cao hơn tất cả. Khi xảy ra chiến tranh và chiến tranh vũ khí hạt nhân giữa các cường quốc, thì cái giá phải trả đối với bất kỳ cường quốc nào cũng chịu không nổi. Như vậy về căn bản có thể quyết định được: không có chiến tranh giữa các cường quốc.

Trung-Mỹ không có chiến tranh, điều này có liên quan đến đặc điểm của nước Mỹ. Mỹ trong quá trình trỗi dậy không giống với Nhật và Đức, Mỹ không phát động cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, Mỹ chỉ phát động cuộc chiến tranh lớn là: “cuộc chiến tranh Lạnh”, cuộc chiến tranh Lạnh xảy ra nửa

sau thế kỷ 20 so với cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai xảy ra nửa đầu thế kỷ 20 vẫn minh hơn nhiều, lí trí hơn nhiều, cái giá phải trả cũng thấp hơn nhiều. Nước Mỹ đã trở thành nước chưa từng phát động một cuộc chiến tranh lớn nào trên thế giới, ngoài việc tham gia vào Chiến tranh thế giới thứ hai, thì Mỹ không có phát động chiến tranh với nước nào. Khi mà Liên Xô phát triển vũ khí hạt nhân, tuy có người chủ trương phát động tiến công để phòng bị, nhưng Chính phủ Mỹ không có bất kể hành động nào, mà còn ngồi quan sát Liên Xô đi theo con đường trang bị vũ khí hạt nhân. Đợi đến khi Liên Xô có khả năng tấn công Mỹ, từ cuối năm 1950 đến đầu năm 1970, tư tưởng MAD (bảo đảm cùng huỷ diệt nhau) đã trở thành tư tưởng chính của Mỹ, đây chỉ là mưu mô của Mỹ lấy sự răn đe để ngăn chặn tấn công. Mỹ mất độc quyền sáng chế vũ khí hạt nhân sau khi Liên Xô thử nghiệm thành công bom nguyên tử vào năm 1949. Năm 1948, Mỹ đã có 32 chiếc máy bay tàng hình B29 có khả năng bắn đầu đạn hạt nhân; có số lượng đầu đạn hạt nhân là 50. Cho nên so với các nước chủ nghĩa đế quốc khác thì Mỹ là một nước có lí trí và văn minh.

Trung-Mỹ không có chiến tranh, điều này liên quan đến đặc điểm và tính cách của người Trung Quốc. Trung Quốc là một quốc gia trong lịch sử nghìn năm không tiến công nước khác, không khuếch trương ở thế giới, mà chỉ là một quốc gia sửa Trường Thành để phòng bị. Trung Quốc bây giờ có thể hô to mà trời dậy, cũng tuyên bố không xưng bá, đi theo con đường phát triển hòa bình, kêu gọi xây dựng một thế giới hòa bình. Trung Quốc trong tư tưởng ý thức và trong hệ thống xã hội cũng không bành trướng. Trung Quốc vì sao để mô hình phát triển của mình thành chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc? Bốn chữ “đặc sắc Trung Quốc” bao hàm nghĩa hòa bình sâu sắc-nghĩa là không “xuất khẩu mô hình”, không mang mô hình Trung Quốc phổ biến rộng ra thành mô hình thông dụng trên thế giới, mà chỉ là hạn chế để Trung Quốc sử dụng, Trung Quốc chuyên dùng. Mỹ và Liên Xô đều đã đưa mô hình của mình quảng bá trở thành mô hình phổ biến

thế giới, dùng mô hình Mỹ hoặc mô hình Liên Xô tái tạo thế giới, cho nên các mâu thuẫn và xung đột trở nên nhức nhối. Tóm lại, thời kỳ Mỹ và Liên Xô tranh giành bá chủ thế giới thì đối kháng toàn diện từ chính trị đến ý thức hệ, còn may là có chiến tranh lạnh mà không có chiến tranh lớn, hai bên đều thông qua chiến tranh lạnh chứ không phải thông qua chiến tranh lớn để phân thắng bại. Tương lai Mỹ và Trung Quốc tiến hành chiến lược cạnh tranh phòng bị, không tranh bá chủ, Mỹ tuy khó tránh tiếp nhận cục diện chiến tranh lạnh, nhưng quan hệ Trung-Mỹ trong thế kỷ 21 không thể lặp lại quan hệ chiến tranh lạnh như Mỹ và Liên Xô trong thế kỷ 20. Chiến lược cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc trong thế kỷ 21 là cuộc cạnh tranh sau thời kỳ chiến tranh lạnh, phương thức cạnh tranh trong của cuộc chiến tranh lạnh đều đã cũ kỹ, càng không thể lấy phương thức chiến tranh lớn để tiến hành cạnh tranh.

Thế kỷ 21 Trung-Mỹ không có chiến tranh, đây là kết quả tất yếu của thời đại. Thế giới hướng đến văn minh, chiến lược cạnh tranh giữa các nước lớn cũng hướng đến văn minh. Châu Âu từng là nơi phát tích của hai cuộc chiến tranh thế giới, sau chiến tranh trở thành nơi mô phạm cho các nước lớn liên minh, đi theo con đường thống nhất châu Âu và liên kết các nước châu Âu. Trong xu thế cạnh tranh văn minh hóa giữa các nước lớn, để quan sát mô hình cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc trong thế kỷ 21, có thể thấy rõ, trong thế kỷ 21 Trung Quốc và Mỹ bất kể bên nào đều không mong muốn đẩy nước mình vào thảm họa diệt vong khi thực hiện “đại chiến” với đối phương. Trung Quốc và Mỹ tuy đều có khả năng chiến tranh, nhưng sự phồn vinh và phát triển của một quốc gia ngày càng cần lợi ích chung. Trong tình hình này, Mỹ tuy muốn ngăn cản Trung Quốc, nhưng nghĩ đến lợi ích quốc gia thì Mỹ cần ngăn cản có giới hạn. Nếu ngăn cản không có giới hạn, ngăn cản tàn bạo, làm tổn thương Trung Quốc cũng có nghĩa là Mỹ tự làm tổn thương mình.

Thế kỷ 21, Trung Quốc cần có “đại quân”

Trung Quốc có đại quân mới bảo đảm Trung-Mỹ không có chiến tranh. Trung Quốc có đại quân không phải để phát động chiến tranh, mà để ngăn chặn chiến tranh. Quyền lực chính trị của một quốc gia cần phải cân bằng thì quốc gia đó mới trở thành quốc gia dân chủ; cộng đồng quốc tế cần phải cân bằng thì mới trở thành thế giới dân chủ; lực lượng quân sự thế giới cũng cần phải cân bằng mới duy trì được hòa bình thế giới. Chạy đua vũ trang giữa Liên Xô và Mỹ, khách quan mà nói đã hình thành một sự cân bằng quân sự, lấy chạy đua vũ trang để ngăn chặn chiến tranh xảy ra, nhân loại đã phải trả giá cho cuộc chạy đua vũ trang để tránh thảm họa chiến tranh xảy ra. Chạy đua vũ trang không thể lựa chọn, cân bằng quân sự không thể không có. An ninh của Trung Quốc đòi hỏi Trung Quốc phải lớn mạnh, cân bằng quân sự thế giới cũng cần Trung Quốc phải trở thành cường quốc quân sự. Trung Quốc lớn mạnh có lợi đối với sự trỗi dậy an toàn của Trung Quốc, có lợi cho ổn định hòa bình thế giới, có lợi cho việc bảo đảm cân bằng quân sự mạo hiểm của Mỹ, giúp cho Mỹ giữ được lý trí.

Để đối phó lại sự uy hiếp của Mỹ, Trung Quốc cần phải có đại quân. Sau khi chiến tranh Lạnh kết thúc, cường quốc Mỹ cũng không để quân đội hùng mạnh của mình đi những bước tiến chậm rãi, Mỹ còn phát động cuộc cải cách quân sự mới, tiếp tục duy trì nâng cao sức mạnh quân sự. Cải cách quân sự của Mỹ là nhằm vào Trung Quốc. Học giả chiến lược Mỹ, ngài Thomas Barnett nói: “Sau khi Bush lên cầm quyền, đã xem châu Á mà không phải là Đông Nam Á, đương nhiên cũng không phải là Trung Á, trở thành vũ đài xung đột thế giới trong tương lai. Mỹ khi đó đang tiến hành đẩy mạnh toàn bộ “cải cách quốc phòng” là để đối phó với đối thủ cạnh tranh đáng gờm đang trỗi dậy ở phía Đông”, chứ không phải một số ít quốc gia Trung Đông bị “đưa vào tầm ngắm”. Trong một quyển sách, ngài Thomas Barnett nói: “Thế kỷ mới sẽ xuất

hiện ánh bình minh mới, tôi là người trong nghề, không phải người nào cũng có suy nghĩ giống như vậy. Thực tế toàn bộ kế hoạch của Lầu Năm Góc khi đó là tập trung suy nghĩ nhiều đến tài nguyên thiên nhiên, đồng thời cũng chuẩn bị chiến tranh với Trung Quốc trong tương lai xa. Chúng ta đang mời rất nhiều chuyên gia nghiên cứu về vấn đề Trung Quốc. Chúng ta đang vắt óc suy nghĩ lại kế hoạch sắp xếp quân sự ở châu Á để đối phó với ảnh hưởng đang gia tăng của Trung Quốc”. “Cho dù là Lầu Năm Góc hay phố Wall, năm 2000, đều đưa Trung Quốc vào tầm ngắm của họ; họ đều cân nhắc việc hướng các lực lượng khác nhau vào khu vực này. Giấc mơ Lầu Năm Góc là khoảng cách cuộc chiến đánh Trung Quốc, nhấn nút điện tử một cái là có thể giải quyết vấn đề chiến tranh; ngược lại, phố Wall đau đầu vì dầu tư trực tiếp nước ngoài dài hạn dẫn đến các quy tắc chiến tranh với Trung Quốc”. Đối mặt với tình hình chiến lược này, Trung Quốc không thể mở to mắt đứng nhìn vào “túi tiền lớn”, mà cần phải dồn sức để xây dựng “đại quân”.

Dân tộc Trung Hoa là một dân tộc có trí tuệ lớn, thế kỷ 21 Trung-Mỹ không có chiến tranh, nguyên nhân quan trọng là vì Trung Quốc là một quốc gia có trí tuệ lớn, nhưng những hạn chế tồn tại trong một thời gian dài của “Trung Quốc trí tuệ” là quá tôn sùng vai trò của “trí tuệ lớn”, mà xem thường giá trị “lực lượng lớn”. Ở Trung Quốc “binh pháp không đánh mà khuất phục người” được xem là mức độ cao nhất của trí tuệ lớn, chiến lược lớn. Muốn phát huy vai trò của “binh pháp không đánh mà khuất phục người” là phải dựa vào trí tuệ lớn, mưu lược lớn, lực lượng lớn. Kết cục của “binh pháp không đánh mà khuất phục được người” là lấy “đánh thì có thể khuất phục người” làm cơ sở, tiền đề. Không đánh, không có nghĩa là lực lượng quân sự không phát huy tác dụng. Trí tuệ chính là nghệ thuật sử dụng lực lượng; trí tuệ mà không có lực lượng, thì chỉ là nghĩ rỗng, nói suông. Kể “thành bỏ không” đã lừa địch thành công là bởi vì Gia Cát Lượng có quân đội, có lực lượng, kẻ địch mới tin là Gia Cát Lượng có quân giấu trong thành.

Cho nên trí tuệ trong kế “thành bỏ không” mới phát huy tác dụng. Trí tuệ trong kế “thành bỏ không” có thể đối phó nhất thời, chứ không thể đối phó lâu dài; có thể dùng một lần chứ không thể dùng hai lần. Các nhà quân sự nói, quân đội Mỹ là quân đội theo “mô hình lực lượng”, quân đội Trung Quốc là quân đội theo “mô hình mưu lược”. Trong thế kỷ 21 thực hiện Trung-Mỹ không có chiến tranh, dựa vào Trung Quốc có trí tuệ lớn, cũng phải dựa vào Trung Quốc có lực lượng lớn. Thế kỷ 21 Trung Quốc vừa phải tôn sùng trí tuệ lớn, vừa phải tôn sùng lực lượng lớn; có trí tuệ lớn, có quân đội lớn.

Đối với Trung Quốc, tình hình quân đội không phải già mà là yếu, trang bị vũ khí không phải cũ mà là kém. Trung Quốc trỗi dậy về quân sự, sự nghiệp lớn mạnh của quân đội Trung Quốc là cần nhanh chóng thay đổi điều mà các thế hệ đi trước từng phải trả giá đắt, đó là tình trạng chiến đấu trong điều kiện gian khó “địch mạnh, ta yếu”; cần nói lời từ biệt với phương châm “lấy yếu thắng mạnh” trong thế kỷ 21 nước giàu, quân mạnh. Thế kỷ 21 Trung Quốc vẫn tiếp tục phát huy truyền thống quý báu là “lấy yếu thắng mạnh” đồng thời cũng cố gắng xây dựng lực lượng “lấy mạnh thắng yếu”, bắt đầu thực hiện từ giai đoạn truyền kỳ “lấy yếu thắng mạnh” đến giai đoạn cân bằng “lấy mạnh thắng mạnh” và cuối cùng bước vào giai đoạn lí tưởng là “lấy mạnh thắng yếu”. Cho nên, xây dựng quân đội hùng mạnh, tạm biệt tình hình “lấy yếu thắng mạnh” là kết quả tất yếu của Trung Quốc trỗi dậy về quân sự.

Ngày nay tranh chấp trong các vấn đề quốc tế cần phải kiên trì dùng phương châm giải quyết hoà bình, nhưng trong quan hệ quốc tế thì phải biết vận dụng lực lượng phi quân sự và thủ đoạn phi chiến tranh, lực lượng quân sự có vị trí quan trọng trong việc hậu thuẫn cho quốc gia. Trong quan hệ quốc tế, lực lượng quân sự luôn luôn là cái tay không thể nhìn thấy được. Chiến tranh chỉ là một hình thức hữu hình để quân sự phát huy vai trò của mình. Hoà bình mới là thể hiện giá trị lâu

dài của quân sự. Nhanh chóng xây dựng và duy trì một đội ngũ quân đội hùng mạnh thì Trung Quốc cần phải tiến hành đầu tư an ninh, đầu tư phát triển, đầu tư triển khai, Trung Quốc cần phải chuyển khả năng sản xuất thành khả năng chiến đấu, chuyển một bộ phận tài sản thành năng lực quân sự, để “túi tiền” biến thành “túi đạn”.

Mục đích cơ bản để Trung Quốc có đại quân là để ngăn chặn chiến tranh xảy ra. Mục đích chủ yếu để xây dựng quân sự là thay vì “giành được thắng lợi trong chiến tranh” thành “ngăn chặn chiến tranh xảy ra”, đây cũng là tư tưởng của giới lý luận chiến lược Mỹ đưa ra. Bernard Brody là người tiên phong trong giới lý luận chiến lược công nhận sự nguy hại của vũ lực, trong vài tháng sau khi Mỹ tiến hành thả bom nguyên tử xuống hai thành phố Hiroshima và Nagasaki của Nhật, ông đã suy nghĩ về hiện thực quốc tế mới để đưa ra kết luận: “Tính đến nay, mục đích chủ yếu về việc xây dựng quân đội luôn luôn là giành thắng lợi trong chiến tranh; từ giờ trở đi, mục đích chủ yếu xây dựng quân đội là để ngăn chặn chiến tranh xảy ra”. Tư tưởng này thực sự mang tính chiến lược đối với toàn bộ cuộc chiến tranh hạt nhân. Ông gọi bom nguyên tử là “vũ khí tuyệt đối”, ông cho rằng bất kỳ cuộc chiến tranh nào mà sử dụng bom nguyên tử đều là thảm họa lớn của nhân loại, cho nên bằng giá nào cũng phải ngăn chặn cuộc chiến tranh này. Với ý nghĩa đó, Trung Quốc cho rằng, thông qua việc xây dựng cường quốc quân sự là để tránh chiến tranh xảy ra, đó là tư tưởng chiến lược quan trọng của việc Trung Quốc tập trung xây dựng quân sự. Mục đích chủ yếu việc Trung Quốc xây dựng quân sự hùng mạnh không phải để giành thắng lợi trong chiến tranh, mà là để ngăn chặn chiến tranh xảy ra.

Có khả năng “cùng đưa nhau đến chỗ chết”, mới bảo đảm “cùng nhau sinh tồn”

Trung Quốc cần phải có khả năng cùng đi đến chỗ chết với Mỹ, mới đủ bảo đảm cùng sinh tồn với Mỹ, cùng an toàn, cùng nhau phát triển.

Hòa bình của Trung Quốc là hòa bình dưới sự uy hiếp của vũ khí hạt nhân. Trong thời kỳ chiến tranh Lạnh, Mỹ rất nhiều lần dùng vũ khí hạt nhân uy hiếp Trung Quốc. Sau khi chiến tranh Triều Tiên bùng nổ 1950, Tổng thống Mỹ Truman công khai tung tin nước Mỹ sẽ suy nghĩ tích cực trong vấn đề sử dụng bom nguyên tử đối với Trung Quốc. Năm 1958, quân đội Mỹ yêu cầu thông qua quốc hội để tiến hành một cuộc tấn công hạt nhân vào Trung Quốc để bảo vệ Kim Môn và Mã Tổ. Năm 1963, Mỹ sau khi nhận được tin Trung Quốc tiến hành thử nghiệm vũ khí hạt nhân thì dự định đánh Trung Quốc bằng hệ thống vũ khí hạt nhân trên không. Trong “Đề xuất chính sách hạt nhân” mà Bộ Quốc phòng Mỹ trình tổng thống và quốc hội xem xét, thì Trung Quốc là mục tiêu tiến công bằng vũ khí hạt nhân của Mỹ trong tương lai. Đến năm 2002, Mỹ một lần nữa lại đưa Trung Quốc trở thành mục tiêu tiến công bằng vũ khí hạt nhân. Hòa bình của Trung Quốc trong thế kỷ 21 là hòa bình dưới sự uy hiếp của vũ khí hạt nhân.

Mỹ và Liên Xô có Chiến tranh Lạnh mà không có đại chiến, nguyên nhân chính là khả năng cùng nhau đến chỗ chết giữa Mỹ và Liên Xô, khả năng cùng nhau đến chỗ chết cũng chính là khả năng cùng nhau sinh tồn của hai nước. Đối với Trung Quốc trong thế kỷ 21, trong quá trình hoạch định chiến lược cạnh tranh, nếu không thể chuẩn bị khả năng cùng chết với Mỹ, thì khó mà có được hòa bình, khó mà có được quyền lợi cùng nhau phát triển, cùng nhau sinh tồn với Mỹ.

An ninh của quốc gia là phải có trình tự, có sự khác biệt giữa an toàn tuyệt đối và an toàn tương đối. Nếu hai nước lớn mà cạnh tranh bao hàm cả khả năng cùng nhau đến chỗ chết, thì bất kỳ bên nào cũng không dám đánh bên kia, như vậy đôi bên đều an toàn tương đối. Nếu lực lượng đôi bên không cân bằng, một bên sau khi tiêu diệt bên kia để sinh tồn, như vậy một bên mạnh là an toàn tuyệt đối, còn một bên yếu là tuyệt đối không an toàn. Cho nên, trong điều kiện vũ khí hạt nhân, an toàn tuyệt đối của các nước lớn là tiêu diệt nước khác mới

bảo đảm an toàn cho chính mình, an toàn tương đối là lấy khả năng cùng đưa nhau đến chỗ chết để duy trì quyền lợi, đôi bên cùng sinh tồn.

Mỹ theo đuổi mục tiêu an ninh, không phải là an ninh quốc gia mà là bảo đảm an toàn địa vị bá quyền của Mỹ. Mỹ theo đuổi khả năng an toàn không phải là khả năng cùng nhau đến chỗ chết. Sau khi kết thúc chiến tranh Lạnh, Mỹ đã từng một lần ngừng nghiên cứu kế hoạch chiến tranh giữa các nước lớn. Những năm 90 cuối thế kỷ 20, phía quân đội Mỹ đã đưa ra nghiên cứu hồi phục lại kế hoạch phòng thủ trên không, đồng thời đổi tên là Hệ thống phòng thủ tên lửa quốc gia (gọi tắt là (NMD), nhưng chính phủ Clinton vẫn chưa đưa ra quyết định. Năm 2001, sau khi Bush lên nắm chính quyền, bất chấp sự phản đối mãnh liệt của cộng đồng quốc tế, Mỹ vẫn quyết tâm chiến tranh trong tình hình không nước nào có thể cạnh tranh được, lấy thực lực kinh tế, quân sự và khoa học kỹ thuật vững mạnh để nghiên cứu xây dựng hệ thống phòng thủ tên lửa quốc gia, Mỹ đã cho xây dựng mạng lưới phòng thủ tên lửa để bảo vệ Mỹ an toàn tuyệt đối. Các nhà học giả quân sự Mỹ nói: “Sau ngày hoàn thành kế hoạch phòng thủ tên lửa quốc gia (NMD) và TMD (hệ thống phòng thủ tên lửa khu vực) cũng là ngày loại bỏ trang bị vũ khí hạt nhân của Trung Quốc”. Cách nói này tuy có chút khuếch trương, nhưng cũng không phải là chuyện giạt gân.

Mỹ phát triển vũ khí hạt nhân, một mặt để phát triển theo hướng thực dụng hóa, đưa vũ khí hạt nhân trở thành vũ khí chiến thuật trong các cuộc chiến tranh, đưa “vũ khí dọa người” trở thành “vũ khí đánh người” và “vũ khí hạt nhân thông thường” có uy lực lớn. Mặt khác, phát triển vũ khí hạt nhân theo hướng tuyệt đối hóa, tức là thông qua hai hệ thống phòng thủ tên lửa là: hệ thống phòng thủ tên lửa khu vực và hệ thống phòng thủ quốc gia để bảo đảm Mỹ an toàn tuyệt đối trong sự đe dọa của vũ khí hạt nhân. Mỹ an toàn tuyệt đối là người khác tuyệt đối không an toàn, điều này có nghĩa an ninh

và hòa bình thế giới hoàn toàn nằm trong tay Mỹ, nó chẳng khác nào loại bỏ hệ thống vũ khí hạt nhân của người khác.

An ninh của các nước lớn trong điều kiện vũ khí hạt nhân là cùng làm con tin của nhau. Ông Bạch Vạn Cương chuyên gia chiến lược hàng đầu của Trung Quốc nói rằng: “Năng lực hạt nhân giữa Trung-Mỹ còn khoảng cách rất xa, Trung Quốc chưa có cơ sở chắc chắn để hình thành sự phá hủy toàn diện đối với Mỹ, mà chỉ có điều kiện để hạn chế tối đa sự hủy diệt của vũ khí hạt nhân; trong chiến lược đối phó với Trung Quốc, Mỹ chưa từng xem Trung Quốc là đối thủ ngang sức có thể xâm phạm lợi ích quốc gia của Mỹ; trong chiến tranh tương lai có thể xảy ra ở Eo biển Đài Loan, chỉ cần Trung Quốc thiếu đi khả năng răn đe hạt nhân cuối cùng huỷ diệt Mỹ, thì bất luận là Trung Quốc có tiêu diệt được hàng không mẫu hạm của Mỹ, nắm được phần thắng trong chiến tranh cục bộ, Mỹ vẫn sẽ tham chiến, đây là sự lựa chọn chiến tranh của nước Mỹ dưới sự bảo trợ của răn đe hạt nhân; Trung Quốc hiện có khả năng răn đe hạt nhân có thể đe dọa từng phần của nước Mỹ, nhưng như vậy hoàn toàn chưa đủ và khả năng này rất có thể bị làm suy yếu. Vì vậy, cho dù sự nghiệp hiện đại hóa của Trung Quốc đã có rất nhiều tiến bộ, bao gồm cả việc Trung Quốc giành được thắng lợi trong các ngành khoa học kỹ thuật cao, nhưng khả năng chiến tranh cục bộ chưa có gì là đột phá, chỉ cần Mỹ có ưu thế hơn Trung Quốc về vũ khí hạt nhân thì quyền chủ động chiến lược của Trung Quốc đối với Mỹ luôn luôn nằm trong tay Mỹ chứ không phải trong tay Trung Quốc, chiến lược an ninh quốc gia và chiến lược quân sự của Trung Quốc thiếu mất vũ khí hạt nhân hùng mạnh thì an ninh của Trung Quốc luôn luôn là nguy hiểm, hơn nữa Trung Quốc đang tiến hành sự nghiệp hiện đại hóa, rất dễ bị các thế lực bên ngoài phá hoại, quyền sinh tồn của dân tộc không có cơ sở gì để bảo đảm”.

Sự phân tích của Bạch Vạn Cương rất sâu sắc. Cơ sở vật chất trong cuộc Chiến tranh Lạnh là vũ khí hạt nhân, sự cân

bằng vũ khí hạt nhân giữa Mỹ và Liên Xô về cơ bản đã đảm bảo được hòa bình thế giới, nó được gọi là hòa bình trong cuộc Chiến tranh Lạnh. Hòa bình thế giới từ nay về sau là hòa bình giữa các nước lớn, nhưng phải dựa vào sự cân bằng về quân sự, bao gồm cả vấn đề vũ khí hạt nhân trong đó. Trung Quốc trỗi dậy về quân sự, trong một thời gian ngắn thì không thể cũng không cần có vũ khí hạt nhân ngang bằng với Mỹ, không thể chạy đua vũ trang được với Mỹ, nhưng Trung Quốc nhất định phải nhanh chóng có khả năng cùng đưa Mỹ đến chỗ chết. Đây là yêu cầu trong chiến lược an ninh quốc gia của Trung Quốc. Trừ phi là một ngày nào đó, “ một thế giới không có vũ khí hạt nhân ” của chính quyền Obama trở thành sự thực.

Trỗi dậy quân sự không phải để đánh Mỹ mà là để không bị Mỹ đánh

Trong một thời gian dài, về quân sự Trung Quốc không thể mà cũng không cần vượt qua Mỹ, nhưng mức độ thấp nhất trong việc Trung Quốc trỗi dậy quân sự là để không bị quân đội Mỹ đánh. Quân đội Mỹ cũng không dám đánh quân đội Trung Quốc, mà có đánh thì cũng không đánh thắng, khi đánh nhau với quân đội Mỹ quân đội Trung Quốc có thể đối diện và đứng ở vị trí bất bại, đó là yêu cầu chiến lược và mục tiêu chiến lược của quân đội Trung Quốc. Cho nên, mục đích trỗi dậy quân sự của Trung Quốc không phải là thắng Mỹ, mà chỉ là bảo đảm quân đội Trung Quốc không bị quân đội Mỹ chiến thắng, cho nên Trung Quốc trỗi dậy quân sự đối với quân đội Mỹ không phải là sự đe dọa, mà là để tránh quân đội Mỹ uy hiếp quân đội Trung Quốc. Đây là đặc trưng của Trung Quốc trỗi dậy quân sự, trỗi dậy quân sự mang đặc sắc Trung Quốc, bao gồm tính tự vệ, tính phòng thủ, tính hòa bình, tính giới hạn, tính cần thiết, tính quan trọng, tính bức thiết. Điều này cũng quyết định Trung Quốc trỗi dậy quân sự không thể mà cũng không cần thiết phải chạy đua vũ trang với Mỹ, vì mục đích và hàm ý của cuộc chạy đua vũ trang là đôi bên muốn chạy đua thì một trong hai bên phải có ưu thế về lực lượng quân sự so

với bên kia, lấy áp đảo và chiến thắng lực lượng quân sự của đối phương làm mục tiêu. Đương nhiên nếu trong thế kỷ 21, Trung Quốc thuận theo tự nhiên, trong tình hình hòa bình như hiện nay, trở thành cường quốc quân sự số một thế giới không phải là một việc xấu, cũng không phải là đe dọa Mỹ, mà là tăng cường lực lượng hòa bình thế giới, Đặng Tiểu Bình cũng đã từng nói như vậy, Trung Quốc là lực lượng duy trì hòa bình, Trung Quốc càng lớn mạnh thế giới càng hòa bình. Giống như một dũng sĩ đeo bảo kiếm có võ công cao không phải để đe dọa người tốt, mà chỉ là đe dọa bọn trộm cắp.

Trung Quốc trỗi dậy quân sự, cần phải có lực lượng quân sự hùng mạnh mới thực hiện được thống nhất quốc gia, mới có khả năng ngăn chặn được thế lực bên ngoài công kích làm cho Trung Quốc bị chia cắt, ví dụ về vấn đề Eo biển Đài Loan, để ngăn chặn Mỹ sử dụng quân sự can thiệp vào, thì lực lượng này sẽ buộc cho Mỹ không dám vì ủng hộ Đài Loan độc lập mà tiến hành chiến tranh. Trung Quốc trỗi dậy quân sự, khiến cho lực lượng quân đội Mỹ trước mắt không dám đương đầu với quân đội Trung Quốc, vì Mỹ sợ sẽ gánh vác không nổi cái giá phải trả nếu lấy chiến tranh để ngăn chặn Trung Quốc, điều này đã khiến Mỹ không thể đưa ra các sách lược, từ đó đưa Mỹ vào tình thế ngăn chặn Trung Quốc trỗi dậy có giới hạn, đó là giới hạn “ngăn chặn trong hòa bình”. Thực lực quân sự của Trung Quốc cần phải hùng mạnh để bất kỳ kẻ địch mạnh nào trên thế giới đều không dám cũng không thể dùng lực lượng quân sự để ngăn chặn quá trình và khả năng trỗi dậy của Trung Quốc. Trung Quốc trỗi dậy quân sự thì cần phải có lực lượng quân sự hùng mạnh để duy trì hòa bình thế giới, trách nhiệm trong vấn đề trật tự thế giới và hòa bình thế giới nhanh chóng sẽ được đặt lên vai Trung Quốc.

Tờ “Thời báo toàn cầu” số ra ngày 27 tháng 11 năm 2009 đăng bài viết của nghiên cứu viên cao cấp Doug Bangdow, thuộc Viện nghiên cứu Catto Mỹ, đã nói rằng: “Con đường phía trước của thế kỷ 21 phụ thuộc quan hệ giữa Trung Quốc

và Mỹ. Điều khiến các nhà sách lược Mỹ đang lo lắng không phải kinh tế Trung Quốc mà là khả năng quân sự Trung Quốc, Lầu Năm Góc trong các báo cáo hàng năm của mình đều nhắc đến các khoản chi cho quân sự của Trung Quốc. Trong cuộc duyệt binh mừng ngày quốc khánh, cho dù Trung Quốc có tới 8.000 người và 151 máy bay tham gia, nhưng lực lượng quân sự Bắc Kinh vẫn thua xa Mỹ. Quân đội Mỹ có sức mạnh nhất trên thế giới, quân đội mặt đất của Mỹ được huấn luyện, trang bị vũ khí chuẩn bị chiến đấu tốt hơn nhiều so với quân đội Trung Quốc. Kho vũ khí hạt nhân của Washington càng lớn thì càng hiện đại. Không quân của Mỹ không nước nào sánh được”. Mỹ có 11 nhóm tàu sân bay chiến đấu, còn Trung Quốc thì không có. Trong báo cáo tài chính hàng năm, tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2009, Mỹ đã chi phí 700 tỷ USD cho hải quân, gấp bảy lần Trung Quốc. Nếu giảm bớt các khoản chi cho chiến tranh hiện tại, thì kinh phí quân đội của Mỹ vẫn gấp năm lần Trung Quốc. Trung Quốc đang từng bước tăng tốc đẩy mạnh hiện đại hóa quân sự, cần rất nhiều năm, hay nói cách khác mấy chục năm nữa chi phí quân sự của Trung Quốc mới ngang bằng với chi phí quân sự của Mỹ. Từ đó có thể thấy, nếu nói Trung Quốc trong thời gian tới có thể đe dọa an ninh của Mỹ thì chẳng khác nào “người bệnh nói mê”. Vấn đề chính ở đây là khả năng Mỹ tiến công Trung Quốc. Chars Freeman, một quan chức Lầu Năm Góc đã từng nói Trung Quốc “vô tình tiến hành chiến tranh ở Mỹ, nhưng Mỹ lại thực hiện một kế hoạch lớn đả kích người Trung Quốc trên lãnh thổ Trung Quốc”. Trung Quốc hiện tại đang phát triển để có đủ khả năng quân sự ngăn chặn Mỹ can thiệp vào Trung Quốc. Bắc Kinh không cần đánh bại Mỹ, thậm chí sức mạnh quân sự cũng không cần cân tương đương với Mỹ, quân đội Trung Quốc chỉ cần đảm bảo đủ khả năng ngăn chặn Washington sử dụng sức mạnh quân đội. Trong nước Mỹ, có một vài người dường như rối loạn tâm thần về việc Trung Quốc có khả năng có hàng không mẫu hạm. Tình hình quân sự ở Thái Bình Dương luôn thay đổi, nhưng không phải vì hàng không mẫu hạm của

Trung Quốc một ngày nào đó sẽ ít đi, chất lượng không cao, mà vì kế hoạch của Mỹ làm thế nào để đối phó hàng không mẫu hạm của Trung Quốc và những lực lượng quân sự truyền thống khác. Để ngăn chặn sự can thiệp của Mỹ, Trung Quốc phải phát triển lực lượng đủ để cân bằng với khả năng vũ khí hạt nhân và áp lực vũ khí hạt nhân đến từ Washington, phát triển tên lửa mang đầu đạn và tàu ngầm để tiến công tàu sân bay của Mỹ, dùng cách tác chiến phi đối xứng gây hỏa mù về tình Mỹ, sau đó phá hoại hệ thống điện tử của Mỹ.

Có thể thấy, Trung Quốc trỗi dậy quân sự không phải đánh Mỹ, mà là không để Mỹ đánh. Đối với mục tiêu này của quân đội Trung Quốc người Mỹ trong lòng cũng rất rõ.

Vạch trần “ thuyết về mối đe dọa của Trung Quốc,” đẩy mạnh “khả năng răn đe của Trung Quốc”

Trong giới tự nhiên, loài động vật nào mà có khả năng tấn công, thì nó tương đối an toàn. Động vật có khả năng phòng thủ nhưng không có hành động tấn công, thì loài động vật đó cũng được coi là an toàn, khả năng phòng thủ cũng là khả năng bảo đảm an toàn. Còn động vật không có khả năng tấn công và không có khả năng phòng thủ, chỉ có khả năng chạy trốn, thì cũng có thể chuyển từ nguy hiểm thành an toàn, giữ được tính mạng. Muốn trở thành một nước lớn, nếu không cần khả năng răn đe, thì nước đó đương nhiên bị nằm trong tầm uy hiếp của nước khác.

Trung Quốc từ trước tới nay không phải là quốc gia đi uy hiếp người khác. Nhưng, sự trỗi dậy của Trung Quốc, đối với quốc gia chủ nghĩa bá quyền thì đương nhiên nó là sự đe dọa, sự đe dọa này không phải là việc xấu, nó chỉ là thúc đẩy dân chủ thế giới, hạn chế những yếu tố có lợi cho chủ nghĩa bá quyền. Trong một quốc gia dân chủ, biện pháp chặn đứng quyền lực ngang ngược là lấy quyền lực cân bằng quyền lực; trong một thế giới dân chủ, biện pháp để cân bằng bá quyền là lấy lực lượng cân bằng lực lượng.

Sức mạnh rắn đe của Trung Quốc là phải bằng uy lực vũ trang, uy phong cần có của một nước lớn. Một quốc gia lớn mà không có sức mạnh rắn đe thì chỉ là một quốc gia không có uy. Trung Quốc trỗi dậy, vừa để vạch trần “thuyết về mối đe dọa của Trung Quốc”, lại vừa phải tăng cường xây dựng sức mạnh rắn đe của Trung Quốc; không chỉ tăng cường khả năng rắn đe của mình, Trung Quốc còn cần phải bày tỏ ý chí rắn đe, quyết tâm rắn đe của mình, để khiến cho những kẻ muốn xâm hại lợi ích quốc gia, nhất là những kẻ muốn chiếm không trung tâm nguyên tử của Trung Quốc biết được ý chí, quyết tâm và khả năng rắn đe của người Trung Quốc.

Uy lực, rắn đe bằng vũ lực, uy hiếp, là ba khái niệm khác nhau. Uy lực là khả năng của quân đội và của quốc gia. Rắn đe bằng vũ lực là lấy sự tồn tại của một lực lượng để tạo nên ảnh hưởng và tác dụng tâm lý. Uy hiếp, là ác ý xâm lược và cố ý bá chủ, có khả năng gây nguy hiểm cho người khác. Trong rừng, dê là loại động vật yếu đuối, dê không thể uy hiếp bất kỳ động vật nào, dê đối với bất kỳ động vật nào cũng không có khả năng uy hiếp. Hổ và sói trong rừng là thuộc loại động vật dã man, là mối đe dọa sự an toàn của rừng. Còn voi cũng là động vật có uy phong, voi có khả năng đe dọa, nhưng voi không như các loài động vật có khả năng uy hiếp khác, voi không uy hiếp những con vật khác. Tinh thần thượng võ của Trung Quốc là uy chứ không phải là hiếp, Trung Quốc không phải là con dê trong cộng đồng quốc tế, giống như sau cuộc chiến tranh nha phiến của Trung Quốc, tất cả mọi người đều bị áp bức; Trung Quốc cũng không làm con hổ, con sói trong cộng đồng quốc tế, không xưng bá, không đi bắt nạt kẻ yếu. Tinh thần thượng võ của Trung Quốc giống như con voi có uy phong, những động vật yếu đứng trước mặt nó cũng không cảm thấy bị uy hiếp, những động vật dã man đứng trước mặt nó thấy mối đe dọa mà không dám hành động bừa bãi.

Trung Quốc phải xây dựng lực lượng quân sự như thế nào đây, cần phải lấy nhu cầu an ninh của quốc gia làm căn

cứ, không thể lấy nhu cầu làm bá quyền của Mỹ làm căn cứ, càng không thể lấy cảm nhận của Mỹ mà thay đổi chiến lược. Trong các chiến lược vũ khí hạt nhân của Trung Quốc, hệ thống phòng thủ tên lửa đã có những bước đột phá, để chuẩn bị bất kể khi nào cũng có thể phản công, đánh trả kẻ địch mạnh, các nhóm tàu sân bay của hải quân Trung Quốc có khả năng đáp bằng chông gai tiến lên phía trước, khi hải quân và không quân Trung Quốc có khả năng hùng mạnh, cơ động, đột kích nhanh, di chuyển tốt từ xa, thì quan hệ giữa Trung Quốc và Mỹ càng được ổn định, hòa bình thế giới và khu vực càng được bảo đảm.

4. Nước giàu cần quân mạnh

Để thực hiện sự nghiệp phục hưng vĩ đại của dân tộc Trung Hoa thì cần phải kiên trì thống nhất đường lối nước giàu, quân mạnh. Để làm được điều này, Trung Quốc cần phải dám nâng cao sức mạnh quân đội. Trung Quốc phấn đấu mưu cầu “nước giàu”, càng phải phấn đấu mưu cầu “quân mạnh”.

Sức mạnh quân sự Trung Quốc: Không thể định vị ở trình độ hạng ba của thế giới

Quân mạnh cần phải có mục tiêu và tiêu chuẩn. Trong giai đoạn mới của thế kỷ mới, mục tiêu và tiêu chuẩn của sức mạnh quân sự Trung Quốc đó chính là rèn luyện để tương thích với quốc tế, bảo vệ lợi ích phát triển và lợi ích an ninh quốc gia, đủ khả năng ứng phó với khủng hoảng, duy trì hòa bình, ngăn chặn chiến tranh, giành thắng lợi trong chiến tranh, và cuối cùng là duy trì và thực hiện sự nghiệp hiện đại hóa quân sự thống nhất tổ quốc. Khả năng quân sự của Trung Quốc cần phải đạt đến “ba cái không dám”: Đài Loan không dám cũng không thể độc lập, chia cắt; Mỹ và các nước khác không dám cũng không thể can thiệp vào đấu tranh quân sự trong vấn đề Eo biển Đài Loan; Mỹ không dám dùng vũ lực để ngăn cản Trung Quốc trỗi dậy, để Trung Quốc trỗi dậy rơi vào thế không gì ngăn cản được.

Trung Quốc xây dựng quân đội khác với các nước phát triển chạy đua vũ trang, nhưng cũng cần phải tích cực đẩy mạnh cải cách quân sự đặc sắc Trung Quốc, cố gắng để giành được quyền chủ động trong các cạnh tranh quân sự quốc tế, cần xây dựng sức mạnh quân sự Trung Quốc trở thành sức mạnh quân sự số một thế giới.

Có quan điểm cho rằng: “Xây dựng sự nghiệp hiện đại hóa và phát triển lực lượng quân sự Trung Quốc thì cần phải xác định mục tiêu rõ ràng hơn nữa, mục tiêu này là không lấy việc đuổi kịp và vượt Mỹ làm mục tiêu. “Trung Quốc không cần phải xây dựng lực lượng quân sự theo kiểu Mỹ, mà xây dựng chủ yếu là nhu cầu là an ninh”. “Trung Quốc xây dựng lực lượng quân sự và hiện đại hóa quốc phòng cũng không nên lấy lực lượng quân sự Nga làm mục tiêu và tấm gương”. “Trung Quốc nếu không có lợi ích nào đặc biệt, cũng không cần phải xây dựng lực lượng quân sự giống quy mô của Nga”.

Nếu mục tiêu sức mạnh quân sự Trung Quốc đã không thể đuổi kịp và vượt qua Mỹ, thì cũng không thể đuổi kịp và vượt qua Nga, như vậy sự nghiệp xây dựng sức mạnh quân sự Trung Quốc chỉ được xác định ở mức thứ ba trên thế giới. Xác định một hạn mức như vậy đối với mục tiêu xây dựng quân đội hùng mạnh của Trung Quốc, đưa việc xây dựng sức mạnh quân sự đứng thứ 3 thế giới trở thành mục tiêu để xây dựng quân sự và quốc phòng Trung Quốc, đây là mục tiêu lạc hậu và mục tiêu đáng bị đánh đổ. Nước giàu quân mạnh là hướng đi tương lai của Trung Quốc. Trung Quốc trong vấn đề “nước giàu” sớm đã vượt qua Nga, còn muốn vượt qua các nước giàu có nhất và phát triển nhất trên thế giới. Trung Quốc trong vấn đề “quân mạnh” cũng không thể lạc hậu, cũng cần phải đuổi kịp các nước mạnh nhất trên thế giới, xây dựng quân đội đứng số một thế giới. Quân mạnh sẽ là nước mạnh nhất thế giới.

Trung Quốc hùng mạnh: Không có giới hạn

Quyền hùng mạnh là một loại chủ quyền của quốc gia.

Hùng mạnh không có hạn mức tối đa. Không thể do một quốc gia quy định giới hạn hùng mạnh của quốc gia khác.

Mỹ chỉ có 300 triệu dân mà có thể trở thành cường quốc số một thế giới, Trung Quốc có 1,3 tỷ dân vì sao phải chịu khuất phục Mỹ về lực lượng quân sự? Cường quốc số một thế giới vì sao chỉ Mỹ mới đủ khả năng đảm đương? Vì sao Mỹ siêu cường, Mỹ không hô to “thuyết về mối đe dọa của Mỹ”, Trung Quốc với ngân sách quốc phòng chỉ bằng 1/10 Mỹ, thì lại thành “thuyết về mối đe dọa của Trung Quốc”?

Cho nên, Trung Quốc hùng mạnh không cần giới hạn tối đa, vì mối quan hệ giữa bá quyền và hùng mạnh là không cần thiết, một quốc gia hùng mạnh có thể làm bá quyền, cũng có thể không làm bá quyền. Sự hùng mạnh của quốc gia bá quyền có hại cho hòa bình thế giới, còn sự hùng mạnh của quốc gia phi bá quyền có lợi cho hòa bình thế giới. Quan hệ giữa “bá quyền” và “hùng mạnh” là quan hệ không tương đồng.

Có quan điểm cho rằng, Trung Quốc không lấy đuổi kịp và vượt qua Mỹ và Nga làm mục tiêu là “vì quy luật rất rõ ràng, Trung Quốc không phải là siêu cường như Mỹ hiện nay, cũng không làm bá quyền, càng không phải là quốc gia có khả năng bảo vệ lợi ích an ninh cho mình, cho thế giới. Trung Quốc hiện tại không chuẩn bị khả năng như vậy, tương lai phát triển càng mạnh, cũng không giống như Mỹ hiện nay, đưa quân sự của Mỹ rải khắp các khu vực trên thế giới”.

Tính chất xây dựng sức mạnh quân sự của một quốc gia không ở “mục tiêu” là gì, mà ở “mục đích” là gì. Trung Quốc xây dựng quân sự hùng mạnh, không phải để lập lại con đường cũ trong thời kỳ chiến tranh Lạnh là Mỹ-Liên Xô đối kháng, Đông-Tây đối kháng, mà hoàn toàn là để đề phòng và chặn đứng cục diện cũ tái diễn. Trung Quốc đã chứng minh bản thân Trung Quốc không xưng bá, không tranh bá quyền, không phải sức mạnh quân sự Trung Quốc mãi mãi yếu hơn Nga, Mỹ, mà là để lực lượng quân sự hùng mạnh của mình

vận dụng một cách hợp lí vào việc bảo vệ lợi ích quốc gia, duy trì hòa bình thế giới, thúc đẩy thế giới cùng nhau phát triển. Vậy thì cho rằng Trung Quốc nếu không bá quyền thì cũng không cần hùng mạnh sao! Trung Quốc nếu không bành trướng thì chỉ có thể để Mỹ và Liên Xô có lực lượng quân sự mang tính toàn cầu, còn Trung Quốc mãi mãi không có suy nghĩ để lực lượng quân sự của mình đuổi kịp Mỹ và Nga, thì thật là chuyện kỳ lạ.

Tính chất của việc cân bằng sức mạnh quân đội các nước lớn, căn bản nhất không phải là xem lực lượng quân đội này có tính toàn cầu hay không, mà cần xem lực lượng quân đội đó có tính xâm lược hay có tính hòa bình. Lực lượng quân sự có tính khu vực thì cũng có thể xưng bá quyền khu vực, cũng có thể xâm chiếm chủ quyền của quốc gia khác. Còn lực lượng quân sự có tính toàn cầu không nhất định là lực lượng bành trướng và xâm lược, cũng không nhất định là lực lượng tranh bá quyền thế giới. Lực lượng quân sự của Trung Quốc trong tương lai đuổi kịp và vượt Nga, Mỹ cũng không thể nói là trở thành lực lượng tranh bá quyền thế giới, quốc gia bá quyền nhất định là quốc gia hùng mạnh, nhưng quốc gia hùng mạnh không nhất định là quốc gia bá quyền. Mạnh mà không làm bá quyền là đặc trưng bản chất của sức mạnh quân sự Trung Quốc.

Nguyên nhân chính là vì Trung Quốc hiện tại là quốc gia thiếu khả năng bảo vệ lợi ích phát triển và an ninh của mình, của thế giới, cho nên Trung Quốc mới ra sức phát triển sức mạnh quân sự. Trung Quốc sẽ trở thành một quốc gia hùng mạnh mà không tranh bá quyền thế giới, ngăn chặn những nước xưng bá quyền, duy trì hòa bình thế giới. Mà muốn ngăn chặn những nước xưng bá quyền, duy trì hòa bình thế giới, yêu cầu lực lượng quân sự Trung Quốc phải bắt kịp và vượt qua Mỹ-quốc gia bá quyền thế giới, lực lượng quân sự Trung Quốc trong tương lai sẽ không áp dụng theo kiểu Mỹ là đóng quân khắp thế giới, nhưng lực lượng quân sự Trung Quốc trong

tương lai cần có đủ khả năng để bảo vệ lợi ích quốc gia, duy trì hòa bình thế giới và cùng nhau phát triển trong phạm vi toàn cầu.

Trung Quốc không thể “tự hạn chế võ công”

Liên quan đến “thuyết về mối đe dọa của Trung Quốc”, Trung Quốc phải đối phó như thế nào với các thế lực quốc tế, có người lại đưa ra ý kiến rằng, Trung Quốc nên áp dụng “thuyết Trung Quốc tự bỏ võ công”, “chỉ cần Trung Quốc tự loại bỏ trang bị vũ khí hạt nhân, thì Mỹ không dám đánh Trung Quốc, bởi vì nếu như vậy thì toàn cầu cùng đánh lẫn nhau, người dân Mỹ cũng có thể đứng dậy lật đổ chính phủ của nước mình”. Có người còn chủ trương đưa ra ý kiến Trung Quốc thông qua việc cắt giảm các khoản chi cho quân sự và giảm bớt lực lượng quân sự để biểu đạt thiện ý, để Mỹ yên tâm. Trên thực tế, biện pháp thông qua “tự phế võ công” để đối lấy an toàn, cũng không thể lựa chọn được.

Xác định mục tiêu phát triển lực lượng quân sự Trung Quốc, không phải căn cứ vào mức độ cảm nhận của người khác đối với sự đe dọa Trung Quốc, mà phải căn cứ vào mức độ cảm nhận của chính Trung Quốc về mối đe dọa đó. Trong thế giới ngày nay, cho dù là quốc gia nào, liên quan đến mục tiêu sức mạnh quân sự, đều không phải lấy cảm nhận, đánh giá của cộng đồng quốc tế làm tiêu chuẩn, mà phải quyết định dựa trên lợi ích và điều kiện của quốc gia mình. Nhất là Trung Quốc, không thể lấy sự lo lắng và hoài nghi của các nước phương Tây đối với Trung Quốc làm định lượng mục tiêu cơ bản của sức mạnh quân đội.

Cần phải phá vỡ dư luận đến từ các quốc gia phương Tây nhằm ngăn cản sự nghiệp xây dựng Trung Quốc trở thành cường quốc quân sự. Trung Quốc phát huy sức mạnh quân sự, bắt kịp và vượt qua sức mạnh quân sự tiên tiến trên thế giới, xây dựng mục tiêu trở thành quốc gia có sức mạnh quân sự lớn nhất thế giới không phải để uy hiếp người khác, nhưng đương

nhiên là có cả khả năng răn đe trong đó. Sức mạnh quân sự của Trung Quốc XHCN là sự răn đe chính nghĩa đối với những hành vi chia cắt, ngăn cản Trung Quốc thậm chí có mưu đồ xâm lược Trung Quốc của các nước bá quyền và các nước có nền chính trị hùng mạnh. Sự răn đe chính nghĩa là nhu cầu phát triển hòa bình, thống nhất tổ quốc và an ninh của quốc gia, nó cũng là nhu cầu hòa bình thế giới.

“Quân mạnh” kéo theo “nước giàu”

Thống nhất giữa “quân mạnh” và “nước giàu”, “quân mạnh” thì mới có khả năng kéo theo “nước giàu”, vấn đề mấu chốt là phải kết hợp tốt “quân mạnh” và “nước giàu”.

Liên Xô và Mỹ đã từng phải chịu thiệt thòi rất nhiều trong cuộc chạy đua vũ trang, nguyên nhân chủ yếu không ở cuộc chạy đua vũ trang mà là ở con đường chạy đua không đúng. Liên Xô dùng thể chế phân chia quân và dân trong điều kiện kinh tế kế hoạch để đối kháng với thể chế kết hợp quân và dân trong điều kiện kinh tế thị trường của Mỹ, kết quả là Mỹ càng thi đấu càng có sức mạnh, Liên Xô càng thi đấu càng yếu. Sau khi chiến tranh Lạnh kết thúc, Mỹ đầu tư mạnh vào quân đội, kinh tế tăng trưởng cao, vấn đề then chốt là kết hợp giữa quân và dân cùng nhau thúc đẩy làm cho kinh tế phát triển. Sau hai cuộc chiến tranh thế giới, cứ mười năm Mỹ đẩy mạnh xây dựng công trình quân sự quy mô lớn, lấy quân thúc đẩy dân: mười năm đầu, công trình đầu tiên là “công trình bom nguyên tử”, công trình thứ hai của mười năm tiếp theo là “công trình tàu vũ trụ Apollo lên mặt trăng”, công trình thứ ba là “công trình tàu con thoi”, công trình thứ tư là “công trình chiến tranh giữa các vì sao”, công trình thứ năm vào những năm 90 là “công trình đường cao tốc”, công trình thứ sáu là “công trình hệ thống phòng thủ tên lửa đạn đạo”. “Công trình tàu vũ trụ Apollo lên mặt trăng” của Mỹ đã kéo theo phát triển ngành hàng không vũ trụ, Mỹ đầu tư 24 tỷ USD, giá trị sản lượng đạt 2.000 tỷ USD, hiệu quả kinh tế gấp 100 lần.

Trung Quốc có công trình là “lưỡng đạn nhất tinh” (bom nguyên tử bom khinh khí, và vệ tinh) , “Thần châu-5”, “Thần châu-6”, hai công trình này đã kéo theo sự phát triển ngành khoa học kỹ thuật cao của Trung Quốc. Trung Quốc cũng đầu tư 18 tỷ nhân dân tệ vào công trình tàu vũ trụ có người lái, hiện nay đã tạo ra hiệu ứng phát triển cho ngành này với trị giá hơn 100 tỷ nhân dân tệ. Trung Quốc tham gia cạnh tranh quân sự thế giới, cần phải giải phóng tư tưởng. Trước đây nói cần đại bác hay là cần bơ, đó là “thuyết đối lập đại bác với bơ”, mô hình quốc phòng mới là “thuyết thống nhất đại bác và bơ”. Trước đây nói nước giàu quân mạnh là nói “nước giàu” trước, “quân mạnh” sau, bây giờ phải kiên trì thống nhất “nước giàu” và “quân mạnh”. “Quân mạnh” sẽ tạo hiệu ứng kéo theo nước giàu, cũng có thể thúc đẩy “nước giàu”.

Không được tiến hành “chạy đua vũ trang,” mà cần phải “nhanh chóng tăng cường sức mạnh quân sự”

Hiện tại, toàn thế giới có hơn 40 quốc gia đang tiến hành cải cách về quân sự, hình thành một cuộc cạnh tranh quân sự mới trên vũ đài quốc tế. Chi phí quốc phòng của Mỹ hiện đã lên tới khoảng 700 tỷ USD, chiếm hơn một nửa chi phí quân sự của toàn thế giới. Đối với quân đội mà nói, chỉ có hai thời kỳ: một là “thời kỳ chiến tranh” mịt mù khói súng; hai là “thời kỳ chiến tranh” không nhìn thấy khói súng. Cái gọi là “thời kỳ hòa bình”, nhìn từ góc độ tư duy quân sự, thì đây là thời kỳ chuẩn bị chiến tranh, là thời kỳ cạnh tranh quân sự. Cải cách quân sự thế giới đang xuất hiện xu thế phát triển nhanh chóng, nước Mỹ luôn luôn đi đầu trong cải cách quân sự, cuộc cải cách quân sự của Nga cũng giành được những thành tựu đáng kể, Nga tăng tốc xây dựng quân đội và tiến những bước dài.

Hiện tại, Trung Quốc đang đứng trước cơ hội là “nước giàu” và “quân mạnh”. Có thể nói, đây là cơ hội tốt nhất từ trước tới nay mà quốc phòng và quân đội Trung Quốc có được.

Trung Quốc kể từ sau khi thành lập đến nay, quan hệ giữa

nước giàu và quân mạnh được chia làm ba giai đoạn.

Giai đoạn đầu: hơn 20 năm sau khi Trung Quốc mới thành lập, Trung Quốc đối mặt với thế lực thù địch đe dọa nghiêm trọng quân sự Trung Quốc, để bảo vệ an ninh chủ quyền và độc lập, tuy là cơ sở kinh tế còn yếu kém, Trung Quốc cũng phải đầu tư nhiều vào quân sự, buộc Trung Quốc rơi vào tình cảnh “quân mạnh” trên cơ sở “nước nghèo”.

Giai đoạn hai là: Trung Quốc sau hơn 20 năm tiến hành cải cách mở cửa, vì tập trung vào xây dựng kinh tế, nên quân triệt phương châm quân đội “nhấn nạy”, quốc phòng và quân đội Trung Quốc đã phải “nhấn nạy” trong một thời gian dài cho sự nghiệp xây dựng “nước giàu”, tuy nhiên trong khi tăng cường thực hiện chiến lược “nước giàu” thì “quân mạnh” lại phát triển một cách chậm chạp, rất nhiều năm quân đội Trung Quốc được xây dựng trong điều kiện miễn cưỡng ngừng mà không tiến, trang bị vũ khí thì lạc hậu, so với hiện đại hóa quân đội của các nước lớn trên thế giới còn khoảng cách rất xa.

Giai đoạn ba: sau khi bước vào giai đoạn mới, thế kỷ mới, trong điều kiện cơ sở mấy chục năm kinh tế phát triển nhanh, thực lực kinh tế, quân sự được nâng cao, Trung Quốc kiên trì thống nhất quá trình “nước giàu” và “quân mạnh”.

Có thể nói, từ sau khi Trung Quốc được thành lập, Trung Quốc luôn luôn trong cảnh “quân mạnh” trên nền tảng “nước nghèo”, thế giới phương Tây nói Trung Quốc thất bại buộc bụng để xây dựng quốc phòng, dù không có quần thể mặc cũng vẫn chế tạo bom nguyên tử. Hiện tại Trung Quốc có điều kiện, trên cơ sở nền kinh tế phát triển và duy trì được lâu dài, thì Trung Quốc cần phải xây dựng đồng thời “nước giàu” và “quân mạnh”. Đây là giai đoạn mới cho quốc phòng và quân đội Trung Quốc vận dụng khoa học kỹ thuật để phát triển. Trung Quốc nhất định phải nắm bắt lấy thời kỳ cơ hội chiến lược xây dựng quân đội hùng mạnh để làm nên những kỳ tích.

CHƯƠNG 8

HÔ VANG THUYẾT “TRUNG QUỐC SỤP ĐỔ”

Bài quốc ca của nước Trung Hoa mới ra đời trong lúc dân tộc Trung Hoa đang ở trong giai đoạn khó khăn nhất, trong đó có câu rung động lòng người “Dân tộc Trung Hoa đã đến lúc nguy nan nhất rồi”. Câu nói biểu đạt ý thức lo lắng, “nỗi lo” này là linh hồn của bài quốc ca. Một dân tộc “đang ở lúc nguy nan nhất” tức là đang trong giai đoạn đối mặt với hiểm họa vong quốc diệt chủng, cần phải cứu nguy và mưu sự tồn vong cho dân tộc. Nhưng, một thời khắc nguy nan khác dễ bị coi nhẹ lại chính là lúc cả dân tộc đang giương cao ngọn cờ ca khúc ca khai hoàn. Trung Quốc thế kỷ 21, có tiềm năng “trỗi dậy”, nhưng cũng có khả năng “tụt hậu”, có nguy cơ “sụp đổ”. Tinh thần bài quốc ca nhắc nhở chúng ta một điều, trong cao trào của sự “trỗi dậy” cần hết sức chú ý đến mối nguy của sự “sụp đổ”.

1. Nước lớn trỗi dậy và nước lớn sụp đổ: ranh giới mong manh

Thiên hữu bất trắc phong vân, quốc hữu dân tịch họa phúc (trời có gió mưa bất trắc, nước có họa phúc sớm chiều). Giữa “nước lớn trỗi dậy” và “nước lớn sụp đổ”, không có cái gọi là khó có thể vượt qua. Cổ kim đã có vô số ví dụ sử sách ghi chép lại, gợi mở cho chúng ta nhiều điều sâu sắc.

Vận mệnh nước lớn: Tôn vong chỉ trong một đêm

Ngày 14 tháng 7 năm 1789, người dân Paris tấn công nhà ngục Basti, đại cách mạng Pháp nổ ra. Tối hôm đó, người chuyên quản lý y phục cho quốc vương kể lại tình hình Paris cho vua nghe, Louis 16 kinh ngạc hỏi: “Đây có phải là cuộc phiến loạn không?”, ông ta nói: “Không, thưa bệ hạ, đây là một cuộc cách mạng”. Quốc vương tối đó viết vào nhật ký hai chữ: “Vô sự”. Đây là một ví dụ điển hình về vị quốc vương

đã thiếu đi “nỗi lo”.

Nhà ngoại giao Mỹ George Frost Kennan đưa ra thuyết “kiềm chế” cho thời kỳ chiến tranh Lạnh trong tác phẩm “Căn nguyên hành vi của Liên Xô” nói: “Nếu như sự đoàn kết và hiệu quả của Đảng – một loại công cụ chính trị - bị hủy hoại, thì Liên bang Nga chỉ trong một đêm sẽ từ cường quốc trở thành một nước yếu kém và đáng thương nhất”. Sự sụp đổ của Liên Xô cuối cùng cũng chỉ trong một đêm.

Mao Trạch Đông : 50 năm sau càng nguy hiểm

Ngày 24 tháng 9 năm 1956, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 8 Đảng cộng sản Trung Quốc, Mao Trạch Đông trong cuộc trò chuyện với Đoàn đại biểu Liên minh những người cộng sản Nam Tư, nói: “ Muốn Trung Quốc trở thành một nước giàu mạnh thì phải cần 50-100 năm”, “ Sắp tới Trung Quốc sẽ trở thành một nước như thế nào thì phải xem phát triển ra sao. Trung Quốc cũng có thể phạm sai lầm, cũng có khả năng sa ngã”, “sự sa đọa, chủ nghĩa quan liêu, chủ nghĩa nước lớn, tự cao tự đại, Trung Quốc đều có thể phạm phải”, “hiện tại nhân dân Trung Quốc đang rất khiêm tốn, biết học tập người khác... nhưng chúng ta phải đề phòng tương lai, 10 năm, 20 năm sau đã nguy hiểm rồi, 40 năm, 50 năm sau càng nguy hiểm”. Đây là lời cảnh báo của Chủ tịch Mao Trạch Đông – người sáng lập ra nước Trung Quốc mới— đưa ra vào thời kỳ đầu xây dựng đất nước. Trung Quốc hiện nay không phải đang trong giai đoạn “50 năm sau càng nguy hiểm” hay sao?

Đặng Tiểu Bình : Vấn đề của thời kỳ phát triển không ít hơn vấn đề của thời kỳ kém phát triển

Ngày 16 tháng 9 năm 1993, Đặng Tiểu Bình khi trò chuyện với em trai Đặng Khấn có nói: “1,2 tỷ dân làm thế nào để có cuộc sống sung túc? Sung túc rồi thì thực hiện phân phối thế nào ? Đây đều là những vấn đề lớn. Vấn đề đã đặt ra, giải quyết vấn đề này còn khó hơn giải quyết các vấn đề phát triển.Vấn đề về phân phối đặt ra rất lớn. Chúng ta luôn bàn

tối cần phải tránh phân hóa giàu nghèo, thực tế cho thấy phân hóa hai cực đó vẫn xuất hiện một cách tự nhiên. Chúng ta cần phải dùng mọi cách, mọi phương án để giải quyết vấn đề này. Người Trung Quốc rất tài, nhưng vấn đề thì càng ngày càng nhiều, càng ngày càng phức tạp, lúc nào cũng có thể nảy sinh vấn đề. Một phần lớn tài sản nằm trong tay thiểu số người, trong khi đại bộ phận vẫn khó khăn, nếu cứ phát triển như vậy thì chắc chắn một ngày nào đó sẽ nảy sinh vấn đề. Phân phối không đồng đều sẽ dẫn đến phân hóa hai cực, đến một thời điểm nhất định sẽ nảy sinh vấn đề. Việc này cần phải giải quyết. Trước đây chúng ta hay nói cứ phát triển đi đã. Bây giờ nhìn lại, những vấn đề của giai đoạn sau khi phát triển không ít hơn giai đoạn kém phát triển.

Trung Quốc đang phát triển, các vấn đề của Trung Quốc cũng đang tăng lên. Trung Quốc đang trỗi dậy, các mâu thuẫn của Trung Quốc cũng nổi lên. Trung Quốc 30 năm cải cách mở cửa, xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc, có thành tựu lớn. Nhưng nếu không giải quyết vấn đề phân hóa giàu nghèo, vấn đề hủ bại, thì chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc sẽ diễn biến hòa bình thành chủ nghĩa tư bản đặc sắc Trung Quốc. Mấy năm trở lại đây, ông Ngô Kinh Liên (chuyên gia nghiên cứu của Quốc vụ viện Trung Quốc-ND) đã nhắc đi nhắc lại cần phải chú ý phòng tránh cho Trung Quốc không bước vào con đường kinh tế thị trường quyền quý, tức là chủ nghĩa tư bản quyền quý. Đây là lương tâm chính trị của một học giả kinh tế lo cho dân cho nước.

Chiến thắng suy vong mới có thể thực hiện trỗi dậy

Nhà thơ đời Đường Đỗ Mục trong “A Phòng cung phú” khi tổng kết về những bài học rút ra từ sự diệt vong của sáu nước tiên Tần và sự thất bại của triều đình Tần sau đó, có nói: “Diệt lục quốc giả, lục quốc dã, phi Tần dã. Tộc Tần giả, Tần dã, phi thiên hạ dã” (kẻ diệt sáu nước chính là sáu nước, không phải nước Tần. Kẻ diệt họ Tần, chính là người Tần, không phải dòng họ nào khác trong thiên hạ). Ông chỉ ra căn nguyên của

sự diệt vong của sáu nước và nước Tần đều bắt nguồn từ các nguyên nhân nội tại, chứ không phải do lực lượng bên ngoài.

Hai cường quốc Liên Xô và Mỹ có nửa thế kỷ chiến tranh Lạnh, Liên Xô giải thể, Mỹ không tránh khỏi bị đổ lỗi cho việc này, nhưng căn nguyên của sự thất bại của Liên Xô xuất phát từ nội bộ bên trong.

Một nước có tiên tiến mấy cũng đều là một chính thể mâu thuẫn đối lập thống nhất, tức là đều có yếu tố hưng vượng và yếu tố suy vong. Một nước lớn muốn trỗi dậy thì cần thiết phải chiến thắng sự suy vong của bản thân mình.

Trung Quốc đang trỗi dậy, nhưng Trung Quốc cũng tiềm ẩn nguy cơ suy vong. Tài sản quốc gia không ngừng gia tăng nhanh chóng, đó là cơ sở vật chất của sự trỗi dậy. Nhưng, khoảng cách phân hóa giàu nghèo ngày càng lớn sẽ là nhân tố dẫn đến suy thoái. Đảng cộng sản Trung Quốc bắt nguồn từ việc giải quyết vấn đề phân phối, lấy của người giàu chia cho người nghèo (đả thổ hào, phân điền địa), cuối cùng trở thành Đảng cầm quyền. Thế kỷ 21, Trung Quốc vẫn cần trỗi dậy từ giải quyết vấn đề phân phối, Đảng cộng sản Trung Quốc hoàn toàn có khả năng biến Trung Quốc từ một nước nghèo đói trở thành một nước vừa giàu có, vừa công bằng. Một học giả nói, tỷ lệ tội phạm ở Nhật Bản là thấp nhất trong số các nước phương Tây. Xã hội Nhật Bản thời sau chiến tranh không những không xuất hiện phân hóa giàu nghèo, mà còn dần dần xóa bỏ sự khác biệt giữa thành thị, nông thôn và các khu vực khác. Đại bộ phận dân Nhật cho rằng, Nhật Bản là một xã hội bình đẳng, không giai cấp, Nhật xây dựng một thể chế khá bình đẳng, trong một nhà máy thì thu nhập của giai cấp công nhân và của ban lãnh đạo không có độ chênh lệch lớn, các hộ nông dân, hộ cá thể, các doanh nghiệp tư nhân nhỏ phải chịu tỉ lệ thuế rất thấp, ở Nhật có mười đồng chỉ tiêu ba đồng. Chế độ phân phối tài chính của Nhật Bản sẽ giúp cho Nhật Bản trỗi dậy một cách huy hoàng vào thời điểm thích hợp và nếu có suy thoái thì vẫn ngẩng cao đầu.

Nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh chóng, nhưng cũng làm gia tăng các hiện tượng sa đọa. Sa đọa là nhân tố dẫn đến sự sụp đổ của một quốc gia, không chống lại sự sa đọa, Trung Quốc khó có thể trỗi dậy; nhưng nếu chống không đúng cách, thì sẽ ảnh hưởng đến sự trỗi dậy. Trung Quốc khi xây dựng nền kinh tế trước đây đã từng lâm vào “chủ nghĩa xã hội không tưởng”, “đại nhảy vọt” theo đường vòng; trong công cuộc xây dựng nền chính trị, Trung Quốc cũng không thể xây dựng “chủ nghĩa dân chủ không tưởng”, không thể rơi vào bẫy “đại dân chủ”. Muốn thích ứng tình hình của Trung Quốc, cần phải tuân theo quy luật của Trung Quốc, đi theo con đường xây dựng dân chủ mang đặc sắc Trung Quốc, diệt trừ hiện tượng sa đọa—mối nguy hại ảnh hưởng đến sự trỗi dậy của quốc gia.

Các nhân tố khiến Trung Quốc sụp đổ và những nhân tố để Trung Quốc trỗi dậy luôn phát triển song song. Ví dụ, các vấn đề dân số như chưa đạt đến “thời kỳ vàng” đã già, sớm phải đối mặt vấn đề của xã hội người già; trào lưu xã hội chưa giàu đã xa xỉ; tài nguyên phát triển chưa giàu lên đã cạn kiệt... đều cần được quan tâm sâu sắc. Vận mệnh của Trung Quốc nằm trong tay người dân Trung Quốc. Để thực hiện trỗi dậy, chúng ta không sợ bị Mỹ “Tây hóa”, “phân hóa”, chỉ sợ bản thân chúng ta “tự sa ngã”, “cứng nhắc hoá”... Chỉ có khắc phục được sự suy thoái của chính mình, thì mới thực hiện được sự nghiệp phục hưng vĩ đại.

2. Trung Quốc “vang khúc khải hoàn”, nhưng cũng phải “rung chuông cảnh giác”

Nói đến Trung Quốc, người Trung Quốc phấn khích, người Mỹ cảm kích, còn cả thế giới đều cảm thấy kinh ngạc. Sự phát triển của Trung Quốc đã tạo ra một kỳ tích thế giới, sự trỗi dậy của Trung Quốc cần phải được sử sách ghi chép lại như một truyền kỳ của thời đại mới. Trong thời khắc ngàn cân treo sợi tóc

khải hoàn thực hiện đại nghiệp phục hưng của dân tộc Trung Hoa, khiêm tốn, lý trí và điềm tĩnh là những yếu tố đặc biệt đáng quý trọng. Ý thức về “nỗi lo” của một dân tộc vĩ đại tức là luôn biết tự nhắc nhở bản thân.

Người Mỹ đã tám lần hô vang “thuyết nước Mỹ sụp đổ”

Có chuyên gia đã từng thống kê “thuyết nước Mỹ sụp đổ” đã có từ những năm 50 của thế kỷ 20 và tồn tại cho đến ngày nay, đã 60 năm trôi qua chưa từng bị mai một. Trong đó có 8 lần lên cao trào, đó là : sau chiến tranh Triều Tiên, sau khi vệ tinh nhân tạo của Liên Xô được đưa lên vũ trụ, sau chiến tranh với Việt Nam, sau thời kỳ bão hoà, trì trệ những năm 70, sau sự trỗi dậy của Nhật và sự bành trướng của Liên Xô, sau khi kết thúc chiến tranh Lạnh, sau “sự kiện 11-9”, và sau khủng hoảng tài chính.

Chính bản thân người Mỹ là người thường xuyên đề cập đến “thuyết nước Mỹ sụp đổ”. Ví dụ, vào những năm 60-70 của thế kỷ trước, nước Mỹ chìm đắm trong vũng bùn chiến tranh Việt Nam, “thuyết nước Mỹ sụp đổ” gây chấn động mà nhân vật đại diện là giáo sư Đại học Havard Samuel Huntington và một nhà sử học nổi tiếng của Anh Arnold Toynbee, Huntington, đã đưa ra dự đoán nước Mỹ sẽ đi xuống vào năm 2000. Năm 1987, tác phẩm nổi tiếng “Cường quốc hưng suy” của Paul Kennedy ra đời đã đẩy “thuyết nước Mỹ sụp đổ” lên cao trào. Ở Mỹ, cứ mỗi lần gặp phải nguy cơ có tính giai đoạn về nội chính, cũng như ngoại giao, thì lại nổi lên những cuộc tranh luận về việc nước Mỹ liệu có sụp đổ hay không. Bước vào thế kỷ 21, học giả nổi tiếng của Mỹ Immanuel Wallerstein lại nhắc đến “thuyết nước Mỹ sụp đổ” trong tác phẩm nổi tiếng của ông “Sự suy giảm của quyền lực Mỹ”, trong đó “sự kiện 11-9” được cho là điển hình của sự suy giảm này.

Nước Mỹ đứng ở vị trí bá chủ thế giới đã hơn 60 năm, đã tám lần hô vang bài nước Mỹ sụp đổ, tuy nhiên tác dụng của nó không dừng ở việc thôi thúc nước Mỹ tiến lên, mà đường

như sau mỗi lần “thuyết nước Mỹ sụp đổ” vang lên, đều là một lần nước Mỹ thay đổi, chuyển mình đi lên. “Thuyết nước Mỹ sụp đổ” như một hồi chuông cảnh báo, như một khẩu hiệu xung phong. “Thuyết nước Mỹ sụp đổ” trên thực tế không hề làm sụp đổ nước Mỹ, mà hết lần này đến lần khác đã đem lại cho nước Mỹ động lực, làm rung động người dân Mỹ. Đây chính là ý thức về “nỗi lo” của người dân Mỹ, là nghệ thuật khơi dậy ý thức đó của người Mỹ.

Mục đích của tác phẩm “Nước Nhật chìm đắm” là làm cho nước Nhật không chìm đắm

Những năm 70 của thế kỷ 20, nền kinh tế Nhật đang trong giai đoạn phát triển thăng hoa làm chấn động thế giới, bộ phim “Nước Nhật chìm đắm” làm kinh động cả nước Nhật. Tuy đây chỉ là bộ phim nói về việc khắc phục thảm họa, nhưng mối lo về ngày tận thế của Nhật và sự thỏa mãn về nền thái bình thịnh trị của người Trung Quốc tạo nên hai cực đối lập. Xã hội Trung Quốc ngày nay cần phải luôn sẵn sàng, không phải sẵn sàng cho sự trỗi dậy, mà phải có sự tiên liệu cho sự sụp đổ không lường trước. Sau 20 năm nữa, khả năng sụp đổ của Trung Quốc ngày càng lớn. Không khống chế được quá trình trỗi dậy thì sự sụp đổ càng khó đối phó. Thiếu sự chuẩn bị, chúng ta sẽ trở tay không kịp và lâm vào cuộc khủng hoảng trầm trọng.

Học giả Trung Quốc Tiết Dũng đang sống tại Mỹ nhận xét, Nhật Bản suy thoái nhưng vẫn ngẩng cao đầu là một điều hoàn toàn không dễ dàng. Những năm 70-80 của thế kỷ 20, kinh tế Nhật trỗi dậy và gần vượt cả Mỹ, đó là hiện thực không thể bàn cãi. “Cường quốc hưng suy”, “Nhật Bản số 1”...là những sách bán chạy nhất tại Mỹ lúc bấy giờ. Nhà sử học Paul Kennedy của Đại học Yale đã dự đoán: vấn đề mà nước Mỹ đang đối mặt không phải là có suy thoái hay không, mà là làm thế nào để suy thoái mà vẫn ngẩng cao đầu như nước Anh lúc đó. Những năm 80 của thế kỷ 20, thu nhập bình quân đầu người của Nhật đã vượt Mỹ, với sức mạnh của đồng

Yên, Nhật đã mua tài sản của Mỹ, thế nên các phương tiện thông tin đại chúng mới có phong trào nói “Nhật đã mua Mỹ”. Nhưng đến những năm 90, kinh tế Nhật chứng lại không tăng trưởng, thậm chí tăng trưởng âm, trong chớp mắt mức sống của người dân Nhật đã thụt lùi so với Mỹ. Tuy nhiên, Nhật Bản ứng phó khá tốt với tình hình này. Mặc dù kinh tế thụt lùi, nhưng phúc lợi xã hội và trật tự xã hội vẫn được duy trì và ổn định. Trung Quốc phải đối mặt thách thức thực tế không phải là làm thế nào để trở dậy, mà là liệu có giống được như Nhật Bản, vẫn “ngẩng cao đầu” trong thời kỳ suy thoái. Nhật Bản là nước Châu Á có mức sống của người dân khá đồng đều, mọi người đều có khả năng tham gia vào cuộc cạnh tranh của nền kinh tế, trật tự xã hội trong cuộc cạnh tranh đó không bị phá vỡ, vì vậy Nhật Bản có suy thoái nhưng vẫn ngẩng cao đầu. Nhưng Trung Quốc có khoảng cách giàu nghèo lớn, những người được đào tạo không nhiều, sáng tạo nghèo nàn, trong công cuộc cạnh tranh sắp tới, Trung Quốc ở vị trí bất lợi. Nền kinh tế thiếu sự sáng tạo, thiếu sự đảm bảo này một khi đã suy thoái thì ổn định trật tự xã hội là một thách thức lớn. Tiết Dũng nói, ngay từ bây giờ, Trung Quốc phải tận dụng giờ từng phút để sẵn sàng cho thời kỳ “suy thoái mà vẫn ngẩng cao đầu”.

Những nhà lãnh đạo Trung Quốc đã nhiều lần yêu cầu nhân dân phải nâng cao ý thức biết lo nghĩ của mình. Sống trong thời kỳ hưng thịnh phải suy nghĩ về suy thoái, đó là truyền thống văn hóa của dân tộc Trung Hoa. Quan điểm của Tiết Dũng với truyền thống dân tộc và tư duy phát triển khoa học của những nhà lãnh đạo đất nước đều thống nhất với nhau.

Nhật Bản trong lúc đang được quốc tế đánh giá cao, kinh tế quốc gia đang trở dậy đã hô vang “Nhật Bản chìm đắm”, đó là lời cảnh báo và sự ý thức mạnh mẽ về nguy cơ của cả dân tộc. “Hữu bị vô hại” (có chuẩn bị thì không gặp hại nạn), đó là sự chuẩn bị của Mỹ đối với “suy thoái”, đó là sự chuẩn bị của Nhật đối với “chìm đắm”.

Trung Quốc thiếu “thuyết sụp đổ”

Từ những năm 90 của thế kỷ 20 trở lại đây, luận điệu của phương Tây về Trung Quốc tập trung thể hiện ở bốn thuyết, đó là “Trung Quốc trỗi dậy”, “Trung Quốc sụp đổ”, “Trung Quốc uy hiếp”, “Trung Quốc trách nhiệm”. Trong bốn thuyết này, mọi người thích nghe nhất là thuyết “Trung Quốc trỗi dậy”, không thích nghe nhất là thuyết “Trung Quốc sụp đổ”, cho rằng thuyết đó không chỉ vu cáo Trung Quốc, mà còn nguyên rủa Trung Quốc. Một nước Trung Quốc vĩ đại đang trỗi dậy, làm sao có thể sụp đổ được? Thực ra, trong bốn thuyết này, thuyết “Trung Quốc sụp đổ” là có giá trị hơn cả. Cái gọi là ý thức lo lắng về mối nguy, mối nguy lớn nhất ở đây còn gì khác ngoài sự sụp đổ. Phòng nguy từ lúc chưa xảy ra, tức là phòng trừ nguy cơ sụp đổ. Nếu có được sự chuẩn bị đầy đủ này mới có thể gọi là “hữu bị vô hại”

Tháng 8 năm 2009, tạp chí “Chính sách ngoại giao” của Mỹ đã chọn ra mười nước và khu vực có tầm ảnh hưởng lớn nhất, Mỹ được bình chọn là quốc gia có tầm ảnh hưởng lớn nhất, Trung Quốc xếp thứ hai. Lý do là “các quốc gia càng mạnh thì tầm ảnh hưởng càng lớn”. Nước Mỹ sở dĩ được cho là nước có tầm ảnh hưởng lớn nhất là do trên thế giới này không có nước nào mạnh hơn Mỹ, điều này cũng có nghĩa rằng sai lầm của Mỹ cũng là lớn nhất. Sai lầm của Mỹ đã làm cho cả thế giới lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế. Mọi người không ngừng thắc mắc: “Cuối cùng thì chủ nghĩa khủng bố bạo hành đã gây tổn thất lớn hay khủng hoảng phố Wall gây thiệt hại nặng nề hơn?”. Nước Mỹ liệt Trung Quốc vào hàng có tầm ảnh hưởng thứ hai thế giới, một số chuyên gia không thống nhất quan điểm này. Nhưng người Mỹ đã tự chọn mình là nước có tầm ảnh hưởng lớn nhất thế giới, cho thấy ý thức lo lắng về các mối nguy cơ của Mỹ, đáng để Trung Quốc quan tâm nghiên cứu.

Trung Quốc hiện nay đang trong thời kỳ cơ hội chiến lược, là nước có cơ hội lớn nhất trên thế giới, cũng là nước có rủi

ro lớn nhất thế giới. Quyết định vận mệnh quốc gia đôi khi là một vài, thậm chí là một mắt xích yếu nhất trong vài mắt xích đó. Người Mỹ vẫn thường hô vang tự nhắc mình “nước Mỹ suy thoái” để tránh khỏi sự suy thoái, Trung Quốc trong giai đoạn trỗi dậy, nghe một chút âm thanh về “Trung Quốc sụp đổ” có thể sẽ có ích đối với việc tránh được sụp đổ, hiện thực hóa việc trỗi dậy.

Không có ác mộng, khó có thể có giấc mơ đẹp

“Thời báo hoàn cầu” trang số 5, ra ngày 12 tháng 2 năm 2009 có đăng bài “Không có ác mộng, loài người sẽ không thể sinh tồn”. Bài báo cho rằng, theo tờ “The Sun” của Anh ra ngày mùng 10 tháng 2 năm 2009, một kết quả nghiên cứu đã cho thấy ngày nay con người gặp ác mộng là do ký ức từ thời tổ tiên chúng ta để lại, nó có thể cảnh tỉnh chúng ta tránh phạm phải sai lầm. Nghiên cứu mới nhất của một nhà nghiên cứu Phần Lan cho thấy, 3/4 giấc mơ của con người là ác mộng. Ông cho rằng, những giấc mơ này là những trải nghiệm của tổ tiên chúng ta ngày xưa thông qua gen di truyền chuyển tải tới chúng ta những thông tin qua những giấc mơ, có thể giúp chúng ta ứng phó với mối hiểm họa của môi trường, “tuy mọi người sợ gặp phải ác mộng, nhưng ác mộng giúp chúng ta ứng phó với ngày mai. Vì vậy chúng ta phải cảm ơn những giấc mơ đáng sợ đó. Ác mộng là cái tốt. Không có nó, loài người khó có thể sống đến ngày hôm nay”.

Tác phẩm kinh điển của Trung Quốc “Kinh dịch” viết: “An nhi bất vọng nguy, tồn nhi bất vọng vong, trị nhi bất vọng loạn” (Tạm dịch: Lúc yên ổn đừng quên nguy cơ; khi nước đang còn thì đừng quên có thể mất; lúc thịnh trị thì đừng quên loạn lạc). Đây là văn hóa mưu lược sâu xa của dân tộc chúng ta.

Tư Mã Tương Như nói : “Minh giả viễn kiến vu vị manh, nhi trí giả tị nguy vu vô hình” (Tạm dịch: “người sáng suốt thường hay nghĩ xa trông rộng, nên việc chưa xảy ra đã biết

rồi. Người khôn ngoan thì tuy sự nguy hiểm chưa tới mà đã biết lánh xa từ trước). Đây là tầm nhìn xa của cổ nhân về việc ứng phó với nguy cơ sẽ xảy ra.

Đối với một Trung Quốc đang trong thời kỳ phục hưng vĩ đại hiện nay, trong cơ hội chiến lược trời đây, “hưng nhi bất vọng suy thoái” (hưng thịnh nhưng không quên nguy cơ suy vong) là một vấn đề rất quan trọng. Một dân tộc không có ước mơ thì không có tương lai, nhưng nếu chỉ mơ những giấc mơ đẹp thì khó có thể tỉnh táo. Người Mỹ với câu nói nổi tiếng “Giấc mơ Mỹ”, hầu hết đang gặp ác mộng về “nước Mỹ suy thoái”, nó giúp người Mỹ đứng ở vị trí số một thế giới luôn tỉnh táo. “Giấc mơ Trung Hoa” bao gồm hai bộ phận, có giấc mơ đẹp nhưng cũng có ác mộng. Thường xuyên gặp phải ác mộng về “Trung Quốc sụp đổ” sẽ giúp Trung Quốc tránh khỏi sự thỏa mãn quá mức để thực hiện những giấc mơ đẹp về “Trung Quốc trời đây”.

Trung Quốc hiện nay có bao nhiêu cái “nhất” thế giới

Báo Giải phóng quân số 10 năm 2009 có đăng tải bài viết của Lạc Bằng, nhan đề: Nhìn nhận về “số một thế giới” của chúng ta. Bài viết chỉ ra, Trung Quốc với lịch sử lâu đời có rất nhiều cái “số một thế giới”, Trung Quốc đang trên đà đi lên ngày nay cũng đã tạo ra rất nhiều “số một thế giới”, nhưng Trung Quốc cũng có những cái xấu “số một thế giới”. Ví dụ: Trung Quốc có số tham quan lớn nhất thế giới, tuy không có số liệu thống kê chính xác, nhưng ngấm lại cũng chẳng sai. Số người làm quan ở Trung Quốc là nhiều nhất thế giới. Có hơn 40 triệu viên chức nhà nước, tương đương với dân số của một quốc gia không nhỏ.

Trung Quốc có chi phí hành chính lớn nhất thế giới. Mấy chục năm trở lại đây, doanh thu của ngành tài chính tăng 28 lần, nhưng chi phí hành chính từ mức 5 tỷ đã tăng lên đến gần một nghìn tỉ nhân dân tệ, mức độ tăng đến mấy trăm lần.

Trung Quốc tiêu tốn tiền công vụ cũng lớn nhất thế giới.

Theo số liệu thống kê của Trung tâm thông tin quốc gia, năm 2004, tiền ăn uống tiếp khách chi vào công khoản lên tới 370 tỉ, chi cho xe công lên tới 398,6 tỉ, công tác nước ngoài 240 tỉ. Tổng các khoản này đã vượt ngưỡng nghìn tỉ nhân dân tệ, chiếm 40% doanh thu của ngành tài chính lúc đó.

Trung Quốc cũng có số vụ tai nạn và tử vong nhiều nhất thế giới.

Làm giả làm nhái hàng hoá, chặc chấn Trung Quốc cũng là số một thế giới.

Trung Quốc có nhiều cái tốt nhất thế giới, cần phải duy trì và phát huy, nhưng cũng có nhiều cái xấu nhất thế giới cần phải nhìn nhận và giải quyết. Giải quyết tốt những cái xấu đó, Trung Quốc mới có thể vươn lên số một thế giới theo nghĩa hoàn toàn tích cực.

3. Khủng hoảng nhân tài: Nguy cơ chí mạng nhất

Trong những nguy cơ làm quốc gia suy thoái và sụp đổ, nguy cơ nguy hiểm nhất là “khủng hoảng nhân tài”, đặc biệt là khủng hoảng nhân tài chính trị, đó là cuộc khủng hoảng chí mạng nhất. Có sự trỗi dậy của các nhân tài mới có thể trỗi dậy được. Thiếu đội ngũ nhân tài thì không thể dẫn dắt nước lớn đi lên được. Đây là một bài học về sự hưng thịnh và thất bại của Liên Xô.

Nước lớn trỗi dậy, mấu chốt là sự trỗi dậy của các nhân tài

Đội ngũ nhân tài lực lượng hạt nhân trong công cuộc cạnh tranh của một quốc gia.

Toynbee nói : “Tôi cho rằng, một sự trưởng thành văn minh phải dựa vào một thiểu số những người có năng lực sáng tạo. Đội ngũ nhân tài này không chỉ có khả năng ứng phó tốt với những nguy cơ và thách thức của môi trường họ đang sống,

mà bắt buộc phải có năng lực quy tụ số đông những người không có năng lực sáng tạo lại bên mình”.

Kissinger đã chỉ ra, trong lịch sử phát triển của Mỹ, Tổng thống Wilson đã từng phát huy vai trò đặc thù này, “sự xuất hiện của Wilson đánh dấu bước ngoặt của lịch sử nước Mỹ, đây là một ví dụ về một vị lãnh đạo hiếm thấy đã triệt để thay đổi chiều hướng lịch sử của nước Mỹ”.

Sự hưng suy của nước lớn có mối quan hệ mật thiết với sự hưng suy của đội ngũ nhân tài. Hà Lan thế kỷ 18, các vĩ nhân hầu như không còn. Một thế kỷ sau đó, Hà Lan cũng không thể tìm được một người có năng lực phi phàm nào. Gia tộc Orange sau khi sản sinh ra năm đời tướng quân và những chính trị gia nổi tiếng, đã không để lại hậu duệ trực hệ nào nối tiếp. Biểu tượng và sự tôn sùng của họ bị họ hàng xa đang cầm quyền tại Friesland tiếp tục kế thừa. Nhưng, tài năng của hai thân vương lẽ ra phải tỏa sáng trong thế kỷ 18 này lại quá bình thường. Wilhelm IV và Wilhelm V là những người có tư chất bình thường, tuy họ có tâm nguyện tốt, nhưng lại thiếu sức mạnh, dũng khí và chí tiến thủ. Danh sách một loạt các chính trị gia vĩ đại đột nhiên đứt đoạn, thay vào đó là những chính khách – một số người thông minh nhưng vô liêm sỉ, những người khác thì hoàn toàn vô liêm sỉ, không có một chính khách nào có tầm nhìn vượt ra khỏi thành phố nhỏ bé quê hương của họ.

Năm 1814, một đội quân của Anh khi tấn công vào thủ đô Washington của Mỹ, một tiểu đội khi đi qua mộ của Washington đã bắn 21 tràng pháo theo nghi lễ bày tỏ lòng tôn kính với Washington. Đó là hiệu ứng của nhân tài nước Mỹ.

Nghiên cứu lịch sử trỗi dậy của các cường quốc cho thấy, những chính trị gia trong vai trò lãnh đạo hoặc thống soái là hạt nhân của đội ngũ nhân tài phát huy tác dụng chiến lược đặc biệt đối với sự trỗi dậy của các cường quốc. Một dân tộc không có chính trị gia vĩ đại thì không thể trỗi dậy. Các cường

quốc đã thực hiện trở dậy đều có vai trò của các chính trị gia lớn của dân tộc mình. Họ là những người kiến thiết và xây dựng đất nước, trí tuệ và tài năng, sự phấn đấu và hy sinh, sự phối hợp với quần chúng của họ làm cho họ có thể đứng ở vị trí tiền tuyến của thời đại, của chiến lược, dẫn dắt, thúc đẩy quốc gia và dân tộc họ đi đến cường thịnh. Sự trở dậy của Liên Xô không thể tách rời vai trò của Lênin và Stalin. Sự trở dậy của Trung Quốc có sự liên hệ mật thiết với tên tuổi của những nhà lãnh đạo nổi tiếng như Tôn Trung Sơn, Mao Trạch Đông, Đặng Tiểu Bình, Giang Trạch Dân, ...

Những tinh hoa chính trị trong quan niệm không thể trở thành “tầng lớp khác biệt”

Những tinh hoa chính trị cần phải phòng tránh “mô hình lý tưởng” biến thành “mô hình lợi ích”. Nhóm tinh hoa chính trị của một quốc gia nhất thiết phải có tín ngưỡng, cần phải có một nhân vật mang tính lý tưởng. Họ nhất thiết phải theo đuổi sự sùng bái, cần phải tôn sùng sự vĩ đại, cần phải hướng đến sự vô tư. Đại đa số dân chúng cần phải có sự tín nhiệm cao độ đối với lực lượng tinh hoa này và nhiệt tình theo họ. Hoà hợp niềm tin kiên định vào sự nghiệp vĩ đại của lực lượng tinh hoa với sự tín nhiệm cao độ của dân chúng vào họ, kết hợp tinh thần hiến thân vì sự nghiệp của lực lượng tinh hoa với sự nhiệt tình ủng hộ của nhân dân, dân tộc đó sẽ có thể lập nên một sự nghiệp vĩ đại. Lênin và Stalin của Liên Xô, Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai của Trung Quốc đều là những ví dụ như vậy.

Tháng 6 năm 1991, một nhóm chuyên gia nghiên cứu các vấn đề Liên Xô của Mỹ đã áp dụng các phương pháp để tiến hành điều tra phân tích khuynh hướng hình thái ý thức của khoảng 10 vạn người có tài năng, kết luận cho thấy đại đa số những tài năng của Liên Xô lúc đó đã chuyển sang ủng hộ chủ nghĩa tư bản. “Đội ngũ nhân tài của Bôn-sê-vích thời kỳ đầu là tập hợp của những người cách mạng trung thành”, sau đó nhiều người đã gia nhập Đảng “nhưng không phải vì cống hiến vì một lý tưởng nào đó, mà vì theo đuổi lợi ích cá nhân”.

Tháng 7 năm 1991, một người lâu năm làm việc trong chính phủ khi được hỏi ông ta có phải là Đảng viên Đảng cộng sản hay không, ông ta trả lời : “Tôi đương nhiên là đảng viên Đảng Cộng sản, nhưng tôi không phải là người theo chủ nghĩa cộng sản”. Người Mỹ bình luận về vấn đề này như sau: “Đảng Cộng sản Liên Xô và những thành viên tài năng của họ đang đối mặt với một hiện thực mâu thuẫn. Họ đang là một trong hai siêu cường của thế giới. Tuy nhiên, họ đang bị ràng buộc, bị cấm tích lũy cá nhân, danh tiếng của mình cũng không được đảm bảo truyền lại cho con cháu. Điều này đã hạn chế sự gắn bó mật thiết của họ đối với chế độ”. Như vậy, trong lực lượng tinh nhuệ của Liên Xô đã xuất hiện hiện tượng “tôi là đảng viên Đảng cộng sản, nhưng tôi không phải là người theo chủ nghĩa cộng sản”. Nghĩa là, những cán bộ cấp cao đã mất đi lòng tin vào xã hội chủ nghĩa, nhân dân mất đi sự tin nhiệm của mình vào Đảng Cộng sản. Liên Xô trước khi giải thể đã xuất hiện hiện tượng mất tin nhiệm vào nền chính trị, điều này khiến chúng ta phải suy nghĩ.

Tình hoa chính trị không thể trở thành “tầng lớp bình dân thuần túy với tài năng”

Đối với một nước xã hội chủ nghĩa, tri thức, lý luận tư tưởng, trình độ chính trị, năng lực lãnh đạo Đảng, Nhà nước của các cán bộ cao cấp có ảnh hưởng trực tiếp đến vận mệnh và tiền đồ của Đảng, của quốc gia. Một nguyên nhân quan trọng làm cho Đảng Cộng sản Liên Xô sụp đổ, đó là đội ngũ nhân tài không phát huy vai trò của mình và năng lực của giai cấp lãnh đạo Đảng bị thoái hóa.

Vadim Zagladin từng làm trợ lý cho Gorbachov, trong quyển sách “Bút ký Gorbachov” có viết: “Không ngờ rằng, một Đảng vĩ đại sắp kỷ niệm 100 năm lại vĩnh viễn không còn nữa....Một tháng trước đây không ai có thể ngờ rằng Đảng cộng sản Liên Xô – Đảng lãnh đạo nước Nga 70 năm đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, được mọi người tôn kính, đột nhiên bị diệt vong.”

“Tôi đã phân tích các cơ cấu của Đảng, đặc biệt là hoạt động của cơ cấu lãnh đạo thì càng ngày càng rút ra một kết luận: rất nhiều ung nhọt của Đảng là không thể tránh khỏi. Nguyên nhân của tình trạng này có khá nhiều, nhưng một nguyên nhân quan trọng nhất, đó là sự tu dưỡng văn hóa của giai cấp lãnh đạo càng ngày càng bị thoái hóa”.

“Lênin là một nhà lý luận, nhà chiến lược và chiến thuật có tài năng kiệt xuất, là một nhà hùng biện tích cực và một người có sự tu dưỡng văn hóa cao. Tiếp nối ông – Stalin – là một người không được trác việt và trình độ không uyên thâm bằng, nhưng Stalin cũng có một trình độ lý luận tốt và kiến thức bác học, có khả năng tổ chức tốt. Sau khi Stalin qua đời, Đảng Liên Xô đề bạt Khrushchov, ông ta là một người có khả năng thiên bẩm, nhưng về mặt lý luận, tư tưởng và trình độ tu dưỡng văn hóa thì khá kém”.

“Tôi đã chứng kiến những văn bản viết tay của Stalin cũng như các bài viết, nghị quyết, ông đều chỉnh sửa rất chính xác, có thể thấy ông là một nhà hoạt động chính trị nhạy bén, là một bậc thầy về tu từ và rất tinh thông tiếng Nga. Những chú thích của ông trên hàng trăm cuốn sách chứng tỏ ông đã đọc rất nhiều, ông không những hiểu các tác phẩm nổi tiếng của các học giả chủ nghĩa Mác, mà còn hiểu những tác phẩm của các nhà triết học, nhà kinh tế học và sử học – những người phản đối ông. Tôi cũng đã từng xem những chỉ thị được viết bởi Khrushchov, thật buồn khi nó gây một ấn tượng như được viết bởi một người văn hóa không cao và làm một việc khác chứ không phải một vị lãnh tụ. Tuy nhiên, cũng phải thừa nhận là ngôn ngữ nói của ông khá sinh động, từ ngữ dễ hiểu, nhưng nó không thích hợp với một bài phát biểu. Tôi đã từng sửa bản tốc ký bài phát biểu của ông ta để đăng lên báo, đây quả là một việc vô cùng vất vả và đau đầu”.

Sau khi Brezhnev lên thay, ấn tượng của nhân dân về những vị lãnh đạo Đảng, nhà nước không có trình độ cũng không được cải thiện. Ông ta chưa viết một tác phẩm nào,

chiến hữu của ông ta, đảng viên, và hầu như cả xã hội đều nhận thấy điều này. Tuy nhiên, những năm cuối tại chức, vì có thái độ khoan dung, chân thành hy vọng cho nhân dân đạt được hạnh phúc của xã hội chủ nghĩa, nên nhân dân cũng bỏ qua cho ông ta.”

“Sự thay thế của Andropov đã đem đến ánh hào quang cho một bầu trời đầy u ám. Ông ta có khả năng thiên bẩm, được đào tạo cấp cao và là người rất có tri thức. Tuy nhiên, thời gian đảm nhiệm chức vụ tổng bí thư của ông ta quá ngắn, nên khó có thể bình luận gì thêm. Thay thế ông ta là Chernenko cũng không bộc lộ được ưu điểm của mình, không có cống hiến gì cho hành trang tri thức của Đảng.”

“Cuối cùng là Gorbachov, ông ta là một người có học vấn, ít nhất là có hai bằng đại học. Đương nhiên ông ta có trình độ văn hóa cao hơn Brezhnev và Chernenko, nhưng cũng giống như đại diện của các phần tử trí thức giai đoạn đầu, ở ông thể hiện đầy đủ những ưu khuyết điểm của phong cách nông thôn truyền thống để lại. Thành tựu lớn nhất của ông về lý luận là tác phẩm viết trên danh nghĩa của ông “Cải cách và tư duy mới”, có lẽ còn có các tác phẩm khác, nhưng dù sao theo tôi biết thì ông ta chưa từng viết một thứ gì từ đầu đến cuối.”

“Đương nhiên, mấy đời tổng bí thư có tố chất văn hóa không cao là do mặt bằng văn hóa của những lãnh đạo cao cấp trong Đảng lúc đó cũng không cao, vì vậy chọn ra Gorbachov là hoàn toàn phù hợp với trình độ lãnh đạo lúc đó, tuy còn có rất nhiều người có khả năng thiên bẩm hơn, ít nhất là có nguyên tắc và sức hút hơn và chân thành hơn tổng bí thư mới. Trong những ủy viên chính trị, lãnh đạo của Đảng hiển nhiên có những người hiền tài, nhưng tiếc rằng họ chẳng được nhắc đến...”

Bài học về sự tan rã của Đảng Cộng sản Liên Xô cho thấy rõ, để bảo đảm địa vị cầm quyền của Đảng Cộng sản cần phải có ưu thế chính trị hùng mạnh, và cũng cần phải có ưu thế về

tài năng, nếu không có ưu thế về tài năng thì khó có thể có ưu thế về chính trị.

Tinh hoa chính trị không thể trở thành “tầng lớp đặc quyền về lợi ích”

Đội ngũ lãnh đạo Liên Xô đã xa rời quần chúng một cách nghiêm trọng, trở thành tập đoàn chuyên quyền, chuyên lợi. Những năm 30 của thế kỷ 20, Liên Xô bắt đầu xuất hiện dấu hiệu của sự đặc quyền đặc lợi trong tầng lớp cán bộ. Lúc này nổi lên hiện tượng “phong bao”, tức là những khoản phụ trợ ngoài lương của lãnh đạo, có khi là vài trăm thậm trí vài nghìn rúp, tùy thuộc vào chức vụ, được để trong phong bì kín đáo gửi cho lãnh đạo.

Năm 1935, nhận lời mời thăm Moscow của Maxim Gorky, Romain Rolland - nhà văn tiến bộ của Pháp đã bày tỏ sự lo lắng của mình: Giai cấp lãnh đạo Liên Xô đang sống một cuộc sống đặc quyền đặc lợi, dù cho là Gorky “đồ ăn chuẩn bị quá nhiều và lãng phí bằng của mấy gia đình, vô hình chung đang sống cuộc sống địa chủ phong kiến, như vậy cũng không thấy thỏa mãn gì”.

Năm 1976, nhân kỷ niệm sinh nhật lần thứ 70 của Brezhnev, việc tặng quà lên đến cao trào, lãnh đạo nước Cộng hòa Azerbaijan đã đúc một pho tượng bán thân bằng vàng tặng cho Brezhnev. Sự sa đọa của Gorbachov còn hơn người tiền nhiệm, ông ta đã xây dựng cho mình biệt thự Foros (nằm ở bờ phía Nam bán đảo Krym), tiêu tốn 850 triệu rúp, tính theo giá năm 1986 tương đương với 1 tỷ 105 triệu USD. Biệt thự của Brezhnev đã rất hào hoa, nhưng so với của Gorbachov thì không là gì.

Khi Liên Xô đang trong thời kỳ chính biến, có một học giả đã tiến hành một cuộc điều tra xã hội với nội dung “Đảng cộng sản Xô Viết là đại diện của ai”, kết quả là: cho rằng Đảng là đại diện của nhân dân lao động chiếm 7%, đại biểu của tầng lớp công nhân chiếm 4%, đại biểu cho toàn thể đảng

viên chiếm 11%, đại biểu cho giới cán bộ, quan chức nhà nước quan liêu chiếm 85%. Một chính đảng mà xa rời quần chúng nghiêm trọng như vậy, trong những thời khắc quyết định sẽ bị quần chúng bỏ rơi là tất yếu.

Khi Đảng Cộng sản Trung Quốc lên nắm quyền đã kiên quyết đường lối không xa rời quần chúng. Những năm 50 của thế kỷ 20, Lưu Thiệu Kỳ đã chỉ ra bài học qua sự kiện Balan và Hungary, ông nói, các nước Đông Âu gặp phải một vấn đề nghiêm trọng đó là xa rời công nông dân, người dân lao động, “nếu chúng ta không chú ý”, nước ta và Đảng ta cũng sẽ xuất hiện một tầng lớp quý tộc mới, cần phải “ngăn chặn sự sản sinh của tầng lớp quý tộc mới này”. Ông cho rằng, đây là bài toán khó nhất của Đảng. Mao Trạch Đông cũng đồng ý với quan điểm này: “Nếu như chúng ta không xử lý tốt, không gian khổ phấn đấu như các đồng chí vẫn thường nói thì chúng ta sẽ bị khai trừ”.

Làm “nhà cải cách” còn khó hơn “nhà cách mạng”

Các tinh hoa chính trị cần phải thực hiện chuyển từ “nhà cách mạng” sang “nhà cải cách”. Trong các chính trị gia lập quốc, có hai kiểu quan trọng nhất: một là chính trị gia theo mô hình cách mạng, hai là nhà cải cách theo mô hình cải cách. Gọi là chính trị gia về cơ bản là chỉ hai trường phái này. Huntington nói: “Nhà cách mạng không ngừng gom nhặt sự phân tán, nhưng nhà cải cách lại xóa bỏ sự phân tán đó. Nhà cách mạng luôn đi theo đường lối chính trị cứng nhắc, còn nhà cải cách thì đề cao sự linh hoạt và khả năng thích ứng; nhà cách mạng phân biệt rõ các thế lực xã hội còn nhà cải cách thì học cách làm thế nào để điều khiển họ. Vì vậy, nhà cải cách có nhiều thủ thuật chính trị hơn nhà cách mạng.

Thực ra, một điểm khác biệt quan trọng của nhà cải cách và nhà cách mạng là, nhà cách mạng là động lực của cách mạng, không phải là đối tượng của cách mạng; nhà cải cách vừa là động lực, vừa là đối tượng của cải cách. Bởi vì cải cách

là giải quyết vấn đề nội bộ bên trong, giải quyết vấn đề của chính mình, là thay đổi quyền và lợi ích của cá nhân, hạn chế hiện tượng đặc quyền đặc lợi.

Nhà cải cách xã hội chủ nghĩa cần phải có sự kiểm nghiệm của nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. “Thị trường” đôi khi còn gian khó hơn chiến trường. Trong thời kỳ chiến tranh, trên chiến trường, có bao nhiêu vị tướng, thủ lĩnh đã không ngại hy sinh thân mình, xung phong lâm trận. Nhưng hôm nay, chế độ công bố tài sản của các quan chức khó mà thực hiện, theo điều tra 97% số các quan chức không muốn công khai tài sản cá nhân, có ông quan cấp tỉnh đã phản đối nói “tại sao không công khai tài sản của cả thiên hạ chứ?”. Kể từ tháng 11 năm 1987, chính phủ bắt đầu bàn về thúc đẩy làm theo luật pháp khai báo tài sản cá nhân, đến nay đã 20 năm trôi qua, nhưng vấn đề công khai tài sản của giới quan chức vẫn chỉ trong giai đoạn thí điểm. Thực hiện khai báo tài sản cá nhân là biện pháp hiệu quả và ít tổn kém nhất để chống sự hủ bại tham nhũng, được gọi là “phương án mặt trời”. Từ tổng thống Mỹ Bush, Obama đến tổng thống, thủ tướng Nga đều phải khai báo công khai tài sản. Việc khai báo công khai tài sản cá nhân này Trung Quốc sớm muộn gì cũng phải thực hiện. Bởi vì đó là yêu cầu của một đảng cộng sản tiên tiến, là trào lưu của thế giới.

4. Ba sáng tạo mới: Bảo đảm Trung Quốc yên ổn lâu dài

Ba mâu thuẫn lớn có khả năng làm cho Trung Quốc “trỗi nhưng không dậy”

- *Mâu thuẫn giữa con người với tự nhiên.* Người phương Tây nói, nguồn tài nguyên của Trung Quốc bao gồm năng lượng, đất đai, rừng, nước, dầu khí đã bị tiêu thụ gần cạn kiệt, một nửa diện tích rừng già bị hủy hoại, là nước có độ che phủ rừng bình quân thấp nhất thế giới; ngày càng phụ thuộc vào nguồn tài nguyên và nguyên liệu của thế giới, là nước mua

viên chiếm 11%, đại biểu cho giới cán bộ, quan chức nhà nước quan liêu chiếm 85%. Một chính đảng mà xa rời quần chúng nghiêm trọng như vậy, trong những thời khắc quyết định sẽ bị quần chúng bỏ rơi là tất yếu.

Khi Đảng Cộng sản Trung Quốc lên nắm quyền đã kiên quyết đường lối không xa rời quần chúng. Những năm 50 của thế kỷ 20, Lưu Thiệu Kỳ đã chỉ ra bài học qua sự kiện Balan và Hungary, ông nói, các nước Đông Âu gặp phải một vấn đề nghiêm trọng đó là xa rời công nông dân, người dân lao động, “nếu chúng ta không chú ý”, nước ta và Đảng ta cũng sẽ xuất hiện một tầng lớp quý tộc mới, cần phải “ngăn chặn sự sản sinh của tầng lớp quý tộc mới này”. Ông cho rằng, đây là bài toán khó nhất của Đảng. Mao Trạch Đông cũng đồng ý với quan điểm này: “Nếu như chúng ta không xử lý tốt, không gian khổ phấn đấu như các đồng chí vẫn thường nói thì chúng ta sẽ bị khai trừ”.

Làm “nhà cải cách” còn khó hơn “nhà cách mạng”

Các tinh hoa chính trị cần phải thực hiện chuyển từ “nhà cách mạng” sang “nhà cải cách”. Trong các chính trị gia lập quốc, có hai kiểu quan trọng nhất: một là chính trị gia theo mô hình cách mạng, hai là nhà cải cách theo mô hình cải cách. Gọi là chính trị gia về cơ bản là chỉ hai trường phái này. Huntington nói: “Nhà cách mạng không ngừng gom nhặt sự phân tán, nhưng nhà cải cách lại xóa bỏ sự phân tán đó. Nhà cách mạng luôn đi theo đường lối chính trị cứng nhắc, còn nhà cải cách thì đề cao sự linh hoạt và khả năng thích ứng; nhà cách mạng phân biệt rõ các thế lực xã hội còn nhà cải cách thì học cách làm thế nào để điều khiển họ. Vì vậy, nhà cải cách có nhiều thủ thuật chính trị hơn nhà cách mạng.

Thực ra, một điểm khác biệt quan trọng của nhà cải cách và nhà cách mạng là, nhà cách mạng là động lực của cách mạng, không phải là đối tượng của cách mạng; nhà cải cách vừa là động lực, vừa là đối tượng của cải cách. Bởi vì cải cách

sắt, đồng, dầu thô lớn nhất thế giới. Nếu mức độ tiêu thụ của Trung Quốc vào năm 2031 đạt bằng Mỹ, số lượng xe hơi và nhà cửa bình quân đầu người tăng lên, sau khi đã khai thác cạn kiệt tài nguyên của mình sẽ khai thác cạn kiệt tài nguyên thế giới và tạo ra hiểm họa môi trường toàn cầu. Điều này nghe mặc dù đã quen tai, nhưng hoàn toàn có thật.

- **Mâu thuẫn giữa con người với con người.** Do có sự phân hóa lớn về lợi ích và tình hình tham ô, hủ bại ngày càng gia tăng, trước mắt Trung Quốc gặp phải hai điều cấp bách: kể từ khi lập nước đến nay đây là thời kỳ mà quan hệ chính trị giữa Đảng và nhân dân, quan hệ chính trị giữa chính phủ và công dân mang tính cấp bách nhất. Đây cũng là thời kỳ mà các sự kiện mang tính tập thể diễn ra ngày càng nhiều.

- **Mâu thuẫn giữa Trung Quốc với thế giới.** “Thuyết mối đe dọa Trung Quốc”, “thuyết cân bằng Trung Quốc”, “thuyết ổn định Trung Quốc” được bàn tán xôn xao. Sự trỗi dậy của Trung Quốc là một hiện tượng mới của thế giới, đối với người Trung Quốc cũng là một vấn đề mới. Đối mặt với vấn đề mới - Trung Quốc trỗi dậy - chỉ có sáng tạo và đổi mới mới có thể ứng phó hiệu quả. Sáng tạo và đổi mới không chỉ đối với khoa học kỹ thuật, mà quan trọng hơn cả là đổi mới sáng tạo về chính trị.

Để đối phó những mâu thuẫn nêu trên thì cần phải có sự sáng tạo và đổi mới. Ba đổi mới sáng tạo lớn của Trung Quốc đồng thời cũng là ba kỳ tích của sự sáng tạo.

Sáng tạo kỳ tích “dân chủ kiểu Trung Quốc” tốt hơn “dân chủ kiểu Mỹ”

Cho đến nay Mỹ không thừa nhận hai điểm ở Trung Quốc: một là không thừa nhận địa vị kinh tế thị trường của Trung Quốc, hai là không thừa nhận Trung Quốc là quốc gia dân chủ.

Trung Quốc cần xây dựng một “nước dân chủ mang đặc sắc Trung Quốc”, một “xã hội mang đặc sắc Trung Quốc”, cần lập nên kỳ tích xây dựng dân chủ kiểu Trung Quốc tốt

hơn dân chủ kiểu Mỹ, đây là yêu cầu chiến lược của việc tăng cường sức mạnh sáng tạo và năng lực quy tụ trong nước, cũng như yêu cầu chiến lược của việc tăng cường năng lực cạnh tranh xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta cần phải bài trừ sự mê muội vào nền dân chủ kiểu Mỹ. Các nền dân chủ trên thế giới có rất nhiều kiểu. Dân chủ kiểu Mỹ không phải là hình thức dân chủ cao nhất và duy nhất. Dân chủ kiểu Mỹ không phải là quy phạm và tiêu chuẩn của nền dân chủ thế giới, càng không phải là quan tòa hay trọng tài của nền dân chủ thế giới, nền dân chủ kiểu Mỹ không có quyền phán xét gì đối với nền dân chủ thế giới. Dân chủ kiểu Mỹ không ngăn chặn được sự tham lam trên phố Wall, không ngăn chặn được tai tiếng trên thế giới về sự bá quyền, dã man và không ngăn chặn được sự suy thoái. Nhưng, nền dân chủ kiểu Trung Quốc đã đảm bảo cho Trung Quốc phát triển nhanh chóng và trỗi dậy trong vòng 30 năm. Đương nhiên, nền dân chủ kiểu Trung Quốc cũng cần cải cách, đổi mới và hoàn thiện.

Một số chuyên gia phương Tây cũng nhận thấy, “không thể dùng tư duy phương Tây truyền thống để nhận thức nền dân chủ và chính trị Trung Quốc. Thể chế chính trị Trung Quốc trong tương lai rất có thể sẽ giống như sự pha trộn giữa truyền thống văn hóa (đặc biệt là tư tưởng Nho gia), chủ nghĩa cộng sản và văn hóa phương Tây”. Họ cho rằng, thể chế chính trị đặc sắc Trung Quốc trong tương lai là sự kế thừa của truyền thống tốt đẹp (truyền thống Nho gia, truyền thống cách mạng, truyền thống cải cách mở cửa), là tấm gương cho các thể chế chính trị trên thế giới, là tập hợp của sáng tạo thế kỷ 21. Mô hình chính trị của Mỹ chỉ như một trong những “quyển sách tham khảo” trong quá trình cách tân sáng tạo trong thể chế chính trị của Trung Quốc. Ông Helmut Schmidt Thủ tướng Đức trước đây từng nói: “Phương Tây có không ít người cho rằng Trung Quốc cần phải đi con đường dân chủ Tây phương, tôi cho rằng, văn hóa Trung Quốc có đặc thù riêng, không thể

dùng thước đo phương Tây để đo lường Trung Quốc được. Văn hóa châu Âu là một cái cây, văn hóa Trung Quốc là một cái cây khác. Phương Tây luôn nhìn nhận sai lầm về Trung Quốc. Sự phát triển của nền dân chủ Trung Quốc nhất thiết phải đi con đường riêng của mình. Người phương Tây không nên đánh giá mình quá cao.”

John Naisbitt – người Mỹ, trong cuốn “Xu thế Trung Quốc” có nói: “Đối với một chính đảng và chính phủ đang lãnh đạo 1,3 tỷ dân thoát khỏi nghèo đói đi lên, được nhân dân bảo vệ và có đường lối phát triển rõ ràng, các nước phương Tây không có tư cách chỉ bảo họ phải làm thế này thế kia. Phương Tây đã thảo luận nhiều về nghệ thuật nắm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc, nhưng bản thân những chiến tích về mặt chính trị đã cho thấy tất cả”. Naisbitt cho rằng, Trung Quốc đang xây dựng mô hình dân chủ phù hợp với lịch sử và tư duy Trung Quốc, có thể gọi là “dân chủ theo chiều dọc”, ưu điểm của nền dân chủ này là ở chỗ nó làm cho các chính trị gia không bị bó buộc bởi tư duy tuyến chọn, nhằm định chế ra một quy hoạch chiến lược lâu dài. Dân chủ theo chiều dọc của Trung Quốc còn có một đặc điểm lớn nhất là sự kết hợp giữa “từ trên mà xuống” và “từ dưới mà lên”. Trong môi trường dân chủ này, sự vận hành của bộ máy chính trị không phụ thuộc vào kết quả tranh luận của các chính đảng hay chính khách đối lập, mà do tầng lớp lãnh đạo thông qua thu thập những ý kiến, yêu cầu của các cấp dưới trình lên định chế ra một cương lĩnh chính thể, đồng thời quần chúng nhân dân có thể tham chính, nghị chính nhằm đạt đến sự thống nhất về ý kiến từ dưới lên trên và từ trên xuống dưới. Nếu Trung Quốc thiết lập một “hệ dân chủ theo chiều ngang” như các nước phương Tây, phí sức vào tranh luận bàn cãi, sau cùng để ra vô số phương án về vấn đề Trung Quốc, dẫn đến xã hội hỗn loạn, ảnh hưởng đến sự ổn định và hài hòa. Người Trung Quốc hiểu rõ không có ai có thể thay thế Đảng Cộng sản Trung Quốc, ngược lại Đảng cũng không thể thách thức sự nhẫn nại của nhân dân. Nền dân chủ phương Tây không phải do một thế hệ

làm nên, mà phải trải qua mấy trăm năm phát triển mới dần dần trưởng thành.

Người phương Tây mong Trung Quốc dùng những biện pháp nhảy vọt để thực hiện đại dân chủ, nhưng điều đó cũng sẽ hủy hoại Trung Quốc một cách nhanh và ít tốn kém nhất. Cải cách thể chế chính trị Trung Quốc cần phải có sự thống nhất hữu cơ giữa sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân làm chủ, quản lý đất nước bằng pháp luật. Khi Trung Quốc tạo nên kỳ tích “dân chủ kiểu Trung Quốc” còn tốt hơn “dân chủ kiểu Mỹ” thì sự kiểm chế về chính trị của Mỹ đối với Trung Quốc hết mất tác dụng.

Sáng tạo kỳ tích “phân phối của cải” công bằng hơn cả “quốc gia phúc lợi”

Phương Tây sáng lập ra quốc gia phúc lợi đã giải quyết tốt vấn đề mâu thuẫn giai cấp trong xã hội. Có một học giả phương Tây đã lấy vấn đề khoảng cách lớn của sự mất cân bằng trong phân phối để nói rằng, Trung Quốc còn tư bản chủ nghĩa hơn cả Mỹ. Trung Quốc cần xây dựng một xã hội hài hòa, cần phải kiến tạo một nền sản xuất giàu có, tăng trưởng nhanh, sau đó mới tiến tới kiến tạo nên kỳ tích “phân phối của cải”.

Một số chuyên gia đã dự báo: mô hình tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc trước mắt không thể tiếp tục trong trung và dài hạn. Cần phải chuyển đổi từ mô hình chủ nghĩa tự do quá nóng sang hài hòa, truyền thống, cân bằng và coi trọng sự đảm bảo xã hội. Trung Quốc từ một nước bình quân cao độ biến thành một trong những nước mất cân bằng nhất thế giới, đây là một vấn đề nghiêm trọng và cần được ưu tiên giải quyết. Sự khác biệt giữa lục địa và miền duyên hải, giữa nông thôn và thành thị, giữa chính thức và phi chính thức, đã trở thành một vấn đề xã hội cấp bách, mâu thuẫn và xung đột xã hội, là nhân tố ảnh hưởng đến sự ổn định xã hội và phủ định cải cách mở cửa. Những biện pháp áp dụng trước mắt còn quá

ít hiệu lực. Chính phủ quá chú trọng đầu tư xây dựng, ngân sách cho bảo hiểm xã hội khó được đảm bảo. Giáo dục phổ thông và bảo hiểm y tế cho nhân dân thiếu trầm trọng. Chính phủ chỉ chi 16% bảo hiểm y tế, nhưng tại Mỹ là 44%, châu Âu là 70%. Tuyệt đại bộ phận nhân dân không có bảo hiểm y tế, tâm lý bất an ngày càng gia tăng.

Trung Quốc thực hiện trỗi dậy và phục hưng cần có một công trình xác lập nền móng quan trọng, đó là “công trình dân sinh”. Đây là công trình sinh mệnh, sinh tồn và sinh hoạt cơ bản của người dân. Trung Quốc đang trên đà phát triển nhanh chóng nhất quyết phải nhanh chóng sửa chữa khiếm khuyết này, cần phải đặt nền tảng cho sự ổn định xã hội này. Tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc đứng ở vị trí hàng đầu của thế giới, nhưng Trung Quốc cũng có rất nhiều chỉ số dân sinh lạc hậu so với bình quân chung của thế giới. Theo đánh giá của một số tổ chức, chỉ số phát triển con người của Trung Quốc hiện đứng thứ 81 thế giới, nằm trong giai đoạn phát triển của xã hội bậc trung; môi trường Trung Quốc đứng thứ 129 thế giới; trình độ y học đứng thứ 144, sự công bằng trong dịch vụ y tế đứng thứ 4 từ dưới lên; chỉ tiêu an toàn sản xuất công nghiệp kém các nước phát triển mấy lần đến mấy chục lần. Trình độ dân sinh lạc hậu làm cho một bộ phận người dân luôn có cảm giác lo lắng không xác định trước cuộc sống, đặc biệt là những người phải đối mặt với những nguy cơ sinh tồn cơ bản trong cuộc sống..., giải quyết hiệu quả vấn đề này, Trung Quốc sẽ đặt nền móng chắc chắn cho sự trỗi dậy.

Tại Đại hội lần thứ 17 năm 2007, Hồ Cẩm Đào đã chỉ ra: “Cải cách sâu rộng vấn đề phân phối thu nhập, nâng cao thu nhập cho cư dân thành thị và nông thôn.....nỗ lực giải quyết vấn đề giáo dục văn hóa cho toàn thể nhân dân, lao động được hưởng thành quả, có bệnh được chữa trị, người già được chăm sóc, thúc đẩy xây dựng một xã hội hài hòa”. Chính phủ Trung Quốc chỉ rõ, đến năm 2020 cơ bản xóa nghèo, cơ bản hoàn thành chế độ bảo hiểm cho toàn bộ người dân. Với số

dân chiếm 1/5 dân số thế giới, có thể nói hệ thống chế độ bảo hiểm xã hội cho toàn bộ nhân dân là một hệ thống to lớn nhất thế giới. Trung Quốc sẽ trở thành nước có phúc lợi xã hội lớn nhất. Những cải cách trong chính sách y tế sẽ giúp 90% số dân có được bảo hiểm y tế, đến năm 2011 hầu hết phí tổn y tế của nhân dân sẽ do chính phủ chi trả.

Sáng tạo kỳ tích “liêm khiết nắm quyền lâu dài” hiệu quả hơn “cạnh tranh đa đảng”

Cán bộ lãnh đạo các cấp của đảng cầm quyền có hai cánh tay: một “cánh tay phục vụ”, dùng để phục vụ nhân dân; một cánh tay là “cánh tay ăn cướp” tham ô hủ bại, tư lợi cá nhân. Liêm chính là một vấn đề khó mang tính quốc tế.

Sau khi cải cách mở cửa, công cuộc chống hiện tượng hủ bại tham nhũng đã đạt được nhiều thành tựu, song đây là một công việc vô cùng khó khăn. Trong bài báo năm 2009 “Thế giới trong suốt”, bảng xếp hạng chỉ số thanh liêm toàn cầu, New Zealand, Đan Mạch, Thụy Điển, Singapore là những nước đứng đầu danh sách, Trung Quốc được 3,6 điểm, thấp hơn số điểm tiêu chuẩn là 5.

Các nước phương Tây có một quan niệm phổ biến rằng, chỉ có nhiều đảng thay phiên nhau cầm quyền thì mới có thể chế ngự được hiện tượng tham ô, hủ bại, còn một đảng là nguyên nhân của sự hủ bại tham nhũng.

Một Đảng nắm quyền liệu có xuất hiện giai cấp đặc quyền không? Một Đảng nắm quyền liệu có khó ngăn chặn được sự hủ bại của chính mình không? Hồ An Cương đã làm một thống kê, từ năm 1950 – 1976 sau cải cách ruộng đất đến khi Mao Trạch Đông mất, Trung Quốc đã có hơn 60 lần tiến hành vận động chính trị. Mao Trạch Đông không ngừng định kỳ thanh lọc bộ máy chính trị, loại bỏ những “cánh tay quan liêu”, nhưng kiểu “vận động chống hiện tượng hủ bại” này không giải quyết được tận gốc vấn đề “trong sạch, nắm quyền lâu dài” của đảng cầm quyền, ngày nay “cánh tay quan liêu”

trong cơ cấu của Đảng và nhà nước đã nhiều hơn thời của Mao Trạch Đông rất nhiều lần. Trung Quốc phải đi con đường liêm chính đặc sắc Trung Quốc, xây dựng một Trung Quốc là một “quốc gia liêm khiết”, “xã hội liêm khiết đặc sắc Trung Quốc”. Muốn giàu mạnh, Trung Quốc bắt buộc phải thực hiện liêm khiết.

Con đường liêm khiết mang đặc sắc Trung Quốc cần phải là thể chế do một Đảng chấp chính, đa đảng tham chính, cần phải loại bỏ hữu hiệu hiện tượng tham ô hủ bại. Con đường này cần phải được xây dựng.

Làm thế nào để xây dựng hệ thống nhà nước liêm chính mang đặc sắc Trung Quốc? Đây là một vấn đề đòi hỏi sự sáng tạo. Nếu Đảng cộng sản Trung Quốc không giải quyết vấn đề phòng chống hủ bại thì vị trí cầm quyền của Đảng sẽ gặp phải thách thức, chế độ đa đảng sẽ trở thành đối tượng lựa chọn của nhân dân. Phòng chống hủ bại phải trở thành mục tiêu quan trọng nhất trong những mục tiêu quan trọng của Đảng, liêm chính phải trở thành mục tiêu quan trọng nhất trong những mục tiêu quan trọng của việc quản lý đất nước bằng luật pháp.

Nước Mỹ không nên có ảo tưởng đối với Trung Quốc

Cuộc đối đầu thế kỷ giữa Trung Quốc và Mỹ, hai bên không nên ảo tưởng, không thể có sự nhận thức chính trị non nớt.

Học giả người Anh Martin Jacques chỉ ra: phương Tây đừng mong Trung Quốc trở thành Liên Xô - Đông Âu chính biến lần hai.

Phương Tây luôn mong Trung Quốc nổ ra chính biến như Liên Xô và Đông Âu trước đây, đó là ảo tưởng chiến lược mà phương Tây không dễ bỏ qua. Thực ra ảo tưởng chiến lược của các nước phương Tây đối với Trung Quốc không chỉ duy nhất có điều này. Trung Quốc trở dậy hòa bình cần phải thông báo cho Mỹ những thông tin chiến lược công khai rằng có mấy ảo tưởng Mỹ nhất định không thể có, đó là:

- Mỹ không thể cải tạo Trung Quốc, Mỹ không nên có ảo tưởng tiến hành “diễn biến chính trị” đối với Trung Quốc. Trung Quốc không can thiệp vào hệ thống chính trị của Mỹ, mà chính trị đó cũng không thể xuất khẩu sang Trung Quốc, về vấn đề này tuyệt đối không nên ảo tưởng.

- Đừng ảo tưởng rằng xung đột ở Eo biển Đài Loan, vì sự can dự quân sự của Mỹ, Trung Quốc có thể sẽ lùi bước, nhưng Trung Quốc tin rằng Mỹ sẽ không đem vận mệnh quốc gia mình ném vào canh bạc Đài Loan.

- “Không nên ảo tưởng Trung Quốc trở thành Liên Xô – Đông Âu chính biến lần hai”. Đảng cộng sản Trung Quốc là một Đảng chính trị trường thọ, chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc là chủ nghĩa mang đầy sức sống, sức cạnh tranh, vươn lên.

Ba “định luật chính trị kiểu Mỹ” sẽ lâm vào tình trạng phá sản ở Trung Quốc

Đã từ lâu giới chính trị Mỹ luôn ngăn chặn Trung Quốc, có ba định luật chính trị kiểu Mỹ khá phổ biến, đây là ba định luật do con người tạo ra nhằm lật đổ sự nắm quyền của chủ nghĩa cộng sản :

Định luật thứ nhất, chế độ một đảng là căn nguyên của hủ bại tham nhũng, chỉ có cạnh tranh đa đảng mới là liều thuốc hữu hiệu triệt bỏ sự hủ bại tham nhũng này. Định luật này làm cho mọi người tin rằng tuyển chọn bằng cách cạnh tranh có thể loại bỏ hiện tượng hủ bại tham nhũng.

Định luật thứ hai, căn nguyên của sự sụp đổ của Liên Xô là do một đảng cầm quyền, Trung Quốc nếu vẫn kiên trì một đảng cầm quyền thì sẽ sụp đổ như Liên Xô

Định luật thứ ba, chỉ có loại trừ một đảng cầm quyền, thực hiện cạnh tranh đa đảng mới là “quốc gia dân chủ”, Trung Quốc nếu muốn gia nhập vào hàng ngũ quốc gia dân chủ thì

phải tuân theo yêu cầu của Mỹ, thực hiện đại dân chủ bằng những bước tiến theo cách của Trung Quốc. Nếu không, Trung Quốc sẽ bị chụp mũ là quốc gia phi dân chủ, quốc gia tập quyền, chuyên chế.

Hiện thực và những thành công của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã xóa bỏ “định luật chính trị kiểu Mỹ” mà Mỹ đã áp đặt cho Trung Quốc. Học giả Anh Y. Madding có nói: “Trung Quốc thực hiện thành công phát triển kinh tế nhanh chóng, thể chế chính trị trong 20 năm tới vẫn coi sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là hạt nhân, nhưng Đảng Cộng sản Trung Quốc lúc này không hoàn toàn là Đảng Cộng sản Trung Quốc trước kia, những chính sách mà Đảng thi hành không còn hoàn toàn giống với các thuyết kinh điển Mác-Lênin” “Trung Quốc là một quốc gia lớn, nếu nói về dân số và diện tích, Trung Quốc còn có ưu thế hơn Mỹ và Ấn Độ. Phương Tây cổ vũ chế độ dân chủ, nhưng từ trước đến nay chưa bao giờ xem xét sự sản sinh và vận hành hữu hiệu của nền dân chủ ở một nước có quy mô dân số và diện tích lớn như vậy. Trung Quốc sẽ thực hiện dân chủ bằng cách thức riêng của mình”. “Chính thể Trung Quốc vô cùng độc đáo, chính phủ rất ít khi chia sẻ quyền lực hay kinh nghiệm của mình, quyền lực nhất nhất tập trung, các chính sách ít có tính liên tục, khi gặp phải nguy cơ và diễn biến bất ổn thì chính sách cũng nhanh chóng được điều chỉnh để phù hợp với xu thế phát triển”. “Chính thể của Trung Quốc không những có lịch sử tiếp nối phi phạm mà còn có khả năng sáng tạo trác việt. Kể từ năm 1949 đến nay, Trung Quốc đã duy trì lịch sử truyền thống chính trị liên tục, tổng cộng đã trải qua hai lần tự cải tổ lớn: Đầu tiên là Mao Trạch Đông lãnh đạo Đảng cộng sản sáng lập ra quốc gia mới; sau đó là thời kỳ cải cách, đất nước trải qua thời kỳ phục hưng. Kể từ đó đến nay, nhiệm vụ cải cách quan trọng này đều do Đảng Cộng sản gánh vác”. “Trong khoảng thời gian dài sau này, Trung Quốc vẫn là quốc gia do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Đảng Cộng sản Trung Quốc và Liên Xô không giống nhau, Đảng Cộng sản Trung Quốc trên cơ sở văn hóa truyền thống không ngừng

sáng tạo đổi mới, không nên hy vọng Trung Quốc sẽ nổ ra
chính biến giống Liên Xô và Đông Âu.

Ở phương Tây vẫn có người sáng suốt khi nhìn nhận về
Trung Quốc.

HẾT

